

2004 Man Booker prize shortlist

  
DAVID  
MITCHELL

Nguyễn Thị Thanh Trúc dịch

**bản đồ**  
**mây**  
cloud atlas

"Tinh giải trí rất cao" – *Daily Telegraph*

"Một bữa tiệc chữ của bậc thầy"

– *Evening Standard*

"Vô cùng kích thích" – *Spectator*

"Xuất sắc" – *Guardian*

"Tuyệt vời" – *Daily Mail*



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

DAVID  
MITCHELL

Nguyễn Thị Thanh Trúc dịch

bản đồ  
mây  
cloud atlas

*Tiểu thuyết*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



epub©vctvegroup  
21-12-2017

**Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)**

Nhật ký Thái Bình Dương của Adam  
Ewing

Thứ Năm, ngày 7 tháng 11

Trên bãi biển vắng vẻ bên ngoài ngôi làng Anh-điêng, tôi thấy một vết dấu chân người. Lăn theo đó, băng qua đám cỏ mọc rữa, những rặng dừa biển và tre, dấu chân đưa tôi đến chỗ chủ nhân của chúng, một người đàn ông da trắng, vận áo khoác & quần xắn gấu, hàm râu quai nón & chiếc mũ nổi quá cỡ; ông đang dùng cái thìa bé tí đào xới lớp cát nóng rẫy, chăm chú đến nỗi tôi chỉ còn cách ông gần mười mét và cất lời chào thì ông ta mới nhận ra. Tôi đã làm quen với Henry Goose, bác sĩ của giới quý tộc London, như thế. Quốc tịch của ông ta không khiến tôi ngạc nhiên. Tôi chưa từng thấy trên bản đồ một chốn khí hậu cò gáy hay ốc đảo xa xôi nào mà người ta không chạm trán người Anh.

Phải chăng ông bác sĩ đánh mất thứ gì trên bờ biển ẩm đạm này? Liệu tôi giúp gì được chăng? Bác sĩ Goose lắc đầu, nói rút thắt chiếc khăn mùi soa & khoe thứ đựng bên trong với vẻ hãnh diện trông thấy. “Răng, thưa ông, chính là ngọc ngà châu báu mà tôi đang kiếm tìm. Thuở xưa bãi biển Arcadia này từng là nơi bày yến tiệc của những kẻ ăn thịt người, đúng thế, thời ấy kẻ mạnh ngốn thịt kẻ yếu. Chúng ăn rồi nhổ răng ra, như ông hay tôi nhả hạt quả anh đào vậy. Nhưng những chiếc răng hàm này, ông ạ, sẽ thành vàng chẳng & bằng cách nào? Một nghệ nhân ở Piccadilly chuyên tạo hình răng giả cho giới quý tộc sẵn sàng chi bọn tiền cho răng người đấy. Ông có biết một lạng răng như thế giá bao nhiêu không, thưa ông?”

Tôi thú nhận mình không biết.

“Thế thì tôi cũng sẽ không nói cho ông biết đâu, vì đây là bí mật trong nghề mà!” Ông ta gõ gõ ngón tay lên mũi. “Thưa ông Ewing, chẳng hay ông có quen bà hầu tước Grace xứ Mayfair không nhỉ? Không à? Thế thì càng hay cho ông, vì mẹ ta là quý đội lốt người đấy. Đã năm năm trôi qua kể từ khi danh dự của tôi bị mẹ già ác độc ấy bôi nhọ, chính thế, sự đặt điều vu khống của mẹ ấy đã khiến tôi bị khai trừ khỏi Hiệp hội.” Bác sĩ Goose đưa mắt nhìn ra biển. “Hành trình bốn ba của tôi đã khởi đầu kể từ giờ phút đen tối ấy.”

Tôi ngỡ lời chia sẻ với cảnh ngộ của ông bác sĩ.

“Tôi cảm ơn ông, thưa ông, tôi xin cảm ơn, nhưng chỗ răng ngà này” –

ông ta lắc lắc chiếc khăn mùi soa – “chính là thiên sứ cứu rỗi của đời tôi. Cho phép tôi có đôi lời giải thích. Bà hầu tước đeo răng giả do vị bác sĩ mà tôi kể khi nãy tạo hình. Đến mùa Giáng sinh tới, khi con lừa cái sực mùi ấy đang phát biểu tại buổi tiệc đại sứ, tôi, Henry Goose, chính thế, *tôi* sẽ đứng lên & tuyên bố với tất cả quan khách rằng bà chủ buổi tiệc của chúng ta đang nhai bằng răng của những kẻ ăn thịt người! Hubert sẽ vặn lại tôi, đúng như dự đoán, ‘Hãy đưa ra bằng chứng,’ gã què mùa ấy sẽ gào lên, ‘hoặc làm sao cho tôi tin đi!’ Tôi sẽ tuyên bố, ‘Bằng chứng ư, thưa ông Hubert? Ờ hay, *chính tôi* là người đi nhặt từng chiếc răng cho mẹ ông từ cái ống nhổ ở Nam Thái Bình Dương kia mà! Đây này, ông xem, còn một ít răng của những người ấy đây!’ rồi tôi vung chính những chiếc răng này vào chiếc liễn đựng xúp hình mai rùa của mẹ ta & đó, thưa ông, đó chính là điều làm cho *tôi* thỏa lòng! Đám ký giả ba xu sẽ tha hồ mà nướng chín mẹ hầu tước cao ngạo ấy trên các bản nhật trình & đến mùa sau mẹ ấy được mời đến tiệc của trại tế bần đã là phúc lắm rồi!”

Tôi vội vã cáo từ Henry Goose. Tôi đồ rằng lão này trốn Dưỡng trí viện.

Thứ Sáu, ngày 8 tháng 11

Trong xưởng tàu phía dưới cửa sổ phòng trọ, chiếc sào căng buồm đang được sửa chữa dưới sự chỉ đạo của ông Sykes. Walker, ông chủ của quán rượu duy nhất ở Vịnh Đại Dương, đồng thời là lái buôn gỗ chính ở đó, đang ba hoa về những năm tháng làm bậc thầy đóng tàu ở Liverpool. (Lúc này tôi đã quen với lễ thói xã giao ở miền Nam Thái Bình Dương rồi nên cũng chẳng mấy để tâm đến những câu ba hoa này.) Ông Sykes bảo với tôi rằng cần hẳn một tuần để sửa chữa tàu *Prophetess* đâu ra đấy. Bảy ngày bó chân ở *Musket* có khác gì ở tù, nhưng nhớ lại cơn thịnh nộ của nữ thần báo tử & những thủy thủ đã bỏ mạng trên biển, tôi thấy vận xui của mình cũng không đến nỗi.

Tôi gặp bác sĩ Goose trên cầu thang sáng nay & chúng tôi cùng nhau dùng điểm tâm. Ông ta đã ở trọ tại *Musket* từ giữa tháng Mười sau khi phiêu bạt hành nghề trên một chiếc tàu buôn Brazil tên *Namorados*, xuất hành từ Fiji. Giờ đây ông bác sĩ đang đợi *Nellie*, một tàu săn hải cẩu của Úc Đại Lợi mà mãi không xuất bến cho, để đưa ông ta đến Sydney. Ở đó ông ta sẽ tìm một chỗ trên tàu khách để trở về London bốn xứ.

Nhận định của tôi về bác sĩ Goose thật là phi lý & nông cạn. Trong nghề của tôi, phải đa nghi như Tào Tháo mới mong làm giàu, song cái thói ấy có khi khiến người ta không nhận ra những chân giá trị tinh tế. Ông bác sĩ có nhiều thói lập dị & thường thích thú kể lại mỗi khi chiêu một cốc rượu brandy pisco của Bồ Đào Nha (không bao giờ quá chén), nhưng tôi đồ rằng ông ta là người tử tế duy nhất còn sót lại trong phạm vi giữa Đông Sydney & Tây Valparaiso. Thậm chí tôi có thể viết thư giới thiệu ông ta đến gia đình Partridge ở Sydney, vì bác sĩ Goose & ông bạn thân Fred của tôi có vẻ sẽ rất tâm đầu ý hợp.

Thời tiết xấu làm tôi phải hủy bỏ kế hoạch ra ngoài đi dạo. Chúng tôi nói chuyện phiếm bên bếp lửa & thời gian trôi nhanh như chớp. Tôi nói rất nhiều về Tilda & Jackson & cả nỗi sợ của tôi về “con sốt vàng” ở San Francisco. Cuộc trò chuyện sau đó chuyển hướng từ quê nhà tôi sang việc công chứng viên mà tôi mới đảm nhiệm gần đây ở New South Wales, rồi lại lái sang chuyện Liệu pháp Địa & Dầu xe lửa, đến Gibbon, Malthus &

Godwin<sup>[1]</sup>. Những cuộc đối thoại nghiêm túc là liều thuốc lành mà tôi thiếu vắng trên tàu *Prophetess* & ông bác sĩ thực sự là một học giả uyên bác. Đó là chưa kể ông ta sở hữu một bộ cờ vua được chạm khắc cực kỳ tinh xảo, sẽ giúp chúng tôi tiêu khiển cho tới khi *Prophetess* khởi hành hoặc *Nellie* cập bến.

Thứ Bảy, ngày 9 tháng 11

Bình minh óng ánh như đồng bạc mới. Chiếc thuyền buồm của chúng tôi vẫn neo trong Vịnh với vẻ hết sức thảm thương. Một chiếc xuồng chiến thổ dân đang được lật nghiêng để sửa chữa trên bãi biển. Henry & tôi tản bộ trên “Bãi biển Yến tiệc” với tâm trạng như trong kỳ nghỉ lễ, vô tư vẫy chào cô hầu gái của Walker. Cô nàng mặt mày sưng sứa đang phơi quần áo lên một bụi cây & phớt lờ chúng tôi. Cô ta lai chút máu da đen & tôi hình dung mẹ cô ta hẳn chưa thoát ly xa cho lắm khỏi họ hàng chốn sơn lâm.

Khi chúng tôi băng qua ngôi làng người da đỏ, tiếng “hum hum” văng vẳng khiến chúng tôi tò mò & quyết tìm cho được nơi phát ra âm thanh này. Làng này được rào quanh bằng hàng rào cọc gỗ, nhưng đã mục nát đến nỗi ở nhiều chỗ người ngoài có thể đi vào thoải mái. Một con chó cái trụi lông ngóc đầu lên, nhưng nó chẳng còn chiếc răng nào & sắp chết & không sủa lấy một tiếng. Bao bọc vòng ngoài là một dãy *ponga* (trang trí bằng cành cây, tường đất & mái lợp) nép mình dưới bóng những dinh thự của “quý tộc thượng lưu”, những công trình kiến trúc bằng gỗ với các chi tiết chạm trổ trên khung cửa & cổng vòm thô sơ. Đang có một vụ trừng phạt bằng roi diễn ra giữa làng. Henry & tôi là hai người da trắng duy nhất, nhưng đám thổ dân chúng kiến vụ việc chia ra tới ba tầng lớp. Tù trưởng ngồi trên ngai, mặc áo choàng lông vũ, lớp quý tộc nhỏ xăm trổ & đàn bà con gái & trẻ con thì đứng xem, tổng cộng khoảng ba mươi người. Đám nô lệ, bần hơn và đen hơn & số lượng ít hơn một nửa so với những ông chủ da nâu hạt dẻ, thì ngồi xổm trên bùn đất. Giống người ngu ngốc bẩm sinh! Người ngọm đầy vết sẹo lõm & mụn mủ, những con người khốn khổ này ngồi xem buổi hành hình, không hề phản ứng mà chỉ tạo ra tiếng “hum” kì lạ như tiếng ong. Thương cảm hay lên án, chúng tôi không biết âm thanh ấy thể hiện điều gì. Người cầm roi là một gã khổng lồ với ngoại hình làm kinh sợ bất kì võ sĩ quyền anh nào. Bắp thịt gã mọi rợ xăm chằng chịt hình những con thần lằn từ lớn đến nhỏ: - tấm da sống của gã có thể được bán với giá cao, mặc dù có cho vàng bạc châu báu tôi cũng không muốn thành kẻ lãnh nhiệm vụ giải thoát gã khỏi tấm da ấy! Tên tù nhân đáng thương, qua nhiều năm tháng dãi dầu sương gió, đang bị trói trần truồng vào giá chữ A.

Người hấn nảy lên dưới từng cú quất roi xé thịt, tấm lưng như lớp giấy thuộc chẳng chịt những kí hiệu bí hiểm viết bằng máu, nhưng vẻ mặt vô cảm lại toát lên sự bình thản của một kẻ tử vì đạo đang được che chở trong vòng tay của Chúa.

Tôi thú nhận, tôi muốn ngất đi sau mỗi cú quất roi. Rồi một chuyện kì lạ xảy ra. Kẻ mọi rợ bị đánh đập ngẩng đầu lên, tìm ánh mắt tôi & nhìn tôi với vẻ kì bí mà thân thiện! Tựa như một diễn viên sân khấu nhìn thấy người bạn lâu ngày không gặp ở lô siêu sang và trao đổi ánh nhìn xác nhận ấy mà không làm khán giả phát hiện. Một “bằng hữu da đen” xăm trở tiến đến chúng tôi & móc ra con dao găm cán đá, ngụ ý chúng tôi không được hoan nghênh. Tôi hỏi tên tù nhân đã phạm tội gì. Henry quàng tay qua người tôi. “Đi nào, Adam, người khôn không chen ngang giữa con thú & bữa ăn của nó.”

Chúa nhật, ngày 10 tháng 11

Lão Boerhaave ngồi giữa đám vô lại thân tín như con rắn chúa & bầy rắn sọc. Buổi “lễ mừng” Sabbath của họ diễn ra dưới lầu trước khi tôi thức giấc. Tôi đi tìm nước cạo râu & thấy quán rượu đang lơ nhô đám thủy thủ chờ đến lượt vui vẻ với những cô gái thổ dân đáng thương mà Walker đem về và biến nhà trọ thành một nhà chứa tự phát. (Rafael không nằm trong số những kẻ trác táng này.)

Tôi không dùng bữa sáng Chúa nhật của mình trong nhà chứa. Henry cũng có cùng cảm giác ghê tởm như tôi, vì thế chúng tôi bỏ bữa sáng (cô hầu gái chắc cũng đang bị ép làm một công việc khác) & đi đến nhà thờ để cầu nguyện với cái bụng lép kẹp.

Đi được chưa đến hai trăm mét, tôi hốt hoảng nhớ ra quyển nhật kí đang nằm trên bàn trong phòng tôi ở *Musket*, tên thủy thủ say xỉn nào cũng có thể nhìn thấy nếu lén vào phòng. Lo sợ cho sự an toàn của nó (& của chính tôi, nếu lão Boerhaave sờ tới nó), tôi quay lại để tìm cách giấu nó đi. Những nụ cười nhếch mép chào đón sự trở về của tôi & tôi cứ ngỡ rằng mình là “kẻ xấu đang bị nói đến,” nhưng tôi biết được lý do thực sự khi mở cửa phòng: Bàn tọa bệ vệ của Boerhaave đang cưỡi lên con gấu cái đen trĩu trên giường của tôi, ngay giữa lúc đang hành lạc! Lão già người Hà Lan khốn nạn ấy có xin lỗi tôi không? Không hề! Lão cho *mình* là bên bị hại & gầm lên, “Xéo đi, Gà Chọi! không ta đâm vỡ cái mũi Mỹ quốc của mi bây giờ, đ. mẹ!”

Tôi chộp lấy quyển nhật ký & chạy lập cập xuống cầu thang trong sự đắc chí & giễu cợt của những kẻ mọi rợ da trắng đang tụ tập ở dưới. Tôi phản đối với Walker rằng tôi trả tiền để thuê một phòng riêng & nghĩ rằng nó vẫn thuộc riêng tôi ngay cả khi tôi vắng mặt, nhưng tên khốn ấy chỉ đề nghị sẽ giảm giá một phần ba cho “mười lăm phút vui vẻ với em ngựa non đẹp nhất trong chuồng của tôi!” Kinh tởm, tôi nhắc lại rằng tôi đã có vợ & con! & rằng tôi thà chết cũng không đánh mất nhân phẩm & đức độ của mình với bất kì ả gái điếm mắc bệnh giang mai nào của hắn! Walker thề sẽ “trang điểm cho mắt tôi” nếu tôi còn gọi những cô con gái cứng của hắn là “gái điếm” lần nữa. Một con rắn sọc rưng hết răng chế giễu rằng nếu có vợ

& con là một đạo đức thì, “Ồ hay, ông Ewing này, tôi đạo đức hơn ông gấp mười lần đấy!” & một kẻ nào đó trút cả một vại rượu lên người tôi. Tôi bỏ đi trước khi họ thay rượu bằng một vật cứng hơn.

Chuông nhà thờ đang triệu hồi những kẻ kính sợ Chúa ở Vịnh Đại Dương & tôi vội vàng đến nơi Henry đang đợi, cố gắng quên đi cảnh bản thủ vừa chứng kiến ở nhà trọ. Nhà thờ ọp ẹp như một thùng gỗ cũ & người đi lễ thì chỉ đếm được trên đầu ngón tay, nhưng ngay cả kẻ lữ hành được thỏa mãn cơn khát trên một ốc đảo sa mạc cũng không thể biết ơn hơn Henry & tôi khi cầu nguyện sáng hôm đó. Người sáng lập nhà thờ theo phái Luther đã yên nghỉ mười mùa đông qua trong nghĩa trang nhà thờ & chưa có người kế vị nào dám nhận lãnh vai trò của người chủ trì bệ thờ. Vì thế, giáo phái ở đây toàn xúng xoảng những tín điều Cơ đốc giáo. Chỉ một nửa số con chiên đi lễ biết chữ, họ đọc những đoạn Kinh thánh & chúng tôi tham gia hát một, hai bài thánh ca khi đến lượt. Người “phụng sự” đàn con chiên, một người tên là D’Arnoq, đứng dưới cây thập giá giản dị & nài nỉ Henry & tôi cũng hòa theo cách thức như họ. Nhớ lại mình đã thoát chết trong cơn bão tuần trước, tôi đề nghị đọc Phúc âm Luca chương 8: Các môn đệ lại gần đánh thức Người dậy và nói: “Thầy ơi, Thầy! Chúng ta chết mất!” Người thức dậy, ngăn đê sóng gió, sóng gió liền ngừng và biển lặng ngay.

Henry đọc Thi thiên số Tám, bằng giọng âm vang như một kịch sĩ thực thụ, *Chúa ban cho người quyền cai trị công việc tay Chúa làm, khiến muôn vật phục dưới chơn người: Cả loài chiên, loài bò, đến đổi các thú rừng, chim trời & cá biển & phàm vật gì lợi đi trên các lối biển.*

Chẳng có nhạc công dương cầm nào đánh bài *Hồn tôi tôn dương Chúa* ngoài tiếng gió rít trong ống khói, chẳng có dàn đồng ca nào hát *Muôn lạy Chúa* ngoài tiếng chim hải âu kêu gào, nhưng tôi nghĩ Đấng sáng tạo sẽ không phật ý. Chúng tôi gắn với những tín đồ Cơ đốc giáo thời kì sơ khai của La Mã hơn bất kì Giáo hội nào sau này được bao phủ bằng bí mật & đá quý. Tiếp theo đó là cầu nguyện chung. Các giáo dân cầu cho vụ khoai tây khỏi dịch bệnh, lòng từ cho linh hồn một trẻ sơ sinh mới chết, ban phúc cho một chiếc tàu đánh cá mới, v.v. Henry tạ ơn vì lòng hiếu khách của những người Cơ đốc giáo trên đảo Chatham dành cho những kẻ mới đến như chúng tôi. Tôi lặp lại những cảm nghĩ này & gửi lời cầu nguyện đến

Tilda, Jackson & nhạc phụ của tôi trong thời gian tôi vắng mặt kéo dài.

Sau buổi lễ, “trụ cột” chính của nhà thờ, một người xưng là Evans, lịch thiệp tiếp cận bác sĩ & tôi. Ông Evans giới thiệu Henry & tôi với phu nhân của ông ta (cả hai vợ chồng đều làm bộ lãng tai bằng cách chỉ trả lời những câu hỏi mà họ *tin* là được hỏi & chỉ chấp nhận những câu trả lời họ *tin* là được đưa ra – một mưu mà nhiều thầy cãi Mỹ quốc ưa dùng) & hai người con trai song sinh của họ, Keegan & Dyfedd. Ông Evans cho hay tuần nào cũng mời ông D’Arnoq, nhà truyền đạo của chúng tôi, đến ăn tối ở nhà mình gần đó, bởi ông D’Arnoq trú tận Port Hutt, một mũi đất xa nơi này đến vài dặm. Liệu chúng tôi có muốn cùng họ dùng bữa ăn tối Chúa nhật không? Đã báo với Henry về cảnh ô uế ở *Musket* & nghe tiếng “Nổi dậy!” réo trong dạ dày, chúng tôi nhận lời nhà Evans với lòng biết ơn.

Trang trại của chủ nhà nằm cách Vịnh Đại Dương nửa dặm trong một thung lũng quanh co lộng gió, là một tòa nhà đơn sơ nhưng chống chọi tốt trước bão tố phong ba từng đánh tan tành không biết bao nhiêu chiếc tàu vắn số ở những bãi đá ngầm gần đó. Phòng khách được trang trí bằng một cái tủ lợn khổng lồ (buồn thảm với cái miệng mở há & cặp mắt lơ đờ), do cặp song sinh săn được vào sinh nhật thứ mười sáu, & một chiếc đồng hồ quả lắc miên hành (lệch vài giờ so với đồng hồ bỏ túi của tôi. Kì thực, một trong những món nhập khẩu quý giá từ New Zealand chính là giờ giấc chính xác). Một thổ dân làm công ở trang trại nhìn trộm mấy vị khách của ông chủ từ sau khung cửa sổ. Không còn cảnh những kẻ nổi loạn ăn mặc rách rưới, nhưng ông Evans quả quyết rằng Barnabas, anh chàng có một phần tư máu da đen này, là “chú chó chặn cừu hai chân chạy nhanh nhất.” Keegan & Dyfedd là hai chàng trai thật thà như đếm, nói năng ngây ngô như cừu (gia đình này chặn hai trăm con), vì chưa bao giờ lên “Phố” (cách gọi của dân đảo về New Zealand) và cũng chẳng học qua trường lớp nào, ngoài những bài học Kinh thánh do cha dạy, nhờ đó mới biết đọc biết viết.

Bà Evans đọc lời cầu nguyện tạ ơn & tôi đã có một buổi ăn dễ chịu nhất (không đấm muối, sâu bọ & tiếng chửi thề) kể từ buổi tiệc chia tay với Lãnh sự Bax & gia đình Partridge ở Beaumont. Ông D’Arnoq kể cho chúng tôi nghe chuyện về những con tàu mà ông ta đã cung ứng trong suốt mười năm cư ngụ trên đảo Chatham, còn Henry thì mua vui với những chuyện

kể về bệnh nhân, cả sang lẫn hèn, mà ông đã chữa trị ở London và Polynesia. Về phần mình, tôi tả lại những gian truân của một công chứng viên Mỹ quốc để tìm ra người thừa kế ở Úc cho một bản di chúc lập ở California. Chúng tôi chén sạch món cừ hầm & bánh nhân táo với chút rượu do ông Evans nấu để mua bán với những tàu săn cá voi. Dừng bữa xong, Keegan & Dyfedd đi chặn bầy gia súc & bà Evans lui vào bếp. Henry hỏi bây giờ các hội truyền giáo còn hoạt động tích cực trên Chatham không, ông Evans & D'Arnoq nhìn nhau & ông Evans đáp, “Không, người Maori không thích *Pakeha*<sup>[2]</sup> chúng ta làm Moriori của họ hư hỏng vì lạm dụng văn minh.”

Tôi hỏi có căn bệnh gọi là “lạm dụng văn minh” hay sao? Ông D'Arnoq đáp, “Nếu phía tây của Mũi Sừng mà không có Thượng đế thì cũng chẳng có *Mọi người sinh ra đều bình đẳng* như hiến pháp của ông quy định đâu, ông Ewing ạ.” Những tên gọi như Maori & Pakeha thì tôi đã biết đến từ những ngày *Prophetess* neo đậu ở Vịnh Đa Đảo, nhưng tôi thắc mắc Moriori có nghĩa là gì. Câu hỏi của tôi đã mở ra chiếc hộp Pandora lịch sử, với đầy đủ chi tiết về sự suy tồn & diệt vong của bộ tộc thổ dân trên Chatham. Chúng tôi chầm tẩu thuốc. Ba giờ sau đó, ông D'Arnoq vẫn đang kể chuyện say sưa không dứt dù đã đến lúc phải lên đường về Port Hutt trước khi không còn thấy đường về vì trời tối. Lịch sử qua lời kể của ông, theo tôi, có thể ngang tầm với văn phong của Defoe hoặc Melville<sup>[3]</sup> & tôi sẽ chép lại đây trên những trang giấy này, sau khi đánh một giấc theo ý Thần Ngủ.

Thứ Hai, ngày 11 tháng 11

Bình minh ảm ương & mờ mịt. Từ xa xa vịnh hiện ra mờ ảo, nhưng thời tiết vẫn cho phép việc sửa chữa tiếp tục với tàu *Prophetess*, tôi thầm cảm ơn Thần Biển. Trong lúc tôi viết nhật ký, một nóc cột buồm mới đang được kéo lên.

Không lâu sau, trong lúc Henry & tôi đang dùng điểm tâm, ông Evans hốt hải chạy đến, nài nỉ ông bạn bác sĩ của tôi đến khám cho một người hàng xóm sống một mình, bà góa Bryden, bị ngã từ lưng ngựa xuống bãi đá. Bà Evans đang có mặt ở đó và lo lắng cho mệnh hệ của bà góa. Henry cấp vali thầy thuốc & nhanh chóng lên đường. (Tôi đề nghị đi cùng, nhưng ông Evans nài nỉ tôi ở lại, vì bệnh nhân đã buộc ông phải hứa không ai ngoại trừ bác sĩ được phép nhìn thấy bà ta trong lúc hoạn nạn.) Nghe lời qua tiếng lại, Walker nói với tôi rằng chưa có một người đàn ông nào bước chân qua ngưỡng cửa nhà bà góa trong hai chục năm qua & quả quyết “mụ già lãnh cảm ấy hẳn là phải đau đớn lắm mới chịu để bác sĩ Quàng Quạc thăm khám.”

Nguồn gốc của người Moriori ở Rēkohu (từ địa phương để gọi Chatham) vẫn còn là ẩn số cho đến ngày nay. Ông Evans thì tin rằng tổ tiên của họ là những người Do Thái bị xua đuổi khỏi Tây Ban Nha, vì họ có mũi khoằm & môi vểnh. Còn giả thuyết của ông D'Arnoq, rằng người Moriori trước đây là những người Maori bị đắm tàu ở những hòn đảo xa xôi hẻo lánh nhất, thì dựa trên điểm giống nhau giữa ngôn ngữ & thần thoại & do đó có lý hơn. Chỉ biết chắc một điều là, sau nhiều thế kỉ hoặc thiên niên kỉ sống biệt lập, người Moriori có cuộc sống nguyên thủy chẳng khác gì những người anh em họ thiếu nảo ở xứ Van Diemen. Nghề đóng tàu (đòi hỏi nhiều kĩ thuật hơn so với những chiếc bè đan lát thô sơ dùng để băng qua kênh rạch trên các hòn đảo) & hàng hải đã trở nên vô dụng. Chuyện trên quả địa cầu này còn có những miền đất khác, in dấu chân người khác, là chuyện mà người Moriori không hề nghĩ đến. Kì thực, ngôn ngữ của họ không có từ để diễn tả “chủng tộc” & “Moriori” đơn giản có nghĩa là “Người”. Ngành chăn nuôi không tồn tại, vì chẳng có loài động vật hữu nhũ nào sống trên quần đảo này cho đến khi những chiếc tàu đánh cá voi chủ đích bỏ lộn lại đây để

nhân giống. Ở tình trạng nguyên thủy, người Moriori sống bằng săn bắt hái lượm, mò cua bắt ốc, nhặt trứng chim, săn hải cẩu, vớt tảo biển & đào ấu trùng & củ rễ.

Đến thời điểm này, người Moriori vẫn chỉ là một biến thể địa phương của những thổ dân mặc váy lá dừa, khoác áo lông vũ tại những “điểm mù” ngày càng ít đi trên đại dương mà chưa được người da trắng phát hiện. Tuy nhiên, điểm độc đáo của Cựu Rēkohu nằm ở tín ngưỡng hòa bình độc nhất vô nhị của nó. Từ những ngày khai thiên lập địa, tầng lớp cúng tế Moriori đã răn dạy kẻ nào làm cho người khác đổ máu thì cũng giết chết *mana* – danh dự, nhân phẩm, địa vị & linh hồn của mình. Không một người Moriori nào chứa chấp, nuôi ăn, nói chuyện với, hay thậm chí nhìn mặt *kẻ bị ruồng bỏ*. Nếu kẻ sát nhân bị xua đuổi sống sót qua mùa đông đầu tiên, thì nỗi tuyệt vọng vì cô độc thường sẽ đưa gã đến một hố phun nước trên Mũi Trẻ, nơi gã tự kết liễu cuộc đời mình. Hãy xem xét yếu tố này, ông D’Arnoq bảo chúng tôi. Hai nghìn người mọi rợ (con số phỏng đoán của ông Evans) tuyên thệ thành lời *Không ai được giết người & thực sự làm vậy & lập một “Hiến pháp” bằng lời để tạo ra một sự hòa hợp không có ở bất kì nơi nào khác trong suốt sáu mươi thế kỉ kể từ ngày Adam ném trái Cây Thông Thái*. Chiến tranh là một khái niệm xa lạ với người Moriori, cũng như kính viễn vọng là khái niệm xa lạ với người Pygmy vậy. *Hòa bình*, không phải một khoảng thời gian tạm nghỉ giữa các cuộc chiến, mà là những thiên niên kỉ thái bình bất diệt, thống trị những hòn đảo xa tít này. Ai có thể phủ nhận rằng xứ Cựu Rēkohu nằm gần với xã hội không tưởng của More<sup>[4]</sup> hơn các thể chế tiến bộ do những ông hoàng con thèm khát chiến tranh cai trị ở Versailles & Vienna, Washington & Westminster? “Đây,” ông D’Arnoq tuyên bố, “và chỉ có đây, mới có những cảnh không tưởng như thế, những con người mọi rợ quý tộc thượng lưu, bằng xương bằng thịt!” (Trên đường trở về *Musket* sau đó, Henry nhận xét, “Tôi không thể nào gọi một chủng tộc mọi rợ lạc hậu đến nỗi không biết ném lao thế nào cho thẳng là ‘quý tộc’ cả.”)

Thủy tinh & hòa bình đều để lộ đặc tính sự mong manh khi chịu những va chạm liên tiếp. Cú đánh đầu tiên vào người Moriori chính là quốc kỳ Anh, được Đại úy Broughton của tàu Hải quân Hoàng gia Anh mang tên

*Chatham* cắm lên Vịnh Giao Tranh nhân danh Vua George cách nay năm mươi năm. Ba năm sau đó, phát hiện của Broughton được biết đến ở những công ty hàng hải ở Sydney & London & đã có lác đác những người định cư tự do (trong số đó có cụ thân sinh của ông Evans), những thủy thủ đắm tàu & “những tên tội phạm bất đồng với Văn Phòng Thuộc Địa New South Wales về thời gian giam giữ” bắt đầu thu hoạch bí ngô, hành tây, bắp ngô & cà rốt tại nơi đây. Họ bán những món này cho thợ săn hải cẩu, một cú đánh thứ hai vào độc lập tự chủ của người Moriori, bởi họ làm tan vỡ hy vọng thịnh vượng của người dân bản xứ khi nhuộm hồng nước biển với máu hải cẩu. (Ông D’Arnoq minh họa lợi nhuận bằng công thức – một tấm da hải cẩu bán được 15 shi-ling ở Quảng Châu & những người thợ săn tiên phong đó đã thu được hơn hai nghìn bộ da *mỗi chuyến!*) Chỉ trong vòng vài năm, loài hải cẩu chỉ còn tìm thấy ở những rặng đá xa bờ & cả những “thợ săn hải cẩu” cũng chuyển sang trồng khoai tây, nuôi cừu & lợn trên quy mô lớn đến nỗi Chatham được đặt tên là “Khu Vườn Thái Bình Dương.” Những nông dân mới phát này khai khẩn bằng cách đốt rừng, để lại tàn lửa âm ỉ dưới lớp than bùn qua nhiều mùa, biểu hiện qua những đợt hạn hán gieo rắc thêm tai ương mới.

Cú đánh thứ ba vào người Moriori là những thợ săn cá voi, giờ tập nập ghé vào Vịnh Đại Dương, Waitangi, Owenga & Te Whakaru với số lượng lớn để tìm việc, sửa tàu & nghỉ ngơi. Mèo & chuột trên tàu săn cá voi sinh sôi nảy nở như Dịch hạch Ai Cập & ăn hết những con chim làm tổ trong hang, trứng của loài chim này là nguồn thức ăn quý của người Moriori. Thứ tư, những dịch bệnh tạp nham tiêu diệt các chủng tộc có màu da sậm hơn mỗi khi nền văn minh Da trắng tiến đến gần, càng khiến dân số người bản xứ suy giảm.

Những bất hạnh này người Moriori vẫn có thể gánh chịu được, thế nhưng tin tức đã truyền đến Tân Tây Lan, mô tả Chatham như một xứ Canaan<sup>[5]</sup> có thật với những đầm phá đầy ắp cá tôm & cư dân chẳng biết gì về chiến đấu hay vũ khí. Với Ngati Tama & Ngati Mutunga, hai bộ lạc Maori thuộc bộ tộc Te Ati Awa ở Taranaki (ông D’Arnoq quả quyết với chúng tôi rằng phả hệ của người Maori cũng chi chít như những cây phả hệ mà giới quý tộc châu Âu vốn tôn kính; kì thực, bất kì bé trai nào của

chúng tộc mù chữ ấy đều có thể gọi đúng tên của ông cụ ông kỵ & “thứ hạng” tổ tiên trong nháy mắt), những tin đồn này hứa hẹn sẽ bù đắp cho đất đai tổ tiên của họ bị mất trong các “Cuộc Chiến Hòa Mai”<sup>[6]</sup> trước đó. Gián điệp được cử đến để thăm dò tính khí của người Moriori bằng cách vi phạm những điều cấm kỵ & cướp bóc các thánh tích. Người Moriori đối mặt với sự khiêu khích này như Chúa của chúng ta đã dạy, bằng cách “chìa má bên kia ra”, & những kẻ vi phạm trở về Tân Tây Lan để xác nhận rằng người Moriori rất nhu nhược. Những kẻ chinh phạt Maori với hình xăm đầy mình tìm ra đội tàu của Thuyền trưởng Harewood, chỉ huy của chiếc tàu hai buồm *Rodney*. Vào những tháng cuối năm 1835, Harewood đã đồng ý chở chín trăm người Maori & bảy chiếc xuống chiến trên hai chuyến tàu, để đổi lấy khoai tây giống, vũ khí, lợn, một lượng lớn sợi lanh & một súng đại bác. (Cách đây năm năm, ông D’Arnoq đã gặp Harewood, nghèo kiệt xác trong một quán rượu ở Vịnh Đa Đảo. Thoạt tiên ông ta phủ nhận mình là thuyền trưởng Harewood của tàu *Rodney*, sau đó lại thề rằng mình đã bị dụ dỗ để làm việc đó.)

*Rodney* khởi hành từ cảng Nicholas vào tháng 11, nhưng kiện hàng gồm năm trăm người đàn ông, đàn bà & trẻ con, nhét chặt như cá hộp trong suốt hành trình sáu ngày, chen chúc trong mùi hôi & say sóng & thiếu thốn thứ cơ bản nhất là nước, đã thả neo tại lạch Whangatete trong tình trạng thê thảm đến nỗi, *nếu muốn*, người Moriori đã có thể tiêu diệt những người anh em chiến binh của họ. Những người bản xứ hào hiệp đã chọn cách chia sẻ tài nguyên đang cạn kiệt của Rēkohu thay vì đánh mất *mana* bằng cách làm đổ máu & chăm sóc những người Maori ốm đau & hấp hối cho đến khi họ khỏe mạnh trở lại. “Người Maori trước đó từng đến Rēkohu rồi,” ông D’Arnoq giải thích, “nhưng sau đó lại đi, nên người Moriori cứ đinh ninh những kẻ thực dân này cũng sẽ ra đi trong hòa bình.”

Lòng quảng đại của người Moriori đã được tưởng thưởng khi thuyền trưởng Harewood trở lại từ Tân Tây Lan với thêm bốn trăm người Maori nữa. Lúc này những người lạ bắt đầu chiếm Chatham theo *takahi*, một tục lệ của người Maori dịch thành “Đi lên đất nào thì sở hữu đất ấy.” Và như thế Cụm Rēkohu đã bị chia năm xẻ bảy & người Moriori được thông báo từ nay họ đã trở thành chư hầu của người Maori. Vào đầu tháng 12, một số

người bản xứ phản kháng đã bị trảm bằng rìu. Người Maori chứng tỏ họ là những học trò xuất sắc của người Anh trong “nghệ thuật thực dân hóa.”

Đảo Chatham bao quanh một phá nước mặn rộng lớn ở phía đông, tên là Te Whanga, gần giống như biển trong đất liền nhưng được bồi đắp bằng đại dương khi thủy triều lên thông qua “miệng” phá ở Te Awapatiki. Mười bốn năm trước, người Moriori đã tổ chức một nghị viện trên mảnh đất thiêng đó. Nghị viện kéo dài ba ngày, với mục tiêu tìm lời đáp cho câu hỏi: Liệu làm cho người Maori đổ máu có hủy hoại *mana* không? Các thanh niên lập luận rằng tín ngưỡng Hòa bình không bao hàm những kẻ ăn thịt người ngoại quốc mà tổ tiên họ chẳng hề biết đến. Người Moriori phải giết người nếu không muốn bị giết. Các bậc cao niên thì kêu gọi kiềm chế, vì chừng nào người Moriori còn gìn giữ *mana* với đất đai của họ, thì các thánh thần & tổ tiên sẽ giúp đưa chủng tộc này thoát khỏi tai ương. Các bậc cao niên dạy dỗ, “Hãy ôm kẻ thù của mình, để họ không tấn công ta.” (Henry nhạo thành, “Hãy ôm kẻ thù của mình, để thấy dao găm của hắn thọc vào thận ta.”)

Những bậc cao niên đã thắng thế ngày hôm đó, nhưng điều này chẳng có ý nghĩa gì. “Dù không giành thế thượng phong về quân số,” ông D’Arnoq nhận định, “nhưng người Maori lại tận dụng lợi thế là kẻ tấn công đầu tiên & mạnh nhất, như nhiều người Anh & Pháp vẫn số có thể xác nhận từ đáy mồ.” Bộ lạc Ngati Tama & Ngati Mutunga đã lập ra những hội đồng riêng. Trở về sau buổi họp nghị viện, người Moriori bị mai phục & trải qua một đêm tồi tệ hơn cả ác mộng, bị tàn sát, làng mạc bị đốt, cướp bóc, đàn ông & đàn bà bị đóng cọc xuyên qua người thành hàng trên bãi biển, trẻ con trốn trong hang hốc, bị chó săn đánh hơi & xé xác. Một vài tộc trưởng biết tính toán đến mai sau & chỉ sát hại vừa đủ để những người còn lại biết sợ mà phục tùng. Những tộc trưởng khác thì không kiềm chế như vậy. Trên bãi biển Waitangi, năm mươi người Moriori đã bị chặt đầu, lóc thịt, gói bằng lá cây lạnh rồi nướng trong một lò nướng bằng đất khổng lồ cùng khoai sắn. Trong số những người Moriori được nhìn thấy hoang hôn cuối cùng của Cựu Rēkohu, chưa đến một nửa còn sống để thấy bình minh đầu tiên của Maori. (“Hiện nay có chưa tới một trăm người Moriori thuần chủng còn sống,” ông D’Arnoq cảm thán, “Trên *giấy tờ* Vương triều Anh Quốc đã giải

phóng những con người này khỏi ách nô lệ nhiều năm trước, nhưng người Maori chẳng quan tâm gì đến giấy tờ. Từ đây đến Dinh Thống đốc mất một tuần đi tàu & Nữ hoàng không cử quân đồn trú trên Chatham.”)

Tôi hỏi, tại sao người da trắng không ngăn chặn người Maori trong cuộc thám sát đó?

Ông Evans không còn ngủ nữa & không đến nổi nặng tai như tôi tưởng. “Ông có bao giờ thấy các chiến binh Maori trong cơn khát máu chưa, ông Ewing?”

Tôi trả lời chưa.

“Nhưng ông đã nhìn thấy cá mập trong cơn khát máu rồi, phải không?”

Tôi đáp mình đã thấy.

“Gần giống như vậy. Hãy tưởng tượng một bấp chân chảy máu nhúng xuống vùng nước có nhiều cá mập. Phải làm gì – tránh xa vùng nước đó hay cố gắng ngăn chặn bầy cá mập? Đó là lựa chọn của chúng tôi. Cơ mà, chúng tôi cũng giúp một số ít những người tìm đến chúng tôi đấy chứ – gã chần chừ Barnabas của chúng tôi là một trong số đó – nhưng nếu chúng tôi bước ra ngoài đêm hôm đó thì giờ đây chúng tôi đâu còn ngồi đây nữa. Hãy nhớ, có chưa đến năm mươi người da trắng trên Chatham vào lúc đó. Có tổng cộng chín trăm người Maori. Người Maori phục tùng *Pakeha*, nhưng họ căm ghét chúng ta, ông Ewing ạ. Đừng bao giờ quên điều đó.” Chân lý rút ra là gì? Hòa bình, dù với tình yêu của Chúa, là một giá trị cốt lõi chỉ khi nào lảng giềng có cùng lương tâm với ta.

## Buổi tối

Cái tên D'Arnoq không được yêu mến lắm tại *Musket*. “Một lão Đen Trắng, lai tạp,” Walker nói với tôi. “Chẳng ai biết lão là *thứ gì*.” Suggs, một gã chần chừ cụt một cánh tay lúc nào cũng có mặt ở quầy bar, nói chắc như đinh đóng cột rằng người quen của chúng tôi là một tướng quân phò Nã Phá Luân ẩn nấp ở đây sau lớp vỏ ngụy trang. Một người khác thì cam đoan ông ta là người Ba Lan. Cái tên “Moriore” cũng chẳng được yêu mến hơn. Một người Maori lai da trắng nói với tôi rằng toàn thể lịch sử của giống người thổ dân này chỉ là sản phẩm tưởng tượng của “những lão già thân kinh theo Luther giáo”, & ông D'Arnoq rao giảng về người Moriore chẳng qua là để hợp thức hóa những vụ lừa đảo giành đất của ông ta với người Maori, những người chủ thực sự của đảo Chatham, những người đã lui tới nơi này bằng xuồng từ đời nảo đời nao! James Coffee, một chủ trang trại nuôi lợn, nói người Maori đã giúp người da trắng bằng cách loại bỏ một chủng tộc mọi rợ để có chỗ cho chúng tôi, rồi nói thêm rằng người Nga huấn luyện người Cô-dắc để “làm mềm da thú Siberia” cũng nhằm mục đích tương tự.

Tôi không đồng tình, phản biện rằng sứ mệnh của chúng ta là *khai hóa* các chủng tộc da đen bằng cách cải đạo họ, không phải tận diệt họ, vì họ cũng được tạo ra từ bàn tay của Chúa. Mọi người trong quán rượu tấn công tôi tới tấp vì “giọng điệu ủy mị láo toét của bọn Mỹ!” “Những kẻ tốt nhất trong bọn chúng cũng sẽ chết như một con lợn!” một người hét âm lên. “Đức tin duy nhất mà bọn da đen *nằm lòng* là tin vào cái roi!” Lại một người nữa: “Người Anh chúng tôi đã bãi bỏ chế độ nô lệ ở vương quốc chúng tôi rồi – có người Mỹ nào dám tuyên bố như thế không hử!”

Phản ứng của Henry khá mâu thuẫn, nói một cách đơn giản là vậy. “Sau nhiều năm làm việc với các nhà truyền đạo, tôi buộc lòng kết luận rằng những nỗ lực của họ chỉ càng kéo dài cơn quẫn quại của một chủng tộc đang hấp hối thêm mười, hai mươi năm nữa mà thôi. Người thợ cày từ bi là người bắn chết con ngựa chăm làm khi nó quá già không thể phục dịch được nữa. Là những người từ ái, phải chẳng nghĩa vụ của chúng ta là xoa dịu nỗi thống khổ của những người mọi rợ bằng cách đẩy nhanh sự diệt

vong của họ? Hãy nghĩ đến những người da đỏ ở quê hương của ông đi, Adam, hãy nghĩ đến những hòa ước mà người Mỹ các ông bãi bỏ & vi phạm, hết lần này đến lần khác. Nhân văn hơn, chắc chắn rồi, & chân thật hơn, là chỉ cần đập đầu những người mọi rợ & thế là xong?”

Mỗi người một chân lý. Đôi lúc, tôi thoáng nhận ra một Chân lý chân thực hơn, ẩn sau ảo ảnh không hoàn hảo của chính nó, nhưng khi tôi tiến lại gần, nó cựa quậy & lún sâu hơn vào vũng lầy gai góc của những quan điểm bất đồng.

Thứ Ba, ngày 12 tháng 11

Thuyền trưởng Molyneux đáng kính của chúng tôi hôm nay đến *Musket* để mặc cả về năm thùng thịt muối với chủ quán trọ (vụ việc được dàn xếp bằng một trận bài cào om sòm với phần thắng thuộc về ông thuyền trưởng). Trước sự ngạc nhiên của tôi, thuyền trưởng Molyneux muốn có vài lời riêng với Henry trong phòng của ông bác sĩ trước khi trở về kiểm tra tiến độ ở xưởng tàu. Hai người vẫn đang nói chuyện trong lúc tôi viết những dòng này. Ông bạn của tôi đã được cảnh báo về thói chuyên quyền của ông thuyền trưởng, dù vậy, tôi vẫn không thích chuyện này chút nào.

## Sau đó

Thì ra thuyền trưởng Molyneux mắc một chứng bệnh mà nếu không được chữa trị có thể sẽ làm suy yếu nhiều kĩ năng đòi hỏi phải có ở địa vị của ông ta. Vì vậy thuyền trưởng đã đề nghị ông bạn Henry của tôi lên tàu cùng chúng tôi đến Honolulu (ăn uống & phòng riêng *miễn phí*), đảm nhận trách nhiệm của một bác sĩ trên tàu & bác sĩ riêng của thuyền trưởng Molyneux đến khi tàu cập bến. Ông bạn tôi giải thích rằng bản thân đã có kế hoạch quay về London, nhưng thuyền trưởng Molyneux cứ nhất quyết. Henry hứa sẽ suy nghĩ kĩ càng về chuyện này & có quyết định vào sáng thứ Sáu, ngày *Prophetess* nhổ neo.

Henry không nói thuyền trưởng mắc chứng bệnh gì, mà tôi cũng không hỏi, mặc dù chẳng cần phải là Thần Y mới biết thuyền trưởng Molyneux là nô lệ của bệnh gout. Sự suy xét thận trọng của bạn tôi đã làm uy tín ông tăng đáng kể. Bất kể Henry Goose có biểu hiện quái đản, khác người ra sao khi đi sưu tầm những món chẳng ai hiểu nổi, tôi vẫn tin bác sĩ Goose là một thầy thuốc mẫu mực & tôi tràn đầy hi vọng, nếu không nói là hơi ích kỉ một chút, rằng Henry sẽ chấp nhận lời đề nghị của thuyền trưởng.

Thứ Tư, ngày 13 tháng 11

Tôi tìm đến nhật ký của mình như một tín đồ Thiên Chúa giáo tìm đến lễ xưng tội. Các vết bầm trên người chúng tôi năm giờ kì lạ vừa qua không phải là một ảo ảnh trên giường bệnh do bệnh tình của tôi đem lại, mà là những sự kiện có thật. Tôi sẽ mô tả chuyện gì xảy ra với mình hôm nay, càng sát sự thực càng tốt.

Sáng nay, Henry đến nhà của bà góa Bryden một lần nữa để điều chỉnh thanh nẹp & bôi thêm thuốc đắp. Thay vì ngồi không rảnh rỗi, tôi quyết tâm leo lên một ngọn đồi cao nằm ở phía bắc Vịnh Đại Dương, tên là Mỏm Chóp Nón. Độ cao chót vót của nó hứa hẹn đem lại tầm nhìn tốt nhất về “vùng thôn quê” của đảo Chatham. (Henry, với tuổi đời nhiều hơn tôi, rất thận trọng trước việc lang thang trên những hòn đảo có bộ lạc ăn thịt người sinh sống.) Nhánh sông uể oải đổ nước vào Vịnh Đại Dương dẫn tôi ngược dòng qua nhiều cánh đồng cỏ lầy lội, những con dốc lổn nhổn, vào khu rừng nguyên sinh mục rữa, chằng chịt & đan xen đầy rối rắm, đến nỗi tôi phải leo trèo như đười ươi! Một trận mưa đá bất chợt trút xuống, điên cuồng nện thành thạch xuống khu rừng & đột ngột chấm dứt. Tôi rình một chú “chim oanh cổ đen” có bộ lông đen óng như màu đêm & vẻ dạn dĩ như chốn không người. Một con chim *tui* giấu mặt cất tiếng hót, nhưng ảo giác bất chợt của tôi khiến nó có sức mạnh ngôn từ con người: - “Ăn miếng trả miếng!” nó kêu phía trước, di chuyển nhẹ nhàng qua ma trận những chồi xanh, cành khô & gai nhọn. “Ăn miếng trả miếng!” Sau một chuyến leo bở hơi tai, tôi đã chinh phục được đỉnh cao trong tình trạng quần áo tả tơi & khắp người trầy xước vào lúc mấy giờ tôi cũng chẳng biết nữa, vì tôi đã lơ đãng quên lên dây cót đồng hồ bỏ túi tối hôm qua. Làn sương mờ ảo vây ám những hòn đảo nhỏ này (theo lời ông D’Arnoq, tên gọi “Rēkohu” trong thổ ngữ có nghĩa là “Mặt trời trong sương”) đã hạ thấp trong lúc tôi leo lên, vì vậy toàn cảnh từ đỉnh đồi mà tôi nhìn thấy chẳng có gì ngoài những ngọn cây tan biến trong làn mưa bụi. Thật là một phần thưởng keo kiệt cho nỗ lực của tôi.

“Đỉnh” của Mỏm Chóp Nón là một miệng núi lửa có đường kính rất hẹp, bao quanh một hố trũng có thành là vách đá, đáy hố nằm sâu tít bên dưới

hàng trăm cây *kopi*. Không có dây thừng & cuốc chim, tôi chẳng mấy bận tâm tìm hiểu độ sâu của nó. Tôi đi vòng quanh miệng hố, tìm một lối dễ đi dễ hơn để quay về Vịnh Đại Dương, thì bất thành linh một tiếng *vút!* khiến tôi ngồi thụp xuống đất: - đầu óc con người vốn không thích có chỗ trống trong nó & có thói quen tự lấp đầy với những ảo ảnh, vì thế thoát tiên tôi trông thấy một con lợn rừng có nanh vụt qua, sau đó là một chiến binh Maori đang giơ ngọn giáo, khuôn mặt hằn dấu hận thù của chủng tộc từ ngàn đời.

Hóa ra chỉ là một con chim hải âu, cánh vỗ phân phật trong không trung như một chiếc thuyền buồm. Tôi dõi theo đến khi nó biến mất vào làn sương mờ ảo. Tôi đứng cách miệng vực cả nửa mét, nhưng phát hoảng khi nhận ra lớp đất dưới chân rời ra như vỏ bánh – nơi tôi đứng không phải nền đất rắn mà là phân đất nhô ra! Tôi ngồi thụp xuống, tuyệt vọng túm lấy vài nhúm cỏ, nhưng chúng đứt đoạn trong tay tôi & cứ thế tôi rơi xuống, một hình nộm bị ném xuống giếng! Tôi nhớ mình đã xoay vòng vòng trong không trung, la hét & cành cây khô cào vào mắt, lợn nhào & áo khoác bị vướng, bị rách toạc; đất cát rơi lả tả; nghĩ đến đau đớn sắp tới; một lời cầu nguyện khẩn thiết không đầu không đuôi; một bụi rậm làm chậm lại, nhưng không làm dừng cú rơi của tôi & một nỗ lực vô vọng nhằm lấy lại thăng bằng – trượt dốc – cuối cùng mặt đất dâng nhanh lên trên để đón tôi. Cú va chạm làm tôi bất tỉnh nhân sự.

Tôi nằm giữa chần nệm bùng nhùng & những chiếc gối mùa hè, trong một phòng ngủ ở San Francisco giống như phòng ngủ của tôi. Một gia nhân lùn nói, “Cậu là một đứa trẻ *rất* ngu ngốc, Adam ạ.” Tilda & Jackson bước vào phòng, nhưng khi tôi bày tỏ niềm vui sướng của mình thì thứ tiếng phát ra từ miệng tôi lại không phải tiếng Anh mà là những tiếng ông ổng của chủng tộc thổ dân! Vợ & con tôi quá xấu hổ về tôi & lên xe ngựa đi mất. Tôi đuổi theo, cố gắng giải thích về sự hiểu lầm này, nhưng chiếc xe ngựa cứ lao đi xa dần cho đến khi tôi tỉnh dậy trong ánh chạng vạng, xung quanh là cây cối rậm rạp & một sự im lặng, choáng ngợp & thiên thu. Những vết bầm, trầy xước, cơ bắp & đầu cổ tôi rên rỉ như phòng xử án đầy những kẻ bất bình với bản án dành cho mình.

Một tấm đệm bằng rêu & lá cây, nằm ở đáy vực tối tăm đó chắc từ ngày

thứ hai Thượng đế tạo ra muôn loài, đã cứu mạng tôi. Các thiên sứ đã bảo vệ tay chân tôi, vì chỉ cần một cánh tay hay cẳng chân bị gãy thôi, thì tôi sẽ phải nằm bất động ở đó, không thể tự giải thoát cho mình, chờ đợi cái chết đến tự nhiên hoặc từ móng vuốt các loài thú. Khi đã đứng dậy được & thấy mình trượt & ngã xa đến đâu (bằng chiều cao của một cột buồm) mà không bị thương tổn gì nặng nề, tôi tạ ơn Chúa đã cứu nguy, vì quả thực, *Trong cơn gian truân nơi kêu cầu, ta bèn giải cứu người, đáp lại người từ nơi kín đáo của sấm sét.*

Mắt tôi điều chỉnh để thích nghi với ánh chiều nhập nhoạng & nhận ra một hình ảnh hằn sâu, đáng sợ & phi thực. Thoạt tiên là một, sau đó là mười, rồi hàng trăm gương mặt hiện ra từ ánh sáng lờ mờ, được những người thờ cúng đẽo vào vỏ cây, như những linh hồn rừng thẳm bị đóng băng bất động bởi một lời nguyên hiêm độc. Không tính từ nào có thể mô tả bộ lạc tử xà đó! Chỉ những gì phi sự sống mới sống động nhường đó. Tôi lần ngón tay trên những khuôn mặt đáng sợ của họ. Tôi chắc chắn mình là người da trắng đầu tiên có mặt trong lăng mộ ấy kể từ khi nó xuất hiện từ thuở hồng hoang. Tôi đoán hình chạm khắc nhỏ nhất khoảng mười năm tuổi, nhưng những hình cũ hơn, trương phồng lên theo thời gian theo thân cây trưởng thành, hằn được rạch khắc bởi những thổ dân mà giờ đây hồn ma của họ cũng đã thăng thiên từ lâu rồi. Sự lâu đời này rõ ràng là minh chứng cho lời kể của ông D'Arnoq về người Moriori.

Thời gian dần trôi trong chốn bùa mê đó & tôi tìm cách thoát ra, được tiếp thêm sức mạnh bởi biết rằng những nghệ nhân “điêu khắc cây” hẳn đã thường xuyên tới lui cái hố này. Một vách đá trông có vẻ ít dốc đứng hơn những vách khác & những sợi dây leo có thể được dùng làm “thang dây”. Tôi đang sửa soạn leo lên thì chợt nghe một tiếng “hum” kì lạ. “Ai đó?” tôi hỏi (hành động bất cẩn của một kẻ da trắng tay không xâm nhập vào thánh đường của người bản xứ.) “Lộ diện đi!” Im lặng nuốt chửng lời tôi & tiếng vọng & trêu ngươi tôi. Con đầu quấn lên trong lá lách. Tôi lần theo tiếng “hum” tìm đến một đàn ruồi đang bay quanh một cục lồi lên vắt xuyên qua một cành cây gãy. Tôi dùng một cành thông khô khều khối u & suýt nôn ọe, vì đó là một phần thịt thú vật đã thối rữa bốc mùi nồng nặc. Tôi quay lưng định bỏ chạy nhưng bụng bảo dạ phải xua tan nỗi ngờ vực rằng vật treo

trên cây đó là tim người. Tôi lấy khăn mùi soa bịt mũi & miệng & dùng gậy chạm vào một bên tâm thất đã bị thương tổn. Cơ quan nội tạng ấy đập như còn sống! & một cơn bồng rập chạy dọc sống lưng! Như trong mơ (nhưng thực tế thì không phải!) một con kỳ nhông trong suốt trôi lên từ nơi ẩn náu bên trong cái món thối rữa & phóng theo cây gậy lên thẳng tay tôi! Tôi ném cây gậy đi & không kịp thấy con kỳ nhông đã biến đi đâu mất. Máu tôi lạnh toát vì sợ & tôi vội vã tìm cách chạy thoát thân. Viết dễ hơn làm, vì nếu tôi trượt chân & rơi xuống một lần nữa từ những bức vách cao đến chóng mặt ấy, có thể vận may sẽ không làm giảm nhẹ cú rơi thứ hai của tôi nữa, nhưng nhờ những hốc đặt chân khoét vào đá & hồng ân của Chúa mà tôi đã lên đến miệng vực lạnh lặn.

Sau khi leo lên đến đám sương mù u ám, tôi thêm có sự hiện diện của con người xung quanh, đúng thế, ngay cả đám thủy thủ thô lậu ở *Musket*, & bắt đầu xuống đồi theo hướng mà tôi hi vọng là phía nam. Ý định ban đầu của tôi, kể lại hết tất cả những gì đã thấy (chắc chắn là Walker, người nắm quyền hành *thực tế* nếu không muốn nói là *tối cao* nên được thông báo về một vụ cướp tim người chứ?) ngày càng giảm dần khi tôi tiến đến Vịnh Đại Dương. Tôi vẫn còn do dự nên kể gì & với ai. Quả tim đó nhiều khả năng là của lợn, hoặc cừu, chắc chắn là vậy. Viễn cảnh Walker & đồng bọn đốn hạ những cây đó & bán những hình khắc trên cây cho các nhà sưu tập khiến lương tâm tôi bồn chồn. Có thể tôi quá nhạy cảm, nhưng tôi không muốn trở thành tác nhân cho sự xâm hại cuối cùng đến người Moriori<sup>[7]</sup>.

## Buổi tối

Chòm sao Thập Tự Nam đã lấp lánh trên bầu trời trước khi Henry trở về *Musket*, sau khi bị thêm nhiều người dân đảo giữ lại để hỏi “Thầy thuốc trị bệnh cho bà góa Bryden” về bệnh thấp khớp, mụn ghẻ & bệnh phù. “Nếu khoai tây mà là Mỹ kim,” ông bạn tôi tiếc rẻ, “thì tôi đã giàu hơn cả Nebuchadnezzar rồi!” Ông lo lắng khi nghe kể về chuyến phiêu lưu (đã được tôi chỉnh sửa nhiều) trên Mỏ Chóp Nón & nhất định đòi khám vết thương cho tôi. Trước đó tôi đã thuyết phục được cô hầu gái thổ dân đổ nước vào bồn tắm & đã khỏe khoắn hơn nhiều sau khi ngâm mình. Henry tặng tôi một lọ dầu xoa để bôi lên những chỗ viêm & không chịu nhận lại đồng nào. Lo sợ đây có thể là cơ hội cuối cùng được một bác sĩ giỏi khám (Henry định khước từ lời đề nghị của thuyền trưởng Molyneux), tôi đã trải nỗi lòng lo âu về bệnh tình của mình. Ông ta chăm chú lắng nghe & hỏi cơn đau của tôi có thường xuyên không & kéo dài bao lâu. Henry lấy làm tiếc ông không có đủ thời gian & thiết bị để chẩn đoán toàn diện, nhưng khuyến cáo rằng khi về đến San Francisco, tôi phải tìm ngay một chuyên gia về kí sinh trùng nhiệt đới ngay lập tức. (Tôi không đủ can đảm nói với ông ta rằng ở đây chẳng có bác sĩ nào như thế cả).

Tôi đã không chớp được mắt.

Thứ Năm, ngày 14 tháng 11

Chúng tôi lên tàu theo con nước triều buổi sáng. Một lần nữa tôi lại ở trên tàu *Prophetess*, nhưng tôi không thể giả vờ rằng mình thấy mừng khi trở lại. Buồng ngủ chật chội của tôi giờ đây chất ba cuộn dây cáp to mà tôi phải leo qua mới đến được giường của mình, vì không thể nhìn thấy một chỗ trống nào trên sàn. Ông D'Arnoq đã bán sáu thùng lương khô cho người lo việc hậu cần & một chồng vải buồm (trước sự khinh bỉ của Walker). Ông ta lên tàu để giám sát việc giao hàng & đích thân thu tiền & chúc tôi thượng lộ bình an. Chúng tôi mà cùng ngồi trong buồng tàu thì chật cứng như cua trong lỗ, vì thế chúng tôi lên trên boong vì tiết trời tối hôm đấy rất dễ chịu. Sau khi thảo luận nhiều vấn đề, chúng tôi bắt tay & ông ta leo xuống chiếc thuyền buồm nhỏ đang đợi, có hai người hầu trẻ tuổi lai thổ dân phục vụ. Roderick chẳng hề động lòng khi tôi kiến nghị dời những cuộn dây cáp phiền phức đi chỗ khác, vì ông ta bị buộc phải dọn ra khỏi buồng riêng (vì lý do dưới đây) & chuyển đến buồng phía trước với các thủy thủ mà giờ đây số lượng đã phình lên với năm người Castile “săn trộm” từ chiếc tàu Tây Ban Nha đang thả neo tại Vịnh. Thuyền trưởng của họ mang bộ mặt của Thần Thịnh Nộ, nhưng ngoài việc tuyên chiến với tàu *Prophetess* – một trận chiến chắc chắn sẽ làm ông ta thảm bại, vì ông ta chỉ huy chiếc tàu ọp ẹp nhất – ông ta chẳng thể làm gì khác ngoài tạ ơn thánh thần vì thuyền trưởng Molyneux không còn cần thêm những kẻ đào ngũ từ tàu ông nữa. Bản thân từ “Đi California” đã như dát vàng & hấp dẫn mọi người như thiêu thân lao vào ánh đèn. Năm người này thế chỗ cho hai người bỏ tàu ở Vịnh Đại Dương & những người bỏ mạng trong trận bão, nhưng chúng tôi vẫn còn thiếu vài người nữa thì thủy thủ đoàn mới đầy đủ. Finbar nói với tôi rằng cánh thủy thủ kêu ca rất nhiều về sự sắp xếp mới, vì khi Roderick dọn đến ở chung, họ không thể tha hồ bù khú được nữa.

Vận mệnh đã bù đắp xứng đáng cho tôi. Sau khi thanh toán hóa đơn cắt cổ của Walker (tôi cũng chẳng boa cho tên khốn ấy một xu nào), tôi đang khóa chiếc rương gỗ của mình thì Henry bước vào chào tôi: - “Xin chào buổi sáng, bạn cùng thuyền!” Thượng đế đã nghe thấy lời cầu nguyện của

tôi! Henry đã nhận lời làm bác sĩ của tàu & tôi không còn cô đơn trên cái sân trại nổi này nữa. Đám thủy thủ thật xấu tính đến nỗi, thay vì biết ơn vì có sẵn một bác sĩ trên tàu để nẹp những đoạn xương gãy & trị vết thương nhiễm trùng cho họ, thì ai cũng có thể nghe thấy tiếng họ càm ràm, “Chúng ta là gì mà phải chờ theo một ông bác sĩ vô dụng, chẳng biết đi trên thanh rầm néo buồm chứ? Có phải là thuyền rồng quý tộc gì đâu?”

Tôi phải thừa nhận có chút tự ái khi thuyền trưởng Molyneux cấp cho một quý ông thanh toán sòng phẳng như tôi đây chỉ một chiếc giường ngủ tồi tàn, trong khi còn một buồng tiện nghi hơn vẫn chưa được sử dụng. Tuy nhiên, cái được lớn hơn là lời hứa của Henry sẽ dùng tài năng siêu phàm của mình để chẩn đoán bệnh tình cho tôi ngay khi chúng tôi ra biển. Không bút mực nào tả xiết cảm giác nhẹ nhõm của tôi.

Thứ Sáu, ngày 15 tháng 11

Chúng tôi khởi hành lúc hừng đông, dù thứ Sáu là ngày kiêng kị của dân đi biển. (Thuyền trưởng Molyneux cầu nài, “Mấy trò dị đoan, ngày của các Thánh & những lời đồn nhảm chỉ dành cho mấy mụ bán cá mê tín chứ tôi thì còn bận làm ăn sinh lời!”) Henry & tôi không lên boong tàu, vì tất cả mọi người đều bận rộn chằng đầu này buộc đầu kia, & gió nam thổi rất mạnh cùng với biển động; tối qua tàu gặp trục trặc & vẫn không khá hơn vào hôm nay. Chúng tôi dành ra nửa ngày để sắp xếp chỗ bào chế thuốc cho Henry. Ngoài một số thiết bị của bác sĩ hiện đại, ông bạn tôi còn có vài quyển sách chuyên ngành bằng tiếng Anh, Latin & Đức. Một hộp đựng nhiều loại bột trong từng chai được nút chặt, dán nhãn tiếng Hi Lạp. Ông ta trộn những loại bột này để làm thành nhiều loại thuốc viên & thuốc bôi khác nhau. Chúng tôi nhìn ra bầu trời trưa qua khe cửa & quần đảo Chatham chỉ còn là những chấm mực lấm tấm trên nền chân trời xám xịt, nhưng chiếc tàu lắc lư nghiêng ngả thật không an toàn cho những ai đã lên bờ suốt một tuần.

## Buổi chiều

Anh chàng thủy thủ người Thụy Điển tên là Torgny gõ cửa buồng tôi. Ngạc nhiên & tò mò trước thái độ lén lút của cậu ta, tôi cho cậu vào phòng. Cậu ngồi lên một “kim tự tháp” dây cáp & thì thầm rằng mình nắm giữ kế hoạch của một băng nhóm thủy thủ. “Hãy cho chúng tôi biết những mạch ngầm tốt nhất ở đâu, những mạch ngầm bí mật mà người địa phương các ông đang giữ kín cho riêng mình. Tôi và mấy người bạn sẽ làm công việc đào bới. Ông chỉ cần ngồi yên & chúng tôi sẽ chia cho ông một phần mười.”

Mất một lúc tôi mới hiểu Torgny đang nói đến các mỏ khoáng sản ở California<sup>[8]</sup>. Hóa ra, một vụ đào tẩu diện rộng đang được ấp ủ khi *Prophetess* cập bến & tôi phải thú nhận, tôi đứng về phe các thủy thủ! Tuy vậy, tôi vẫn thề với Torgny là tôi chẳng biết gì về các quặng vàng, vì đã xa nhà suốt một năm qua, nhưng tôi sẽ *sẵn lòng* vẽ một bản đồ minh họa vùng “Eldorados” đang được đồn thổi. Torgny đồng ý. Xé một tờ giấy từ sổ nhật ký, tôi vẽ lược đồ vùng Sausalito, Benecia, Stanislaus, Sacramento, v.v., bất chợt một giọng nói nham hiểm vang lên. “Giống nhà tiên tri quá nhỉ, Gà Chọi?”

Chúng tôi không hề nghe tiếng Boerhaave đi đến & lén mở cửa phòng tôi! Torgny kêu lên hoảng hốt, nhận tội ngay tấp lự. “Làm gì đây,” lão thuyền phó lên tiếng, “mày có việc gì mà nói chuyện với hành khách của chúng tao, đồ mụn mủ Stockholm?” Torgny đứng im như trời trồng, nhưng tôi thì không dễ dọa & bảo kẻ bắt nạt rằng tôi đang diễn tả “khung cảnh” ở quê nhà tôi, để Torgny dễ thăm thú khi lên bờ.

Boerhaave nhướn mày, “Bây giờ ông phân công cả thủy thủ lên bờ hay sao? Vụ này mới à. Đưa cho tôi tờ giấy đó nào, ông Ewing, nếu ông không phiền.” Tôi có phiền. Quà của tôi là dành cho anh chàng thủy thủ và anh ta không việc gì phải tuân theo mệnh lệnh của gã Hà Lan. “Ờ hay, xin thứ lỗi nào, ông Ewing. Torgny, lấy *quà* của mày đi.” Tôi không còn lựa chọn nào khác, đành phải đưa nó cho anh chàng người Thụy Điển đang cun cút tuân lệnh. Boerhaave giục, “Torgny, đưa *quà của mày* cho tao ngay, nếu không mày sẽ hối tiếc ngày mày chui ra khỏi bụng mẹ mày đấy (ngòi bút tôi xiêu vẹo khi viết đến sự báng bổ này).” Anh chàng người Thụy Điển rậm rấp làm

theo.

“Đúng là có ăn có học,” Boerhaave nhận xét khi nhìn chữ viết tay của tôi. “Thuyền trưởng sẽ rất vui khi biết ông đã vất vả ra sao để chăm sóc cho bọn thủy thủ mặt hạng của chúng tôi, ông Ewing ạ. Torgny, đi canh cột buồm hai mươi tư giờ cho tao. Nếu phát hiện mày ăn hay uống thì tăng lên bốn mươi tám giờ. Có khát thì tự mà uống nước đ. của mày ấy.” Torgny lủi đi ngay nhưng lão thuyền phó chưa xong với tôi. “Vùng biển này nhiều cá mập lắm, Gà Chọi à. Chúng bám đuôi tàu để ăn những món hàng hóa ngon lành được vớt xuống cho nhẹ tàu, thật đấy. Có lần tôi thấy một con ăn thịt cả hành khách luôn. Ông ta, cũng giống ông vậy, quá bất cẩn về sự an toàn của chính mình, & bị ngã từ trên boong xuống nước. Chúng tôi nghe tiếng ông ta gào thét. Lũ cá mập trắng đùa giỡn với bữa tối của chúng, nhai nuốt từ từ, nhai cái chân, rửa miếng thịt & gã đáng thương đó giã dụn lâu hơn là ông tưởng đấy. Hãy nghĩ cho kĩ.” Lão đóng sầm cửa buồng lại. Boerhaave, như tất cả những kẻ bắt nạt & độc tài khác, rất tự hào về thái độ lỗ mãng khiến họ trở nên khét tiếng.

Thứ Bảy, ngày 16 tháng 11

Định mệnh đã giáng lên tôi bi kịch tồi tệ nhất trong hành trình từ trước đến nay! Một bóng ma Cựu Rēkohu đã ném tôi, kẻ chỉ có một mong mỏi duy nhất là được yên tĩnh & tự do làm theo ý mình, vào gông cùm của sự ngờ vực & thị phi! Nhưng tôi chẳng phạm phải *tội lỗi* nào, ngoài đức tin Cơ đốc giáo & vận đen không dứt! Một tháng đã trôi qua kể từ khi chúng tôi khởi hành từ New South Wales khi tôi viết dòng nhật ký đầy lạc quan này, “Tôi mong đợi một hành trình yên bình & tẻ nhạt.” Thật là một câu phũ phàng! Tôi mãi không bao giờ quên mười tám giờ vừa qua, nhưng vì tôi không tài nào chớp mắt hoặc suy nghĩ (& Henry thì đã đi ngủ rồi) nên cách duy nhất để trốn cơn mất ngủ lúc này là nguyên rửa Vận may của mình trên những trang giấy thân thương này.

Tối qua tôi về lại cái hộp quan tài của mình với tâm trạng mệt rã rời. Sau khi cầu nguyện, tôi thổi tắt đèn & đang từ từ chìm vào giấc ngủ trong vô vàn âm thanh của con tàu. Chợt một giọng khàn khàn, ở *trong buồng của tôi!*, khiến tôi choàng tỉnh, mở trừng trừng hai mắt & kinh hãi tột độ! “Ông Ewing,” giọng nói thì thầm cầu khẩn, “Xin đừng sợ - ông Ewing – không hại, không la, làm ơn, thưa ông.”

Tôi ngồi bật dậy & va đầu vào vách ngăn. Trong tia sáng từ ánh đèn vàng tù mù xuyên qua khung cửa tạm bợ & ánh sao qua lỗ cửa sổ, tôi thấy một cuộn dây cáp dài như con rắn mở ra & một hình hài màu đen chui ra như cương thi ở nghĩa trang! Một bàn tay chắc nịch lướt qua bóng đêm & bịt chặt miệng tôi trước khi tôi kịp hét lên! Kẻ tấn công rít lên, “Ông Ewing, không hại, ông an toàn, tôi bạn của ông D’Arnoq – ông biết ông ấy đạo Thiên Chúa – làm ơn, im lặng!”

Cuối cùng, lý lẽ đã chống lại nỗi sợ hãi của tôi. Một con người, không phải hồn ma, đã ẩn nấp trong phòng tôi. Nếu hắn muốn cắt cổ tôi để cướp mũ, giày & thùng hồ sơ giấy tờ của tôi, thì tôi đã toi mạng từ lâu. Nếu hắn định đi tàu lậu, thì hắn chứ không phải tôi, sắp tàn đời rồi. Từ ngôn ngữ thô lậu của hắn, thân hình mảnh dẻ & mùi cơ thể hắn, tôi đoán kẻ đi tàu lậu là một thổ dân, một mình trên một chiếc tàu với năm mươi người da trắng. Tốt lắm. Tôi gạt đầu, chậm rãi, để ra hiệu tôi sẽ không hét lên.

Bàn tay thận trọng rời khỏi miệng tôi. “Tên tôi là Autua,” hắn nói. “Ông biết tôi, ông đã thấy tôi, vâng – ông thương hại tôi.” Tôi hỏi hắn đang nói gì. “Người Maori đánh tôi – ông thấy.” Trí nhớ tôi vượt qua sự kì lạ của tình huống hiện thời & tôi nhớ đến người Moriori bị “Vua Thần Lăn” đánh bằng roi. Điều này làm hắn vui lên. “Ông người tốt – ông D’Arnoq nói ông người tốt – ông ấy giấu tôi trong buồng ông tối hôm qua – tôi trốn – ông giúp, ông Ewing.” Lúc này một tiếng rên phát ra từ miệng tôi! & bàn tay hắn lại bịt chặt miệng tôi. “Nếu ông không giúp – tôi gặp nguy chết.”

Đúng là vậy đấy, tôi nghĩ, *không những vậy mi sẽ lòi ta chết theo, nếu ta không thuyết phục được thuyền trưởng Molyneux về sự vô tội của ta!* (Tôi giận sôi người trước hành động của D’Arnoq & lúc này đây vẫn còn sôi sục. Có giỏi thì ông ta đi mà cứu những “người tốt” & để cho những người qua đường vô tội được yên thân!) Tôi nói với kẻ đi tàu lậu rằng hắn đã “gặp nguy chết” rồi. Tàu *Prophetess* là một chiếc tàu chở hàng, không phải là một “đường sắt ngầm” cho những tên nô lệ được giải cứu.

“Tôi làm được thủy thủ!” gã da đen khẳng định. “Tôi từng đi biển!” Rất tốt, tôi bảo hắn (ngghi ngờ trước việc hắn tự nhận là thủy thủ nhà nòi), & nói hắn nên trình báo với thuyền trưởng ngay để hưởng khoan hồng. “Không! Họ không nghe tôi! *Bơi về nhà đi, thằng mọi!*, họ nói, & ném tôi xuống nước! Ông luật sư phải không? Ông đi, ông nói, tôi ở lại, tôi nấp! Làm ơn. Thuyền trưởng nghe ông, ông Ewing. Làm ơn.”

Tôi tìm cách thuyết phục hắn trong tuyệt vọng, không có kẻ trung gian nào bị ghẻ lạnh trong triều đình của thuyền trưởng Molyneux hơn gã người Mỹ Adam Ewing *này*. Chuyến mạo hiểm của gã người Moriori là của riêng hắn & tôi chẳng muốn dự phần vào chút nào. Bàn tay hắn tìm thấy bàn tay tôi & trong sự khiếp đảm của tôi, khép các ngón tay tôi quanh cán một con dao găm. Mệnh lệnh của hắn dứt khoát & rõ ràng. “Vậy thì giết tôi đi.” Với một sự bình tĩnh & quả quyết đáng sợ, hắn ấn mũi dao vào cổ họng mình. Tôi nói với gã thổ dân rằng hắn điên rồi. “Tôi không điên, ông không giúp tôi, ông giết tôi, cũng vậy. Đúng thế, ông biết mà.” (Tôi nài nỉ hắn kiểm chế & nói nhỏ giọng). “Vậy hãy giết tôi. Nói với người khác là tôi tấn công ông, nên ông giết tôi. Tôi không làm mồi cho cá đêu, ông Ewing. Chết ở đây tốt hơn.”

Nguyên rửa lương tâm của mình một, số mệnh của mình hai & ông D'Arnoq ba, tôi bảo hắn hãy bỏ dao xuống & vì Chúa hãy trốn đi nếu không ai đó trong thủy thủ đoàn sẽ nghe thấy và đến gõ cửa. Tôi hứa sẽ gặp thuyền trưởng vào buổi ăn sáng ngày mai, vì giờ này mà quấy rầy giấc ngủ của ông ta thì tôi chắc chắn sẽ toi mạng. Điều này vừa ý kẻ đi tàu lậu & hắn cảm ơn tôi. Hắn trườn vào trong cuộn dây cáp, để lại tôi với một nhiệm vụ gập như bất khả thi, đó là dựng lên một câu chuyện cho một tên thổ dân đi lậu tàu, trên một chiếc tàu Anh, mà không làm cho người phát hiện & bạn cùng buồng với hắn bị buộc tội đồng lõa. Hơi thở của gã thổ dân cho tôi biết hắn đã ngủ. Tôi trỗi lên ý định lao ra cửa & kêu cứu, nhưng trong mắt Chúa tôi là người giữ chữ tín, ngay cả với một thổ dân.

Tiếng động chối tai của những thanh gỗ bị gãy, cột buồm nghiêng ngả, dây thừng căng ra, vải buồm phàn phật, tiếng bước chân trên boong, dê kêu be be, chuột chạy táo tác, tiếng máy bơm lạch cạch, tiếng chuông đồng hồ, tiếng hò hét & cười đùa từ buồng thủy thủ, tiếng ra lệnh, bài hò kéo trực quay & những âm thanh từ vương quốc bất tận của Nữ thần biển cả; tất cả ru tôi vào giấc ngủ trong lúc tôi đang tính toán cách nào tốt nhất để thuyết phục thuyền trưởng Molyneux về sự vô tội của tôi trong âm mưu của ông D'Arnoq (bây giờ tôi phải thận trọng hơn bao giờ hết để quyển nhật ký này không bị những cặp mắt thiếu thân thiện đọc được) thì bất thành linh một giọng the thé hét lên, bắt đầu từ xa xa nhưng nhanh chóng tiến lại gần với tốc lực của đầu đạn, rồi tắt hẳn chỗ boong tàu, ở phía trên cách nơi tôi nằm chỉ vài phân.

Thật là một kết cục khủng khiếp! Tôi nằm sấp, hốt hoảng & cứng đờ, quên cả thở. Tiếng la hét vang lên khắp xa gần, tiếng chân chạy & một tiếng gào "Gọi bác sĩ Goose!".

"Kẻ đáng thương rơi từ khoang buộc tàu, chết rồi." Gã thổ dân thì thầm khi tôi vội vã đi ra ngoài xem chuyện lộn xộn gì ngoài đó. "Ông không thể gì hết, ông Ewing." Tôi ra lệnh cho hắn trốn kĩ & nhanh chân đi ra. Tôi tưởng tượng kẻ đi tàu lậu cảm thấy tôi muốn dùng tai nạn này để phản bội hắn.

Thủy thủ đoàn đứng xung quanh một người đàn ông nằm sấp ở chân cột buồm. Trong ánh đèn măng sông lắc lư, tôi nhận ra đó là một người

Castile. (Tôi thừa nhận tâm trạng đầu tiên của mình là nhẹ nhõm, vì không phải Rafael mà một người khác đã ngã chết.) Tôi nghe người Iceland nói người chết đã thảng khẩu phần rượu của những đồng hương trong một ván bài & uống hết trước khi đi tuần. Henry đến, vẫn đang mặc đồ ngủ và đem theo chiếc túi bác sĩ. Ông ta quỳ xuống cạnh hình hài méo mó & bắt mạch, nhưng rồi lắc đầu. “Anh bạn này không cần bác sĩ.” Roderick lấy lại đôi ủng & quần áo của người Castile để bán đấu giá & Mankin tìm được một ít vải bao tải loại ba để quần tử thi. (Lão Boerhaave sẽ trừ tiền vải bao tải vào lợi nhuận thu được từ việc đấu giá.) Các thủy thủ trở về buồng hoặc vị trí của họ trong im lặng, ai cũng buồn bã trước lời nhắc về cuộc sống mong manh này. Henry, Roderick & tôi ở lại để xem những người Castile tiến hành nghi lễ mai táng Cơ đốc giáo của họ dành cho người đồng hương trước khi buộc bao tải lại & thả xác anh ta xuống biển trong nước mắt & những lời tiễn biệt đau thương! “Những người Mỹ Latinh trác ẩu,” Henry nhận xét, chúc tôi ngủ ngon lần thứ hai. Tôi nóng lòng muốn tiết lộ bí mật về gã thổ dân với ông bạn, nhưng đã ngậm miệng lại để ông ta không bị liên lụy với tội đồng lõa.

Quay về từ cảnh tượng đáng buồn, tôi thấy ánh đèn măng sông le lói trong nhà bếp. Finbar ngủ ở đó “để canh những kẻ ăn cắp vặt”, nhưng ông ấy cũng bị đánh thức bởi sự huyền ảo tối hôm đó. Tôi sức nghĩ rằng kẻ đi lậu tàu có thể chưa ăn gì trong một ngày rưỡi rồi, thật đáng sợ quá, vì ai mà biết cái bụng đói có thể xui khiến một tên mọi rợ gây ra hành động ác độc gì chứ? Việc tôi làm có thể sẽ chống lại tôi vào ngày mai, nhưng tôi nói với đầu bếp rằng tôi đang đói đến không ngủ được & (ăn gấp đôi bình thường “vì vào đêm hôm khuya khoắt thế này”) tôi nhận được một đĩa dưa bắp cải, xúc xích & bánh mì cứng như đạn đại bác.

Trở lại bốn bức tường trong buồng, gã mọi rợ cảm ơn lòng tốt của tôi & ăn bữa tối khiêm tốn đó như thể đó là Yến tiệc của tổng thống. Tôi không thú nhận động cơ thực sự của mình, đó là, bụng hần no bao nhiêu thì nguy cơ hần muốn ăn thịt tôi sẽ giảm đi bấy nhiêu, thay vào đó, tôi hỏi hần tại sao, trong buổi hành hình bằng roi, hần lại mỉm cười với tôi. “Nỗi đau rất mạnh, đúng – nhưng đôi mắt của bạn, còn mạnh hơn.” Tôi nói với hần rằng hần chẳng biết gì về tôi & tôi cũng chẳng biết gì về hần. Hần chìa hai

ngón tay vào mắt mình & vào mắt tôi, như thể cử chỉ đó đã giải thích tất cả.

Gió thổi mạnh hơn khi phiên trực giữa đêm tiếp tục, khiến cho những cột gỗ kêu kễ kẹt & nước biển dâng cao & tràn vào boong tàu. Không lâu sau nước biển nhỏ vào buồng của tôi, chảy xuống dọc các bức tường & thấm vào lớp chăn. “Lẽ ra người nên chọn một nơi ẩn nấu khô ráo hơn chỗ của ta,” tôi thì thầm, để đo độ yếu đuối của kẻ đi tàu lậu. “An toàn tốt hơn khô, ông Ewing,” hắn thì thầm, thận trọng giống tôi. Tôi hỏi tại sao hắn lại bị đánh dã man như vậy lúc ở làng thổ dân? Một sự im lặng kéo dài. “Tôi nhìn thấy quá nhiều trên thế giới rồi, tôi không phải nô lệ tốt.” Để chống cơn buồn nôn trong những giờ phút thê thảm đó, tôi gắng hỏi chuyện đời của kẻ đi tàu lậu. (Hơn nữa, tôi không thể khước từ óc tò mò của mình.) Tiếng Anh “bồi” của hắn chỉ kể lại rời rạc những điểm chính của câu chuyện nên tôi sẽ cố gắng viết lại như sau.

Tàu thuyền của người da trắng đem theo những thùng trầm đến Cự Rēkohu, như ông D’Arnoq đã kể, nhưng cũng đem đến những tinh hoa. Trong suốt thời niên thiếu đi tàu lậu của mình, Autua khao khát được tìm hiểu thêm về những con người có nước da trắng tái đến từ những nơi mà sự tồn tại của chúng, trong thời ông bà hắn, là cả một vương quốc bí ẩn. Autua nói bố của hắn từng có mặt trong số những người bản địa chạm trán với binh đoàn đổ bộ của thuyền trưởng Broughton ở Vịnh Giao Tranh, & ở tuổi thành niên hắn đã nghe những câu chuyện kể đi kể lại: - về những con “Đại Hải Âu”, bơi qua làn sương mờ buổi sáng; những người hâu có bộ lông sặc sỡ, nối với nhau một cách kì lạ, chèo xuống vào đất liền, quay lưng lại; về thứ tiếng lấp bắp (một ngôn ngữ loài chim?) của những người hâu - Hải âu này; về hơi thở ra khói của họ; về sự vi phạm nghiêm trọng điều cấm kị không cho người lạ chạm vào xuống (làm thế sẽ khiến chiếc xuống bị ám & xem như không dùng để đi biển được, giống như nó đã bị phá hỏng rồi); về những cuộc đấu khẩu; về những “cây gậy quất tháo” mà cơn thịnh nộ của nó có thể giết chết một người ở đâu kia bãi biển; & về tấm vải rực rỡ màu xanh biển, trắng mây & đỏ máu mà những người hâu kéo lên phía trên một chiếc cột trước khi chèo trở lại Đại Hải Âu. (Lá cờ này đã bị tháo xuống & dâng lên tù trưởng. Ông ta quán nó trên người đầy tự hào cho đến khi bệnh tràng nhạc lấy mạng ông.)

Autua có một người chú, tên là Koche, từng đi trên một chiếc tàu săn hải cẩu Boston, vào khoảng năm 1825. (Kẻ đi tàu lậu không nhớ chính xác ông ta bao nhiêu tuổi.) Người Moriori là những thủy thủ đắt giá trên các chuyến tàu đó, vì ngoài tài võ nghệ, người Rēkohu nổi danh nhờ tài săn hải cẩu & bơi lội cừ khôi. (Thêm một ví dụ nữa, để lấy được vợ, một thanh niên phải lặn xuống đáy biển & nổi lên với mỗi tay một con tôm & con thứ ba ngậm trong miệng.) Cũng cần nói thêm là, những người Polynesia mới được phát hiện trở thành miếng mồi dễ dàng cho những tay thuyền trưởng vô lương tâm. Chú Koche của Autua quay về sau năm năm, mặc quần áo của *pakeha*, đeo khuyên tai, một túi nhỏ Mỹ kim & đồng *réal*, có những thói quen kì lạ (“thở ra khói” nằm trong số đó), những câu văng tục & những chuyện kể về các thành phố & cảnh trí quá đỗi kỳ dị không bao giờ phát ra từ miệng một người Moriori.

Autua thề sẽ lên con tàu kế tiếp rời khỏi Vịnh Đại Dương & tận mắt nhìn ngắm những nơi kì lạ xa xôi. Chú hẳn thuyết phục một thuyền phó hai trên một chiếc tàu săn cá voi Pháp để đưa cậu bé mười tuổi (?) Autua đi cùng học việc. Trong sự nghiệp đi biển sau đó của người Moriori, hẳn đã nhìn thấy dây băng hà ở Nam Cực, những con cá voi biến thành những tiểu đảo đầy máu, rồi thành những thùng dầu cá voi; ở vùng biển Encantadas xám xịt lạnh gió, hẳn săn những con rùa khổng lồ; ở Sydney, hẳn nhìn thấy những tòa nhà sừng sững, công viên, xe ngựa & quý bà đội mũ bê-rê & những phép màu của văn minh; hẳn vận chuyển thuốc phiện từ Calcutta đến Quảng Châu; sống sót qua bệnh lị ở Batavia; mất nửa cái tai trong một trận ẩu đả với người Mã trước đền thờ ở Santa Cruz, sống sót sau một vụ đắm tàu ở Mũi Sừng & nhìn thấy Rio de Janeiro, dù không bước chân lên bờ; & ở bất kỳ đâu hẳn đều quan sát thấy sự tàn nhẫn thường nhật mà những chủng tộc có màu da sáng hơn dành cho màu da đậm hơn.

Autua trở về vào mùa hè năm 1835, một thanh niên biết nhiều hiểu rộng ở độ tuổi chừng hai mươi. Hẳn định cưới một cô gái bản địa & xây một ngôi nhà & khai khẩn ít đất đai nhưng, như ông D’Arnoq đã kể, vào đông chí năm đó, toàn bộ những người Moriori nào không bị sát hại đều bị biến thành nô lệ của người Maori. Những năm tháng giữa các thủy thủ đoàn thuộc đủ mọi quốc tịch của kẻ mới trở về cũng chẳng giúp Autua được

nâng giá trong con mắt những kẻ xâm lược. (Tôi nhận thấy sự trở về của con người dày dạn phong sương này thật là không đúng lúc. “Không, ông Ewing, Rēkohu gọi tôi về nhà, để tôi nhìn thấy cái chết của nó để tôi biết,” hấn gõ vào đầu, “sự thật.”)

Ông chủ của Autua là người Maori xăm hình thần lằn, Kupaka, kẻ đã nói với những nô lệ khiếp sợ & suy sụp rằng y đến để tẩy uế họ khỏi những thánh thần giả mạo (“Thánh thần các người có cứu các người không?” Kupaka chế giễu); ngôn ngữ văn đục của họ (“Cán roi của ta sẽ dạy các người tiếng Maori nguyên gốc!”); dòng máu nhiễm tạp của họ (“Quan hệ đồng huyết đã làm loãng *mana* nguyên gốc của các người!”). Từ đó trở đi hôn nhân giữa người Moriori với nhau bị cấm đoán & bất kỳ đứa trẻ nào sinh ra từ đàn ông Maori với phụ nữ Moriori đều được tuyên bố là người Maori. Những người vi phạm buổi ban đầu bị hành quyết rất dã man & những người sống sót thì sống trong cảnh nín lặng dưới sự nô dịch tàn nhẫn. Autua khai hoang đất đai, trồng lúa mì & nuôi lợn cho Kupaka đến khi giành được đủ sự tin cậy để bỏ trốn. (“Những nơi bí mật trên Rēkohu thừa ông Ewing, thung lũng nhỏ, hầm bẫy, hang sâu trong Rừng Motoporoporo, rất rậm rạp, không con chó nào đánh hơi ra.” Tôi tưởng tượng mình rơi xuống một nơi bí mật như thế.)

Một năm sau hấn bị bắt lại, nhưng số nô lệ người Moriori lúc bấy giờ còn lại quá ít nên không thể tùy tiện sát hại. Những người Maori giai cấp thấp cũng phải lao động cùng các nông nô dù đây là điều họ ghét cay ghét đắng. “Chúng tôi rời bỏ đất đai tổ tiên ở Aotearoa để nhận lại cái nơi sỏi đá thảm hại này hay sao?” họ than vãn.) Autua bỏ trốn một lần nữa & trong nỗ lực tìm tự do lần thứ hai, hấn được ông D’Arnoq cho lánh nạn vài tháng mà không gây rủi ro về sau. Trong thời gian lẩn trốn này Autua đã được rửa tội & trở thành con chiên của Chúa.

Người của Kupaka lùng ra kẻ đào tẩu sau một năm & sáu tháng, nhưng lần này gã tộc trưởng khôn ngoan đã tỏ thái độ tôn trọng đối với tín ngưỡng của Autua. Sau trận roi phạt thừa sống thiếu chết, Kupaka giao cho tên nô lệ nhiệm vụ đánh cá để phục vụ bữa ăn của y. Autua trải qua một năm làm việc cho Kupaka cho đến một buổi chiều, khi hấn thấy một con cá *moeeka* hiếm gặp giãy giụa trong lưới. Hấn nói với vợ của Kupaka rằng vua

của các loài cá này chỉ dành riêng cho vua của loài người & chỉ cho bà ta cách nấu ăn cho chồng. (“Con cá *moeeka* này độc lắm lắm, ông Ewing ạ, cắn một miếng, ông ngủ, ông không dậy nữa.”) Trong bữa ăn tối hôm đó, Autua lén ra khỏi khu trại, trộm chiếc xuồng của chủ & chèo qua vùng biển động tối om đến đảo hoang Pitt, cách đảo Chatham hai hải lý về phía nam (tiếng Moriori gọi là “Rangiauria” & được tôn thờ như cái nôi sinh ra loài người.)

Vận may đã mỉm cười với kẻ đi tàu lậu, vì hắn đã cập bến an toàn lúc bình minh khi một cơn gió mạnh thổi qua & không có chiếc xuồng nào đuổi theo. Autua sống được trên Vườn địa đàng này của Polynesia nhờ ăn cần tây dại, cải xoong, trứng, dâu dại, một con lợn rừng con tình cờ bắt được (hắn chỉ dám liều nhóm lửa khi đêm tối hoặc có sương mù) & ý nghĩ rằng ít nhất Kupaka đã bị trùng trị đích đáng. Sự cô độc có quá sức chịu đựng của hắn không? “Buổi tối, tổ tiên đến thăm. Ban ngày, tôi kể chuyện của Maui với chim chóc, & chim chóc kể chuyện biển cả với tôi.”

Kẻ đào tẩu sống như thế qua nhiều con trăng, cho đến tháng Chín năm ngoái, khi một cơn gió mùa đông đánh vỡ tàu săn cá voi *Eliza* từ Nantucket trên Bãi đá ngầm đảo Pitt. Mọi người đều chết đuối, ngoại trừ Walker, hăm hở trước ý nghĩ kiếm tiền dễ dàng, đã bơi qua eo biển để đi tìm thổ dân trên đảo. Khi thấy dấu hiệu có người sinh sống & thấy chiếc xuồng cũ của Kupaka (mỗi chiếc xuồng đều được trang trí bằng những hình chạm trổ riêng) gã biết đã tìm thấy kho báu mà những người hàng xóm Maori của gã sẽ quan tâm. Hai ngày sau, một nhóm tìm kiếm lớn chèo thuyền đến đảo Pitt từ đất liền. Autua ngồi trên bãi biển & nhìn thấy họ đến, chỉ ngạc nhiên khi thấy kẻ thù cũ của hắn, Kupaka, đã già nhưng vẫn còn sống & hô hào lệnh chiến.

Người bạn cùng buồng không mong đợi của tôi kết thúc chuyện kể. “Con chó háu đói của tên khốn ấy đã ăn vụng *moeeka* trong nhà bếp của y & chết tốt, còn gã người Maori thì không. Đúng, Kupaka đã đánh roi tôi, nhưng y đã già & ở xa nhà & *manac* của y trống rỗng & bị bỏ đói. Người Maori sống bằng chiến tranh & báo thù & thù hận, nhưng hòa bình giết chết họ. Nhiều người đã quay lại Tân Tây Lan. Kupaka không thể đi, đất của y không còn nữa. Rồi tuần trước, ông Ewing ạ, tôi thấy ông & tôi biết, ông cứu tôi, tôi biết.”

Người trực ca sáng gõ bốn tiếng chuông & lỗ cửa sổ trong buồng hé lộ một buổi bình minh mưa tầm tã. Tôi chớp mắt một chút, nhưng những lời cầu nguyện của tôi rằng bình minh sẽ làm gã người Moriori biến mất đã không được đoái hoài. Tôi dặn hấn giả vờ rằng *hắn chỉ mới tiết lộ về mình* & không đề cập gì đến cuộc nói chuyện tối qua. Hấn tỏ dấu hiệu hiểu, nhưng tôi lo sợ điều tồi tệ nhất: trí khôn của một thổ dân không thể nào sánh với trí khôn của Boerhaave.

Tôi bước lên cầu tàu đến phòng ăn của các chỉ huy tàu (*Prophetess* đang lắc lư như một con ngựa non chưa thuần hóa), gõ cửa & bước vào. Roderick & Boerhaave đang lắng nghe thuyền trưởng Molyneux. Tôi hắng giọng & cất lời chào buổi sáng tốt lành đến mọi người, để nhận lại câu văng tục từ vị thuyền trưởng khả kính, “Ông có thể làm cho buổi sáng của tôi tốt lành hơn bằng cách cút mẹ đi, ngay lập tức!”

Tôi bình tĩnh hỏi *khi nào* thì thuyền trưởng có thời gian nghe tin về một gã thổ dân đi tàu lậu vừa chui ra từ đồng dây cáp và hiện đang chiếm giữ “cái gọi là buồng của tôi.” Trong khoảng im lặng tiếp theo đó, làn da trắng tái như da cóc của thuyền trưởng Molyneux chuyển sang đỏ ửng như thịt bò nướng. Trước khi ông ta nổi cơn thịnh nộ, tôi nói thêm rằng kẻ đi tàu lậu tự nhận giới đi biển & xin được làm việc trên tàu.

Boerhaave chặn trước lời thuyền trưởng với cáo buộc như tôi dự đoán & đe dọa, “Trên tàu hàng của Hà Lan kẻ nào chứa chấp người đi lậu sẽ chịu chung số phận!” Tôi nhắc lão người Hà Lan nhớ rằng chúng tôi đang đi trên một chiếc tàu cấm cờ Anh & giải thích với lão, *nếu* tôi giấu kẻ đi tàu lậu trong đồng dây cáp, thì việc gì tôi phải nói đi nói lại kể từ tối thứ Năm để họ dời đồng dây cáp đi nơi khác, làm vậy chẳng khác nào “lạy ông tôi ở bụi này”? Mũi tên trúng đích này khiến tôi phấn chấn hơn & tôi cam đoan với thuyền trưởng Molyneux rằng kẻ đi tàu lậu từng được rửa tội đã tìm đến giải pháp cực đoan này để ông chủ người Maori, kẻ từng thể sẽ ăn gan uống máu gã nô lệ (tôi rắc thêm một chút “gia vị” trong lời kể của mình), không trả thù người đã cứu mạng hấn.

Lão Boerhaave văng tục, “Vậy thẳng mọi chết giẫm này muốn bọn ta *biết ơn* nó hay sao?” Không, tôi đáp, gã người Moriori chỉ xin một cơ hội để chúng tỏ giá trị của hấn với tàu *Prophetess*. Lão Boerhaave phọt ra, “Đi lậu

là đi lậu, ngay cả khi nó ỉa ra bạc đi nữa! Nó tên gì?” Tôi không biết, tôi đáp, vì tôi chưa kịp hỏi hắn mà đến thẳng đây để gặp thuyền trưởng. Cuối cùng thuyền trưởng Molyneux cũng lên tiếng. “Ông nói nó là thủy thủ hạng *nhất* hả?” Con thịnh nộ của ông ta đã lảng đi trước viễn cảnh có thêm một tay được việc mà không tốn một xu. “Thổ dân à? Nó từng đi biển ở đâu?” Tôi nhắc lại, hai phút là không đủ để biết về thân thế hắn, nhưng bản năng tôi mách bảo hắn là người thành thật.

Thuyền trưởng vuốt râu. “Ông Roderick, hãy đi cùng hành khách chúng ta & bản năng ông ta & đưa kẻ mọi rợ ấy đến cột buồm phía lái.” Ông ta ném một chiếc chìa khóa cho thuyền phó. “Ông Boerhaave, làm ơn đưa tôi cây súng bắn chim.”

Thuyền phó hai & tôi làm theo. “Việc này liệu linh đây,” Roderick cảnh báo tôi. “Pháp lệnh duy nhất trên *Prophetess* là Chiếc roi của thuyền trưởng.” Một pháp lệnh khác có tên gọi là “Lương tâm” được tuân theo bất cứ nơi nào Chúa nhìn thấy, tôi đáp. Autua đang đợi phiên xử của hắn, mặc chiếc quần vải bông mà tôi mua ở Cảng Jackson (khi trèo lên từ thuyền của ông D’Arnoq, hắn quấn mỗi mảnh xà rồng & đeo một sợi dây chuyền xỏ nanh cá mập). Lưng hắn để trần. Tôi hi vọng những vết rách chằng chịt trên lưng hắn sẽ làm chứng cho sự kiên cường của hắn & làm người đối diện cảm thấy xót xa.

Lũ “chuột” nấp sau rèm nhanh chóng lan truyền tin tức của vụ việc & hầu hết thủy thủ đoàn đã tề tựu đông đủ trên boong. (Đồng minh Henry vẫn đang ngủ, không hay biết gì về cảnh ngộ của tôi.) Thuyền trưởng Molyneux nhìn gã người Moriori đầy dò xét như đang kiểm tra một con la & nói với hắn: “Ông Ewing đây, người *không hề* biết mày lên tàu của tao như thế nào, nói rằng mày tự nhận là dân đi biển.”

Autua trả lời với thái độ đĩnh đạc & tự trọng. “Vâng, thưa thuyền trưởng, hai năm trên tàu săn cá voi *Mississippi* của Le Havre dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Maspero, & bốn năm trên tàu *Cornucopia* của Philadelphia dưới quyền thuyền trưởng Caton, ba năm trên tàu Ấn Độ...”

Thuyền trưởng Molyneux ngắt lời & chỉ vào chiếc quần của Autua. “Mày trộm chiếc quần này ở dưới boong hả?” Autua ý thức được rằng bản thân

tôi cũng đang bị xét hỏi. “Quý ông Thiên chúa giáo đó cho tôi, thưa ông.” Thủy thủ đoàn nhìn theo ngón tay của kẻ đi lậu chỉ về phía tôi, & lão Boerhaave chìa tay hỏi. “Ông ta cho à? Món quà này được tặng *khi nào?*” (Tôi nhớ đến câu cách ngôn của bố vợ, “Để lừa một quan tòa, hãy bịa chuyện, nhưng để bịp cả một phiên tòa, hãy làm ra vẻ phốt đời,” & tôi giả vờ dụi mắt vì bụi.) Autua trả lời với ý thức tuyệt vời. “Mười phút trước, thưa ông, tôi, không quần áo, ông ấy nói, trần truồng không tốt, mặc cái này.”

“Nếu mày là dân đi biển,” thuyền trưởng của chúng tôi chìa ngón cái lên, “thì hãy cho chúng tao xem mày hạ buồm ở cột buồm giữa này xuống.” Khi đó, kẻ đi lậu lộ vẻ lưỡng lự & lúng túng & tôi cảm thấy món cược điên rồ mà mình đã đặt trên lời nói của gã thổ dân này đang đập lại tôi, nhưng Autua đã nhận ra cái bẫy. “Thưa ông, đây đâu phải là cột buồm giữa, đây là cột buồm lái mà, đúng không?” Thuyền trưởng Molyneux điềm tĩnh gật đầu. “Vậy thì hãy hạ buồm của *cột buồm lái.*”

Autua leo lên cột buồm & tôi bắt đầu hi vọng mọi việc mình làm không bỏ sông bỏ biển. Mặt trời mới nhú chiếu xuống nước & khiến chúng tôi nheo mắt. “Hãy sẵn sàng & nhắm,” thuyền trưởng ra lệnh cho Boerhaave, khi kẻ đi lậu đã trèo qua khỏi mép buồm áp lái, “bắn theo lệnh của ta!”

Lúc này tôi dùng hết sức bình sinh để phản đối, gã thổ dân đã nhận lễ ban phước thánh, nhưng thuyền trưởng ra lệnh cho tôi câm miệng, nếu không thì tự mà bơi về quần đảo Chatham. Không một thuyền trưởng người Mỹ nào lại giết người, ngay cả người da đen, một cách ghê tởm đến thế! Autua lên đến trục căng buồm cao nhất & đi trên đó khéo léo như khi mặc dù biển đang động mạnh. Nhìn cánh buồm mở ra, một trong những thủy thủ dày dặn kinh nghiệm trên tàu, một người Iceland nghiêm nghị & chăm chỉ, tinh táo & sốt sắng, thốt lên đầy nể phục. “Thằng đen này kì cựu không kém tôi đâu, hẳn có ngón chân móc câu đấy!” Tôi biết ơn ông ta đến nỗi muốn quỳ xuống hôn lên ủng của ông ta. Không lâu sau Autua đã hạ được buồm xuống – một thao tác khó khăn ngay cả cho một nhóm bốn người. Thuyền trưởng Molyneux gằn giọng đồng ý & ra lệnh cho lão Boerhaave hạ súng xuống, “Nhưng tôi sẽ đ. trả cho thằng đi lậu một xu nào đâu. Nó sẽ làm việc đến Hạ Uy Di. Nếu nó không trốn việc thì đến đó có thể kí hợp đồng như bình thường. Ông Roderick, cho nó ở phòng của thằng

Tây Ban Nha mới chết.”

Tôi đã làm mòn cả một ngòi bút lông ngỗng để thuật lại niềm phấn khích ngày hôm nay. Trời tối quá rồi không còn thấy gì nữa.

Thứ Tư, ngày 20 tháng 11

Gió đông mạnh, không khí nặng hơi muối & ngọt ngọt. Henry đã khám & có tin xấu, dù chưa phải là xấu nhất. Bệnh của tôi là do một loài kí sinh trùng, *Gusano Coco Cervello*. Loài giun này gây dịch bệnh ở cả Melanesia & Polynesia, nhưng chỉ mới được khoa học phát hiện trong mười năm trở lại đây. Nó sinh sôi trong những con kênh bốc mùi hôi thối ở Batavia, chắc chắn là nơi mà tôi bị nhiễm bệnh. Sau khi thâm nhập, nó bò qua mạch máu của vật chủ đến tiểu não trước. (Vì thế tôi bị đau nửa đầu & chóng mặt.) Sau khi chui vào não, nó chuyển sang giai đoạn đẻ trứng. “Ông là người duy thực, Adam à,” Henry nói với tôi, “vì thế thuốc dành cho ông sẽ không bọc đường. Một khi ấu trùng của loài giun này nở thì não của bệnh nhân trở thành một bông cải súp lơ đầy giun. Khí thối rửa sẽ làm cho màng nhĩ & cầu mắt phình ra đến khi nổ tung, thải ra một đám bào tử *Gusano Coco*.”

Bản án tử hình của tôi đã được tuyên, nhưng giờ là lúc tôi đợi thi hành án & kháng cáo. Một hỗn hợp kiềm urussium & mangan orinoco sẽ làm vô hiệu hóa kí sinh trùng & nhựa thơm laphrydictic sẽ vô hiệu hóa nó. Các “túi bào chế” của Henry có những hỗn hợp này, nhưng một liều chính xác là rất quan trọng. Chỉ chưa đến nửa drachm đã đủ để tẩy *Gusano Coco*, nhưng nhiều hơn thì sẽ giết chết cả bệnh nhân. Bác sĩ cảnh báo tôi rằng khi kí sinh trùng chết, những túi độc tố của nó sẽ nứt ra & tiết chất độc, vì vậy tôi sẽ cảm thấy khó chịu hơn rồi mới bình phục hẳn.

Henry dặn tôi không nên hé môi về bệnh tình của mình, vì những kẻ độc ác như Boerhaave sẵn mồi trên những người yếu đuối & các thủy thủ ngu dốt có thể tỏ thái độ chống đối trước các chứng bệnh mà họ không biết. (“Tôi từng nghe nói một thủy thủ có triệu chứng bị phong cùi sau khi đến Macao một tuần trên hành trình dài trở về Lisbon,” Henry kể, “và toàn bộ thủy thủ đoàn đã ném gã khốn khổ ấy xuống biển mà chẳng cần tra hỏi lời thôi.”) Trong thời gian tôi dưỡng bệnh, Henry sẽ báo với đám “ư loan tin” trên tàu rằng ông Ewing bị sốt nhẹ do thời tiết & đang nằm trong buồng nghỉ ngơi. Henry phẩy tay khi tôi hỏi phí chữa bệnh. “Phí phíếc gì? Ông có phải là kiểu trưởng giả ngã bệnh nhét đầy tiền trong gối đâu!

Thượng đế đã dẫn dắt ông đến sự chăm sóc của tôi, vì tôi đề rằng trên Thái Bình Dương này số người chữa được bệnh cho ông chỉ đếm được trên đầu ngón tay! Vậy nên đừng bận tâm gì đến chuyện tiền nong cả! Tôi chỉ có một yêu cầu thôi, ông bạn Adam thân mến, đó là ông hãy ngoan ngoãn nghe lời! Hãy uống thuốc bột của tôi & lui về buồng tịnh dưỡng. Tôi sẽ ghé thăm khi mọi người đi ngủ cả.”

Bác sĩ của tôi quả thật là một viên kim cương thô sơ chưa qua mài giũa. Ngay cả khi viết những dòng này, tôi vẫn không cầm được nước mắt vì biết ơn.

Thứ Bảy, ngày 30 tháng 11

Thuốc bột của Henry quả thực rất hiệu nghiệm. Tôi hít những hạt quý giá đó vào mũi từ một chiếc thìa bằng ngà & ngay lập tức một cảm giác sáng khoái chói lọi khiến toàn thân tôi nóng bừng. Các giác quan của tôi trở nên bén nhạy hơn, nhưng tay chân lại ngày một yếu đi. Con kí sinh trùng vẫn ngo ngoậy vào buổi đêm, như ngón tay của một em bé sơ sinh, gây ra những cơn đau quằn quại & ác mộng kinh hoàng. “Một dấu hiệu chắc chắn,” Henry động viên tôi, “con giun trong người ông đang phản ứng với thuốc xổ giun của chúng ta & đang tìm chỗ nấp vào những chốn kín kẽ trong các đường ống trong não của ông, nơi thị giác sinh ra. *Gusano Coco* đang ẩn nấp trong tuyệt vọng, Adam ạ, vô cùng tuyệt vọng. Chúng ta sẽ lôi nó ra!”

Thứ Hai, ngày 2 tháng 12

Ban ngày, buổi của tôi nóng như lò lửa & mồ hôi làm ướt đẫm những trang nhật ký. Mặt trời miền nhiệt đới tằm mỡ & rán chín bầu trời trưa. Các thủy thủ cởi trần & đội mũ rơm làm việc, làn da bị nắng ăn đen bóng. Ván tàu ứa ra hắc ín nóng rẫy dính vào lòng bàn chân. Những cơn gió mạnh báo chuyển mưa nổi lên từ xa xăm & biến mất nhanh như khi xuất hiện & bong tàu rít lên khô khốc. Những cơn sấm độc có tên “Chiến thuyền Tây Ban Nha” náo nhiệt trên mặt biển thủy ngân, những con cá bay làm mê hoặc người nhìn & những bóng cá mập đầu búa màu hoàng thổ lượn tròn quanh tàu *Prophetess*. Trước đó, tôi giẫm lên một con mực tự nhảy lên qua thành tàu! (Cặp mắt & cái mỏ của nó khiến tôi nhớ đến ông nhạc phụ.) Nước ngọt đem theo từ đảo Chatham giờ đây đã có vị lợ &, nếu không pha thêm một chút rượu mạnh vào thì dạ dày tôi lại nổi loạn. Khi không chơi cờ trong buồng của Henry hoặc phòng ăn tập thể, tôi lại nghỉ ngơi trong buồng của mình cho đến khi Homer ru tôi vào mộng寐 với những cánh buồm xứ Athen.

Autua gõ cửa buồng của tôi hôm qua để cảm ơn tôi đã cứu mạng hắn. Hắn nói hắn hãy còn mắc nợ tôi (đúng là vậy) cho đến ngày hắn có dịp cứu mạng tôi (mong là ngày đó không bao giờ tới!). Tôi hỏi hắn thấy công việc mới thế nào. “Tốt hơn làm nô lệ cho Kapuka, thưa ông Ewing.” Tuy nhiên, ý thức được nỗi sợ của tôi là có ai đó sẽ nhìn thấy cuộc nói chuyện & báo với thuyền trưởng Molyneux, gã người Moriori trở về phòng chung của thủy thủ & kể từ đó không còn đến tìm tôi nữa. Như Henry đã cảnh báo, “Ném cho tên da màu khúc xương là một chuyện, nhưng duy trì mối quan hệ với hắn lại là một chuyện khác! Tình bạn giữa các chủng tộc không thể nào vượt qua được mức tình cảm giữa một con chó trung thành & chủ của nó, ông Ewing ạ.”

Hàng đêm, bác sĩ & tôi cùng tản bộ trên boong tàu trước khi nghỉ ngơi. Chỉ hít thở không khí trong lành cũng đã thật dễ chịu làm sao. Cho đôi mắt chìm trong những dải lân tinh trên biển & hàng hà sa số sao trời. Tối hôm qua, đám thủy thủ tập hợp trên boong trước, ngả lưng lên những cuộn dây thừng dưới ánh đèn măng sông & quy định cấm “người không phân sự”

lên boong trước có vẻ như không có tác dụng. (Kể từ sau “sự cố Autua”, thái độ coi thường nhắm vào “Gà Chọi” đã giảm đi, và biệt danh đó cũng được dùng ít hẳn.) Bentrail ngâm mười bài thơ về những nhà chứa trên thế giới, tục tĩu đến nỗi những gã cuồng dâm nhất cũng phải bỏ chạy. Henry xung phong đọc bài thứ mười một (về Mary O’Hair ở Inverary) càng khiến không khí đêm hôm ấy trở nên tục tĩu hơn. Rafael là người kế tiếp bị ép phải ngâm thơ. Cậu ta ngồi vắt vẻo & xướng lên những dòng sau đây bằng một giọng chưa qua trường lớp nhưng chân thành & thật thà:

*Ôi Shenandoah, tôi mong chờ gặp người,*

*Ở ơi, dòng sông trôi mãi.*

*Ôi Shenandoah, tôi sẽ không phụ người,*

*Mối thâm tình bền sâu ở hai bờ dòng Missouri rộng lớn.*

*Ôi Shenandoah, tôi yêu con gái người, tôi yêu bờ kia sông.*

*Thuyền giông buồm ra khơi, gió thổi muôn chiều.*

*Dây đã căng, buồm đã vẫy.*

*Missouri, nàng là dòng sông nhân từ,*

*Chúng tôi sẽ ôm lấy nàng đến khi những cánh buồm run rẩy.*

*Ôi Shenandoah, mãi không rời xa người,*

*Đến ngày tôi chết, mãi luôn yêu người<sup>[9]</sup>*

Im lặng từ những thủy thủ thô lậu là một sự tán thưởng lớn hơn bất kì lời khen tặng uyên bác nào. Tại sao Rafael, một anh chàng sinh trưởng ở Úc, lại thuộc nằm lòng một bài ca Mỹ? “Tôi không biết đó là dân ca Mỹ,” cậu trả lời lóng ngóng. “Mẹ tôi dạy tôi bài đó trước khi bà qua đời. Đó là thứ duy nhất của bà mà tôi còn nhớ. Nó nằm mãi trong tôi.” Cậu lại làm tiếp việc của mình, với vẻ cộc cằn ngượng nghịu. Henry & tôi một lần nữa cảm nhận được thái độ kém thân thiện mà những thợ lao động tỏ ra với kẻ ăn không ngồi rồi bên cạnh & vì thế chúng tôi bỏ đi. Đọc lại những dòng nhật kí viết ngày 15 tháng 10, khi tôi lần đầu gặp Rafael.

NHỮNG LÁ THƯ TỪ  
ZEDELGHEM

Lâu đài Zedelghem,  
Neerbeke,  
Tây Vlaanderen.  
29 - vi - 1931.

Sixsmith,

Mơ thấy mình đứng trong một cửa hàng sành sứ đầy chật những chiếc kệ bày đồ sứ cổ v.v từ sàn đến trần nhà tít trên cao, đến nỗi cử động một thớ thịt thôi cũng sẽ khiến vài món rơi xuống vỡ tan tành. Đó chính xác là điều đã xảy ra, nhưng thay vì tạo ra tiếng vỡ loảng xoảng thì lại ngân lên một hợp âm hào hùng, nửa như tiếng cello, nửa như tiếng celeste, cung Rê trưởng (?), ngân bốn nhịp. Cổ tay va phải một lọ hoa đời nhà Minh, khiến nó rơi khỏi kệ - cung Mi giáng, toàn bộ đàn dây vang lên nguy nga tráng lệ, thiên sứ thồn thức. Lúc này là cố ý, đánh vỡ tượng một con bò cho nốt tiếp theo, kế đến là cô gái vắt sữa, kết đến là Đứa Con Của Ngày Thứ Bảy – hoan ca mảnh vỡ ngập không gian, hòa âm thánh thần tràn não bộ. A, thế mới là âm nhạc chứ! Nhác thấy ông bô tính toán giá trị các món bị vỡ, ngoáy bút liên tục, nhưng *phải* để cho âm nhạc tiếp diễn. Biết mình sẽ trở thành nhà soạn nhạc lừng lẫy nhất của thế kỷ nếu tôi có thể biến thứ âm nhạc này thành của mình. Một bức Kỵ Sĩ Cười<sup>[10]</sup> khổng lồ bị ném lên tường gây ra một chuỗi tiếng động đình tai nhức óc.

Tỉnh giấc trong phòng suite kiểu Phương Tây ở khách sạn Imperial, bọn đòi nợ của Tam Brewer suýt nện sập cửa phòng và gây náo loạn ngoài hành lang. Còn chẳng đợi đến lúc tôi cạo râu – thật là một hành vi vô liêm sỉ không thể chấp nhận của quân lưu manh vô lại. Không có lựa chọn nào khác, đành tẩu thoát qua cửa sổ phòng tắm trước khi tiếng huyên náo vờ người quản lý đến để phát hiện quý ông trẻ tuổi ở phòng 237 không có cách nào thanh toán món nợ tiền phòng khổng lồ. Cú đào thoát không lành lặn lắm, rất tiếc phải báo tin này. Ống nước bung khỏi nẹp, phát ra tiếng của một chiếc vĩ cầm bị bạo hành, rồi cứ thế rơi, rơi, rơi dúm dúm xuống đất. Mông phải bầm nặng. May phước tôi không bị gãy xương sống hay xỏ xiên qua hàng rào chắn. Hãy rút kinh nghiệm từ chuyện này nhé, Sixsmith. Khi

nợ nần ngập đầu, hãy đem hành lý gọn nhẹ, đựng trong một chiếc vali thật cứng để có thể ném xuống vỉa hè London từ cửa sổ tầng một hoặc tầng hai. Hãy đòi ở phòng từ tầng cao đó trở xuống mà thôi.

Nấp trong một phòng trà lọt thỏm trong một cái hốc bụi bặm ở ga Victoria, cố gắng chép lại âm nhạc từ cửa hàng sành sứ trong mơ – mà chỉ nhớ được hai nhịp, chẳng tích sự gì. Tính đến chuyện lao đầu vào đám tay chân chực sẵn của Tam Brewer chỉ để lấy lại thứ âm nhạc đó. Những linh hồn khốn khổ. Người lao động đủ mọi thành phần vây xung quanh tôi với hàm răng xấu xí, nói năng như vẹt và lạc quan vô có. Tỉnh táo để suy nghĩ làm sao một đêm chơi bài baccarat xui xẻo lại có thể đảo ngược vị thế xã hội của một con người đến vậy. Những tay bán hàng, tên đánh xe ngựa và con buôn với nửa đồng curon và vài ba xu lẻ giấu dưới tấm nệm Stepney chưa loét còn có nhiều hơn tôi, Con trai một Thầy Tu Nào Đó. Nhìn vào một con hẻm: những thầy ký bất đắc chí lao qua như những nốt móc ba trong một khúc *allegro* của Beethoven. Có sợ họ không? Không, tôi sợ *trở thành* họ. Giáo dục, xuất thân và tài năng có giá trị gì nếu người ta không có nổi một cái bô để tiểu?

Vẫn không thể tin nổi. Tôi, đường đường là dân Caius, mà nay lao đao bên bờ vực bần cùng. Các khách sạn tử tế bây giờ không cho tôi làm bản sảnh chờ của họ. Các khách sạn không tử tế thì đòi tiền trao cháo múc. Bị chặn lại bên ngoài mọi bàn chơi bài có tiếng ở sườn bên này của dãy Pyrennes. Dù sao, tôi cũng tóm gọn các phương án của mình:

(i) Dùng những món tiền nhỏ để thuê một căn phòng bán thịt trong một nhà trọ nào đó, xin vài đồng từ ông chú bà cô đây đó, dạy âm giai cho các tiểu thư đồng danh và kỹ thuật biểu diễn cho những bà cô không chồng. Không đời nào. Nếu tôi có thể giả bộ khách sáo với những học trò ngu dốt thì giờ này tôi vẫn còn đang lau mồ hôi cho Giáo sư Mackerras cùng đám bạn đại học cũ. Không, trước khi anh nhắc đến, tôi *không thể* quay lại ông bô để mà khóc lóc xin xỏ lần nữa. Sẽ càng chứng tỏ từng lời thâm độc ông ta nói về tôi là đúng. Thà nhảy từ cầu Waterloo xuống rồi để cho Bố Già Thames vui đập. Thật đấy.

(ii) Truy tìm các sinh viên Caius, nịnh nọt họ và tự mời mình ở lại hết mùa hè. Không ổn, vì lý do tương tự như (i). Tôi có thể giấu giếm túi tiền

lép kẹp của mình được bao lâu? Tôi có thể tránh né lòng thương hại của họ đến bao giờ?

(iii) Ghé trường đua ngựa – nhưng nếu thua cá cược thì sao?

Anh sẽ nhắc rằng chính tôi tự chuốc họa vào thân, phải không Sixsmith, nhưng hãy phủi mảnh vụn trung lưu trên vai đi và nán lại với tôi thêm chút nữa. Phía bên kia sân ga đông đúc, một người trưởng tàu thông báo chuyến tàu hỏa đến Dover để đón tàu đi Ostend bị hoãn ba mươi phút. Người trưởng tàu đó là người chia bài của tôi, đang mời tôi cược gấp đôi hoặc rút. Nếu chịu đứng yên, im lặng và *lắng nghe* – trời ơi, thế giới sẽ sàng lọc qua tâm trí của ta ngay lập tức, đặc biệt tại một ga tàu hỏa ảm đạm ở London. Nốc hết tách trà có mùi xà phòng rồi băng qua đám đông đến quầy vé. Một vé khứ hồi đến Ostend thì quá đắt – địa vị tôi đã trở nên thấp hèn đến thế đấy – thì đành một chiều thôi. Lên toa vừa đúng lúc còi tàu cất lên một bản sáo kim Nữ thần báo thù. Đoàn tàu lăn bánh lên đường.

Giờ là lúc tiết lộ kế hoạch của tôi, lấy cảm hứng từ một bài báo trên tờ *Thời đại* và một cơn mơ mộng ngấm dai dẳng trong căn phòng ở khách sạn Savoy. Ở vùng biên viên nước Bỉ, phía nam Bruges, có một nhà soạn nhạc người Anh sống biệt lập, tên là Vyvyan Ayr. Anh chưa nghe nói đến ông ta vì anh chỉ là đứa trẻ con trong lĩnh vực này, chứ đó là một trong những cây đại thụ của làng âm nhạc. Người Anh duy nhất thuộc thế hệ ông ta phản đối thói xa hoa, lễ nghĩa, quê mùa và kiểu cách. Chưa có tác phẩm nào mới kể từ đầu thập niên hai mươi do đau ốm – ông ta bị lòa mắt một nửa và không cầm nổi bút – nhưng bài bình luận trên tờ *Thời đại* về bản *Secular Magnificat* của ông ta (trình diễn tuần trước ở St Martin) có nhắc đến một ngăn kéo đầy ắp những tác phẩm dang dở. Giác mộng ngày đưa tôi đến Bỉ, thuyết phục Vyvyan Ayr rằng ông ta cần tuyển tôi làm thư ký, chấp nhận dạy nhạc cho tôi, để tôi tung cánh trong bầu trời âm nhạc, công thành danh toại xứng tầm tài năng, khiến cho ông bô phải thừa nhận rằng, đúng, thằng con trai ông ta từ bỏ chính là Robert Frobisher đó, là nhà soạn nhạc người Anh lừng lẫy nhất của thời đại.

Tại sao không? Chẳng có kế hoạch nào hay hơn. Anh kêu lên và lắc đầu, tôi biết mà, Sixsmith, nhưng anh cũng mỉm cười, đó là lý do mà tôi yêu anh. Hành trình yên ả đến biển Măng sơ... những vùng ngoại ô tiêu điều,

đất đai héo hắt, Sussex ô nhiễm. Dover lan tràn một cơn hoảng sợ tột độ trước những gã Bôn-sê-vich, những vách đá nên thơ có sắc màu Lãng mạn như cái mộng của tôi. Đổi những đồng silinh cuối cùng thành đồng franc ở cảng rồi lên tàu *Kentish Queen*, một con tàu gỉ sét trông già cỗi như từng được sử dụng ở Crimea. Gã phục vụ trẻ có khuôn mặt như củ khoai tây và tôi bắt đồng với nhau về chuyện bộ đồng phục màu vang đỏ và bộ râu quai nón khó ưa của hắn đáng được bo. Liếc nhìn vali và tập bản thảo của tôi – “Thật thông minh khi đem đồ gọn nhẹ, thưa ông” – rồi bỏ mặc tôi tự khiêng đồ một mình. Chả sao.

Bữa ăn tối có món gà cứng như gỗ, khoai tây nghiền và một ly rượu vang đỏ chẳng ra gì. Người ngồi cùng bàn ăn với tôi là Victor Bryant, đại gia dao nĩa ở Sheffield. Chẳng có một mẫu xương âm nhạc nào trong cơ thể ông ta. Ông ta trình bày chi tiết về chủ đề những chiếc thìa suốt bữa ăn, hiểu nhầm phép lịch sự xã giao của tôi thành thái độ quan tâm và mời tôi vào một vị trí trong bộ phận kinh doanh ngay lập tức! Anh có tin nổi không? Cám ơn ông ta (giữ vẻ nghiêm trang) và thừa nhận tôi thà nuốt dao nĩa còn hơn phải đi bán thứ ấy. Còi báo hiệu trong sương mù vang rền ba hồi đình tai, động cơ khởi động, cảm nhận được con tàu lao đi, lên boong để ngắm nhìn Albion<sup>[11]</sup> lui dần vào bùn lầy lất phất mưa. Một đi không trở lại; nhận ra hậu quả của những việc mình đã làm. R.V.W. chỉ huy bản *Giao hưởng biển* từ dàn nhạc giao hưởng trong đầu tôi, *Giong buồm tiến lên, Vùng nước sâu ta tìm đến, Hồn hỡi, Ngang tàng khám phá, Ta với người, người với ta.* (Không quan tâm lắm đến tác phẩm này nhưng nó được soạn rất hoàn hảo.) Gió biển Bắc khiến tôi rùng mình, sóng biển liếm láp từ chân đến đầu. Mặt nước đen sóng sánh mời gọi tôi nhảy xuống. Phốt lờ nó. Về buồng sớm, lật xem quyển *Đối âm* của Noyes, nghe tiếng đồng thau từ xa của phòng máy và phác họa một đoạn có tiết tấu lặp lại cho kèn trombone dựa theo nhịp điệu của con tàu, nhưng khá rác rưởi, rồi đoán xem ai đến gõ cửa? Gã phục vụ mặt khoai tây, ca làm của hắn đã kết thúc. Cho hắn không chỉ tiền bo. Gây gò, không bảnh bao, dù giai cấp không cao nhưng khá sáng tạo. Sau đó tống cổ hắn ra rồi nằm xuống ngủ như chết. Một phần trong tôi mong muốn hành trình ấy dừng bao giờ kết thúc.

Nhưng nó đã kết thúc. *Kentish Queen* tiến trên dòng nước sinh lầy vào

lòng người chị em sinh đôi răng sứ của Dover là Ostend, Nữ hoàng Tiết hạnh Khả nghi. Còn sớm, rất sớm, tiếng ngáy của châu Âu rền vang ở tông thấp hơn tiếng kèn tuba trầm. Nhìn thấy những người Bỉ bản xứ đầu tiên, kéo lê các thùng hàng, cái cọ, và *suy nghĩ* bằng tiếng Flemish, Hà Lan, đại loại thế. Nhanh tay dọn đồ vào vali, sợ con tàu sẽ quay lại Anh trong khi tôi vẫn còn ở trên đó; hoặc, nói cho đúng hơn, sợ tôi để chuyện này xảy ra. Nhón một miếng trong bát trái cây trong nhà ăn hạng nhất rồi lao xuống tấm ván tàu trước khi bị nhân viên mặc đồng phục thắt nơ tóm cổ. Đặt chân lên con đường đá dăm Đại lục và hỏi một nhân viên hải quan đường đến nhà ga. Ông ta chỉ về phía một chiếc xe điện đang rền rĩ, trên xe chen chúc những người thợ ốm đói và những kẻ bần cùng. Thích cuộc bộ hơn, dù có mưa hay không. Đi theo đường ray xe điện trên những con đường như áo quan. Cái gì ở Ostend cũng mang màu xám xịt và nâu gỉ. Phải thừa nhận, tôi đã nghĩ chọn Bỉ làm nơi lưu vong thật sự là một sai lầm rất lớn. Mua một vé đến Bruges rồi lết lên chuyến tàu kế tiếp – không sân ga, anh có tin nổi không? – một chuyến tàu hom hem, trống hoác. Chuyển sang toa khác vì toa của tôi bốc mùi khó chịu, nhưng hóa ra toa nào cũng hôi hám như nhau. Hút thuốc lá xin được từ Victor Bryant để thanh lọc không khí. Còi của trường ga cất lên đúng giờ, đầu tàu căng thẳng như tay luật sư bị gút ngối bỏ rồi lừ đừ lăn bánh. Chẳng bao lâu sau, đoàn tàu vừa nhả khói vừa băng qua phong cảnh mịt mù sương, những hào nước bắn thủ, những bụi cây héo úa đã lâu không cắt tỉa.

Nếu kế hoạch của tôi đạt kết quả thì Sixsmith à, anh có thể đến Bruges sớm thôi. Khi đến, nhớ có mặt đúng sáu giờ sáng, giờ kiểu *gnossiennesque* nhé. Hãy lang thang lạc lối trên những con đường còi cộc, những kênh đào mù lòa, những cánh cổng bằng sắt uốn, những vương sân vắng của thành phố - cho phép tôi kể tiếp chứ? Được ư, cảm ơn nhé, những cái mai rùa Gothic ranh mãnh, những mái nhà Ararat, những tòa nhà bằng gạch hình tháp tô điểm bằng những bụi cây nhỏ, những mái hiên trung cổ, quần áo phơi trên cửa sổ, những vòng xoáy bằng sỏi lát trên đường thu hút ánh nhìn, những hoàng tử đồng hồ và những công chúa sứ mẽ cặm cụi điếm giờ, những con chim bồ câu đen như bồ hóng và những tiếng chuông cao độ ba hoặc bốn quãng tám, một số nghiêm trang, một số tươi lạnh lạnh.

Mùi bánh mì tươi đưa tôi đến một hiệu bánh, ở đó một người đàn bà dị dạng không có mũi bán cho tôi một chục chiếc bánh sừng trâu. Chỉ muốn ăn một chiếc, nhưng nghĩ đời bà ấy khổ lắm rồi. Một chiếc xe ngựa buồn đồng nát lóc cóc leng keng xuất hiện từ trong sương mù và lão nài ngựa rưng hết răng thân thiện bắt chuyện với tôi, nhưng tôi chỉ có thể đáp, “Excusez-moi, je ne parle pas le Flamand,” (Xin lỗi, tôi không nói tiếng Flemish) khiến lão cười hên hêch như Vua Goblin. Tặng lão một chiếc bánh. Bàn tay bẩn thỉu của lão như móng vuốt có vảy. Trong một khu nghèo (những con ngõ bốc mùi nước tiểu rất khắm), trẻ con giúp mẹ bơm nước, hứng đầy thứ nước ngả nâu vào những chiếc bình sứ mẻ. Cuối cùng, mọi hưng phấn cũng khiến tôi thấm mệt, ngồi lên bậc thang của một cối xay gió im lìm để thở, khoác thêm áo để chống mưa gió, ngủ gà gật.

Tiếp theo đó, một mụ phù thủy thúc tôi dậy bằng cán chổi, the thé một câu gì đó nghe giống như “Zie gie doad misschien?” (Này, bộ chết rồi hả?) nhưng không chắc. Trời xanh, nắng ấm, chẳng có một gợn sương mù. Tôi sống lại và chớp mắt, biểu bà ta một chiếc bánh. Bà ta nhận lấy với vẻ dè chừng, nhét vào tạp dề để dành, rồi quay lại công việc quét dọn, hát ư ử một bài ca cổ. Thăm nghĩ cũng may là tôi không bị cướp. Chia sẻ một chiếc bánh nữa với năm nghìn con chim bồ câu, trước sự ganh tị của một gã ăn mày, nên tôi cũng phải cho gã một chiếc. Đi về theo hướng mà tôi có lẽ đã đến. Trong một khung cửa sổ ngũ giác kì quặc, một cô hầu gái mềm mịn như kem đang cắm hoa St Paulia trong một chiếc bát thủy tinh. Gái hấp dẫn theo những cách khác nhau. Một ngày nào đó hãy thử cặp kè với họ. Gõ lên khung kính, hỏi bằng tiếng Pháp rằng liệu cô ấy có muốn cứu vớt cuộc đời tôi bằng cách yêu tôi không. Cô ấy lắc đầu nhưng nở một nụ cười thích thú. Hỏi đồn cảnh sát ở đâu. Cô ấy chỉ về phía bên kia ngã tư.

Người ta có thể nhận ra một bằng hữu nhạc sĩ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ngay cả giữa những cảnh sát. Người có đôi mắt điên loạn nhất, mái tóc bất trị nhất, hoặc gây đói giơ xương hoặc béo tốt đầy đà. Thanh tra viên nói tiếng Pháp, chơi kèn Anh, thuộc về xã hội dân vận này từng nghe nói đến Vyvyan Ayrs và nhiệt tình vẽ cho tôi một bản đồ đến Neerbeke. Trả công ông ta hai chiếc bánh cho thông tin này. Ông ta hỏi tôi có gửi xe ô tô từ Anh sang chưa – con trai ông ta chết mê chết mệt xe Austin. Nói tôi

chẳng có chiếc xe nào cả. Điều này khiến ông ta lo lắng. Làm sao tôi đến Neerbeke được? Không xe buýt, không tàu hỏa, và cuộc bộ hai mươi lăm dặm thì có mà chết. Hỏi liệu tôi có thể mượn một chiếc xe đạp cảnh sát trong một khoảng thời gian không xác định không. Nói với tôi làm vậy là sai quy tắc. Trấn an ông ta rằng tôi mới là kẻ đi ngược quy tắc, và kể lại sứ mệnh của tôi đến nhà Ayrs, người con nuôi nổi tiếng nhất nước Bỉ (có quá ít người đến nổi thậm chí điều này có thể là sự thật), để phục vụ cho âm nhạc châu Âu. Lặp lại lời đề nghị. Sự thật hoang đường có khi dễ thuyết phục hơn hư cấu đáng tin, và giờ là lúc đó. Viên hạ sĩ trung thực đưa tôi đến một khu lưu giữ những món đồ thất lạc đang nằm đợi chủ nhân vài tháng qua (trước khi được tuồn ra chợ trời) – nhưng trước tiên, ông ta muốn tôi nhận xét về giọng nam trung của mình. Ông ta gào lên “Recitar!... Vesti la giubba!” từ *I Pagliacci*. (Giọng thấp, tương đối dễ nghe, nhưng cần luyện thở thêm, còn tiếng ngân thì run rẩy như tấm kim loại tạo âm sau cánh gà vậy.) Đưa ra vài nhận xét mang tính âm nhạc; được cho mượn chiếc xe đạp Enfield từ thời Victoria kèm dây để chằng vali và hồ sơ lên yên và thanh chắn bùn phía sau. Ông ta chúc tôi *thuận buồm xuôi gió* và trời đẹp.

Adrian sẽ không bao giờ đi trên con đường tôi đã đạp xe ra khỏi Bruges (nằm quá sâu trong lãnh thổ Hung) nhưng vẫn cảm thấy mối thâm tình với anh trai tôi khi hít thở cùng loại không khí trên cùng mảnh đất. Bình Nguyên bằng phẳng như Đầm Lầy cạn<sup>[12]</sup> nhưng hình thù thì thật xấu xí. Dọc đường, tôi nạp năng lượng với những chiếc bánh cuối cùng, và dừng lại ở những túp lều tranh tồi tàn để xin vài cốc nước. Chẳng ai nói gì nhiều, nhưng cũng chẳng ai nói “Không”. Nhờ gió ngược chiều và sợi sên cứ tuột liên tục, tôi đến làng Neerbeke của Ayrs khi trời đã nhá nhem tối. Một bác thợ rèn kiệng lời chỉ tôi đến Lâu đài Zedelghem bằng cách dùng một mẫu bút chì để vạch đường đi trên bản đồ. Một con đường làng với những cụm hoa chuông và liễu ngư mọc giữa đường dẫn tôi băng qua một ngôi nhà gỗ bỏ hoang đến một con đường có hai hàng bạch dương Ý đã qua thời vàng son.

Zedelghem to hơn cả nhà cho các mục sư xứ ta, cánh phía tây được tô điểm bằng vài ngọn tháp nhỏ mong manh chực đổ, nhưng chẳng thấm vào

đâu so với dinh thự Audley End hoặc Capon-Tench. Trộm thấy một cô gái cưỡi ngựa trên sườn đồi thấp, đỉnh đồi có độc nhất một cây sồi. Đi ngang qua một thợ làm vườn đang trét bồ hóng chống ốc sên trong vườn rau. Ở sân trước, một gã người hầu cuộn cuộn cơ bắp đang vệ sinh máy cho chiếc Cowley Flatnose. Thấy tôi tiến đến, hắn đứng dậy chờ đợi. Ở góc sân, một người đàn ông ngồi trên xe lăn dưới dàn hoa tử đằng bông bênh, nghe đài phát thanh. Vyvyan Ayr, tôi thầm đoán. Phần dễ dàng trong giấc mơ ngày của tôi đã kết thúc.

Dựa xe đập vào tường, nói với người hầu rằng tôi có công việc với ông chủ của hắn. Hắn khá lễ độ, dẫn tôi đến mái hiên nơi Ayr đang ngồi, và báo tin tôi đến bằng tiếng Đức. Ayr trông già sọm, trông như bệnh tật đã hút cạn dưỡng chất trong cơ thể lão, nhưng tôi đã ngăn mình không quỳ xuống lối đi trải than như Ngài Percival đã quỳ trước Vua Arthur. Phần mở đầu của chúng tôi đã diễn ra đại khái như sau.

“Xin chào ông Ayr.”

“*Cậu là ai?*”

“Thật vinh dự được...”

“Tôi hỏi, *“Cậu là thằng quái nào?”*”

“Robert Frobisher, thưa ông, từ Saffron Walden. Tôi là... Tôi từng là... sinh viên của Ngài Trevor Mackerras ở trường đại học Caius, và tôi đã lặn lội đến đây từ London để...”

“Từ tận London đến đây bằng xe đạp?”

“Không ạ. Tôi mượn xe của một cảnh sát ở Bruges.”

“Thế hở?” Dừng lại để suy nghĩ. “Chắc là mất nhiều giờ lắm nhỉ.”

“Vì đam mê thôi, thưa ông. Như những người hành hương lết lên đồi bằng đầu gối.”

“Bốc phét gì đấy?”

“Tôi chỉ muốn chứng tỏ tôi là một ứng viên nghiêm túc.”

“Ứng viên nghiêm túc cho cái gì?”

“Vị trí thư ký của ông ạ.”

“Cậu có điên không đấy?”

Luôn là một câu hỏi lắt léo. “Tôi không nghĩ thế.”

“Nghe đây, tôi chẳng hề đăng quảng cáo tìm thư ký gì cả!”

“Tôi biết chứ, thưa ông, nhưng ông cần một người, ngay cả khi lúc này ông chưa biết chuyện đó. Bài báo trên tờ *Thời đại* nói rằng ông không thể sáng tác tác phẩm mới nữa vì đau ốm. Tôi không thể để cho âm nhạc của ông bị mai một. Nó vô cùng, vô cùng quý giá. Vì vậy tôi đến đây để đề nghị phụng sự ông.” Hay lắm, lão không vội khước từ tôi. “Cậu nói cậu tên gì ấy nhỉ?” Tôi trả lời. “Cậu trong đám ngôi sao của lão Mackerras à?”

“Thưa ông, thành thật mà nói, ông ta căm ghét tôi.”

Như anh đã từng trả giá để học được điều này, tôi có thể khiến kẻ khác tò mò nếu dụng công làm thế.

“Thế hử? Tại sao nào?”

“Tôi gọi bản Concerto số 6 dành cho Sáo của ông ta,” tôi háng giọng, ‘là nô lệ của Saint-Saens thời tiền dậy thì vào giai đoạn màu mè nhất’ trong tạp chí của trường đại học. Ông ta đã phật ý.”

“Cậu viết *như thế* về Mackerras ư?” Ayrs thở khò khè như thể xương sườn của lão đang bị cưa. “Chắc *mười mươi* ông ta sẽ phật ý.” Phần tiếp theo rất ngắn. Gã người hầu đưa tôi vào một phòng hội họa trang trí bằng màu xanh vỏ trứng, một bức tranh vẽ cừu và bó rơm nhạt nhẽo của Farquharson và một bức phong cảnh Hà Lan không đẹp lắm. Ayrs gọi vợ, bà van Outryve de Crommelynck. Bà ta giữ tên riêng, mà với một cái tên như thế thì ai có thể trách bà ta cơ chứ? Bà chủ ngôi nhà có phong cách ung dung lịch thiệp, bà hỏi thăm thân thế của tôi. Trả lời thành khẩn, dù tôi che đậy chuyện bị đuổi học ở Caius, viện cố là bị ốm. Tôi không hé môi nửa lời về tình hình eo hẹp tài chính hiện nay của mình – gia cảnh càng tuyệt vọng thì nhà tài trợ càng dẫn đo. Lấy lòng họ vừa đủ. Đồng ý với việc ít nhất tôi có thể ở lại Zedelghem đêm hôm đó. Ayrs sẽ cho tôi trình diễn thử vào sáng hôm sau, dọn đường cho một quyết định về lời đề nghị của tôi.

Tuy nhiên, Ayrs không xuất hiện vào giờ ăn tối. Sự có mặt của tôi xảy ra trùng với khởi đầu của cơn đau nửa đầu cứ hai tuần lại tái phát, buộc lão phải ở trong phòng từ một đến hai ngày. Buổi diễn thử của tôi bị hoãn đến khi lão khỏe hơn, vì vậy vận mệnh tôi vẫn còn cân bằng lắm. Ở mặt tích

cực, rượu Piesporter và tôm hùm *kiểu Mỹ* chẳng thua kém bất kỳ món nào ở khách sạn Imperial. Khích lệ bà chủ nhà nói chuyện – nghĩ bà ấy thích thú trước việc tôi biết rất nhiều về ông chồng nổi tiếng của bà ấy, và cảm nhận được tình yêu thật sự của tôi dành cho âm nhạc của lão. À, chúng tôi cũng ăn tối với con gái của Ayr, cô gái trẻ cưới ngựa mà tôi thoáng thấy hôm trước. Tiểu thư Ayr là một sinh vật giống như ngựa, mười bảy tuổi, có chiếc mũi héch của mẹ. Không có nổi một ngôn từ tử tế phát ra từ cô nàng suốt buổi tối. Hay là nàng nhìn thấy ở tôi một gã người Anh ăn bám gặp vận đen, đến đây để dụ dỗ ông bố bệnh tật của nàng đến một mùa hè Ấn Độ rục rĩ nơi nàng không thể đi theo và không được chào đón?

Con người thật phức tạp.

Đã quá nửa đêm rồi. Lâu đài đang yên giấc, tôi cũng phải đi nằm thôi.

Thân ái,  
R.F.

Một bức điện tín ư, Sixsmith?

Đều thế. Đừng gửi nữa, tôi van anh đấy – điện tín khiến người ta chú ý mà! Đúng, tôi vẫn còn ở nước ngoài, đúng, an toàn trước những gã tay chân bặm trợn của Brewer. Hãy xé bức thư bố mẹ tôi truy tìm tung tích của tôi rồi ném xuống sông Cam. Ông bố chỉ “lo ngại” vì các chủ nợ của tôi đang rung lắc ông ta để xem có tờ tiền nào rơi xuống từ cây gia đình hay không. Tuy nhiên, những món nợ của một thằng con bị từ là chuyện của thằng con đó, chẳng phải là chuyện của ai hết – tin tôi đi, tôi đã tìm hiểu luật rồi. Bà bố không “phát điên” đâu. Bà chỉ phát điên khi bình cạn rượu mà thôi.

Bài diễn thử của tôi diễn ra ở phòng âm nhạc của Ayrns, sau bữa trưa, ngày hôm kia. Không thành công rực rỡ, ấy là nói nhẹ – không biết tôi sẽ còn ở đây bao lâu, hay mấy ngày nữa. Tự thấy *rùng mình* khi ngồi trên ghế đánh đàn của chính Vyvyan Ayrns từ trước rồi. Tám thăm Phương Đông này, chiếc trường kỷ cũ kỹ, tủ búp phê Breton nhét đầy giá để bản nhạc, đàn dương cầm Bosendorfer, chuông chùm, tất cả đều đã chứng kiến sự thai nghén và ra đời của *Matruschyka Doll Variations* và các bài hát *Society Islands* của lão. Khảy chiếc đàn cello đã lần đầu tiên ngân lên bản *Untergehen Violinkonzert*. Nghe tiếng Hendrick đấy ông chủ đến hướng này, tôi dừng ngó nghiêng và nhìn ra cửa. Ayrns phớt lờ câu hỏi thăm “Tôi hi vọng ông đã khỏe, thưa ông Ayrns,” và sai người hầu đẩy xe đến cửa sổ trông ra vườn. “Thế nào?” lão hỏi, sau khi chúng tôi còn lại hai người trong phòng được ½ phút. “Đấy. Gây ấn tượng cho tôi đi.” Hỏi lão muốn nghe gì. “Tôi cũng phải chọn chương trình nữa ư? Xem nào, cậu chắc đã thành thạo *Ba con chuột mù* hử?”

Thế là tôi ngồi ở chiếc đàn Bosendorfer và chơi bài *Ba con chuột mù* dở hơi, theo phong cách của một Prokofiev<sup>[13]</sup> chua ngoa. Ayrns chả bình luận gì. Tiếp tục cùng một giai điệu tinh tế hơn với bản Nocturne cung Fa trưởng của Chopin. Lão cắt ngang với giọng rên rỉ, “Đang định kéo quần lót của tôi xuống mắt cá chân hay sao, hả Frobisher?” Chơi bản *Digressions on*

a *Theme of Lodovico Roncalli* của chính V.A. nhưng chưa đánh đến nốt thứ hai thì lão đã văng tục, nện gậy lên sàn nhà, và nói, “Kiêu ngạo làm người ta mù lòa, họ không dạy cậu điều đó ở Caius à?” Phốt lờ lão để đàn hết bản nhạc *hoàn hảo*. Cho phần kết thúc của màn pháo hoa, đánh cược với bản thứ 212 của Scarlatti<sup>[14]</sup>, cung La trưởng, một *bete noire* các hợp âm rải và nhào lộn. Bị lờ nhịp một hoặc hai lần, nhưng tôi có phải đang thi vào vị trí đơn tấu trong dàn nhạc đầu cơ chứ. Sau khi tôi biểu diễn xong, V.A. vẫn lắc lư đầu theo giai điệu của bản sonate đã biến mất; hoặc có thể lão đang chỉ huy những cây bạch dương mờ ảo đung đưa. “Thật kinh tởm, Frobisher, cút ngay ra khỏi nhà ta!” sẽ khiến tôi vô cùng đau khổ, nhưng không quá ngạc nhiên. Thay vì vậy, lão thừa nhận, “Cậu có thể sở hữu tố chất của một nhạc sĩ. Hôm nay trời đẹp đấy. Tản bộ ra bờ hồ ngắm vịt đi. Ôi, ta cần một ít *thời gian* để quyết định xem có thể nhận ra ích lợi gì từ... tài năng của cậu không.”

Ra đi không nói một lời. Có vẻ như lão cáo già muốn tôi, nhưng chỉ khi nào tôi tỏ lòng biết ơn thống thiết. Nếu ví tiền cho phép thì tôi đã thuê một chiếc taxi trở về Bruges và từ bỏ toàn bộ ý tưởng điên rồ này. Lão gọi với theo, “Một lời khuyên cho cậu đây, Frobisher, *miễn phí*. Scarlatti là nghệ sĩ đàn clavico, không phải dương cầm. Đừng nhúng ông ta trong màu sắc như thế, và đừng dùng bàn đập để hãm những nốt mà cậu không thể hãm bằng ngón tay.” Tôi gọi với lại rằng ôi, tôi cần một chút *thời gian* để quyết định xem có thể nhận ra ích lợi gì từ... tài năng của Ayrs không.

Đi qua sân nơi một thợ làm vườn có khuôn mặt như củ dền đang quét dọn đài phun nước mọc đầy cỏ dại. Giải thích với ông ta rằng tôi muốn nói chuyện với bà chủ của ông ta *ngay bây giờ* – ông già vô tích sự - ông ta vẫy tay mơ hồ về phía Neerbeke, làm điệu bộ vô lăng xoay xoay. Tuyệt vời. Giờ thì sao? Ngắm lũ vịt, tại sao không? Hay thử vắn cổ một cặp rồi treo chúng trong tủ quần áo của V.A. Tâm trạng đen tối thế đấy. Thế là tôi diễn tả con vịt rồi hỏi người thợ làm vườn, “Ở đâu?” Ông ta chỉ đến cây sồi, điệu bộ như nói, đi hướng đó, ở ngay phía bên kia thôi. Tôi cất bước, nháy qua một hàng rào thấp, nhưng trước khi đến đỉnh đồi, tiếng ngựa phi đã nện thành thịch, và tiểu thư Eva van Outryve de Crommelynck – từ nay chỉ gọi là Crommelynck, nếu không chắc tôi sẽ hết sạch mực mắt – trờ đến trên con

ngựa màu đen.

Tôi chào nàng. Nàng cho ngựa chạy nước kiệu quanh tôi như Nữ hoàng Boadicea, đứng đưng như không. “Hôm nay không khí ẩm quá,” tôi nói chuyện vu vơ về giễu cợt. “Tôi đồ rằng chốc nữa sẽ có mưa, cô có đồng ý không?” Nàng chẳng nói gì. “Trang phục của cô lịch thiệp hơn cung cách của cô đấy,” tôi bảo. Chẳng có gì. Tiếng súng khô khốc vang lên ngoài cánh đồng, và Eva trấn an con ngựa. Nó là một con ngựa đẹp – không thể trách con ngựa. Tôi hỏi Eva con ngựa tên gì. Nàng vuốt những lọn tóc đen xoắn tít trên má. “J’ai appelé le poney Nefertiti, d’après cette reine d’Egypte qui m’est si chère,” (Tôi đặt tên con ngựa là Nefertiti, theo tên của một Nữ hoàng Ai Cập mà tôi rất ngưỡng mộ<sup>[15]</sup>) rồi quay đi. “Nó biết nói đấy!” tôi gào lên, rồi đứng nhìn nàng cưỡi ngựa phóng đi cho đến khi chỉ còn là một chấm nhỏ trên đồng cỏ của Van Dyck. Bắn những viên đạn đuổi theo nàng với những đường parabol đẹp mắt. Xoay súng về Lâu đài Zedelghem, rồi nã đạn vào dãy nhà của Ayrns cho đến khi chỉ còn là đồng gạch vụn nghi ngút khói. Nhớ lại đang ở đất nước nào và ngừng tay.

Đi qua cây sồi trơ trọi, đồng cỏ trôi xuống một hồ nước để trang trí, ộp oạp tiếng ếch kêu. Tâm trạng không được tốt lắm. Một chiếc cầu bấp bênh nối cù lao với bờ và những bông hoa hồng môn nở rộ. Thi thoảng vài chú cá vàng lại quẫy nước óng ánh như những đồng tiền xu đánh rơi xuống nước. Những con vịt uyên ương có râu quang quác xin ăn, những kẻ ăn mày chải chuốt cầu kỳ - cũng khá giống mình. Chim nhạn làm tổ trong một ngôi nhà thuyền làm từ ván quét nhựa. Dưới một hàng cây lê – một thời từng là vườn cây xum xuê? – tôi nằm xuống hưởng nhân rồi, một nghệ thuật tôi đã điều luyện từ đợt dưỡng bệnh dài ngày. Một kẻ nhàn rồi với một kẻ lười nhác khác nhau như người thích ăn ngon so với với đứa phàm ăn vậy. Ngắm niềm thỏa thích trên cao của những con chuồn chuồn có đôi có bạn. Nghe cả tiếng đập cánh của chúng, một âm thanh ngây ngất như tiếng giấy phật phật trong nan hoa xe đạp. Ngắm nghĩa một con sâu lười khám phá khu rừng Amazon tí hon quanh rễ cây nơi tôi nằm. Im lặng? Không hẳn vậy. Bị đánh thức lâu sau đó bởi những hạt mưa đầu tiên. Mây đông đang vùn vủ. Ba chân bốn cẳng chạy về Zedelghem, nghe tiếng sấm gầm hối hả trong ống tai và cảm nhận những giọt mưa béo múp đầu tiên quất lên mặt

như những gõ đàn xylophone. Chỉ kịp thay chiếc áo sạch duy nhất còn lại trước khi tiếng công ăn tối vang lên. Phu nhân Crommelynck xin lỗi, khẩu vị của chồng vẫn chưa khá hơn, còn *tiểu thư* thì thích ăn một mình. Chẳng còn gì hợp ý tôi hơn. Lươn hầm, sốt rau mùi, mưa tí tách trên mái hiên. Không như nhà Frobisher hay phần lớn những gia đình Anh mà tôi biết, các bữa ăn ở lâu đài không diễn ra trong im lặng, phu nhân C. kể một chút với tôi về gia cảnh của mình. Gia tộc Crommelynck đã sống ở Zedelghem kể từ những ngày xa xưa khi mà Bruges còn là cảng biển thịnh vượng bậc nhất châu Âu (bà ấy bảo thế, cũng khó mà kiểm chứng) khiến Eva trở thành niềm hãnh diện của dòng họ trong sáu thế kỷ qua. Tôi phải thừa nhận là mình có thiện cảm với bà ấy chút đỉnh. Bà ấy kể chuyện như đàn ông và hút thuốc lá nhựa thơm qua ống tẩu bằng sừng tê giác. Tuy nhiên bà ấy cũng sẽ tinh ý nhận ra nếu bất kỳ món đồ quý giá nào biến mất. Họ từng bị người hầu nẫng đồ đạc trong nhà, bà ấy tình cờ nhắc đến chuyện này, thậm chí một, hai vị khách nghèo cũng làm thế, nếu tôi tin nổi rằng con người có thể xử sự một cách hèn hạ như thế. Trấn an bà ấy rằng bố mẹ tôi từng gặp hoàn cảnh tương tự, và dò hỏi về bài biểu diễn của tôi. “Ông nhà tôi mô tả phần trình diễn Scarlatti của anh là ‘còn cải thiện được’. Vyvyan khước từ sự tán thưởng, cả lúc cho lẫn lúc nhận. Ông ấy bảo, ‘Nếu người ta tán thưởng anh, thì anh sẽ không còn đi trên con đường của riêng mình nữa.’” Hỏi thẳng bà ấy có nghĩ rằng lão sẽ đồng ý nhận tôi hay không. “Tôi cũng hi vọng như vậy, Robert ạ.” (Nói cách khác, hãy đợi xem sao.) “Anh phải hiểu, ông ấy đã tuyên bố sẽ không bao giờ sáng tác một nốt nhạc nào nữa. Làm thế khiến ông ấy đau đớn khôn tả. Làm sống lại hi vọng rằng ông ấy có thể sáng tác trở lại – nói thật, đó không phải là một trò mạo hiểm dễ chấp nhận.” Chủ đề khép lại. Tôi kể chuyện gặp Eva chiều hôm đó, và phu nhân C. tuyên bố, “Con gái tôi thật bất lịch sự.”

“Khép kín,” là câu trả lời hoàn hảo của tôi.

Chủ nhà rót thêm rượu vào ly tôi. “Eva có tính khí khó dung hòa. Chồng tôi rất ít quan tâm đến việc dạy dỗ con bé trở thành thực nữ. Ông ấy vốn không muốn có con. Cha và con gái thường lúc nào cũng quẩn quýt với nhau, phải không nào? Ở đây thì không. Các giáo viên nói Eva rất chăm học, nhưng kín tiếng, và nó chưa bao giờ thử phát triển bản thân trong lĩnh

vực âm nhạc. Tôi thường cảm thấy mình chẳng biết gì về con bé cả.” Tôi rót rượu vào ly của phu nhân C. và bà có vẻ vui lên. “Nghe tôi than vãn mới chán chứ. Tôi chắc chắn những cô em gái của anh là những đóa hồng Anh quốc đoan trang mẫu mực, đúng không, quý ông?” Khá nghi ngờ mối quan tâm dành cho nhà Frobisher của quý bà đây là thành thật, nhưng bà ta thích nhìn tôi nói chuyện, vì thế tôi đã tô vẽ những bức biếm họa dí dỏm về dòng họ đã cách ly của mình để mua vui cho bà chủ nhà. Làm cho tất cả mọi người nghe có vẻ thật vui tươi, suýt nữa thì cảm thấy nhớ nhà.

Sáng nay, thứ Hai, Eva chiếu cố cùng dùng bữa sáng – thịt xông khói Bradenham, trứng, bánh mì, thứ gì cũng có – nhưng cô nàng liên tục kêu ca những chuyện vặt vãnh với mẹ và gạt phăng mọi câu đưa chuyện của tôi với một tiếng “oui” (vâng) thờ ơ hoặc một tiếng “non” (không) cụt lủn. Ayrs đã cảm thấy khỏe hơn nên cũng ăn cùng chúng tôi. Sau đó Hendrick chở cô con gái đến Bruges để bắt đầu một tuần học mới – Eva ở trong thành phố với một gia đình có con gái học cùng trường, gia đình Van Eel hay đại loại thế. Cả lâu đài thở phào một tiếng nhẹ nhõm khi chiếc Cowley biến mất khỏi con đường bạch dương (còn có tên Con đường Tu sĩ). Eva quả thật đầu độc không khí nơi này. Lúc chín giờ, Ayrs và tôi gặp nhau trong phòng âm nhạc. “Trong đầu tôi cứ văng vẳng một giai điệu đàn viola, Frobisher ạ. Để xem cậu có ghi lại được không.” Rất vui khi nghe điều này, vì tôi đã chuẩn bị tinh thần bắt đầu làm những công việc hời hợt hơn – chẳng hạn như sắp xếp những bản thảo nguệch ngoạc thành những tập hoàn chỉnh, đại loại như thế. Nếu tôi chứng tỏ giá trị của mình là ngòi bút tinh tế của V.A. trong ngày đầu tiên thì chuyện tôi được tá túc ở đây là gần như chắc chắn. Ngồi vào bàn của lão, bút chì 2B đã chuốt sẵn, giấy viết bản thảo mới tinh, chờ đợi lão gọi tên nốt nhạc, từng nốt một. Bất thành linh, lão già rống lên: “Tar, tar! Tar-tar-tar tattytattytatty, tar!” Ghi chưa? “Tar! Tatty-tar! Quãng lặng – tar-tar-tar-tttt-TAR! TARTARTAR!!!” Ghi chưa? Lão già rõ ràng nghĩ là chuyện này rất vui – chẳng ai ghi kịp tiếng la hét của lão, làm được chuyện này cũng giỏi như ghi lại tiếng be be của hàng chục con lừa vậy – nhưng sau thêm ba mươi giây nữa, tôi nhận ra đây không phải là trò đùa. Cố cắt ngang, nhưng lão quá chìm đắm vào việc sáng tác nhạc đến nỗi chẳng màng đến gì khác. Chìm vào bất hạnh sâu sắc trong khi Ayrs cứ tiếp

tục, tiếp tục, tiếp tục... Kế hoạch của tôi thật vô vọng. Tôi đã nghĩ gì ở ga Victoria vậy nhỉ? Nản chí, tôi để lão rống hết bản nhạc với hi vọng mong manh rằng đợi nó kết thúc trong đầu lão thì sau đó sẽ dễ chép lại hơn. “Đấy, xong rồi!” lão tuyên bố. “Được chưa? Ngâm lại xem, Frobisher, để nghe xem thế nào.”

Hỏi đấy là cung gì. “Si giáng, *tất nhiên rồi!*” Nhịp? Ayrs bóp sống mũi. “Ý cậu là cậu đã làm mất giai điệu của tôi đấy à?”

Đấu tranh tư tưởng để nhắc bản thân rằng lão già này hoàn toàn phi lý. Tôi đề nghị lão lặp lại giai điệu, chậm hơn *nhiều*, và gọi tên các nốt, từng nốt một. Có cảm giác như khoảnh khắc im lặng kéo dài ba giờ đồng hồ trong khi Ayrs quyết định liệu có nên nổi khùng lên hay không. Cuối cùng, lão buông tiếng thở dài ai oán. “Bốn- *tám*, đổi sang *tám-tám* sau vạch thứ mười hai, nếu cậu nhớ được xa đến đó.” Dừng lại. Nhớ đến những khó khăn tài chính của bản thân và căn môi. “Bắt đầu lại từ đầu xem nào.” Khoảng lặng bề trên. “Bây giờ sẵn sàng chưa? *Chậm rãi...* Tar! Đấy là nốt gì?” Trải qua nửa giờ đọa đày đoán từng nốt nhạc, từng nốt một. Ayrs xác nhận hoặc phủ nhận phỏng đoán của tôi với một cái gật đầu hoặc lắc đầu uể oải. Phu nhân C. đem vào một lọ hoa và tôi làm vẻ mặt cầu cứu, nhưng chính V.A. tuyên bố ngày hôm ấy thế là đủ. Trong lúc chạy tháo thân, tôi nghe Ayrs tuyên bố (vì lợi ích của tôi?), “Nản thật, Jocasta ạ, thằng bé không thể ghi lại một điệu nhạc đơn giản. Không chừng tôi phải gia nhập trường phái Tiên phong rồi ném phi tiêu lên mấy tờ giấy có nốt nhạc kẻ sẵn mà thôi.”

Ở lối đi, bà quản gia Willems cảm râm về thời tiết ẩm ương, gió máy và quần áo phơi mãi không khô của bà với một bộ hạ nào đấy không thấy rõ mặt. Bà còn đỡ hơn tôi. Tôi đã thao túng người khác để được tiến thân, hưởng sắc dục hoặc tiền vay mượn, nhưng chưa bao giờ để có mái nhà che mưa nắng trên đầu. Tòa lâu đài mục nát này bốc mùi nấm mốc. Lẽ ra tôi đã không bao giờ nên đặt chân đến đây.

Thân mến,

R.F.

Tái bút: “Nổi hổ thẹn” tài chính, thật là một từ thích hợp. Anh xem, phải hỏi vay tiền anh rồi. Đế chế ở Zedelghem là chế độ lỏng lẻo nhất mà tôi

từng thấy (cũng may! Tủ quần áo quần gia của bố tôi còn đầy đủ hơn của tôi vào lúc này) nhưng mỗi người đều cần đặt ra một số quy tắc chuẩn mực. Thậm chí không boa nổi cho những người hầu. Nếu tôi còn bạn bè giàu có, tôi sẽ hỏi mượn họ, nhưng sự thật là tôi không có. Không biết anh sẽ chuyển tiền hay gửi điện tín hay gửi trong gói hàng hay gì gì, nhưng anh là nhà khoa học mà, anh sẽ tìm ra cách thôi. Nếu Ayrs buộc tôi phải đi, thì tôi sẽ toi đời. Tin tức sẽ thẩm thấu về Cambridge rằng Robert Frobisher phải xin tiền từ những chủ nhà cũ khi họ tống cổ hẳn đi vì không làm được việc. Sự hổ thẹn sẽ giết chết tôi, Sixsmith ạ, thực sự đấy. Vì Chúa hãy gửi bất cứ thứ gì anh có thể ngay đi.

Lâu đài Zedelghem,  
14 – vii – 1931.

Sixsmith,

Mọi ngợi ca dành cho Rufus Thiêng Liêng, Vị Thánh Bảo Hộ của Những Nhạc Sĩ Cơ Hàn, Ngợi ca Tối cao, *Amen*. Lệnh chuyển tiền của anh đã đến nơi an toàn sáng nay – tôi kể với chủ nhà anh là ông chú lẩm cẩm lơ quên ngày sinh nhật tôi. Phu nhân Crommelynck xác nhận rằng một ngân hàng ở Bruges sẽ đổi tiền. Sẽ viết một bài thánh ca ngắn vinh danh anh và trả tiền lại cho anh ngay khi có thể. Có khi sớm hơn anh tưởng đấy. Bẵng giá về triển vọng cuộc đời tôi đang tan chảy. Sau nỗ lực hợp tác đầy nhục nhã với Ayrs lần đầu, tôi quay về phòng trong tâm trạng khốn khổ thảm hại. Chiều hôm đó tôi đã viết thư than nghèo kể khổ với anh – nhân tiện, hãy đốt lá thư ấy đi, nếu anh chưa làm vậy – cảm thấy r. lo lắng về tương lai. Đội mưa cước bộ đến bưu điện của làng trong chiếc áo choàng và ủng cao su, tự hỏi, thực sự, mình sẽ ở đâu giờ này tháng sau. Bà Willems gõ công báo ăn tối không lâu sau khi tôi quay về, nhưng khi tôi đi xuống phòng ăn, Ayrs đã đợi sẵn, một mình. “Là cậu đấy à, Frobisher?” lão hỏi, với giọng cộc cằn quen thuộc ở những lão già đang cố tỏ vẻ nhẹ nhàng. “A, Frobisher, thật mừng vì chúng ta có thể nói chuyện riêng với nhau. Nghe đây, tôi đã khó khăn với cậu sáng nay. Bệnh tình của tôi khiến tôi trở nên... thẳng tính hơn thường lệ, và đôi khi thật không phải. Tôi xin lỗi. Hãy cho lão già khó tính này một cơ hội khác vào ngày mai, cậu nghĩ thế nào?”

Phải chăng vợ lão đã nói với lão bà ta nhận thấy tôi trong tình cảnh thế nào? Phải chăng Lucille đã nhắc đến chiếc vali soạn được một nửa của tôi? Tôi chờ đến khi chắc chắn giọng của mình không còn mùi nhẹ nhõm nữa, rồi nói với lão, một cách hào hiệp, rằng chẳng có gì sai khi lão nói lên quan điểm của mình.

“Tôi đã quá cực đoan về lời đề nghị của cậu, Frobisher ạ. Thật chẳng dễ dàng gì để trích ra âm nhạc từ cái đầu của tôi, nhưng sự hợp tác của chúng ta có cơ hội tốt chẳng kém bất kì thứ gì. Tố chất nhạc sĩ và tính cách của cậu dường như vượt quá những gì mà công việc này yêu cầu. Bà nhà nói với

tôi rằng cậu còn thử sáng tác nữa phải không? Rõ ràng, âm nhạc là khí oxy cho cả hai chúng ta. Với một quyết tâm đúng đắn, chúng ta sẽ xoay xở cùng nhau cho đến khi tìm được phương pháp phù hợp.” Đúng lúc này, phu nhân Crommelynck gõ cửa, hé nhìn vào, cảm nhận không khí của căn phòng trong nháy mắt, theo kiểu mà một số phụ nữ thường làm, rồi hỏi có phải sắp có tiệc uống mừng hay không. Ayrs quay sang tôi. “Điều đó còn tùy thuộc vào Frobisher đây. Cậu nói sao? Cậu sẽ ở lại đây trong vài tuần, với tương lai kéo dài thành vài tháng, nếu mọi việc tốt đẹp chứ? Có thể lâu hơn, ai mà biết được? Nhưng cậu phải chấp nhận một khoản lương nhỏ.”

Để cho sự nhẹ nhõm của tôi thể hiện ra thành sự mãn nguyện, nói với ông ta rằng tôi rất lấy làm vinh hạnh, và chấp nhận ngay lời đề nghị về lương.

“Thế thì, Jocasta, hãy bảo bà Willems tìm chai Pinot Rouge 1908 nào!” Chúng tôi nâng ly vì Thần rượu Bacchus và Nàng thơ, rồi uống cạn thứ rượu vang đậm đặc như máu kỳ lân. Hầm rượu của Ayrs, có đâu chừng sáu trăm chai, là một trong những hầm rượu hoàn mỹ nhất ở Bỉ, và xứng đáng để nói lạc đề về nó một chút. Nó đã sống sót qua chiến tranh mà không rơi vào tay các tướng Phổ dùng Zedelghem làm chốt chỉ huy, tất cả là nhờ một bức tường giả mà ông thân sinh của Hendrick đã xây trên lối vào trước khi cả gia đình bỏ trốn đến Gothenburg. Thư viện, và nhiều gia sản công kênh khác, cũng đã trải qua cuộc chiến ở dưới chiếc hầm ấy (trước đây là hầm mộ của một tu viện), được niêm phong trong nhiều thùng. Người Phổ lục soát tòa nhà trước khi đình chiến, nhưng không hề phát hiện ra hầm rượu.

Một thói quen thường nhật đang dần hình thành. Trước chín giờ mỗi buổi sáng, Ayrs và tôi đã có mặt trong phòng âm nhạc, những hôm mà các chứng bệnh và cơn đau cho phép lão đến. Tôi ngồi bên đàn dương cầm, Ayrs trên trường kỷ, hút thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ rẻ tiền, và chúng tôi chọn một trong ba cách làm việc. “Duyệt lại” – lão bảo tôi chơi lại tác phẩm của buổi sáng hôm trước. Tôi ngâm, hát hoặc đàn, tùy vào loại nhạc cụ, còn Ayrs điều chỉnh bản ký âm. “Tái tạo” là khi tôi phải xem lại những bản ký âm, sổ ghi chép và các bản soạn nhạc cũ, một số được viết trước khi tôi ra đời, để xác định một đoạn văn hoặc đoạn độc tấu mà Ayrs nhớ mang máng và muốn làm sống lại. “Sáng tác” là cách đòi hỏi nhiều công sức nhất. Tôi ngồi

bên đàn dương cầm và cố gắng đuổi kịp dòng chảy của “Móc đôi, Si-Sol; nốt tròn, La giáng – giữ bốn nhịp, không, sáu – đan móc! Fa thăng – rồi... Si! Tar-tatty-tatty-tarr!” (Ít ra bây giờ sư phụ đã chịu gọi tên các nốt nhạc rồi.) Hoặc, nếu lão cảm thấy bay bổng hơn, thì có thể là, “Thế này nhé, Frobisher, kèn clarinet là ái thiếp, đàn viola là cây thủy tùng ở nghĩa trang, đàn clavico là mặt trăng, thế... hãy để gió đông thổi hợp âm La thứ đó, từ trường canh thứ 16 trở đi.”

Như một người hầu tận tụy (dù anh có thể đảm bảo, tôi giỏi hơn mong đợi), công việc của tôi đạt được 9/10 kỳ vọng. Đôi khi Ayrs lại bảo tôi đưa ra một nhận định nghệ thuật, chẳng hạn như, “Cậu nghĩ hợp âm này có được không, Frobisher?” hoặc “Đoạn này có hài hòa với tổng thể không?” Nếu tôi nói không, Ayrs hỏi tôi đề nghị thay thế bằng cái gì, và một hoặc hai lần lão thậm chí sử dụng những thay đổi của tôi. Khá tỉnh táo. Hậu thế sẽ nghiên cứu thứ âm nhạc này.

Đến một giờ trưa, Ayrs đã đuối sức. Hendrick đưa lão xuống phòng ăn, nơi phu nhân Crommelynck ăn trưa cùng chúng tôi, và E. đáng sợ, nếu nàng về nhà vào dịp cuối tuần hoặc giữa kỳ nghỉ lễ. Ayrs ngủ trưa trong cái nóng buổi chiều. Tôi tiếp tục lục lọi thư viện để tìm kiếm những thứ hay ho, sáng tác trong phòng âm nhạc, đọc bản thảo trong vườn (huệ tây, vương miện hoàng đế, mấn đình hồng, tất cả nở bung rực rỡ), len lỏi qua những con ngõ nhỏ ở Neerbeke bằng xe đạp, hay rong chơi trên những cánh đồng. Giờ đây tôi là bạn thân với những chú chó trong làng. Chúng phi theo sau tôi như lũ chuột chạy theo anh chàng thổi sáo Pied Piper. Người địa phương chào đáp lại khi tôi nói “*Goede morgen*” (Chào buổi sáng) và “*Goede middag*” (Chào buổi chiều) – giờ đây ai cũng biết tôi là khách ở dài hạn tại “*kasteel*” (lâu đài). Sau buổi ăn tối, ba người chúng tôi có thể nghe đài nếu có một chương trình phát sóng vào giờ đó, còn không thì nghe những đoạn ghi âm bằng máy hát (hiệu His Master’s Voice, đặt trong hộp bằng gỗ sồi), thường là những tác phẩm lớn của Ayrs do Sir Thomas Beecham chỉ huy dàn nhạc. Khi có khách, chúng tôi sẽ trò chuyện hoặc thưởng thức nhạc trong căn phòng nhỏ. Những đêm còn lại, Ayrs thích tôi đọc thơ cho lão nghe, đặc biệt là của Keats<sup>[16]</sup>, nhà thơ lão yêu thích.

Lão thì thầm những câu thơ trong lúc tôi ngâm, như giọng của lão đang

dựa vào giọng của tôi. Vào giờ ăn sáng, lão nhờ tôi đọc báo *Thời đại*. Dù Ayrs đã già nua ốm yếu, mắt mũi kèm nhèm, nhưng lão có thể tham gia vào những buổi tranh luận xã hội ở trường đại học, dù tôi nhận thấy lão hiếm khi đưa ra được giải pháp nào cho những chế độ mà lão chê bai. “Tư tưởng tự do à? Sự khúm núm của nhà giàu thì có!”; “Chủ nghĩa xã hội ư? Em trai của chế độ chuyên quyền sắp đổ nát mà nó muốn kế thừa”; “Người bảo thủ? Những kẻ nói dối liều mạng, lấy học thuyết tư tưởng tự do làm trò dối lừa hay ho nhất.” Thế lão ta *muốn* hình thái nhà nước nào? “Chẳng có cái nào cả! Nhà nước càng tổ chức tốt bao nhiêu thì nhân dân càng đần độn bấy nhiêu.”

Dù rất nóng nảy, nhưng Ayrs là một trong số hiếm hoi nhân vật ở châu Âu mà tôi muốn có ảnh hưởng đến sự sáng tạo của mình. Về mặt âm nhạc, lão là một Janus hai đầu<sup>[17]</sup>. Một Ayrs ngoài nhìn con hấp hối của Chủ nghĩa Lãng mạn, Ayrs còn lại thì nhìn tới tương lai. Đây là Ayrs mà tôi nhìn theo. Quan sát cách lão dùng đối âm và phối các sắc điệu với nhau đã định hình lại ngôn ngữ âm nhạc của tôi theo những cách thật kỳ diệu. Khoảng thời gian ngắn ngủi ở Zedelghem đã dạy cho tôi nhiều hơn ba năm trên ngai vàng của Mackerras Khốn kiếp cùng Ban nhạc Thủ dâm Vui vẻ của lão.

Bằng hữu của Ayrs và phu nhân Crommelynck thường xuyên đến thăm. Trung bình một tuần chúng tôi có thể đón khách đến hai hoặc ba đêm. Những nghệ sĩ độc tấu trở về từ Brussels, Berlin, Amsterdam hoặc những nơi xa hơn; người quen từ thuở thiếu thời ở Florida hay Paris; và vợ chồng người bạn thân niên Morty Dhondt. Dhondt sở hữu xưởng kim cương ở cả Bruges lẫn Antwerp, nói chuyện bằng ngôn ngữ khó hiểu nhưng biết nhiều thứ tiếng, ưa nghĩ ra nhiều câu chơi chữ phức tạp, đa ngôn ngữ, cần phải giải thích rất dài dòng, tài trợ cho các lễ hội và chơi những trận cầu siêu hình với Ayrs. Phu nhân Dhondt giống như phu nhân Crommelynck nhưng hơn gấp mười lần – kỳ thực, đây là một sinh vật đáng sợ đứng đầu Hội Cưỡi Ngựa Bỏ, tự lái chiếc Dhondt Bugatti, và nâng niu một chú chó Bắc Kinh nùi bông thoa phấn tên là Wei-wei. Anh chắc chắn sẽ còn gặp lại bà ta trong những lá thư sau. Bà con họ hàng không có nhiều: Ayrs là con một, còn gia tộc Crommelynck một thời lừng lẫy chứng tỏ biệt tài chọn sai

khi chọn phe mà ủng hộ vào những thời khắc quyết định trong suốt cuộc chiến. Khi Ayrs và vợ quay về từ Scandinavia, những người trong họ tộc không chết trong lúc làm nhiệm vụ thì phần lớn đều trở nên bồn cùng và ốm đau. Một số khác thì qua đời sau khi bỏ trốn ra nước ngoài. Bà giáo cũ của phu nhân Crommelynck và một số cô dì già yếu khác thỉnh thoảng có ghé thăm, nhưng họ thường ngồi lặng lẽ trong góc nhà như những giá móc nón cũ kỹ.

Tuần trước nhà chỉ huy dàn nhạc Tadeusz Augustowski, một vệ thân vĩ đại của Ayrs ở quê hương Cracow, bất ngờ ghé qua vào Ngày thứ hai của cơn đau nửa đầu. Phu nhân Crommelynck không có ở nhà, thế là bà Willems tìm đến tôi đầy căng thẳng, năn nỉ tôi tiếp đón vị khách lừng danh. Tôi không thể gây thất vọng. Tiếng Pháp của Augustowski cũng khá cỡ tiếng Pháp của tôi, và chúng tôi đã dành ra cả buổi chiều câu cá và tranh luận về những người sáng tác theo hệ mười hai âm. Ông ta nghĩ họ là những kẻ bất tài, còn tôi thì không nghĩ vậy. Ông ta kể cho tôi nghe những câu chuyện chiến tranh bằng nhạc, và một truyện cười tục không thể tả có kèm theo cử chỉ bằng tay, vì vậy phải đợi đến khi chúng ta gặp lại nhau tôi mới kể anh nghe được. Tôi câu được một con cá hồi dài ba tấc còn Augustowski thì vớ được một con cá đác khổng lồ. Chúng tôi trở về nhà lúc trời chạng vạng, Ayrs đã thức và ông bạn người Ba Lan nói với lão rằng lão thật may mắn khi có tôi làm việc cùng. Ayrs làu bàu một câu gì đó nghe như, “Phải rồi.” Quả là lời khen rộng rãi đấy, Ayrs. Bà Willems thì không hào hứng lắm với chiến lợi phẩm có vảy của chúng tôi, nhưng vẫn mổ ruột chúng, nấu với muối và bơ, rồi chúng tan chảy dưới chiếc nĩa dùng để ăn cá. Augustowski đưa danh thiếp cho tôi khi ra đi vào sáng hôm sau. Ông ta có một căn hộ ở Langham Court mỗi khi đến London, và mời tôi đến ở cùng vào mùa lễ hội năm sau. Ò ó o o o!

Lâu đài Zedelghem không phải là mê cung của dòng họ Usher<sup>[18]</sup> như thoạt nhìn. Đúng là cánh phía tây, lúc nào cũng kín như bưng và phủ đầy bụi, tương phản với vẻ hiện đại của phía đông, đang ở trong tình trạng thê thảm, và chẳng bao lâu nữa sẽ cần được tháo dỡ mà thôi. Đã khám phá các phòng trong đó vào một buổi chiều ẩm ướt. Ấm thấp thảm hại; vôi vữa rơi ròi vương lủng lẳng trong mạng nhện; phân chuột, phân dơi chất thành

đống trên những phiến đá mòn; những mặt huy hiệu đắp thạch cao phía trên các lò sưởi đóng bụi thời gian. Bên ngoài cũng tương tự - những bức tường gạch cần được trét vữa, mái ngói thủng lỗ chỗ, gạch viền rơi xuống đất chất thành đống, nước mưa chảy thành dòng giữa lớp sa thạch xưa. Gia tộc Crommelynck làm ăn phát đạt nhờ đầu tư ở Congo, nhưng không một người con trai nào còn sống sau chiến tranh, và những lính Đức “ở trọ” tại Zedelghem đã móc ruột có chọn lọc bất cứ món gì đáng hôi của.

Ngược lại, cánh phía đông là một tổ ấm nhỏ tiện nghi, dù xà nhà bằng gỗ kêu kẽo kẹt như con tàu mỗi khi có gió lớn. Có một hệ thống sưởi trung tâm mưa nắng thất thường và đường điện thô sơ giật bất kỳ ai chạm vào các công tắc điện. Ông thân sinh của phu nhân Crommelynck thật biết nhìn xa trông rộng khi dạy cho con gái kinh doanh địa ốc, giờ đây bà đang cho các nông dân xung quanh thuê lại đất đai và làm cho những mảnh đất ấy sinh lời, theo như thông tin tôi thu thập được. Một thành tựu không thể khịt mũi xem thường trong thời đại ngày nay.

Eva vẫn là một cô nàng đồng đánh, khó ưa hệt như những đứa em gái của tôi, nhưng có trí thông minh không thua kém thái độ kiêu kỳ của mình. Ngoài con ngựa cưng Nefertiti, thú vui của nàng còn gồm động tác chu môi và tỏ vẻ tử vi đạo. Nàng thích làm cho những người hầu yếu đuối phải bật khóc, rồi vung tay múa chân đi vào và leo lên, “Bà ta *lại* khóc lóc nữa rồi, mẹ ơi, mẹ không dạy dỗ bà ta đàng hoàng được hay sao?” Nàng đã xác định tôi không phải là kẻ dễ bắt nạt, và khai mào một cuộc chiến dài hơi: “Bố ơi, Frobisher ở nhà chúng ta bao lâu?”; “Bố à, bố trả cho Frobisher bằng với trả cho Hendrick không?”; “Ô, con chỉ hỏi thăm thôi mẹ à, chứ con đâu có biết chuyện ăn ở của Frobisher là chuyện tế nhị.” Nàng khua khoắng chọc tức tôi, tôi rất ghét phải trả miếng, nhưng là thế đấy. Lại chạm trán lần nữa – “đổi đầu” thì đúng hơn – vào thứ Bảy. Tôi lấy quyển sách Ayrs coi như Kinh Thánh, *Zarathustra đã nói như thế*, đem đến cây cầu đá trên hồ dẫn đến đảo liễu. Một buổi chiều nóng như thiêu đốt; ngồi trong bóng râm mà mồ hôi đổ như tắm. Sau mười trang tôi có cảm giác như Nietzsche đang đọc tôi, chứ không phải tôi đọc ông ta, thế là tôi đưa mắt ngắm những người chèo thuyền và một con sa giông trong lúc dàn nhạc tưởng tượng đang chơi bài *Air and Dance* của Fred Delius. Một bản

mượt mà ngọt quá mức, nhưng tiếng sáo uể oải trong đó khá thành công.

Rồi tôi thấy mình đang nằm trong một cái mương rất sâu đến nỗi bầu trời chỉ còn là một dải ở tít trên cao, chiếu sáng chói lòa. Những kẻ độc ác dạng chân khổng lồ bước qua trên mương, những con chuột nâu răng nhọn hoắt ngửi ra những con người thuộc giai cấp lao động rồi xẻ thịt họ. Bước đi, cố gắng làm ra vẻ bình thản và ngăn mình không bỏ chạy vì hoảng sợ, thì gặp phải Eva. Tôi hỏi, “Cô đang làm cái quái gì ở dưới này?”

Eva trả lời đầy giận dữ! “Ce lac appartient à ma famille depuis cinq siècles! Vous êtes ici depuis combien de temps exactement? Bien trois semaines! Alors vous voyez, je vais où bon me semble!” (Hồ này thuộc về gia đình tôi năm thế kỷ nay rồi! Chính xác thì anh đã ở đây được bao lâu chú? Ba tuần là cùng chứ gì! Anh xem, tôi muốn đi đâu thì đi!) Con giận của Eva thật khủng khiếp, như một cú đá vào mặt kẻ viết thư khiêm tốn của anh đây. Cũng phải thôi, tôi vừa buộc cô nàng tội xâm nhập bất hợp pháp vào tư dinh của mẹ nàng. Tỉnh hẳn, tôi luống cuống, xin lỗi rối rít, giải thích rằng tôi đã nói trong lúc mơ ngủ.

Quên băng cái hồ. Rơi thẳng xuống như một thằng ngốc chết giẫm! Ướt như chuột! May mắn là nước chỉ cao tới rốn, và Chúa đã cứu Nietzsche quý giá của Ayrs khỏi cảnh uống nước hồ cùng tôi. Khi Eva thôi không cười nữa, tôi nói tôi rất mãn nguyện khi thấy nàng làm được một điều khác ngoài chuyện bĩu môi. Tóc của anh dính đầy bèo rồi kìa, nàng đáp, bằng tiếng Anh. Buộc phải chiếu cố khen ngợi kỹ năng ngoại ngữ của nàng. Nàng vặc lại, “Chả cần tốn nhiều công sức để gây ấn tượng với người Anh.” Bỏ đi. Chả nghĩ ra được câu trả lời khiêu khích nào mãi đến về sau, nên cô nàng thẳng ván này.

Bây giờ, hãy chú ý khi tôi nói đến chuyện sách vở và tiền bạc. Trong lúc ngó nghiêng những quyển sách đặt trong hộc phòng mình, tôi bắt gặp một phần quyển sách bị xé rời, và tôi muốn anh tìm giùm tôi một quyển hoàn chỉnh. Nó bắt đầu ở trang 99, bìa đã mất, gáy sách lỏng chỉ. Từ những gì tôi có thể đọc được, đó là một nhật ký đã biên tập về hải trình từ Sydney đến California của một công chứng viên từ San Francisco tên là Adam Ewing. Có nhắc đến cơn sốt đào vàng, nên tôi đoán là khoảng năm 1849 hoặc 1850 gì đấy. Quyển nhật ký được xuất bản sau khi tác giả đã qua đời, bởi con trai

của Ewing (?). Ewing nhắc tôi nhớ đến Thuyền trưởng Delano vênh vác trong tiểu

thuyết *Benito Cereno* của Melville<sup>[19]</sup>, mù quáng trước tất cả những kẻ âm mưu – ông ta không hề nhận ra ông bác sĩ Henry Goose (*sic*) đáng tin cậy kia là một con ma cà rồng hút máu, đang làm trầm trọng thêm căn bệnh tự tưởng tượng ra để đầu độc ông ta, từ từ, để cuỗm tiền. Có gì đó đối trá về tính chân thực của quyển nhật ký – có vẻ như cấu trúc quá gọn gàng cho một quyển nhật ký chân thực, ngôn ngữ nghe không có vẻ thật lắm – nhưng ai lại rồi hơi bịa ra một quyển nhật ký như thế, và tại sao?

Bực mình nhất là câu chuyện bị dừng dang dở sau khoảng bốn mươi trang, nơi gáy sách bị rách mất. Tìm phần còn lại khắp trên dưới thư viện. Không gặp may. Chẳng có lợi ích gì khi lôi kéo sự chú ý của Ayrs hay phu nhân Crommelynck đến gia tài thư viện chưa được phân loại của họ, vì thế tôi đang mắc kẹt không đường thoát. Anh có thể hỏi Otto Jansch trên Phố Caithness xem hắn có biết gì về Adam Ewing không? Một quyển sách đọc dang dở là một chuyện tình dở dang.

Xem đính kèm danh mục những tác phẩm lâu đời nhất mà tôi có thể tìm thấy trong thư viện của lâu đài Zedelghem. Như anh thấy, một số tác phẩm ra đời r. sớm, đầu thế kỷ 17, vì vậy hãy gửi cho tôi giá tốt nhất của Jansch càng sớm càng tốt nhé, và hãy làm cho tên hà tiện ấy sốt ruột bằng cách tiết lộ rằng có vài nhà buôn Paris quan tâm rồi đấy.

Thân mến,  
R.F.

\* \* \*

Lâu đài Zedelghem,  
28 – vii – 1931.

Sixsmith,

Có lý do để ăn mừng chút ít. Hai ngày trước, Ayrš và tôi đã hoàn tất cuộc hợp tác đầu tiên, một đoạn giao hưởng thơ ngắn, “Der Todtenvogel”. Khi tôi moi ra bản này, nó chỉ là một sự sắp xếp tế nhị từ một bài quốc ca cổ của các dân tộc Giéc-manh, khô khốc theo góc nhìn của Ayrš. Phiên bản mới của chúng tôi là một con vật kích thích trí tò mò. Nó vay mượn những cộng hưởng từ bản *Ring* của Wagner<sup>[20]</sup>, rồi nghiền rã chủ đề vào một cơn ác mộng Stravinsky<sup>[21]</sup> được canh phòng bằng các hồn ma Sibelius<sup>[22]</sup>. Kinh dị, khoái trá, ước gì anh có thể nghe được. Kết thúc bằng một đoạn độc tấu sáo, không phải một màn thổi sáo tiêu diêu, mà là tiếng chim báo tử, nguyên rủa những kẻ ra đời đầu tiên và cuối cùng.

Augustowski lại ghé thăm trên đường về từ Paris hôm qua. Ông ấy đọc bản ký âm và không ngớt lời ca tụng nó như thợ máy tàu hỏa xúc than vào lò vậ. Mà khen là phải thôi! Đó là bản giao hưởng thơ hoàn mỹ nhất mà tôi biết được viết ra từ sau chiến tranh; và nói cho anh biết nhé, Sixsmith, không ít ý tưởng xuất sắc nhất trong số đó là của tôi. Cứ cho rằng một thư ký phải cam chịu từ bỏ đóng góp của mình vào quyền tác giả, nhưng giữ kín miệng của người khác thật chẳng dễ chút nào. Nhưng điều tốt nhất chưa dừng lại ở đó – Augustowski muốn công bố tác phẩm này dưới chính cây gậy chỉ huy của ông ta tại lễ hội Cracow diễn ra sau ba tuần nữa!

Thức dậy lúc vừa hừng đông ngày hôm qua, dành cả ngày chép lại một bản sạch đẹp. Chợt nhận ra nó không còn quá ngắn nữa. Tay bắt đầu mỏi và các khuông nhạc in chặt lên mi mắt, nhưng đến trước giờ ăn tối thì cũng làm xong. Chúng tôi bốn người uống năm chai rượu vang để ăn mừng. Tráng miệng với món rượu nho xạ ngon nhất từ trước đến nay.

Giờ đây tôi đã là cậu bé vàng của Zedelghem. Đã r. lâu rồi tôi mới là cậu bé vàng của một ai đó và tôi khá là thích điều này. Jocasta đề nghị tôi dọn ra khỏi phòng dành cho khách sang một phòng to hơn ở tầng hai, không có

người dùng, trang hoàng theo ý thích của tôi với bất kỳ thứ gì bắt mắt lấy ở những phòng khác trong Zedelghem. Ayrs ủng hộ việc đổi phòng, nên tôi nhận lời. Thật thích thú khi Tiểu thư Đổng đánh mất bình tĩnh và lu loa lên, “Ôi, sao mẹ không viết tên anh ta vào di chúc luôn cho rồi? Sao không cho anh ta ½ dinh thự luôn đi?”

Nàng đứng dậy rời bàn không thèm xin phép. Ayrs làu bàu, “Ý tưởng hay đầu tiên của con bé trong mười bảy năm qua!” đủ to để nàng nghe thấy. “Ít nhất Frobisher đã lao động để đổi lại được những thứ đó!”

Chủ nhà không nhận lời xin lỗi của tôi, họ nói Eva phải xin lỗi tôi mới phải, nàng phải bỏ quan điểm xưa rích rằng vũ trụ xoay quanh bản thân mình. Nghe mà mát lòng mát dạ. Cũng nói thêm: Eva và hai mươi bạn học sắp sửa đi Thụy Sĩ để học tại một trường dòng trong vài tháng. Càng mát dạ hơn! Giống như chiếc răng sâu tự rụng. Phòng mới của tôi rộng đủ cho một sân cầu lông đôi; có một chiếc giường bốn cột, tôi phải giữ các tấm màn treo trên giường cho sạch mỗi một từ năm ngoái; tường kiểu Cordova tuổi đời hàng mấy thế kỷ tróc thành mảng như vảy rồng, nhưng vẫn hấp dẫn theo cách riêng; quả cầu phù thủy màu xanh; tủ quần áo dát gỗ óc chó nổi vân; sáu chiếc ghế bành và một bàn viết hai ngăn kéo bằng gỗ sung dâu nơi tôi ngồi viết lá thư này. Hoa kim ngân dẹt ren trong ánh sáng rạng rỡ. Phía nam nhìn ra vườn cây cảnh xấu xí. Ở phía tây, những con bò nhai cỏ trên cánh đồng và tháp chuông nhà thờ vươn cao hơn khu rừng phía trên. Chuông nhà thờ chính là đồng hồ của tôi. (Kỳ thực, Zedelghem hãnh diện là có nhiều đồng hồ cổ mà chuông đổ cái thì sớm, cái thì muộn, như một Bruges thu nhỏ vậy.) Nói tóm lại, to hơn một chút so với phòng của chúng ta ở Ngõ Whyman, ít to hơn một chút so với phòng tại Savoy hoặc Imperial, nhưng rất rộng rãi và an toàn. Trừ khi tôi làm chuyện gì vụng về hoặc hớ hênh.

Ý tôi là chuyện liên quan đến phu nhân Jocasta Crommelynck. Họa tôi có mù mắt mới không thấy, Sixsmith ạ, rằng bà ta bắt đầu tán tỉnh tôi, *một cách rất khéo léo*. Sự mơ hồ trong lời nói, ánh mắt và cái vuốt tay của bà ta quá lộ liễu, không thể là tình cờ được. Xem anh nghĩ thế nào. Chiều hôm qua, tôi đang nghiên cứu những tác phẩm hiếm hoi sáng tác lúc trẻ của Balakirev trong phòng thì Crommelynck gõ cửa. Bà ta mặc chiếc áo khoác

cưỡi ngựa, tóc vấn cao để lộ cần cổ mời mọc. “Ông nhà tôi muốn tặng anh một món quà,” bà ta nói, đi vào phòng khi tôi nhường đường. “Đây. Để đánh dấu sự kiện hoàn tất ‘Todtenvogel’. Anh biết không, Robert,” lưỡi bà ta nấn ná ở chữ T trong từ “Robert”, “Vyvyan rất hạnh phúc khi được sáng tác trở lại. Đã nhiều năm rồi ông ấy không hoạt bát như thế này. Đây chỉ là một món quà nhỏ. Mặc vào đi.” Bà ta đưa cho tôi một chiếc áo chên thanh lịch, một chiếc áo lụa phong cách Ottoman, họa tiết rất ấn tượng đến nỗi sẽ không sợ bị lỗi mốt, dù cũng chẳng phải là hợp mốt. “Tôi mua nó lúc chúng tôi đi hưởng tuần trăng mật ở Cairo, khi ông ấy bằng tuổi anh bây giờ. Ông ấy sẽ không mặc nó nữa đâu.”

Nói rằng tôi cảm thấy rất vinh dự, nhưng phản đối rằng tôi không thể nhận một chiếc áo có giá trị tinh thần như thế. “Đó chính là lý do mà chúng tôi muốn anh mặc nó. Kỷ niệm của chúng tôi nằm trong từng đường tơ mũi chỉ. Mặc lên đi.” Tuân theo lời yêu cầu, và bà ta vuốt nó, lấy lý do (?) làm phẳng những chỗ bị phồng. “Đến soi gương xem!” Tuân lời. Người đàn bà ấy đứng ở phía sau, cách tôi chỉ vài centimet. “Đẹp thế này mà để cho một làm ổ thì phí quá, phải không nào?” Vâng, tôi đồng ý. Nụ cười bà ta như con dao hai lưỡi. Nếu chúng tôi đang ở trong một tiểu thuyết kiểu tả rõ đến từng hơi thở của Emily, thì đôi tay của kẻ quyến rũ sẽ lần quanh thân người anh chàng ngây thơ, nhưng Jocasta khôn khéo hơn. “Anh có thân hình *giống hệt* như thân hình của Vyvyan ở tuổi anh. Lạ quá, nhỉ?” Vâng, tôi đồng ý lần nữa. Những móng tay của bà ta gỡ ra một sợi tóc của tôi vướng vào chiếc áo chên.

Không khước từ cũng không khích lệ bà ta. Những việc này không cần phải vội. Phu nhân Crommelynck bỏ đi không nói một lời.

Vào giờ ăn trưa, Hendrick báo tin nhà của Bác sĩ Egret ở Beerbeke bị trộm viếng. May mà không ai bị thương, nhưng cảnh sát đã ra thông báo yêu cầu mọi người đề cao cảnh giác với dân gypsy và những kẻ vô lại. Nhà cửa cần được khóa chặt vào ban đêm. Jocasta rùng mình rồi nói bà ta mừng vì tôi ở Zedelghem để bảo vệ bà ta. Thừa nhận tôi có thể tự coi là võ sĩ quyền anh ở Eton, nhưng không biết có thể chống lại cả một băng du đãng hay không? Có lẽ tôi sẽ giữ khăn cho Hendrick trong lúc *hắn* nện cho chúng như tử? Ayrs không bình luận gì, nhưng tối hôm đó lão mở khăn ăn

lấy ra một khẩu súng lục Luger. Jocasta rầy rà Ayrs vì khoe súng ở bàn ăn tối, nhưng lão mặc kệ. “Khi chúng tôi trở về từ Gothenburg, tôi tìm thấy khẩu súng này giấu dưới tấm ván sàn lỏng trong phòng ngủ chính, có cả đạn bên trong,” lão giải thích. “Đại úy Phổ hoặc là bỏ chạy trong lúc vội vã hoặc là đã bị thủ tiêu. Hắn giấu nó ở đó có lẽ để phòng vệ trước quân nổi dậy, hoặc những khách không mời. Tôi đặt nó cạnh giường ngủ với lý do tương tự.”

Hỏi tôi có thể cầm thử nó không, vì trước giờ tôi chỉ mới chạm vào súng sẵn mà thôi. “Tất nhiên,” Ayrs đáp và đưa khẩu súng cho tôi. Lòng tóc tôi dựng đứng lên hết. Anh bạn bằng sắt nhỏ gọn ấy đã giết người ít nhất một lần, tôi dám đặt cược hết tiền thừa kế của mình cho chuyện này, nếu vẫn còn đồng nào. “Nên cậu thấy đấy,” Ayrs có giọng cười rất quỷ quyệt, “tôi có thể là một lão già mù què quật, nhưng tôi vẫn còn một, hai chiếc răng sót lại để cắn. Một thằng mù với một khẩu súng và *r*. ít thứ gì còn lại để mất. Hãy tưởng tượng *chuyện tồi tệ* mà tôi có thể làm!” Không biết có phải là tôi tưởng tượng ra sự đe dọa trong giọng nói của lão hay không nữa.

Có tin tuyệt vời từ Jansch, nhưng chớ nói với hắn là tôi nói thế nhé. Sẽ gửi ba quyển được nhắc đến cho anh từ Bruges vào lần sau khi tôi đến đó – nhân viên bưu tá ở Neerbeke này có thói tọc mạch khiến tôi không an tâm. Cứ thận trọng như thông thường. Chuyển tiền của tôi đến Ngân hàng Đế Nhất của Bỉ, Chi nhánh chính, Bruges – Dhondt chỉ cần búng ngón tay một phát là giám đốc ở đấy mở ngay cho tôi một tài khoản. Chỉ có duy nhất một Robert Frobisher trong danh sách khách hàng mà thôi, tôi chắc chắn là như vậy.

Tin tốt nhất từ trước đến nay: đã quay lại sáng tác nhạc cho riêng mình.

Thân mến,

R.F.

Sixsmith,

Mùa hè đã có một bước ngoặt đầy khoái lạc: vợ của Ayrns và tôi là tình nhân. Đừng hốt hoảng! Chỉ về nghĩa xác thật mà thôi. Một buổi tối vào tuần trước, bà ta đến phòng tôi, khóa cửa lại và, không nói một lời nào, trút bỏ xiêm y. Không muốn khoác lác, nhưng sự ghé thăm của bà ta không khiến tôi ngạc nhiên. Kỳ thực, tôi đã chỉ khép hờ cửa. Thật tình, Sixsmith à, anh nên thử tận hưởng cảm giác làm tình trong im lặng tuyệt đối. Tất cả những rộn ràng biến thành niềm khoái lạc, chỉ cần anh ngậm chặt miệng.

Khi ta mở khóa cơ thể một người đàn bà, chiếc hộp tự tin của bà ta cũng tuôn trào. (Anh nên thử một lần, ý tôi là phụ nữ ấy.) Liệu điều này có liên quan gì đến nỗi tuyệt vọng chất chứa của họ không? Sau phần Trình diễn, tôi sẽ hạnh phúc hơn khi chỉ cần nằm yên, nhưng Jocasta lại nói, một cách bộc phát, như thể muốn chôn vùi bí mật đen tối to lớn của chúng tôi dưới những bí mật xam xám nhỏ bé hơn. Biết tin Ayrns mắc bệnh giang mai từ một nhà chữa ở Copenhagen năm 1919 trong một lần đi xa dài ngày và đã không làm vợ thỏa mãn kể từ năm đó; sau khi Eva ra đời, bác sĩ nói với Jocasta rằng bà không thể thụ thai được nữa. Bà ta r. chọn lọc khi kể về những cuộc tình thoáng qua của mình, nhưng không biện hộ về việc đó. Bà ta nhấn mạnh rằng vẫn yêu Ayrns. Tôi lầm bầm, nghi ngờ. Bà ta đáp trả, tình yêu dựa trên lòng thủy chung là một điều huyền hoặc do con người tự thêu dệt nên từ chính cảm giác bất an của họ.

Cũng nói về Eva. Bà ta lo lắng rằng mình đã quá áp đặt ý thức phép tắc lễ nghĩa lên con gái đến nỗi hai mẹ con không thể nào làm bạn với nhau, và giờ đây, có vẻ như con ngựa đó đã xông chuồng phi đi mất. Ngủ gà gật giữa những bi kịch nhỏ nhặt này, nhưng sẽ cẩn thận hơn khi có dịp ở gần người Đan Mạch trong tương lai và cụ thể là nhà chữa ở Đan Mạch.

J. muốn làm tình lần nữa, như để kết dính bà ta vào tôi. Không phản đối. Bà ta có cơ thể của một nữ kỹ sĩ, nhiều sức sống hơn thường thấy ở

những phụ nữ trưởng thành, và nhiều ngón nghề hơn những cô nàng tôi đã cưới lên. Ngờ rằng có cả một hàng dài những chú ngựa trẻ đã được mời đến thưởng thức máng ăn của bà ta. Kỳ thực, ngay khi tôi ngủ gật lần cuối cùng, bà ta đã nói, “Debussy từng ở lại Zedelghem một tuần, trước chiến tranh. Anh ta ngủ ở trên chính chiếc giường này, nếu tôi nhớ không nhầm.” Một hợp âm nhỏ trong ngữ điệu của bà ấy cho thấy bà đã ngủ với anh ta. Có gì là không thể. Chấp nhận bất cứ thể loại gì trong chiếc váy, tôi đã nghe nói thế về Claude, và ông ta là người Pháp.

Khi Lucille gõ cửa vào buổi sáng hôm sau để đem nước cạo râu cho tôi, tôi chỉ còn lại một mình. Biểu hiện của J. trong bữa ăn sáng rất thân nhiên như biểu hiện của tôi, rất vui khi nhận ra điều này. Thậm chí còn khó chịu một chút với tôi khi tôi làm đổ một ít mứt lên miếng vải lót đĩa, khiến V.A. phải quở mắng, “Đừng cay nghiệt thế, Jocasta! Bàn tay xinh đẹp của *em* đâu cần lau vết bẩn ấy.” Ngoại tình là một bản duet khó diễn cho đạt, Sixsmith ạ - cũng như bài brit phải dùng mẹo mới chơi thắng, phải tránh những bện tình vụng về hơn mình, nếu không sẽ rơi vào một mớ bong bong không lối thoát.

Tội lỗi ư? Không. Cảm giác chiến thắng một lão chồng bị cầm sừng ư? Không hẳn. Tối hôm trước, gia đình Dhondt đến ăn tối và phu nhân D. đề nghị một chút nhạc dương cầm để giúp tiêu hóa thức ăn, thế là tôi chơi bản “Angel of Mons” mà tôi viết vào kỳ nghỉ lễ với anh ở quần đảo Scilly hai mùa hè trước, dù phủ nhận quyền tác giả bằng cách nói “một người bạn” đã sáng tác bản này. Tôi đã viết lại nó. Hay hơn và trôi chảy hơn và tinh tế hơn những bài cốp nhặt theo Schubert nhặt thếch mà V.A. nhổ ra vào những năm tuổi đôi mươi của *lão ta*. J. và gia đình Dhondt rất thích bản nhạc, đến nỗi một mực buộc tôi chơi lại. Mới đánh được sáu nốt thì V.A. thực hành quyền phủ quyết chưa được biết tới cho đến nay. “Tôi sẽ khuyên bạn của cậu thông thạo những nhạc phẩm Cổ điển trước khi đùa giỡn với Hiện đại.” Nghe như một lời khuyên vô thưởng vô phạt nhỉ? Tuy nhiên, lão phát âm chữ “bạn” bằng một nửa cung chính xác ngụ ý với tôi rằng lão biết khá rõ danh tính thật sự của người bạn này. Có lẽ lão cũng từng dùng mẹo này chẳng, tại nhà của Grieg<sup>[23]</sup> ở Bergen? “Không có hiểu biết toàn diện về đối âm và hòa âm,” V.A. phán, “anh bạn này sẽ không bao giờ đạt đến vị trí

nào ngoài một kẻ bán hàng rong với những trò ngốc phỉnh lừa thiên hạ. Nhấn với *bạn* của cậu tôi nói như thế.” Tôi bốc khói trong im lặng. V.A. bảo J. mở một bản ghi âm bài “Scirocco Wind Quintet” của lão. Bà tuân lời lão già hóm hỉnh khó ưa. Để an ủi bản thân, tôi nhớ lại cơ thể J. dưới lớp đầm lụa mùa hè, và sự thèm khát khi bà chui vào giường tôi. Được thôi, tôi sẽ hả hê trước hai cái sừng cắm trên đầu lão chủ của mình. Đáng đời lắm. Một kẻ hóm hỉnh già nua ốm yếu thì vẫn là một kẻ hóm hỉnh mà thôi.

Augustowski gửi bức điện tín kì bí này sau khi trình diễn ở Cracow. Dịch ra từ tiếng Pháp:

TODTENVOGEL THỨ NHẤT KHÓ HIỂU CHẤM BUỔI DIỄN THỨ HAI NHỮNG CÚ ĐẤM CHẤM BUỔI THỨ BA ĐƯỢC NGƯỠNG MỘ CHẤM BUỔI THỨ TƯ MỌI NGƯỜI ĐỀU BÀN TÁN CHẤM.

Chúng tôi không rõ là thế nào cho đến khi những bài báo cắt ra gửi đến sau đó, nóng sốt cùng bức điện tín, do Augustowski dịch ra ở mặt sau của tờ chương trình hòa nhạc. Thì ra, “Todtenvogel” của chúng tôi đã trở thành *hiện tượng nổi tiếng!* Như những gì chúng tôi thấy, các nhà phê bình diễn giải sự cắt đứt khỏi những chủ đề của Wagner là một cuộc tấn công trực diện vào Cộng hòa Đức. Một nhóm những nghị sĩ dân tộc đã gây sức ép buộc ban tổ chức lễ hội mở thêm buổi diễn thứ năm. Thấy tiền trước mắt, nhà hát đã vui vẻ tuân thủ. Đại sứ Đức đã gửi đơn khiếu nại chính thức, thế là buổi trình diễn thứ sáu bán sạch vé chỉ trong vòng hai mươi tư giờ sau đó. Hiệu ứng của tất cả những điều này là nâng giá trị các tác phẩm của Ayrs vượt giá trần ở khắp mọi nơi trừ Đức, nơi mà rõ ràng lão bị lên án là ác quỷ Do Thái. Báo chí quốc gia khắp châu lục viết thư xin phỏng vấn. Tôi có vinh hạnh được gửi một lời khước từ lịch sự nhưng quả quyết đến từng yêu cầu một. “Tôi quá bận bịu sáng tác,” Ayrs làu bàu. “Nếu họ muốn biết ‘ý tôi là sao’ thì họ nên đi mà nghe nhạc của tôi đi chứ.” Nhưng lão đang khỏe lên nhờ sự chú ý. Ngay cả bà Willems cũng phải thừa nhận, kể từ ngày tôi đến, Ông chủ đã trở nên tráng kiện hơn.

Sự thù địch vẫn tiếp tục trên mặt trận Eva. Điều khiến tôi lo lắng là bằng cách nào đó cô nàng đã đánh hơi ra có gì đó bất bình thường giữa bố nàng và tôi. Nàng công khai hỏi tại sao tôi không bao giờ nhận được thư từ gia đình, hay tại sao không có người gửi quần áo của tôi đến đây. Nàng hỏi

có cô em gái nào của tôi muốn làm bạn trao đổi thư từ với nàng không. Để kéo dài thời gian, tôi phải hứa sẽ chuyển lời đề nghị của nàng đến chúng, và tôi có thể cần anh phải đóng kịch thêm lần nữa. Hãy làm cho thật tốt. Ả cáo quỷ quyết này đã gần giống với phiên bản nữ của tôi rồi đấy.

Tháng Tám ở Bỉ năm nay nóng điên đảo. Cỏ ngả vàng, người làm vườn lo lắng về hỏa hoạn, nông dân âu lo về vụ mùa, nhưng cứ thử tìm được cho tôi một người nông dân điềm tĩnh, tôi sẽ tìm cho anh một chỉ huy dàn nhạc tinh táo. Sẽ dán phong bì này ngay bây giờ rồi đi đến bưu điện làng băng qua khu rừng phía sau hồ nước. Không nên để những trang giấy này lung tung cho một cô nàng lắm chuyện mười bảy tuổi bắt gặp.

Vấn đề quan trọng. Đúng, tôi sẽ gặp Otto Jansch ở Bruges để đích thân đưa những bản thảo đáng giá, nhưng anh phải làm trung gian cho mọi thỏa thuận. Không muốn Jansch biết tôi đang hưởng lòng mến khách từ ai. Như mọi thương gia khác, Jansch cũng là một kẻ cơ hội tham lam, trơ trẽn, chỉ hơn chứ không kém các đồng nghiệp. Hắn sẽ không ngần ngại tìm cách ép giá chúng ta – thậm chí ra một giá cho trọn gói luôn. Hãy nói với hắn rằng tôi yêu cầu thanh toán tại chỗ bằng tiền mặt mới cứng, không mua chịu bán chịu gì cả. Sau đó tôi sẽ gửi thư chuyển tiền đến anh, bao gồm cả số tiền anh cho tôi vay. Bằng cách này, anh sẽ không bị gán tội nếu có xảy ra chiêu trò gì. Tôi thì đã bị ruồng bỏ và do đó chẳng có danh dự gì để mất khi cần phải vạch trần mấy trò mèo của hắn. Nói với Jansch như vậy luôn nhé.

Thân mến,  
R.F.

Lâu đài Zedelghem,  
Buổi tối,  
16 – viii – 1931.

Sixsmith,

Lá thư tế nhị từ “cố vấn pháp luật” của bố tôi do anh gửi là một lá bài Át Rô. Chúc mừng. Đọc to thư lên trong giờ ăn sáng – chỉ gây ra sự quan tâm thoáng qua. Dấu bưu điện Saffron Walden cũng là một điểm nhấn siêu đẳng. Có thật là anh đã lôi bản thân ra khỏi phòng thí nghiệm để bước vào buổi chiều Essex nắng đẹp và đích thân gửi thư không? Ayrs mời “Ngài Cummings” của chúng ta đến gặp tôi ở Zedelghem, nhưng anh đã viết thời gian r. có hạn, nên phu nhân Crommelynck bảo Hendrick lái xe chở tôi vào thị trấn để ký giấy tờ. Ayrs làu bàu về chuyện mất một ngày làm việc, nhưng lão thì cứ phải làu bàu mới thấy vui.

Hendrick và tôi lên đường sáng nay khi trời còn mờ hơi sương, chạy qua những con đường mà tôi từng đạp xe từ Bruges cách đây nửa mùa hè. Mặc một chiếc áo khoác của Ayrs – phần lớn tử quần áo của lão đang chuyển dần sang tử quần áo của tôi, khi giờ đây vài món đồ của tôi, được giải cứu từ cuộc giành giật ở khách sạn Imperial, đã sòn. Chiếc Enfield được buộc vào thanh cản phía sau để tôi có thể giữ lời hứa trả lại cho người cảnh sát tốt bụng. Quyển sách bọc da bê được tôi ngụy trang dưới lớp giấy viết nhạc mà ai ở Zedelghem cũng biết tôi luôn đem theo người, và giấu trong một chiếc túi xách bản thủ để tránh nhòm ngó. Hendrick hạ mui chiếc Cowley xuống, vì thế chẳng nói chuyện được mấy vì gió quá nhiều. Làm kẻ lảm lì, cho hợp với hần. Khá kì cục khi phải thừa nhận, nhưng kể từ khi bắt đầu phục vụ cho phu nhân Crommelynck, tôi cảm thấy hồi hộp trước mặt người hầu của lão chồng hơn là khi đối mặt với lão. (Jocasta tiếp tục ban tặng ưu ái cho tôi, cách ba, bốn đêm một lần, dù không bao giờ léng phéng khi Eva ở nhà, một quyết định r. sáng suốt. Mà nói gì thì nói, cũng không nên chén hết chocolate sinh nhật của mình một lần.) Cảm giác bất an của tôi xuất phát từ khả năng Hendrick đã biết. Ôi, những kẻ ở trên lầu thích tán tụng nhau vì sự thông minh của mình, nhưng chẳng có bí mật nào mà

những người thay ga trải giường lại không biết. Không cần quá lo. Đừng đưa ra những đòi hỏi phi lý với người hầu, và Hendrick đủ thận trọng để đặt cược vào một bà chủ quyền uy còn nhiều năm trước mắt, chứ không phải vào ông chủ bất lực như Ayrs. Hendrick là một gã kỳ lạ, thật đấy. Khó mà đoán được sở thích của hắn. Có tiềm năng trở thành một tay hồ li xuất sắc ở sòng bạc.

Hắn thả tôi xuống bên ngoài Guild Hall, tháo chiếc xe đạp Enfield và bỏ tôi ở đó để đi làm vài chuyện vặt và ghé thăm một bà cô bị ốm, theo như hắn nói. Đạp xe băng qua những đám đông du khách, học sinh và người dân, chỉ bị lạc vài lần. Ở đồn cảnh sát, thanh tra viên mê âm nhạc rất hồ hởi khi gặp tôi và sai người đi mua cà phê, bánh ngọt. Ông ta rất vui khi công việc của tôi với Ayrs diễn tiến thuận lợi. Đến lúc tôi rời đó thì đã mười giờ, vừa đến giờ hẹn. Không vội vã. Tốt hơn cứ để đối tác giao dịch đợi một chút.

Jansch tựa vào quầy rượu trong quán Le Royal và chào tôi “À ha, trong lúc tôi sống và hít thở, thì Người Tàng Hình đã trở lại thể theo yêu cầu của công chúng!” Tôi thề, Sixsmith ạ, mỗi lần gặp tên cáo già Shylock đầy mụn com này là tôi lại thấy hắn ghê tởm hơn một chút. Có phải trong kho hắn có một bức chân dung thần kỳ càng ngày càng đẹp ra, ngược với hắn không? Không hình dung ra nổi tại sao hắn lại tỏ vẻ vui mừng như thế khi gặp tôi. Nhìn khắp quán để xem có chủ nợ nào nhận được tin báo không – chỉ cần nhắc thấy bóng ai là tôi sẽ lao thẳng ra cửa. Jansch đọc được suy nghĩ của tôi. “Cảnh giác quá vậy, Roberto? Tôi chẳng đời nào đem lại phiền phức cho con ngỗng hư hỏng biết đẻ trứng vàng, đúng không nào? Đến đây đi,” hắn chỉ vào quầy rượu, “cậu uống thứ độc dược gì?”

Trả lời rằng ở chung một tòa nhà với Jansch, dù rằng là một tòa nhà lớn, cũng đã đủ độc rồi, nên tôi thà bắt tay ngay vào việc. Hắn cười khùng khục, vỗ lên vai tôi rồi dẫn tôi vào căn phòng đã đặt chỗ riêng cho giao dịch của chúng tôi. Không có ai đi theo, nhưng điều đó cũng chẳng đảm bảo được gì. Lúc này lại ước gì đã nhờ anh sắp xếp cho một điểm hẹn công cộng hơn, để đám thuộc hạ của Tam Brewer không trùm bao bố lên đầu tôi, ném tôi vào thùng xe rồi lôi tôi về London. Lấy mấy quyển sách ra khỏi túi xách còn hắn lôi cặp kính kẹp mũi ra từ túi áo khoác. Jansch xem xét các quyển sách

tại một chiếc bàn đặt bên cửa sổ. Hắn tìm cách hạ giá, chê tình trạng mấy quyển sách chỉ “được” thôi chứ không “tốt”. Hết sức bình tĩnh, tôi gói những quyển sách lại, đặt vào túi xách, và làm cho tên Do Thái keo kiệt đuổi theo tôi đến ngoài lối đi cho đến khi hắn thừa nhận với tôi rằng những quyển sách thật sự rất “tốt”. Để hắn dẫn trở lại phòng, ở đó chúng tôi đếm tiền, chậm rãi, cho đến khi số tiền thỏa thuận được trả đủ. Giao dịch kết thúc, hắn than vắn thở dài rằng tôi đã làm hắn khánh kiệt, nở điệu cười đó rồi đặt bàn tay lông lá lên đầu gối tôi. Nói tôi đến đây chỉ để bán sách. Hắn hỏi sao lại để chuyện làm ăn gạt bỏ thú vui? Chắc chắn một anh chàng trẻ tuổi ở xứ người phải biết cách để kiếm chút tiền tiêu vặt chứ?

Một giờ sau đó, rời khỏi Jansch trong lúc hắn còn say ngủ cùng chiếc ví lép kẹp. Tiến thẳng đến ngân hàng ở đối diện quảng trường và được thư ký riêng của giám đốc tiếp đón. Trả được nợ mới khỏe làm sao. Như ông bô thường nói, “Mồ hôi của chính mình là phần thưởng tuyệt vời nhất!” (cứ như ông bô đổ nhiều mồ hôi trên bục giảng kinh sang cả ấy lắm). Điểm dừng kế tiếp là cửa hàng âm nhạc của thành phố, Flagstad, nơi tôi mua một chồng giấy viết nhạc để thay thế gói hàng bị mất từ túi xách, nhờ chẳng may có ai nhận ra. Bước ra ngoài, trông thấy một đôi ghệt phủ màu nâu xỉn bày sau cửa sổ hiệu giày. Đi vào, mua luôn. Thấy một hộp đựng thuốc lá da cá nhám trong một hiệu thuốc lá. Cũng đã mua.

Còn hai giờ để tiêu. Làm một ly bia lạnh trong một tiệm cà phê, rồi một ly nữa, một ly nữa, rồi hút hết cả gói thuốc lá Pháp ngon lành. Tiền của Jansch chẳng phải là của báu gì cho cam, nhưng Chúa biết nó đem lại cảm giác như thế. Tiếp đó tôi tìm thấy một nhà thờ trong một con phố hẹp (tránh những chốn đông đúc du khách để tránh những tay buôn sách mặt mũi cau có), bên trong lung linh nến, bóng người, những người tử vì đạo thiếu não, nhang khói. Chưa đi nhà thờ lần nào kể từ khi bị ông bô đuổi cổ. Cánh cửa nhìn ra đường liên tục bị đóng sầm lại. Những con chiên già lão khoẻ đến, thấp nển, rồi đi. Ổ khóa trên thùng tiền cứng thuộc vào loại tốt nhất. Người ta quỳ gối cầu nguyện, vài người mấp máy môi. Ganh tị với họ, thực lòng. Tôi cũng ganh tị với Chúa, được biết riêng các bí mật của họ. Tín ngưỡng, câu lạc bộ ít kén chọn nhất trên trái đất, có người gác cửa xảo quyệt nhất. Mỗi lần tôi bước qua khung cửa rộng mở của nó, tôi thấy mình

lại bước ra phố thị. Cố hết sức để suy nghĩ tích cực, nhưng tâm trí tôi không ngừng vuốt ve Jocasta. Ngay cả những hình thánh và người tử vì đạo trên kính màu cũng gây kích thích nhẹ. Đừng cho rằng những mộng mơ ấy sẽ đem tôi đến gần hơn với Thiên đường. Cuối cùng, bản motet<sup>[24]</sup> của Bach mới là thứ xua đuổi tôi – dàn hợp xướng không đến nổi tệ, nhưng niềm hi vọng cứu rỗi duy nhất từ nhạc công organ là viên đạn xuyên qua đầu. Cũng bảo với ông ta như thế - nói chuyện phiếm thì khéo léo và kiềm chế rất tốt, nhưng cứ hễ nhận xét về âm nhạc thì không vòng vo nổi.

Ở một công viên đoan trang đức hạnh tên là Vườn Minnewater, những đôi tình nhân tay trong tay bước thong dong giữa những hàng liễu, hoa hồng Banksia và bà vú nuôi đi kèm. Người nghệ sĩ vĩ cầm mù héo hon chơi nhạc để xin vài đồng bạc cắc. Đây mới gọi là *biết* chơi nhạc. Yêu cầu bản “Bonsoir, Paris!”, và ông ta biểu diễn đầy hứng khởi đến nỗi tôi nhét một tờ năm franc mới vào tay ông ta luôn. Ông ta tháo cặp kính đen, sờ tờ bạc, gọi tên vị thánh sủng ái, thu nhặt mớ tiền xu rồi chạy băng qua những thảm hoa, cười như điên. Ai nghĩ ra câu, “Tiền không mua được hạnh phúc,” rõ ràng là bị dư tiền trầm trọng rồi.

Ngồi xuống một băng ghế sắt. Chuông đồng hồ điểm một giờ, rải rác gần xa. Những thầy ký lê bước ra khỏi các văn phòng luật và thương mại để vào công viên gặm bánh mì kẹp và hít thở làn gió xanh. Đang tự hỏi không biết đã muộn giờ hẹn với Hendrick chưa, thì đoán xem ai bước vào công viên, không có vú nuôi đi kèm, cùng với một người đàn ông chải chuốt có bộ dạng gầy gò như con bọ que, tuổi đời gấp đôi, một chiếc nhẫn cưới bằng vàng thô kệch nổi bật đầy tự tin trên ngón tay. Đứng ngay lần đầu. Eva. Che mặt bằng tờ báo của một thầy ký để lại trên băng ghế. Eva không đụng chạm với người đi cùng, nhưng họ tản bộ ngang qua tôi với vẻ thân mật thoải mái mà nàng không bao giờ thể hiện ở Zedelghem. Tôi đi ngay đến kết luận hiển nhiên.

Eva đang đặt cược vào một con bài không chắc thắng. Ông ta quàng quạc, để cho người lạ cũng nghe thấy và gây ấn tượng với họ. “Eva ạ, mỗi người có một thời, khi ta và bạn bè cùng mặc nhiên coi trọng một điều gì đó mà không nghĩ gì sâu xa. Tương tự, con người bị tàn phá khi thời thế thay đổi, mà anh ta thì không chịu thay đổi. Xin nói thêm rằng các đế chế

sụp đổ cũng vì lý do tương tự đấy.” Lão triết gia như con quạ già này khiến tôi ó ra. Một cô gái có ngoại hình như E. có thể kiếm được mối tốt hơn nhiều chứ, đúng không? Thái độ cư xử của E. cũng khiến tôi ó ra. Giữa ban ngày ban mặt, ở ngay trong thành phố của cô nàng! Nàng có *muốn* hủy hoại bản thân không? Nàng có phải tuýp người đòi bình đẳng bầu cử cho nữ giới không? Tôi đi theo cặp đôi này, giữ khoảng cách an toàn, đến một ngôi nhà trên con phố sầm uất. Người đàn ông quét mắt xung quanh một lượt rồi tra chìa khóa vào chốt cửa. Tôi nấp trong một chuồng ngựa.

Hãy hình dung cảnh Frobisher xoa tay đầy sung sướng!

Eva trở về muộn như thường lệ vào chiều thứ Sáu. Có một chiếc ghế bành bằng gỗ sồi đặt trên hành lang giữa phòng của nàng và cửa ra chuồng ngựa. Tôi đã ngồi trên chiếc ghế này để tính toán. Thật không may tôi bắt đầu lạc vào những hợp âm sắc màu của thủy tinh cũ, và không hề nhận thấy E., tay cầm roi cưỡi ngựa, thậm chí chẳng biết là nàng đang bị mai phục. “S’agit-il d’un guet-apens? Si vous voulez discuter avec moi d’un problème personnel, vous pourriez me prévenir?” (Định đặt bẫy tôi à? Nếu muốn nói chuyện riêng với tôi thì làm ơn báo trước một tiếng có được không?)

Bị bắt quả tang như thế khiến tôi nói huých toẹt luôn suy nghĩ của mình. Eva nghe thấy. “Anh bảo tôi là ‘đứa vụng trộm’ á? ‘Une moucharde’? Ce n’est pas un mot aimable, Mr Frobisher. Si vous dites que je suis une moucharde, vous allez nuire à ma réputation. Et si vous nuisez à ma réputation, eh bien, il faudra que je ruine la vôtre!” (Đây không phải là một từ đàng hoàng đâu, anh Frobisher. Nói tôi là đứa vụng trộm là xúc phạm danh dự của tôi đấy. Anh mà động đến danh dự của tôi thì tôi sẽ hủy hoại danh dự của anh!)

Tôi phản pháo, một cách muộn màng. Đúng, danh dự của nàng chính xác là điều mà tôi đang muốn cảnh báo. Nếu ngay cả một người ngoại quốc đến thăm Bruges mà còn bắt gặp nàng giao du ở Công viên Minnewater trong giờ học với một con cóc ghè như thế, thì sớm muộn gì những kẻ ưa ngồi lê đôi mách ở thành phố cũng sẽ bôi tro trát trấu tên tuổi nhà Crommelynck-Ayrs mà thôi!

Tôi đã chuẩn bị tinh thần nhận một cái bạt tai, nhưng tiếp đó, nàng đỏ bừng và sụp mặt xuống. Với giọng điệu nhu mì, nàng hỏi, “Avez-vous dit à ma mère ce que vous avez vu?” (Anh có nói với mẹ tôi những gì anh thấy chưa?) Tôi đáp chưa, tôi chưa nói với ai cả, song E. vẫn thận trọng: “Anh ngốc lắm, Monsieur Frobisher ạ, vì mẹ tôi đã có thể cho anh biết ‘nhân tình’ bí ẩn đó là Quý ông van de Velde, gia đình ông ấy cho tôi ở nhờ trong tuần để đi học. Bố ông ấy sở hữu nhà xưởng đan dượt lớn nhất tại Bỉ, và ông ấy là một người đàn ông khả kính của gia đình. Thứ Tư là ngày lễ nên trường học cho nghỉ nửa ngày, vì vậy Quý ông van de Velde đã rất tử tế tháp tùng tôi từ văn phòng của ông ấy về nhà. Các con gái của ông ấy phải dự một buổi luyện thanh. Trường học không thích nữ sinh đi ra ngoài một mình, ngay cả giữa ban ngày. Trong công viên hay có đám rình mò vụng trộm mà, anh biết đấy, những kẻ vụng trộm đầu óc bản thủ, châu chực để hủy hoại danh dự của một cô gái, hoặc rình rập cơ hội để dọa dẫm cô ta.”

Ngậm bồ hòn hay phản pháo? Tôi đặt món cược của mình. “Dọa dẫm gì cơ chứ? Tôi cũng có ba cô em gái, nên tôi thấy lo lắng cho danh dự của cô. Thế thôi.” Nàng được nước làm tới. “Ah oui? Comme c’est délicat de votre part! (Thế à? Anh tử tế quá nhỉ!) Nói cho tôi nghe xem nào, anh Frobisher, chính xác thì anh nghĩ Quý ông van de Velde định làm gì tôi nào? Có phải anh đã ghen tuông mù quáng không?”

Sự thẳng thắn đáng sợ của nàng - ở một cô gái - khiến tôi chới với. “Tôi thấy nhẹ lòng vì sự hiểu lầm đơn giản này đã được giải quyết,” tôi chọn nụ cười gượng gạo nhất, “và ngỏ lời xin lỗi chân thành nhất.”

“Tôi chấp nhận những lời xin lỗi chân thành nhất với cùng một thái độ mà chúng được đưa ra.” E. đi ra chuồng ngựa, chiếc roi dung đưa như đuôi sư tử. Đi vào phòng âm nhạc để tìm quên cho biểu hiện kém cỏi của mình trong thứ nhạc ma quỷ của Liszt. Bình thường có thể đánh loạn xạ một bản “La Prédication aux Oiseaux” nhưng thứ Sáu tuần trước thì không. Tạ ơn Chúa ngày mai E. sẽ đi Thụy Sĩ. Nếu nàng phát hiện ra những chuyến viếng thăm buổi tối của mẹ mình – chà, không dám nghĩ đến nữa. Tại sao cứ hễ con trai là tôi dễ dàng xỏ mũi (và không chỉ mũi) trong khi đàn bà con gái ở Zedelghem cứ thẳng tôi hết lần này đến lần khác?

Thân mến,  
R. F.

Sixsmith,

Đang mặc áo choàng trong nhà và ngồi ở bàn viết. Chuông nhà thờ điểm năm tiếng. Lại một bình minh khát cháy nữa. Nến trong phòng đã tàn hết. Một đêm rã rời đang lộn từ trong ra ngoài. J. đến giường tôi đêm qua, và trong quá trình vận động của chúng tôi, cửa phòng bị gõ mạnh. Hoảng sợ đến nực cười! Tạ ơn Chúa J. đã khóa cửa sau khi vào phòng. Nắm cửa rung lắc, tiếng gõ cửa liên hồi vang lên. Nỗi sợ có thể làm cho tâm trí tỉnh táo lẫn mù mịt, và, nhớ đến *Don Juan*, tôi giấu J. dưới đống chăn gối ga trên giường, kéo rèm một nửa để cho thấy chẳng có gì để giấu giếm. Tôi luống cuống chạy đến cửa, không tin nổi chuyện này lại đang xảy ra với mình, cố tình va vào hết món nọ đến món kia để kéo dài thời gian, đến cánh cửa, hỏi vọng ra, “Có chuyện quái quỷ gì đấy? Cháy nhà à?”

“Mở cửa ra, Robert!” Là Ayrs! Anh có thể tưởng tượng, tôi đã chuẩn bị né những viên đạn. Tuyệt vọng, tôi hỏi mấy giờ rồi, chỉ để kéo dài thêm một khoảnh khắc.

“Ai thềm bện tâm? Tôi không biết! Tôi có một giai điệu, chàng trai ạ, dành cho vĩ cầm, nó là một tuyệt tác, và nó không chịu để tôi ngủ yên, nên tôi cần cậu chép lại, ngay bây giờ!”

Tôi có thể tin lão không? “Không đợi đến sáng được à?”

“Không, tuyệt đối không được, Frobisher ạ! Tôi có thể làm mất nó!” Sao chúng ta không đến phòng âm nhạc?

“Như thế sẽ đánh thức cả ngôi nhà và, không được, từng nốt đã đâu ra đấy rồi, trong đầu tôi đây này!” Thế là tôi bảo lão đợi trong lúc tôi thấp nển. Mở cửa ra, thấy Ayrs đang đứng đấy, mỗi tay cầm một cây gậy, trông như xác ướp trong bộ đồ ngủ màu ánh trắng. Hendrick đứng phía sau lão, im lặng và dò xét như một totem của người da đỏ. “Tránh đường, tránh đường!” Ayrs đẩy tôi qua để đi vào. “Tìm bút đi, lấy vài tờ giấy ký âm, mở đèn lên, nhanh nào. Cậu khóa cửa làm quái gì trong khi mở cửa sổ hở?”

Quân Phổ chết rồi, hồn ma của chúng sẽ chỉ cần chui qua khe cửa thôi.” Bịa đôi ba câu về việc không ngủ được trong phòng không khóa cửa, nhưng lão chẳng buồn nghe. “Cậu có giấy chép nhạc ở đây chưa, có cần tôi bảo Hendrick đi lấy không?”

Cảm giác nhẹ nhõm vì V.A. không đến để bắt quả tang tôi đang tăng tịu với vợ lão khiến cho sự đòi hỏi quá đáng của lão trở nên đỡ lố bịch hơn, nên được thôi, tôi đáp, vâng, tôi có giấy, tôi có bút, chúng ta hãy bắt đầu. Mắt của Ayrs rất kém không thể thấy gì khả nghi trong đống lùng nhùng ở chân giường tôi, nhưng Hendrick vẫn còn là một mối nguy hiểm tiềm ẩn. Nên tránh lệ thuộc vào sự toàn quyền quyết định của người hầu. Sau khi Hendrick đỡ ông chủ đến ghế và khoác chặn quanh vai lão, tôi bảo hẳn tôi sẽ gọi khi chúng tôi xong việc. Ayrs không phản đối – lão đã bắt đầu ngân nga giai điệu. Một tia mờ mờ lóe lên trong mắt H.? Phòng quá tối nên không chắc lắm. Gã người hầu khẽ cúi chào, lướt ra khỏi phòng như chân có lắp bánh bôi dầu, rồi nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Vã một ít nước lên mặt tại thau rửa rồi ngồi đối diện với Ayrs, lo lắng J. có thể quên rằng sàn nhà kêu cọt két và tìm cách nhón chân lên ra ngoài. “Sẵn sàng.”

Ayrs ngân nga bản sonata, từng nhịp một, rồi đọc tên các nốt nhạc. Sự kì quặc của tiểu khúc này nhanh chóng hút hồn tôi, dù trong tình cảnh như thế. Nó là một thứ âm nhạc bấp bênh, tuần hoàn, trong vắt như pha lê. Lão kết thúc sau nhịp thứ 96 và bảo tôi ghi chú lên bản chép nhạc thể loại *triste*. Sau đó lão hỏi tôi, “Thế cậu nghĩ sao?”

“Không biết nữa,” tôi đáp. “Không giống ông chút nào. Không giống ai cả. Nhưng nó thật mê hoặc.”

Ayrs lúc này đang khom lưng trước một bức tranh sơn dầu phong cách Tiền-Raphael tiêu đề *Behold the Sated Muse Discards Her Puppet*. Tiếng chim hót phập phồng trong vườn trước bình minh. Nghĩ đến những đường cong của J. trên giường, cách đây chỉ vài mét, thậm chí cảm thấy tâm trạng hồi hộp mất kiên nhẫn đầy nguy hiểm đối với bà ta. V.A. lần đầu tiên tỏ ra không chắc chắn về bản thân. “Tôi mơ thấy một... quán café kinh dị, sáng choang, nhưng nằm dưới mặt đất, không có lối ra. Lúc ấy tôi đã chết lâu lắm rồi. Tất

cả nữ phục vụ đều có khuôn mặt giống nhau. Thức ăn là xà phòng, nước uống duy nhất là những cốc bọt. Âm nhạc trong quán là, ”lão phẩy một ngón tay rã rời vào giấy chép nhạc, ”cái này.” Rung chuông gọi H. Muốn Ayrs rời khỏi phòng trước khi ánh mặt trời tố cáo vợ của lão đang nằm trên giường tôi. Một phút sau, H. gõ cửa. Ayrs đứng dậy rồi ngã về trước – lão ghét bị người khác nhìn thấy lão cần được trợ giúp. ”Làm tốt lắm, Frobisher.” Giọng lão vọng lên từ cuối hành lang. Tôi đóng cửa và thở một hơi nhẹ nhõm rõ to. Leo lên giường trở lại để con cá sấu ẩn nấp trong vũng lầy chăn ga gối cắm những chiếc răng bé nhỏ vào con môi trẻ của bà ta.

Chúng tôi vừa dành cho nhau nụ hôn chia tay xa xỉ thì, mẹ kiếp, cửa lại mở ra. ”Còn điều này nữa, Frobisher!” Trời đất thánh thần thiên địa ơi, tôi quên khóa cửa! Ayrs tiến đến giường tôi như xác tàu *Hesperus*. J. chui xuống ga giường trong khi tôi bật ra mấy tiếng bất ngờ, hốt hoảng. Tạ ơn Chúa, Hendrick đang đợi bên ngoài – tình cờ hay chủ ý? V.A. lần đến cuối giường tôi, rồi ngồi xuống, chỉ cách J. vài centimet. Nếu bây giờ mà J. hắt hơi hoặc ho thì ngay cả lão Ayrs mù lòa cũng sẽ biết. ”Một vấn đề tế nhị, nên tôi cứ nói luôn cho rồi. Jocasta. Bà ta không được chung thủy cho lắm. Ý tôi là về mặt hôn nhân ấy. Bạn bè bóng gió với tôi về sự vô ý của bà ta, kẻ thù thì báo với tôi về những chuyện ngoại tình. Bà ấy có bao giờ... đối với cậu... cậu biết ý tôi là gì chứ?”

Để cho giọng mình đành lại, đây bản lĩnh. ”Không, thưa ông, tôi cho là tôi không hiểu ý ông.”

”Đừng e ngại nữa, chàng trai!” Ayrs chồm đến sát hơn. ”Vợ tôi có bao giờ tiến tới chưa? Tôi có quyền được biết!”

Tránh một tiếng cười hồi hộp trong tích tắc. ”Tôi thấy câu hỏi của ông thật không chấp nhận nổi.” Hơi thở của Jocasta làm đùi tôi ẩm ướt. Bà ta hẳn đã bị nướng chín dưới lớp ga giường. ”Tôi sẽ không gọi những kẻ tung tin đồn nhảm như thế là ‘bạn’ đâu. Trong trường hợp của bà Crommelynck, thành thật mà nói, tôi chưa hề nghĩ đến việc ấy, mà cũng không thấy thoải mái gì. Nếu, nếu, thông qua một vài, tôi không biết gọi là gì nữa, cơn suy sụp tinh thần, mà bà nhà từng có ý hành xử không đúng đắn như thế, thì, ừm, thật lòng, thưa ông Ayrs, có lẽ tôi sẽ xin lời khuyên của Dhondt, hoặc nói chuyện với Bác sĩ Erget.” Sự ngụy biện tạo ra một màn khói mỏng.

“Vậy là cậu sẽ không cho tôi câu trả lời chỉ một từ?”

“Ông có câu trả lời với hai từ. ‘Dứt khoát, không!’ Và tôi rất hi vọng rằng chủ đề này khép lại ở đây.”

Ayrs để cho những khoảnh khắc dài trôi đi. “Cậu còn trẻ, Frobisher à, cậu giàu có, cậu có đầu óc, và cậu chắc chắn không phải là một kẻ không biết lý lẽ. Tôi không hiểu tại sao cậu ở lại đây.”

Tốt. Lão đang làm bộ sụt mướt. “Vì ông là Verlaine của tôi.”

“Phải không, chàng Rimbaud trẻ tuổi<sup>[25]</sup>? Vậy thì ‘*saison en enfer*’ của cậu đâu?”

“Trong các phác thảo, trong đầu tôi, trong ruột tôi, ông Ayrs ạ. Trong tương lai của tôi.”

Không biết Ayrs cảm thấy thế nào, buồn cười, thương hại, hoài niệm hay khinh bỉ. Lão bỏ đi. Khóa cửa và leo lên giường lần thứ ba trong đêm. Chuyện hài chồn phòng the khi thực sự xảy ra thì buồn vô hạn. Jocasta có vẻ giận tôi. “Chuyện gì?” tôi hỏi.

“Chồng tôi yêu anh rồi,” người vợ nói trong lúc mặc quần áo.

Zedelghem đang xao động. Tiếng máy bơm ồn ào như những bà cô già. Nghĩ đến ông nội, người có gene thông minh ương ngạnh bị thất lạc ở thế hệ ông bô. Có lần, ông nội cho tôi xem bản khắc hình một ngôi chùa xứ Xiêm La. Không nhớ nó tên gì, nhưng kể từ ngày một đệ tử của Phật thuyết pháp ở nơi này nhiều thế kỉ trước, thì tất cả những tướng cướp, bạo chúa và hoàng thân của vương quốc đó đã xây đắp lên đó cơ man nào là tháp ngà, vườn thượng uyển, mái vòm dát vàng, tranh tường dài rộng, cẩn ngọc vào mắt những bức tượng. Tương truyền rằng chừng nào ngôi chùa cuối cùng trông giống được như ngôi chùa ở Cự lạc thì ngày đó loài người sẽ làm tròn bổn phận và Thời gian sẽ ngừng trôi.

Tôi nhận ra, với những người như Ayrs, ngôi chùa này chính là nền văn minh. Quân chúng, nô lệ, nông dân và binh lính tồn tại trong những kẽ hốc của phiến đá lát đường cho văn minh, không hay biết gì về chính sự vô minh của họ. Khác với họ, những chính khách, nhà khoa học, nghệ sĩ và, quan trọng hơn hết, những nhà soạn nhạc của thời đại, bất kỳ thời đại nào,

là những kiến trúc sư, thợ xây và giáo sĩ của nền văn minh đó. Ayrs xem vai trò của chúng tôi là làm cho nền văn minh trở nên rục rĩ hơn. Mơ ước sâu sắc nhất, hay duy nhất, của ông chủ tôi là tạo ra một tháp ngà giáo đường để cho những hậu duệ của tiến bộ nhân loại một nghìn năm sau phải chỉ tay và thốt lên, “Nhìn đi, Vyvyan Ayrs kìa!”

Thật tầm thường, sự thèm khát bất tử ấy, thật phù phiếm, thật sai lầm. Nhà soạn nhạc chỉ là những kẻ vẽ tranh nguệch ngoạc lên vách hang động. Người ta viết nhạc chỉ vì mùa đông dài bất tận và bởi vì nếu không viết, lang sói và bão tuyết sẽ kẻ bên cổ họng ta bất kỳ lúc nào.

Thân mến,  
R.F.

Lâu đài Zedelghem,  
14 – ix – 1931.

Sixsmith,

Ngài Edward Elgar<sup>[26]</sup> đến dùng trà chiều nay. Ngay cả anh cũng đã nghe nói đến ông ta đấy, chàng ngốc ạ. Thường khi có ai hỏi Ayrs nghĩ gì về âm nhạc Anh, lão sẽ đáp, “Âm nhạc nào của Anh? Làm gì có! Từ thời Purcell!” rồi sung sủa cả ngày, như thể cuộc Cải cách là chuyện riêng của ai. Thái độ khiêu khích này đã bị quên lãng trong tích tắc khi Ngài Edward gọi điện từ khách sạn ở Bruges sáng nay để hỏi xem Ayrs có thể dành cho ông ấy một, hai giờ không. Ayrs bộc lộ hết thói cộc cằn thô lỗ, nhưng tôi có thể nhận ra qua cách lão quở mắng bà Willems về việc sắp xếp tiệc trà, lão đang rất mãn nguyện như con mèo được xơi kem sữa. Vị khách lừng danh của chúng tôi đến lúc hai giờ rưỡi, khoác một chiếc áo choàng Inverness màu lục dù tiết trời khá mát mẻ. Tình trạng sức khỏe của ông ta cũng chẳng khá hơn V.A. là bao. J. & tôi chào đón ông ta ở bậc tam cấp dẫn vào Zedelghem. “VẬY CẬU ĐÂY LÀ ĐÔI MẮT MỚI CỦA VYV, PHẢI KHÔNG?” ông ta hỏi tôi, trong lúc chúng tôi bắt tay. Nói tôi đã thấy ông ta chỉ huy dàn nhạc vài chục lần tại các lễ hội, điều đó làm ông ta vui lòng. Dẫn nhà soạn nhạc vào Phòng đỏ, nơi Ayrs đang đợi. Họ chào nhau đầy thân ái, nhưng cẩn trọng như thể sợ làm đau lẫn nhau. Chứng đau hông của Elgar khiến ông ta không thoải mái, và ngay cả trong những ngày đỡ hơn, V.A. trông vẫn khá đáng sợ khi thoát nhìn, và trông còn tệ hơn khi nhìn kỹ. Trà được dọn lên và họ nói chuyện nghề với nhau, gần như bỏ mặc J. & tôi, nhưng thật tuyệt khi làm con ruồi trên tường. Ngài E. thỉnh thoảng có đưa mắt nhìn chúng tôi để đảm bảo mình đang không làm chủ nhà mỗi một. “Không hề.” Chúng tôi mỉm cười đáp lại. Họ giao đãi quanh những đề tài như kèn saxophone trong dàn nhạc giao hưởng, Webern là Fraudster hay Messiah, sự đỡ đầu và chính trị trong âm nhạc. Ngài E. tuyên bố đang thực hiện một bản Giao hưởng thứ ba sau thời gian dài ngủ đông: - ông ta còn diễn ngay cho chúng tôi bản sơ thảo của một *molto maestoso* và một *allegretto*. Ayrs cũng rất hào hứng chúng tỏ lão chưa sẵn sàng chui vào quan tài, và bảo tôi

biểu diễn một số phác thảo cho dương cầm vừa hoàn thiện gần đây – khá đáng yêu. Sau khi uống hết vài chai bia Trappist, tôi hỏi Elgar về *Pomp & Circumstance Marches*. “Ô, tôi cần tiền, chàng trai ạ. Nhưng đừng cho ai biết nhé. Đức Vua có thể muốn lấy lại danh hiệu tòng nam tước của tôi đấy.” Ayrs cười sặc sụa khi nghe điều này! “Tôi luôn bảo, Ted, để làm cho đám đông ca tụng, đầu tiên cậu phải tiến vào thành phố trên lưng lừa. Lý tưởng nhất là đi lùi, trong khi nói với quần chúng những chuyện mà họ muốn nghe.”

Ngài E. đã nghe nói về sự đón nhận dành cho “Todtenvogel” ở Cracow (có vẻ như toàn thể London đã nghe thấy), nên V.A. bảo tôi đi tìm bản ký âm. Trở lại Phòng màu đỏ, vị khách đem Con chim chết của chúng tôi đến bệ cửa sổ để đọc với sự giúp đỡ của chiếc kính một mắt trong khi Ayrs và tôi giả vờ bận bịu việc riêng. “Ayrs này, một người ở thời đại của chúng ta,” cuối cùng E. cũng lên tiếng, “không có quyền đưa ra những ý tưởng táo bạo thế này. Ông lấy chúng từ đâu?” V.A. xù lên đầy tự mãn. “Tôi cho rằng mình hãy còn một, hai đạo quân hậu tập trong cuộc chiến chống tuổi già sức yếu của mình. Chàng trai Robert đây chứng tỏ là một sĩ quan phụ tá đặc lực cho tôi đấy.” Sĩ quan phụ tá? Tôi mới là tướng quân còn *lão* chỉ là lão già người Thổ đang ôm mộng về thời vàng son đã mất! Mỉm cười ra vẻ đáng yêu hết sức có thể (như thể mái nhà che thân tôi phụ thuộc vào nó. Hơn nữa, biết đâu một ngày nào đó ngài E. sẽ trở nên có ích nên chẳng đại gì gây ấn tượng là kẻ phá bĩnh.) Trong suốt bữa trà, Elgar nêu lên sự tương phản giữa vị trí của tôi ở Zedelghem với công việc đầu tiên của ông ta khi làm giám đốc âm nhạc tại một nhà thương điên ở Worcestershire<sup>[27]</sup>. “Sự chuẩn bị tuyệt vời cho công việc chỉ huy dàn nhạc Philharmonic London, phải không nhỉ?” V.A. ra đòn. Chúng tôi cùng cười và tôi tha thứ một nửa cho lão già ba hoa ích kỷ vì sống thật với lòng. Cho thêm một, hai khúc củi vào lò sưởi. Trong ánh lửa mờ khói, hai lão già ngủ gà gật như hai vị vua cổ đại đang trải qua các niên đại trong năm mồi. Ghi chú âm nhạc về tiếng ngáy của họ. Tiếng của Elgar nên được chơi bằng kèn tuba bass, còn Ayrs thì kèn bassoon. Tôi sẽ làm thế với Fred Delius và John Mackerras rồi xuất bản tất cả trong một tác phẩm nhan đề *Bảo tàng ngáy của những xác nhồi thuộc triều đại Edward*.

*Ba ngày sau.*

Vừa về nhà sau một chuyến tản bộ khoan thai với V.A. trên Con đường Tu sĩ đến nhà người gác cổng. Tôi đẩy xe lăn cho lão. Tối nay cảnh vật r. thoáng đặng; lá thu bay lượn thành những vòng xoắn ốc vợi vãi, tựa như V.A. là nhà giả kim còn tôi là người học việc của lão vậy. Những cái bóng dài của hàng bạch dương đổ ngang bãi cỏ tủa tót. Ayrs muốn tiết lộ những ý tưởng cho một tuyệt tác hòa âm cuối cùng, sẽ được đặt tên là *Luân hồi vĩnh cửu* để tưởng nhớ đến Nietzsche mà ông ta vốn ưu ái. Một số đoạn nhạc sẽ được trích từ vở opera viết dở dựa trên tác phẩm *Hòn đảo của bác sĩ Moreau* mà việc sản xuất ở Vienna bị hủy do chiến tranh, một số đoạn nhạc V.A. tin rằng sẽ “đến” với lão, và xương sống của tác phẩm này sẽ là bản “nhạc trong mơ” mà lão đọc cho tôi trong phòng vào cái đêm sơn tóc gáy tháng trước, tôi kể với anh về chuyện đó. V.A. muốn tác phẩm có bốn phần, một đội hợp xướng nữ, và một dàn nhạc lớn chơi toàn nhạc cụ hơi theo phong cách Ayrs. Thật sự, một công trình đồ sộ. Muốn tôi ở lại thêm nửa năm nữa. Nói tôi sẽ suy nghĩ về chuyện này. Lão nói sẽ tăng lương cho tôi, thật là một lão già huých toẹt và xảo quyệt. Nhắc lại, tôi cần thời gian. V.A. rất bực bội vì tôi không đưa ra câu trả lời ‘Được!’ ngay lúc đó – nhưng tôi muốn lão già râu bọ này phải thừa nhận rằng lão cần tôi hơn là tôi cần lão.

Thân mến,  
R.F.

Lâu đài Zedelghem,  
28 – ix – 1931.

Sixsmith,

J. ngày càng tỏ ra r. phiền toái. Sau khi làm tình, bà ta nằm xã xoài trên giường như một thứ quái thai và hỏi về những người đàn bà mà tôi đã chạm cung tơ. Giờ thì bà ta tìm cách khiêu khích để moi cho ra những cái tên, những câu đại loại, “Ô, tôi đoán là Frederica dạy anh chiêu đó phải không?” (Bà ta vuốt vết chàm trên hõm vai tôi, vết chàm mà anh nói là giống hình sao chổi ấy – không thể *chịu nổi* người đàn bà vồn vồ da tôi.) J. gây ra những chuyện cãi vã nhỏ nhặt để tôi phải làm lành và rồi, một cách đầy lo lắng, bắt đầu để những bi kịch ánh trăng len lõi vào đời sống ban ngày. Ayrs không thấy gì khác ngoài *Luân hồi vĩnh cửu*, nhưng Eva sắp quay lại sau mười ngày nữa và sinh vật có đôi mắt điều hâu ấy sẽ đánh hơi ra một bí mật đang bốc mùi chỉ trong tích tắc.

J. nghĩ rằng thỏa thuận công việc mới giúp bà ta buộc chặt tương lai của tôi vào Zedelghem hơn – bà ta nói, nửa đùa, nửa nghiêm túc, rằng bà ta sẽ không để tôi “bỏ rơi” bà ta hoặc chồng, vào lúc “họ” cần tôi. Cái ác nằm trong những đại từ như thế, Sixsmith ạ. Tệ hại nhất là, bà ta đã bắt đầu nói tiếng “Y” với tôi rồi, và muốn nghe tôi đáp lại. Người đàn bà này *bị làm sao vậy?* Bà ta gần gấp đôi tuổi tôi cơ mà! Bà ta muốn gì? Trấn an bà ta rằng tôi chưa từng yêu ai ngoài bản thân và không có ý định bắt đầu yêu ai lúc này, nhất là với vợ người khác, và nhất là khi người đó có thể hủy hoại tên tuổi tôi trong xã hội âm nhạc châu Âu chỉ bằng cách viết năm, sáu lá thư. Vì vậy, tất nhiên, người đàn bà giờ chiêu trò riêng, úp mặt vào gối khóc lóc, cáo buộc tôi “lợi dụng” bà ta. Tôi đồng ý, tất nhiên là tôi đã “lợi dụng” bà ta, cũng như bà ta “lợi dụng” tôi vậy thôi. Đó chính là thỏa thuận. Nếu bà ta không còn vui vẻ với điều đó nữa, thì bà ta chẳng phải là tù nhân của tôi. Thế là bà ta tức tối bỏ đi, dỗi được vài ngày, cho đến khi con cừu cái già lại đói cồn cào trước con cừu đực trẻ, và bà ta quay lại, gọi tôi là chàng trai yêu quý, cảm ơn tôi vì đã “đem âm nhạc trở lại cho Vyvyan”, và cái vòng lẩn quẩn ngu ngốc lại bắt đầu trở lại. Tôi tự hỏi trước đây bà ta có tìm đến

Hendrick hay không? Với người đàn bà này thì điều gì cũng có thể. Nếu một bác sĩ người Áo tài năng bỏ đầu bà ta ra, thì cả một tổ ong loạn trí sẽ tràn ra. Nếu biết bà ta bất ổn thể này thì tôi đã không bao giờ để cho bà ta lên giường mình trong đêm đầu tiên ấy. Kiểu ái ân với bà ta chẳng có gì vui. Không, là tàn bạo mới đúng.

Đã đồng ý với lời đề nghị của V.A. là tôi sẽ ở lại đến mùa hè năm sau, ít nhất là thế. Không có tiếng vọng vũ trụ nào ảnh hưởng đến quyết định của tôi – chỉ là lợi ích nghệ thuật, thực tế tài chính, và vì J. có thể suy sụp nếu tôi đi. Những hậu quả mà *chuyện đó* đem lại sẽ không tốt chút nào.

*Sau đó, cùng ngày*

Người làm vườn sau khi gom đốt lá khô vừa trở về phòng. Hơi nóng trên mặt, trên tay, làn khói buồn, đám lửa lách tách khò khè. Gọi nhớ đến túp lều của người quản sân ở Gresham. Tóm lại, nghĩ ra được một đoạn tuyệt vời nhờ đám lửa – trống cho tiếng lách tách, alto bassoon cho gõ, và tiếng sáo phiêu linh cho ánh lửa. Đã chuyển thể nó xong ngay lúc này. Không khí trong lâu đài ẩm ương như quần áo không chịu khô. Tiếng cửa đóng sầm dọc các lối đi. Mùa thu đang để lại sự dịu ngọt sau lưng để chuyển sang giai đoạn châm chích, mục nát. Không nhớ mùa hạ có từng nói lời tạm biệt.

Thân mến,  
R.F.

# Những chu kỳ bán rã

- Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey -

Rufus Sixsmith tựa lên ban công và nhắm tính tốc độ của cơ thể khi chạm xuống vỉa hè, để cho những điều nan giải trong cuộc đời ông yên nghỉ. Chiếc điện thoại đồ chuông trong căn phòng nhá nhem tối. Sixsmith không dám trả lời. Nhạc disco giật đùng đùng từ căn hộ cạnh bên, đang có một buổi tiệc náo nhiệt bên ấy, và Sixsmith cảm thấy mình già cỗi hơn nhiều so với tuổi sáu mươi sáu. Khói bụi che mờ sao trời, nhưng ở phía bắc và phía nam dọc đường bờ biển, hàng tỉ ánh đèn của Buenas Yervas đang lung linh chiếu sáng. Phía tây, Thái Bình Dương bất tận. Phía đông, lục địa nước Mỹ của chúng ta, trần trụi, hùng cường, nguy hiểm, thần thánh hóa, đói khát, và điên cuồng.

Một cô gái bước ra từ buổi tiệc nhà bên và tựa lên ban công phía bên ấy. Mái tóc cắt ngắn, chiếc đầm màu tím thanh lịch, nhưng trông cô buồn bã và cô đơn vô hạn. *Sao mình không rủ cô ta tự tử chung?* Sixsmith không thực sự định như thế, và cũng sẽ không nhảy xuống, ông sẽ không tự tử nếu vẫn còn một tia hài hước trong đầu. *Vả lại, một vụ tai nạn im ắng chính xác là thứ mà Grimaldi, Napier và những tay vô lại mặc vest bóng bẩy đang mong đợi.* Một tiếng còi cứu thương cắt ngang tiếng âm âm không dứt của dòng xe cộ. Sixsmith lui vào phòng, nơi tiếng chuông điện thoại đột ngột im bật. Ông rót thêm cho mình một ly vermouth đầy từ quầy bar mini của người chủ vắng nhà, thọc hai tay vào thùng đá, rồi vuốt mặt. Đi đâu đó ra ngoài rồi gọi điện cho Megan, con bé là người bạn duy nhất còn lại của mi. Ông biết mình sẽ không làm thế. *Mi không thể lôi con bé vào mớ bòng bong chết người này.* Nhịp điệu nhạc disco dường như đang giật trong thái dương ông, nhưng đây là căn hộ ông mượn của người khác nên có cố gì đâu mà than phiền. *Buenas Yervas đâu phải là Cambridge. Dù sao đi nữa, mi cũng đang lẩn trốn mà.* Gió khiến cửa ban công đập đánh sầm, Sixsmith hoảng hốt đánh đổ nửa ly vermouth. *Không, lão già ngu ngốc ơi, đấy không phải là súng nổ.* Ông lau sạch chỗ rượu đổ bằng khăn nhà bếp, mở tivi, vặn nhỏ âm thanh

và tìm kênh có chiều  $M^*A^*S^*H$ . Có chiều ở kênh nào đó mà. Cứ tìm là có.

Luisa Rey nghe tiếng loảng xoảng từ ban công nhà hàng xóm. “Ai đó?” Chẳng có ai. Dạ dày cảnh báo cô phải dừng uống thứ nước có ga này. *Cái mi cần là nhà tắm, chứ không phải không khí trong lành*, nhưng cô không thể chịu nổi chuyện len lỏi trở vào buổi tiệc và, dù sao đi nữa, cũng chẳng kịp – cô nôn xuống bên hông toà nhà: một lần, hai lần, hình ảnh món gà đầy dầu mỡ hiện ra, rồi lần thứ ba. Đây là điều ngu ngốc thứ ba mi từng làm trong đời, cô lấy tay dụi mắt. Cô sục miệng, nhổ hết những gì còn sót lại vào một chậu hoa nằm sau một tấm rèm. *Mi đang lãng phí cuộc đời mình*. Luisa dùng khăn giấy chặm môi và lục tìm kẹo bạc hà trong túi xách. *Về nhà rồi bịa ra cái bản tin ba trăm chữ chết tiệt cho xong đi. Người ta cũng chỉ xem ảnh thôi mà.*

Một người đàn ông đã quá tuổi để mặc quần da, mình trần, khoác mỗi áo ghi lê họa tiết ngựa vằn, bước ra ban công. “Luisaaa!” Một bộ râu quai nón tĩa tót cẩn thận, dây chuyền mặt chữ thập chìa khóa bằng đá mặt trắng và cẩm thạch quanh cổ. “Chào cô em!”

Luisa tự hỏi mùi nôn có khiến gã bỏ cuộc không, nhưng gã đang quá hưng phấn nên chẳng nhận ra. “Chào Richard,” cô đáp.

“Ra ngoài này ngắm sao hả? Thôi vào đi. Bix đem theo hơn hai trăm gram bột trắng đấy. Đúng là tay chơi *thứ thiệt*. Mà này, anh có nói trong lúc phỏng vấn chưa ấy nhỉ? Anh đang định đổi tên thành ‘Ganja’ đấy. Maharaj Aja nói tên ‘Richard’ không hợp với mạng của anh.”

“Ai cơ?”

“Sư phụ của anh, Luisaaa à! Ông ấy tái sinh trong đời này lần cuối trước khi...” Các ngón tay của Richard làm dấu *bùm!* Lên Niết bàn. “Đến nghe ông ấy giảng pháp đi. Danh sách đợi của ông ấy thường rất dài, *cả đời mới đến lượt*, nhưng đệ tử có chữ thập chìa khóa cẩm thạch thì được nghe giảng riêng vào buổi chiều cùng ngày. Giống như, *việc gì phải đi học đại học và ba cái thứ rác rưởi* khi Maharaj Aja có thể, ờ, dạy em mọi điều về... Nó.” Gã

dùng ngón tay đóng khung mặt trăng. “Lời nói thì quá... *cứng nhắc*... Không gian thì... quá ư là... em biết đấy, ờ, *tổng thể*. Muốn hút cần sa không? Acapulco Vàng đấy. Mọi từ tay Bix.” Gã nhích lại gần hơn theo cách phụ nữ nào cũng hiểu. “Thế, Lu này, đợi tiệc tàn chúng ta cùng lên mây đi. Chỉ hai ta với nhau, ở chỗ anh, chịu không? Em có thể có một bài phỏng vấn *rất* độc quyền luôn. Biết đâu anh còn viết tặng em một bài hát và đưa vào đĩa tiếp theo của anh.”

“Tôi xin kiếu.”

Tay nhạc sĩ rock hạng hai nheo mắt. “Ngày xui trong tháng hả? Vậy tuần sau được không? Anh tưởng phóng viên trẻ các em uống thuốc tránh thai, ờ, suốt đời chứ.”

“Bix có bán cho anh những câu tán gái này luôn không?”

Gã cười khẩy. “Này, Bix nói gì với em à?”

“Richard, nói rõ để anh khỏi lẩn tránh, tôi thà nhảy từ ban công này xuống đất còn hơn ngủ với anh, bất kì thời điểm nào trong tháng. Tôi thật sự sẽ làm thế đấy.”

“Ái chà!” Hắn giật phắt tay lại như phải bỏng. “Kén chọn quá! Cô em nghĩ mình là ai, Joni Mitchell à? Cô chỉ là một *cây bút bình luận lá cải* chẳng ra gì của tờ tạp chí *chẳng ma nào thềm đọc!*”

Cửa thang máy đóng lại ngay khi Luisa Rey định bước vào, nhưng người đứng khuất mặt bên trong đã dùng gậy chặn cửa lại. “Cám ơn bác,” Luisa nói với ông già. “May mà thời đại của những người ga lăng chưa đến hồi cáo chung.”

Ông ta gạt đầu đồng ý một cách trịnh trọng.

*Trời ơi*, Luisa thầm nghĩ, *trông ông già như chỉ còn sống được một tuần nữa thôi*. Luisa bấm nút G để xuống tầng trệt. Chiếc thang máy cũ bắt đầu đi xuống. Mũi tên thông thả đếm lùi từng tầng. Động cơ kêu kẹo kẹt, dây cáp nghiêng ken két, nhưng giữa tầng mười và chín, tiếng *cạch – cạch – cạch* phát ra rồi tắt ngóm với một tiếng *phzzz-zzz-zz-z*. Luisa và Sixsmith ngã dúm dụi xuống sàn. Bóng đèn chớp tắt vài lần rồi dừng lại ở màu hổ phách.

“Bác có sao không? Bác ngồi dậy được không?”

Ông già bị ngã sõng soài lồm cồm ngồi dậy. “Không bị gãy chiếc xương nào, tôi nghĩ thế, nhưng tôi sẽ ngồi cho chắc, cám ơn cô.” Giọng Anh cổ điển của ông khiến Luisa nhớ đến con cọp trong *Câu Chuyện Rừng Xanh*. “Điện có thể phát lại đột ngột.”

“Chúa ơi,” Luisa lẩm bẩm. “Mất điện. Đúng là kết thúc hoàn hảo cho một ngày hoàn hảo.” Cô ấn nút kêu cứu. Chẳng có gì. Cô ấn nút gọi nội bộ, và hét lên: “Này! Có ai ở đó không?” Tiếng sóng âm rít lên. “Chúng tôi đang gặp sự cố đây! Có ai nghe thấy không?”

Luisa và ông già nhìn nhau, lắng nghe.

Không hồi đáp. Chỉ nghe những tiếng âm âm mơ hồ. Luisa kiểm tra trần thang máy. “Phải có lỗ thoát để chui lên...”

Không có. Cô lật lớp thảm ra – sàn bằng thép. “Chắc chỉ có trong phim thôi.”

“Cô có còn mừng vì thời đại ga lăng chưa chết không?” ông già hỏi.

Luisa gượng cười. “Chúng ta có thể phải ở trong này một lúc đấy. Lần mất điện tháng trước kéo dài tận bảy tiếng.” *May quá, ít ra mình không bị nhốt chung với một tên tâm thần, một kẻ sợ không gian khép kín, hay Richard Ganga.*

Sáu mươi phút sau, Rufus Sixsmith ngồi tựa vào một góc, dùng khăn tay chậm mồ hôi trên trán. “Tôi đăng ký tờ *Illustrated Planet* từ năm 1967 để đọc các bài viết của bố cô từ Việt Nam. Hàng nghìn người khác cũng làm vậy. Lester Rey là một trong khoảng chừng bốn, năm nhà báo hiếm hoi viết về cuộc chiến từ góc nhìn châu Á, vì thế tôi rất thích nghe xem một cảnh sát đã trở thành một trong những thông tin viên xuất sắc nhất của thế hệ anh ta như thế nào.”

“Là bác đề nghị đấy nhé.” Câu chuyện được đánh bóng mỗi khi kể lại. “Bố cháu gia nhập Sở cảnh sát Buenas Yervas chỉ vài tuần trước khi nổ ra trận Trân Châu Cảng, vì thế ông đã trải qua cuộc chiến ở đây thay vì ở Thái Bình Dương như anh trai của ông, bác Howie. Bác ấy đã giẫm phải mìn của Nhật trong lúc chơi bóng chày trên quần đảo Solomon. Chẳng bao lâu sau, bố hay tin trường hợp của mình thuộc diện bị điều đến Phân khu 10. Ở mỗi thành phố trong cả nước đều có một phân khu như vậy – một kiểu trại cải tạo nơi những cảnh sát ngay thẳng không chịu nhận hối lộ và không chịu nhắm mắt làm ngơ bị chuyển đến. Dù sao thì vào đêm ăn mừng chiến thắng Nhật Bản, Buenas Yervas tổ chức đại tiệc toàn thành phố và, bác biết đấy, lực lượng cảnh sát phải làm việc hết công suất. Bố nhận được một cuộc gọi báo tin có vụ hôi của ở Bến tàu Silvaplana, một chốn không người nằm giữa Phân khu 10, Cảng vụ và Phân khu Spinoza. Ai là người báo tin cho đồn cảnh sát và lý do tại sao – đó là tin báo chân thật, bội phản nội bộ, nhảm lẩn, trò đùa vô ý hóa thành tai hại – mãi là một câu hỏi, nhưng bố và cộng sự của ông, một người tên Nat Wakefield, đã lái xe đến đó để xem xét tình hình. Họ đỗ xe giữa hai công-ten-nơ hàng hóa, tắt máy, đi tuần và phát hiện khoảng hai chục người đang chất những kiện hàng từ một nhà kho lên một chiếc xe tải. Ánh đèn rất mờ nhưng những người này trông không giống công nhân bốc xếp và cũng không mặc quân phục. Wakefield bảo bố đi gọi điện về tổng đài để tăng yểm trợ. Ngay khi bố vừa đến chỗ để

bộ đàm thì một cuộc gọi đến nói rằng lệnh ban đầu yêu cầu điều tra vụ hôi của đã bị huỷ bỏ. Bố báo cáo điều ông vừa trông thấy, nhưng mệnh lệnh được lặp lại, vì thế bố chạy trở lại nhà kho, vừa kịp lúc chứng kiến cộng sự của ông bị ánh đèn của một tên soi trúng và bị bắn sáu phát vào lưng. Bố bằng cách nào đó vẫn giữ được bình tĩnh, chạy về xe cảnh sát và tìm cách gửi đi cuộc gọi Mã 8 – một cuộc gọi kêu cứu – trước khi chiếc xe rung lên bần bật vì đạn bắn. Ông bị bủa vây tất cả các phía, chỉ trừ phía bến tàu, thế là ông nhảy xuống, rơi vào một hỗn hợp dầu diesel, rác, nước cống và nước biển. Ông bơi phía dưới bờ kè – thời đó Bến tàu Silvaplana là một công trình bằng thép giống như một đường lát ván khổng lồ, chứ chưa trở thành bán đảo bê tông như ngày nay – rồi leo lên một chiếc thang của bến tàu, ướt như chuột lột, mất một chiếc giày, khẩu súng không dùng được nữa. Ông chỉ còn cách quan sát bọn người này, khi chúng vừa chất hàng xong thì vài chiếc xe tuần tra cảnh sát của phân khu Spinoza trở đến. Trước khi bố kịp chạy vòng qua sân để cảnh báo những cảnh sát đó, thì một vụ đấu súng vô vọng nổ ra – những tay súng nã đạn vào hai chiếc xe cảnh sát bằng *súng máy*, chiếc đầu tiên đã bị hạ. Chiếc xe tải nổ máy, các tay súng nhảy lên, chúng chạy ra khỏi sân và ném lại vài quả lựu đạn. Không ai biết chúng cố tình gây thương tích hay chỉ để cắt đường cảnh sát, nhưng một quả lựu đạn rơi trúng bố và biến ông thành một chiếc gối cắm kim. Ông tỉnh dậy hai ngày sau trong bệnh viện, mất một mắt trái. Báo chí mô tả sự cố này là một vụ đột kích ăn may của một băng nhóm trộm cắp. Người ở Phân khu 10 suy đoán rằng một băng đảng tội phạm từng rút ruột vũ khí trong chiến tranh hôm ấy dọn kho, vì giờ đây chiến tranh đã kết thúc và việc thanh toán sẽ bị siết chặt hơn. Đã có sức ép đòi mở rộng điều tra vụ đấu súng Silvaplana – ba cảnh sát thiệt mạng là một chuyện rất nghiêm trọng vào năm 1945 – nhưng văn phòng Thị trưởng đã ngăn cản chuyện này. Hãy tự rút ra kết luận. Bố đã làm thế, và những kết luận ông có được đã làm suy giảm niềm tin của ông vào lực lượng hành pháp. Khi ông xuất viện tám tháng sau đó, ông cũng kịp học xong một khóa hàm thụ về báo chí.”

“Thật đáng buồn,” Sixsmith nói.

“Phần còn lại thì có thể bác đã biết. Đưa tin về Triều Tiên cho tờ

*Illustrated Planet*, sau đó trở thành thông tin viên khu vực Mỹ Latin của tờ *West Coast Herald*. Ông đến Việt Nam để đưa tin về trận Ấp Bắc và thường trú tại Sài Gòn cho đến khi ngã bệnh hồi tháng Ba vừa rồi. Thật kì diệu khi cuộc hôn nhân của bố mẹ cháu có thể kéo dài gần ấy năm – bác biết đấy, khoảng thời gian dài nhất cháu được ở bên bố là từ tháng Tư đến tháng Bảy, năm nay, trong bệnh viện.” Luisa im lặng. “Cháu nhớ bố, bác Rufus ạ, nhớ triền miên. Cháu cứ quên là bố đã mất. Cháu cứ nghĩ bố đang đi công tác, ở đâu đó, và sẽ sớm bay về một ngày nào đó.”

“Ông ấy hẳn là rất tự hào về cô, vì đã nối nghiệp ông.”

“Tiếc thay, Luisa Rey không phải là Lester Rey. Cháu đã lãng phí nhiều năm chỉ để nổi loạn và tự giải phóng, ôm mộng thi sĩ và làm việc trong một hiệu sách trên phố Engels. Máy trò làm bộ làm tịch của cháu chẳng thuyết phục được ai, còn thơ thần thì ‘ngớ ngẩn đến nỗi gọi là dở còn chưa đúng’ – như nhận xét của Lawrence Ferlinghetti – rồi hiệu sách thì đóng cửa dẹp tiệm. Vì vậy cháu vẫn chỉ là một cây bút bình luận quèn mà thôi.” Luisa dụi đôi mắt mệt mỏi, nghĩ đến câu nói của Richard Ganga lúc chia tay. “Không có bài báo đoạt giải nào từ vùng chiến sự. Cháu đã ấp ủ nhiều kì vọng khi đầu quân cho *Spyglass*, nhưng tin lá cải ba xu về những buổi tiệc tùng đình đám xem ra là thứ gần nhất với nghiệp xưa của bố mà cháu đạt được.”

“À, nhưng mà tin lá cải ba xu được viết một cách bài bản chứ?”

“Phải nói là tin lá cải ba xu viết *một cách xuất sắc* đấy ạ.”

“Vậy thì chớ vội than vãn về cuộc sống đặt nhầm chỗ của mình. Xin thứ lỗi vì tôi khoe khoang kinh nghiệm bản thân, nhưng cô không *hình dung* được một cuộc sống đặt nhầm chỗ là như thế nào đâu.”

“Hitchcock rất thích được chú ý,” Luisa nói, sức ép trên bàn quang của cô giờ đây đang trở nên khó chịu hơn, “nhưng lại ghét phỏng vấn. Ông ta không chịu trả lời phỏng vấn của cháu vì không thực sự lắng nghe. Ông ta nói, những tác phẩm xuất sắc nhất của mình là những chuyến tàu lượn làm cho hành khách hồn bay phách lạc, nhưng cuối cùng để cho họ bước xuống, cười khúc khích và hào hứng leo lên chuyến tiếp theo. Cháu nói với bậc thầy ấy rằng, bí quyết gây sợ hãi là chia cắt hoặc dồn nén: chừng nào Bates Motel<sup>[28]</sup> còn bị đóng kín trước thế giới này, thì chúng ta còn muốn nhìn trộm vào trong, như nhòm vào một khu nuôi nhốt bò cạp vậy. Nhưng một bộ phim cho thấy thế giới này là một Bates Motel, thì, đó là... chuyện của Buchloe, một xã hội đáng sợ, trầm cảm. Chúng ta sẽ nhúng các ngón chân vào một vũ trụ vô thần, không còn biết gì đến luân thường đạo lý, cướp bóc tràn lan – nhưng chỉ là các ngón chân mà thôi. Câu trả lời của Hitchcock là – Luisa bắt chước điệu bộ một cách tài tình – ‘Cô gái trẻ à, tôi là một đạo diễn ở Hollywood, chứ có phải là Nhà tiên tri xứ Thebes đâu.’ Cháu hỏi tại sao Buenas Yervas chưa bao giờ được đưa vào phim của ông ta. Hitchcock đáp, “Thành phố này là sự kết hợp giữa những gì tồi tệ nhất của San Francisco và Los Angeles. Buenas Yervas chẳng thuộc về nơi nào cả.” Ông nói những câu triết lý như thế, không phải với người đối diện, mà với hậu thế, để những khách dự những buổi dạ tiệc sau này sẽ nói, ‘Đó là một phát ngôn của Hitchcock, bạn biết đấy.’”

Sixsmith vắt mồ hôi từ chiếc khăn tay. “Tôi xem *Charade* với cháu gái tại một rạp xi nê nghệ thuật hồi năm ngoái. Đó có phải là phim của Hitchcock không? Con bé lôi tôi đến những nơi này, để tôi không biến thành ông già ‘cổ lỗ sĩ’. Tôi cũng thích bộ phim ấy, nhưng cháu gái tôi nói Audrey Hepburn là ‘đầu bong bóng’. Một từ tuyệt vời.”

“*Charade* là phim có cốt truyện xoay quanh mấy con tem phải không?”

“Một bí ẩn có tính toán, đúng thế, nhưng phim trinh thám mà không có mưu mẹo gì thì chán chết. Nhận xét của Hitchcock về Buenas Yervas khiến tôi nhớ đến nhận định của John F. Kennedy về New York. Cô biết câu đó chứ? ‘Phần lớn các thành phố là danh từ, nhưng New York là động từ.’ Tôi tự hỏi Buenas Yervas có thể là gì?”

“Một chuỗi tính từ và liên từ?”

“Hay là một phụ từ?”

“Megan, cháu gái rượu của tôi.” Rufus Sixsmith đưa cho Luisa một bức ảnh một cô gái da nâu vàng chụp cùng ông thời còn phong độ khỏe mạnh, tại một bến du thuyền đầy nắng. Người chụp ảnh vừa nói điều gì đó buồn cười ngay trước khi màn trập đóng lại. Đôi chân họ đứng đưa phía trên đuôi một chiếc thuyền buồm nhỏ tên là *Starfish*. “Đó là chiếc xuồng cũ của tôi, di vật từ những ngày huy hoàng.”

Luisa đưa ra nhận xét lịch sự rằng ông trông chẳng già hơn là bao.

“Thật đấy. Nếu bây giờ mà đi biển một chuyến nghiêm chỉnh thì tôi sẽ phải thuê hẳn một nhóm thủy thủ. Tôi vẫn thường dành ra nhiều dịp cuối tuần trên chiếc thuyền này, lái quanh bến tàu và ngắm nghĩ sự đời, hoặc làm chút việc gì đó. Megan cũng thích biển lắm. Con bé là một nhà vật lý bẩm sinh với một cái đầu giỏi toán hơn tôi gấp nhiều lần, nhưng điều đó khiến mẹ nó không được vui. Em trai tôi cưới mẹ của Megan không phải vì cô ta thông minh, tôi rất tiếc phải nói như thế. Cô ta tin vào *phong thủy* hay *kinh dịch* hay mấy những kiểu giác ngộ cấp tốc tào lao đang thịnh hành. Cô ta còn dẫn sai lời của Horatio trong vở *Hamlet* với tôi, lần nào chúng tôi gặp nhau cũng thế, cô biết không, câu nói về chuyện có nhiều thứ trên thiên đàng và trần gian. Nhưng Megan sở hữu một trí tuệ siêu phàm. Con bé chỉ mất một năm học Tiến sĩ ở trường đại học cũ của tôi tại Cambridge. Một phụ nữ, ở trường Caius hẳn hoi!” Sixsmith thở dài vui vẻ. “Bây giờ con bé đang hoàn tất nghiên cứu thiên văn học vô tuyến tại đài thiên văn lớn ở Hawaii. Trong khi mẹ và bố dượng con bé phơi nắng đến đen giòn trên bãi biển để hưởng thụ thì Megan và tôi lại đang giải phương trình ở quầy bar.”

“Bác có con không, Tiến sĩ Sixsmith?”

“Tôi đã kết hôn với khoa học cả cuộc đời rồi.” Sixsmith đổi đề tài. “Một câu hỏi giả định nhé, cô Rey. Cô sẽ trả bao nhiêu, ý tôi là với tư cách một nhà báo, để bảo vệ nguồn tin?”

Luisa không chút đắn đo trước câu hỏi này. “Nếu cháu tin vào vấn đề đó ư? Bất cứ giá nào.”

“Ví dụ như vào tù, vì xem thường luật pháp?”

“Nếu phải làm thế, vâng.”

“Cô có sẵn sàng... đánh đổi cả sự an toàn của riêng cô không?”

“À...” Luisa cân nhắc câu hỏi này “Cháu nghĩ là mình phải làm thế thôi.”

“Phải làm thế? Tại sao?”

“Bố cháu đã dưng cảm đối mặt với những đăm lầy cái mìn và con thịnh nộ của các tướng lĩnh để đảm bảo sự trung thực khi đưa tin. Còn gì mĩa mai hơn cho cuộc đời bố nếu con gái ông ấy chùn bước khi chuyện trở nên khó khăn một chút?”

*Kể cho cô ấy nghe đi.* Sixsmith mở miệng định kể với cô về mọi chuyện – vụ xóa sạch vết tích ở Seaboard, sự đe dọa, vi phạm – nhưng bất ngờ thang máy cựa mình, gầm lên, và tiếp tục đi xuống. Hai con người bị kẹt bên trong nheo mắt khi ánh đèn bật sáng trở lại và Sixsmith nhận ra quyết tâm của ông đã tan thành mây khói. Mũi tên chỉ đến số “1F”.

Không khí trong sảnh đợi trong lành tựa như nước suối chảy từ khe núi. Tòa nhà vang dội tiếng thiết bị điện tái khởi động.

“Tôi sẽ gọi cho cô, cô Rey ạ,” Sixsmith nói, khi Luisa đưa cây gậy cho ông, “sớm thôi.” *Mình có giữ lời hứa này hay không?* “Cô biết không?” ông hỏi. “Tôi có cảm giác như đã biết cô trong nhiều năm rồi, chứ không phải chỉ mới chín mươi phút.”

Thế giới phẳng uốn mình sống động trong mắt cậu bé. Javier Moses lật từng trang trong quyển album tem dưới ánh đèn bàn Anglepoise. Một bầy chó husky đang sủa trên một con tem Alaska, một con ngỗng Hawaii kêu quang quác và đi lạch bạch trên một phiên bản đặc biệt năm mươi xu, con tàu hơi nước khuấy tung cánh tem Congo đầy dấu mực. Tiếng chìa khóa tra vào ổ khóa, và Luisa Rey luống cuống đi vào nhà, đá văng đôi giày trong bếp. Cô bực bội khi phát hiện thằng bé ở đó. “Javier!”

“Ồ, chào cô.”

“Đừng ‘Ồ, chào cô’ với cô. Cháu đã hứa là sẽ không nhảy qua ban công nữa mà! Nhỡ có ai đó báo với cảnh sát là có trộm thì sao? Nhỡ cháu trượt chân ngã xuống thì sao?”

“Vậy thì cô cho cháu chìa khóa đi.” Luisa làm động tác siết cổ trong không khí. “Cô không thể yên tâm nếu biết một đứa bé mười một tuổi có thể lén vào phòng khách của mình mỗi khi...” *mẹ của cháu đi ra ngoài cả đêm.* Luisa thay bằng “... chẳng có gì để xem trên tivi.”

“Vậy tại sao cô lại mở chốt cửa sổ phòng tắm?”

“Vì nếu có gì tệ hơn việc cháu nhảy qua ban công thì đó chính là chuyện cháu nhảy qua ban công lần nữa khi cháu không vào được.”

“Tháng Giêng tới cháu mười một tuổi rồi.”

“Không có chìa khóa đâu.”

“Bạn bè đưa chìa khóa cho nhau mà.”

“Trong trường hợp một người hai mươi sáu còn người kia vẫn đang học lớp năm thì không.”

“Vậy tại sao cô về trễ vậy? Gặp ai thú vị à?”

Luisa lờm thàng bé, nhưng không thể nổi nóng với nó quá lâu. “Cô bị kẹt trong thang máy vì mất điện. Mà đấy cũng chẳng phải là việc của cháu,

ông cụ non ạ.” Cô mở đèn chính lên và cau mày khi thấy vết trầy đỏ chót trên mặt Javier. “Cái quái gì – có chuyện gì vậy?”

Thằng bé không còn đùa cợt nữa. Nó liếc nhìn bức tường căn hộ, sau đó nhìn lại những con tem.

“Người sói hả?” Javier lắc đầu, xếp một rẻo giấy nhỏ, rồi liếm hai mặt giấy. “Người tên Clark đó quay lại rồi. Cả tuần này mẹ phải làm ca đêm ở khách sạn, ông ta đợi mẹ. Ông ta hỏi cháu về Người sói, cháu bảo đó không phải là chuyện của ông ta.” Javier dán phần mép vào con tem. “Cũng chẳng đau, cháu chấm thuốc lên rồi.” Tay Luisa đã đặt lên điện thoại. “Đừng gọi cho mẹ! Mẹ sẽ lật đật về nhà, sẽ có cãi nhau to và khách sạn sẽ sa thải mẹ như lần trước và lần trước nữa cho mà xem.” Luisa cân nhắc chuyện này, đặt lại ống nghe rồi đi ra cửa. “Đừng đi qua đó! Ông ta đầu óc không bình thường đâu! Ông ta sẽ nổi điên và đập phá đồ đạc trong nhà rồi đâm cô bất tỉnh, lúc đó nhà cháu có thể bị đuổi đi hay gì đó! *Làm ơn đi cô!*”

“Chúa ơi.” Luisa nhìn đi nơi khác. Cô hít một hơi sâu. “Uống ca cao không?”

“Vâng, cho cháu xin.” Thằng bé quyết tâm không khóc, nhưng hàm nó phát đau vì cố gượng. Nó dùng cổ tay lau mắt. “Cô Luisa này?”

“Được rồi, Javi, cháu sẽ ngủ trên sofa nhà cô tối nay, không sao đâu.”

Văn phòng của Dom Grelsch là một thư phòng hỗn loạn trong trật tự. Tầm nhìn ra Đại lộ số 3 cho thấy một bức tường những văn phòng cũng tương tự như văn phòng ông. Một túi cát *Người khổng lồ xanh* treo trên giá bằng kim loại ở góc phòng. Tổng biên tập của tạp chí *Spyglass* tuyên bố buổi họp điểm tin sáng thứ Hai bắt đầu bằng cách chĩa một ngón tay múp míp về phía Roland Jakes, một người tóc muối tiêu, mặt nhăn nheo như quả táo tàu, mặc áo sơ mi chim cò, quần jean ống loe và xăng đan nhuộm màu. “Jakes.”

“Ừm, tôi muốn làm tiếp loạt bài *Nỗi kinh hoàng ở khu cống thải*, để hưởng ứng cơn sốt phim *Hàm cá mập*. Dirk Melon, tay này có thể là một gã làm thuê tự do, được tìm thấy dưới đường Đông 50 trong một buổi tuần tra theo thông lệ. Hay nói đúng hơn là, ờ, những gì còn sót lại của gã. Nhận diện nhờ xét nghiệm nha khoa và thả ra vào dành cho báo chí rách bươm. Thịt bị róc khỏi xác theo kiểu rất phù hợp với mô tả về *Serasalmus scapularis* – tôi cảm ơn – nữ hoàng của tất cả các loại cá piranha, nhập khẩu bởi những kẻ cuồng cá cảnh, sau đó bị nhấn trôi xuống toilet khi hóa đơn mua thịt nuôi chúng trở nên quá lớn. Tôi sẽ gọi cho Vermin ở Tòa thị chính để nghe ông ta phủ nhận đang có một loạt vụ tấn công nhằm vào các công nhân cống thải. Có ghi chép không đấy, Luisa? Đừng tin tưởng điều gì cho đến khi nó được chính thức phủ nhận. Vậy sao nào, Grelsch. Đến lúc tăng lương cho tôi rồi nhỉ?”

“Anh nên mừng là lương tháng trước của anh không bị thu hồi thì có. Nộp lên bàn tôi trước mười một giờ ngày mai, kèm một bức ảnh của loại cá rửa thịt đó. Và đừng quên tuần này anh viết cho mục tử vi 12 cung hoàng đạo đấy. Có hỏi gì không, Luisa?”

“Vâng. Có chính sách biên tập mới nhằm gạt ra những bài báo chứa đựng sự thật mà không ai nói cho tôi biết à?”

“Này, hội thảo về lý thuyết sông đang diễn ra trên nóc nhà ấy. Cứ đón thang máy lên đó rồi đi bộ tiếp cho đến khi cô xuống tới vỉa hè nhé. Chuyện gì cũng được coi là có thật nếu có đủ người tin. Nancy, có gì cho tôi?”

Nancy O’Hagan ăn mặc bảo thủ, làn da bủng beo và cặp lông mi dài như lông mi hươu cao cổ, thường xuyên rơi ra. “Nguồn tin đáng tin cậy của tôi ở Bệnh viện Betty Ford có một tấm hình quầy bar trên máy bay của tổng thống. Hay là làm một bài ‘Tiệc tùng chè chén trên chuyên cơ Tổng thống’? Cứ bảo chuyện ăn nhậu của lão lưu linh này đã bị khai thác cạn kiệt, nhưng Dì Nance này không nghĩ vậy.”

Grelsich suy nghĩ một lúc. Tiếng điện thoại reo và tiếng đánh máy lách cách vang lên từ phía sau. “Được rồi, nếu không có gì mới hơn xảy ra. Ồ, và nhớ phỏng vấn anh chàng múa rối nói tiếng bụng bị mất hai cánh tay cho mục *Họa vô đơn chí*... Nussbaum. Đến lượt anh.” Jerry Nussbaum lau những giọt kem chocolate lấm tẩm trên bộ râu quai nón, đeo nhầm cặp kính mát, đổi lại cặp kính đọc sách, ngả người ra sau làm đổ một chồng báo. “Cảnh sát đang cong đất truy tìm thủ phạm trong vụ St Christopher, vậy làm một bài ‘Liệu chính bạn có trở thành nạn nhân tiếp theo của St Christopher không?’ nhé? Thông tin về toàn bộ những vụ từ trước đến nay và tái hiện lại những phút cuối cùng của các nạn nhân. Họ đi đâu, họ gặp ai, họ đang nghĩ gì...”

“Khi viên đạn của St Chris bắn xuyên qua đầu họ,” Roland Jakes cười cợt.

“Phải rồi, Jakes, cũng mong là hắn bị màu sắc Hawaii sặc sỡ thu hút. Tiếp theo, lát nữa tôi sẽ đi gặp tay lái tàu điện da màu bị cảnh sát tóm hồi tuần trước. Gã sắp kiện sở cảnh sát vì bắt nhầm người theo Đạo luật Dân quyền.”

“Có thể làm thành bài trang chủ. Luisa?”

“Tôi đã gặp một kỹ sư nguyên tử.” Luisa phớt lờ sự dửng dưng làm lạnh toát căn phòng. “Một thanh tra tại tập đoàn Seaboard.” Nancy O’Hagan đang giũa móng tay, khiến Luisa càng quyết tâm trình bày những nghi ngờ của mình như sự thật. “Ông ấy tin rằng lò phản ứng hạt nhân HYDRA mới

tại Đảo Swanekke không an toàn như thông báo chính thức. Thực ra là không an toàn một chút nào. Lễ khánh thành diễn ra chiều nay, nên tôi muốn lái xe ra đó để xem có tìm được gì không.”

“Sốt dẻo nhỉ, một lễ khánh thành kĩ thuật,” Nussbaum cảm thán. “Tiếng rền vang đó là gì thế mọi người? Một giải thưởng Pulitzer lăn về hướng này à?”

“Ờ, có ngon thì ngủi mông tôi này, Nussbaum.”

Jerry Nussbaum thở dài. “Trong những giấc mơ ướt át nhất của tôi...”

Luisa dẫn đo giữa ăn miếng trả miếng, đúng rồi, và để tên sâu bọ này biết hẳn đã làm cho mình phát điên; với phốt lờ, đúng rồi, và để tên sâu bọ muốn nói gì thì nói.

Dom Grelsich phá tan sự im lặng của cô. “Các nhà nghiên cứu thị trường đã chứng minh,” ông ta xoay cây bút chì trong tay, “mỗi thuật ngữ khoa học được dùng đại diện cho hai trăm nghìn độc giả bỏ tạp chí xuống và mở tivi lên để xem phát lại chương trình *Tôi yêu Lucy*.”

“Thôi được,” Luisa nói. “Thế giật tít ‘Bom nguyên tử Seaboard sắp làm Buenas Yervas nổ tung thành bình địa!’ thì sao?”

“Tuyệt vời, nhưng cô cần phải chứng minh điều đó.”

“Giống như Jakes có thể chứng minh câu chuyện của anh ta?”

“Này.” Bút chì của Grelsich ngừng quay. “Những con người tưởng tượng bị ăn thịt bởi những con cá tưởng tượng không thể lột từng tờ đô la cuối cùng của cô ở tòa hoặc dựa vào ngân hàng của cô để triệt hạ cô. Nhưng một đế chế kinh doanh trải dài từ bờ biển này đến bờ biển kia như Tập đoàn Điện lực Seaboard có các luật sư làm được việc đó và, Lạy Đức mẹ lòng lành, nếu cô sơ hở, họ sẽ làm thế.”

Chiếc VW Beetle màu cam đồng của Luisa chạy bon bon trên đường đến cây cầu dài cả cây số nối liền Mũi Yerbos với Đảo Swannekke, nơi có nhà máy điện sừng sững choán hết cửa sông đơn độc. Chốt kiểm soát trên cầu hôm nay không yên tĩnh. Khoảng một trăm người biểu tình đứng thành hàng dài trên nhịp cầu cuối cùng, hô vang khẩu hiệu, “Swannekke C Phải Bước Qua Xác Chúng Tôi!” Một hàng rào cảnh sát ngăn họ một quãng tầm chín, mười chiếc xe. Luisa đọc các biểu ngữ trong lúc chờ đợi. Một biểu ngữ cảnh báo, BẠN ĐANG VÀO ĐẢO UNG THỦ, một bảng khác ghi, CÒN LÂU! CHÚNG TÔI SẼ KHÔNG ĐI! Và, một bảng viết thật khó hiểu, MARGO ROKER GIỜ Ở ĐÂU?

Một nhân viên bảo vệ gõ lên cửa sổ; Luisa hạ cửa kính xuống và nhìn thấy khuôn mặt cô trong cặp kính mát của người này. “Luisa Rey, tạp chí *Spyglass*.”

“Thẻ báo chí, thưa cô.”

Luisa lấy thẻ trong túi xách. “Hôm nay sẽ có rắc rối hả?”

“Không.” Anh ta kiểm tra gì đó trên một bảng kẹp rồi trả lại thẻ cho cô. “Chỉ là những người ủng hộ môi trường thường lệ thôi. Các cậu sinh viên thì đi nghỉ mát ở nơi sóng biển đẹp hơn rồi.”

Băng qua chiếc cầu dài, rất dài, nhà máy Swannekke B hiện lên từ sau những tháp làm mát cũ kỹ, xám xịt hơn của Swannekke A. Một lần nữa, cô thắc mắc về Rufus Sixsmith. *Tại sao ông ta không cho mình số điện thoại liên lạc khi mình hỏi? Nhà khoa học không thể là những người mắc chứng sợ điện thoại được. Tại sao không có ai trong phòng quản lý ở khu chung cư ông ở nhận ra tên ông ta? Nhà khoa học không thể dùng bí danh.* Bảo vệ ở chốt kiểm soát phía trên đảo hướng dẫn cô chạy theo con đường duy nhất trên đảo đến Làng Seaboard. Sau đó sẽ có các biển hiệu chỉ lối đến Trung tâm Công cộng trong khu nhà Nghiên cứu & Phát triển.

Con đường ôm lấy bờ biển. Ngoài biển, chim hải âu lượn lờ trên những chiếc tàu đánh cá. Những lớp cỏ dọn sóng. Mười phút sau Luisa đến một khu có khoảng hai trăm ngôi nhà hạng sang nhìn ra một vịnh được che chắn. Một khách sạn và sân golf nằm trên một sườn đồi phía dưới nhà máy điện. Cô đỗ chiếc Beetle trong bãi đỗ xe của khu Nghiên cứu & Phát triển, rồi nhìn những tòa nhà nửa lộ nửa khuất gần đỉnh đồi. Một hàng cọ thẳng tắp xào xạc trong cơn gió Thái Bình Dương.

“Chào mừng đấy!” Một người Mỹ gốc Hoa tiến đến. “Có vẻ như cô đi lạc à. Đến đây để dự lễ khánh thành phải không?” Bộ vest màu đỏ nâu phong cách, trang điểm không tì vết và phong thái tự tin của cô ta khiến Luisa cảm thấy thật luộm thuộm trong chiếc áo khoác dạ màu việt quất. “Fay Li,” người phụ nữ chìa tay ra, “phụ trách PR của Seaboard.”

“Luisa Rey, tạp chí *Spyglass*.”

Cái bắt tay của Fay Li rất mạnh mẽ. “*Spyglass* à? Tôi không ngờ là...”

“... mảng thời sự của chúng tôi có viết về chính sách năng lượng?”

Fay Li mỉm cười. “Xin đừng hiểu nhầm, đó là một tạp chí rất năng động.”

Luisa nhại lại phát ngôn đáng tin cậy của Dom Grelsch. “Nghiên cứu thị trường cho thấy ngày càng nhiều người muốn đọc tin có nội dung nghiêm túc hơn. Tôi được thuê làm bộ mặt trí thức của *Spyglass*.”

“Rất mừng vì cô đã đến, Luisa, dù là bộ mặt gì đi nữa. Để tôi đăng ký tên cô ở bàn Tiếp tân. An ninh yêu cầu phải kiểm tra túi xách, nhưng thật chẳng hay ho gì khi để khách của chúng tôi bị đối xử như những kẻ phá hoại. Đó là lý do mà họ tuyển tôi.”

Joe Napier xem một loạt màn hình camera an ninh bao quát một khán phòng kiểu rạp hát, các hành lang xung quanh và Trung tâm Công cộng. Ông đứng dậy, chỉnh lại tấm đệm lót đặc biệt của mình rồi ngồi lên. *Là do mình tưởng tượng, hay những vết thương cũ của mình dạo này trở chứng đau nhức nhỉ?* Ánh mắt ông lướt từ màn hình này sang màn hình khác. Một màn hình phát cảnh một kĩ thuật viên đang kiểm tra âm thanh; một cái khác cho thấy nhóm quay phim đài truyền hình đang thảo luận các góc máy và ánh sáng; Fay Li băng qua bãi đỗ xe với một vị khách; các cô phục vụ rót rượu vào hàng trăm chiếc ly; một hàng ghế dưới tấm băng rôn đề chữ SWANNEKKE B – PHÉP MÀU CỦA NƯỚC MỸ.

*Phép màu thực sự là làm cho mười một trong tổng số mười hai nhà khoa học quên đi sự tồn tại của cuộc điều tra chín tháng, Joseph Napier ngẫm nghĩ.* Một màn hình chiếu cảnh chính những nhà khoa học này bước lên sân khấu, trò chuyện thân tình. *Như Grimaldi đã nói, mọi lương tâm đều có một nút tắt giấu ở đâu đó.* Những suy tư của Napier len qua những phát ngôn đáng nhớ từ các cuộc phỏng vấn mà mọi người đã quên. *“Nói riêng với nhau nhé, Tiến sĩ Franklin, các luật sư Lầu Năm Góc đang ngửa ngáy muốn thử nghiệm Đạo luật An ninh mới của họ lắm rồi đấy. Tay nào thôi còi sẽ bị đưa vào sổ bìu đen loại khỏi mọi vị trí có trả lương trên đất nước này.”*

Một nhân viên lau dọn xếp thêm một chiếc ghế vào hàng ghế trên sân khấu.

*“Đây là sự lựa chọn rất đơn giản, Tiến sĩ Moses ạ. Nếu ông muốn công nghệ Xô Viết phát triển trước chúng ta, thì cứ việc làm rò rỉ báo cáo này lên Liên đoàn Các nhà khoa học quan tâm của ông, rồi bay đến Matxcova để nhận huy chương, nhưng CIA có nhờ tôi nhắn với ông, khỏi cần mua vé máy bay hai chiều nhé.”*

Cử tọa gồm những nhân vật quyền cao chức trọng, nhà khoa học, thành viên các viện và những người có ảnh hưởng đều đã an tọa. Một màn hình

chiếu William Wiley, phó chủ tịch tập đoàn Seaboard, nói đùa với những vị khách VIP sắp được vinh danh bằng một chỗ ngồi trên sân khấu.

*“Giáo sư Keene này, Bộ Quốc phòng có chút tò mò đấy. Tại sao lại nêu ra những nghi ngờ của ông vào thời điểm này? Phải chăng ông đang nói rằng công trình của ông lúc phát triển bản thử nghiệm... có phần... cầu thả?”*

Một máy chiếu phát một bức ảnh nhà máy điện Swanekke B chụp từ trên không.

*Mười một trên mười hai. Chỉ có Rufus Sixsmith thoát.*

Napier nói vào máy bộ đàm. “Fay à? Còn mười phút nữa là chương trình bắt đầu đấy.”

Tín hiệu rè rè. “Nghe rõ, Joe. Tôi đang đưa một vị khách đến khán phòng.”

*“Xin vui lòng báo với An ninh khi cô đi qua.”*

Tín hiệu rè rè. “Nghe rõ. Hết.”

Napier nhắc nhắc chiếc máy bộ đàm trong tay. *Còn Joe Napier? Lương tâm của hắn có nút tắt không? Ông nhấp một ngụm cà phê đắng. Đây, anh bạn, đừng đụng đến tôi. Tôi chỉ làm theo mệnh lệnh mà thôi. Mười tám tháng nữa tôi sẽ nghỉ hưu, lúc đó tôi sẽ đi câu cá thỏa thích cho đến ngày xuống lỗ.*

Milly, người vợ quá cố của ông, nhìn chồng từ tấm ảnh trên chiếc bàn để màn hình.

“Quốc gia vĩ đại của chúng ta khổ sở vì một cơn nghiện gây suy nhược.” Albert Grimaldi, Tổng Giám đốc của Seaboard, đồng thời là Nhân vật của năm theo bình chọn của *Newsweek*, rất điêu luyện trong việc nhấn nhá để tăng kịch tính. “Tên của nó là Dầu mỏ.” Ông ta được dát vàng trong ánh đèn sân khấu. “Các nhà địa chất học nói với chúng ta, chỉ còn bảy mươi tư tỉ gallon trầm tích đại dương từ kỉ Jura này còn lại ở Vịnh Ba Tư. Đủ dùng đến hết thế kỉ này của chúng ta chẳng? Có lẽ không đâu. Câu hỏi cấp bách nhất mà Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đang đối mặt, thưa quý ông và quý bà, là “Sau đó thì sao?””

Albert Grimaldi đưa mắt nhìn khắp cử tọa một lượt. *Trong lòng bàn tay ta.* “Có người thì chôn đầu xuống cát. Có người mơ về tuốc bin quay gió, đập thủy điện và...” nụ cười nhếch mép gượng gạo “... khí ga từ phân lợn.” Tiếng cười khúc khích như dự đoán. “Tại Seaboard chúng tôi đối mặt với thực tế.” Lên giọng. “Hôm nay tôi có mặt tại đây để nói với quý vị rằng liều thuốc cho dầu mỏ nằm ở *chính* nơi này, *chính* lúc này , trên Đảo Swannekke!”

Ông ta mỉm cười khi tiếng reo hò dần lắng dịu. “Kể từ ngày hôm nay, năng lượng hạt nhân tự sản xuất, dồi dào, và *an toàn* đã đến thời điểm chín muồi! Hỡi các bạn hữu, tôi *hết sức*, vô cùng , *thực sự* tự hào giới thiệu một trong những phát minh cơ khí quan trọng *trong lịch sử*... là phản ứng HYDRA-Zero!” Màn hình thay đổi sang một biểu đồ mặt cắt, và một nhóm khán giả vỗ tay nhiệt liệt, khiến đông đảo khán phòng vỗ tay theo.

“Nhưng mà này, tôi nói chừng ấy đủ rồi, tôi chỉ là CEO mà thôi.” Những tiếng cười triu mến. “Để ra mắt được đài quan sát và bật công tắc hòa Swannekke B vào lưới điện quốc gia, gia đình Seaboard lấy làm vinh dự *sâu sắc* được chào đón một vị khách rất đặc biệt ngày hôm nay. Ở Đồi Capitol, vị này được coi là như ‘Chuyên gia năng lượng’ của tổng thống” – cười hết

cỡ - “tôi vô cùng hân hạnh chào mừng một người không cần phải giới thiệu gì thêm. Bộ trưởng Năng lượng Lloyd Hooks!”

Một người đàn ông bảnh bao chải chuốt bước lên sân khấu trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt. Lloyd Hooks và Albert Grimaldi bắt lấy cánh tay nhau theo kiểu tình cảm và sự tin cậy anh em. “Nhân viên viết diễn văn của ông có tiến bộ đấy,” Lloyd Hooks lầm bầm, khi cả hai người cùng cười tươi với quan khách, “nhưng ông thì vẫn là Lòng tham có hai chân mà thôi.”

Albert Grimaldi vỗ lưng Lloyd Hooks rồi khẽ đáp trả, “Ông chỉ có thể bò lết vào hội đồng quản trị của công ty này qua xác của tôi mà thôi, đồ chó tham lam!”

Lloyd Hooks nở nụ cười với quan khách. “Vậy là ông vẫn còn *khả năng* nghĩ ra những giải pháp sáng tạo nhỉ, ông Alberto.”

Một loạt ánh đèn flash lóe lên. Một phụ nữ trẻ mặc áo khoác màu việt quất lên ra ngoài bằng lối thoát phía sau.

“Cho hỏi nhà vệ sinh nữ ở đâu?” Một nhân viên bảo vệ đang nói chuyện trên máy bộ đàm vẫy tay về phía cuối hành lang. Luisa Rey liếc nhìn sau lưng. Người bảo vệ đã quay lại, vì vậy cô đi tiếp ngang qua cửa, vòng qua một khúc quanh vào một mạng lưới những hành lang lặp lại, lạnh toát và im lìm trong tiếng máy lạnh rì rì. Cô đi ngang qua hai kỹ thuật viên mặc áo liền quần đang khẩn trương đi về hướng ngược lại, những cặp mắt dưới mũ lưới trai lén nhìn ngực cô, nhưng họ không gây khó dễ cho cô. Các cánh cửa mang biển hiệu bí ẩn. W212 DEMI-OUTLETS, Y009 SUB-PASSES [AC], V770 HAZARDLESS [EXEMPTED]. Cách quãng lại xuất hiện những cánh cửa được bảo vệ an ninh chặt chẽ hơn, có khóa bằng bàn phím số. Tại một cầu thang, cô xem xét sơ đồ tầng này, nhưng không tìm thấy dấu vết gì về “Sixsmith”.

“Cô bị lạc à?”

Luisa cố gắng hết sức để giữ vẻ bình tĩnh tự nhiên. Một nhân viên lau dọn da đen tóc bạc trắng nhìn cô chằm chằm.

“Vâng, tôi đang tìm phòng của Tiến sĩ Sixsmith.”

“Ừ hử. Ông người Anh. Tầng ba, C105.”

“Cám ơn.”

“Ông ấy không đến đây một, hai tuần nay rồi.”

“Thế ạ? Ông có biết tại sao không?”

“Ừ hử. Đi nghỉ mát ở Vegas rồi.”

“Tiến sĩ Sixsmith? Vegas?”

“Ừ hử. Tôi nghe nói vậy mà.” Cửa phòng C105 hé mở. Một cố gắng mới đây nhằm xóa chữ “Tiến sĩ Sixsmith” khỏi tấm bảng tên đã để lại một đống lem nhem. Qua khe cửa, Luisa Rey nhìn thấy một thanh niên đang ngồi bên bàn, cúi xuống một chồng sổ, đang tìm cái gì đó. Đồ đạc trong phòng

gói gọn trong vài thùng gỗ. Luisa nhớ bố cô từng nói, *Chỉ cần hành động như một người trong cuộc đã đủ để ta làm một người trong cuộc.*

“Này,” Luisa vừa bước vào vừa nói. “Anh không phải là Tiến sĩ Sixsmith, đúng không?”

Anh ta đánh rơi quyển sổ với vẻ tội lỗi, và Luisa biết cô đã giành được một ít thời gian cho mình. “Ôi Chúa ơi,” anh ta nhìn cô chăm chú, “chắc cô là Megan.”

*Tại sao phải phủ nhận? “Còn anh là?”*

“Issac Sachs. Kỹ sư lý thuyết.” Anh ta đứng dậy và ý định bắt tay chưa thành đã chết yểu. “Tôi cùng làm báo cáo này với bác của cô.” Tiếng bước chân dứt khoát vang vọng từ cầu thang. Issac Sachs đóng cửa lại. Giọng anh ta nhỏ và hồi hộp: “Rufus đang ẩn nấp ở đâu, Megan? Tôi lo lắng muốn chết. Cô có nghe ông ấy nói gì không?”

“Tôi đang hi vọng anh có thể cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra.” Fay Li bước vào với một nhân viên an ninh có vẻ mặt không hài lòng. “Luisa. Vẫn đang tìm nhà vệ sinh nữ hả?”

*Giả khờ nào.* “Không. Tôi đi vệ sinh xong rồi – phòng sạch lắm – nhưng tôi muộn giờ hẹn với Tiến sĩ Sixsmith. Chỉ có điều... ừm, hình như ông ấy chuyển đi rồi.”

Isaac Sachs bật ra, “Hả? Cô không phải là cháu gái của Sixsmith?”

“Xin thứ lỗi, bất kể anh là ai, nhưng tôi chưa hề nói tôi là cháu gái của Sixsmith.” Luisa đưa ra một lời nói dối đã chuẩn bị sẵn cho Fay Li. “Tôi gặp Tiến sĩ Sixsmith tại Nantucket mùa xuân năm ngoái. Chúng tôi phát hiện ra cùng là đồng hương Buenas Yervas, nên ông ấy cho tôi danh thiếp. Tôi tìm lại được nó cách đây ba tuần, gọi cho ông ấy, và chúng tôi hẹn gặp nhau hôm nay để thảo luận về một bài phóng sự khoa học cho *Spyglass*.” Cô xem đồng hồ. “Mười phút trước. Bài diễn văn khai mạc dài hơn tôi tưởng, nên tôi lạng lẽ rời khỏi phòng đó. Tôi hi vọng mình không gây rắc rối gì?” Fay Li tỏ vẻ bị thuyết phục. “Chúng tôi không thể để người lạ đi lại tự do trong một viện nghiên cứu nhạy cảm như nơi này.” Luisa làm ra vẻ hối lỗi. “Tôi tưởng đăng ký và bị kiểm tra túi xách là xong thủ tục an ninh rồi chứ, nhưng có lẽ tôi đã quá ngây thơ. Tiến sĩ Sixsmith sẽ làm chứng cho

tôi. Cứ hỏi ông ấy.”

Sachs và nhân viên bảo vệ cùng đưa mắt nhìn Fay Li, cô ta lập tức tiếp lời. “Chuyện đó là không thể. Một dự án của chúng tôi ở Canada cần Tiến sĩ Sixsmith giám sát kỹ. Tôi nghĩ là thư ký của ông ta đã không có thông tin liên lạc của cô để liên lạc hủy hẹn.”

Luisa nhìn những thùng đồ. “Trông như ông ấy sẽ đi xa một thời gian nhỉ.”

“Vâng, nên chúng tôi sẽ gửi tài liệu cho ông ta. Việc tư vấn của ông ta ở Swanekke đã kết thúc. Tiến sĩ Sachs đây đã giúp chúng tôi tổng kết nốt những gì còn dở dang.”

“Thôi thế là đi tong cuộc phỏng vấn đầu tiên của tôi với một nhà khoa học tuyệt vời rồi,” Luisa cảm thán.

Fay Li giữ cửa mở sẵn. “Có thể chúng tôi tìm được người khác cho cô.”

“Tổng đài phải không?” Rufus Sixsmith cầm ống nghe trong một nhà nghỉ vô danh ở vùng ngoại ô Buenas Yervas. “Tôi không gọi điện đến Hawaii được... vâng. Tôi muốn liên lạc với...” Ông đọc số điện thoại của Megan. “Vâng, làm ơn. Vâng, tôi sẽ chờ máy.”

Trên màn hình cái tivi không hiện lên nổi màu vàng và xanh lá cây, Llyod Hooks vỗ lưng Alberto Grimaldi tại lễ khánh thành lò phản ứng HYDRA mới tại Đảo Swannekke. Họ cúi chào khán phòng như những vận động viên thắng trận, và hoa giấy màu bạc rơi lả tả từ trần nhà. “Là người không xa lạ gì với những sự kiện gây tranh cãi,” một nhà báo bình luận, “CEO của Seaboard, Alberto Grimaldi hôm nay công bố khánh thành Swannekke C. Năm mươi triệu đô ngân sách liên bang sẽ được rót vào lò phản ứng HYDRA-Zero thứ hai, tạo ra hàng nghìn việc làm mới. Những lo sợ rằng các vụ bắt bớ hàng loạt như đã thấy vào mùa hè năm nay tại Đảo Three Mile sẽ lặp lại ở Golden State đã không trở thành hiện thực.”

Bất mãn và chán chường, Rufus Sixsmith đối đáp với cái tivi. “VẬY CÒN KHI KHÍ HYDROGEN TÍCH TỤ LÀM NỔ TUNG NÓC PHÒNG CHỨA? KHI GIÓ MẠNH PHÁT TÁN PHÓNG XẠ RA KHẮP CALIFORNIA?” Ông tắt tivi và bóp sống mũi. *Tôi đã chứng minh điều đó. Tôi đã chứng minh điều đó. Các người không thể mua chuộc tôi, vì thế các người tìm cách đe dọa. Tôi đã chịu nhịn, xin Chúa tha tội, nhưng giờ thì hết rồi. Tôi sẽ không ngồi im trên lương tâm của mình nữa đâu.*

Điện thoại reo. Sixsmith chộp lấy ống nghe. “Megan?”

Một giọng nam cộc lốc. “Họ sắp đến.”

“Ai đấy?”

“Họ truy ra từ cuộc gọi cuối của ông đến Nhà nghỉ Talbot, 1046 Đại lộ Olympia. Hãy ra sân bay ngay, đáp chuyến bay gần nhất đi Anh, và công bố thông tin từ bên đó, nếu ông phải làm thế. Nhưng hãy đi đi.”

“Tại sao tôi nên tin...”

“Hãy suy luận logic. Nếu tôi nói dối, thì ông vẫn trở về Anh an toàn – với báo cáo của ông. Nếu tôi không nói dối, thì ông sẽ chết.”

“Tôi muốn biết...”

“Ông có hai mươi phút để kịp trốn, tối đa. Đi!”

Tín hiệu kết nối, một tiếng tút tút dài vô tận.

Jerry Nussbaum xoay chiếc ghế văn phòng lại, dặng chân ngồi ngược, khoanh hai tay trên lưng ghế rồi tựa cằm lên đó. “Hãy hình dung cảnh tượng này, tôi và sáu gã da đen tóc xoắn, một khẩu súng vờn trên họng tôi. Không phải khu Harlem lúc đêm hôm khuya khoắt, tôi đang nói đến Làng Greenwich chết tiệt giữa ban ngày ban mặt, sau khi dùng miếng bít tết nặng có đến tám kí lô với tay Norman Mailer. Rồi tự nhiên gã da đen này dùng bàn tay to bè ấn tôi xuống đất rồi móc ví tôi ra. “Cái gì đây? *Da cá sấu* hả?” Nussbaum nhái giọng nghệ sĩ hài Richard Pryor. ‘Đ. có đảng cấp gì hết, đồ da trắng!’ Đảng cấp? Máy gã vô lại đó bắt tôi lột hết túi ra để lấy đến xu cuối cùng – *nghĩa đen* luôn. Nhưng Nussbaum đâu có dễ bị bắt nạt. Trên xe taxi về lại Quảng trường Thời đại, tôi đã viết bài xã luận ‘Những bộ lạc mới’ mà nay đã trở thành bài viết kinh điển – chẳng cần khiêm tốn làm quái gì – và mới đến cuối tuần đã được báo khác đăng lại *ba mươi* lần! Những kẻ trấn lột tôi đã biến tôi thành cái tên ăn khách. Vậy Luey-Luey này, cô nghĩ sao về việc đưa tôi đi ăn tối rồi tôi sẽ dạy cho cô cách moi ra một ít vàng từ Nanh vuốt của Định mệnh?”

Máy đánh chữ của Luisa kêu một tiếng “ping.” “Nếu bọn trấn lột lấy hết tiền của anh đến xu cuối cùng – *nghĩa đen* – thì anh làm sao trên một chiếc taxi từ Làng Greenwich đến Quảng trường Thời đại? Bán thân để trả tiền xe hả?”

“Cô,” Nussbaum đổi tư thế ngồi, “có biệt tài không chịu hiểu vấn đề.”

Roland Jakes nhỏ sáp nển lên một bức ảnh. “Định nghĩa của tuần. Thế nào là người bảo thủ?”

Trò đùa này đã trở nên cũ rích vào mùa hè năm 1975. “Một người tự do bị trấn lột.” Jakes bị bẽ mặt, quay trở lại công việc chỉnh sửa hình ảnh. Luisa đi qua tòa soạn đến phòng Dom Grelsich. Sếp của cô đang nói chuyện điện thoại với giọng thấp, cáu gắt. Luisa đợi bên ngoài, nhưng nghe lỏm

được cuộc nói chuyện. “Không – không, không, ông Frum ạ, chuyện này rõ ràng rành rành đây còn gì, ông bảo xem – này, *tôi đang* nói chuyện với ông đây – ông bảo xem còn có ‘tình trạng’ nào rõ ràng rành hơn bệnh máu trắng hả? Biết tôi nghĩ gì không? Tôi nghĩ đối với ông vợ tôi chỉ là một mớ giấy tờ cần xử lý trước cuộc hẹn đánh golf lúc ba giờ chiều, đúng không nào? Vậy thì chứng minh cho tôi xem đi. Ông có vợ không hả, ông Frum? Có không? Có đúng không. Ông có thể tưởng tượng *vợ ông* nằm trong bệnh viện, tóc tai rụng hết không?... Cái gì? Ông nói *cái gì?* ‘Xúc động quá sẽ không giải quyết được gì ư?’ Ông chỉ có thể làm được như vậy thôi sao, ông Frum? Đúng rồi, ông bạn, ông nói trúng phóc, tôi sẽ nhờ luật sư tư vấn!” Grelsch đập mạnh ống nghe, dậm lên bao cát, và gào lên “Frum!” với mỗi cú dậm, rồi ngã phịch ra ghế, châm một điếu thuốc và trông thấy Luisa đang ngập ngừng ở cửa. “Đời. Một cơn bão cấp mười. Cô nghe thấy gì không?”

“Nghe được ý chính thôi. Tôi có thể quay lại sau.”

“Không. Vào đi, ngồi xuống. Cô có còn trẻ, khỏe, mạnh không, Luisa?”

“Có.” Luisa ngồi lên mấy chiếc hộp. “Tại sao?”

“Bởi vì, nói thật nhé, những gì tôi sắp nói về bài viết không có căn cứ của cô về vụ việc bị che đậy ở Seaboard sẽ khiến cô thành ra già sòm, ốm yếu đấy.”

Tại Sân bay quốc tế Buenas Yervas, Tiến sĩ Rufus Sixsmith đặt một bìa hồ sơ màu kem vào tủ khóa số N0909, liếc nhìn quanh đám đông, cho tiền xu vào khe, vặn chìa khóa và nhét nó vào một phong bì kaki có lót mút, gửi đến Luisa Rey tại *Spyglass, Tầng 12 Tòa nhà Klugh, Đại lộ số 3, BY*. Mạch của Sixsmith đập nhanh hơn khi ông tiến đến gần bàn bưu phẩm. *Chuyện gì xảy ra nếu họ tóm được mình trước khi đến được đó?* Mạch của ông đập loạn xạ. Doanh nhân, gia đình linh kính xe đẩy hành lý, nhóm khách du lịch cao niên xếp hàng rông rảnh, trông như tất cả đều định ngăn chặn bước đi của ông. Khe hộp thư đã gần hơn. Chỉ vài mét nữa thôi, vài centimet nữa thôi.

Chiếc phong bì kaki bị nuốt chửng và biến mất. *Thần tốc.*

Sixsmith xếp hàng mua vé. Những tin báo hoãn chuyến bay ru ngủ ông như bài kinh cầu nguyện. Ông hồi hộp nhìn quanh xem có dấu hiệu nào của các mật vụ Seaboard đến lấy mạng ông vào thời điểm cuối ngày này hay không. Cuối cùng, một nhân viên quầy vé vẫy tay mời ông đến.

“Tôi phải đi London. Thật ra là bất kì điểm đến nào ở Vương quốc Anh. Ghé nào cũng được, hãng hàng không nào cũng được. Tôi sẽ trả bằng tiền mặt.”

“Không may rồi, thưa ông.” Sự mệt mỏi của cô nhân viên sau lớp trang điểm của cô ta. “Chuyến sớm nhất tôi có thể sắp xếp là...” cô xem trên một trang giấy in bằng điện báo “... London Heathrow... ngày mai, mười lăm giờ mười lăm khởi hành, Laker Skytrains, đổi chuyến bay ở JFK.”

“Chuyện vô cùng quan trọng, tôi phải đi sớm hơn.”

“Tôi tin chắc là thế, thưa ông, nhưng bộ phận điều khiển không lưu đang đình công, và hành khách bị mắc kẹt đếm không xuể.”

Sixsmith tự nhủ ngay cả Seaboard cũng không thể nào thu xếp các vụ

đình công hàng không để ngăn ông trốn thoát. “Thế thì đành đi ngày mai vậy. Làm ơn cho tôi vé một chiều, hạng thương gia, không hút thuốc. Có chỗ nghỉ qua đêm nào trong sân bay không?”

“Vâng, thưa ông, tất cả. Khách sạn Bon Voyage. Ông sẽ cảm thấy thoải mái khi ở đó. Cho phép tôi xem passport của ông để làm thủ tục xuất vé?”

Ánh nắng xế chiều xuyên qua lớp kính màu, chiếu sáng bức tranh Hemingway mặc áo nhung trong căn hộ của Luisa. Cô đang chăm chú đọc quyển *Thu hoạch mặt trời: Hai thập kỉ Năng lượng nguyên tử thời bình*, vừa đọc vừa cắn bút. Javier đang ngồi ở bàn của cô, giải những bài toán chia trên giấy. Đĩa nhạc *Tapestry* của Carole King đang mở ở âm lượng nhỏ. Văng vẳng qua cửa sổ là tiếng gầm nho nhỏ của xe cộ đang hối hả về nhà băng qua những khu ngoại ô đẹp đẽ, và một nghệ sĩ kèn clarinet đang tập dượt gần đó. Điện thoại đổ chuông, nhưng Luisa không nhắc máy. Javier chăm chú nhìn máy trả lời tự động bật lên. “Xin chào, Luisa Rey không thể nghe điện thoại lúc này, nhưng nếu bạn để lại tên và số điện thoại, tôi sẽ gọi lại cho bạn.”

“Ta ghét cái máy này,” người gọi cầu nhàu. “Cục cưng à, là mẹ đây. Mẹ mới nghe Beatty Griffin nói con đã chia tay với Hal – *hồi tháng trước?* Mẹ không nói nên lời luôn! Con chẳng hề hé môi tại đám tang của bố, hay trong lần gặp tại nhà của Alphone. Con cứ dồn nén mọi chuyện thế này là mẹ lo lắm đấy. Dougie và mẹ sẽ tổ chức một buổi tiệc gây quỹ cho Hiệp hội Ung thư Mỹ và mẹ sẽ hạnh phúc vô bờ nếu con có thể rời bỏ cái tổ nhỏ chật chội của con chỉ hai ngày cuối tuần để đến đây, được không cục cưng? Ba anh em sinh ba nhà Henderson sẽ có mặt ở đây, đó là Damien bác sĩ tim mạch, Lance bác sĩ phụ khoa và Jesse... Doug ơi! Doug! Jesse Handerson, cậu ấy làm gì? Bác sĩ phẫu thuật não à? Ôi, *buồn cười thế*. Cơ mà, con gái của mẹ, Beatty nói với mẹ là do sự sắp xếp kì lạ của nhau thai thế nào ấy mà *cả b* anh em ấy không hề dính với nhau. Tranh thủ đi, cục cưng, tranh thủ đi! Vậy nhớ gọi cho mẹ ngay khi nhận được tin này nhé. Yêu con rất nhiều này.” Bà kết thúc với một nụ hôn chùn chụt, “Mmmmuawaaa!”

“Nghe giống bà mẹ phù thủy trong phim *Bewitched* quá.” Javier nói rồi im lặng một lúc. “Không nói nên lời nghĩa là gì?”

Luisa không ngược lên. “Khi cháu ngạc nhiên đến nỗi không thể nói gì.”

“Nghe đâu có giống như bác ấy đang không nói nên lời, nhỉ?” Luisa vẫn dán mắt vào công việc.

“‘Cục cưng của mẹ’ hả?”

Luisa ném một chiếc dép về phía thằng bé.

Trong phòng khách sạn ở Bon Voyage, Tiến sĩ Rufus Sixsmith đọc một xấp thư viết cho ông gần nửa thế kỷ trước gửi từ người bạn Robert Frobisher. Sixsmith đã thuộc nằm lòng những bức thư này, nhưng chất liệu, tiếng giấy sột soạt và chữ viết tay đã nhạt của bạn giúp ông bình tĩnh. Nếu có cháy nhà, hẳn ông sẽ cố gắng cứu lấy chúng đầu tiên. Vào đúng bảy giờ, ông đi tắm, thay áo, rồi kẹp chín bức thư đã đọc vào quyển Kinh thánh của Gideon – sau đó đặt vào tủ đầu giường. Sixsmith nhét những bức thư chưa đọc vào túi áo khoác rồi đi xuống nhà hàng. Những bức thư của Frobisher không phải là đối tượng bị đe dọa, nhưng Sixsmith vốn thận trọng và ngăn nắp.

Bữa tối của ông là một miếng bít tết bé tí, vài lát cà tím nướng, cùng một phần salad rửa cầu thả. Bữa ăn chỉ tổ dập tắt thay vì làm thỏa mãn khẩu vị của Sixsmith. Ông chừa lại một nửa và uống một chút nước có ga trong lúc đọc tám lá thư cuối cùng của Frobisher. Ông nhìn thấy mình qua câu chữ của Robert, đang sục sạo khắp Bruges để tìm kiếm người bạn thất thường, người tình đầu tiên và *thành thật mà nói, người tình cuối cùng của mình*.

Sixsmith trả tiền rồi trở về phòng. Trong thang máy, ông ngẫm nghĩ đến trách nhiệm mà ông đã đặt lên vai của Luisa Rey, tự hỏi việc mình đã làm là đúng hay sai. Những bức rèm trong phòng ông tung bay khi ông mở cửa. Ông gọi to, “Ai ở trong này?”

*Không có ai. Không có ai biết mi ở đâu.* Trí tưởng tượng của ông đã đánh lừa ông nhiều tuần nay rồi. Chúng thiếu ngủ. “Nghe này,” ông tự nhủ “trong bốn mươi tám giờ nữa mi sẽ trở về Cambridge, về hòn đảo mưa dầm dề, *an toàn*, và chật hẹp của mi. Mi sẽ có nhà cửa, đồng minh, các mối quan hệ, và mi có thể lên kế hoạch tố cáo Seaboard từ đó.”

Bill Smoke dõi theo Rufus Sixsmith khi ông rời khỏi phòng khách sạn, đợi năm phút, sau đó đi vào. Hắn ngồi trên mép bồn tắm và siết chặt hai nắm tay đeo găng. *Không thuốc phiện, không trải nghiệm tôn giáo nào lay động người bằng việc biến một người thành xác chết. Nhưng người cần có não nữa. Không có kĩ luật và chuyên môn, người sẽ nhận lấy kết cục bị trói vào ghế điện.* Tên sát thủ gõ vào một đồng tiền vàng Nam Phi trong túi. Nó theo hắn trong tất cả những phi vụ đặc biệt. Smoke rất cảnh giác để không trở thành nô lệ của mê tín dị đoan, nhưng hắn không có ý định liều vút cái bùa may mắn đi chỉ để chứng tỏ điều đó. *Một bi kịch cho những người thân yêu, một chuyện vô nghĩa với tất cả những người còn lại, và một rắc rối được giải quyết cho các thân chủ của ta. Ta chỉ là công cụ cho ý chí của các thân chủ mà thôi. Nếu không phải ta thì cũng sẽ là một tay nào đấy khác người ta tìm được trên Niên giám Những trang vàng. Hãy trách người sở hữu, hãy trách kẻ sản xuất, chứ đừng trách khẩu súng.* Bill Smoke nghe tiếng mở khóa. Hít thở nào. Những viên thuốc hắn uống khi này làm rõ nhận định của hắn, một cách khủng khiếp, và khi Sixsmith bước vào phòng ngủ, ngân nga gia điệu bài “Leaving On A Jet-plane”, gã sát thủ có thể thề rằng hắn cảm nhận được mạch đập của nạn nhân, chậm hơn của hắn.

Smoke nhìn thấy con mồi qua khe cửa. Sixsmith ngã ra giường. Gã sát thủ mừng rỡ ra những chuyển động cần thiết: *Ba bước ra ngoài, bắn từ một bên, qua thái dương, cự li gần.* Smoke lao ra từ khung cửa; Sixsmith ú ớ một âm tiết ở yếu hầu và cố ngồi dậy, nhưng viên đạn giảm thanh đã xuyên qua sọ của nhà khoa học và găm vào tấm đệm. Thi thể Rufus Sixsmith ngã xuống, như ông cuộn mình cho giấc ngủ trưa sau bữa ăn.

Máu thấm vào chiếc chăn chân lông vịt khát nước. Cảm giác mãn nguyện dội thành thạch trong não Bill Smoke. *Nhìn xem ta đã làm gì.*



Buổi sáng thứ Tư ngập ngụa khói bụi và nóng hầm hập, như hàng trăm buổi sáng trước đó và năm mươi buổi tiếp sau đó. Luisa Rey uống cà phê đen trong cái lạnh âm ảm của nhà hàng Snow White ở góc Đại lộ số 2 và Đường 16, cách văn phòng *Spyglass* chỉ hai phút đi bộ, đọc về một kỹ sư hạt nhân từng làm việc trong hải quân theo phái Baptist đến từ Atlanta tên là James Carter, đang có kế hoạch úng cử vào đảng Dân chủ. Xe cộ nối đuôi nhau trên Đường 16, nhích từng chút một đầy bực dọc. Hai bên vỉa hè nhòa nhoẹt hình bóng khách bộ hành vội vã và những người lướt ván. “Sáng nay không ăn gì hết hả Luisa?” Đầu bếp Bart hỏi cô.

“Chỉ có tin tức thôi,” cô khách hàng thân thiết của ông đáp.

Roland Jakes vấp chân chỗ cửa ra vào và tiến đến chỗ Luisa. “Ờ, chỗ này không ai ngồi phải không? Sáng nay chưa ăn gì. Shirl lại bỏ tôi rồi.”

“Mười lăm phút nữa họp báo điểm tin đấy.”

“Còn khối thời gian.” Jakes ngồi xuống rồi gọi món trứng ốp la chín hai mặt. “Trang chín,” anh ta nói với Luisa. “Góc dưới bên phải. Cô nên đọc thử.”

Luisa lật đến trang chín rồi vội lấy tách cà phê. Tay cô dừng lại lưng chừng.

#### NHÀ KHOA HỌC TỰ TỬ Ở KHÁCH SẠN SÂN BAY QUỐC TẾ BY

Nhà khoa học tên tuổi của ngót của Tiến sĩ Sixsmith là Anh, Tiến sĩ Rufus Sixsmith, được tìm thấy đã tử vong vào sáng thứ Ba trong phòng Khách sạn Bon Voyage ở sân bay quốc tế Buenas Yervas được cho là tự kết liễu cuộc đời. một bi kịch đối với toàn thể cộng đồng khoa học quốc tế. Chúng tôi ở Làng Seaboard trên đảo Swanekke cảm thấy, đã mất đi không chỉ một đồng được cho là tự kết liễu cuộc đời. Được biết ông đã chiến đấu cả đời với chứng trầm cảm kinh niên, và trong tuần lễ trước khi qua đời,

ông đã cắt đứt mọi liên lạc. Cô Fay Li, người phát ngôn của Seaboard, nói, “Sự ra đi đột ngột của Tiến sĩ Sixsmith là một bi kịch đối với toàn thể cộng đồng khoa học quốc tế. Chúng tôi ở Làng Seaboard trên đảo Swanekke cảm thấy đã mất đi không chỉ một đồng nghiệp đáng kính, mà còn mất một người bạn vô cùng thân thiết. Chúng tôi gửi lời chia buồn sâu sắc đến gia đình và bạn bè của ông. Ông sẽ được tưởng nhớ rất nhiều.” Thi thể của Sixsmith, được các nhân viên dọn phòng khách sạn phát hiện với một vết thương duy nhất do súng gây ra, đang được chuyển về quê nhà của ông ở Anh để an táng. Một nhân viên giám định pháp y của BYPD xác nhận không có nghi vấn gì quanh sự kiện này.

“Vậy,” Jakes cười nhả nhổ, “vụ phanh phui thế kỷ của cô coi như xong rồi hả?”

Da của Luisa Rey nhói nhói như kim châm và màng nhĩ đau buốt.

“Ái chà.” Jakes châm lửa một điếu thuốc. “Cô có thân với ông ta không?”

“Ông ấy không thể...” Luisa lắp bắp. “... không thể nào làm thế.”

Jakes dụ giọng. “Có vẻ như ông ta đã làm thế thật, Luisa ạ.”

“Anh không tự tử nếu đang theo đuổi một sứ mệnh.”

“Có thể chứ, nếu sứ mệnh đó khiến cô phát điên.”

“Ông ấy bị mưu sát, Jakes à.”

Jakes kiềm chế không thể hiện nét mặt *lại nữa rồi*. “Bởi ai?”

“Tập đoàn Seaboard. Tất nhiên rồi.”

“A. Chủ của ông ta. Tất nhiên rồi. Vậy động cơ là gì?”

Luisa dần lòng để nói thật bình tĩnh và mặc kệ thái độ mỉa mai của Jakes. “Ông ấy đã viết một báo cáo về loại lò phản ứng được phát triển ở Swanekke B, lò HYDRA. Kế hoạch cho Nhà máy C đang đợi Bộ Năng lượng phê duyệt. Khi được duyệt, Seaboard có thể cấp giấy phép cho thiết kế này ở thị trường trong nước và nước ngoài - chỉ những hợp đồng với chính phủ thôi cũng đã đem về lợi nhuận hàng chục triệu đô mỗi năm rồi. Vai trò của Sixsmith là công nhận dự án này, nhưng ông ấy đã không làm theo kịch bản và chỉ ra những lỗi thiết kế chết người. Để đáp trả, Seaboard đã ém nhẹm bản báo cáo và phủ nhận sự tồn tại của nó. Bây giờ chưa

chứng minh được, nhưng tôi sẽ làm.”

“Và Tiến sĩ Sixsmith của cô đã làm gì?”

“Ông ấy đã chuẩn bị công bố.” Luisa gấp tờ báo lại. “Đây là cái giá ông ấy phải trả cho sự thật.”

Jakes dùng một miếng bánh mì nướng chọc vào lòng đỏ chiên phồng lên. “Cô, ờ, cô biết Grelsich sẽ nói gì chứ?”

““Bằng chứng vững chắc,” Luisa đáp, như một bác sĩ đang chẩn đoán một căn bệnh. Cô nhìn đồng hồ. “Nghe này, Jakes, nhờ anh nói với Grelsich... cứ nói với ông ấy là tôi phải đi công chuyện.”

Quản lý ở Khách sạn Bon Voyage đang có một ngày không vui.

“Không, cô *không* thể xem phòng ông ta! Đội vệ sinh thậm chí đã xóa hết mọi dấu vết của sự cố đó rồi. Xin bổ sung là chúng tôi phải móc tiền túi ra để trả đấy! Mà cô là hạng đào mả nào đấy? Phóng viên? Thợ săn ma? Hay là tiểu thuyết gia?”

“Tôi là...” Luisa Rey mếu máo, những tiếng nấc chẳng biết từ đâu tuôn ra “... cháu gái của ông ấy, Megan Sixsmith.”

Một bà mệnh phụ ôm lấy Luisa đang khóc nức nở như mưa. Những người đứng gần đó nhìn người quản lý vẻ khó chịu. Người quản lý tái mặt và rời khỏi vị trí để giảm bớt ác cảm. “Xin mời, hãy đi vòng ra phía sau, tôi sẽ lấy cho cô một...”

“Một ly nước!” bà mệnh phụ lạnh lùng cướp lời, đẩy tay ông ta ra.

“Wendy! Nước! Không, ngay bây giờ! Xin mời, qua lối này, sao cô không...”

“Một cái ghế, trời ạ!” Bà mệnh phụ dìu Luisa vào căn phòng nhỏ tối tăm cạnh bên.

“Wendy! Lấy ghế! Nhanh lên!”

Đồng minh của Luisa siết chặt tay cô. “Xả hết đi, cháu yêu, xả hết đi, Chúa đang lắng nghe, ta đang lắng nghe. Ta là Janice, đến từ Esphigmenou, Utah, và đây là câu chuyện của ta. Khi ta bằng tuổi cháu, ta ở một mình trong nhà, đi xuống cầu thang từ phòng của con gái ta, và mẹ của ta đứng giữa đường. ‘Đi xem chừng đưa bé đi, Janice,’ mẹ của ta bảo. Ta nói với bà, ta vừa thăm bé một phút trước, con bé đang ngủ ngoan. Giọng mẹ của ta trở nên lạnh như băng. ‘Đừng cãi lời mẹ, con gái ạ, đi thăm con của con đi, *ngay!*’ Nghe có vẻ điên rồ, nhưng đến lúc đó ta mới nhớ ra mẹ của ta đã mất trong lễ Tạ ơn năm trước. Nhưng ta vẫn chạy lên cầu thang và phát hiện

con gái ta đang bị nghẹn vì sợi dây kéo rèm quấn quanh cổ. Chỉ cần muôn ba mươi giây thôi là tính mạng con bé đã gặp nguy. Đó cháu thấy chưa?”

Luisa chớp đôi mắt nhòe nhoẹt nước.

“Cháu thấy chưa, cháu yêu? Họ qua đời, nhưng họ không biến mất.”

Người quản lý khi nãy quay trở lại với một hộp đựng giày. “Tôi e là phòng của bác cô có người rồi, nhưng nhân viên dọn phòng tìm thấy những lá thư này trong cuốn Kinh thánh của Gideon. Tên của ông ấy có trên phong bì. Thông thường, tôi sẽ chuyển đến cho gia đình cô, nhưng vì cô đã đến đây...” Ông ta kính cẩn trao cho cô một xấp chín phong bì đã ố màu, trên mỗi phong bì đều ghi gửi “Ông Rufus Sixmith, Đại học Caius, Cambridge, Anh.” Một phong bì dính vết từ gói trà túi lọc mới đây. Tất cả đều bị vò nát và được vuốt phẳng một cách hấp tấp.

“Cám ơn...” Luisa nói mơ hồ, sau đó quả quyết hơn. “Bác Rufus rất xem trọng thư từ và giờ đây đó là tất cả những gì tôi còn giữ về bác. Tôi sẽ không làm mất thời gian của ông nữa. Tôi rất tiếc vì đã không giữ được bình tĩnh ngoài đó.”

Vẻ nhẹ nhõm hiện rõ trên mặt người quản lý.

“Cháu là một người rất đặc biệt, Megan ạ,” Janice đến từ Esphigmenou, Utah, trấn an Luisa khi họ chia tay ở sảnh đợi của khách sạn.

“Bác là một người rất đặc biệt, bác Janice,” Luisa đáp, và quay về bãi đỗ xe, đi cách tử giữ đồ số N0909 chỉ chín mét.

Luisa Rey trở về văn phòng ở *Spyglass* chưa được một phút thì đã nghe tiếng gào của Dom Grelsch, át hết mọi tiếng nói chuyện của tòa soạn, “Cô Rey!”

Jerry Nussbaum và Roland Jakes ngược lên từ bàn làm việc, nhìn Luisa, nhìn nhau, rồi nhép miệng chữ “*Chết rồi!*” Luisa đặt những bức thư của Frobisher vào ngăn kéo, khóa lại, rồi bước vào phòng của Grelsch. “Dom, xin lỗi tôi không dự họp được, tôi...”

“Đừng viện cớ chuyện phụ nữ với tôi. Đóng cửa lại.”

“Tôi không có thói quen viện cớ.”

“Cô có thói quen đi họp không? Cô được trả lương để đi họp mà.”

“Tôi cũng được trả lương để đeo bám đề tài.”

“Vậy là cô bỏ chạy đến hiện trường. Có tìm thấy bằng chứng vững chắc nào bị cảnh sát bỏ lỡ không? Một lời nhắn, bằng máu, trên nền gạch? Kiểu như ghi rõ ‘Alberto Grimaldi làm chuyện này?’”

“Bằng chứng vững chắc không phải là bằng chứng vững chắc nếu ông không phải vất vả truy tìm ra nó. Một chủ bút tên là Dom Grelsch đã bảo với tôi như vậy.” Grelsch nhìn cô trừng trừng.

“Tôi có manh mối, Dom ạ.”

“Cô có manh mối.”

*Tôi không thể vặc lại ông, tôi không thể lừa ông, tôi chỉ có thể khai thác sự tò mò của ông.* “Tôi đã gọi điện đến khu vực nơi thụ lý vụ án Sixsmith.”

“Chẳng có vụ án nào cả! Đó là một vụ tự tử! Trừ phi chúng ta đang nói đến Marilyn Monroe, những vụ tự tử không giúp bán báo. Quá nặng nề.”

“Hãy nghe tôi. Tại sao Sixsmith lại mua vé máy bay nếu ông ta định bắn một viên đạn vào đầu mình tối hôm đó?” Grelsch đưa hai cánh tay ra để thể hiện chính ông cũng không tin nổi rằng bản thân chịu bỏ công đối đáp

cho một chuyện như vậy.

“Một quyết định đột ngột.”

“Vậy thì tại sao ông ấy lại để lại thư tuyệt mệnh đánh máy – dù hiện trường không có chiếc máy đánh chữ nào – nếu đó là quyết định đột ngột?”

“Tôi không biết! Tôi không quan tâm! Tôi có một hạn chót xuất bản vào tối thứ Năm, một cuộc tranh cãi với nhà in, một cuộc đình công của nhân viên giao báo sắp nổ ra, và hãng Ogilvy thì đang giơ Thanh gươm của thằng cha gì đó trên đầu tôi. Tổ chức một buổi gọi đồng rồi đi mà hỏi Sixsmith! Sixsmith là nhà khoa học. Nhà khoa học nào mà chả thất thường.”

“Chúng tôi bị kẹt trong thang máy chín mươi phút. Ông ấy là người hoàn toàn bình tĩnh. Thất thường không phải là từ để chỉ người này. Một chuyện nữa. Ông ấy tự bắn mình – cho là vậy – với một khẩu súng có âm thanh nhỏ nhất trên thị trường. Một khẩu Roachford.<sup>34</sup> Có nòng giảm thanh. Chỉ đặt hàng theo catalog. Tự sát mà sao phải cầu kỳ mất công thế?”

“Vậy. Cảnh sát đã sai, pháp y đã sai, mọi người đã sai ngoại trừ Luisa Rey, một phóng viên ngôi sao, bằng nhận định sắc sảo đã kết luận rằng chuyên gia tính toán nổi tiếng thế giới bị ám sát chỉ vì ông ta đã chỉ ra vài manh mối trong một báo cáo mà chẳng có ai thừa nhận là tồn tại. Tôi nói có đúng không?”

“Đúng một nửa. Nhiều khả năng hơn là cảnh sát đã được khuyến khích đi đến kết luận có lợi cho Seaboard.”

“Phải rồi, một công ty điện mua chuộc hệ thống hành pháp. Tôi thật ngốc quá.”

“Tính luôn các công ty con thì Seaboard là tập đoàn lớn thứ mười trong nước. Họ có thể mua cả Alaska nếu muốn. Hãy cho tôi thời gian đến thứ Hai.”

“Không! Cô phải viết bài điểm báo tuần này và, đúng rồi, bài giới thiệu món ăn.”

“Nếu Bob Woodward nói với ông rằng ông ta nghi ngờ tổng thống Nixon đã ra lệnh đột nhập vào văn phòng đối thủ chính trị và ghi âm lời nói ông ta lúc đưa ra mệnh lệnh, thì ông có nói, ‘Quên đi, Bob thân mến, tôi cần

một bài tám trăm chữ về món xốt trộn salad' không?"

“Đừng giở giọng Tôi-là-người-bệnh-vực-quyền-phụ-nữ-đang-nổi-nóng ra đây.”

“Vậy thì đừng giở giọng Nghe-đây-tôi-đã-làm-trong-nghề-ba-mươi-năm-rồi-với-tôi! Có một Jerry Nussbaum trong tòa nhà đã là quá lắm rồi.”

“Cô đang cố ép một thực tế size 18 chui lọt vào một giả thiết size 11 đấy. Một cách hủy hoại công lao của nhiều người làm báo tử tế. Nhiều người làm báo tử tế mới đúng.”

“Thứ Hai! Tôi sẽ có một bản Báo cáo Sixsmith.”

“Những lời hứa khó giữ *không* phải là lý lẽ nặng đô đâu.”

“Ngoài cách quỳ xuống cầu xin ông, tôi không còn lý lẽ nào khác. Thôi mà. Dom Greslch đâu phải là người dập tắt nền báo chí điều tra lâu đời chỉ vì chưa có tin gì trong một buổi sáng đâu. Bố bảo với tôi ông là nhà báo liều lĩnh nhất từng tác nghiệp ở *bất kì đâu* trong thập niên sáu mươi.”

Greslch xoay ghế lại để nhìn ra Đại lộ số 3. “Ông ta nói *nhảm*.”

“Đúng là ông ấy nói nhảm! Bài phanh phui về tiền quỹ cho chiến dịch của Ross Zinn năm 1964. Ông đã tống cổ một kẻ đáng sợ ủng hộ thuyết thượng tôn người da trắng ra khỏi đời sống chính trị vĩnh viễn. Bố tôi nói ông là lì lợm, cứng đầu và không khoan nhượng. Vụ phanh phui Ross Zinn cần can đảm, mồ hôi và thời gian. Tôi sẽ có can đảm và mồ hôi, tất cả những gì tôi muốn từ ông là một ít thời gian.”

“Lôi bố của cô vào chuyện này là chơi bẩn đấy.”

“Báo chí cần những trò bẩn như thế.”

Greslch dụi mắt thuốc và châm một điếu khác. “Thứ Hai, với bài điều tra Sixsmith, và đó phải là một bằng chứng hùng hồn nhé Luisa, có tên tuổi, nguồn, dữ kiện. Ai ém nhẹm báo cáo này, *tại sao*, và Swanekke B sẽ biến Nam California thành Hiroshima *như thế nào*. Còn nữa. Nếu cô có *bằng chứng* Sixsmith bị mưu sát, chúng ta sẽ đến đồn cảnh sát trước khi in báo. Tôi không muốn có thuốc nổ cài dưới yên xe mình.”

“Tất cả tin tức không hề sợ hãi hay vì ơn huệ nào.”<sup>[29]</sup>

“Biến đi.”

Nancy O'Hagan làm nét mặt “khá lắ” khi Luisa ngồi xuống bàn và lấy những bức thư được cứu của Sixsmith ra. Trong phòng mình, Grelsch nện thình thịch vào chiếc túi đấ. “Lì lợm!” Thịch! “Cứng đầu!” Thịch! “Không khoan nhượng!” Ông chủ bút nhìn ảnh phản chiếu của mình trong gương, đang chế giễu chính mình.

Một bản nhạc trữ tình Sephardic, được soạn trước khi người Do Thái bị đuổi khỏi Tây Ban Nha, đang tràn ngập không gian cửa hiệu âm nhạc Lost Chord ở góc tây bắc của quảng trường Spinoza và Đại lộ số 6. Người đàn ông ăn mặc lịch thiệp đang nghe điện thoại, nước da ông trông có vẻ xanh xao so với thời tiết thành phố dễ làm người ta râm nắng này, lặp lại yêu cầu từ đầu dây kia: “*Bản lục tấu Vân đồ... Robert Frobisher... Kỳ thực tôi đã nghe đến nó, dù chưa bao giờ chạm tay lên đĩa nhạc thật sự... Frobisher là một tài năng thực thụ, ông ấy qua đời khi vừa mới... Để tôi xem ở đây, tôi có một danh sách các nhà giao dịch ở San Fran chuyên về hàng hiếm... Franck, Fitzroy, Frobisher... Đây rồi, dù chỉ là một ghi chú nhỏ... Chỉ có năm trăm bản ghi âm được in... ở Hà Lan, trước chiến tranh, bảo sao lại không hiếm như vậy... Người giao dịch có một bản acetate, sản xuất vào thập niên năm mươi... bởi một hãng kinh doanh Pháp bị giải thể. Lục tấu Vân đồ hẳn đã đem nụ hôn thân chết đến tất cả những ai chạm tay lên nó... Tôi sẽ cố gắng, ông ta còn một bản hồi cách đây một tháng, nhưng không đảm bảo về chất lượng âm thanh, mà tôi cũng phải báo trước, không hề rẻ đâu... Ở đây báo giá là... một trăm hai mươi đô... cộng phí cho chúng tôi mười phần trăm nữa, tính ra là... Thế à? Được rồi, tôi sẽ viết lại tên cô... Ray gì cơ? Ô, cô R-E-Y, tôi thành thật xin lỗi. Thông thường chúng tôi yêu cầu đặt cọc, nhưng giọng cô nghe có vẻ thành thật. Vài ngày thôi. Không có chi.”*

Người trông coi cửa tiệm viết vài dòng ghi chú việc cần làm, rồi nhắc kim máy hát lên, kéo về phần đầu của bản “*Por que llorax blanca nina*”, hạ kim xuống chiếc đĩa vinyl đen bóng, và mơ màng đến những chàng chần cừ Do Thái khảy đàn lia trên những sườn đồi Iberia sao trời lấp lánh.

Luisa Rey không nhìn thấy chiếc Chevy đen bụi bặm chạy qua khi cô đi vào khu chung cư. Thật ra cô không để ý nhiều đến mọi thứ kể từ khi đọc lá thư dài đầu tiên trong tài sản để lại của Rufus Sixsmith. Bill Smoke, người cầm lái chiếc Chevy, ghi nhớ tên căn hộ của cô: 108, Khu chung cư Pacific Eden.

Luisa đã đọc đi đọc lại những bức thư của Sixsmith hơn chục lần trong một ngày rưỡi qua. Chúng khiến cô bận tâm không dứt. Một người bạn thời đại học của Sixsmith, Robert Frobisher, đã viết những bức thư này vào mùa hè năm 1931 trong kỳ nghỉ kéo dài tại một lâu đài ở Bỉ. Điều ám ảnh Luisa không phải là sự thật mà những lá thư ấy tiết lộ về chàng Rufus Sixsmith mềm mỏng thời trai trẻ, mà chính là sự rõ ràng đến chóng mặt của những hình ảnh về nơi chốn và con người mà các lá thư mở ra. Những hình ảnh quá rõ nét đến nỗi cô chỉ có thể gọi đó là kí ức. Cô con gái của nhà báo kỳ cựu sē, và đã, giải thích về những “kí ức” này là trí tưởng tượng bị đa cảm hóa bởi cái chết gần đây của bố cô, nhưng một chi tiết trong một lá thư đập tắt lối giải thích này. Robert Frobisher nhắc đến một vết chàm hình sao chổi nằm giữa xương vai và xương đòn.

*Mình không tin điều nhảm nhí này. Mình không tin. Không tin.*

Thợ xây dựng đang sửa chữa sảnh chung của Khu chung cư Pacific Eden. Trên sàn nhà la liệt các tấm trải, một thợ điện đang xoay chấu bóng đèn, tiếng búa đập. Malcolm, người quản lý, nhác thấy Luisa và gọi với ra, “Này, Luisa! Hai mươi phút trước có một vị khách không mời chạy lên căn hộ của cô đấy!” Nhưng tiếng máy khoan át tiếng ông, ông đang giải đáp thắc mắc qua điện thoại cho một người gọi đến từ Tòa thị chính về giấy phép và các mã số chung cư và, dù sao đi nữa, Luisa đã bước vào thang máy rồi.



“Ngạc nhiên chưa,” Hal Brodie thốt lên, giọng khô khan, bị bắt gặp lúc đang lấy những quyển sách và đĩa nhạc từ kệ của Luisa để cho vào túi đồ thể thao của anh ta. “Này,”

anh ta nói, để che giấu cảm giác tội lỗi, “em cắt tóc rồi à.”

Luisa không ngạc nhiên lắm. “Không phải tất cả phụ nữ bị người yêu bỏ đều làm vậy sao?”

Hal hắng giọng.

Luisa giận chính mình. “Sao. Ngày thu hồi đồ đạc hả.”

“Sắp xong rồi.” Hal phủi bụi tưởng tượng trên hai bàn tay. “Tuyển tập Wallace Stevens là của em hay của anh nhỉ?”

“Đó là quà Giáng sinh của Phoebe tặng chúng ta. Gọi Phoebe thử xem. Để cô ấy quyết định. Còn không thì xé mấy trang lẻ ra để lại trang chẵn cho tôi. Thật chẳng khác nào vụ bố ráp. Anh có thể gọi điện báo cho tôi biết anh sẽ đến đây mà.”

“Anh có gọi. Nhưng chỉ nghe máy trả lời tự động. Nếu em không bao giờ nghe điện thoại thì bỏ thùng rác đi.”

“Đừng ngu ngốc thế, mắc tiền lắm đấy. Vậy cái gì đưa anh vào thành phố, ngoại trừ tình yêu của anh dành cho thi ca đương đại?”

“Tìm địa điểm cho *Starsky và Hutch*.”

“Tôi tưởng anh cho *Starsky và Hutch* sống ở New York chứ.”

“*Starsky* bị bắt cóc. Có một vụ đấu súng trên cầu bắc qua vịnh Buebas Yerbas, bọn anh dựng một cảnh rượt đuổi trong đó David và Paul chạy trên nóc xe ô tô vào giờ cao điểm. Sẽ phải đau đầu làm việc với cảnh sát giao thông để được đồng ý, nhưng bọn anh cần quay cảnh này tại hiện trường, nếu không thì mọi nỗ lực khiến nghệ thuật giống thực tế sẽ thành công cốc.”

“Này, anh không được lấy *Blood on the Tracks*.”

“Nó là của anh mà.”

“Giờ hết rồi.” Luisa không nói đùa.

Với thái độ chống chế mỉa mai, Brodie moi bản ghi âm từ túi thể thao ra. “Nghe này, anh rất tiếc khi nghe tin về bố em.” Luisa gạt đầu, cảm thấy nỗi buồn trào dâng và sự phòng vệ của cô được củng cố. “Ừ.”

“Anh nghĩ như thế cũng là... một sự nhẹ nhõm, như thế.”

*Đúng rồi, nhưng chỉ có người bị mất mát mới thực sự nói như thế.* Luisa kiềm chế để không nói ra điều gì chua chát. Cô nhớ bố cô từng chế giễu Hal, “Thằng nhóc truyền hình”. Họ nhìn vào những chỗ trống trên kệ sách. *Mình sẽ không khóc đâu.* “VẬY, anh ổn cả chứ?”

“Ổn cả. Còn em?”

“Tốt.”

“Công việc tốt hả?”

“Công việc bình thường.” *Chấm dứt đau khổ cho cả hai bên đi.* “Hắn anh còn giữ một chiếc chìa khóa nhà tôi.”

Hal kéo khóa túi thể thao, lục tìm trong túi quần, rồi thả chiếc chìa khóa cửa vào lòng bàn tay cô. Động tác khoa trương, để nhấn mạnh tính biểu tượng của hành động này. Luisa ngửi thấy mùi nước hoa cạo râu xa lạ, và tưởng tượng *Cô ta* xúc lên cho anh ta sáng hôm đó. *Tám tuần trước anh ta cũng không có chiếc áo này.* Đôi ủng cao bồi họ mua cùng nhau vào ngày diễn ra buổi hòa nhạc Segovia. Hal giẫm lên đôi giày thể thao bản của Javier, và Luisa chờ anh ta buông một câu đùa về người đàn ông mới của cô. Thay vì vậy, anh ta chỉ nói, “VẬY THÔI chào nhé.”

*Bắt tay? Ôm anh ta?* “Ừ.”

Cửa đóng lại. Luisa gài dây xích và nhớ lại cuộc nói chuyện. Cô mở vòi hoa sen và cởi quần áo. Tấm gương trong phòng tắm bị che khuất một nửa bởi kệ đựng dầu gội, dầu xả, một hộp giấy vệ sinh, kem dưỡng da và xà phòng quà tặng. Luisa gạt những chai lọ sang một bên để nhìn rõ hơn vết chàm giữa xương vai và xương đòn của cô. Cuộc chạm trán vừa rồi của cô với Hal đã bị quét khỏi não. *Ở đời lúc nào chẳng có chuyện trùng hợp.* Nhưng

nó rõ ràng có hình sao chổi. Tấm gương mờ hơi nước. Sự thật mới là nguồn sống của mây. Vết chàm có thể giống bất cứ cái gì mây tưởng tượng ra, không chỉ là sao chổi. Mây vẫn còn đau buồn về cái chết của bố, thế thôi. Cô nhà báo bước vào buồng tắm, nhưng tâm trí cô đang lang thang trên những hành lang của lâu đài Zedelghem.

Trại của những người biểu tình chống Đảo Swanekke nằm trên đất liền giữa một bãi biển cát trắng với một phá nước sinh lầy. Phía sau phá nước, nhiều hecta vườn cam chanh trải dài từ đất liền lên những ngọn đồi khô cằn. Những túp lều tồi tàn, xe cắm trại lưu động sơn màu bảy sắc cầu vồng, và nhà xe lưu động, tất cả trông như những món quà không mong đợi mà Thái Bình Dương vứt bỏ ở đây. Một tấm băng rôn có dòng chữ: HÀNH TINH CHỐNG LẠI SEABOARD. Ở phía bên kia của cây cầu là Swanekke A, rung rinh như một xã hội không tưởng trong ảo ảnh nắng chiều. Những em bé da trắng với làn da rám đen vì nắng đang đi lẫm chẫm trong những vũng nước đọng; một thủ lĩnh để râu quai nón giặt quần áo trong bồn nước; một đôi trẻ mãi mê hôn nhau trong bụi cỏ.

Luisa khóa chiếc VW rời băng qua bụi rậm để đến khu cắm trại. Chim hải âu chao lượn trong tiết trời oi ả chẳng có gì vui. Xa xa văng vẳng tiếng máy nông nghiệp. Vài cư dân tiến đến nhưng không phải với thái độ thân thiện. “Gì đấy?” một người đàn ông hỏi, trông như thổ dân Bắc Mỹ hiếu chiến.

“Tôi nghĩ đây là công viên công cộng mà.”

“Cô nghĩ sai rồi. Đây là khu riêng.”

“Tôi là nhà báo. Tôi muốn phỏng vấn một số người ở đây.”

“Cô làm cho báo nào?”

“Tạp chí *Spyglass*.”

Thời tiết xấu có sáng sủa lên một chút. “Thế cô không phải viết về cuộc phiêu lưu mới nhất của chiếc mũi cô diễn viên Barbra Streisand à?” người thổ dân hỏi, kèm thêm một câu châm biếm, “Không có ý xúc phạm nhé.”

“Rất tiếc, tôi không làm cho tờ *Herald Tribune*, nhưng sao không cho tôi một cơ hội? Ông có thể nhờ truyền thông viết tốt về mình một chút mà, trừ

khi ông đang nghiêm túc tính đến chuyện tháo dỡ quả bom nguyên tử hẹn giờ ở ngoài khơi kia bằng cách vẫy những tấm biểu ngữ và gào lên những bài hát phản đối. Không có ý xúc phạm nhé.”

Một người nói giọng miền nam càu nhàu: “Nói đủ rồi đấy, quý cô.”

“Cuộc phỏng vấn kết thúc,” người thổ dân nói. “Biến khỏi đảo này đi.”

“Đừng lo, Milton,” một phụ nữ lớn tuổi tóc bạc, nét mặt hồng hào, đứng trên bậc thang nhà xe di động, “để tôi giải quyết vụ này.” Một chú chó lai quý tộc bên cạnh bà chủ nhìn cô. Rõ ràng, lời nói của bà ta có trọng lượng, vì đám đông giải tán không một lời phản kháng.

Luisa tiến đến nhà xe. “Thế hệ tình yêu và hòa bình nhỉ?”

“Thế hệ 1975 không còn gì có thể sánh gần với năm 1968. Seaboard và cảnh sát có nội gián từ mạng lưới chúng tôi. Cuối tuần trước, chính quyền muốn xóa sổ khu này để đón khách VIP, và đã có đổ máu. Nhờ đó bọn cóm có có để tiến hành một loạt vụ bắt bớ. Tôi sợ những kẻ hoang tưởng phải trả giá. Vào đi. Tôi là Hester Van Zandt.”

“Tôi đã rất hi vọng gặp được bà, thưa Tiến sĩ,” Luisa đáp.

Một giờ sau, Luisa ném lõi quả táo cho chú chó lịch sự của Hester Van Zandt. Văn phòng chứa đầy kệ sách của Van Zandt thật ngăn nắp, khác hẳn với văn phòng bừa bãi của Grelsche. Người đón tiếp Luisa đang kết thúc cuộc gặp. “Xung đột giữa các tập đoàn và các nhà hoạt động là xung đột giữa chúng ngu rũ với trí nhớ. Các tập đoàn có tiền, quyền lực và sự ảnh hưởng. Vũ khí duy nhất của chúng tôi là sự phẫn nộ của công chúng. Phẫn nộ đã ngăn chặn Đạp Yuccan, lật đổ Nixon, và, phần nào, chấm dứt những điều tồi tệ ở Việt Nam. Nhưng phẫn nộ là thứ không thể sản xuất và kiểm soát. Thứ nhất, cô cần giám sát chặt chẽ; thứ hai, nhận thức từ nhiều người; chỉ khi nào lay động được một đám đông đủ lớn thì sự phẫn nộ của công chúng mới bùng nổ thành hiện thực. Bất kỳ giai đoạn nào cũng có thể bị phá hoại. Những Alberto Grimaldi của thế giới có thể chống lại sự giám sát bằng cách chôn vùi sự thật trong các ủy ban lập ra, sự ngu dốt và truyền thông sai lệch, hoặc bằng cách đe dọa những người giám sát. Họ có thể dập tắt nhận thức bằng cách làm giáo dục suy yếu, sở hữu các đài truyền hình, trả ‘phí khách mời’ cho những cây bút hàng đầu hoặc đơn giản chỉ cần mua chuộc truyền thông. Giới truyền thông – và không chỉ riêng tờ *Washington Post* – là nơi các nền dân chủ thực thi những cuộc nội chiến của họ.”

“Vì vậy mà bà đã giải cứu tôi khỏi Milton và đồng hương của ông ấy.”

“Tôi muốn cho cô thấy sự thật như những gì chúng tôi thấy, để ít ra cô hiểu rõ về phe mà cô sẽ ủng hộ. Nếu viết một bài châm biếm về những người Walden mới của GreenFront ở lễ hội Woodstock mini này của họ, thì coi như cô xác nhận định kiến của Đảng Cộng Hòa và chôn vùi sự thật sâu thêm chút nữa. Nếu viết về mức độ phóng xạ trong hải sản, giới hạn ô nhiễm ‘an toàn’ do những công ty gây ô nhiễm đặt ra, chính sách nhà nước được đưa ra đấu giá để đổi lấy tiền tài trợ chiến dịch tranh cử và lực lượng

cảnh sát ngoài tư pháp của Seaboard, thì cô sẽ làm tăng nhiệt của nhận thức công chúng, phần nào, đến điểm kích nổ.”

Khi chuẩn bị ra về, Luisa hỏi, “Bà có biết Rufus Sixsmith không?”

“Đương nhiên là tôi biết, cậu Chúa phù hộ linh hồn ông ta.”

“Tôi tưởng bà thuộc phe phản đối ông ấy... hay tôi hiểu sai?”

Van Zandt gật đầu trước chiến thuật của Luisa. “Tôi gặp Rufus vào đầu thập niên sáu mươi tại một viện nghiên cứu ở DC, có liên hệ với Bộ Năng lượng. Tôi đã ngạc nhiên một chút về ông ta! Chủ nhân giải Nobel, thành viên kỳ cựu của Dự án Manhattan<sup>[30]</sup>. Ông ta không hẳn thuộc tuýp người ưa phụ nữ.”

Luisa cũng có ấn tượng tương tự từ những lá thư của Robert Frobisher. “Liệu bà có biết gì về một báo cáo do ông ấy viết để lên án HYDRA Zero và yêu cầu dừng hoạt động Swanekke B không?”

“Tiến sĩ Sixsmith ư? Cô có chắc tuyệt đối không đấy?”

“‘Chắc tuyệt đối’ thì không. ‘Chắc mười mươi’ thì có.”

Van Zandt trông có vẻ bồn chồn. “Chúa ơi, nếu GreenFront mà lấy được báo cáo này...” Khuôn mặt bà đăm chiêu. “Nếu Tiến sĩ Rufus Sixsmith này giáng một đòn lên HYDRA Zero, và nếu ông ta đã dọa công bố vụ việc, thì tôi không còn tin là ông ta tự tử nữa.”

Luisa nhận ra cả hai người đều đang thì thầm. Cô hỏi câu mà cô hình dung Greslch sẽ hỏi: “Có tâm thần không khi đi tin rằng Seaboard sẽ ám sát một người từng đoạt giải Nobel, chỉ để tránh truyền thông đưa tin tiêu cực?”

Van Zandt gỡ một bức ảnh chụp một người phụ nữ tầm hơn bảy mươi tuổi dính trên bảng ghim. “Một cái tên cho cô đây. Margo Roker.”

“Hôm trước tôi có nhìn thấy tên bà ấy trên một biểu ngữ.”

“Margo đã trở thành nhà hoạt động GreenFront kể từ khi Seaboard mua lại Đảo Swanekke. Bà ấy sở hữu mảnh đất này và cho chúng tôi hoạt động ở đây để làm cái gai trong mắt của Seaboard. Sáu tuần trước, căn chòi của bà ấy – nằm cách bãi biển hai dặm – đã bị trộm viếng. Margo không có tiền bạc gì, chỉ vài mảnh đất nhỏ, những mảnh đất mà bà không chịu từ bỏ, bất

kể Seaboard có dự dõ cách nào. Rồi. Bọn trộm đánh bà như tử, bỏ mặc bà đến chết, nhưng chẳng lấy gì. Đó không hẳn là một vụ mưu sát, vì Margo vẫn đang hôn mê, nên cảnh sát chỉ gọi đây là một vụ trộm bất thành có kết cục không may.”

“Thật không may cho bà Margo.”

“Và thật may mắn cho Seaboard. Hóa đơn thuốc men chôn sống gia đình bà ấy. Vài ngày sau vụ tấn công này, một công ty bất động sản ở LA, công ty Open Vista, tìm tới và đề nghị với em họ của Margo mua lại những hecta đất duyên hải này với giá gấp bốn lần giá thị trường. Để làm một khu bảo tồn thiên nhiên tư nhân. Vì thế tôi đã đề nghị GreenFront tìm hiểu về Open Vista. Công ty này chỉ mới được đăng ký tám tuần trước, và cô đoán xem tên ai đứng đầu danh sách các doanh nghiệp tài trợ?” Van Zandt hất đầu về phía Đảo Swannekke.

Luisa cân nhắc tất cả những thông tin này. “Bà sẽ còn nghe tin từ tôi, bà Hester ạ.”

“Tôi hi vọng là thế.”

Alberto Grimaldi rất thích những buổi Báo cáo An ninh “ngoại khóa” với Bill Smoke và Joe Napier tại văn phòng Swanekke. Ông ta thích thái độ thẳng thắn của cả hai người này, đối lập với đám xu nịnh và a dua. Ông ta thích cử thư ký đến khu vực tiếp tân nơi các sếp công ty, lãnh đạo liên đoàn và người của chính phủ buộc phải chờ đợi, lý tưởng ra cũng vài giờ đồng hồ, rồi nghe cô ta nói, “Frank, Joe, ông Grimaldi có thể gặp hai người bây giờ.” Smoke và Napier để Grimaldi thỏa thích sắm vai J. Edgar Hoover<sup>[31]</sup>. Ông ta thấy Napier như một con Mỹ chó bull kiên định, sau ba mươi lăm năm sống ở California vẫn không mất đi sự rắn rỏi hình thành từ tuổi thơ ở New Jersey; Bill Smoke là người ông ta đã quá quen thuộc, một người có thể đi xuyên qua các bức tường, các chuẩn mực đạo đức và pháp lý để thực thi ý chí của chủ.

Cuộc gặp hôm nay do Fay Li đề xuất, Napier chủ trì, để bàn về vấn đề cuối cùng trong nghị trình bất thành văn của họ: một nhà báo đến Swanekke tuần này, Luisa Rey, một người có thể đem lại rủi ro an ninh, cũng có thể không. “VẬY, Fay này,” Grimaldi hỏi trong lúc sửa thế ngồi cho thẳng bằng trên mép bàn, “chúng ta biết gì về cô ta?”

Fay Li nói như đọc từ một danh sách nhớ sẵn trong đầu. “Phóng viên của *Spyglass* – tôi cho rằng chúng ta đều biết cả rồi? Hai mươi sáu tuổi, tham vọng, ngả về thuộc phái tự do hơn là phái cấp tiến. Con gái của Lester Rey, thông tin viên nước ngoài, mới chết. Mẹ tái hôn với một kiến trúc sư sau một vụ ly dị bình thường bảy năm trước, sống ở khu thượng lưu Ewingsville, BY. Không anh chị em. Học lịch sử và kinh tế tại Berkeley, tốt nghiệp hạng ưu. Khởi nghiệp ở *LA Recorder*, có vài bài chính trị đăng trên *Tribune* và *Herald*. Độc thân, sống một mình, thanh toán hóa đơn đúng hạn.”

“Tẻ nhạt như nước cống,” Napier nhận xét.

“Vậy thì nhắc lại giùm tôi tại sao chúng ta phải nói về cô ta,” Smoke nói. Fay Li nói với Grimaldi: “Chúng tôi bắt gặp cô ta lượn lờ quanh khu Nghiên cứu hôm thứ Ba, trong buổi khánh thành. Cô ta nói là có hẹn với Tiến sĩ Sixsmith.”

“Về việc gì?”

“Một bài báo cho *Spyglass*, nhưng tôi nghĩ cô ta đang moi tin.”

Tổng giám đốc kiểm tra với Napier, nhưng ông này nhún vai: “Khó đoán lắm, ông Grimaldi ạ. Nếu cô ta đang moi tin, thì chúng ta có thể cho là cô ta biết mình đang moi tin gì.”

Grimaldi có điểm yếu khi phải nói ra chuyện đã rõ ràng. “Bản báo cáo.”

“Nhà báo có trí tưởng tượng phong phú lắm,” Li nhận xét, “đặc biệt là những nhà báo trẻ tìm kiếm bài báo chấn động đầu tiên trong đời. Tôi cho rằng cô ta *có thể* biết cái chết của Tiến sĩ Sixsmith là... Phải nói sao nhỉ?” Alberto Grimaldi làm vẻ mặt khó hiểu.

“Thưa ông Grimaldi,” Smoke tiếp lời, “điều mà tôi tin là Fay đang khéo léo nói tránh là thế này: người phụ nữ tên Rey này có thể đã tưởng tượng ra chuyện chúng ta xóa sổ Tiến sĩ Sixsmith.”

“Xóa sổ? Chúa ơi. Thật không? Joe? Ông nghĩ sao?”

Napier xòe hai bàn tay ra. “Fay có thể đúng, thưa ông Grimaldi. *Spyglass* đâu phải tờ báo có tiếng viết bài dựa trên căn cứ chắc chắn.”

“Chúng ta có đối trọng nào với tạp chí này không?” Grimaldi hỏi. Napier lắc đầu. “Tôi sẽ kiểm tra.”

“Cô ta gọi điện thoại,” Li nói tiếp, “hỏi xem có thể phỏng vấn vài người ở đây cho bài báo về Một-ngày-trong-đời-một-nhà-khoa-học hay không. Vì vậy tôi đã mời cô ta đến khách sạn dự tiệc tối nay, và hứa sẽ giới thiệu vài người vào dịp cuối tuần. Thực ra,” Li liếc nhìn đồng hồ, “một tiếng nữa tôi sẽ gặp cô ta ở đây.”

“Tôi đồng ý chuyện đó, thưa ông Grimaldi,” Napier nói. “Tôi thà để cho cô ta chõ mũi vào trong tầm kiểm soát của chúng ta.”

“Cũng đúng đấy, Joe. Cũng đúng. Hãy đánh giá mức độ đe dọa của cô ta. Đồng thời dập tắt mọi nghi ngờ không hay về Rufus luôn.” Mỉm cười nhìn

một lượt. “Thế nhé, Fay, Joe, xong rồi, cảm ơn đã dành thời gian tham dự hôm nay. Bill, nói chuyện với tôi một chút về vài vấn đề ở Toronto.”

Chỉ còn lại tổng giám đốc và sát thủ trong phòng.

“Ông bạn của chúng ta,” Grimaldi bắt đầu, “Lloyd Hooks. Hắn khiến tôi lo lắng.” Bill Smoke cân nhắc điều này. “Cụ thể là gì?”

“Hắn đặc chí cứ như nắm hết bốn con át trong tay vậy. Tôi không thích thế. Hãy trông chừng hắn.”

Bill Smoke ngả đầu ra sau.

“Và anh hãy chuẩn bị sẵn một tai nạn cho Luisa Rey. Tác phẩm của anh ở sân bay thật là đáng biểu dương, nhưng Sixsmith là một công dân nước ngoài ưu tú và chúng ta không muốn con ả này moi ra bất kỳ tin đồn nào về chuyện giả mạo.” Ông ta hất đầu về phía Napier và Li. “Hai người đó có nghi ngờ gì về Sixsmith không?”

“Li chẳng nghĩ gì hết. Cô ta là dân PR, chấm hết. Napier thì không nhìn. Một người mù, thừa ông Grimaldi, cố tình nhắm mắt làm ngơ, và lại còn sắp về hưu nữa.”

Isaac Sachs cuộn người ngồi cạnh cửa sổ của quán bar khách sạn Swannekke, ngắm du thuyền trên nền hoàng hôn xanh lơ. Ly bia chưa động tới nằm trên bàn. Suy nghĩ của nhà khoa học chạy từ cái chết của Rufus Sixsmith đến nỗi lo sợ bị phát hiện đã lên giữ bản báo cáo Sixsmith, cho đến cảnh báo của Napier về tính bảo mật. *Thỏa thuận là thế này, Tiến sĩ Sachs ạ, ý kiến của cậu là tài sản của tập đoàn Seaboard. Cậu đâu muốn phá thỏa thuận với một người như ông Grimaldi, đúng không? Sỡ sàng nhưng hiệu quả.*

Sachs cố gắng nhớ lại cảm giác nhẹ nhõm hồi còn chưa phải gánh mối bất an này trong lòng. Anh nhớ phòng thí nghiệm cũ của mình ở Connecticut, nơi cuộc sống được tạo thành từ toán học, năng lượng và những tầng nguyên tử, và anh là người khám phá ra chúng. Anh chẳng có liên quan gì đến những chuyện chính trị này, nơi mà lòng trung thành sai chỗ có thể khiến cho não ta văng tung tóe trong phòng ngủ khách sạn. *Mày sẽ cắt hủy báo cáo đó, Sachs ạ, mẹ kiếp, từng trang một.*

Sau đó suy nghĩ của anh hình dung sự tích tụ khí hydrogen, một vụ nổ, những bệnh viện đông nghịt người, những cái chết đầu tiên do ngộ độc phóng xạ. Cuộc điều tra chính thức. Những con tốt thí. Sachs bóp mạnh các đốt ngón tay. Đến nay, sự phản bội anh dành cho Seaboard chỉ là một tội ác tư tưởng, không phải là một hành động thực sự. *Mình có dám vượt qua lằn ranh đó không?* Anh dụi mắt. Người quản lý khách sạn dắt một nhóm nghệ nhân cắm hoa vào sảnh tiệc. Một phụ nữ thông thả đi xuống cầu thang, tìm ai đó chưa đến, rồi hòa vào bar rượu náo nhiệt. Sachs ngưỡng mộ bộ vest bằng da lộn khéo chọn của cô ta, vóc người mảnh dẻ, chiếc vòng cổ ngọc trai giản dị của cô ta. Nhân viên quầy bar rót cho cô một ly vang trắng, và nói một câu bông đùa được cô ghi nhận nhưng không mỉm cười. Cô quay về hướng anh và anh nhận ra người phụ nữ mà anh nhầm lẫn là

Megan Sixsmith năm ngày trước: cảm giác lo sợ siết chặt, Sachs vội vã rời khỏi ban công, ngoảnh mặt về hướng khác.

Luisa thờ thẩn tiến về phía cửa sổ nhìn ra vịnh. Trên bàn có một ly bia còn nguyên, nhưng không thấy dấu hiệu chủ nhân ở đâu, vì thế cô ngồi xuống chiếc ghế còn ấm hơi người. Đó là chỗ ngồi tốt nhất trong bar này. Cô ngắm du thuyền trên nền hoàng hôn xanh lơ.

Alberto Grimaldi đưa mắt nhìn khắp một lượt sảnh tiệc thấp nển. Căn phòng bập bùng những câu được nói nhiều hơn được nghe. Bài diễn văn của ông ta nhận được nhiều tràng cười hơn, tiếng cười cũng dài hơn, so với bài của Lloyd Hooks, người đang ngồi nói chuyện nghiêm túc với phó chủ tịch của Grimaldi, William Wiley. *Xem nào, cặp này đang bàn chuyện gì mà chăm chú quá vậy?* Grimaldi viết một ghi chú trong đầu dành cho Bill Smoke. Người đứng đầu Cơ quan Bảo vệ Năng lượng (EPA) đang kể với ông một câu chuyện dài dòng về những ngày cấp sách đến trường của Henry Kissinger, vì vậy Grimaldi trình bày với một khán giả tưởng tượng về đề tài quyền lực.

“*Quyền lực*. Nghĩa là gì? *Khả năng quyết định vận mệnh của người khác.* Các vị trong lĩnh vực khoa học, tài phiệt địa ốc và những người có ảnh hưởng khác: *máy bay của tôi có thể cất cánh từ La Guardia, và trước khi tôi hạ cánh xuống BY thì quý vị sẽ chẳng còn là gì cả. Những đại gia Wall Street, quan chức, thẩm phán, tôi có thể cần nhiều thời gian hơn để hạ bệ quý vị, nhưng kết cục của quý vị cũng sẽ chẳng có gì khác.*” Grimaldi tỏ cử chỉ đáp lại với người đứng đầu EPA để đảm bảo ông ta vẫn nhận được sự chú ý – quả thế. “*Nhưng tại sao một số người lại có thể nắm quyền sinh sát vận mạng người khác trong khi đại đa số con người vẫn sống chết như những kẻ bần cùng, như gia súc? Câu trả lời là một Thiên chúa ba ngôi. Thứ nhất: Về lời cuốn thiên bằm. Thứ hai: nguyên tắc kỹ luật để nuôi dưỡng những biệt tài này, vì dù cõi người ta đầy rẫy nhân tài, nhưng chỉ có một trong mười nghìn hạt giống nở hoa – vì thiếu kỹ luật.*” Grimaldi nhìn lướt thấy Fay Li dẫn cô nàng lảm chiêu Luisa Rey đến một vòng người nơi Spiro Agnew đang vây quanh bởi đám quần thần. Ở ngoài đời trông nữ phóng viên xinh đẹp hơn trên hình: *Hóa ra đó là cách cô ả bầy Sixsmith.* Ông ta bắt gặp ánh mắt của Bill Smoke. “*Thứ ba: ý chí nắm quyền. Đây là bí ẩn nằm ở cốt lõi của những vận mệnh khác nhau. Điều gì khiến một số người tích lũy quyền lực trong khi phần lớn đồng loại của họ đánh mất, dùng*

sai, hoặc tránh né quyền lực? Nó có phải là thứ gây nghiện không? Sự giàu có? Sự sinh tồn? Chọn lọc tự nhiên? Tôi cho rằng tất cả những điều này đều là tiền đề và kết quả, chứ không phải là nguyên nhân gốc rễ. Câu trả lời duy nhất có thể là, ‘Không có Tại sao. Đây là đặc điểm của chúng ta rồi.’ Hỏi Ai và Cái gì có ý nghĩa sâu sắc hơn? Tại sao.” Người đứng đầu EPA rung lên khoái trá trước những câu kết hóm hỉnh của chính mình. Grimaldi cũng cười khùng khục. “Một câu rất đỉnh, Tom ạ, *đỉnh* của *đỉnh*.”

Luisa Rey đóng vai cô phóng viên ngờ nghệch đang cố ra vẻ nghiêm chỉnh để đảm bảo với Fay Li rằng cô không đem lại bất kỳ mối đe dọa nào. Chỉ khi đó cô mới có chút tự do đánh hơi ra ai là những người có cùng quan điểm với Sixsmith. Joe Napier, trưởng ban An ninh, nhắc Luisa nhớ về bố cô – trầm tĩnh, tỉnh táo, cùng tầm tuổi và cũng bị rụng tóc. Một, hai lần trong bữa ăn cả chục món xa xỉ, cô bắt gặp ông ta nhìn mình: không phải cái nhìn hau háu, mà đầy suy tính. “Fay này, ở cô chưa bao giờ cảm thấy bị cách ly khi ở mãi trên Đảo Swannekke sao?”

“Swannekke ư? Đó là thiên đường!” cô nhân viên quan hệ công chúng sôi nổi. “Buenas Yervas chỉ cách đây một giờ, đi xuôi theo bãi biển là đến LA, gia đình tôi thì ở trên San Francisco, thật lý tưởng. Cửa hiệu và điện nước được trợ giá, bệnh viện miễn phí, không khí trong lành, không tội phạm, phong cảnh biển. Ngay cả cánh mày râu,” cô ta thừa nhận, *nhỏ giọng*, “cũng được chọn lọc sẵn – kỳ thực tôi có thể xem hồ sơ cá nhân của họ - nên cô biết là sẽ không có gã tâm thần nào trong dàn ứng viên. Vừa nhắc đến xong – Issac! Issac! Đến phiên anh nhập hội đi nào.” Fay Li nắm lấy cùi chỏ Issac Sachs.

“Anh có nhớ đã gặp Luisa Rey hôm trước không?”

“Tôi may mắn thật – xin chào, Luisa, lần thứ hai.” Luisa cảm thấy sự hồi hộp trong cái bắt tay của anh ta.

“Cô Rey đến đây,” Fay Li giới thiệu, “để viết một bài về nhân chủng học Swannekke.”

“Ồ vậy hả? Chúng tôi là một bộ lạc chán òm. Tôi hi vọng cô viết đủ số từ quy định cho bài.” Fay Li cười hết cỡ. “Tôi chắc chắn Issac có thể dành ít thời gian để trả lời các câu hỏi của cô, Luisa ạ, phải không, Issac?”

“Tôi là người chán nhất trong những người đáng chán đấy.”

“Đừng tin lời anh ta, Luisa,” Fay Li cảnh báo cô. “Đó chỉ là một phần chiến thuật của Issac thôi. Cô mà sơ hở là anh ta sẽ tấn công ngay.”

Anh chàng bị buộc tội sát gái lắc lư trên gót giày, cắm mặt xuống đất mỉm cười đầy khổ sở.

“Sai lầm bi kịch của Issac Sachs,” Issac Sachs phân tích, ngồi còm lưng bên cửa sổ nhìn ra vịnh, đối diện với Luisa Rey hai giờ sau đó, “là đây. Quá hèn nhát để làm một chiến binh, nhưng chưa đủ hèn để nằm xuống lẫn lộn như một con chó ngoan.” Lời nói của anh ta trượt đi. Một chai rượu vang gần cạn đặt trên bàn. Quầy bar chẳng còn bóng người. Sachs không nhớ nổi lần cuối cùng anh say khướt thế này là khi nào, hay cảm giác vừa căng thẳng vừa thư giãn cùng lúc: thư giãn, vì một cô gái thông minh đang thích thú trò chuyện cùng anh; căng thẳng, vì anh đã sẵn sàng đâm vào khối u nhọt trong lương tâm mình. Trước sự ngạc nhiên gượng gạo của Sachs, anh bị Luisa Rey thu hút, và đau khổ tiếc nuối tại sao họ gặp nhau trong hoàn cảnh này. Cô gái và nữ phóng viên cứ lẫn lộn với nhau. “Chúng ta đổi đề tài đi,” Sachs nói. “Xe của cô, chiếc,” anh nhái giọng sĩ quan SS trong phim Hollywood, *Volkswagen*. Nó tên là gì?”

“Sao anh biết con Beetle của tôi có tên?”

“Ai chạy xe Beetle cũng đặt tên cho xe mà. Nhưng xin đừng nói với tôi nó tên là John, George, Paul hay Ringo nhé.” *Chúa ơi, Luisa Rey, em đẹp quá.*

Cô đáp, “Anh sẽ cười cho mà xem.”

“Không đâu.”

“Chắc chắn mà.”

“Tôi, Issac Caspar Sachs, long trọng tuyên thệ sẽ không cười.”

“Ừ đừng cười, họ tên lót của anh nghe sang chảnh thế kia mà. Chiếc xe tên là ‘Garcia.’” Cả hai lắc đầu, không tạo ra âm thanh gì, cho đến khi cùng phá ra cười. *Có thể cô ấy cũng thích mình, có thể cô ấy không chỉ đang tác nghiệp.*

Luisa thu tiếng cười lại từ từ. “Những lời tuyên thệ của anh chỉ đáng giá như vậy thôi hả?”

Sachs làm điệu bộ nhận lỗi rồi xoa xoa mắt. “Thông thường có hiệu lực lâu hơn chứ. Tôi không biết tại sao lại cười nhiều đến thế nữa, Garcia” – anh khịt mũi – “không phải là một cái tên quá buồn cười. Tôi từng hẹn hò với một cô gái đặt tên cho xe của cô ấy là Rocitane, thật hết biết.”

“Bạn trai cũ của tôi đặt tên đó. Theo tên của Jerry Garcia, anh biết đấy, người chơi trong ban nhạc Grateful Dead. Anh ta bỏ nó tại ký túc xá của tôi khi động cơ xe bung cả vòng đệm ra, đúng vào khoảng thời gian anh ta bỏ tôi để theo một cô nàng trong đội cổ vũ. Nghe rất sến, nhưng có thật đấy.”

“Vậy mà cô không châm lửa đốt nó?”

“Garcia đâu có lỗi nếu chủ cũ của nó là một Don Juan ưa lừa đảo.”

“Gã này chắc bị điên rồi.” Sachs không định nói thế, nhưng anh cũng không ngượng khi đã lỡ nói ra.

Luisa Rey gật đầu xác nhận một cách duyên dáng. “Dù sao đi nữa, cái tên Garcia cũng hợp với chiếc xe. Không bao giờ chỉnh được đai chính xác, hở ra là vọt, rệu rã hết chỗ nói, cốp xe không đóng hẳn được được, lại còn rỉ dầu, nhưng lại không có vẻ gì sắp ra bãi xe thải cả.”

*Mời cô ấy về nhà đi, Sachs nghĩ. Đừng ngốc thế, cả hai đâu còn trẻ con.*

Họ ngắm những ngọn sóng xô tràn ánh trăng.

Nói đi. “Hôm trước,” giọng anh lí nhí và anh thấy muốn bện, “cô đang tìm cái gì đó trong phòng của Sixsmith.” Những bóng đen dường như vênh tai lên. “Phải không?”

Luisa cũng kiểm tra xem có ai nghe trộm không, và nói rất khẽ. “Tôi biết Tiến sĩ Sixsmith có viết một báo cáo gì đó.”

“Rufus phải làm việc sát sao với đội ngũ thiết kế và xây dựng nhà máy này. Tức là tôi đây.”

“Vậy thì ông ấy kết luận gì? Về lò phản ứng HYDRA?”

“Tất cả chúng tôi đều biết! Jessops, Moses, Keene... họ biết hết.”

“Về một lỗi thiết kế quan trọng?”

Sachs rùng mình. “Đúng.” *Chẳng có gì thay đổi, ngoại trừ tất cả.*

“Nếu có sự cố thì sẽ tồi tệ đến mức nào?”

“Nếu Tiến sĩ Sixsmith đúng, thì sẽ rất, rất khủng khiếp.”

“Tại sao Swannekke B không đóng cửa đợi điều tra thêm?”

“Tiền bạc, quyền lực, còn lạ gì nữa.”

“Anh có đồng ý với những phát hiện của Sixsmith không?”

*Thận trọng.* “Tôi đồng ý là trên lý thuyết có một rủi ro lớn.”

“Anh có bị gây sức ép buộc giữ kín những nghi ngờ của mình không?”

“Tất cả các nhà khoa học đều bị. Tất cả họ đều đồng ý. Trừ Sixsmith.”

“Ai, Issac? Alberto Grimaldi? Cấp cao hơn thì sao?”

Bóng cây vông mào gà khuấy động thảm cỏ bạc. “Luisa, cô sẽ làm gì với một bản sao của báo cáo này, nếu nó tìm được đường đến tay cô?”

“Đăng nó lên ngay khi có thể.”

“Cô có nhận thức được...” *Mình không thể nói.*

“Nhận thức được rằng những người ở cấp cao hơn sẽ muốn thấy tôi chết hơn là thấy HYDRA bị mất uy tín ư? Ngay lúc này thì đó là tất cả những gì tôi nhận thức được.”

“Tôi không thể hứa được gì.” *Chúa ơi, thật là nhu nhược.* “Tôi trở thành nhà khoa học bởi vì... giống như đãi cát tìm vàng vậy. Sự thật chính là vàng. Tôi – tôi không biết mình muốn làm gì nữa...”

“Nhà báo cũng làm việc trong môi trường lấm láp như vậy đấy.”

Trăng chiếu trên mặt biển.

“Hãy làm,” cuối cùng Luisa nói, “bất kì việc gì anh không thể *không* làm.”

Trong ánh nắng sớm lộng gió, Luisa Rey ngắm những người chơi golf băng qua sân cỏ xanh mướt, tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tối hôm qua nếu cô mời Issace Sachs lên phòng. Anh ấy có hẹn ăn sáng với cô hôm nay.

Cô tự hỏi liệu mình có nên gọi điện cho Javier hay không. *Mày không phải là mẹ nó, mày không phải người giám hộ nó, mày chỉ là hàng xóm thôi.* Cô không bị lý lẽ ấy thuyết phục, cũng như khi xưa cô không biết làm sao phớt lờ được đứa bé trai mà cô thấy đang ngồi khóc cạnh máng đổ rác, như cô đã không thể không đi xuống chỗ người quản lý, mượn chìa khóa của anh ta và lục lọi nhà chứa rác để tìm những quyển album tem quý giá của nó, giờ đây cô không biết làm sao để khỏi bận lòng. Thằng bé chẳng còn ai khác, và tuổi mười một chưa biết gian manh. *Mà nói gì thì nói, đời mày còn ai khác nữa đâu?*

“Trông như cô đang gánh cả thế giới trên vai vậy,” Joe Napier nói.

“Kìa Joe. Mời ngồi.”

“Mong cô không thấy phiền nếu tôi ngồi đây. Tôi là kẻ luôn đem theo tin xấu. Issac Sachs gửi lời xin lỗi chân thành, nhưng cậu ấy phải lỡ hẹn với cô.”

“Ô?”

“Alberto Grimaldi bay đến nhà máy của chúng tôi ở Đảo Three Miles sáng nay rồi – theo một đoàn người Đức. Đúng ra Sydney Jessops phải đi theo để hỗ trợ kỹ thuật, nhưng bố của Sid mới bị đột quỵ, nên cuối cùng Issac phải đi.”

“Ô. Anh ấy đã đi rồi à?”

“E là thế. Cậu ấy...” Napier xem đồng hồ “... giờ này đang bay qua dãy núi đá Colorado. Dưỡng thương sau một đêm bí tỉ, chẳng có gì lạ.”

Đừng lộ vẻ thất vọng. “Khi nào anh ấy quay lại?”

“Sáng mai.”

“Ô.” *Chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt.*

“Tôi nhiều tuổi gấp đôi Issac và xấu trai gấp ba lần, nhưng Fay nhờ tôi đưa cô đi tham quan nhà máy. Cô ấy đã thu xếp vài cuộc phỏng vấn với một số người mà cô ấy nghĩ cô sẽ quan tâm.”

“Joe, mọi người thật quá tốt bụng khi dành cho tôi nhiều giờ như thế này trong ngày nghỉ cuối tuần của mình,” Luisa nói. *Các người biết Sachs sắp phản bội hay sao? Bằng cách nào? Trừ khi Sachs là tay trong? Mình hết nghĩ ra được gì nữa rồi.*

“Tôi là một ông già cô đơn có quá nhiều thời gian rảnh rỗi thôi mà.”

“VẬY Nghiên cứu & Phát triển được gọi là Chuồng Gà vì những người đầu hình trứng sống ở đó,” Luisa viết xuống sổ, bật cười, khi Joe Napier mở cửa phòng kiểm soát hai giờ sau đó. “Thế mọi người gọi tòa nhà có lò phản ứng là gì?”

Một kĩ thuật viên nhai kẹo cao su nói vọng ra: “Nhà của những Người quả cảm.”

Nét mặt Joe như muốn nói *buồn cười nhỉ*. “Câu đó *tuyệt đối* không đưa vào bài nhé.”

“Joe có nói với cô chúng tôi gọi cánh an ninh là gì chưa?” một kiểm soát viên hỏi, cười toe toét.

Luisa lắc đầu.

“Hành tinh khỉ.” Anh ta quay sang Napier. “Giới thiệu khách của ông đi nào, Joe.”

“Carlo Bohn, Luisa Rey. Luisa là phóng viên, Carlo là kĩ thuật viên trưởng. Nếu ở đây một lúc cô sẽ nghe được rất nhiều những cái tên khác dành cho anh ta.”

“Để tôi đưa cô đi tham quan, nếu Joe chịu nhường cô cho tôi trong năm phút.”

Napier quan sát Luisa trong lúc Bohn đưa cô đi tham quan căn phòng sáng choang đèn huỳnh quang đầy những panô và máy đo. Những nhân viên cấp thấp kiểm tra các bản in, nhíu mày quan sát các đồng hồ, đánh dấu vào bảng kiểm tra. Bohn tán tỉnh cô và khi bắt gặp ánh mắt của Napier, khi Luisa quay lưng lại, làm động tác núi đôi hình hai quả dưa; Napier lắc đầu. *Milly thường gọi cháu đầy tràu mển*, ông nghĩ. *Mời cháu đến ăn tối, cho cháu ăn no căng bụng rồi rầy la cháu về những chuyện cần phải rầy la*. Ông nhớ lại Luisa khi còn là một cô bé sáu tuổi đáng yêu. *Cũng phải hai*

*thập niên rồi kể từ khi bác gặp cháu ở buổi hội ngộ lần cuối của Đồn cảnh sát Phân khu 10. Biết bao nhiêu ngành nghề mà một bé gái liến thoắng có thể lựa chọn, biết bao nhiêu những phóng viên có thể đánh hơi ra cái chết của Sixsmith, tại sao lại chính là con gái của Lester Rey? Tại sao lại xảy đến quá sớm trước khi mình nghỉ hưu? Ai đã bày ra trò đùa tai hại này? Thành phố ư?*

Napier chực khóc.

Fay Li lục lại phòng của Luisa Rey nhanh chóng và lão luyện khi mặt trời bắt đầu lặn. Cô ta kiểm tra bên trong bồn chứa nước toilet; xem dưới đệm có vết rạch nào không; các tấm thảm có vạt rời không; trong tủ lạnh; trong tủ quần áo. Bản gốc hẳn đã bị cho vào máy cắt giấy làm đầy một phần tư thùng máy cắt. Cô tiếp tân ngoan ngoãn của Li báo tin Sachs và Luisa trò chuyện đến gần sáng. Sachs đã được cho lên đường sáng nay, nhưng anh ta không phải dân khờ khạo, anh ta có thể để lại cái đó cho Luisa. Cô ta tháo ống nghe điện thoại ra, và thấy con chip nghe lén yêu thích của Napier, ngay trang thành một điện trở. Cô ta lục tìm những góc kín nhất trong chiếc túi du lịch của Luisa, nhưng chẳng tìm thấy một tài liệu in nào trừ cuốn *Thiên và Nghệ thuật Bảo dưỡng Xe máy*. Cô ta lật qua quyển sổ ghi chép của nữ phóng viên trên bàn, nhưng những ghi chú mã hóa của Luisa chẳng tiết lộ gì nhiều.

Fay Li tự hỏi mình có đang lãng phí thời gian hay không. *Lãng phí thời gian à? Mexxon Oil đã tặng lời đề nghị lên một trăm nghìn đô la cho Báo cáo Sixsmith đấy. Và nếu họ nghiêm túc về con số một trăm nghìn, họ cũng sẽ nghiêm túc về con số một triệu. Để làm mất uy tín toàn bộ chương trình năng lượng nguyên tử này và đào mồ chôn nó, một triệu là chuyện nhỏ. Vì thế hãy tìm tiếp đi.*

Điện thoại reo bốn tiếng: một lời cảnh báo rằng Luisa Rey đang chờ thang máy ở sảnh đợi. Li soát lại để đảm bảo không có gì xáo trộn rồi bỏ đi, xuống sảnh đợi bằng thang bộ. Sau mười phút, cô ta gọi lên cho Luisa từ quầy tiếp tân. “Xin chào, Luisa, Fay đây. Về phòng lâu chưa?”

“Vừa kịp tranh thủ tắm qua một chút.”

“Hi vọng là buổi chiều cô thu hoạch tốt?”

“Rất tốt. Tôi có đủ tư liệu để viết hai, ba bài rồi.”

“Tuyệt quá. Nghe này, nếu cô không có kế hoạch nào khác, thì tối nay đi

ăn ở câu lạc bộ golf nhé? Món tôm Swannekke là số một trên cả nước đấy.”

“Tự tin nhỉ.”

“Tôi không bắt cô phải tin lời tôi ngay đâu.”

Đống vỏ tôm chất cao như núi. Luisa và Fay nhúng ngón tay vào nồi nước hương chanh, Li nhúng mày ra dấu bảo người phục vụ dọn đĩa đi. “Bàn tôi thật bừa quá.” Luisa đặt khăn ăn xuống. “Tôi mới là học trò chậm tiến trong lớp, Fay ạ. Cô nên mở trường dạy thể thức xã giao cho những cô gái trẻ ở Thụy Sĩ.”

“Người ở Làng Seaboard không nghĩ về tôi như vậy đâu. Có ai cho cô biết biệt danh của tôi chưa? Chưa à? ‘Ông Li’ đấy.” Luisa không rõ mình được trông đợi phản ứng ra sao. “Giải thích thêm một chút giùm tôi đi.”

“Tuần đầu tiên đi làm, tôi đang ở trong căng tin pha cà phê cho mình. Một kĩ sư đi đến, nói với tôi là đang gặp rắc rối về máy móc và hỏi tôi giúp được không. Bạn bè gã đang cười khẩy ở phía sau. Tôi đáp, “Chắc là không.” Gã nói, “Chắc chắn là cô giúp được mà,” gã muốn tôi tra dầu cho bù lon của gã và giảm sức ép quá tải trên hai hòn bi của gã.”

“Kĩ sư này bao nhiêu tuổi? Mười ba à?”

“Bốn mươi, một vợ, hai con. Lúc bấy giờ bạn bè gã đã khịt mũi và cười khoái trá. Cô sẽ làm gì? Nghĩ ra một câu gì đó làm bẽ mặt, để cho họ biết cô đã bị chơi khăm? Tặng gã một bạt tai, để được danh hiệu bà chằn? Vả lại, những tên biến thái như gã rất thích được ăn tát. Chẳng làm gì hết? Để gã đàn ông nào ở nhà máy cũng có thể nói những câu mất dạy như thế với cô mà chẳng hề hấn gì?”

“Một đơn khiếu nại chính thức chẳng?”

“Để chúng tỏ là đàn bà chạy đi mách sếp mỗi khi gặp chuyện hay sao?”

“Vậy cô đã làm gì?”

“Làm cho gã bị chuyển đến nhà máy ở Kansas. Giữa đồng không mông quạnh, vào giữa tháng Giêng. Tôi tội nghiệp cho vợ gã, nhưng cô ta đã lấy một gã như thế. Tiếng lành đồn xa, tôi được gọi là ‘Ông Li’. Một phụ nữ

thực thụ sẽ không đối xử tàn nhẫn như thế với anh chàng tội nghiệp, không, một phụ nữ thực thụ sẽ xem lời nói đùa của hắn như một lời khen.” Fay Li vuốt những nếp nhăn trên bàn. “Cô có gặp phải chuyện trời ơi đất hỡi thế này ở chỗ làm không?”

Luisa nghĩ đến Nussbaum và Jakes. “Gặp suốt.”

“Có thể con gái của chúng ta sẽ sống trong một thế giới tự do hơn, nhưng còn chúng ta thì quên đi. Chúng ta phải tự giúp mình, Luisa ạ. Đàn ông sẽ không làm điều đó cho chúng ta.”

Nữ nhà báo cảm nhận được sự chuyển đề tài.

Fay Li chồm về trước. “Tôi hi vọng cô sẽ xem tôi như tay trong của cô trên Đảo Swanekke.”

Luisa thận trọng suy xét. “Nhà báo lúc nào cũng cần tay trong, Fay ạ, nên chắc chắn tôi sẽ ghi nhớ lời đề nghị này. Nhưng tôi phải báo trước với cô, *Spyglass* không có nguồn cho khoản thù lao mà cô có lẽ mong...”

“Đàn ông phát minh ra tiền. Phụ nữ phát minh ra sự hỗ trợ lẫn nhau.”

*Một tâm hồn khôn ngoan*, Luisa thầm nghĩ, *biết phân biệt đâu là bẫy, đâu là cơ hội*. “Tôi không biết... làm sao một phóng viên quen có thể ‘hỗ trợ’ một phụ nữ ở địa vị cô, Fay ạ.”

“Đừng đánh giá thấp bản thân mình. Những nhà báo thân thiện chính là những đồng minh đáng giá. Cứ suy nghĩ đi. Nếu có lúc nào cô muốn bàn bạc bất kỳ vấn đề gì nặng cân hơn chuyện kỹ sư của Swanekke tiêu thụ bao nhiêu khoai tây chiên một năm,” giọng cô ta chùng xuống thành lời thì thầm nhỏ hơn cả tiếng dao nĩa lạnh canh, nhạc piano ở quầy cocktail và tiếng cười phía sau, “chẳng hạn như dữ liệu về lò phản ứng HYDRA mà Tiến sĩ Sixsmith đã tổng hợp, ví dụ vậy thôi, tôi đảm bảo cô sẽ thấy tôi hợp tác hơn *nhiều* so với cô nghĩ đấy.”

Fay Li búng tay và chiếc xe đẩy món tráng miệng lăn bánh tới. “Bây giờ, món sorbet chanh và dưa tây, *cực* thấp calorie, giúp tẩy sạch vòm miệng, thích hợp trước khi uống cà phê. Lần này thì cô tin tôi chứ?”

Chuyển đề tài quá chóng vánh, Luisa suýt nữa tự hỏi liệu mình có thực nghe thấy những điều vừa nghe hay không. “Tôi sẽ tin cô lần này.”

“Rất vui vì chúng ta hiểu nhau.” Luisa tự hỏi: *Cấp độ lừa dối nào thì được phép trong báo chí? Cô nhớ câu trả lời của bố cô, vào một buổi chiều trong khu vườn bệnh viện: Bố có bao giờ nói dối để lấy được thông tin chưa à? Ngày nào cũng bốc tậ trời trước bữa ăn sáng, miễn là việc đó giúp bố tiến gần hơn đến sự thật một centimet.*

Tiếng chuông điện thoại lật úp giấc mơ của Luisa khiến cô ngã xuống căn phòng ngập ánh trăng. Cô rờ chiếc đèn ngủ, chiếc radio có đồng hồ, cuối cùng mới đến ống nghe. Trong một tích tắc cô không nhớ mình tên gì hay đang nằm ở đâu. “Luisa?” một giọng nói vang lên.

“Vâng, Luisa Rey nghe đây.”

“Luisa, là tôi đây, Issac, Issac Sachs, đang gọi đường dài.”

“Issac! Anh đang ở đâu? Tại sao...?”

“Suýt, suýt, xin lỗi đã đánh thức cô, và xin lỗi là tôi đã bị lôi đi khi trời vừa sáng vào hôm qua. Nghe này, tôi đang ở Boston. Bây giờ là bảy giờ rưỡi giờ phía đông, mặt trời sắp mọc ở California rồi. Cô vẫn còn ở đó chứ, Luisa? Còn nghe tôi nói không?”

*Anh ta đang sợ. “Vâng, Issac, tôi đang nghe đây.”*

“Trước khi rời Swanekke, tôi có đưa cho Garcia một món quà để tặng cô, cũng chẳng có gì đáng kể đâu.” Anh ta cố gắng làm cho câu nói nghe có vẻ tự nhiên. “Hiểu không?”

*Anh ta đang nói cái quái gì thế nhỉ?*

“Cô nghe tôi nói không, Luisa? Garcia có quà cho cô đấy.” Một góc tỉnh táo hơn trong não Luisa bắt đầu hoạt động. *Issac Sachs để Báo cáo Sixsmith trong xe VW của mày. Mày có nhắc đến chuyện cốp xe không khóa. Anh ta nghĩ rằng điện thoại của khách sạn này không an toàn và mình đang bị nghe lén.* “Anh thật tốt quá, Issac ạ. Hi vọng không gây tốn kém cho anh.”

“Đáng từng xu. Xin lỗi đã quấy rầy giấc ngủ dưỡng sắc của cô nhé.”

“Có gì đâu. Không nên ngủ dưỡng sắc quá liều mà. Chúc anh bay an toàn nhé, hẹn gặp lại sớm. Có gì đi ăn tối nhé?”

“Được đấy. Ôi, phải lên máy bay rồi.”

“Chúc thượng lộ bình an.” Luisa gác máy. Đi muộn hơn, đúng như lịch

trình? Hay là rời khỏi Swannekke ngay bây giờ?

Đối diện làng khoa học năm trăm mét, Joe Napier cũng đang thức. Ông nhìn bầu trời đêm một-giờ-trước-bình-minh qua khung cửa sổ. Một dàn thiết bị kiểm soát điện tử chiếm nửa căn phòng. Từ một chiếc loa vang lên âm thanh của một đường dây điện thoại đã tắt. Napier quay lại đoạn băng eo éo. “Trước khi rời Swanekke, tôi có đưa cho Garcia một món quà để tặng cô, cũng chẳng có gì đáng kể đâu... cô hiểu không?... Cô nghe tôi nói không, Luisa? Garcia có quà cho cô đấy.”

*Garcia? Garcia?*

Napier nhăn mặt trước tách cà phê lạnh ngắt và mở ra một tập hồ sơ dán nhãn “LR#2”. Đồng nghiệp, bạn bè, các mối liên lạc... không có tên Garcia trong dữ liệu. *Tốt nhất nên cảnh báo Bill Smoke không nên tiếp cận Luisa cho đến khi mình có cơ hội nói chuyện với con bé.* Ông mở bật lửa. Nhưng tìm gặp được Bill Smoke đã khó chứ đừng nói gì đến cảnh báo. Napier rít khói thuốc cay xè vào phổi. Điện thoại của ông đổ chuông: Bill Smoke. “Này, Garcia này là thằng quái nào vậy?”

“Không biết, không có trong dữ liệu. Nghe này, tôi không muốn anh...”

“Mẹ kiếp, việc của ông là biết câu trả lời, Napier.”

*Vậy bây giờ mi ăn nói với ta như thế ư?*

“Này, Giữ mồm...”

“Giữ cái đầu ông ấy.” Bill Smoke gác máy.

*Quá tệ, tệ quá, hết chỗ nói.* Joe chộp lấy áo khoác, dụi tàn thuốc, rời khỏi khu nhà và băng qua đường đến khách sạn của Luisa. Mất mười phút đi bộ. Ông nhớ lại sự đe dọa trong giọng nói của Bill Smoke, và co chân chạy.

Cảm giác quen thuộc ám ảnh Luisa khi cô nhét đồ đạc vào túi du lịch. *Robert Frobisher ăn tối rồi bỏ trốn khỏi một khách sạn.* Cô đi thang bộ xuống sảnh đợi vắng hoe. Tăm thắm im lặng như tuyết. Một chiếc radio thì thào những âm thanh ngọt ngào không rõ tiếng ở văn phòng phía sau. Luisa rón rén đến cửa chính, hi vọng có thể ra đi mà không cần giải thích gì. Những cánh cửa bị khóa để ngăn người ngoài, không phải ngăn người bên trong ra, chẳng bao lâu sau Luisa đã băng qua bãi cỏ khách sạn đến bãi đỗ xe. Một làn gió đại dương trước bình minh đem lại những hứa hẹn mơ hồ. Bầu trời đêm trong đất liền đang chuyển thành màu hồng sẫm. Không có ai khác xung quanh, nhưng khi cô tiến đến gần chiếc xe, Luisa kiểm lòng để không co chân chạy. *Bình tĩnh, không vội vã, và mày có thể nói mày lái xe dọc bãi biển để ngắm bình minh.*

Thoạt nhìn cốp xe trống trơn, nhưng tấm thảm trong đó có góc phồng lên. Dưới đó Luisa tìm thấy một kiện hàng gói lại bằng túi nhựa đựng rác màu đen. Cô lấy ra một bìa còng màu kem. Cô đọc bìa của nó trong ánh sáng nhấp nháy: LÒ PHẢN ỨNG HYDRA ZERO – MẪU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG – TRƯỞNG DỰ ÁN TIẾN SĨ RUFIS SIXSMITH – SỞ HỮU TÀI LIỆU NÀY KHI CHƯA ĐƯỢC PHÉP LÀ VI PHẠM LUẬT HÌNH SỰ LIÊN BANG THEO ĐẠO LUẬT TÌNH BÁO QUÂN SỰ & CÔNG NGHIỆP 1971. Khoảng năm trăm trang các bảng biểu, sơ đồ, phép tính, và chứng cứ. Cảm giác phấn chấn bùng nổ và dội mãi trong đầu. *Bình tĩnh, đây chỉ là kết thúc của một sự khởi đầu.*

Chuyển động ở cự ly trung bình khiến Luisa chú ý. Một người đàn ông. Luisa nấp sau Garcia. “Này! Luisa! Đợi đã!” *Joe Napier!* Như trong một giấc mơ có rất nhiều chìa khóa, ổ khóa và cánh cửa, Luisa nhét bìa còng màu kem nằm trong bao đựng rác xuống dưới yên xe – lúc này Napier đang chạy, ánh đèn pin của ông ta vùn vụt trong bóng đêm nhấp nháy. Động

cơ xe phát ra tiếng gầm lười biếng như tiếng sư tử rống – chiếc VW xoay đầu cấp tốc. Joe Napier ra hiệu dừng xe ở phía sau, gào thét, và Luisa trông thấy ông ta nhảy chồm chồm như một diễn viên tấu hài. Cô không dừng lại để xin lỗi.

Chiếc Chevy đen bụi bặm của Bill Smoke thắng kết lại trước chốt kiểm soát đảo trên Cầu Swanekke. Một dãy ánh sáng lốm đốm trên đất liền đối diện eo biển. Bảo vệ nhận ra chiếc xe và đã kịp ra đứng ở cửa xe bên phía người lái. “Chào buổi sáng!”

“Nhìn theo hướng đó. Anh là Richter, phải không?”

“Vâng, thưa ông Smoke.”

“Tôi đoán là Joe Napier mới gọi cho anh và ra lệnh không để một chiếc VW màu cam chạy qua khỏi chốt kiểm soát.”

“Đúng thế, thưa ông Smoke.”

“Tôi đến đây để đổi ngược lệnh đó, trên thẩm quyền cá nhân của ông Grimaldi. Anh sẽ nhắc thanh chắn lên cho chiếc VW và để tôi đi theo. Anh sẽ gọi cho đồng nghiệp ở chốt kiểm soát trong đất liền bây giờ, và bảo anh ta không cho bất kỳ cái gì lọt qua cho đến khi nhìn thấy xe tôi. Khi ông Napier đến đây, khoảng mười lăm phút nữa, anh sẽ nói với ông ta rằng Alberto Grimaldi nhắn, ‘Đi về ngủ tiếp đi.’ Hiểu chưa, Richter?”

‘Hiểu rồi, thưa ông Smoke.’

“Anh mới cưới hồi mùa xuân này, nếu tôi nhớ không nhầm?”

“Ông có trí nhớ rất tuyệt, thưa ông.”

“Đúng thế. Đang hi vọng xây dựng một gia đình nhỉ?”

“Vợ tôi đang có mang bốn tháng, thưa ông Smoke.”

“Một lời khuyên dành cho anh, Richter, về cách thành công trong ngành an ninh. Anh có muốn nghe lời khuyên này không, con trai?”

“Có, thưa ông.”

“Con chó ngốc nhất cũng biết ngồi canh. Cần đến nào là để biết khi nào nên lờ đi. Tôi nói thế có dễ hiểu không, Richter?”

“Ông nói rất dễ hiểu, thưa ông Smoke.”

“VẬY THÌ TƯƠNG LAI GIA ĐÌNH TRẺ CỦA ANH ĐƯỢC ĐẢM BẢO, CON TRAI À.”

Smoke quay đầu xe nép bên cạnh phòng gác rồi tắt máy. Sáu mươi giây sau, một chiếc VW giật cục chạy về hướng mũi biển. Luisa dừng lại, hạ kính xe, Richter xuất hiện, và Smoke nghe thấy được “gia đình có chuyện gấp”. Richter chúc cô thượng lộ bình an. Và thanh chắn được nâng lên.

Bill Smoke cho xe vào số một, hai. Tiếng xiết bánh lên mặt đường thay đổi khi chiếc Chevy chạy đến cầu. Số ba, bốn, bàn đạp nhấn xuống. Ánh đèn đuôi chiếc Beetle kêu lóc cóc hiện ra ngày một gần, năm mươi dặm, ba mươi dặm, mười... Smoke chưa mở đèn xe. Hắn bẻ lái qua làn đường vắng, chuyển sang số năm rồi chạy song song. Smoke mỉm cười. *Cô ả nghĩ mình là Joe Napier.* Hắn bẻ ngoặt bánh xe và tiếng kim loại rít lên khi chiếc Beetle bị kẹp chặt giữa xe của hắn với thành cầu cho đến khi thành cầu bung ra khỏi cột bê tông và chiếc Beetle rơi ra ngoài không trung.

Smoke đạp thắng. Hắn bước ra ngoài không khí mát rượi và hít mùi cao su nóng. Ở phía sau, cách mặt cầu mười tám, hai mươi mét, đầu một chiếc VW biến mất dưới những trũng nước hình oval giữa lòng biển. *Nếu không gãy lưng thì cô ả cũng sẽ chết chìm trong ba phút.* Bill Smoke xem xét thiệt hại trên thân xe của hắn và cảm thấy nhẹ nhõm. Những vụ giết người giấu mặt, ẩn danh luôn thiếu sự kích thích hơn là ra tay trực tiếp, hắn nhận định.

Mặt trời nước Mỹ, lừ lừ mọc lên căng tròn, xác lập một bình minh mới.

# Khổ nạn của Timothy Cavendish

Vào một buổi hoàng hôn rực rỡ, cách nay bốn, năm, không, Chúa ơi, sáu mùa hè trước rồi, tôi đang tản bộ trong tâm trạng thư thái trên một đại lộ ở Greenwich rợp bóng hai hàng cây dẻ và nguyệt quế. Những khu dinh thự Regency đó nằm trong số các tài sản đắt đỏ nhất London, nhưng nếu thừa hưởng một căn như vậy, thì thừa độc giả yêu quý, hãy bán đi, đừng sống ở đây mà làm chi. Những ngôi nhà kiểu này tiết ra một phép thuật kì bí làm cho chủ nhân bị biến thành những ổ bánh nhân mút hoa quả. Nạn nhân điển hình là một cựu cảnh sát trưởng Rhodesia, vào một đêm bí ẩn, đã viết cho tôi một tờ séc béo bở như chính ông ta vậy, để biên tập và in tiểu sử của ông ta. Tâm trạng thư thái của tôi có được một phần nhờ vào tấm séc ấy, một phần nhờ vào chai Chablis 1983 từ vườn nho Duruzoi, một liều thuốc tiên làm cho những bi kịch khổng lồ của chúng ta teo tóp thành những hiểu lầm nhỏ nhất.

Ba đứa con gái tuổi teen ăn mặc như Barbie Mãi Dâm tiến đến, giăng lưới hết chiều ngang của vỉa hè. Tôi bước xuống lòng đường để tránh đụng độ. Nhưng khi tiến đến gần, chúng lột vỏ những cây kẹo mút gôm ghiếc rồi ném xuống đất. Cảm giác về trách nhiệm xã hội của tôi tăng vọt như tên lửa. Đang đi ngang thùng rác mà! Tim Cavendish, Công dân Phần nộ, thốt lên với những kẻ vi phạm: “Này các cô, các cô nên nhặt rác lên.”

Một tiếng khịt mũi, “Đây không nhặt thì làm gì nhau nào?” liếc xéo sau lưng tôi.

Lũ khí cái trời đánh thánh đâm. “Tôi không có ý định làm gì cả,” tôi ngoái lại sửa lời, “tôi chỉ nói mỗi một điều là các cô...”

Đầu gối tôi khụy xuống, sau đó là vỉa hè đập nút gò má tôi, làm long ra một kí ức thuở niên thiếu về một tai nạn xe ba bánh trước khi đau đớn xóa hết mọi thứ, chỉ để lại mỗi cơn đau. Một cái đầu gối bén ngót đè mặt tôi xuống đất bùn. Tôi nếm thấy vị máu. Cổ tay hơn sáu mươi tuổi đời của tôi bị kéo giật ra sau một góc chín mươi độ đầy thô bạo, chiếc đồng hồ Ingersoll Solar bị tháo móc khóa. Tôi nhớ đã tuôn ra một mớ hổ lốn những câu tục tĩu từ cổ chí kim, nhưng những kẻ cướp cạn chưa kịp móc ví tôi thì tiếng chuông của một chiếc xe bán kem mở bài “Cô gái đến từ Ipanema” vang lên khiến chúng nháo nhào bỏ chạy, như ma cà rồng vào thời khắc

hùng đông.

“Thế mà ông không báo cảnh sát à? Sao ngốc thế!” Bà X rắc đường tổng hợp lên món yến mạch vào buổi sáng hôm sau. “Vì Chúa, hãy gọi điện cho cảnh sát đi. Ông còn đợi gì nữa? Mất hết manh mối rồi.” Trời ơi, tôi đã phóng đại sự thật và kể với bà ta rằng bọn cướp gồm có năm tên vô lại cạo đầu hình chữ thập ngược. Bây giờ làm sao tôi có thể báo cảnh sát rằng ba đứa con gái chưa dậy thì ngậm kẹo mút đã thắng tôi mà chẳng cần tốn chút công sức nào? Những cậu trai mặc sắc phục xanh sẽ mắc nghẹn trong lúc ăn bánh quy Penguin mất. Không, vụ tấn công của tôi đã không được bổ sung vào dữ liệu tội phạm do bị hại chủ động trình báo của quốc gia này. Nếu chiếc đồng hồ Ingersoll bị đánh cắp không phải là kỷ vật tình yêu từ thuở huy hoàng của cuộc hôn nhân nay đã lạnh lẽo như Bắc cực của chúng tôi thì tôi đã ngậm bồ hòn làm ngọt về sự cố này cho rồi.

Tôi đang nói đến đâu nhỉ? Thật quái lạ những câu chuyện không đâu lại cứ xen vào đâu ở tuổi này. Không phải quái lạ, mà là vô cùng đáng sợ. Tôi đã định bắt đầu phần kể chuyện này với Dermot Hoggins. Đó là rắc rối khi viết hồi ký bằng bút máy. Bạn không thể quay lại để thay đổi những gì đã viết mà không làm mọi chuyện rối tung thêm.

Là thế này, tôi là *biên tập viên* của Dermot “Duster” Hoggins, chứ chẳng phải bác sĩ tâm lý hay thầy coi quẻ quái quỷ gì của hắn cả, vì vậy làm sao tôi được chuyện gì đang chờ đợi Ngài Felix Finch trong đêm định mệnh ấy? Ngài Felix Finch, Bộ trưởng Văn hóa và Lãnh tụ tối cao của tạp chí Điểm sách *Trafalgar*, ông ta vẫn chói lòa trên bầu trời truyền thông, tên tuổi ông ta đến nay vẫn hiển hiện trong mắt mọi người, dù mười hai tháng đã trôi qua. Các tờ báo lá cải đăng đầy tin tức về vụ đó trên trang nhất; những tờ báo khổ rộng in tràn trang khi đài Phát thanh số 4 đưa tin về cú ngã. Cái chuồng nhốt đầy lũ điều hâu se sẻ, “những cây bút bình luận”, tán tụng Ông hoàng Nghệ thuật đã mất trong những bài tường niệm liên tu bất tận.

Ngược lại, từ đầu chí cuối tôi vẫn giữ vị thế của một cố vấn danh dự. Tuy nhiên, tôi cần cảnh báo độc giả bạn rợn rằng dư vị sau vụ Felix Finch chỉ thuần túy là món rượu khai vị cho cơn khốn khổ thần sầu của tôi. Khổ nạn của Timothy Cavendish, nếu bạn thích gọi như thế. Mà đấy có vẻ như là

một tiêu đề hấp dẫn nhỉ.

Đó là Đêm trao giải Trái chanh, tổ chức ở quán bar Jake's Starlight, vừa khai trương lại hoành tráng trên đỉnh một tòa nhà ở Bayswater, có vườn trên sân thượng phủ mái che. Toàn bộ chuỗi thức ăn trong ngành xuất bản chết tiệt đã bay lên không trung rồi đậu lại ở Jake's. Những văn sĩ cuồng, đầu bếp nổi tiếng, những bộ comple, khách hàng có râu dê, cánh lái sách suy dinh dưỡng, bọn thợ viết thuê và thợ chụp ảnh hiểu ẩn ý "Cút đi!" thành "Tại sao không, tôi rất sẵn lòng!" Để tôi chặn đứng ngay lời xì xầm đồn thổi rằng việc mời Dermot đến là chủ trương *của tôi*, rằng, phải rồi, Timothy Cavendish biết tác giả của mình đang thèm khát một vụ trả thù đình đám, *thế cho nên*, toàn bộ tấn bi kịch này là một vụ xì căng đan để đánh bóng tên tuổi. Chuyện phi lý được những đối thủ ghen ăn tức ở tưởng tượng ra! Không một ai thừa nhận đã gửi thư mời đến Dermot Hoggins, và lúc này càng khó có chuyện ai đó bước ra thừa nhận.

Tóm lại, người chiến thắng đã được xướng tên và tới lúc này chúng ta đều đã biết ai đoạt giải thưởng trị giá năm mươi nghìn bảng cả rồi. Hôm đấy tôi say bí tỉ. Guy the Guy giới thiệu tôi dùng món cocktail có tên gọi "Ground Control to Major Tom" (Mặt đất gọi thiếu tá Tom)<sup>[32]</sup>. Mũi tên Thời gian trở thành chiếc Boomerang Thời gian và tôi không đếm xuể mình đã uống bao nhiêu ly. Một ban nhạc jazz sáu người bắt đầu chơi điệu rumba. Tôi tiến ra ban công để thở chút không khí trong lành, và xem đám đông huyền não từ bên ngoài. Chúng kiến văn đàn London khiến tôi nghĩ đến nhận định của Gibbon về Thời đại của những Antonine<sup>[33]</sup>. *Một đám bồng bong những nhà phê bình, nhà biên soạn, nhà bình luận, làm tằm tối thêm bộ mặt học hành, và sự suy giảm thiên tài được tiếp nối bằng sự dễ dãi trong thị hiếu.*

Dermot tìm ra tôi; tin xấu luôn nhất định tìm ra ta. Để tôi lặp lại, tình cờ gặp Giáo hoàng Pius XIII còn không làm tôi ngạc nhiên bằng. Kỳ thực, Đức Toàn Bích còn có thể hòa nhập tốt hơn – tay tác giả khó tính của tôi mặc một bộ đồ vest màu vàng, bên trong mặc áo sơ mi màu sô cô la và thắt cà vạt Ribena. Tôi cũng chẳng cần nhắc độc giả tò mò rằng lúc bấy giờ cuốn *Đám Vũ Mồm* vẫn chưa làm mưa làm gió trên thị trường sách. Kỳ thực, nó vẫn chưa có mặt ở nhà sách nào, trừ hiệu sách John Sandoe ở Chelsea, và

những đại lý phát hành kém may mắn, một của dân Do Thái, sau đến của người Sikh, nay là người Eritrea, nằm ở xứ đạo khu Đông<sup>[34]</sup> của anh em nhà Hoggins. Kỳ thực, điều mà Dermot muốn bàn bạc ở khu vườn sân thượng ấy chính là chuyện quảng bá và phân phối sách. Tôi giải thích với hắn lần thứ một trăm rằng cơ chế đối tác - tác giả ở nhà xuất bản Cavendish không thể nào cho phép rải tiền in các catalogue giới thiệu sách xa hoa và tổ chức những chuyến dã ngoại tập thể cuối tuần tặng tình đoàn kết cho nhân viên chào hàng sách.

Tôi giải thích, một lần nữa, rằng các tác giả của tôi tìm thấy cảm giác mãn nguyện từ việc khoe những quyển sách đóng bìa đẹp đẽ của mình với bạn bè, gia đình, con cháu. Tôi giải thích, một lần nữa, rằng thị trường sách viết về xã hội đen đã bão hòa rồi; và rằng ngay cả *Moby Dick* cũng xịt ngóm vào thời đại của Melville<sup>[35]</sup>, dù tôi không giải thích động từ đó nghĩa là gì. “Đó thực sự là một quyển hồi ký tuyệt hảo,” tôi trấn an hắn. “Hãy cho nó thời gian.”

Dermot, say khướt, lè nhè và điếc đặc, nhìn qua thanh chắn ban công. “Toàn là ống khói. Ở tí dưới đấy.”

Tôi tin rằng mối đe dọa chỉ là tưởng tượng. “Ừ.”

“Mẹ tôi từng đưa tôi đi xem *Mary Poppins* lúc tôi còn bé. Những người quét ống khói nhảy nhót trên mái nhà. Bà cũng xem lại băng ghi hình phim ấy nữa. Hết lần này đến lần khác. Trong trại dưỡng lão.”

“Tôi còn nhớ lúc phim mới phát hành. Nó in đậm trong tâm trí tôi.”

“Này.” Dermot nhíu mày rồi chỉ vào quầy bar nằm ở bên kia khung cửa sổ kiểu Pháp. “Ai kia?”

“Ai cơ?”

“Người đeo nơ đang nói chuyện với cô nàng mặc túi rác đấy.”

“Là người công bố giải thưởng, Felix... ồ, Felix gì ấy nhỉ?”

“Felix Finch chó chết! Thằng chó ỉa lên sách của tôi trên tờ tạp chí đất như c\*\* ấy hả?”

“Đó quả không phải là bài điểm sách tốt nhất dành cho anh, nhưng...”

“Đ.m., đó là bài điểm sách duy nhất về sách của tôi!”

“Bài đó đọc cũng không đến nỗi nào...”

“Thế hả? ‘*Những nhân tố mới không có nổi một tác phẩm hiện tượng nào như ông Hoggins chính là những cái chết do tai nạn giao thông của văn học hiện đại.*’ Có để ý thấy người ta hay gọi kèm danh xưng ‘ông’ trước khi cắm mũi dao vào không? ‘*Ông Hoggins nên xin lỗi những cây xanh đã bị chặt để in quyển ‘tiểu thuyết tự truyện’ tào lao của ông ta. Bốn trăm trang ba hoa vô nghĩa kết thúc bằng một cái kết dễ dãi và ngớ ngẩn đến mức không thể tin nổi.*’

“Bình tĩnh đi, Dermot, thực tình chẳng có ai đọc tờ *Trafalgar* đâu.”

“Xin lỗi!” Tác giả của tôi túm cổ áo một người phục vụ. “Có nghe nói đến mục *Điểm sách Trafalgar* bao giờ chưa?”

“Vâng, dĩ nhiên rồi ạ,” anh chàng phục vụ người Đông Âu đáp.

“Toàn bộ khoa của tôi đều dẫn nguồn từ *đấy*, nơi quy tụ những cây bút điểm sách thông minh nhất hiện nay.” Dermot ném ly rượu của hắn qua thanh chắn.

“Thôi mà, thế nào là một người điểm sách?” tôi lý luận. “Một kẻ đọc rất nhanh, rất qua loa, nhưng chẳng hề chiêm nghiệm...”

Ban nhạc jazz đã biểu diễn xong tiết mục của họ và Dermot bỏ dở câu nói của tôi. Tôi đã say đến nỗi nghĩ đến chuyện về nhà bằng taxi, và đang chuẩn bị về thật thì một tiếng gào toáng lên như người loan tin ở Cockney khiến toàn thể quan khách nín bật: “Thưa quý ông và quý bà giám khảo! Xin mọi người chú ý!”

Xin thánh thần hộ mạng, Dermot đang đập hai cái khay vào nhau loảng xoảng. “Tối nay chúng ta có thêm một giải thưởng nữa, thưa các ông tiên bà tiên sách!” hắn gào lên. Mặc kệ những tiếng cười khẩy và những tiếng “Oooooo!”, hắn lôi từ túi áo khoác ra một phong bì, xé ra rồi giả vờ đọc: “Giải thưởng dành cho Nhà phê bình văn học nổi bật nhất.” Khán giả nhìn theo, cười nhạo, phản đối, hoặc quay mặt đi chỗ khác vì ngượng. “Cạnh tranh rất khốc liệt, nhưng ban giám khảo đã nhất trí cao trong việc chọn Hoàng Đế của Vương triều Điểm sách Trafalgar, ông – xin thứ lỗi, *ngài* – Hiệp sĩ Felix Finch, lên đây nào, ông bạn!”

Đám đông reo hò. “Chúc mừng, Felix! Chúc mừng!” Finch đã không trở

thành nhà phê bình nếu không thích sự chú ý tự nhiên mà có. Khởi phải nói ông ta đã chuẩn bị sẵn trong đầu một bài báo cho chuyên mục trên tờ *Thời đại Chủ nhật* với tựa “Finch được yêu mến.” Về phần Dermot, hấn cười sái cả quai hàm và làm ra vẻ hết sức thành thật. “Giải thưởng của tôi có thể là gì nhỉ?” Finch cười điệu dàng, trong lúc tiếng vỗ tay tắt dần. “Một bản có chữ ký của quyển *Đám Vỡ Mồm* nguyên gốc chẳng? Chắc chẳng còn nhiều bản đâu nhỉ!” Bàn bè của Finch cười vang chế giễu, khoái chí trước viên *chính ủy* của họ. “Hay là tôi giành được một chuyến bay miễn phí đến một đất nước Nam Mỹ với những hiệp ước dẫn độ đầy kẽ hở?”

“Phải rồi, bạn hiền,” Dermot nháy mắt, “một chuyến bay miễn phí *chính xác* là giải thưởng mà mày nhận được.”

Tác giả của tôi túm lấy ve áo của Finch, ngửa ra phía sau, đập vào bụng Finch, rồi nhắc bổng nhân vật nổi tiếng có chiều cao thấp hơn số đông lên cao! Cao hơn cả những bồn hoa păng-xê dọc lan can.

Tiếng kêu thét của Finch – lần cuộc đời của ông ta – kết thúc trong đồng kim loại rúm rỏ, ở mặt đất cách đó mười hai tầng.

Ai đó làm đổ nước uống xuống thảm.

Dermot “Duster” Hoggins phủi ve áo, rướn người qua ban công, hét lên: “VẬY BÂY GIỜ AI MỚI LÀ KẸ KẾT THỨC BẰNG MỘT CÁI KẾT DỄ DẪI VÀ NGỠ NGẮN ĐẾN MỨC KHÔNG THỂ TIN NỔI NÀO?”

Đám đông nín lặng vì sững sốt tách ra khi kẻ giết người tiến đến bàn đặt thức ăn nhẹ. Một số nhân chứng sau đó thuật lại họ nhìn thấy một vòng hào quang tối sẫm. Hấn chọn một chiếc bánh quy Bỉ trên có miếng cá trống Biscay và rau mùi tây rưới dầu mè.

Đám đông nhận thức trở lại. Những tiếng nôn khan, lạy Chúa tôi và một cuộc giã đập tháo thân ở cầu thang. Con chấn động kinh hoàng nhất! Suy nghĩ của tôi? Nói thật ư? Kinh hoàng. Chắc chắn. Sốc? Còn phải hỏi. Không thể tin được? Dĩ nhiên. Sợ hãi? Không hẳn.

Tôi sẽ không phủ nhận rằng mình đã cảm thấy một niềm an ủi trong bước ngoặt bi kịch này. Phòng làm việc của tôi ở Haymarket đang chứa chín mươi lăm quyển *Đám Vỡ Mồm* bọc màng co chưa bán được của Dermot Hoggins, quyển hồi ký đình đám của kẻ sắp trở thành tên sát nhân

nổi tiếng nhất Anh quốc. Frank Sprat – giám đốc nhà in Sevenoaks, người mà tôi còn nợ rất nhiều tiền đến nỗi anh chàng tội nghiệp ấy đã bị đẩy vào cảnh khó xử - vẫn còn giữ bản kẽm và sẵn sàng in khi có thông báo.

Sách bìa cứng, thưa quý vị.

Mười bốn bảng chín mươi chín xu một quyển.

Ngọt tựa mật ong!

Là một biên tập viên từng trải, tôi không tán thành lối viết hồi tưởng quá khứ, gợi ý chuyện sắp xảy ra, và giảng bầy, chúng thuộc về thập niên 1980 với những Thạc sĩ Nghệ thuật trong chủ nghĩa Hậu hiện đại và Thuyết hỗn mang. Tuy nhiên, tôi không xin lỗi vì đã (lại) bắt đầu đoạn kể chuyện từ vai của tôi về sự kiện chấn động đó. Bạn thấy đấy, nó đặt nền tảng cho ý định tốt đẹp đầu tiên của tôi trên đường đến Hull, hay nói chính xác hơn là vùng nội địa của Hull, nơi mà nỗi thống khổ của tôi sẽ diễn ra như định mệnh đã an bài. Vận may của tôi đổi chiều đúng như tôi đã tiên đoán sau Cú ngã cuối cùng của Felix Finch. Trên đôi cánh của hoạt động tiếp thị miễn phí tuyệt vời, con gà tây *Đấm Vỡ Mồm* của tôi bay vút lên cao trên bảng xếp hạng sách bán chạy và đậu ở đó cho đến khi Dermot bị kết án mười lăm năm trong khám Wormwood Scrubs. Phiên tòa được đưa tin trong tất cả những bản tin *Thời sự chín giờ* ở khắp nơi trong thành phố. Sau khi ra người thiên cổ, Ngài Felix biến từ một kẻ khó chịu hợm hĩnh, với bàn tay Stalin siết chặt tiền của Hội Mỹ thuật thành chuyên gia mỹ thuật được yêu mến nhất nước Anh từ sau người được yêu mến gần nhất trước đó, ôi chao!

Trên bậc tam cấp tại tòa Old Bailey, bà vợ góa của Finch nói với báo chí rằng mười lăm năm là bản án “nhẹ đến mức kinh tởm”, và ngay ngày hôm sau một chiến dịch ‘Duster Hoggins, Chết mục ở địa ngục đi!’ được phát động. Gia đình của Dermot công kích trên các show đối thoại, quan điểm xúc phạm của Finch bị lôi ra mổ xẻ, BBC2 thực hiện một phim tài liệu đặc biệt trong đó cô nàng đồng tính phỏng vấn tôi đã cắt xén hoàn toàn lời nhận xét tế nhị của tôi ra khỏi ngữ cảnh. Ai quan tâm cơ chứ? Nồi tiền sôi đang cạn dần – không, nó đã cạn nước và khiến toàn bộ căn bếp đáng nguyên rửa bốc cháy theo. Nhà xuất bản Cavendish – nghĩa là bà Latham

và tôi – không biết thời vận gì rơi trúng. Chúng tôi phải nhận thêm hai cô cháu gái của bà ta (tất nhiên là làm việc bán thời gian mà thôi, tôi không để cho Bảo hiểm quốc gia sờ gáy đâu). Những quyển *Đám Võ Mồm* bọc màng co đầu tiên đã bốc hơi trong vòng ba mươi sáu giờ, và Frank Spratt phải in tái bản gần như mỗi tháng. Bốn thập niên làm trong ngành xuất bản, chưa bao giờ có điều gì đẩy chúng tôi đến thành công được như thế. Chi phí vận hành toàn được bù đắp bằng đóng góp của tác giả - chứ không phải từ tiền bán sách bèo bọt! Nghe có vẻ thật vô đạo đức. Vậy mà bây giờ tôi đang có trong tay quyển sách bán chạy có tỉ lệ mười- năm-có-một trong đời. Mọi người hỏi tôi, “Tim, làm thế nào ông đạt được sự thành công chóng mặt đó?”

*Đám Võ Mồm* thực sự là một hồi ký hư cấu đầy giông bão được viết khá hay. Đám điều hâu văn hóa thảo luận về bối cảnh chính trị - xã hội của nó trước tiên trên những show buổi tối, sau đó trong chương trình tivi buổi sáng. Bọn tôi phát xít mua sách vì nó viết mạnh tay về bạo lực. Các bà nội trợ Worcestershire mua vì thấy đọc cũng hay phết. Đám đồng tính mua vì ưu ái tác giả cùng hội cùng thuyền. Nó nhảy lên con số chín mươi nghìn, đúng, *chín mươi nghìn* bản trong bốn tháng, và đúng, toàn là bản bìa cứng đấy. Trong lúc tôi viết những dòng này, bộ phim chuyển thể từ sách hẳn đang được sản xuất rồi. Ở buổi chia sẻ cảm tưởng tại Hội chợ sách Frankfurt, tôi được tán tụng bởi những người mà trước đó còn không thèm dừng lại để phỉu tôi khỏi mũi giày. Cái nhãn mác ghê tởm “Nhà xuất bản hư danh” trở thành “Nhà tài chính sáng tạo”. Bản quyền dịch thuật rơi ào ào như những lãnh thổ chiếm được trong vòng cuối trò chơi *Risk*<sup>[36]</sup>. Các nhà xuất bản Mỹ, ơn Chúa lòng lành, họ *yêu thích* cái tiếng tăm Quý-tộc-Anh-bị-trùng-phạt-bởi-đứa-con-xứ-sở-bị-áp-bức, và một cuộc đấu giá xuyên đại dương đã đẩy số tiền tác quyền trả trước lên con số cao chóng mặt. Tôi, vâng, chính tôi, sở hữu độc quyền con ngỗng bĩnh phân bạch kim bị tiêu chảy nặng này! Tiền đổ vào tài khoản ngân hàng vốn rỗng hun hút của tôi như nước Biển Bắc qua kênh đào Hà Lan. “Chuyên gia tư vấn ngân hàng” riêng của tôi, một tay áp phe tên là Elliot McCluskie, gửi cho tôi một tấm thiệp Giáng sinh là hình chụp hậu duệ Midwich Cuckoo của hắn. Những động vật linh trưởng ở cửa Câu lạc bộ Groucho đón tôi với lời chào

“Chúc buổi tối tốt lành, thưa ông Cavendish,” thay vì nói “Này, ông phải được một thành viên bảo lãnh mới được!” Khi tôi tuyên bố sắp phát hành sách bìa mềm, các trang điểm sách của những báo ra ngày Chủ nhật đăng bài mô tả Nhà xuất bản Cavendish như một tay chơi có số má giữa đám người khổng lồ già yếu hom hem. Thậm chí tôi còn được lên *Thời báo Tài chính* nữa.

Thế có lạ gì chẳng khi bà Latham và tôi bận bịu – chỉ một chút thôi – trên mặt trận sổ sách kế toán?

Sự thành công đầu độc tay chơi mới nổi chỉ trong nháy mắt. Tôi in hẳn danh thiếp: Cavendish-Redux<sup>[37]</sup>, Nhà xuất bản Tiểu thuyết Tiên phong. E hèm, tôi nghĩ, tại sao *không* bán nhiều ấn phẩm thay vì chỉ một ấn phẩm? Tại sao *không* trở thành một nhà xuất bản nghiêm túc như thế giới đã tung hô? Than ôi! Những tấm danh thiếp bé nhỏ xinh xắn ấy chính là lá cờ đỏ vẫy trước mũi con bò tót mang tên Định mệnh. Ngay khi tin đồn lan xa rằng Tim Cavendish đang rùng rình, thì bọn chủ nợ hồ báo cáo chồn đã dồn dập tấn công văn phòng của tôi. Như thường lệ, tôi để việc tính toán tài tình về chuyện trả gì cho ai và khi nào cho bà Latham vô giá của tôi. Cứ thế, tôi hoàn toàn không phòng bị gì về mặt tinh thần *lẫn* tài chính khi những người khách nửa đêm viếng thăm, gần một năm sau Đêm Felix Finch. Tôi thú nhận rằng kể từ ngày Bà X bỏ tôi (kẻ cấm sừng tôi là một nha sĩ, tôi sẽ tiết lộ sự thật cho dù nó đau đớn ra sao) Tình trạng Vô chủ đã thống trị tư dinh Putney của tôi (ôi, thôi được rồi, tên khốn ấy là người Đức), vì vậy bồn cầu bằng sứ từ lâu đã là ghế ngồi làm việc *thực sự* của tôi. Một chai Cognac tử tế đặt dưới tấm che giấy cuộn, tôi để cửa mở để nghe được radio trong nhà bếp.

Vào đêm ấy, tôi gác quyển sách đọc trong nhà vệ sinh sang một bên, *Sự suy tàn và diệt vong của đế chế La Mã*, để xử lý chồng bản thảo (những quả cà chua xanh chưa ăn được) gửi đến Cavendish-Redux, niềm tự hào mới của tôi. Ước chừng lúc ấy tầm mười một giờ, tôi nghe có tiếng can thiệp vào cửa trước. Đám quái lùn nào gõ cửa chơi trò “cho kẹo hay bị ghẹo” ư?

Hay bọn phá đám? Tiếng gió?

Tôi chưa kịp định thần thì cánh cửa đã văng ra khỏi cái bản lề khốn

khổ! Tôi tưởng là Al-Qaeda, tôi tưởng là sét hòn dội xuống, nhưng không. Từ hành lang râm rập tiến vào là một toán người trông như cả một đội bóng bầu dục, dù thực ra chúng chỉ có ba tên. (Quý vị thấy đấy, tôi toàn bị những bộ ba tấn công.) “Timothy,” gã có đầu giống đầu thú gắn trên miệng máng xối đồng dục gọi, “Cavendish, tôi nói đúng chứ. Quả tang lúc ngồi bô nhé.”

“Giờ làm việc của tôi là mười một giờ đến hai giờ, thưa các quý ông,” Bogart hẳn sẽ nói như thế, “với khoảng giải lao ba giờ để ăn trưa. Làm ơn đi cho.” Còn tôi thì chỉ biết lúng búng, “Ồ! Cửa của tôi! Cái cửa khốn khổ khốn nạn của tôi!”

Tên du đảng thứ hai chằm một điều thuốc. “Bọn này đã đến thăm Dermot hôm nay. Lão ấy hơi cáu rồi đấy. Thử hỏi ai mà không cáu?”

Những mảnh ghép dần khớp lại. Tôi thì vỡ thành trăm mảnh. “Anh em của Dermot!” (Tôi đã đọc về tất cả bọn chúng trong sách của Dermot. Eddie, Mozza, Jarvis.)

Tàn thuốc nóng khiến đùi tôi bỏng ran, và tôi không còn nhớ khuôn mặt nào nói cái gì nữa. Giống như bức tranh bộ ba của Francis Bacon biến thành người thật. “*Đấm Vỡ Mồm* bán tốt đấy chứ, nhìn tình hình thì biết.”

“Sách vẫn chất chồng trong các hiệu sách ở sân bay.”

“Ông ít ra cũng phải *nghi* là bọn này sẽ đến chứ.”

“Người nhảy béc làm ăn như ông cơ mà.”

Người Ireland ở London luôn khiến tôi bấn loạn vào những thời điểm trọng đại nhất. “Các anh, các anh. Dermot đã ký hợp đồng chuyển nhượng tác quyền. Nghe này, nghe này, đó là chuẩn mực trong ngành, tôi có một bản trong cặp đây này...” Quả thực tôi có giữ tài liệu đó trong tay. “Điều mười tám, về tác quyền... có nghĩa là *Đấm Vỡ Mồm*, về mặt pháp lý, đã... à ừ...” Thật chẳng dễ để nói với bọn chúng chuyện này khi mà quần đùi tôi đang nằm trên mắt cá chân. “À ừ, về mặt pháp lý là tài sản của Nhà xuất bản Cavendish.”

Jarvis Hoggins đọc lướt qua bản hợp đồng một lúc nhưng rồi xé toạc khi nhận ra nó dài hơn khả năng tập trung của hắn. “Dermot ký cái quần què này khi sách của lão chỉ để đọc cho vui thôi.”

“Một món quà tặng bà mẹ già đang lâm bệnh của bọn tao, Chúa phù hộ linh hồn bà.”

“Một kỉ niệm về thời vàng son của Bố.”

“Dermot chẳng ký hợp đồng chó chết nào cho sự kiện đặc biệt chó chết nào cả.”

“Bọn tao đã ghé thăm người in sách của ông, Sprat đấy. Hắn đã giải thích chuyện tiền nong cho bọn tao rồi.”

Bông giấy hợp đồng bay lả tả. Mozza đứng gần đến nỗi tôi có thể ngửi thấy mùi bữa ăn tối của hắn. “Xem ra ông đang bỏ túi cả một gia tài chứ chẳng chơi.”

“Tôi tin chắc rằng chúng ta có thể nhất trí về một, ờ, ừm, ừm, biểu đồ ngân sách, từ đó sẽ...”

Eddie ngắt lời: “Thỏa thuận là ba nhé.”

Tôi giả vờ nheo mắt. “Ba nghìn bảng ư? Các anh à, tôi không nghĩ là...”

“Đừng vờ vịt nữa.” Mozza véo má tôi. “Ba giờ. Chiều mai. Ở văn phòng của ông.”

Tôi không còn lựa chọn nào khác. “Hay là chúng ta có thể... ờ... bàn bạc một số tiền để kết thúc cuộc gặp này, làm cơ sở cho... những thỏa thuận tiếp theo.”

“Được thôi. Mình *bàn bạc* con số bao nhiêu nhỉ, Mozza?”

“Năm mươi nghìn nghe cũng hợp lý đấy.”

Tiếng rên đau đớn của tôi không phải là vờ vịt. “Năm mươi nghìn *bảng* ư?”

“Là khởi điểm.”

Ruột tôi sôi ùng ục, lặc lè và khó chịu. “Các anh thật sự nghĩ rằng tôi cất chỗ tiền lớn thế trong mấy hộp đựng giày quanh nhà?” Tôi lên giọng cứng cỏi cho giống Dirty Harry<sup>[38]</sup> nhưng lại nghe giống như Baggins Nói Đốt<sup>[39]</sup> hơn.

“Tôi hi vọng ông cất tiền ở đâu đó, ông ngoại à.”

“Tiền mặt.”

“Không lộn xộn. Không séc siếc gì hết.”

“Không hứa hẹn. Không trì hoãn.”

“Tiền theo cách cổ điển đó giờ. Trong hộp đựng giày cũng được.”

“Thưa các anh, tôi rất sẵn lòng trả số tiền mà các anh cân nhắc thương lượng, nhưng mà luật...”

Jarvis huýt sáo qua kẽ răng. “Luật có giúp một lão già như ông đứng dậy khi có nhiều vết nứt trên cột sống không hở Timothy?”

Eddie: “Những người ở tuổi ông không đứng dậy đâu. Họ ngum luôn.”

Tôi cố hết sức bình sinh để nín lại, nhưng cơn co thắt đã không còn chịu sự kiểm soát của tôi nữa và một loạt súng đại bác bắn ra. Sự cười nhạo hay lịch sự tôi còn có thể chịu đựng nổi, nhưng sự thương hại từ những kẻ tra tấn tôi cho thấy tôi đã bị đánh bại hoàn toàn. Dây xả nước được giật.

“Ba giờ.” Cavendish-Redux tiêu tùng. Đám du đãng bỏ đi, bước lên cánh cửa sòng soài của tôi. Eddie quay lại để nói lời cuối. “Dermot có viết một đoạn khá hay trong sách. Về những kẻ quyt nợ đấy.”

Tôi đề nghị đọc giả tò mò hãy đọc trang 244 của quyển *Đám Võ Mồm*, hiện có bán tại quây sách ở khu vực của quý vị. Không nên đọc lúc ăn no.

Bên ngoài văn phòng Haymarket của tôi, những chiếc taxi đang nối đuôi nhau lao đi. Bên trong phòng riêng của tôi, đôi hoa tai Nefertiti của bà Latham (một món quà do tôi tặng để đánh dấu mười năm bà ấy làm việc ở Nhà xuất bản Cavendish, tôi tìm thấy chúng trong sọt hàng giảm giá ở một Cửa hàng quà lưu niệm trong Bảo tàng Anh quốc) kêu leng keng khi bà lắc đầu, không, không, không. “Và tôi nói cho ông biết này, ông Cavendish, tôi không thể tìm được cho ông năm mươi nghìn bảng trước ba giờ chiều nay. Tôi không thể tìm cho ông ngay cả năm nghìn bảng. Từng đồng kiếm được từ *Đám Võ Mồm* đã bị hút sạch bởi những khoản nợ dài hạn rồi.”

“Không có ai nợ tiền chúng ta hết à?”

“Tôi luôn nhấn mạnh với ông về chuyện hóa đơn chúng từ mà, có đúng không nào, ông Cavendish?”

Tuyệt vọng khiến tôi xuống nước. “Bây giờ là thời đại của tín dụng linh

hoạt mà!”

“Bây giờ là thời đại của *hạn mức* tín dụng, ông Cavendish à.”

Tôi lui về phòng làm việc, rót một ly whisky rồi nuốt trôi những viên thuốc trợ tim, sau đó lần theo chuyến hải hành cuối cùng của Thuyền trưởng Cook trên quả địa cầu cổ lỗ. Bà Latham đem thư từ vào rồi lẳng lặng đi ra. Hóa đơn, thư rác, giả nhân giả nghĩa từ những quý từ thiện và một gói đề “Kính gửi Biên tập viên nhìn xa trông rộng của Đám Võ Mồm chứa một bản thảo nhan đề *Những chu kỳ bán rã* – thật là một tựa đề nhằm nhí cho tiểu thuyết – và phụ đề *Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey*. Từ nhằm đến nhằm. Nữ tác giả của nó, một người có cái tên rất mơ hồ Hilary V. Hush, mở đầu thư ngỏ như sau: “Năm lên chín tuổi, tôi được mẹ đưa đến Lourdes để cầu nguyện cho tôi đừng đái dầm nữa. Hãy tưởng tượng xem tôi đã ngạc nhiên thế nào khi hiện ra trong giấc mơ của tôi tối hôm đó không phải là Thánh Bernadette mà là Alain-Fournier.”

Tâm thần nặng rồi. Tôi ném lá thư vào khay “Việc khẩn” rồi mở chiếc máy tính bộ nhớ mới toanh đầy ắp gigabyte lên để chơi trò Gỡ mìn. Sau khi bị nổ tung hai lần, tôi gọi điện đến Sotheby’s để đăng ký đấu giá chiếc bản viết chính hiệu của Charles Dicken với mức khởi điểm sáu mươi nghìn. Một thẩm định viên rất lịch sự tên là Kirpal Singh ái ngại cho hay chiếc bản của tiểu thuyết gia này đã được bảo tàng Nhà Dicken kiểm kê rồi, và hi vọng tôi đã không bị lừa một vố quá đau. Phải thú nhận, tôi dựng chuyện cũng chẳng có đầu đuôi thuyết phục cho lắm. Kể đến tôi gọi Elliot McCluskie rồi hỏi thăm những đứa con hay ho của ông ta. “Khỏe, cảm ơn ông.” Ông ta hỏi thăm việc làm ăn hay ho của tôi. Tôi hỏi vay tám mươi nghìn bảng. Ông ta đáp bằng cụm từ đầy nghĩ ngợi “Phải rồi...” Tôi hạ mức trần xuống sáu mươi. Elliot nhắc lại đợt vay nợ trước của tôi vẫn còn hạn mười hai tháng nữa mới được xem xét khả năng điều chỉnh quy mô. Ôi, sao mà tôi nhớ cái thời người ta cười như con linh cẩu, bảo ta đi chết đi rồi cúp máy. Tôi lần theo hành trình của Magellan trên quả địa cầu và thêm một thế kỷ nơi mà một sự khởi đầu mới chẳng xa hơn chuyến tàu kế tiếp rời Deptford. Lòng tự trọng của tôi đã nát nhàu, tôi gọi cho Bà X. Bà đang ngâm mình tắm sáng. Tôi giải thích tình hình nghiêm trọng của mình. Bà ta cười như một con linh cẩu, bảo tôi đi chết đi rồi cúp máy. Tôi xoay quả

địa cầu. Tôi xoay quả địa cầu.

Bà Latham nhìn tôi dò xét như con diều hâu quan sát con thỏ khi tôi bước ra. “Không, không vay tiền xã hội đen, ông Cavendish ạ. Thật chẳng đáng làm thế chút nào.”

“Đừng sợ, bà Latham, tôi chỉ định đi thăm người duy nhất trên thế gian này tin tưởng ở tôi, bất kể thịnh suy.” Trong thang máy tôi nhắc hình ảnh phản chiếu của mình, “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, trước khi xòe tay nắm lấy cán ô.

“Ôi, thật là oan gia trái chủ, không phải chú mày chứ. Nghe đây, làm ơn biến giùm đi và để bọn ta yên.” Anh trai tôi trừng mắt nhìn từ phía bên kia hồ bơi trong lúc tôi bước vào sân. Denholme không bao giờ bơi trong chiếc hồ này, theo như tôi biết, nhưng anh ấy làm đủ mọi việc tẩy rửa xả nước hàng tuần, ngay cả khi mưa gió. Anh ấy dùng cái vợt to gắn vào cây sào để vớt lá khô. “Tôi sẽ không cho chú mượn một xu teng nào cho đến khi chú trả lại số tiền lần trước. Tại sao tôi cứ phải bố thí cho chú hoài vậy? Thôi, khỏi trả lời.” Denholme nhặt nắm lá ươn sũng trong cái vợt. “Làm ơn quay lại xe taxi rồi biến đi cho. Tôi sẽ chỉ lịch sự yêu cầu chú một lần duy nhất thôi.”

“Georgette khỏe không?” Tôi phúi mấy con rệp ra khỏi những cánh hoa hồng run rẩy trong vườn.

“Georgette đang phát điên, chắc chắn và từ từ, những lúc không cần tiền chả bao giờ thấy chú tỏ ra ân cần quan tâm gì cả.”

Tôi nhìn một con sâu trở về cát bụi và ước chi mình là nó. “Denny này, em đang gặp chút rắc rối với hạng người không đàng hoàng cho lắm. Nếu không có sáu mươi nghìn bảng trong tay thì em sẽ bị đánh như tử.”

“Bảo bọn chúng quay phim cho tôi xem với nhé.”

“Em không đùa đâu, Denholme à.”

“Tôi cũng thế! Vậy ra chú không chịu nổi khi bị lừa à. Cảm giác thế nào? Tại sao chuyện này lại là vấn đề của tôi?”

“Chúng ta là anh em mà! Anh không có lương tâm hay sao?”

“Tôi đã ngồi trong ban quản trị của một ngân hàng thương mại ba mươi

năm rồi.”

Một cây tiêu huyền bị mé nhánh thả rơi những chiếc lá đỏ một thời xanh tươi như những con người tuyệt vọng thả rơi những quyết định một thời không nao núng. “Giúp em đi mà, Denny, làm ơn đi. Ba mươi nghìn cũng được.”

Tôi đã đi quá giới hạn. “Đi chết đi cho rồi, Tim, ngân hàng của tôi *sụp đổ* rồi! Tôi khô kiệt bởi những kẻ hút máu ở Lloyds rồi! Những ngày tôi búng ngón tay là có tiền đã qua rồi, qua thật rồi! Nhà cửa bị đem thế chấp, hai lần rồi đấy! Tôi tổn thất nặng nề, còn mất mát của chú chỉ như ruồi muỗi mà thôi. Dù sao chú còn có quyển sách chết toi gì đấy bay lượn khắp các nhà sách trên thế giới cơ mà!”

Nét mặt tôi nói lên điều mà không từ nào diễn tả được.

“Ôi Chúa ơi, đồ ngốc. Hạn thanh toán là khi nào?”

Tôi nhìn đồng hồ. “Ba giờ chiều này.”

“Quên đi.” Denholme thả vọt xuống hồ. “Đệ đơn phá sản đi. Reynard sẽ lo giấy tờ cho chú, anh ta làm ăn được lắm. Vụ này khó nhằn lắm, tôi biết, nhưng dù sao nó cũng sẽ giúp đẩy lùi các chủ nợ. Luật quy định rõ...”

“Luật ư? Kinh nghiệm duy nhất mà các chủ nợ *của em* có về luật là ngồi xổm trên một cái lon khi phòng giam quá tải.”

“Vậy thì bỏ trốn đi.”

“Bọn này rành rẽ địa bàn lắm.”

“Cũng không quá khỏi vành đai đường cao tốc M25 đâu, tôi dám cá đấy. Đến ở nhà bạn của chú đi.”

Bạn ư? Tôi gạch bỏ những cái tên mà tôi mắc nợ, những người đã lìa trần, những người biến mất không tăm tích, và tôi chỉ còn lại có...

Denholme đưa ra đề nghị cuối cùng. “Tôi không thể cho chú mượn tiền. Tôi chẳng còn đồng nào cả. Nhưng có một nơi rất tiện nghi còn nợ tôi và chú có thể đến đó để tạm lánh.”

\* \* \*

Đền của Vua Chuột. Thuyền của Chúa bồ hóng. Cơ thất của Hades. Vâng, ga King's Cross nơi mà, theo *Đám Vỡ Mồm*, một lần “thối kèn” có giá chỉ năm bảng – trong ba buồng xa nhất ở mé trái dãy nhà vệ sinh nam ở tầng dưới, suốt hai mươi tư giờ. Tôi gọi điện cho bà Latham để giải thích rằng tôi sẽ đi họp ở Prague trong ba tuần với Vaclav Havel, một lời nói dối mà hậu quả sau này bám chặt lấy tôi như bệnh mụn rộp. Bà Latham chúc tôi *thượng lộ bình an*. Bà có thể giải quyết đám Hoggins. Bà Latham có thể xử lý mười Đại dịch Ai Cập. Tôi không xứng đáng thuê bà, tôi biết điều đó. Tôi thường tự hỏi tại sao bà ấy ở lại với Nhà xuất bản Cavendish. Không phải vì khoản tiền tôi trả cho bà.

Tôi dò dẫm xác định những loại vé trên máy bán vé: Vé ngày khứ hồi với thẻ đi tàu giờ thấp điểm, Vé ngày một chiều giá rẻ không gồm thẻ đi tàu giờ cao điểm, và cứ thế cứ thế, nhưng mà trời ôi, tôi cần mua loại nào mới được chứ? Một ngón tay đáng sợ gõ lên vai khiến tôi nhảy dựng lên cả nửa mét – hóa ra đó là một bà cụ nhỏ nhắn cho tôi lời khuyên mua Khứ hồi thì rẻ hơn Một chiều. Tôi tưởng bà ta bị tâm thần nhưng chẳng qua tôi có tật giật mình thôi. Tôi nhét tờ tiền vào khe, mặt có hình của nữ hoàng ngửa lên, rồi úp xuống, rồi đổi đầu, nhưng lần nào cái máy cũng phun tờ tiền ra.

Thế là tôi đành đứng xếp hàng để mua vé ở quầy. Ba mươi một người đứng trước tôi, vâng, tôi đếm từng người một. Những người bán vé thoát ẩn thoát hiện trong quầy của họ. Một đoạn quảng cáo lặp đi lặp lại trên màn hình kêu gào tôi đầu tư vào một chiếc thang nâng. Cuối cùng, *cuối cùng*, đã đến lượt tôi: “Xin chào, tôi cần một vé đi Hull.”

Người phụ nữ bán vé nghịch chiếc nhãn dân tộc to tổ bố trên tay. “Chùng nào đi?”

“Càng sớm càng tốt.”

“Có nghĩa là ‘hôm nay’ phải không?”

“‘Hôm nay’ thường có nghĩa là ‘càng sớm càng tốt’, vâng.”

“Tôi không bán vé ngày hôm nay. Vé đấy có bán ở mấy quầy đằng kia. Quầy này chỉ bán vé mua trước thôi.”

“Nhưng bảng hiệu chớp đèn đỏ chỉ tôi đến quầy của cô mà.”

“Không thể nào. Bây giờ xin ông đi giùm cho. Ông đang làm người ta xếp hàng đấy.”

“Không, bằng hiệu đó *quả thật* bảo tôi đến quầy này! Tôi đã xếp hàng hai mươi phút rồi!”

Lần đầu tiên kể từ đầu đến giờ, mẹ ta tỏ vẻ quan tâm. “Ông muốn tôi thay đổi quy định vì quyền lợi của ông à?”

Cơn giận tóe lửa trong Timothy Cavendish như những chiếc nĩa trong lò vi ba. “Tôi muốn cô tiến hóa trí khôn xử lý vấn đề và bán cho tôi một vé đến Hull!”

“Tôi không chấp nhận bị nói bằng giọng điệu như thế.”

“Tôi là khách hàng cơ mà! Tôi mới không chấp nhận bị nói bằng giọng điệu như thế! Tìm người quản lý chết tiệt của cô lại đây!”

“Tôi là quản lý của tôi.” Gầm gừ lời nguyên rủa trong một sử thi Iceland, tôi bám trụ vị trí đứng đầu hàng của mình.

“Trời ơi là trời!” một gã ăn mặc như dân chơi nhạc punk-rock có gắn khuyên trên hộp sọ hét lên. “Người ta đang xếp hàng một chết mẹ đây này!”

Không bao giờ xin lỗi, Lloyd-George<sup>[40]</sup> đã khuyên như vậy. Nói lại lần nữa, chỉ lần này thôi, cộc lốc hơn. “Tôi biết là xếp hàng ‘một chết mẹ’! Tôi đã xếp hàng trong đó một lần và tôi sẽ *không* xếp lại lần nữa chỉ vì bà Nina Simone<sup>[41]</sup> ở kia không chịu bán cho tôi cái vé chết toi đó!”

Một gã người tuyết da màu mặc đồng phục trờ tới. “Wassa bowver?”<sup>[42]</sup>

“Lão già này tưởng chiếc túi hậu môn của lão cho lão có cái quyền nhảy lên đầu hàng,” gã đầu trọc nói, “và phát ngôn phân biệt chủng tộc về người phụ nữ gốc Phi-Caribê ở quầy bán vé phía trước.” Tôi không thể tin nổi mình đang nghe thấy điều này.

“Nghe này, ông bạn,” gã người tuyết nói với tôi bằng một sự nhã nhặn dành riêng cho người khuyết tật hoặc cao tuổi, “ở đất nước này chúng ta xếp hàng để đảm bảo công bằng, được chưa, và nếu ông không thích thế thì ông nên quay lại nơi mà ông đã đến đây, hiểu chú?”

“Trông tôi *giống* dân Ai Cập trời đánh lăm à? Phải không? Tôi *biết* là có hàng! Vì sao? Vì tôi đã xếp trong hàng đó rồi, cho nên...”

“Quý ông này nói ông không xếp hàng.”

“Hắn à? Hắn có còn là ‘quý ông’ khi hắn vẽ chữ Án xin tị nạn lên căn hộ nhà ở xã hội của anh không?”

Tròng mắt hắn giãn to, thực sự là rất to. “Cảnh sát giao thông có thể tống cổ ông ra khỏi ga, hoặc là ông có thể đứng vào hàng này như thành viên của một xã hội văn minh. Với tôi thì thế nào cũng được cả. Cắt ngang hàng thì *không* được với tôi.”

“Nhưng nếu tôi lại xếp hàng từ đầu thì tôi sẽ lỡ chuyến mất!”

“Nan giải,” hắn phát biểu, “hết thuốc chữa!”

Tôi cầu cứu những người đứng phía sau cái gã trông giống hệt như Sid Rotten đó. Có thể họ đã thấy tôi xếp hàng, có thể không, nhưng không ai nhìn vào mắt tôi. Nước Anh đã suy tàn, ôi, tàn rồi, tàn thật rồi.

Hơn một giờ sau, London lao về phía nam, đem theo Lời nguyên của Anh em nhà Hoggins. Những hành khách, những linh hồn đáng thương tham gia trò chơi xổ số với tử thần hai lần mỗi ngày trên hệ thống đường sắt già yếu hom hem của Anh, chen chúc trên chuyến tàu bản thủ. Máy bay lượn vòng vòng trên sân bay Heathrow, dày đặc như bầy ruồi nhặng trên một vũng ao tù nước đọng mùa hè. Quá nhiều vấn đề trong thành phố chết tiệt này. Dẫu vậy. Tôi cảm thấy niềm hồ hởi của một hành trình mới bắt đầu, và tôi trút bỏ sự cảnh giác. Một quyển sách tôi từng xuất bản, *Những chuyện kể có thật của một quan tòa ở vùng Bắc địa*, nói rằng nạn nhân của cá mập trải qua ảo giác trôi vào làn nước xanh bất tận của Thái Bình Dương, mọi nguy hiểm tan biến, ngay khoảnh khắc họ bị nghiền nát trong hàm răng lởn nhổn ấy. Tôi, Timothy Cavendish, chính là người đi bơi đó, chứng kiến London lùi dần, đúng, là mi, thành phố xảo trá, như một người dẫn chương trình đội tóc giả trong trò chơi hỏi đố trên truyền hình, mi và những khu nhà tồi tàn của người Somalia; những chiếc cầu cạn của Kingdom Brunel<sup>[43]</sup>; những khu thương mại của người lao động bình dân; tầng tầng lớp lớp những viên gạch phủ bồ hóng và những khúc xương dính đầy bùn đất của pháp sư Dee<sup>[44]</sup>, bác sĩ Crippen<sup>[45]</sup> v.v; những tòa nhà văn phòng lấp kính nóng nực nơi những đóa hoa tuổi trẻ khô héo thành những cây xương rồng già cỗi như người anh trai bủn xỉn của tôi.

Essex ngẩng mái đầu xấu xí lên. Khi tôi còn là một cậu bé được học bổng ở trường trung học gần nhà, con trai một người lao động ở tòa thị chính đang trên đường nỗ lực khẳng định vị trí, thì hạt này còn đồng nghĩa với tự do, thành đạt và Cambridge. Giờ thì nhìn nó mà xem. Những trung tâm thương mại và chung cư nối đuôi nhau xâm lấn đất đai tổ tiên chúng tôi. Một cơn gió Biển Bắc đóp những đám mây xếp diềm, ngậm chặt giữa hai hàm răng rồi bỏ chạy ra Midlands. Đồng quê cuối cùng cũng hiện ra. Mẹ tôi có một người họ hàng ngoài này, gia đình ấy có một căn nhà rất to, tôi nghĩ họ đã dọn đến Winnipeg để có cuộc sống tốt hơn. Ở đó! Ở đó, trong bóng râm của gian nhà kho tự dựng lên đó, trước đây từng có một hàng cây óc chó, nơi tôi và Pip Oakes – đứa bạn thân thời thơ ấu đã ra đi ở tuổi mười ba dưới bánh xe tải chở dầu – đã sơn vecni một chiếc xuồng vào mùa hè nọ rồi chèo nó dọc bãi Say. Những con cá gai trong lọ thủy tinh. Đấy, ở ngay đấy, sau góc quanh đấy, chúng tôi đã nhóm một đống lửa rồi nướng đậu và khoai tây bọc giấy bạc! Quay về đi, ôi, quay về đi! Tôi chỉ có thể nhìn thoáng qua thế này thôi sao? Những cánh đồng không rào chắn, bằng phẳng. Giờ đây, Essex là Winnipeg rồi. Góc rạ đốt, không khí có mùi bánh mì kẹp thịt xông khói giòn rụm. Suy nghĩ của tôi cất cánh với những chuyện thần tiên khác, rồi tàu dừng xích lại khi chúng tôi đang đi ngang qua Saffron Walden. “Ừm...” tiếng máy bộ đàm. “John, máy mở chưa vậy? John, tôi phải bấm nút nào đây?” Tiếng hắng giọng. “Đường sắt SouthNet rất lấy làm tiếc rằng dịch vụ này phải dừng ngoài kế hoạch ở trạm tiếp theo do... một lái tàu mất tích. Chặng dừng ngoài kế hoạch này sẽ tiếp diễn trong suốt khoảng thời gian cần thiết để tìm được người thay thế thích hợp. Đường sắt SouthNet đảm bảo với quý vị rằng chúng tôi đang nỗ lực hết sức...” Tôi cảm nhận rõ một tiếng cười khẩy ở sau lưng người nói! “... để khôi phục tiêu chuẩn dịch vụ xuất sắc của chúng tôi như thường lệ.” Con thịnh nộ đường sắt phản ứng liên hoàn qua các toa tàu, dù ở thời đại của chúng ta tội ác không gây ra bởi những tên tội phạm tiện đâu làm đấy mà bởi những ông chủ ở xa tít ngoài tầm với của đám đông, ở tận những tổng hành dinh bằng kính và thép xây kiểu hậu hiện đại ở London. Dù sao thì một nửa đám đông đang sở hữu cổ phần trong thứ mà họ sẽ nghiền nát thành nguyên tử này.

Thế là chúng tôi ngồi đấy. Tôi ước gì mình đã đem theo thứ gì đó để đọc. Ít nhất tôi có một chỗ ngồi, và tôi sẽ không nhường ghế cho dù là Helen Keller. Bầu trời đêm xanh màu chanh. Những cái bóng gần đường ray trở thành hình khối. Hành khách gọi điện thoại di động cho gia đình. Tôi tự hỏi ông quan tòa người Úc ranh mãnh đó làm sao mà biết được chuyện gì lóe lên trong đầu những kẻ bị cá mập ăn thịt. Những chuyến tàu tốc hành may mắn, không có lái tàu mất tích, lao qua. Tôi cần đi vệ sinh, nhưng nghĩ đến thôi cũng đã chịu không nổi rồi. Tôi mở cặp ra để tìm kẹo Werner nhưng lại thấy *Những chu kỳ bán rã – Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey*. Tôi xem qua vài trang đầu. Quyển sách này sẽ hay hơn nếu Hilary V. Hush không làm ra vẻ quá thông minh và gượng ép nghệ thuật. Cô ta chia cuốn sách thành từng chương rất gọn gàng, chắc chắn là vừa viết vừa nghĩ đến ngày chuyển thể nó thành kịch bản Hollywood. Tiếng rè rít lên trong loa. “Đây là thông báo gửi đến hành khách. Đường sắt SouthNet lấy làm tiếc rằng không thể tìm thấy một lái tàu phù hợp cho chuyến tàu này nên chúng ta sẽ đến ga Little Chesterford rồi sắp xếp một chuyến xe đò miễn phí đưa hành khách đi tiếp đến Cambridge. Những ai có điều kiện được khuyến khích sắp xếp cách di chuyển khác, vì xe đò dự kiến đến ga Little Chesterford (cái tên ấy cứ ngân nga trong ký ức tôi!) sau... một khoảng thời gian không xác định. Để biết thêm chi tiết xin tìm trên trang web của chúng tôi.” Chiếc tàu bò một dặm trong ánh chiều chạng vạng. Doi và rác rưởi cuộn theo gió lướt qua chúng tôi. Ai đang điều khiển tàu lúc này nếu họ không có một người lái tàu?

Dừng, rùng mình, cửa mở ra. Những cơ thể khỏe mạnh hơn tràn ra khỏi tàu, lên trên cầu bộ hành, để lại tôi và một vài kẻ vô dụng lè mề với tốc độ bằng một phần tư. Tôi nhọc nhằn đi lên các bậc thang, và dừng lại để thở. Tôi ở đấy. Đứng trên cây cầu bộ hành ở nhà ga Little Chesterford. Quỷ tha ma bắt, bị bỏ rơi ở đây, chứ chẳng phải nhà ga vùng sâu vùng xa nào khác. Lối xưa xe ngựa dẫn đến nhà cũ của Ursula vẫn nằm ven theo cánh đồng ngô. Tôi chẳng còn nhận ra gì nhiều. Kho thóc thiêng liêng nơi chúng kiến Nụ hôn dài nhất nay đã thành Câu lạc bộ thẩm mỹ hạng nhất của Essex. Ursula đã gặp tôi trong chiếc Citroen đêm hôm đó vào tuần lễ đọc sách ở học kỳ đầu tiên, đúng rồi... ở tam giác rải sỏi này, ngay đây. Thật du mục

làm sao, chàng trai Tim khi ấy từng nghĩ thế, khi được một cô gái gặp trong xe ô tô. Tôi là Tutankhamun IV trong chiếc thuyền hoàng gia, được chèo bởi những tên nô lệ Nubian đến Đền Tế lễ. Ursula lái xe chở tôi vài trăm mét đến Dockery House, do một quan viên người vùng Scandinavi xây theo phong cách nghệ thuật cách tân. Ở đó chẳng có ai ngoài chúng tôi, lúc bấy giờ bố mẹ nàng đang ở Hi Lạp nghỉ mát với Lawrence Durrell, nếu tôi nhớ không nhầm. (“Nhớ không nhầm.” Thật là một cặp từ biết đánh lừa.)

Bốn thập niên sau, ánh đèn từ những chiếc xe trong bãi đỗ xe chiếu sáng nhưng nhúc những cô gái chân dài, và một quý ông ngành xuất bản đang tị nạn trong chiếc áo mưa phân phật, bước lang thang một cánh đồng đang bị bỏ hoang chờ trợ cấp từ EU. Hẳn bạn cho rằng một nơi có diện tích bằng nước Anh thì dễ dàng chứa đựng mọi biến cố trong một đời người nhỏ nhoi mà không bị trùng lặp nhiều, ý tôi là mình đâu phải đang sống trong xứ Luxembourg nhỏ xíu chứ, nhưng không, chúng tôi băng ngang, băng dọc, băng xéo qua những con đường cũ của mình như những nghệ sĩ trượt băng. Dockery House vẫn ở đó, cách biệt với hàng xóm láng giềng bởi một hàng rào cây thủy lạp. Ngôi nhà này từng khiến tôi cảm thấy mình sang trọng làm sao so với cái hộp tẻ nhạt ở vùng ngoại ô của bố mẹ – *Một ngày nào đó, tôi tự nhủ, mình sẽ sống trong một ngôi nhà như thế này.* Một lời hứa nữa mà tôi đã không giữ được; cũng may đó chỉ là lời tôi tự hứa với mình. Tôi vòng qua phía bên hông ngôi nhà, xuôi con đường dẫn đến một công trường.

Một bảng hiệu đề chữ: *Hazle Close – Nhà giá trị cao tại trung tâm nước Anh.* Ở các tầng trên Dockery, đèn điện bật sáng. Tôi tưởng tượng một đôi vợ chồng không con cái đang nghe đài. Cánh cửa kính màu cũ đã được thay thế bằng cửa chống trộm. Tuần lễ đọc sách đó, tôi đã bước vào Dockery, sẵn sàng để lột bỏ sự trinh trắng đáng xấu hổ của mình, nhưng tôi đã quá sững sốt trước Nữ thần Cleopatra của mình, quá hồi hộp, quá mở to mắt dán vào chai rượu whisky của bố nàng, quá căng tràn nhựa sống đến nỗi, ái chà, tôi thà kéo bức màn che lại đêm đáng xấu hổ ấy, ngay cả sau bốn mươi năm. Thôi được, bốn mươi bảy năm. Cũng cây sồi lá trắng đó đã cào vào cửa sổ nhà Ursula khi tôi nỗ lực thể hiện, rất lâu sau khi tôi tử tế giả vờ rằng tôi vẫn còn đang khởi động. Ursula có một đĩa hát bản concerto cho đàn piano

của Rachmaninov trong phòng ngủ, căn phòng ở hướng đó, nơi ngọn nến điện phát sáng qua khung cửa sổ.

Đến tận hôm nay tôi vẫn không thể tránh gợn gợn trong lòng mỗi khi nghe Rachmaninov.

Khả năng Ursula vẫn còn sống ở Dockery House gần như là số không, tôi biết. Lần gần đây nhất, tôi nghe nói nàng đang điều hành một văn phòng chuyên lo quan hệ công chúng ở Los Angeles. Dẫu vậy, tôi vẫn chui qua hàng rào cây xanh rồi dán mũi lên cửa sổ phòng ăn không có rèm, không mở đèn, cố gắng nhìn vào bên trong. Vào một đêm mùa thu rất lâu về trước, Ursula mời tôi món ức gà phủ thịt hun khói và phô mai nướng. Ở ngay đấy – ngay tại đây. Tôi vẫn còn có thể nếm được mùi vị đó. Tôi vẫn còn có thể nếm được nó trong lúc viết những từ này.

Chói lòa!

Căn phòng bật sáng trong ánh đèn điện màu vàng, và bằng những bước như điệu van – bước lùi, may mắn cho tôi – một cô phù thủy tí hon có những lọn tóc xoắn tít màu đỏ bước vào. “Mẹ ơi!” tôi nửa nghe, nửa đọc khẩu hình qua cửa kính. “Mẹ ơi!” và người mẹ bước vào, với mái tóc cũng xoắn tít y hệt. Điều này đã đủ làm bằng chứng cho thấy gia đình Ursula đã dọn khỏi ngôi nhà từ lâu, tôi lùi ra bụi rậm – nhưng tôi quay lại một lần nữa và tiếp tục rình mò vì... à, vì, e hèm, *je suis un homme solitaire* (Tôi là một người cô đơn). Người mẹ đang sửa cán chổi bị hỏng trong khi cô bé ngồi đung đưa chân trên bàn. Một người sói bước vào và tháo mặt nạ ra, và, thật kỳ lạ, dù xét kỹ cũng không lấy gì làm lạ, tôi nhận ra anh ta – anh chàng dẫn chương trình thời sự trên truyền hình, một thành viên của bộ lạc Felix Finch. Jeremy Gì đó, lông mày Heathcliff, phong cách rất ngẫu, hẳn bạn hình dung kiểu đàn ông đó. Anh ta lấy một ít băng dán từ ngăn kéo chiếc tủ quần áo xứ Wales rồi xắn tay tham gia vào công việc sửa cán chổi. Rồi người bà bước vào câu chuyện gia đình này và trời đất thánh thần thiên địa ơi, đó là Ursula. Ursula đó. Ursula của tôi.

Hãy nhìn người phụ nữ lớn tuổi nhanh nhẹn đó! Trong trí nhớ của tôi, bà vẫn không già đi một ngày nào – nghệ sĩ trang điểm nào đã tàn phá tuổi thanh xuân mơn mớn của bà? (Cũng chính là kẻ đã tàn phá tuổi thanh

xuân của mi đó, Timbo à.) Bà nói chuyện, khiến con gái và cháu ngoại cười khúc khích, đúng thế, cười khúc khích, và tôi cười theo... Cái gì? Bà ấy nói cái gì? Hãy kể cho tôi nghe chuyện cười đó! Bà nhét những quả bóng giấy báo vào một chiếc tất màu đỏ. Đuôi con quỷ. Bà gắn nó vào sau mông bằng kim băng, và một ký ức từ một Lễ hội Halloween ở trường đại học làm nứt một vết trên rìa cứng của trái tim tôi, khiến thứ bên trong tràn ra – hồi đó bà cũng hóa trang thành một cô quỷ nhỏ, bà sơn mặt màu đỏ, chúng tôi hôn nhau suốt đêm, chỉ hôn thôi, rồi sáng hôm sau chúng tôi tìm một tiệm cà phê dành cho những cánh thợ xây, bán trà sữa đựng trong tách bản nhưng được cái đậm đặc, và rất nhiều trứng đủ để nhồi no, nhồi chết cả quân đội Thụy Sĩ. Bánh mì nướng và cà chua đóng hộp. Sốt HP. Hãy thành thật đi, Cavendish, có bữa ăn sáng nào khác trong đời mi được ngon lành như thế không?

Say khướt với bao kỉ niệm, tôi ra lệnh cho mình rời đi trước khi làm chuyện gì dại dột. Một giọng láo xược cách đó chỉ vài mét cất lên – “Không được nhúc nhích, nếu không ta sẽ đập nát mông nhà ngươi và cho vào nồi thịt hầm!”

Ngạc nhiên chưa? Mau mà bỏ chạy cong đít đi! May mắn là tên đồ tể của tôi chỉ chưa quá mười tuổi và chiếc cửa của nó chỉ là giấy bồi, nhưng những miếng băng đầy máu me của nó trông khá giống thật. Với giọng rất nhỏ, tôi bảo nó như thế. Nó nhăn mặt với tôi: “Ông có phải là bạn của Ngoại Ursula không?”

“Ngày xưa ngày xưa, phải, ông từng là bạn.”

“Ông biến thành ai để đến dự tiệc thế? Đồ hóa trang của ông đâu?”

Đã đến lúc đi rồi. Tôi lùi lại hàng rào cây xanh. “Đây là đồ hóa trang của ông rồi.” Nó ngoáy mũi. “Một người chết được đào lên từ nghĩa địa à?”

“Hay lắm, nhưng mà không phải. Ông làm Hồn ma của Giáng sinh quá khứ.”

“Nhưng đây là Halloween mà, đâu phải Giáng sinh đâu.”

“Thôi chết!” Tôi vỗ trán. “Thật không?”

“Vâng...”

“Vậy thì ông đến muộn mười tháng mất rồi! Thật kinh khủng quá! Ông nên quay lại trước khi mọi người nhận ra sự vắng mặt của ông – rồi lại bàn tán!”

Thằng bé ra đòn kungfu rồi vung cưa trước mặt tôi. “Không nhanh thế đâu, Quỷ Mặt Xanh! Mi là kẻ xâm nhập gia cư! Ta sẽ báo cảnh sát!”

Chiến tranh. “Chơi mách leo à? Thì chơi. Nếu cháu mách mọi người về ông, thì ông sẽ bảo với bạn ông là Hồn ma của Giáng sinh tương lai nhà cháu ở đâu, và cháu có biết hắn sẽ làm gì với cháu không?”

Đứa bé mở to mắt lắc đầu, run bần bật và cựa quậy.

“Khi nhà cháu đi ngủ trong những chiếc giường bé nhỏ hết rồi, hắn sẽ trườn vào nhà cháu qua khe hở dưới cánh cửa rồi ăn – thịt – con – cún – của – cháu!” Chết độc trong túi mật tôi bơm nhanh hơn. “Hắn sẽ để cái đuôi cong của con cún dưới gối cháu và cháu sẽ bị đổ tội. Những đứa bạn của cháu sẽ hét lên, ‘Đồ giết chó con!’ mỗi khi chúng thấy cháu đến gần. Cháu sẽ già nua, đơn độc và chết, một mình, khốn khổ, vào mỗi buổi sáng Giáng sinh suốt nửa thế kỷ sau. Vậy nếu ông mà là cháu, ông sẽ không hé răng một lời với *bất kỳ ai* về việc đã gặp ông.”

Tôi lách người qua hàng rào trước khi thằng bé hiểu hết mọi việc. Dọc vỉa hè về lại nhà ga, ngọn gió đưa theo tiếng nức nở của nó: “Nhưng cháu còn *không có* cả một con cún cơ mà...”

Tôi ngồi trong quán cà phê Wellness thuộc khuôn viên bệnh viện, giấu mình sau tờ *Private Eye*, chỗ này đang đất như tôm tươi nhờ những kẻ vất vưởng như chúng tôi. Tôi có phần mong chờ Ursula hằm hằm giận dữ xuất hiện với cháu ngoại và một cảnh sát địa phương. Những chiếc thuyền cứu sinh cá nhân đến để giải cứu những tay chơi chứng khoán. Già Timothy đưa ra lời khuyên cho những bạn đọc trẻ, tặng kèm miễn phí trong quyển hồi ký này: hãy sống cuộc đời theo cách mà khi chuyến tàu của bạn dừng lại vào buổi xế chiều, bạn vẫn có một chiếc xe ấm áp, khô ráo do một người thân yêu cầm lái – hoặc một chiếc xe thuê, không thành vấn đề - đến đón bạn về nhà.

Một chiếc xe dò đậm dẫu xưa trờ đến sau khi tôi đã nốc ba ly rượu Scotch. “Đậm dẫu xưa” ư? Nghe như thứ ngôn ngữ chết tiệt thời Edward.

Tôi phải chịu đựng đám sinh viên ba hoa chích chòe suốt đường đến Cambridge. Những lo lắng về bạn trai, những giảng viên bạo dâm, những bạn cùng nhà độc ác, truyền hình thực tế, ôi, tôi không ngờ trẻ con tuổi ấy lại bị tăng động như thế. Khi cuối cùng cũng đến được ga Cambridge, tôi tìm một bộ điện thoại để báo với Aurora House rằng phải ngày hôm sau tôi mới đến được, nhưng hai cái điện thoại đầu tiên bị hỏng (ngay giữa Cambridge, có chịu nổi không cơ chứ!) và mãi đến khi đứng trước cái thứ ba tôi mới nhìn xuống địa chỉ và phát hiện ra Denholme đã quên ghi số điện thoại. Tôi tìm một khách sạn dành cho dân buôn, nằm cạnh một phòng giặt tự động. Tôi đã quên tên của nó, nhưng cứ nhìn quây lể tân cũng đủ hiểu chỗ này là một ổ cứt mèo, và như thường lệ ấn tượng đầu tiên của tôi luôn đúng. Tuy nhiên, tôi đã quá mệt mỏi, chẳng còn hơi sức đâu mà đi vòng vòng xem thêm chỗ nào tốt hơn, đã thế túi lại hết tiền. Phòng của tôi có cửa sổ cao và rèm không hạ xuống được vì tôi không cao đến ba mét rưỡi. Những viên tròn màu kaki trong bồn tắm thật ra là cứt chuột, nắm vặn mở vòi hoa sen rơi ra trong tay tôi, còn nước nóng thì chỉ âm ấm. Tôi hun khói căn phòng bằng thuốc lá rồi nằm trên giường, cố gắng tưởng nhớ những phòng ngủ của tất cả các nhân tình, theo thứ tự, nhìn qua chiếc kính viễn vọng bắn thủ của thời gian mà súng ống hàng họ vẫn tiu nghỉu. Tôi cảm thấy bình tĩnh đến lạ trước ý nghĩ đám anh em nhà Hoggins cướp bóc căn hộ của mình ở Putney. Chắc hẳn là một vụ vợ vét gọn gàng so với đa số những vụ trộm cướp khác của bọn chúng, nếu mấy cuốn *Đám Võ Mồm* tạm cho là đáng giá. Vài bản in đầu tiên khá đẹp, nhưng những thứ còn lại chẳng có giá trị gì. Chiếc tivi đã ngủm vào đêm George Bush II soán ngôi và tôi chưa dám thay cái khác. Bà X đã lấy những món đồ cổ và của gia truyền về. Tôi gọi lên phòng một ly Scotch gấp ba lượng rượu – thà chết tôi cũng không xuống ngồi chung quây bar với đám con buôn ba hoa về những bộ ngực và tiền hoa hồng. Khi ly rượu nhiều gấp ba của tôi cuối cùng cũng tới, thì hóa ra đó chỉ là một ly gấp đôi cay xè, nên tôi nói với người phục vụ như thế. Gã trai có bộ dạng như con chồn nhún vai. Không lời xin lỗi, chỉ một cái nhún vai. Tôi nhờ hắn hạ rèm xuống, nhưng hắn chỉ nhìn rồi gất gông, “Không với tới!” Tôi dành cho hắn một câu lạnh lùng “Vậy thì thôi,” thay vì tiền boa. Hắn đánh một phát rắm lúc bỏ đi, rõ khắm. Tôi đọc thêm

Những chu kỳ bán rã nhưng thiếp đi ở đoạn người ta phát hiện ra Rufus Sixsmith bị giết. Trong giấc mơ sống động, tôi phải trông một bé trai tị nạn, nó năn nỉ xin chơi thú nhún ở góc siêu thị, 50 xu một lượt. Tôi đáp, “Ôi, thôi được rồi,” nhưng khi thằng bé leo xuống nó lại biến thành Nancy Reagan<sup>[46]</sup>. Tôi phải giải thích ra sao với mẹ của nó đây?

Tôi giật mình tỉnh dậy giữa đêm, miệng như ngậm keo siêu dính. Chẳng rõ vì lý do gì, câu đánh giá về lịch sử của Gibbon vĩ đại – *chẳng hơn gì ghi chép về tội ác, những trò xuẩn ngốc và bi kịch của nhân loại* – lướt qua như băng giấy. Thời gian của Timothy Cavendish trên trái đất, trong mười mấy từ. Tôi phản bác những lập luận cũ rích, rồi phản bác tiếp những lập luận chưa từng tồn tại. Tôi hút xì gà cho đến khi từ khung cửa sổ cao hiện lên những dải màu của một bình minh ẩm ướt. Tôi cạo râu. Một người đàn bà tỉnh Ulster cau có ở dưới lầu phục vụ món bánh mì đông lạnh nướng khét với những gói mút màu như son môi và bơ lạc. Tôi nhớ nhận xét châm biếm của Jake Balokowsky về xứ Normandy: một bản sao của Cornwall với một ít thức ăn.

Trở lại nhà ga, khổ nạn của tôi tiếp diễn khi tôi cố đòi lại tiền cho chuyến đi dang dở ngày hôm qua. Gã nhân viên bán vé với đám mụn nhọt phập phình cũng chậm hiểu hết như đồng nghiệp ở ga King’s vậy. Tập đoàn này nhân giống cả bọn từ cùng một tế bào gốc mà. Huyết áp của tôi cao gần mức kỷ lục. “Ý anh là sao, vé hôm qua giờ không còn hiệu lực nữa? Chuyến tàu chết tiệt ngừng chạy đâu phải là lỗi của tôi!”

“Cũng chẳng phải lỗi của chúng tôi. SouthNet điều hành các chuyến tàu mà. Còn chúng tôi chỉ là Đại lý vé thôi, ông hiểu không.”

“Vậy thì tôi phải khiếu nại với ai đây?”

“À, SouthNet Loco do một công ty giữ cổ phần áp đảo ở Dusseldorf sở hữu, công ty này lại thuộc sở hữu của công ty điện thoại ở Phần Lan, vậy tốt nhất là ông nên thử liên hệ với ai đó ở Helsinki xem. Ông nên cảm ơn chòm sao may mắn của mình là tàu chưa bị trật đường ray đấy. Đạo này thường xảy ra lắm.”

Đôi khi con thỏ hoài nghi vọt ra từ góc quanh quá nhanh trong khi con chó săn ngôn từ hãy còn lồng lộn trong chuồng. Tôi cố gắng cố gắng bám bố

để đến được chuyến tàu tiếp theo trước khi nó rời ga – chỉ để được báo rằng nó đã bị hủy! Nhưng, “may mắn thay”, chuyến tàu trước đó muộn giờ đến nỗi vẫn chưa khởi hành. Toàn bộ ghế đã có người ngồi, tôi đành phải len mình vào một khe trống rộng chừng bảy centimet. Tôi mất thăng bằng khi đoàn tàu lăn bánh, nhưng một lớp đệm người đã đỡ lấy cú ngã của tôi. Chúng tôi ở yên như thế, nửa đứng nửa ngã. Những Con người đường chéo. Vùng ngoại ô Cambridge giờ đây tuyền là công viên khoa học. Ursula và tôi từng chèo thuyền dưới cây cầu duyên dáng đó, giờ nơi ấy mọc lên những khối hộp của Thời đại Không gian Kỹ sinh học nhằm nghiên cứu nhân bản vô tính con người cho dân Triều Tiên. Ôi, lão hóa là một quá trình không thể chịu đựng nổi! Cái tôi của chúng ta ngày xưa thèm khát được hít thở không khí thế gian lần nữa, nhưng chúng có thể phá vỡ những vỏ kén vô hình này không? Ôi, còn lâu mới được.

\* \* \*

Những cái cây có hình thù rùng rợn cong oằn trước bầu trời bao la. Chuyến tàu đã dừng lại ngoài lịch trình, không lời giải thích, trên một bãi đất hoang trời đánh thánh vật, trong bao lâu tôi không còn nhớ nữa. Đồng hồ của tôi đã dừng lại từ giữa đêm hôm qua. (Tôi nhớ chiếc đồng hồ hiệu Ingersoll của mình, thậm chí đến tận hôm nay.) Hình hài những hành khách đi cùng tôi tan thành những hình thù nửa quen nửa lạ: một người môi giới địa ốc sau lưng tôi, luyện thuyên nói chuyện trên điện thoại, tôi dám *thề* hẳn là đội trưởng khúc côn cầu học cùng lớp cuối cấp trung học với tôi; người đàn bà đau buồn ngồi trước hai ghế, đọc *A Moveable Feast*, chẳng phải bà ta chính là mụ phù thủy ở sở thuế từng nướng chín tôi vài năm trước đó sao?

Cuối cùng các đầu nối cũng kêu lên rền rĩ và đoàn tàu chậm chạp bò đến một ga thôn quê khác với tấm biển hiệu tróc sơn nham nhở đề chữ “Adlestrop”. Giọng nói của một người bị cảm nặng cất lên: “Đường sắt Centrallo rất tiếc phải thông báo do hệ thống phanh không hoạt động, đoàn tàu này sẽ dừng một chút tại...” hắt hơi “... ga này”. Hành khách được

hướng dẫn xuống ở đây... và đợi tàu thay thế.” Các hành khách đi cùng với tôi há hốc miệng, than thở, chửi thề, lắc đầu. “Đường sắt Centrallo xin lỗi vì bất kỳ...” hắt hơi “... sự bất tiện nào do chuyện này gây ra, và đảm bảo với quý vị rằng chúng tôi đang nỗ lực hết sức để phục hồi chất lượng xuất sắc như thường lệ của...” hắt hơi rõ to “... dịch vụ. Cho tôi cái khăn giấy nào, John.”

Sự thật là: những phương tiện di chuyển trong thành phố này được lắp ráp ở Hamburg hoặc nơi nào đó, và khi các kỹ sư người Đức chạy thử kiểm tra trước khi bàn giao cho Anh, họ dùng những đường ray tư hữu tệ hại của chúng ta vì những đường ray được bảo trì tử tế của châu Âu không đảm bảo điều kiện kiểm tra chính xác. Ai thực sự đã thắng trong cuộc chiến chết toi ấy? Lẽ ra tôi đã nên trốn bọn Hoggins bằng cách cỡi gậy pogo nhảy theo đường Great North cho rồi.

Tôi chen lấn tìm đường vào một quán cà phê bán thử, mua chiếc bánh có vị như xi đánh giày và một ấm trà có vụn nút bấc nổi lều phều trong đó, rồi nghe lén cuộc nói chuyện của hai người nuôi ngựa giống Shetland. Sự chán nản khiến con người ta thêm muốn những cuộc đời họ chưa từng có. Tại sao mà lại trao cả cuộc đời cho sách vậy hả TC? Ngốc, ngốc, ngốc! Mấy quyển hồi ký đã đủ dở tệ rồi, lại còn đèo bồng tiểu thuyết! Anh hùng phiêu bạt giang hồ, người lạ đến thị trấn, một người nào đó theo đuổi một cái gì đó, họ có được nó hoặc không, ý chí bị đọ sức với ý chí. “Ngưỡng mộ ta đi, vì ta là một ẩn dụ.”

Tôi mò mẫm lần đến nhà vệ sinh nam bốc mùi khai, một kẻ thích đùa đã trộm mất bóng đèn. Tôi vừa mở dây kéo ra thì đã nghe một giọng nói cất lên trong bóng tối. “Này, ông, có *phật* lửa hay gì phong?” Trấn tĩnh cơn đau tim của mình xong, tôi sờ soạng tìm bật lửa. Ngọn lửa làm hiện lên một gã Rastafari<sup>[47]</sup> trong ảnh tàn tranh Holbein<sup>[48]</sup>, chỉ cách tôi vài centimet, đôi môi dày đang ngậm một điếu xì gà. “Cám ơn,” gã da đen thì thầm, nghiêng đầu về phía tôi để châm đầu xì gà vào lửa.

“Ừm, không có chi,” tôi đáp.

Cái mũi to bè của hắn khụt khịt. “VẬY, ông đang đi đâu đấy?”

Tôi đưa tay kiểm tra xem ví còn trong túi không. “Hull...” Một câu

chuyện bịa đặt ngu ngốc tuôn trào. “Để trả lại một quyển tiểu thuyết. Cho một thủ thư làm việc ở đây. Một nhà thơ rất nổi tiếng. Ở trường đại học<sup>[49]</sup>. Nó nằm trong túi tôi đây này. Có tiêu đề là *Những chu kỳ bán rã*.” Điều xì gà của gã Rastafari có mùi phân trộn. Tôi không tài nào đoán nổi họ đang thực sự nghĩ gì. Không phải tôi chưa từng quen biết người Rastafari nào. Tôi không phân biệt chủng tộc, nhưng tôi thực lòng tin rằng những nguyên liệu trong cái gọi là “nồi hòa tan”<sup>[50]</sup> ấy phải mất nhiều thế hệ mới tan hòa được. “Ông này,” gã Rastafari nói, “ông cần...” và tôi lưỡng lự “... làm một hơi.” Tôi làm theo lời đề nghị và rút điều xì gà dày cui của hắn.

Quý tha ma bắt! “Cái này là gì vậy?”

Hắn phát ra tiếng rít như tiếng đàn ống. “Thuốc ấy không mọc ở xứ sở Malboro đâu.” Đầu tôi nở to lên gấp hàng trăm lần, như Alice ăn phải bánh xứ thần tiên, và trở thành một bãi đỗ xe nhiều tầng chứa một nghìn lẻ một chiếc Citroën phát nhạc opera. “Chắc rồi, dám cá là thế,” Người Từng Được Biết Đến Với Tên Tim Cavendish mấp máy môi.

Điều tiếp theo tôi còn nhớ là tôi lại ở trên tàu, tự hỏi ai đã xây những viên gạch bám đầy rêu phong bọc lấy toa của tôi. “Chúng tôi đã sẵn sàng cho ông rồi, thưa ông Cavendish,” một con chim sâm cầm hói đầu, đeo kính, nói với tôi. Không có ai ở đó, hay ở bất kỳ đâu. Chỉ có một người lao công đang lau dọn trên đoàn tàu vắng vẻ, cho rác vào một cái bao. Tôi nằm xuống sàn. Hơi lạnh cắm răng nanh vào chiếc cổ trần trụi của tôi rồi nháy nhót trên những thớ thịt không được che chắn. Trở lại King’s Cross chẳng? Không, đây là Gdansk<sup>[51]</sup> lạnh cóng. Tôi hốt hoảng nhận ra mình không còn giữ túi xách và ô nữa. Tôi leo lên tàu rồi lấy chúng xuống từ giá để hành lý. Các cơ bắp dường như đã teo đi trong lúc ngủ. Bên ngoài, một chiếc xe đẩy hành lý đi ngang, do một gã Modigliani<sup>[52]</sup> cầm lái. Đây là chốn quái quỷ nào thế này?

“Yurrin Hulpal,” gã Modigliani đáp.

*Tiếng Ả Rập?* Nào tôi đưa ra giả thuyết sau: một chuyến tàu Eurostar đã dừng lại ở Adlestrop, tôi đã lên tàu và ngủ quên suốt đường đến ga Istanbul Central. Nào tôi rối như canh hẹ. Tôi cần một biển hiệu rõ ràng, viết bằng tiếng Anh.

## CHÀO MỪNG ĐẾN HULL.

Lạy trời, hành trình của tôi sắp kết thúc rồi. Lần cuối cùng tôi đến điểm cực bắc này là khi nào nhỉ? Là chưa bao giờ. Tôi hớp không khí lạnh buốt để nén lại cảm giác buồn nôn đột ngột, đúng rồi đấy, Tim, nuốt xuống đi. Chiếc dạ dày khó chịu đưa ra những hình ảnh giải thích nguyên nhân sự khó chịu này, và điệu xì gà của gã Rastafari hiện ra trước mắt tôi. Nhà ga sơn một màu đen tuyền. Tôi rẽ vào một góc và tìm thấy hai mặt đồng hồ dạ quang treo trên lối ra, nhưng đồng hồ mà mỗi chiếc chỉ một giờ thì còn tệ hơn là chẳng có chiếc nào. Không có người soát vé nào ở cổng buồn xem chiếc vé đất cát cổ của tôi, và tôi cảm thấy mình bị lừa. Ở bên ngoài, một chiếc xe chạy chậm chậm sát vỉa hè, một khung cửa sổ chớp đèn, tiếng nhạc lúc vang lúc nghẹt vọng ra từ một quán rượu bên kia con đường tránh. “Có tiền lẻ không?” một người hỏi, không, van xin, không, buộc tội, một con chó xác xơ rúc trong chăn. Mũi, lông mày và môi của chủ nó xỏ đầy khuyên sắt đến nỗi một chiếc nam châm điện mạnh rê qua hẳn có thể xé toạc khuôn mặt hẳn. Những người này làm sao qua được máy dò kim loại ở sân bay nhỉ? “Có tiền lẻ không?” Tôi thấy bản thân mình như hẳn thấy tôi, một lão già ốm yếu trong một thành phố trẻ nải kém thân thiện. Con chó ngồi dậy, ngửi thấy mùi dễ bắt nạt. Một người bảo vệ vô hình nắm lấy cùi chỏ tôi rồi dẫn tôi đến một dãy taxi.

Chiếc taxi có vẻ như cứ đi quanh vòng xoay trong một lát cắt bất tận. Một ca sĩ gào thét trên radio rên rỉ bài gì đó về việc mọi thứ chết đi rồi sẽ quay về vào một ngày nào đó. (Thiên đường xa lánh – nhớ đến truyện ngắn Bàn chân khỉ!) Đầu của người tài xế to quá cỡ so với đôi vai, chắc anh ta mắc bệnh Người Voi rồi, nhưng khi anh ta quay lại, tôi mới nhìn ra chiếc khăn quấn đầu kiểu Ấn Độ. Anh ta đang kể về khách đi xe của mình, “Người ta lúc nào cũng nói, ‘Dám cá là quê hương anh bạn không lạnh thế này đâu, phải không?’ và tôi luôn đáp, ‘Trật lất rồi, anh bạn à. Rõ ràng là anh chưa đến Manchester vào tháng Hai bao giờ mà.’”

“Anh biết đường đến Aurora House, đúng không?” tôi hỏi, và anh chàng người Sikh đáp, “Nhìn xem, đến nơi rồi đây này.” Lối rẽ vào dừng lại ở một tòa nhà phong cách thời đại Edward sừng sững khó mà lượng rõ tầm vóc. “Mai Sao Đông Chan.”

“Tôi không quen ai tên đó cả.”

Anh ta bối rối nhìn tôi, rồi nhắc lại, “Mười sáu đồng chẵn.”

“Ồ, vâng.” Ví của tôi không nằm trong túi quần, hoặc túi áo khoác. Hoặc túi áo sơ mi. Cũng không xuất hiện trở lại trong túi quần. Sự thật khủng khiếp đập vào mặt tôi. “Tôi đã bị cướp một cách trắng trợn!”

“Tôi không hài lòng với kiểu nói bóng gió đó. Taxi của tôi có đồng hồ tính cước của thành phố mà.”

“Không, anh không hiểu, ví của tôi bị trộm rồi.”

“Ồ, vậy thì tôi hiểu.” Tốt, anh ta hiểu. “Tôi hiểu rất rõ!” Con thịnh nộ của tiểu lục địa cuộn cuộn nổi lên trong bóng tối. “Ông đang nghĩ, “Gã ăn cà ri này biết cảnh sát sẽ đứng về phía ai.””

“Vô lý!” tôi phản đối. “Nhìn đây, tôi có tiền xu, tiền lẻ, vâng, một túi đầy tiền lẻ... đây... vâng, tạ ơn Chúa! Vâng, tôi nghĩ tôi có mà...”

Anh ta đếm những đồng tiền: “Tiền boa đâu?”

“Lấy đi...” tôi trút hết những đồng tiền xu vào tay anh ta rồi luống cuống xuống xe, trúng ngay vào mương nước. Từ ánh mắt của nạn nhân bất đắc dĩ tôi thấy chiếc taxi tăng tốc lao đi và nhớ lại hình ảnh quá khứ khó chịu về vụ trấn lột ở Greenwich. Không phải là chiếc đồng hồ hay những vết bầm hay cơn chấn động đã hằn thành vết sẹo trong lòng tôi. Vấn đề là tôi là từng hạ gục bộ tứ Ả Rập đầu đường xó chợ ở Aden, nhưng trong mắt các cô gái tôi... già nua, đơn giản là quá già. Không hành xử theo kiểu mà một ông già nên làm – vô hình, im lặng và sợ hãi – bản thân việc đó đã là một sự khiêu khích hữu hiệu rồi.

Tôi lê bước lên dốc, đến những cánh cửa kính lừng lững. Khu vực tiếp tân tỏa ánh sáng vàng chóa. Tôi gõ cửa, một phụ nữ rất thích hợp đóng trong nhạc kịch *Florence Nightingale* mỉm cười với tôi. Tôi cảm thấy như có ai đó đã vẫy chiếc đĩa thần và nói, “Cavendish à, mọi phiền phức của ông đã tan biến rồi!”

Florence mở cửa cho tôi. “Chào mừng đến Aurora House, ông Cavendish!”

“Ôi, cảm ơn, cảm ơn. Hôm nay thật là một ngày tồi tệ kinh khủng.”

Một thiên thần bằng xương bằng thịt. “Điều cốt yếu là ông đã đến đây an toàn rồi.”

“Nghe này, có một chuyện đáng ngại nhỏ liên quan đến tiền nong mà tôi nên nhắc luôn bây giờ. Bà thấy đấy, trên đường đến đây...”

“Tất cả những gì ông cần lo lúc này là làm sao ngủ một giấc thật ngon. Mọi việc đã được lo liệu. Chỉ cần ký tên vào đây rồi tôi sẽ đưa ông đến phòng của ông. Đó là một phòng rất đẹp và yên tĩnh, nhìn ra vườn. Ông sẽ thích cho mà xem.”

Mắt nhòe nước vì biết ơn, tôi đi theo bà ta đến phòng nghỉ dưỡng của mình. Khách sạn này rất hiện đại, sạch bong, ánh sáng rất dịu ở những hành lang ngái ngủ. Tôi nhận ra những hương thơm từ thuở ấu thơ, nhưng không thể xác định được rõ ràng. Ngược lên ngọn đồi xanh tươi đến Bedfordshire. Phòng của tôi rất đơn giản, ga giường mới tinh tươm và sạch sẽ, có khăn tắm để sẵn trên thanh treo được sưởi ấm. “Ông thấy ổn thỏa cả chưa, ông Cavendish?”

“Tuyệt vời, bà bạn ơi.”

“Vậy thì chúc ông có những giấc mơ đẹp nhé.”

Tôi biết những giấc mơ của mình sẽ ngọt ngào lắm. Tôi tắm, mặc đồ ngủ, rồi chải răng. Giường khá cứng nhưng thoải mái như bãi biển ở Tahiti. Nỗi khiếp đảm mang tên Hoggins đã nằm về phía đông của Mũi Hảo Vọng, tôi đã là Người tự do, và Denny, Denholme vô cùng yêu dấu, đã trang trải nợ nần cho tôi. Anh em giúp nhau lúc hoạn nạn mới đúng thực là anh em. Tiếng còi hụ vang lên trong những chiếc gối êm như kẹo dẻo. Vào sáng mai cuộc đời sẽ bắt đầu lại tươi mới, thật tươi mới. Lần này tôi sẽ làm lại từ đầu.

“Vào sáng mai.” Vận mệnh rất thích đặt bẫy ba chữ nhỏ bé đó. Tôi thức dậy và phát hiện một người phụ nữ không-còn-trẻ-lắm với kiểu tóc bum bê đang lục lọi đồ đạc của tôi như săn hàng giảm giá. “Mụ đang làm cái *quái quỷ* gì trong phòng tôi thế này, mụ lợn nái ăn cắp vặt ghê tởm?” Tôi nửa gào, nửa khò khè.

Người đàn bà đặt chiếc áo khoác của tôi xuống đầy tro tráo. “Vì ông là người mới nên tôi sẽ không cho ông ăn bột xà phòng. Lần này thôi đấy. Tôi đã cảnh báo rồi nhé. Tôi không chấp nhận lời lẽ xúc phạm ở Aurora House.

Từ bất kỳ ai. Và tôi chưa bao giờ dọa suông cả, ông Cavendish ạ. Chưa bao giờ.”

Một tên cướp lên lớp nạn nhân vì dùng lời lẽ khiếm nhã! “Ta thích nói chuyện với nhà mi thế đ. nào thì ta cứ nói, quân trộm cắp bản thủ mất dạy! Cho ta ăn bột xà phòng hử? Ta cũng muốn xem mi làm thế nào đấy! Gọi An ninh khách sạn đến đây! Gọi cảnh sát đến đây! Mi cứ hỏi về lời lẽ xúc phạm, còn ta sẽ hỏi về chuyện đột nhập, xâm phạm và trộm cắp!”

Mụ ta đi đến giường tôi rồi giáng cho tôi một cái tát tai tóa lửa.

Tôi quá sốc đến độ ngã phịch xuống gối.

“Một khởi đầu đáng thất vọng. Tôi là bà Noakes. Ông không muốn chọc giận tôi đâu.”

Đây có phải là kiểu khách sạn bạo dâm & khổ dâm quái dị không nhỉ? Hay một bà điên đã đột nhập vào phòng tôi sau khi tìm thấy tên tôi trong sổ đăng ký của khách sạn?

“Ở đây không khuyến khích hút thuốc. Tôi sẽ phải tịch thu mấy điếu xì gà này. Bật lửa nguy hiểm lắm, có phải đồ cho ông giỡn chơi. Trời ơi, còn đây là cái gì?” Mụ ta đứng đưa chùm chìa khóa của tôi.

“Chìa khóa. Mụ tưởng nó là gì?”

“Chìa khóa ồn ào lắm! Chúng ta sẽ đưa cho bà Judd để giữ hộ nhé, được không?”

“Chẳng đưa cho ai cả, đồ điên! Mụ đánh tôi! Mụ cướp của tôi! Cái kiểu khách sạn trời đánh gì lại đi thuê *quân trộm cắp* làm phục vụ buồng thế này?”

Sinh vật ấy nhét chiến lợi phẩm vào một chiếc túi nhỏ. “Không còn đồ quý giá gì cần được bảo quản phải không?”

“Trả những món ấy lại đây! Ngay bây giờ! Nếu không tôi không tha cho mụ đâu, tôi thề đấy!”

“Tôi xem như đó là câu trả lời ‘không’ nhé. Ăn sáng lúc tám giờ đúng. Hôm nay có trứng luộc với bánh mì que nướng. Đến trễ là hết phần.”

Mụ ta vừa đi khỏi, tôi vội mặc quần áo rồi tìm điện thoại. Không có. Sau khi rửa mặt nhanh chóng – phòng tắm của tôi được thiết kế cho người

khuyết tật, tất cả các góc cạnh đều tròn và lấp tay vịn – tôi vội vàng đến quầy tiếp tân, quyết tâm làm cho ra lẽ. Chân tôi đi cà nhắc nhưng tôi không rõ tại sao. Tôi bị lạc. Nhạc baroque dặt dìu ở những hành lang giống hệt nhau như lối đi giữa hai hàng ghế. Một chú lùn ghẻ lở nắm cổ tay tôi rồi cho tôi xem một lọ bơ hạt dẻ. “Nếu ông muốn đem cái này về nhà thì tôi sẽ vui vẻ cho ông biết tại sao tôi *không* đem.”

“Ông nhầm tôi với ai rồi.” Tôi hất tay sinh vật ấy ra khỏi người, rồi băng qua một khu phòng ăn nơi khách đang ngồi thành hàng còn phục vụ đang đem ra các bát thức ăn từ nhà bếp.

Có gì quá bất thường?

Những người khách trẻ nhất cũng xấp xỉ bảy mươi. Những người già nhất như hơn ba trăm tuổi. Đây có phải là tuần lễ sau khi nhập học không?

Tôi hiểu rồi. Bạn có lẽ đã nhận ra nó từ những trang trước, thừa Độc giả thân mến. Aurora House là viện dưỡng lão cho người già. Người anh khốn nạn của tôi! Đây là trò đùa của anh ta đây mà! Bà Judd với Nụ cười Olay tron tuột đang đứng ở quầy tiếp tân.

“Xin chào, ông Cavendish. Sáng nay ông cảm thấy tuyệt vời chứ?”

“Vâng. Không. Một sự hiểu lầm phi lý vừa xảy ra.”

“Thật thế à?”

“Chắc chắn là thật. Tôi đã đăng ký vào ở tối hôm qua khi cứ đinh ninh rằng Aurora House là một *khách sạn*. Anh trai tôi đã đặt phòng, bà thấy đấy. Nhưng... à, ông ấy cứ nghĩ đây là một chuyện đùa cho vui ấy mà. Nhưng chẳng vui tí tẹo nào cả. Âm mưu đê tiện của ông ấy chỉ ‘hiệu quả’ vì một gã Rastafari cho tôi hút một hơi xì gà chết người ở Adlestrop, thêm nữa, những kẻ sinh ra từ cùng tế bào gốc chết toi bán vé cho tôi đến đây, chúng moi sạch tiền của tôi rồi. Nhưng nghe đây. Bà gặp rắc rối lớn hơn trong nội bộ đấy – một mục đàn bà mất trí nào đấy tên là Noakes đang đi lung tung trong này rồi đóng giả làm người dọn buồng. Mục ta chắc là mắc chứng Alzheimer nhưng trời đất quỷ thần ơi, mục ta thật là danh đá quá thể. Mục ta ăn cắp chìa khóa của tôi! Chuyện này nếu xảy ra ở một quán bar vui vẻ ở Phuket thì còn chấp nhận được, nhưng trong một nhà dưỡng lão dành cho mấy ông già bà cả ở Hull sao? Tôi mà là thanh tra thì chỗ này bị

đóng cửa từ lâu rồi đấy, bà biết chứ?”

Nụ cười của bà Judd giờ đây đã trở nên chua loét như axit pin.

“Tôi muốn lấy lại chìa khóa,” bà ta buộc tôi phải lên tiếng. “Ngay bây giờ.”

“Aurora House bây giờ là nhà của ông rồi, ông Cavendish ạ. Chữ ký của ông đã ủy quyền cho chúng tôi áp dụng những điều ông chấp thuận. Và tôi sẽ không khách sáo nếu ông nhắc đến chị tôi bằng giọng điệu như thế.”

“Chấp thuận? Chữ ký? *Chị gái* nào?”

“Biên bản trông giữ mà ông ký tối hôm qua. Giấy tờ nhập hộ khẩu của ông.”

“Không, không, không. Đó là giấy đăng ký khách sạn mà! Thôi đi, toàn là thủ tục lý thuyết suông. Tôi sẽ quay lại sau khi ăn sáng. Mà hãy giải quyết xong chuyện này trước bữa ăn sáng, tôi nghe mùi bất bình thường rồi! Chà chà, đây sẽ là một câu chuyện kể hấp dẫn ở những bữa tiệc tối đây mà. Sau khi tôi siết cổ anh trai tôi xong. Mà nhân tiện, gửi hóa đơn đến cho lão ấy đi. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều là trả lại chìa khóa cho tôi thôi. Và tốt nhất là gọi một chiếc taxi cho tôi luôn.”

“Đa số khách ở đây đều bán loạn trong buổi sáng đầu tiên.”

“Tôi chả có gì mà bán loạn cả, nhưng tôi chưa nói rõ ý của mình. Nếu bà không...”

“Ông Cavendish, sao ông không ăn sáng trước rồi...”

“Chìa khóa!”

“Chúng tôi đã có sự cho phép bằng văn bản của ông để giữ những món đồ giá trị trong két sắt văn phòng.”

“Vậy thì tôi phải nói chuyện với ban quản lý.”

“Chính là chị tôi, Y tá Noakes.”

“Noakes? Quản lý?”

“Y tá Noakes.”

“Vậy thì tôi phải nói chuyện với ban quản trị, hoặc người làm chủ ở đây.”

“Chính là tôi đây.”

“Nghe này.” Gulliver và những Kẻ tí hon. “Bà đang vi phạm... Đạo luật chống giam giữ, hay là cái gì đại loại thế.”

“Ông sẽ thấy là làm trận làm thượng sẽ chẳng có ích gì cho ông ở Aurora House cả.”

“Điện thoại của bà, làm ơn. Tôi muốn gọi cho cảnh sát.”

“Trú nhân không được phép...”

“Tôi đ. phải là trú nhân! Và bởi vì bà không chịu trả chìa khóa cho tôi, tôi sẽ quay lại vào sáng hôm nay với một nhân viên luật pháp nổi khùng đấy.”

Tôi đẩy cánh cửa chính nhưng nó bật lại mạnh hơn. Một loại khóa an ninh chó chết gì đấy. Tôi thử ra bằng cửa thoát hiểm ở bên kia sảnh. Bị khóa. Chống lại sự phản đối của bà Judd, tôi dùng cây búa nhỏ đập vỡ một ổ khóa, cánh cửa mở ra, và tôi là người tự do. Chết tiệt, không khí lạnh phang thẳng vào mặt tôi! Giờ thì tôi biết tại sao người miền bắc lại để râu quai nón, vẽ mặt và tích trữ mỡ rồi. Tôi đi xuống con đường mòn uốn cong, băng qua những cây đỗ quyên lúc nhúc sâu, kiểm chế cảm giác thôi thúc mãnh liệt muốn bỏ chạy. Tôi đã không chạy kể từ giữa thập niên 1970 rồi. Khi đi ngang cái máy cắt cỏ, một gã khổng lồ râu ria bồm xồm mặc bộ áo liền quần của nhân viên trông coi sân bãi trời lên từ mặt đất như Hiệp sĩ Xanh. Hắn đang gỡ bỏ những gì còn sót lại của một hàng rào cây bụi khỏi lưỡi máy cắt bằng đôi tay tàn sát. “Đi đâu à?”

“Còn phải hỏi! Đến miền đất của người sống.” Tôi sai bước. Lá cây biến thành đất mục dưới chân tôi. Cuộc đời là thế, cây cối tự ăn mình. Tôi đã mất phương hướng nên không nhận ra lối đi dẫn ngược trở về khu nhà ăn. Tôi đã rẽ nhầm đường. Những Kẻ Chưa Chết của Aurora House dõi theo tôi qua lớp tường kính. “Khẩu phần ăn làm từ thịt người đấy!” tôi giễu ánh nhìn trống rỗng của họ, “Khẩu phần ăn làm từ thịt người đấy!” Trông họ hoang mang – Lạy Chúa, tôi là Người cuối cùng của Bộ lạc. Một người nhăn nheo gõ lên cửa sổ rồi chỉ về phía sau tôi. Tôi quay lại vừa kịp lúc gã quái vật vác tôi lên vai hắn. Hơi thở tôi bị vắt kiệt sau từng bước chân của hắn. Hắn *bốc mùi* phân bón. “Tôi còn nhiều chuyện hay ho hơn để làm...”

“Vậy thì đi mà làm đi!” tôi vùng vẫy tuyệt vọng để kẹp cổ hắn, nhưng tôi nghĩ hắn thậm chí còn chẳng nhận ra. Thế là tôi dùng đến sức mạnh ngôn từ siêu đẳng để trói chân tên thủ ác: “Quân chó chết trời đánh thánh đâm! Thế này là GBH<sup>[53]</sup>! Thế này là giam giữ trái phép!”

Hắn ôm siết tôi chặt thêm nữa để tôi im miệng, và tôi e rằng mình đã cắn tai hắn. Một sai lầm chiến lược. Chỉ với một cú giạt mạnh, quần tôi đã bị tuột khỏi thắt lưng – hắn định hiếp tôi hay sao? Điều hắn làm thậm chí còn kém dễ chịu hơn cả thế. Hắn vắt tôi lên cái máy cắt cỏ, dùng một tay ấn tôi xuống, rồi đánh tôi bằng một cây tre cầm ở tay kia. Đau đốn xé toạc cặp chân khăng khiu của tôi, một nhát, hai nhát, lần nữa, lần nữa, lần nữa!

Chúa ơi, đau đốn khôn tả!

Tôi la hét, rồi khóc lóc, rồi rên rỉ xin hắn dừng tay. Chát! Chát! Chát! Y tá Noakes cuối cùng cũng ra lệnh cho tên khổng lồ ngừng lại. Cặp mông tôi sưng vều như bị ong đốt! Giọng của mục đàn bà rít lên trong tai tôi: “Thế giới bên ngoài không có chỗ cho ông đâu. Aurora House giờ là nơi ông sống rồi. Ông thăm thía thực tế chưa? Hay tôi phải nhờ ông Withers đây giải thích lại một lần nữa?”

“Bảo mục ta đi chết đi,” tinh thần tôi cảnh báo, “nếu không sau này mi sẽ hối hận đấy.”

“Nói với mục ta những gì mục muốn nghe đi,” hệ thần kinh của tôi ré lên, “nếu không mi sẽ hối hận *ngay lúc này*.”

Tinh thần rất quyết tâm nhưng thịt da thì yếu đuối.

Tôi bị tống về phòng, không được ăn sáng. Tôi lập mưu báo thù, kiên tụng và tra tấn. Tôi kiểm tra phòng giam của mình. Cửa, khóa từ bên ngoài, không có lỗ khóa. Cửa sổ chỉ mở ra được mười lăm centimet. Ga giường nặng chịch làm từ xơ lót vĩ đựng trứng với tấm trải ở dưới bằng nhựa. Ghế bành, tấm lót ghế tháo giặt được. Thảm lau được. Giấy dán tường “dễ lau chùi”. Phòng tắm “trong phòng”: xà phòng, dầu gội, vải mỏng, khăn cũ, không cửa sổ. Ảnh một ngôi nhà đồng quê với chú thích: Xây Nhà bằng Tay, xây Tổ ấm bằng Tim. Viễn cảnh trốn thoát: âm đạm.

Dẫu sao, tôi vẫn tin rằng sự giam cầm này sẽ không kéo dài đến trưa. Một trong những lối thoát phải mở ra. Ban quản lý sẽ nhận ra sai lầm của

họ, xin lỗi rồi rít, sa thải mục Noakes khiếm nhã và năn nỉ tôi nhận tiền bồi thường bằng tiền mặt. Hoặ là, Denholme sẽ nhận ra trò đùa của lão đã phản tác dụng và yêu cầu thả tôi ra. Hoặ, kế toán sẽ nhận ra không có ai thanh toán hóa đơn cho tôi và sẽ tống cổ tôi đi. Hoặ, bà Latham sẽ báo cáo tôi mất tích, sự biến mất của tôi sẽ được đăng lên *Crimewatch UK* và cảnh sát sẽ truy tìm tung tích của tôi.

Khoảng mười một giờ, cửa được mở khóa. Tôi sẵn sàng để khước từ những lời xin lỗi và chuẩn bị công kích lại. Một bà già trông vẻ cũng một thời lừng lẫy bước vào. Bảy mươi tuổi, tám mươi, tám lăm, ai mà biết khi họ đã già chừng ấy? Một lão già còi cọc có khuôn mặt như chó săn, mặc áo khoác tay ngắn, đi theo bà ta. “Chào buổi sáng,” bà già lên tiếng. Tôi đứng dậy, không mời các vị khách của mình ngồi.

“Không dám.”

“Tôi tên là Gwendolin Bendincks.”

“Đừng trách tôi.”

Bối rối, bà ta ngồi xuống ghế bành. “Đây...” bà ta chỉ vào lão chó săn “... là Gordon Warlock-Williams. Sao ông không ngồi đi? Chúng tôi là tổ trưởng Tổ Dân cư.”

“Rất tốt cho bà, nhưng vì tôi không phải là một...”

“Tôi đã định tự giới thiệu tại buổi ăn sáng, nhưng chuyện không hay của buổi sáng xảy ra trước khi chúng tôi kịp đứng ra bảo vệ ông.”

“Chuyện cũng đã qua rồi, Cavendish ạ,” Gordon Warlock-Williams nói cộc lốc. “Sẽ không có ai nhắc đến chuyện đó nữa đâu, ông bạn à, yên tâm đi nhẩy.”

Xứ Wales, đúng vậy, ông ta hẳn phải là người xứ Wales. Bà Bendincks chồm tới. “Nhưng hãy hiểu điều này, ông Cavendish: những kẻ khuấy động ao bèo không được chào đón ở đây.”

“Vậy thì hãy trục xuất tôi đi! Tôi van các người đấy!”

“Aurora House không trục xuất,” tiếng bò rống dạy đời, “nhưng ông sẽ bị đánh thuốc mê, nếu hành vi của ông đến mức đó, để bảo vệ chính ông.”

Thật đáng ngại, phải không? Tôi đã xem *Bay qua tổ chim cú cu* với một

nhà thơ nữ cực kỳ bất tài nhưng giàu có và góa chồng, tôi có nhiệm vụ chú thích cho tuyển tập của bà ta, nhan đề *Những vần thơ Ngang tàng & Hoang dại*, nhưng bà ta hóa ra không góa bụa như thừa nhận lúc đầu. “Nghe này, tôi chắc chắn bà là một người biết phải quấy.” Câu bình luận vận dụng phép nghịch hợp ấy không *được đáp*. “Vì vậy hãy nghe cho kỹ đây. *Đúng ra tôi không ở đây*. Tôi đăng ký vào Aurora House vì tin rằng đây là một khách sạn.”

“A, nhưng chúng tôi có hiểu mà, ông Cavendish!” Gwendolin Bendincks gật đầu.

“Không, các người không hiểu!”

“Lúc đầu ai cũng sẽ được Gia đình U buồn đến thăm, nhưng rồi ông sẽ sớm vui lên khi nhận ra người thân của ông đã hành động vì lợi ích tốt nhất cho ông.”

“Tất cả ‘người thân’ của tôi đều đã chết hoặc loạn óc hoặc ở BBC, ngoại trừ ông anh trai đểu giả của tôi!” Quý vị có thể thấy mà, phải không Độc giả thân mến? Tôi đang ở một nhà thương điên trong phim kinh dị hạng B. Càng lái nhải và phẫn nộ, tôi càng chứng tỏ mình đang ở đúng nơi cần ở.

“Đây là khách sạn tốt nhất mà ông từng ở đấy, ông bạn ơi!” Răng của lão ta có màu bánh quy. Nếu lão có là con ngựa thì bạn cũng không nhìn thấu gã được. “Nhìn đi, khách sạn năm sao chứ đùa. Ăn có người phục vụ, quần áo có người giặt. Vui chơi giải trí có sẵn, từ đàn rổ đến đấu bóng vồ. Không có đồng hóa đơn khó hiểu, không có bọn trẻ ranh cuỗm xe của ông chạy chơi. Aurora House là cả một trời vui! Chỉ cần tuân theo quy định và đừng chọc giận Y tá Noakes nữa. Bà ta không phải người tàn nhẫn.”

“Quyền lực không giới hạn trong tay những người đầy hạn chế *luôn* dẫn đến sự tàn nhẫn.” Warlock-Williams nhìn tôi như thể tôi đang nói nhăng nói cuội. “Solzhenitsyn.”

“Trước đây Betws-y-coed<sup>[54]</sup> đã là nơi quá tốt đối với Marjorie và tôi rồi. Nhưng nghe này! Tôi cũng cảm thấy hết như ông trong tuần đầu tiên ở đây. Hầu như chẳng mở miệng nói chuyện với ai, bà Bendincks nhẩy, như bị mất số gạo ấy nhẩy?”

“Như mất cả tạ gạo ấy chứ, ông Warlock-Williams!”

“Nhưng bây giờ thì tôi vui như trúng số rồi! Nhảy?” Bà Bendincks mỉm cười, đó là một hình ảnh rùng rợn. “Chúng tôi đến đây để giúp ông định hướng lại. Bây giờ, tôi hiểu là ông từng làm trong ngành xuất bản. Tiếc là,” bà ta gõ vào đầu, “bà Birkin bây giờ chẳng còn khả năng ghi biên bản họp Tổ Dân cư như xưa nữa rồi. Một cơ hội tốt để ông có thể *tham gia* đấy!”

“Tôi vẫn đang làm xuất bản! Trông tôi có *giống* như kẻ đáng phải ở đây không?” Sự im lặng thật không thể chịu nổi. “Ôi, cút đi!”

“Thật thất vọng!” Bà ta liếc nhìn bãi cỏ lá rơi đầy, lăm lăm những ụn đất. “Giờ đây Aurora House là cuộc đời ông rồi, ông Cavendish ạ.” Đầu tôi bị đóng nút bấc và đồ khui nút bấc là Gwendolin Bendincks. “Đúng, ông đang ở trong Nhà dưỡng lão. Ngày đó đã đến. Ông ở đây có thể khổ hoặc dễ chịu. Nhưng sự ở lại này là vĩnh viễn. Suy nghĩ đi, ông Cavendish.” Bà ta gõ cửa. Những thế lực vô hình để cho những kẻ tra tấn tôi đi ra rồi đóng sầm cửa trước mặt tôi.

Tôi nhận ra trong suốt cuộc gặp, tôi đã không đóng dây kéo quần.

Hãy nắm giữ tương lai, hồi Cavendish thời trẻ. Mi không đăng ký làm thành viên, nhưng bộ lạc ông già bà lão sẽ túm lấy mi. Hiện tại của mi sẽ không bắt kịp với hiện tại của thế giới. Cú trượt chân này sẽ kéo giãn da của mi, làm xệ bộ xương của mi, ăn mòn tóc và trí nhớ của mi, làm cho da của mi trở nên trong mờ để cho những cơ quan nội tạng xoắn vẹo và những mạch máu màu phôi mai xanh của mi trở nên nửa mờ nửa tỏ. Mi sẽ chỉ dám mạo hiểm ra ngoài vào ban ngày, tránh dịp cuối tuần và ngày nghỉ lễ ở trường. Ngôn ngữ cũng sẽ bỏ mi lại phía sau, ngăn mi hòa nhập mỗi khi mi mở miệng nói. Trên thang cuốn, trên xa lộ, trong lối đi siêu thị, người sống sẽ không ngừng vượt qua mi. Những cô gái yêu kiều sẽ không nhìn thấy mi. Những máy soi cửa hàng sẽ không nhìn thấy mi. Những người bán hàng sẽ không nhìn thấy mi, trừ phi họ bán cầu thang nâng hoặc hợp đồng bảo hiểm giả. Chỉ có con nít, lũ mèo và những kẻ nghiện ngập nhận thấy sự tồn tại của mi. Vì thế đừng phung phí thời giờ của mình. Trước khi mi kịp sợ hãi, mi đã đứng trước một tấm gương trong nhà dưỡng lão, nhìn thân thể mình, và nghĩ đến người ngoài hành tinh ET, bị nhốt trong một chiếc tủ búp phê chết tiệt cả đêm.

Một người máy phi giới tính đem bữa trưa đựng trên khay đến. Tôi không có ý định xúc phạm, nhưng tôi thật tình không biết cô ta hay anh ta là nam hay nữ. Nó có một hàng ria mép mỏng nhưng cũng có ngực dù nhỏ. Tôi đã tính đến chuyện đánh nó bất tỉnh rồi làm một cú lao ra giải thoát theo kiểu Steve McQueen, nhưng tôi chẳng có vũ khí gì ngoại trừ một bánh xà phòng và chẳng có gì để buộc nó lại trừ dây thắt lưng.

Bữa trưa là món thịt cừ nhạt nhẽo. Khoai tây giống như lựu đạn bằng bột. Cà rốt đóng hộp vị phát tởm vì bản chất của chúng là thế. “Nghe này,” tôi năn nỉ người máy, “ít ra cũng đem cho tôi mù tạt Dijon chứ.” Nó chẳng tỏ ra dấu hiệu gì là hiểu. “Loại xay còn hạt, hoặc xay vừa. Tôi không bắt bẻ đâu.” Cô ả quay lưng. “Đợi đã! Cô có nói tiếng Anh không?” Cô ả đi mất rồi.

Bữa tối thắng tôi trong cuộc thi ai nhìn lâu hơn. Chiến thuật của tôi đã sai lầm ngay từ bước đầu tiên. Tôi đã cố gắng la hét để phản đối sự phi lý này, nhưng kẻ bị tống vào viện không thể làm điều này. Những tên chủ nô sẵn lòng tiếp chiêu kẻ nổi loạn nào lên tiếng phản kháng trước những người khác. Trong tất cả những tác phẩm văn học về nhà tù mà tôi đã đọc, từ *Quần đảo ngục tù* đến *Bắt cóc con tin* đến *Đám Võ Mồm*, quyền lợi phải được mặc cả và tích lũy bằng sự khôn ngoan. Sự phản kháng của tù binh chỉ càng chứng tỏ sự cầm tù tàn nhẫn này là đúng đắn trong tâm thức của những kẻ cầm tù mà thôi. Bây giờ là mùa lẩn tránh. Tôi nên ghi chép đầy đủ để hạ hồi dùng đến trong thỏa thuận bồi thường. Tôi nên tri ân mục Noakes Đen. Nhưng khi tôi dùng nĩa nhựa cắm xuống những hạt đậu lạnh ngắt, một tràng pháo bông phát nổ trong đầu tôi và thế giới bất thành linh dừng lại.

Orison của Sonmi ~ 451

*Những nhà sử học còn chưa ra đời sẽ trân trọng sự hợp tác của cô trong tương lai, Sonmi~451 ạ. Lưu trữ viên chúng tôi thì cảm ơn cô trong hiện tại. Sự biết ơn của chúng tôi có thể không mang nhiều ý nghĩa lắm, nhưng tôi sẽ cố gắng đáp ứng bất kỳ yêu cầu cuối cùng nào của cô, nếu nằm trong khả năng ảnh hưởng cấp Bộ chúng tôi. Còn bây giờ, thiết bị hình quả trứng màu bạc này được gọi là orison. Nó chứa một bức ảnh chụp khuôn mặt cô và lời nói của cô. Khi nào chúng ta kết thúc, orison này sẽ được lưu trữ tại Bộ Chúc thư. Đây không phải là một cuộc hỏi cung, xin nhớ cho, cũng không phải một phiên xét xử. Phiên bản sự thật cô nói ra mới là điều quan trọng.*

Chẳng có phiên bản nào khác của sự thật quan trọng đối với tôi cả.

*Bắt đầu thôi. Thông thường, tôi đề nghị người được hỏi nhớ lại những ký ức sớm nhất của họ. Trông cô có vẻ không chắc chắn lắm.*

Tôi không có ký ức sớm nhất nào cả, Lưu trữ viên. Mỗi ngày trong cuộc đời tôi ở Papa Song đều giống nhau như những miếng khoai tây chiên mà chúng tôi bán vậy.

*Vậy thì xin cô vui lòng mô tả thế giới đó.*

Đó là một tòa nhà mái vòm khép kín, rộng khoảng tám mươi mét, là một nhà hàng thuộc Tập đoàn Papa Song. Nhân viên phục vụ làm việc ở đây mười hai năm mà không được ra ngoài bao giờ. Nhà hàng được trang trí với những ngôi sao và đường kẻ sọc màu đỏ, vàng và hình mặt trời mọc. Nhà hàng chúng tôi nằm ở tầng hầm số chín bên dưới Chongmyo Plaza. Thay vì gắn cửa sổ thì tường được trang trí bằng màn hình quảng cáo. Phía tường phía đông là thang máy của nhà hàng, lối ra vào duy nhất. Phía bắc là phòng của Quản lý; phía tây là phòng của Trợ lý; phía nam là kí túc xá của người phục vụ. Nhà vệ sinh dành cho khách được đặt ở hướng đông bắc, đông nam, tây bắc và tây nam. Tâm Điểm nằm ở giữa. Tại đây thực khách gọi món; chúng tôi nhập yêu cầu món ăn của họ, ghi nợ thẻ Soul của họ ở chỗ thu ngân, rồi sắp xếp thức ăn của họ lên khay và bê đến. Mọc lên từ Tâm Điểm là Bục Papa Song. Ở đây Ông ta biểu diễn các tiết mục để mua vui cho thực khách.

*Tiết mục?*

Nhiều trò ảo thuật 3D khác nhau; uống món styro dậu ổi bằng một

ngón tay; tung hứng những chiếc bánh burger bốc cháy; hắt hơi ra sâu bướm. Trẻ con thích kiểu cách nhẹ nhàng của Ông ta; tất nhiên các nhân viên phục vụ cũng kính yêu Ông ta. Chúng tôi không biết đến bố mẹ nào khác ngoài Papa Song, Logoman của tập đoàn chúng tôi.

*Có bao nhiêu nhân viên làm việc tại nhà hàng?*

Khoảng mười bốn. Một nhà hàng Papa Song chuẩn mực thường tuyển một Quản lý Nhân sự, hai hoặc ba Trợ lý và có chỗ ở cho mười hai người phục vụ; thông thường có ba thành viên ứng với mỗi nhóm tế bào gốc. Trong năm đầu tiên tôi làm ở đó, chúng tôi có ba Hwan-Soon, ba Yoona, ba Ma-Leu-Da, và ba Sonmi; chừng đó là đủ để xoay xở trong những giờ cao điểm. Bốn trăm người tiêu dùng có thể đủ chỗ ngồi, nhưng vào những Đêm Chín và Ngày Mười, có rất nhiều nhóm khách lớn đến từ Sân vận động Thể thao Corpocracy đến nỗi khách phải ăn đứng.

*Cô có thể mô tả lịch làm việc của một người phục vụ được không?*

Giờ bốn rưỡi là giờ đèn vàng. Hoạt khí được truyền vào khí quản để đánh thức chúng tôi. Chúng tôi xếp hàng vào nhà vệ sinh; sau đó chúng tôi hút bụi. Sau khi về phòng kí túc xá, chúng tôi mặc đồng phục mới; sau đó tập hợp quanh Tâm Điểm với Quản lý và các Trợ lý của ông ta. Papa Song xuất hiện trên Bục để cầu kinh, rồi chúng tôi cùng nhau đọc Sáu Điều Răn. Sau đó Logoman giảng đạo. Một phút trước giờ năm chúng tôi đi đến vị trí của mình xung quanh Tâm Điểm. Thang máy đem những khách hàng đầu tiên của ngày đến. Trong mười chín tiếng, chúng tôi đón khách, nhập yêu cầu gọi món, bê thức ăn, bán nước, cho thêm món phụ, lau bàn, lấy rác, lau dọn nhà vệ sinh của khách và mời những thực khách đáng kính của chúng tôi ghi nợ Soul của họ cho thu ngân ở Tâm Điểm.

*Các cô không được nghỉ ngơi à?*

“Nghỉ ngơi” đồng nghĩa với ăn cắp giờ làm đấy, Lưu trữ viên ạ! Giờ zero là giờ giới nghiêm, tất nhiên, vì vậy tất cả khách đều phải ra về trước giờ đó. Chúng tôi lau chùi từng centimet trong nhà hàng đến không giờ ba mươi, sau đó tập hợp quanh Bục để đọc Kinh tối, rồi xếp hàng trở về phòng kí túc xá để hút những túi Xà phòng. Đến không giờ bốn mươi lăm, thuốc ngủ bắt đầu thấm. Chưa đến bốn tiếng sau, các đèn mặt trời sáng màu vàng cho

một ca làm việc mới, và một ngày mới bắt đầu.

*Có thật là người nhân bản vô tính cũng nằm mơ như chúng tôi không?*

Đúng, Lưu trữ viên ạ, chúng tôi thực sự có nằm mơ. Tôi thường mơ thấy Hawaii trên nền sóng xanh ngọc bích; về cuộc sống ở Thiên Thai; về lời khen ngợi từ Papa Song; về các chị em của tôi, thực khách, Quản lý Rhee và các Trợ lý. Chúng tôi cũng gặp ác mộng; về những thực khách hung dữ, nghệt ống dẫn thức ăn, mất vòng cổ và những lần bị giáng sao hổ thẹn.

*Cô đã mơ thấy gì trong nhà tù này?*

Những thành phố lạ; trải trên những mảnh đất trắng đen; vụ hành quyết tôi trong tương lai ở Hải đăng; tôi đã mơ thấy Hae-Joo Im ngay trước khi lính canh đánh thức tôi để đưa ông vào. Cả ở Papa Song và trong phòng này, những giấc mơ là yếu tố duy nhất không thể dự đoán trong những ngày đêm bị khoan rào của tôi. Không ai ban phát chúng, hoặc kiểm duyệt chúng. Giấc mơ là tất cả những gì tôi thực sự sở hữu.

*Người phục vụ không bao giờ thắc mắc về thế giới rộng lớn bên ngoài nhà mái vòm, hay các cô tin rằng nhà hàng là toàn thể vũ trụ rồi?*

Vũ trụ học của chúng tôi không quá tầm thường, trí tuệ của chúng tôi cũng không đến nỗi kém cỏi. Chúng tôi nhìn thấy Bên ngoài qua màn hình quảng cáo; Papa Song cho chúng tôi xem cảnh vật ở Thiên Thai; và chúng tôi biết thực khách và thực phẩm mà chúng tôi phục vụ cho họ phải đến từ một nơi nào đó.

Tuy nhiên, Xà phòng đập tắt trí tò mò; chúng tôi thích không phải thắc mắc hơn.

*Thật khó hình dung, sống với quá nhiều... điều không thể đo lường như thế.*

Lưu trữ viên này, khi anh ba hoặc bốn tuổi, bố của anh biến mất mỗi ngày đến một nơi gọi là “Công việc”, có phải không? Ông ta ở lại “Công việc” đến giờ giới nghiêm, nhưng anh không cần lo lắng về không gian, địa điểm hay đặc điểm của nơi này vì mối bận tâm của anh chỉ gói gọn trong những gì trước mắt thôi. Đây là cách mà những người nhân bản vô tính trong nhà nhìn nơi gọi là “Bên ngoài”.

*Vậy cô không bao giờ muốn bước chân vào thang máy và chỉ... cô biết đấy, đi*

*cho biết?*

Câu hỏi của anh mới con người làm sao, Lưu trữ viên ạ! Không có chiếc thang máy nào hoạt động nếu không có một Soul trong đó.

*Cũng đúng. Cô có khái niệm về thời gian không? Về tương lai?*

Có: như quy định của Điều răn Sáu.

*Nó nói gì?*

*Một Năm, một Sao, Mười hai sao đến Thiên Thai!* Tại buổi Lễ Gắn Sao trong sáng đầu năm, những chị em mười hai sao của chúng tôi làm dấu đồng tiền, quỳ xuống cầu nguyện, rồi đi qua Cửa thoát hiểm để lên chiếc Kim thuyền của Papa Song. Chúng tôi thấy được họ lần nữa trên màn hình 3D khi họ khởi hành đến Hawaii; rồi sau đó, khi họ đến Thiên Thai; rồi không lâu sau, họ trở thành những người tiêu dùng bận rộn, ăn mặc sang trọng. Vòng cổ của họ không còn nữa; họ cho chúng tôi xem những Soul đá hoàng ngọc trên ngón tay; họ vẫy tay từ một thế giới vượt quá vốn từ của chúng tôi. Cửa hiệu, tiệm làm tóc, nhà hàng; biển xanh, trời hồng; hoa đại, cầu vồng, đặng ten, ngựa non, nhà điện viên, lối đi dạo, bướm bướm. Chúng tôi chết mê chết mệt! Các chị em của chúng tôi trông thật hạnh phúc. Họ động viên chúng tôi làm việc chăm chỉ; giành được sao bằng sự cần cù; trả hết tiền Đầu tư; rồi đến gặp họ ở Thiên Thai càng sớm càng tốt.

*“Càng sớm càng tốt”? Tôi tưởng thời gian làm việc của các cô được xác định là mười hai năm?*

Nếu một người phục vụ báo cáo về lầm lạc của một chị em, thì cô ta sẽ được thưởng một sao từ phù hiệu của kẻ lầm lạc, và đường đến Thiên Thai sẽ được rút ngắn một năm. Giáng sao là một cách ngăn chặn hiệu quả. Tôi chỉ mới chứng kiến một lần duy nhất.

*À, phải, vụ Yoona~939 nổi tiếng. Cô có nhớ mình đã gặp cô ấy như thế nào không?*

Có. Ấn tượng đầu tiên của tôi là tiêu cực. Các Ma-Leu-Da thường đe nẹt lính mới; các Hwan-Soon thì bắt nạt chúng tôi; còn các Yoona hay có vẻ khó gần và ủ rũ, Yoona~939 cũng không ngoại lệ. Tôi ước gì được bắt cặp với một Sonmi khác, nhưng Quản lý Rhee chia đều các nhóm tế bào gốc xung quanh các thu ngân ở Tâm Điểm. Yoona~939 và tôi làm việc bên

nhau; cũi của chúng tôi trong kí túc xá cũng đặt cạnh nhau.

Quan điểm của tôi về cô ấy thay đổi vào Ngày Mười đầu tiên của tôi. Cô ấy không hề khó gần, chỉ là cảnh giác mà thôi; đôi mắt ngà không u buồn, mà linh hoạt. Nội tâm cô ấy có những màu sắc thu hút tôi; cô ấy đáp trả khao khát được kết bạn của tôi; cô ấy báo cho tôi biết khi Quản lý Rhee sắp đến kiểm tra; cô ấy giải mã yêu cầu món ăn của những thực khách say bí tỉ. Chính nhờ những bài học được cô ấy vô tình hoặc cố ý dạy cho tôi mà tôi sống sót trong thời gian ở Papa Song.

*Những “màu sắc” mà cô nói, đó có phải là kết quả của sự tiến hóa của cô ta không?*

Những ghi chú trong nghiên cứu của sinh viên Boom-Sook quá rối rắm khiến tôi không thể chắc chắn thử nghiệm trên Yoona~939 được thực hiện khi nào; nhưng từ kinh nghiệm riêng của mình, tôi tin rằng sự tiến hóa chỉ giải phóng những gì bị Xà phòng kiềm nén. Sự tiến hóa không tạo thêm những đặc tính chưa từng tồn tại. Dù con người có cố gắng hết sức để tự thuyết phục mình thế nào đi nữa, thì đầu óc của người nhân bản vô tính thật sự rất khác, dù hình dáng và cơ thể chúng tôi không khác con người.

*“Dù con người có cố gắng hết sức để tự thuyết phục mình thế nào đi nữa”? Tại sao cô nói vậy?*

Biến một con người thành nô lệ sẽ khiến lương tâm day dứt, nhưng biến một người nhân bản vô tính thành nô lệ thì thuận túy giống như sở hữu một chiếc ford sáu bánh đời mới nhất được sản xuất hàng loạt vậy. Kỳ thực, tất cả người nhân bản vô tính, kể cả người nhân bản vô tính cùng tế bào gốc, đều độc nhất như hoa tuyết vậy. Mắt phàm của con người không thể nhận ra những khác biệt này, nhưng chúng có tồn tại.

*Từ khi nào những lầm lạc của Yoona~939 trở nên rõ ràng với cô?*

Những câu hỏi “khi nào” rất có vấn đề trong một thế giới không có lịch hay cửa sổ. Dấu hiệu bên ngoài đầu tiên trong sự tiến hóa của Yoona chính là khả năng nói của cô ấy. Chuyện này bắt đầu vào khoảng tháng Sáu. Đầu tiên, cô nói nhiều hơn. Giáo lý không quy định phải im lặng trong phòng ký túc xá hoặc nhà vệ sinh, nhưng Quản lý Rhee khiển trách chúng tôi nếu nói chuyện vô cớ. Yoona bắt đầu nói trong những lúc vắng khách ở Tâm

Điểm, hoặc trong lúc lau dọn; về thực khách, phong cách và phục trang; bình phẩm về Quản lý và các Trợ lý. Kể cả trong nhà vệ sinh, và trong lúc chúng tôi hút Xà phòng. Lúc đầu, điều đó làm chúng tôi thích thú, kể cả các Ma-Leu-Da.

Ngôn ngữ của Yoona sau đó trở nên phức tạp hơn; cô ấy trở nên khó hiểu. Chương trình huấn luyện dạy chúng tôi từ vựng cần thiết cho công việc, nhưng các chất gây quên trong Xà phòng xóa dần những từ đã học được. Ngôn ngữ của Yoona chứa đầy những khoảng trống mà chúng tôi không ghi nhận được. Cô ấy nói chuyện như một con người.

*Những lầm lạc nào khác được thể hiện nữa?*

Yoona-939 bắt chước khách. Khi chúng tôi lau nhà vệ sinh, Yoona giả vờ làm một con người bất lịch sự. Cô ấy ngáp, nhai nhồm nhoàm, hắt hơi, ợ và làm ra vẻ say xỉn. Cô ấy ngân nga bài Thánh thi của Papa Song với nhiều sai sót ngớ ngẩn. Cô ấy rất vui khi làm tôi cười. Tiếng cười là một sự báng bổ phạm thượng. Những nhà độc tài có lý khi sợ tiếng cười.

*Và khi nào thì Yoona-939 thực sự vi phạm một Điều răn ở chốn công cộng?*

Vào Tháng Tám, Yoona vi phạm Điều răn Năm. Điều răn này ngăn cấm người phục vụ đường đột trò chuyện với thực khách. Một người mẹ và cậu con trai nhỏ gọi món bò trộn rong biển, nhưng máng đồ ăn đang quá tải nên Yoona bảo họ đợi. Đứa bé đợi chán bèn hỏi tại sao một số người phục vụ lại giống hệt nhau. Mẹ nó giải thích rằng chúng tôi được nuôi trong lồng ấp giống nhau, như củ cải trong lớp sinh học của nó vậy. Thằng bé lại hỏi nó đã được nuôi trong lồng ấp nào? Con lấy hai ống hút, mẹ nó hỏi, hơi đỏ mặt, hay ba ống hút? Thằng bé vẫn chưa chịu thôi: ai trông chừng con của người nhân bản vô tính khi họ làm việc ở đây? Người nhân bản vô tính không có con, mẹ nó đáp, vì họ không muốn có con. Thằng bé suy nghĩ điều này, rồi hỏi Cô Ae-Sook cũng là người nhân bản vô tính à?

Người mẹ nói người nhân bản vô tính không lo lắng về tiền bạc, thi cử, bảo hiểm, thăng cấp hay giáng cấp, bệnh tật hay hạn mức sinh con. Bà ta vẫy tay chỉ Yoona và tôi; bà nói, những người nhân bản vô tính may mắn này chỉ lao động có mười hai năm là được đến thiên đường ở Hawaii để nghỉ hưu. Đó là lý do mà những người phục vụ luôn mỉm cười.

Yoona nói, “Rác rưởi, thưa bà.”

*Cô ta nói thế với khách hàng ư! Bà ta đã làm gì?*

Sự kinh ngạc của bà ta cũng tương tự như của anh vậy, Lưu trữ viên ạ. Chết lặng, bà ta kiểm tra lại xem có đúng là Yoona đang nói chuyện với mình không.

“Đúng thế.” Yoona không dừng lại. “Có giỏi thì bà làm việc ở Tâm Điểm này mười chín tiếng, mười ngày một tuần, mười hai năm trong đời; bà phục vụ những khách hàng quá quắt; bà hạ mình trước một Quản lý, Trợ lý và một Logoman; bà phục tùng các Điều răn của chúng tôi; cứ làm hết những điều này đi, rồi hãy nói với tôi người nhân bản vô tính là tầng lớp hạnh phúc nhất trong đất nước này. Chúng tôi mỉm cười vì chúng tôi đã bị lập trình để làm thế. ‘Hạnh phúc’, bà nghĩ chúng tôi như thế ư? Tôi sẵn sàng kết liễu đời mình ngay lúc này, nhưng tất cả những con dao trong nhà tù này đều làm bằng nhựa cả. Thưa bà.”

Thằng bé nhìn Yoona~939, hai mắt mở to, rồi bắt đầu khóc thút thít. Người mẹ túm đứa bé rồi chạy ra khỏi cửa.

*Tại sao người mẹ không báo cáo về sự lầm lạc của Yoona~939, khi đó hoặc sau đó?*

Có thể bà ta bị tê liệt vì quá sốc; có thể bà ta là một người theo chủ nghĩa bãi nô ẩn mình; có thể bà ta đã nộp đơn khiếu nại, nhưng Nhất Đảng đã ém nhẹm vụ này để bảo vệ thí nghiệm của họ. Tôi sẽ không bao giờ biết được.

*Không có nhân chứng nào khác chứng kiến sự chuyển biến này à?*

Ma-Leu-Da~801 là chị em thứ ba phục vụ ở hướng tây. Cô ta “ghét” Yoona~939 vì đã kết bạn với lính mới và vì cô ta là một Ma-Leu-Da ưa ganh ghét đố kỵ. Cô ta làm ngơ trước sự bùng nổ của Yoona, nhưng tôi thoáng thấy sự xảo quyệt trong nét mặt của cô ta. Tôi van Yoona hãy thận trọng hơn, nhưng bạn tôi vẫn dửng dưng như không. Theo kinh nghiệm của tôi, người phục vụ gặp khó khăn khi xâu chuỗi một câu có năm từ.

*Làm thế nào Yoona phát triển kỹ năng nói trong thế giới biệt lập như thế?*

Sự tiến hóa hấp thụ ngôn ngữ như đất khô hấp thụ nước vậy. Những từ

ngữ anh thậm chí còn không biết mình sở hữu cứ tuôn ra khỏi miệng anh. Hãy nhớ, Lưu trữ viên ạ, Yoona không phải là một người phục vụ bình thường và cũng không có nhà hàng nào thực sự biệt lập cả. Mỗi nhà tù đều có người giam cầm và người giam cầm chính là những ống dẫn. Trong thời gian tiến hóa của mình, tôi cũng đã thu thập từ mới, ngữ pháp và thành ngữ từ Quản lý và các Trợ lý, Papa Song, màn hình quảng cáo, thực khách và sony của họ.

*Một câu hỏi khá quát hơn. Cô có hạnh phúc trong những ngày đó không?*

Hạnh phúc có phải là không thiếu thốn không? Nếu phải, thì người phục vụ là tầng lớp hạnh phúc nhất trong tập đoàn, như con người thích nghĩ như vậy. Nhưng nếu hạnh phúc là chinh phục được khó khăn trở ngại, hoặc là cảm giác mình có giá trị và đạt được những gì mình muốn, thì trong tất cả những nô lệ của Nea So Copros, chúng tôi chắc chắn là những kẻ bất hạnh nhất.

*Không có nô lệ ở Nea So Copros! Bản thân từ nô lệ cũng đã bị loại bỏ rồi!*

Lưu trữ viên: sự trẻ trung của anh là chân thật hay nhờ thuốc hồi xuân? Tại sao anh lại được giao trường hợp “chưa có tiền lệ” của tôi? Tôi không có ý xúc phạm anh.

*Cô không xúc phạm tôi. Việc tôi có mặt ở đây là một sự thỏa hiệp. Nhất Đảng khẳng định một tín đồ dị giáo chẳng có gì để cung cấp cho dữ liệu quốc gia ngoài sự xúi giục nổi loạn. Các nhà gien học đã thách thức Chủ Thể để Luật 54.iii được thực thi ngược với mong muốn của Nhất Đảng, nhưng đã không tính đến những lưu trữ viên thâm niên theo dõi phiên xét xử cô và nhận định trường hợp của cô quá mạo hiểm để họ đánh cược tên tuổi. Tôi chỉ là một lưu trữ viên cấp tám ở một Bộ không có tiếng nói, nhưng khi tôi đấu tranh để được giao vụ của cô, họ đã phê duyệt trước khi tôi kịp đổi ý. Thế đấy. Người “tự thú” của cô đã tự thú rồi.*

Vậy là anh đang đánh cược toàn bộ sự nghiệp của mình trên lời khai của tôi?

*... Sự thật ít nhiều đúng là như thế, phải.*

Tôi được biết những người hỏi cung thường rất hai mặt, nhưng sự thành thật của anh mới lạ quá.

*Một lưu trữ viên hai mang sẽ chẳng có ích lợi gì cho ai! Cô có thể cho tôi biết một chút về Quản lý Rhee không? Ông ta đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời cô ở Papa Song, và đã khai chống lại cô tại phiên tòa. Ông ta là người như thế nào?*

Quản lý Rhee là một người tư bản, đến tận xương tủy. Mục tiêu tối thượng trong cuộc đời lão là đạt đến tầng lớp lãnh đạo trong Tập đoàn Papa Song; một niềm hi vọng hảo huyền. Lão đã quá lứa tuổi mà các Quản lý được đề bạt lên tầng lớp có quyền lực thật sự. Rhee bám víu vào niềm tin rằng lao động vất vả và một lý lịch sạch sẽ đã đủ để đạt được những gì lão thèm muốn. Lão dành phần lớn giờ giới nghiêm buổi tối trong phòng làm việc; rất lễ độ với tất cả thực khách; bợ đỡ cấp trên; là hung thần đối với người nhân bản vô tính; và nhã nhặn với nhiều kẻ cấm sừng lão, những người mà lão hi vọng sẽ bứt lão ra khỏi sự mờ nhạt khi họ thăng tiến.

*Có phải cô nói, “nhiều người cấm sừng lão” không?*

Quản lý Rhee phải được hiểu trong bối cảnh vợ của lão. Bà Rhee dùng chồng làm bầu sữa hái ra tiền. Bà ta đã bán hết hạn ngạch sinh con của mình nhiều năm trước rồi, cũng đã đầu tư cho mình không ít và dùng tiền lương của chồng để mua thuốc hồi xuân và căng da mặt để tuổi bảy mươi của bà ta trông như ba mươi. Bà Rhee đến thăm nhà hàng để thanh tra những nam Trợ lý mới nhất. Bà ta hẳn phải có một chút ảnh hưởng nào đó trong thứ bậc ở Papa Song; Yoona-939 nói với tôi rằng các Trợ lý phục tùng bà ta có thể được thăng tiến lên một nhà hàng có tên tuổi hơn. Hoang địa khắc nghiệt nhất ở Mãn Châu chờ đợi những chàng trai trẻ cứng đầu không chịu phục tùng.

*Tại sao bà ta không bao giờ dùng sự ảnh hưởng này để đại diện cho chồng mình?*

Tôi không biết nội tình chuyện hôn nhân nhà họ, Lưu trữ viên, và không thể phỏng đoán được gì. Anh sẽ phải hỏi bà Rhee câu hỏi đó.

*Nhưng tại sao Quản lý Rhee lại chịu đựng một sự... xúc phạm liên tục tiếp diễn như vậy?*

Thứ nhất: vợ lão tiết ra sự lộng lẫy tại các sự kiện của tập đoàn, bù đắp lại cho sự thiếu hụt của lão. Thứ hai: không có một thành viên hội đồng

nào từng ly dị. Thứ ba: vì lão buộc phải làm thế.

*Yoona~939 có đe dọa lý lịch sạch nước căn của Quản lý Rhee không, theo cô?*

Tôi tin chắc là có. Một người phục vụ mà cư xử như một con người là rắc rối; mà rắc rối thì thường thu hút sự phàn nàn; sự phàn nàn sẽ đến tai cấp trên. Vì thế khi Quản lý Rhee nhận ra những lầm lạc của Yoona~939, lão đã bỏ qua giai đoạn giáng sao mà gọi ngay một bác sĩ của tập đoàn đến để tái định hướng cô ấy. Đây là một sai lầm chiến thuật, loại sai lầm giải thích cho nguyên nhân tại sao sự nghiệp của Quản lý Rhee mãi không khá nổi. Yoona~939 vượt qua bài kiểm tra với điểm số hoàn hảo, và bác sĩ tuyên bố cô ấy vẫn đang làm việc như người nhân bản vô tính. Ông ta kê toa tăng thêm năm milligram thuốc gây quên trong Xà phòng của cô ấy; chẳng có gì hơn. Quản lý Rhee lúc bấy giờ không thể kỷ luật Yoona hơn được nữa vì làm thế chẳng khác nào ngụ ý xem thường bác sĩ thâm niên của tập đoàn.

*Đến thời điểm nào Yoona~939 biến cô thành đồng phạm trong tội ác của cô ta?*

Yoona định giải thích ý nghĩa của một từ mới tìm được, *bí mật*. Biết một điều gì đó mà không ai khác biết, kể cả Papa Song, một điều không thể tưởng tượng nổi. Vậy là Yoona, vào một đêm sau ca làm việc, khi chúng tôi đang ngồi hút bụi, đã hứa sẽ cho tôi xem một bí mật.

Tôi tỉnh giấc không phải vì đèn vàng, mà vì Yoona đang lay tôi dậy trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn giới nghiêm. Các chị em của chúng tôi nằm bất động trong cũi, thỉnh thoảng mới co giật nhẹ.

“Đi theo tôi,” Yoona ra lệnh, như một Quản lý.

“Đang giờ giới nghiêm mà,” tôi nói. “Tôi sợ lắm.”

“Đừng sợ. Đi theo tôi.”

“Chúng ta đi đâu?”

“Đến một bí mật.” Cô ấy dẫn tôi đi từ cửa phòng ký túc xá vào trong nhà mái vòm. Sự im lặng quái gở của nó khiến tôi sợ hãi. Màu đỏ và vàng biến thành xám và nâu. Bục của Papa Song là một phiến đá câm lặng. Ánh sáng yếu ớt lọt qua khe cửa của Quản lý Rhee. Yoona mở cửa ra; lúc đó tôi biết được rằng nỗi sợ bị phát hiện chờ đợi trong từng bí mật.

Quản lý của chúng tôi nằm úp đầu xuống bàn. Nước dãi dính chặt cầm lão với chiếc sony; mi mắt lão chuyển động và một tiếng gầm gừ nghẹn trong cổ họng. Yoona cho tôi biết vào mỗi Đêm Thứ Mười, Quản lý khả kính của chúng tôi ở lại nhà hàng suốt giờ giới nghiêm. Lão nói với các Trợ lý là lão phải ở lại làm cho hết công việc văn phòng, nhưng thực chất lão chỉ hút Xà phòng rồi ngủ cho đến khi đèn vàng. “Xà phòng tác động đến con người như thuốc phiện vậy.” Cô ấy đá mạnh vào bụng lão; thái độ khiếp đảm của tôi khiến cô ấy thích thú. “Cậu có thể làm gì cũng được, lão sẽ không tỉnh lại đâu. Lão đã sống với người nhân bản vô tính quá lâu rồi, lão cũng gần giống chúng ta rồi.”

Yoona kéo hộc bàn của Quản lý Rhee, lấy ra một chiếc chìa khóa bạc bé tí xíu rồi dẫn tôi băng qua nhà mái vòm đến bức tường giữa lối vào và nhà vệ sinh hướng đông bắc. “Cậu thấy cái gì?” Yoona hỏi. Tôi chẳng thấy gì cả, tôi đáp. “Nhìn lại đi, nhìn thật kỹ vào.” Khi đó tôi thấy một đường rất mờ và một vết nhỏ; đó là một cái lỗ. Yoona đưa chìa khóa cho tôi. Tôi nhét nó vào. Đường rãnh trở thành một hình chữ nhật và một cánh cửa mở ra. Căn phòng tối tăm trong đó không cho thấy dấu hiệu của thứ gì nằm bên trong. Yoona nắm tay tôi.

Tôi lưỡng lự. Nếu tôi đi lòng vòng trong nhà hàng vào giờ giới nghiêm thì hành động đó sẽ không khiến tôi bị giáng sao, nhưng chui vào những căn phòng bí mật thì chắc chắn sẽ có. Nhưng Yoona không chịu về. Tôi quỳ khấn thần tiên ba lần rồi để cô ấy lôi tôi theo. Cánh cửa đóng lại sau lưng tôi. Bóng đêm có mùi bụi bặm, mục nát và bột giặt cũ. Yoona thì thầm, “Bây giờ, Sonmi ạ, cậu đang ở bên trong một bí mật.” Một tia sáng cắt ngang màn đêm; tôi thấy một nhà kho chật hẹp chất đầy những vật dụng đã bị lãng quên: những chiếc ghế chồng lên nhau, cây nhựa; áo choàng, mũ, quạt giấy; một đèn mặt trời bị đứt bóng; nhiều chiếc ô. Khuôn mặt của Yoona, mắt của tôi. Ánh sáng làm nhức mắt. “Ánh sáng có sống không?” tôi hỏi.

“Ánh sáng là sự sống,” Yoona trả lời. Cô ấy đã tìm thấy một chiếc đèn pin bỏ quên dưới một chiếc bàn, và giấu nó trong Tâm Điểm để sau này đem đến căn phòng bí mật. Đây là điều khiến tôi choáng váng hơn hết thảy.

*Vì sao?*

Điều răn Ba dạy rằng người phục vụ nào sở hữu bất kỳ thứ gì, kể cả suy nghĩ, là đã từ chối tình thương mà Papa Song dành cho chúng tôi, thể hiện qua Đầu tư của ông ấy. Tôi tự hỏi, Yoona có còn tuân thủ theo Điều răn hay không? Cô ấy cho tôi xem một chiếc hộp kim loại chứa những chiếc hoa tai không cùng bộ, vòng tay và dây chuyền.

Cô ấy đeo một chiếc vương miện bằng ngọc lục bảo lên mái tóc tết, quàng chuỗi hạt ngọc trai màu tím quanh cổ tôi. Tôi hỏi làm sao Yoona tìm ra căn phòng bí mật này.

“Sự tò mò,” cô ấy đáp.

Tôi không biết từ này. “Sự tò mò có phải là đèn pin không, hay là chiếc chìa khóa?”

Yoona đáp nó là cả hai. Sau đó cô ấy cho tôi xem báu vật quý nhất trong số đó. “Quyển sách này,” cô ấy nói, với sự kính trọng, “cho thấy Bên ngoài, đúng như sự thật.”

*Yoona có biết đọc và nói như con người không?*

Tôi cũng hỏi câu tương tự; câu trả lời của cô ấy là một chữ không tội nghiệp. Nhưng chúng tôi xem các bức tranh. Một bức cho thấy một căn phòng thấp nển với những con người mặc những chiếc áo choàng lộng lẫy và những chiếc đầm lấp lánh. Tôi mê mẩn. Tại sao những bức tranh này không chuyển động như hình ảnh trên sony của các thực khách? Yoona suy đoán quyển sách đã bị hỏng; điều này giải thích lý do tại sao người chủ bỏ nó.

Quyển sách có rất nhiều hình: một người phục vụ lấm lem phục vụ ba cô chị xấu xí; một bà phù thủy da trắng làm mưa sao lên người cô ta, biến cô ta thành một quý bà như bà Rhee; một con người đẹp trai dùng gươm vạch đường đi băng qua một khu rừng đầy gai; bảy người nhân bản vô tính cao bằng một nửa người bình thường mang những món dao nĩa kì lạ đi theo sau một cô gái mặc váy trắng; một ngôi nhà xây từ kẹo; một con cá ngựa chải tóc cho một nàng tiên cá; lâu đài, gương, rồng. Tất nhiên, lúc đó chúng tôi không thể phân biệt được phần lớn những vật này. Đa số từ ngữ trong cuộc phỏng vấn này chưa được tôi sử dụng khi tôi còn là người phục

vụ.

Quá nhiều sự kỳ lạ trong một giờ giới nghiêm khiến đầu óc tôi hoang mang. Yoona chiếu đèn lên một chiếc rolex, rồi nói chúng tôi phải quay lại phòng ngủ trước khi đèn vàng. Lần sau, cô ấy hứa, cô ấy sẽ cho tôi xem nhiều hơn nữa.

*Còn lần sau nữa à?*

Tất nhiên. Trong mười, hay mười lăm Đêm Thứ Mười, Yoona đánh thức tôi rồi đưa tôi đến bí mật của cô ấy. Lần nào tôi cũng thề đó sẽ là lần cuối. Lần nào tôi cũng trầm trồ trước những báu vật mới. Đến mùa đông, chỉ trong những chuyến đi bí mật đến căn phòng kho báu ấy, bạn tôi mới trở thành con người sống động thật sự. Mâm mê Quyển Sách về Bên ngoài, cô ấy nêu lên những nghi ngờ khiến niềm tin của tôi về mọi khía cạnh mà tôi cho là thật bị lung lay dữ dội.

*Những nghi ngờ này là gì?*

Nghi ngờ về tính chân thực của thế giới người nhân bản vô tính. Tại sao Papa Song có thể đứng trên một cái bục tại nhà hàng Papa Song ở Chongmyo Plaza và cùng lúc đó đi dạo trên những bãi biển ở Thiên Thai? Tại sao người nhân bản vô tính sinh ra đã mắc nợ còn con người thì không? Ai quyết định phải mất mười hai năm mới trả hết Đầu tư của Papa Song? Tại sao không phải là mười một? Sáu? Một?

*Cô đã trả lời như thế nào?*

Tôi van Yoona đừng nói ra những tội phỉ báng nữa. Tôi sợ cô ấy sẽ bị tái định hướng. Tôi sợ bị giáng sao vì đã không thức tỉnh cô ấy. Anh thấy đấy, những nghi ngờ của cô ấy cáo buộc Papa Song về những lời nói dối khủng khiếp. Yoona thừa nhận cô ấy đã làm đúng điều đó vào một buổi tối, trước khi cô ấy cho tôi xem bí mật. Cô ấy đã đứng trước Bục của ông ta và nói: Đồ dối trá. Chỉ để xem chuyện gì sẽ xảy ra.

“Chẳng có gì xảy ra cả,” Yoona nói, “không có gì hết. Vì thế tớ tự hỏi, Logoman của chúng ta có ở đó hay không?”

Tôi tụng kinh chăm chỉ hơn trước; cầu nguyện Papa Song sẽ chữa lành cho bạn tôi; van nài Yoona hãy giả vờ như bình thường đi. Vô dụng thôi: ngày qua ngày, hành vi của cô ấy càng trở nên con người. Chẳng chóng thì

chầy Quản lý Rhee sẽ phải hành động quyết liệt mà thôi. Yoona xem quảng cáo trong lúc lau dọn bàn ăn. Các chị em nhân bản vô tính xa lánh cô ấy. Yoona~939 không quan tâm. Một đêm nọ trong căn phòng bí mật, cô ấy thổ lộ muốn rời khỏi nhà hàng; và muốn tôi đi cùng. Yoona nói con người ép buộc chúng tôi làm việc dưới mặt đất để họ có thể hưởng thụ những nơi đẹp đẽ trên mặt đất mà không cần chia sẻ với ai.

Tôi không thể nào phạm vào một trọng tội như thế, tôi nói với cô ấy. Tôi đọc lại Điều răn Sáu. Yoona~939 phản ứng giận dữ. Cô ấy gọi tôi là con ngốc và đồ hèn như những chị em của chúng tôi vậy.

*Nhưng hai người phục vụ Bên trong bỏ trốn khỏi tập đoàn, không có người trợ giúp, điều đó sẽ là... hành động điên rồ nhất. Nhất Đảng sẽ bắt các cô lại trong vòng năm phút.*

Làm sao Yoona biết được điều này? Quyển sách Bên ngoài của cô ấy hứa hẹn một thế giới đẹp đẽ, rộng lớn và đầy nơi ẩn nấp.

Mùa đông của năm gần sao đầu tiên của tôi đã đến. Khách hàng phủi tuyết trên nike của họ ở lối vào và chúng tôi phải thường xuyên lau sàn nhà. Yoona suy yếu đến nỗi ốm liệt giường. Sự tiến hóa tạo ra một cơn đói quá mạnh mẽ đến nỗi cuối cùng nó ăn mòn tinh thần của ta.

*Có điều gì kích thích sự lầm lạc của Yoona~939 không, hay nó chỉ... đột nhiên xuất hiện?*

Sự lầm lạc là một điều không thể tránh khỏi, chỉ chờ một tác nhân kích hoạt mà thôi. Trong Sáu ngày mừng Năm mới, khi mỗi ngày đều bận rộn với khách khứa hội hè, Quản lý Rhee đã đến Tâm Điểm để khiển trách Yoona vì chào đón khách thiếu nhiệt tình. Lão ra lệnh cho Yoona phải đọc lại Lời chào mừng Papa Song năm mươi lần: “Xin chào! Tôi là Yoona! Hãy xem thực đơn và gọi món! Ngon ứa nước miếng, thật kỳ diệu, *Papa Song!*”

Quản lý Rhee để Yoona đọc được bốn mươi lăm lần rồi bắt cô ấy đọc lại từ đầu. “Làm một kẻ nhân bản vô tính vô hồn nở từ lòng ấp không có nghĩa là được khiếm khuyết về thái độ. Nếu cô còn vi phạm Điều răn Bốn lần nữa, tôi sẽ phải tái định hướng cô thành sản phẩm phân bón đấy!”

Tôi sợ Yoona sẽ phạm tội làm giáng sao, nhưng cô ấy đã đọc lại lời chào năm mươi lần để Quản lý Rhee hài lòng; chỉ có tôi mới biết cô ấy đã phải

nỗ lực thế nào cho việc đó. Quản lý của chúng tôi quay về phòng làm việc, hài lòng với ấn tượng quyền uy mà lão đã tạo ra với những thực khách đang xếp hàng chờ đến lượt.

“Thà làm một kẻ nhân bản vô tính vô hồn,” Yoona lạnh lùng nói sau lưng lão, “còn hơn làm một con gián có linh hồn.” Tôi cầu nguyện Papa Song cho không có ai nghe thấy; ngoài ông ấy ra tôi không biết khẩn nguyện đến ai khác. Nhưng tại sao ông ta lại phải giúp cho người chị em vô ơn của tôi chứ? Rồi tôi thấy Ma-Leu-Da-108 thì thầm với Trợ lý Cho. Viên trợ lý đưa Ma-Leu-Da-108 đến phòng của Quản lý Rhee.

Một chuyện cực kỳ tồi tệ sắp xảy ra.

*Cô có nói với Yoona~939 về nỗi sợ của mình không?*

Người chị em của tôi đã tiến hóa quá xa, cô ấy không còn cảm thấy mình thấp kém hơn Quản lý Rhee nữa. Tối hôm đó, sau buổi Giảng đạo cuối cùng, Quản lý của chúng tôi đi một vòng quanh Tâm Điểm đầy tâm trạng. Một người trong chúng tôi đã làm ô nhục bộ đồng phục của mình, lão tuyên bố. Cô ta có đủ dũng cảm để nhận tội hay không?

Quản lý Rhee dừng lại trước Yoona.

“Nhưng ông hẳn phải là một con gián,” Yoona bắt đầu. “Nghĩ thử xem. Nó giải thích tại sao ông ăn Xà phòng: gián là loài ăn tạp. Nó giải thích tại sao ông khiến các Trợ lý và vợ của ông thấy ghê tởm: gián là loài đáng ghê tởm. Nó giải thích dáng đi hấp tấp và làn da bóng loáng của ông: gián là loài chạy hấp tấp và bóng loáng.”

Đám phục vụ chúng tôi không thể tin nổi vào tai mình.

Quản lý Rhee mở cặp táp ra. “Tôi hiểu.” Lão lấy ra Quyển sách Bên ngoài. Lão xé từng bức tranh một. “Nhìn xem thiệt hại nào,” xoẹt, “một *con gián* có thể gây ra,” xoẹt, “cho những bí mật của người,” xoẹt, “những báu vật của người,” xoẹt, “tương lai của người.”

Yoona~939 chộp lấy quyển sách, Quản lý Rhee là một người vạm vỡ. Lão kẹp đầu của bạn tôi dưới cánh tay cô ấy rồi nện nó vào bục, lặp đi lặp lại, cho đến khi cô ấy bất động và bất tỉnh. Rhee đá cô ấy túi bụi đến khi lão tím người vì giận. Yoona bấy giờ đã nát bét, máu me đầm đìa, và hầu như không còn nhận ra được nữa. “Hãy *nhìn nó*,” lão gầm gừ với bọn người nhân

bản vô tính hèn nhất chúng tôi. “Đây là điều sẽ xảy ra cho những kẻ nhân bản vô tính có tư tưởng vượt quá tầng lớp của chúng. *Kẻ lấm lạc* đó sẽ bị gửi đi tái định hướng, ngay vào sáng ngày mai.” Quản lý Rhee cúi xuống, gi chiếc nike của lão lên mặt cô ấy, rồi giật phẳng vòng cổ của cô. Mã vạch vẫn còn in trên khí quản của Yoona. Những ngón tay của Rhee dính ướt chất nhầy và máu. Lão Quản lý gắn một ngôi sao vấy máu lên vòng cổ của Ma- Leu-Da, không nói một lời nào. Sau đó lão nghiền nát chín năm lao động của Yoona-939 dưới gót nike của lão.

Ma-Leu-Da trông chẳng vui vẻ gì với phần thưởng của mình. Thật khác với một Lễ Gắn Sao đầy tiếng cổ vũ. Trợ lý Cho và hai Hwan- Soon kéo người bạn bất tỉnh của tôi về phòng. Tôi được giao việc dọn dẹp máu của cô ấy.

*Các Quản lý có thể gây ra thiệt hại như thế cho tài sản của tập đoàn mà không bị trừng phạt gì à?*

Các Quản lý quản lý người nhân bản vô tính bằng cách nào mà họ thấy phù hợp, theo lý thuyết là vậy. Còn trong thực tế, làm biến dạng một người phục vụ sẽ ảnh hưởng xấu đến chỗ đứng của Rhee trong hệ thống thứ bậc. Yoona-939 đã bị vô hiệu hóa vào thời điểm bận rộn nhất trong năm. Không có nhân viên y tế túc trực. Không thể thu xếp việc di chuyển đến khu Tái định hướng vì rơi vào kỳ nghỉ sáu ngày Năm mới. Cô ấy bị giữ bất tỉnh như thế trong cũi và được nhả Xà phòng.

*Nhưng sự lấm lạc của Yoona-939 vào đêm Giao thừa đã đi xa hơn thế. Cô có thể mô tả sự kiện từ vị trí của mình không?*

Tôi đang lau bàn ở vành nâng cao ở khu của tôi; góc nhìn rất rõ. Trợ lý Cho đang phục vụ tại Tâm Điểm để thay thế cho người chị em bị hỏng của tôi. Một bữa tiệc trẻ em đang diễn ra ở phía đông. Bong bóng, cờ đuôi nheo và mũ dự tiệc choán hết không gian ở gần thang máy. Những bài nhạc pop và tiếng ồn của hàng trăm thực khách lấp đầy nhà mái vòm. Papa Song ném những chiếc bánh su nhân kem 3D trên đầu lũ trẻ; những chiếc bánh băng qua đám đông rồi quay vòng trở lại chiếc lưới rần của Logoman. Tôi đang nghĩ đến Yoona; tôi sợ cô ấy nghĩ tôi đã phản bội cô ấy. Cửa phòng ngủ mở ra, và một Yoona-939 bầm dập, sưng múp xuất hiện.

Cô ấy đi cà nhắc đến bữa tiệc ở phía đông. Tôi biết cô ấy định làm gì. Dù trông cô ấy rất đáng sợ, nhưng có rất ít thực khách ngược lên từ bữa ăn, sony hoặc màn hình quảng cáo; người nào nhìn lên thì chỉ đưa tay chỉ trỏ thay vì kêu lên báo động. Khi Yoona nhắc lên một bé trai mặc bộ đồ thủy thủ, những người đứng gần đó cứ nghĩ rằng cô ấy chỉ là một người giúp việc nhân bản vô tính bị bà chủ phạt.

*Truyền thông đưa tin Yoona bắt đứa bé để dùng nó làm bia đỡ.*

Truyền thông đưa những gì Nhất Đảng bảo họ phải đưa. Quyển sách Bên ngoài chỉ là một tuyển tập những chuyện cổ tích, không phải là sổ tay khủng bố. Anh thấy đấy, Lưu trữ viên, Yoona thực sự tin rằng chiếc thang máy sẽ dẫn đến vương quốc thần tiên của những hình minh họa đó. Một khi đã lên đến mặt đất, cô ấy định sẽ biến mất vào những khoảng rừng thưa lẩn khuất và những ngọn đồi xanh mượt cỏ. Cô ấy bắt đứa bé chỉ vì thang máy sẽ không đi lên nếu chỉ có một người nhân bản vô tính. Cô ấy sẽ đặt nó vào thang máy trở lại; chứ không định để khống chế hay dùng nó làm bia đỡ hay ăn thịt rồi nhả xương nó ra.

*Cô ấy không bàn ý định trốn thoát với cô à?*

Yoona đã thôi không còn bàn bất kỳ chuyện gì với tôi nữa. Hành động một mình, cô ấy mang đứa bé hoảng sợ vào thang máy. Cô ấy không thấy tôi. Nhưng mẹ đứa bé thì thấy Yoona, ngay khi cánh cửa đóng lại; tiếng thét của bà ta xuyên thủng tiếng ồn trong nhà hàng. Sự hoảng loạn bùng nổ; khay đựng thức ăn rơi vãi, nước uống đổ tung tóe, con người hoảng loạn; một cảnh sát đang xuống ca lên nòng khẩu súng; ông ta đi vào giữa đám hỗn loạn, hét lên yêu cầu mọi người bình tĩnh.

Quản lý Rhee xuất hiện ở cửa phòng làm việc, trượt chân lên một loại đồ uống bị đổ, rồi biến mất trong đám đông thực khách phát rồ. Suốt thời gian đó Papa Song lướt trên những con sóng mì trên Bục của ông ta.

Trợ lý Cho hét lên vào sony cầm tay.

Tin đồn lan nhanh theo cấp số nhân; một Yoona đã bắt cóc một bé trai; không, một bé sơ sinh; không, một con người đã bắt cóc một Yoona; một cảnh sát bắn một bé trai; không, một người nhân bản vô tính đã bắn một cảnh sát; một Yoona đánh Quản lý, thấy chưa, mũi ông ta chảy máu kìa.

“Thang máy!” ai đó hét lên. “Nó đến kìa!”

Sự im lặng lạnh toát bao trùm lên đám đông hỗn độn.

Viên cảnh sát thét lên để họ giải tán, khom người, nhắm vào cánh cửa.

Các thực khách tránh đường.

Cửa thang máy mở ra.

Thằng bé cuộn tròn trong một góc, run bần bật; bộ quần áo thủy thủ của nó không còn màu trắng nữa, nhưng trông nó có vẻ bình an. Xác của Yoona-939 như một đồng thệi lỗ chỗ vết đạn.

*Tôi cũng nhìn thấy hình ảnh ấy, Sonmi ạ. Khi tôi rời Bộ về nhà vào tối hôm đó, những người bạn cùng phòng của tôi đang dán mắt vào sony. Hầu như ai ở Nea So Copros cũng đang xem. Câu chuyện được phát đi phát lại, với hình ảnh từ một nikon ở Chongmyo Plaza ghi cảnh viên cảnh sát khử Yoona lầm lạc. Chúng tôi không thể tin nổi. Chúng tôi biết chắc một tay khủng bố Liên Minh đã tạo hình mặt để trông giống như một người phục vụ. Khi Nhất Đảng xác nhận Yoona-939 là một người nhân bản vô tính thật sự...*

Anh cảm thấy thế giới này sẽ không bao giờ giống như trước nữa. Anh thể sẽ không bao giờ tin vào một người nhân bản vô tính nữa. Anh biết chủ nghĩa bãi nô đã rao giảng những Điều răn gian xảo và nguy hiểm chẳng khác nào Liên Minh.

... Đúng, tôi đã cảm thấy tất cả những điều đó, và còn tệ hơn nữa. Điều gì đã xảy ra dưới nhà mái vòm của cô?

Hai Yoona còn lại được đưa về phòng trước khi những khách hàng giận dữ xé xác họ. Nhà hàng được sơ tán từng khu một hết sức trật tự. Nhất Đảng đến để phỏng vấn các nhân chứng. Chúng tôi lau dọn nhà mái vòm và, lần đầu tiên trong đời, ăn Xà phòng mà không dự Lễ tối.

Khi đèn vàng, chúng tôi thực hiện những nghi thức buổi sáng. Thật yên lặng khi không có Yoona-939; chúng tôi chẳng ai nói gì. Papa Song giảng bài phản đối Liên Minh trong buổi cầu kinh.

*Tôi rất ngạc nhiên khi một Logoman lại nói với những người nhân bản vô tính của mình về sự tồn tại của Liên Minh.*

Điều đó cho thấy mức độ khủng hoảng. Bài giảng của ông ta đúng ra có

thể chỉ về Truyền thông tiêu thụ. Đầu của Papa Song chiếm hết nửa nhà mái vòm; chúng tôi đứng bên trong suy nghĩ của ông ta. Khuôn mặt ông ta trĩu nặng đau buồn và phẫn nộ. Các Hwan-Soon run rẩy; ngay cả các Trợ lý trông cũng hoảng loạn. Quản lý Rhee thì trông nhợt nhạt và bệnh hoạn.

*Cô có thể kể lại những gì Papa Song thực sự đã nói?*

Ông ấy nói rằng Ngày đầu năm thông thường là một dịp để vui, khi những người được mười hai sao kết thúc việc hoàn trả Đầu tư của ông ấy và được tự do khởi hành đến Thiên Thai. Tuy nhiên, năm nay ông có một tin xấu.

Papa Song nói trên thế giới này tồn tại một khí ga tên là cái ác. Khi con người hít phải khí ga đó, họ thay đổi. Họ trở thành những kẻ khủng bố. Bọn khủng bố ghét tất cả những gì tốt đẹp: Nhất Đẳng, Papa Song, những người nhân bản vô tính làm việc chăm chỉ, kể cả Chủ tịch kính yêu của Nea So Copros và Chủ Thể của ngài. Bọn khủng bố có một tập đoàn tên là Liên Minh. Liên Minh muốn trở thành tập đoàn quyền lực nhất trong chế độ tài phiệt bằng cách biến người tiêu dùng thành quân khủng bố; bằng cách giết những người tiêu dùng chống đối chúng.

Tại nhà hàng Papa Song ở Chongmyo Plaza, Logoman của chúng tôi kể rằng một tên khủng bố Liên Minh đã tiết ra cái ác, và Yoona-939 đã hít phải nó như thế nào. Giọng của ông ta ngân lên đầy tuyệt vọng; đôi mắt trũng sâu đầy thương cảm. Yoona-939 có báo với Quản lý hay một Trợ lý về kẻ khủng bố này không? Không, Yoona-939 đã không làm vậy: cô ta đã hít khí ga cái ác; và hôm qua, người phục vụ này đã phạm một tội ác mà nếu không nhờ kĩ năng của cảnh sát Nhất Đẳng tình cờ có mặt trong Chongmyo Plaza, thì con trai của một khách hàng bây giờ đã thiệt mạng. Đứa bé sống sót, nhưng niềm tin của con người vào người nhân bản vô tính đã chết; cùng với đó là niềm tin của người tiêu dùng vào chuỗi nhà hàng Papa Song. Trong năm khó khăn trước mắt, Papa Song kết luận, chúng ta phải đoàn kết và nỗ lực để lấy lại niềm tin đó.

Nếu một con người nhắc đến chữ “Liên Minh” với chúng tôi, *bất kể khách chờ hàng dài thế nào*, chúng tôi phải báo ngay với Quản lý. Đây là một Điều răn mới, mạnh hơn tất cả những Điều răn khác. Nếu chúng tôi tuân

thủ, Papa Song sẽ yêu thương chúng tôi. Bằng không, chúng tôi sẽ không bao giờ đến được Thiên Thai: chúng tôi sẽ làm lính mới mãi mãi, và không bao giờ được nhận một ngôi sao công việc nào.

Chúng tôi có hiểu không?

Những tiếng lầm bầm “Vâng, thưa Papa Song” vang lên quanh Tâm Điểm.

“Ta không nghe thấy gì cả!” Logoman của chúng tôi hô hào.

“Vâng, thưa Papa Song!” Tất cả người nhân bản vô tính hét lên.

“VÂNG, THƯA PAPA SONG!”

*Vậy Yoona~939 có phải là một thành viên Liên Minh không, như Tòa án Tập đoàn đã tuyên án?*

Liên Minh đã chiêu mộ cô ta như thế nào và khi nào? Tại sao một người của Liên Minh lại liều mạng để bị bại lộ? Một người phục vụ được lập trình gene thì có giá trị gì với một mạng lưới khủng bố?

*Vậy sau buổi giảng đạo... Ngày đầu năm mới vẫn kinh doanh như thường lệ?*

Việc kinh doanh: không hẳn như thường lệ. Hai người được mười hai sao, Hwan-Soon và một Sonmi khác, được Quản lý Rhee dẫn ra Bên ngoài. Lão quay lại với hai người phục vụ loại mới, Kyelim~889, Kyelim~689 và một Yoona mới. Tất cả chúng tôi được nhận một ngôi sao hàng năm, do Trợ lý Ahn gắn vào vòng cổ.

Khi thang máy đầu tiên mở cửa, một nhóm Truyền thông tràn vào, lóa đèn nikon và bao vây phòng làm việc của Quản lý Rhee. Lão bị thẩm vấn suốt giờ giới nghiêm ở Papa Song. Lão chỉ thuyết phục được họ ra về sau khi gắn một số nhận diện lên vòng cổ một Yoona khác và đồng ý cho họ sony cô ta. Vài khách hàng hóa trang ghê rợn như ma cà rồng đến để nikon nhau, giả chết trong thang máy. Khoảng giờ thứ mười sáu, một đội quân Nhân viên y tế Papa Song đến. Mỗi người phục vụ được kiểm tra toàn diện. Chúng tôi được hỏi về Liên Minh, nhưng chẳng ai trong chúng tôi từng nghe nói đến tổ chức này trước buổi giảng đạo sáng hôm đó. Tôi sợ những chuyến đi đến căn phòng bí mật với Yoona~939 sẽ gây nguy hiểm cho tôi, nhưng rõ ràng không ai biết chuyện này. Chỉ có vết chàm của tôi khiến

người ta bình phẩm.

*Tôi không biết là người nhân bản vô tính cũng có vết chàm.*

Vốn là không có: chúng được lập trình loại bỏ rồi. Bất kỳ nhân viên y tế nào nhìn thấy nó cũng lộ vẻ kinh ngạc. Vết chàm của tôi luôn khiến tôi xấu hổ khi bị trông thấy. Ma-Leu-Da~108 gọi nó là “vết nhơ của Sonmi~451”. Anh có thể thấy nó, Lưu trữ viên, giữa xương cổ và xương vai tôi: đây này.

Xin vui lòng đưa nó ra trước orison. Trông giống hình sao chổi.

Hae-Joo Im cũng nhận xét tương tự.

*Vậy, tôi cho là cô đã vượt qua đợt kiểm tra y tế?*

Đúng vậy. Trong giờ Kinh tối, không ai nhắc gì đến Liên Minh hoặc Yoona~939 nữa. Chất gây quên và gây ngủ trong Xà phòng được tăng cường. Đến giờ đèn vàng thứ hai của Năm mới, Ma-Leu-Da~108 không còn nhớ ngôi sao công việc cộng thêm của cô ta đến từ đâu, hay thậm chí đó có phải là sao cộng thêm hay không. Chỉ có tôi nhớ mọi thứ.

*Quản lý Rhee còn giữ được vị trí của ông ta không?*

Vâng. Hae-Joo Im đã nghiên cứu những hậu quả từ vụ bắn súng đó cho tôi. Rhee bảo toàn chiếc ghế sau vụ lầm lạc của Yoona bằng cách nói với các điều tra viên rằng lão đã yêu cầu một báo cáo khẩn về Yoona~939 từ Nhân viên y tế nhiều tháng trước rồi. Nhưng lợi nhuận của tập đoàn Papa Song đã sụt giảm; số thực khách đến nhà hàng ở Chongmyo Plaza giảm mạnh. Con người thích nhắc đến câu cách ngôn “sét không bao giờ đánh vào một chỗ hai lần”; dù họ thường xử sự như thể điều ngược lại mới đúng.

Con người cũng có trí nhớ ngắn ngủi; họ thậm chí nhanh chóng quên rằng sét đã từng giáng xuống, nhất là khi có liên quan đến dạ dày của họ. Đến Tháng Thứ Hai, số thực khách lại trở về lượng trung bình. Các Kyelim là điểm thu hút mới; được lập trình với đôi mắt đèn chớp và răng thỏ, họ thu hút nhiều hàng dài những người thích nikon người nhân bản vô tính. Các Ma-Leu-Da vô cùng tức tối.

*Trí nhớ của người phục vụ được lập trình là rất kém, và cô nói Xà phòng đã được bổ sung thêm chất gây quên. Làm sao cô có thể kể lại những sự kiện trong nhà hàng với độ chính xác như vậy?*

Một câu hỏi đơn giản với một câu trả lời đơn giản: sự tiến hóa của chính tôi đã bắt đầu. Tôi nhận ra nó từ các triệu chứng của Yoona~939. Tôi đoán được câu hỏi tiếp theo của anh, Lưu trữ viên: anh muốn tôi mô tả trải nghiệm này.

*Cô cứ nói.*

Đầu tiên, một giọng nói bắt đầu cất lên trong đầu tôi. Nó khiến tôi vô cùng hoảng sợ, cho đến khi tôi nhận ra chẳng có ai nghe thấy; đó là giọng nói của tri giác. Tiến hóa là một chuyện đáng báo động, đặc biệt là sau sự cố Yoona~939. Trên khắp Nea So Copros, con người theo dõi sát sao nhất cử nhất động của người nhân bản vô tính để kịp thời phát hiện những dấu hiệu về trí thông minh ngoài dự đoán và báo cáo lại để tái định hướng ở mức độ hàng trăm vụ mỗi tuần.

Thứ hai, ngôn ngữ của tôi tiến hóa, cũng như Yoona~939. Khi tôi định nói “tốt”, miệng tôi thốt ra từ *thuận lợi, dễ chịu* hoặc *chính xác*. Tôi học cách sửa và điều chỉnh từng từ mình dùng.

Thứ ba, sự tò mò của tôi về Bên ngoài tăng lên. Tôi nghe lỏm từ sony của các thực khách, những cuộc nói chuyện, màn hình quảng cáo, tin thời tiết, bài diễn văn của các Chủ tịch.

Thứ tư, tôi hứng chịu sự xa lánh: những người phục vụ khác tránh né tôi, như đã làm với Yoona~939 – các chị em biết, ngay cả khi họ không biết là mình biết; sự đơn điệu làm cho thời gian chậm lại; tôi bắt đầu ghét những cái vẫy tay của người tiêu dùng được miệng thang máy mửa ra; những nghi ngờ của Yoona về thế giới này ám ảnh tôi không dứt. Nếu như Papa Song không phải là bố của chúng tôi mà chỉ là một đoạn quảng cáo thì sao?

Tôi rất ganh tị với những chị em vô lo, không hề biết chỉ trích của mình! Tôi không dám nhắc đến sự lộ xác của mình với bất kỳ ai.

*Cô biết mình không nên làm gì. Vậy cô đã dự định làm gì?*

Tôi còn làm được gì ngoài chờ đợi và chịu đựng? Hai sự tiến hóa, diễn ra cạnh nhau, cho thấy một chương trình có mục đích. Tôi phải tránh bị tái định hướng hoặc một kết cục như Yoona~939 để biết mục đích này là gì. Vì thế tôi quan sát những người nhân bản vô tính khác để bắt chước sự trống

rõng của họ, một cách tuyệt vọng. Tôi phục tùng tất cả các Điều răn, nhất là khi Quản lý Rhee có mặt. Thật không dễ chút nào. Nỗi sợ hãi làm cho sự thận trọng cứng cáp hơn, nhưng sự nhàm chán thì ăn mòn nó. Tôi không dám thăm căn phòng bí mật của Yoona, vì nó không phải là một bí mật, mà là một cái bẫy.

*Và cô đã phải chịu đựng sự tiến hóa bí mật của mình trong bao lâu?*

Vào Tháng Thứ Tư, Tuần Cuối Cùng, Đêm Thứ Chín, tôi thức dậy trong giờ giới nghiêm. Tôi không dám rời phòng để giết thời gian. Tất cả những gì tôi có thể làm là chờ đến khi đèn vàng hoặc ngủ thêm. Nhưng từ nhà mái vòm, tôi nghe một âm thanh nhỏ, rõ ràng: tiếng thủy tinh, leng keng.

Tôi gióng tai lên để nghe thêm: không có gì.

Các chị em của tôi đang ngủ say trong cũi. Còn ai khác ở trong nhà mái vòm? Chỉ có Quản lý Rhee thôi.

Thật khê, tôi ngồi dậy, rồi rón rén đi đến cửa phòng. Tôi vịn nắm đấm và hé nhìn nhà hàng trong giờ giới nghiêm. Ánh sáng trắng lọt ra từ phòng làm việc của Quản lý Rhee. Qua cánh cửa mở, tôi thấy lão, bất động; mặt lão úp xuống đất; ghế bị lật chống lên. Tôi băng qua nhà mái vòm, lom khom trong bóng tối cho đến khi tôi biết chắc Quản lý Rhee đã bất tỉnh. Con người lão đã biến mất vào trong tròng đen. Một dòng máu đang chảy trên khuôn mặt khắc khổ của lão, từ lỗ tai và lỗ mũi. Xung quanh lão, mảnh kính vỡ lấp lánh dưới ánh đèn.

*Rhee chết rồi ư?*

Tôi ngửi thấy mùi lethe, một chất gây ngủ được cho thêm vào Xà phòng. Lượng thường dùng cho một người phục vụ nhân bản vô tính là ba giọt, nhưng Rhee đã uống một chai nửa lít. Nếu tôi gọi ngay một Nhân viên y tế, có thể cuộc đời lão đã được cứu. Nhưng làm sao để giải thích sự can thiệp của tôi? Toàn bộ tập đoàn đang tìm một người nhân bản vô tính tiến hóa nữa; để có bằng chứng cho một âm mưu của Liên Minh. Cứu một kẻ đã gục ngã từ một vụ tự tử không đau đớn hay bảo vệ tính mạng mình trước một vụ tái định hướng đáng sợ và bắt đầu cuộc đời lao động lại từ đầu của một người phục vụ chưa có sao nào?

Tôi trở về cũi của mình.

*Quyết định đó có khiến cô cảm thấy tội lỗi không?*

Không. Tôi chỉ linh cảm đêm nay sẽ chưa kết thúc ở đó. Tôi không biết thời gian đã trôi qua bao lâu, nhưng tôi nghe tiếng thang máy đến. Rồi tiếng bước chân. Tôi cảm thấy như họ đến để bắt tôi; nhưng tôi không nhúc nhích. Đèn vàng sáng lên, nhưng các chị em vẫn ngủ yên trong cũi. Không có mùi hoạt khí trong không khí. Quyển sách của Yoona cho thấy một lâu đài nơi những người máu xanh và người hầu chìm vào giấc ngủ giữa lúc đang ăn uống, may vá, nấu nướng. Tôi nghĩ đến bức tranh đó.

Có một tiếng xoẹt nhỏ trong im lặng. Một que diêm? Sau đó tôi nghe tiếng gõ tap-tap-tap của một chiếc sony. Tôi đứng dậy, bò đến cửa, rồi nhìn hé ra ngoài. Đèn ở nhà mái vòm được mở lên một nửa, nhưng không có người khách nào; không có Trợ lý nào đến làm việc; không Papa Song trên Bục, rao giảng bài Kinh tối.

Chỉ có một người đàn ông mặc đồ vest đen, uống cà phê và viết dưới ánh đèn kỳ lạ. Chúng tôi quan sát nhau; cuối cùng, ông ta chúc tôi một buổi sáng tốt lành, và hi vọng tôi cảm thấy khá hơn Quản lý Rhee.

*Một cảnh sát à?*

Ông ta là một tài xế, ông ta nói với tôi như vậy. Tên của ông ta là ông Chang. Tôi xin lỗi, tôi không biết “tài xế” là gì.

Vị khách điếm đạm giải thích, tài xế là những người lái ford cho các Chủ tịch và giám đốc. Tài xế đôi khi kiêm luôn vai trò giao liên. Ông Chang có một thông điệp cho tôi, cho Sonmi-451, từ Quản lý của ông ấy. Thông điệp đó là một sự lựa chọn: tôi có thể rời khỏi nhà hàng vào sáng hôm đó, đi ra Bên ngoài và trả lại tiền Đầu tư của tôi theo một cách mới; hoặc tôi có thể ở lại Papa Song, chờ đến khi Trợ lý Cho phát hiện ra Quản lý Rhee, gọi cảnh sát và những người đánh hơi ADN đến; rồi chờ cho sự tiến hóa của tôi bị đưa ra ánh sáng và hứng chịu hậu quả.

Không có nhiều lựa chọn lắm.

Đó là sự lựa chọn đầu tiên trong đời tôi, và nó đơn giản hơn hầu hết những lựa chọn khác kể từ ngày đó. Ông Chang gập sony lại, bỏ cốc cà phê vào thùng rác, và chúng tôi đi đến thang máy; một căn phòng còn nhỏ hơn cả phòng vệ sinh của người phục vụ, nhưng là một lối thoát to lớn đối với

tôi. Tôi nghĩ đến cảnh Yoona~939 nằm bất động ở góc này sau khi bị bắn. Tôi nhìn qua nhà mái vòm trống vắng dẫn đến Tâm Điểm. Ông Chang chỉ cho tôi nhấn nút nào để đi lên. Những cánh cửa khép lại cuộc đời cũ của tôi.

Thân người tôi đè nặng lên đôi chân bỗng dung yếu ớt và tôi ngã nhào. Ông Chang đỡ lấy tôi. Yoona hẳn đã ngã và buông thẳng bé xuống khi cô ấy trải qua hành trình đi lên tương tự thế này. Ông Chang trấn an tôi rằng mọi người nhân bản vô tính dưới mặt đất đều trải qua sự khó chịu này trong lần đi thang máy đầu tiên. Tôi nhớ lại những cảnh trong Quyển sách Bên ngoài để dập tắt cảm giác buồn nôn. Những con sông chằng chịt, những cánh rừng bạt ngàn, hang động, tòa tháp nhọn. Khi thang máy chậm lại, thân người tôi dường như vươn lên không khí.

“Tầng mặt đất,” Ông Chang nói. Cửa mở ra Bên ngoài.

*Tôi khá ganh tị với cô đấy. Xin vui lòng mô tả chính xác những gì cô thấy.*

Chongmyo Plaza thời khắc hùng đông của Tháng Thứ Tư. Trông nó thật rộng lớn làm sao! Đầu óc tôi quay cuồng, sau cuộc đời ở nhà mái vòm, dù tòa nhà bề rộng chưa đến năm trăm mét. Quanh đôi chân bất tận của Chủ tịch kính yêu, người tiêu dùng bước đi vội vã; những người quét đường lầm lũi; taxi bấm còi; ford phun khói; xe rác chạy dọc lề đường; đường cao tốc rộng tám làn, hai bên là hai hàng cột đèn mặt trời có mái che, hẻm sâu bằng bê tông, thủy tinh; màn hình quảng cáo làm hoa mắt, chói lòa; từ ngữ, logo; đèn neon, điện cao áp; còi hụ, máy móc, động cơ, mạng lưới điện; ống dẫn dưới chân rung âm âm; ánh sáng đủ mọi cường độ ở khắp các góc độ.

Tôi không có đủ tên để gọi những gì mình nhìn thấy. Câu hỏi của tôi không vượt xa hơn “Cái gì...?”

*Hẳn là phải choáng ngợp lắm.*

Choáng ngợp: chính là từ đó. Không khí nhiều mùi vị của Bên ngoài; khói, kim chi, cống thải, mùi cơ thể người tiêu dùng. Một người đang chạy suýt va phải tôi, *Cẩn thận chú, người nhân bản!* Cô ta đã đi mất trước khi tôi kịp xin lỗi. Tóc tôi rối tung vì hơi thở của một chiếc máy điều hòa vô hình khổng lồ.

“Đường phố hút gió đây,” ông Chang giải thích, rồi đẩy tôi qua bên kia đường đến một chiếc ford bọc kính phản quang. Một nhóm ba sinh viên đang trầm trồ trước chiếc xe; họ quay lại dòng người tiêu dùng khi ông Chang tiến đến. Cửa sau mở ra. Người tài xế đẩy tôi vào.

Một hành khách có râu quai nón ngồi thông vai bên trong chiếc xe rộng rãi, đang làm việc trên chiếc sony của ông ta. Ông tiết ra mùi quyền lực, như Logoman, nhưng mạnh hơn nhiều. Tôi đứng lom khom cạnh cửa xe, nhìn những đốt ngón tay cong gập, khuôn mặt đứng tuổi của ông ta, đợi ông ta ra mệnh lệnh. Ông Chang khởi động máy và chiếc ford di chuyển vào dòng xe cộ. Từ kính chiếu hậu, những đường cong màu vàng của nhà hàng Papa Song lụi lại hòa vào hàng trăm logo tập đoàn khác. Tôi biết một số logo từ phim quảng cáo; phần lớn thì tôi không biết. Tôi ngạc nhiên trước thành phố của những biểu tượng mới đang trôi qua. Những chiếc ford phóng qua và chạy chậm lại bên cạnh chúng tôi. Quản lý nào có thể ngăn cho hàng nghìn vụ va chạm chết người mỗi phút như thế? Chiếc ford phanh lại khiến tôi mất thăng bằng. Người đàn ông có râu quai nón lẩm bẩm rằng sẽ không có ai phản đối nếu tôi ngồi xuống.

Không rõ là ông ta đã ra lệnh hay chỉ đang cài bẫy, tôi xin lỗi vì không biết Điều răn đúng.

“Vòng cổ của tôi là Sonmi-451,” tôi nói, nhưng ông ta phớt lờ tôi, dụi mắt rồi hỏi ông Chang về dự báo thời tiết. Ấm, trời trong và gió nhẹ, người tài xế đáp, nói thêm rằng kẹt ford rất tệ và chuyến đi của chúng tôi sẽ mất khoảng chín mươi phút. Người đàn ông có râu quai nón xem rolex của mình rồi văng tục.

Chúng tôi đi chưa được bao lâu thì một tiếng gầm vang lên từ bên trên; tôi cảm thấy một nỗi sợ sôi sục rằng Papa Song đã đến để trừng phạt tôi vì rời bỏ chỗ làm. Nhưng tiếng gầm chỉ cách đây vài centimet, và qua cửa kính phía sau, tôi thấy phần bụng của một cỗ máy đen đang treo lơ lửng. Người khách gọi với lên ông Chang: ông nghĩ chiếc không cơ này là Cảnh sát, Nhất Đảng hay chỉ là một Chủ tịch muốn mọi công dân ở hạ tầng biết họ phải xếp hàng dưới bóng ai? Ông Chang đoán đó là trường hợp thứ ba.

*Cô không hỏi mình đang được đưa đi đâu à?*

Tại sao phải hỏi một câu hỏi mà câu trả lời cần thêm một chục câu hỏi nữa? Hãy nhớ, Lưu trữ viên, tôi chưa bao giờ nhìn thấy bên ngoài của một tòa nhà, hoặc thậm chí được ngồi trên một chuyến xe; vậy mà giờ đây tôi ở đây, lướt qua đô thị lớn thứ hai ở Nea So Copros trong một chiếc ford bọc kính. Tôi không phải là một du khách xuyên vùng, mà giống một người du hành thời gian từ một thế kỷ đã qua. Chiếc ford chạy qua vòm đô thị gần Tháp Mặt Trăng và tôi nhìn thấy bình minh Bên ngoài đầu tiên trong đời mình phía trên rặng núi Kangwon-Do. Cảnh tượng mê hồn làm tôi chói mắt; Vàng Chân Dương của Chủ tịch Toàn năng tỏa ánh sáng nóng chảy, những đám mây hóa dầu, và vòm trời của Ngài, cao vợi vợi, rộng thăm thẳm! Tôi tìm sự kinh ngạc của mình phản chiếu trong phản ứng của người đi cùng xe, nhưng ông ta đang ngủ. Tôi không hiểu nổi tại sao khu đô thị không ngừng tất cả hoạt động trước một cảnh tượng đẹp như thế.

*Còn điều gì thu hút ánh nhìn của cô nữa?*

Trở về dưới vòm che, những tòa nhà thấp dần và chúng tôi đi ngang qua một khu vườn đầm sương. Màu xanh rêu mượt nhẹ, rậm lá; màu xanh nước ao; màu xanh bãi cỏ. Hàng hécta như thế, bao quanh những đài phun nước xoay vòng. Ở Papa Song, màu xanh duy nhất là những khay rau diếp và món nước diệp lục; người phục vụ chúng tôi xem màu xanh quý như vàng vậy. Cầu vồng hiện lên dọc cửa xe ford. Những dãy chung cư nằm san sát ven đường, mỗi tòa nhà tô điểm bằng một lá cờ Nea So Copros cứng đơ. Vĩa hè trôi xa và chúng tôi đi qua một dải rộng, uốn lượn, màu nâu xỉn. Tôi thu hết can đảm để hỏi ông Chang đó là gì.

“Sông Hàn đấy,” người tài xế đáp, “Cầu Sōngsu.”

Tôi chỉ có thể hỏi, những thứ này là gì?

Lần này người khách lảm bảm câu trả lời, “Một đường đi băng qua nước.” Sự thất vọng hiện rõ trong giọng nói của ông ta. “Cây cầu là con đường băng qua một con sông.”

Nước trong sông và loại chất lỏng trong suốt phun ra từ vòi nước trong nhà mái vòm chắc cũng chẳng khác nhau mấy, nhưng tôi không có thời gian để bối rối. Ông Chang chỉ vào một đỉnh núi thấp phía trước. “Núi Taemosan.”

*Vậy là cô được đưa thẳng từ Papa Song đến Trường đại học Taemosan?*

Để giảm ô nhiễm thí nghiệm, đúng thế. Con đường băng qua một khu rừng. Cây cối, những hình thù uốn éo và sự im lặng rợn người, là một điều kỳ thú nữa của Bên ngoài đối với tôi. Mười phút sau, chúng tôi đến khu học xá cao nguyên. Những tòa nhà hình khối tranh nhau chỗ đứng. Sinh viên và phụ tá đi dọc những lối đi hẹp. Chiếc ford dừng lại dưới một mái che đã qua nhiều mưa nắng. Ông Chang mở cửa cho tôi nhưng người khách có râu vẫn ngủ tiếp. Rác bay lơ thơ, nắm mốc xen kẽ những phiến đá mỏng. Không khí của núi Taemosan có vẻ trong lành hơn dưới khu đô thị, nhưng sánh đọi của mái che thì rất ẩm đạm và tối tăm.

Chúng tôi dừng lại tại chân một chiếc cầu thang xoắn ốc đôi. Đây là một chiếc thang máy kiểu cũ, ông Chang giải thích. “Trường đại học rèn luyện thân thể sinh viên như rèn luyện trí óc họ.” Vậy là lần đầu tiên trong đời, tôi chống lại trọng lực, từng bước một, nắm chặt tay vịn. Hai sinh viên đi xuống phía thang xuống, cười cợt trước sự vụng về của tôi; một người bình phẩm, “Tiêu bản đó sẽ chẳng bao giờ bỏ chạy thoát thân đâu.” Ông Chang cảnh báo tôi đừng ngoái nhìn lại qua vai; nhưng tôi đã làm thế, và lập tức bị hoa mắt chóng mặt. Nếu người hướng dẫn của tôi không đỡ tôi thì tôi đã lăn xuống sánh đọi rồi.

Mất vài phút mới lên đến tầng sáu, tầng cao nhất. Tại đây, một hành lang bị tách ở giữa dừng lại tại một cánh cửa, mở hé, gắn bản tên *Boom-Sook Kim*. Ông Chang gõ cửa, nhưng không ai đi ra.

“Đợi ông Kim ở trong này nhé,” người tài xế dặn tôi. “Hãy kính trọng và vâng lời ông ta như cô làm với Quản lý của mình.” Tôi đi vào, hỏi ông Chang tôi nên làm gì, nhưng người tài xế đã đi rồi. Lần đầu tiên trong đời tôi được ở một mình.

Cô thấy nhà mới của mình thế nào?

Tôi bị sốc trước sự dơ bẩn của nó. Nhà hàng của chúng tôi lúc nào cũng sạch không tì vết, vì sự sạch sẽ là một trong những Điều răn. Phòng của Boom-Sook Kim thì ngược lại, một căn phòng dài, bụi bặm, hôi hám mùi đàn ông. Thùng rác ngập rác; một chiếc bảng bắn cung treo trên cửa; dọc các bức tường là băng ghế phòng thí nghiệm, bàn học bừa bộn, những

chiếc sony cũ, và những kệ sách võng xuống. Một kodak đóng khung ảnh một bé trai cười toe toét bên cạnh một con báo tuyết máu me treo trên chiếc bàn duy nhất có dấu hiệu được dùng đến. Một khung cửa sổ dơ bẩn trông xuống một khoảnh sân bị bỏ quên, nơi một bức tượng lốm đốm đứng trên một cái bục. Tôi hi vọng đó là Logoman mới của mình, nhưng ông ta không bao giờ nhúc nhích.

Trong một căn phòng phụ chật hẹp, tôi tìm thấy một chiếc cũi, một nhà vệ sinh và một thứ giống như máy hút bụi cầm tay. Khi nào tôi sẽ dùng đến nó? Tôi có bỏ lỡ những buổi Kinh tối không? Điều răn nào sẽ chỉ huy cuộc đời tôi ở nơi này?

Không khí nóng bức và lấp lánh bụi. Những lỗ chân lông được lập trình khép kín của tôi ngứa ngáy. Một con ruồi bay vo ve thành những hình số tám lười nhác. Tôi nhìn theo trần trời.

*Cô chưa bao giờ nhìn thấy côn trùng à?*

Chỉ có gián đột biến gene; máy điều hòa ở Papa Song tiết ra khí diệt côn trùng, vì vậy nếu có bất kỳ loài côn trùng nào lọt vào qua thang máy thì chúng cũng sẽ chết ngay lập tức và bị quét dọn sau đó. Con ruồi đâm vào cửa sổ, hết lần này đến lần khác. Lúc đó tôi chưa biết cửa sổ có thể mở được. Nó nằm trên trần nhà. Tại sao nó không rơi xuống?

Tôi nghe tiếng hát lạc nhịp; một bản nhạc về Những cô gái Pnom Pnem. Một lúc sau một sinh viên mặc quần cộc đi biển, mang xăng đan, mặc áo lụa, vai đeo túi xách trễ đá tung cánh cửa. Anh ta trông thấy tôi và gào lên, “Mày đang làm cái quái gì ở đây vậy?”

Tôi vạch vòng cổ ra: “Sonmi-451, thưa ông chủ. Người phục vụ của Papa Song từ...”

“Câm mồm, câm mồm, tao biết mày là *cái gì* rồi!” Gã thanh niên có miệng như miệng ếch và đôi mắt như bị thương đang thịnh hành lúc bấy giờ. “Nhưng lẽ ra đến Ngày *Thứ Năm* mày mới nên có mặt! Nếu lũ đăng ký đầu đất đó muốn tao hủy buổi hội thảo năm sao ở Đài Loan chỉ vì chúng không biết xem lịch thì xin lỗi nhé, cho chúng nó đi ăn *giun trong hố phân* hết đi. Tao chỉ vào đây để lấy sony và đĩa thôi. Tao sẽ không trông chừng một người nhân bản vô tính thí nghiệm vẫn còn mặc đồng phục trong khi

có thể đàn đúm thả ga ở Đài Bắc.”

Con ruồi lại đâm vào cửa sổ lần nữa; gã sinh viên nhặt lên một tờ quảng cáo rồi vục nó trước mặt tôi. Cú đập khiến tôi nhảy thót lên. Hấn xem xét vết bẩn với một điệu cười chiến thắng và gần từng tiếng khoái trá: “Xem đó là lời cảnh cáo dành cho mi!” Tôi không biết “mi” là tôi hay con ruồi. “Không ai chọc tức Boom- Sook Kim mà yên thân đâu!” Hấn quay sang tôi. “Không được đụng vào thứ gì cả, không được đi đâu cả. Xà phòng ở trong tủ lạnh đấy – Tạ ơn Chủ tịch là họ đã gửi thức ăn của mày đến sớm. Tao sẽ quay lại vào Ngày Thứ Năm. Nếu không ra sân bay *ngay lúc này* thì tao sẽ lỡ chuyến bay mất.” Tôi còn lại một mình.

Hấn xuất hiện trở lại ở khung cửa. “Mà này. Mày *biết* nói mà, phải không?”

Tôi gật đầu.

Boom-Sook Kim thở hắt ra, vẻ đống kịch: “Tạ ơn *Chủ tịch!* Nói thật nhé – về sự ngu dốt ấy mà, trong lúc ta nói chuyện ở đây thì luôn có một người nhân bản vô tính làm công việc đăng ký ở đâu đấy đang phạm phải nó.”

*Vậy cô định... làm gì trong ba ngày tiếp theo?*

Tôi cũng chẳng biết. Tôi nhìn chiếc kim rolex ăn dần thời gian. Chúng tôi được lập trình để đứng liên tục mười chín tiếng, anh nhớ không. Tôi nghĩ đến bà Rhee. Bà ta sẽ là một góa phụ đau buồn hay mừng rỡ? Liệu Trợ lý Ahn hoặc Trợ lý Cho có được đề cử lên làm Quản lý của Chongmyo Plaza không? Cuộc sống cũ của tôi có vẻ xa xôi quá. Còn cuộc sống mới thì bí ẩn làm sao.

Tôi nghe những âm thanh lí rí vọng lên từ sân. Chúng đến từ những bụi rậm dưới bậc cửa. Tôi nhìn kỹ hơn, và lần đầu tiên trong đời thấy những con chim thật; chim én và chim nhạn. Tôi đã nhìn thấy chim trên 3D, nhưng chưa có đàn chim nào ngẫu nhiên và đông đúc như thế này. Một chiếc không cơ bay qua gần đó, và hàng trăm con tủa lên trời. Tại sao chúng hót? Hót vì ai?

Tôi ngắm lũ chim cả ngày cho đến khi bầu trời vào giấc giới nghiêm và gian phòng sập tối. Đêm đầu tiên của tôi ở Bên ngoài. Những ô cửa sổ bên kia sân đã lên đèn vàng. Tôi nhìn thấy những căn phòng như của Boom-

Sook, có những con người trẻ; những phòng làm việc gọn gàng hơn, nơi các giáo sư ở; những hành lang đông người, những hành lang vắng lặng. Nhưng tôi không thấy một người nhân bản vô tính nào cả.

Đến giữa đêm tôi hút một túi Xà phòng, nằm trong cũi và ước gì có Yoona-939 ở đó để giải thích về vô số điều kỳ bí của ngày hôm đó.

*Khi thức dậy, cô có nhớ mình đang ở đâu không?*

Xà phòng có ít chất gây quên hơn nhưng nhiều chất gây ngủ hơn ở Papa Song, vì vậy tôi ngủ lâu hơn nhưng tỉnh dậy với một tinh thần minh mẫn. Điều ngạc nhiên đầu tiên trong ngày thứ hai của tôi ở Bên ngoài đang đứng bên kia căn phòng phụ. Một người cao to, cao hơn ba mét và mặc một bộ đồ bảo hộ màu cam, đang xem xét các kệ sách. Làn da lộ ra trên khuôn mặt và cổ anh ta có màu đỏ ửng, anh ta không phải con người, nhưng tôi chưa từng thấy người nhân bản vô tính nào thuộc loại của anh ta hoặc có hình dáng như vậy.

“Ở đây không có hoạt khí đâu.” Tiếng anh ta nói như phát ra từ một cái hố sâu. Đôi môi đã bị bỏ khi lập trình gene, còn đôi tai thì được bảo vệ bằng những van chốt làm bằng chất giống như móng tay. “Cô muốn thức khi nào thì thức, đặc biệt là khi nghiên cứu sinh của cô lười biếng như Boom-Sook Kim. Các nghiên cứu sinh con ông cháu cha là tệ hơn hết thấy. Họ được người khác lau mồ hôi cho từ mẫu giáo đến lúc chết. Họ vô kỷ luật; không bao giờ nghĩ đến nhu cầu của người khác. Một sự lãng phí không gian.” Với một bàn tay to có tới hai ngón cái, anh ta chỉ một bộ đồ bảo hộ màu xanh có kích thước bằng bộ anh ta đang mặc. “Cho cô này, em gái nhỏ.” Khi tôi thay từ đồng phục Papa Song sang trang phục mới, tôi hỏi có phải anh ta được Quản lý hoặc Trợ lý phái đến để định hướng tôi không. “Không,” người khổng lồ da cháy nắng đáp. “Nghiên cứu sinh của cô và của tôi là bạn, đại khái là thế. Hôm qua Boom-Sook có ghé để phàn nàn về việc người ta giao cô đến sớm hơn dự kiến. Lẽ ra tôi nên đến thăm cô trước giờ giới nghiêm, nhưng các nghiên cứu sinh Khoa Giải phẫu di truyền thường làm việc muộn, không giống như bọn rối hơi ở Khoa Tâm lý di truyền. Tôi là Wing-027. Hãy xem tại sao cô lại đến đây.”

Chiếc rolex trên tường cho tôi một sự ngạc nhiên thứ hai: Tôi đã ngủ

suốt sáu tiếng. Wing-027 ngồi trên bàn của Boom-Sook rồi mở sony lên, mặc kệ tôi nói nghiên cứu sinh của tôi đã cấm tôi đụng đến nó. Wing bấm vào bàn phím trên màn hình: Yoona-939 hiện ra. Wing di chuyển ngón tay dọc theo những hàng chữ. “Hãy cầu Chủ tịch Toàn năng rằng Boom-Sook không lặp lại lỗi đó lần nữa...”

*Tôi hỏi Wing, anh có biết đọc không?*

Wing nói bất kỳ con người nào được tạo ra ngẫu nhiên cũng biết đọc, vì thế một người nhân bản vô tính được thiết kế cẩn thận thì càng dễ học đọc hơn. Một Sonmi hiện ra trên sony. Wing đọc: “*Tăng kích thước não nội trú cho Người nhân bản vô tính phục vụ: Một nghiên cứu khả thi trên trường hợp của Sonmi-451 thực hiện bởi Boom-Sook Kim. Tại sao,*” Wing thắc mắc, “một nghiên cứu sinh con ông cháu cha không có não như hẳn lại đặt mục tiêu nghiên cứu cao thế nhỉ?”

*Wing-027 là người nhân bản vô tính loại gì? Dân quân à?*

Một người dành cho thảm họa, anh ta tự nhận như thế. “Chúng tôi hoạt động ở những vùng đất chết, bị ô nhiễm và nhiễm phóng xạ cao đến mức con người chết sạch như vi khuẩn trong thuốc tẩy vậy. Não của chúng tôi chỉ có những lựa chọn gene tinh vi: chúng tôi cần suy nghĩ cho bản thân. Quá trình định hướng dạy chúng tôi nhiều hơn các trường đại học của con người. Thử chỉ cho tôi một con người nào có thể sống sót qua cái này xem.” Anh ta vạch ra cánh tay bị bỏng nặng. “Nghiên cứu sinh của tôi đang lấy bằng Tiến sĩ về mô chống cháy.”

Tôi còn không biết vùng đất chết là gì. Wing-027 giải thích những dải đất bị nhiễm phóng xạ hoặc nhiễm độc này đã đẩy lùi những Vùng dành cho Người tiêu dùng và sản xuất, trên diện tích nhiều dặm. Mô tả của anh ta khiến tôi ghê sợ, nhưng người thảm họa nhìn chúng ở một góc độ khác. Anh ta nói với tôi, ngày mà toàn bộ Nea So Copros trở thành đất chết sẽ là ngày của những người nhân bản vô tính.

Điều này nghe thật lảm lạp. Tôi hỏi, nếu những vùng đất chết này trên thế giới quá rộng lớn như vậy, thì tại sao tôi chẳng thấy chúng từ trong chiếc ford?

Wing-027 tắt chiếc sony rồi hỏi tôi tin rằng thế giới này rộng lớn cỡ

nào. Tôi không chắc lắm, nhưng đáp tôi đã được chở từ tận Chongmyo Plaza đến núi này, vì thế tôi đã phải nhìn thấy gần hết rồi.

Người khổng lồ bảo tôi đi theo anh ta rồi tiến ra cửa. Tôi lưỡng lự: Boom-Sook đã ra lệnh cho tôi không được đi đâu. Wing-027 ra hiệu cho tôi đẩy quả quyết: “Sonmi~451, để tồn tại được lâu, cô phải tự tạo ra Điều răn cho chính mình.” Anh ta vác tôi lên đôi vai chày xém, khiêng tôi đi dọc hành lang bị cắt đôi, quanh một góc hẹp, lên một cầu thang xoắn ốc bụi bặm, rồi dùng nắm đấm mở bung cánh cửa gỉ sét. Ánh nắng buổi sáng làm tôi chói mắt; gió quạt vào mặt và kéo giật tóc tôi.

Nóc nhà Khoa Tâm lý di truyền, Wingo~027 thông báo với tôi, đặt tôi xuống một gờ tường cạnh anh ta. Tôi nắm lấy thanh vịn: cách sáu tầng bên dưới là một vườn xương rồng, lũ chim đang bắt sâu giữa những chiếc gai; tám tầng bên dưới sườn đồi là một bãi đỗ ford, đầy một nửa; mười tầng bên dưới là một sân thể thao đang có một đội quân sinh viên mặc đồng phục; bên dưới nữa là một khu mua sắm tiêu dùng; phía xa là những cánh rừng, thoải thoải xuống khu đô thị trải dài, ngút khói và rực sáng đèn neon, những tòa nhà chọc trời, những khu chung cư, sông Hàn, cuối cùng là những dãy núi chạy theo đường chân trời của buổi bình minh. Wing nói khẽ bằng giọng khàn đục: “So với cả thế giới thì tất cả những gì cô thấy ở đây chỉ là một hạt cát giữa sa mạc mà thôi, Sonmi~451 ạ.”

Đầu óc tôi bấn loạn trước sự rộng lớn này và bỏ cuộc; tôi còn không biết mình cần gì để hiểu được một nơi vô tận thế này. Wing đáp, tôi cần trí thông minh: sự tiến hóa sẽ giúp đem lại điều này. Tôi cần thời gian: sự rảnh rỗi của Boom-Sook sẽ cho tôi thời gian. Nhưng tôi cũng cần có kiến thức.

Tôi hỏi, làm sao tìm thấy kiến thức này?

“Cô phải học đọc thôi, em gái à,” anh ấy đáp.

*Vậy chính Wing~027, chứ không phải Hae-Joo Im hay Chủ tịch Mephi, là người đầu tiên chỉ bảo cho cô?*

Wing~027 đã có thể dạy bảo tôi nhiều hơn, nhưng lần gặp thứ hai của chúng tôi cũng là lần cuối. Anh ấy quay lại phòng của Boom-Sook một giờ trước giờ giới nghiêm trong ngày đầu tiên của tôi để cho tôi một chiếc sony

“chưa bị mất”: nó tải hết từng module dành cho người tự học trong hệ thống giáo dục của tập đoàn. Người thẩm họa chỉ cho tôi cách sử dụng, rồi cảnh báo tôi không được để cho con người bắt gặp tôi đang tích lũy kiến thức, vì cảnh tượng đó khiến họ sợ hãi, và con người sợ hãi thì không chuyện gì mà không dám làm.

Đến khi Boom-Sook trở về từ Đài Loan vào Ngày Thứ Năm, tôi đã sử dụng thành thạo chiếc sony và tốt nghiệp tiểu học. Đến Tháng Thứ Sáu, tôi đã học xong cấp hai. Trông anh có vẻ hoài nghi, Lưu trữ viên, nhưng hãy nhớ, tôi là một kẻ phục vụ đói khát giữa một yến tiệc. Càng ăn, khẩu vị của tôi càng sâu sắc. Những con đường của chiếc sony dẫn tôi qua các thư viện đại học và tập đoàn. Chúng ta chỉ là những gì chúng ta biết.

*Tôi không có ý hoài nghi, Sonmi ạ. Trí tuệ của cô, văn phong, bản thân... cô chứng tỏ cô rất quyết tâm học. Điều khiến tôi thắc mắc là, tại sao Boom-Sook Kim lại cho cô nhiều thời gian để học như thế? Một cậu ấm chắc chắn không phải là người theo chủ nghĩa bấi nô ẩn mình rồi? Còn những thí nghiệm Tiến sĩ của anh ta trên cô thì sao?*

Boom-Sook Kim chẳng quan tâm gì đến các thí nghiệm, mà chỉ thích nhậu nhẹt, bài bạc, và bắn cung. Bố hắn là một giám đốc cấp bậc ở Kwangju Genomics; ông ta còn vận động hành lang để vào ban lãnh đạo Chủ Thể cho đến khi cậu quý tử bời nhọ giá trị thị trường của dòng họ Kim.

*Vậy thì Boom-Sook định lấy bằng Tiến sĩ cách nào?*

Bằng cách trả tiền cho một người nghiên cứu hộ để viết luận văn cho hắn từ chính nguồn của người đó; một con đường đến thành công được yêu thích của những nghiên cứu sinh tầng lớp con ông cháu cha. Các hóa chất gây ra sự tiến hóa của Yoona-939 và tôi đều có công thức sẵn, cùng với các kết quả và kết luận. Boom-Sook còn không thể nêu được tính chất phân tử sinh học của kem đánh răng. Trong vòng chín tháng hắn chẳng làm “thí nghiệm” nào vất vả trên tôi ngoài bắt tôi lau dọn phòng và pha trà cho hắn. Những dữ liệu mới có thể gây bất lợi cho những gì mà hắn đã mua; và đem lại nguy cơ tố cáo hắn là kẻ gian lận. Sự có mặt của tôi là cần thiết để đem lại cho nghiên cứu ăn cắp của hắn một tấm bình phong.

Tôi đã biết rằng đây chính là những điều kiện trong cuộc sống mới của

mình, và chúng rất phù hợp với tôi; ngược với những gì ở nhà hàng Papa Song. Trong thời gian nghiên cứu sinh của tôi vắng mặt, tôi có thể học mà không sợ bị phát hiện. Cứ hai ngày một lần, Boom-Sook lại đến phòng làm việc vào khoảng giờ thứ mười bốn để chép một phần dữ liệu chọn lọc nữa vào sony của hắn.

*Người hướng dẫn của Boom-Sook Kim có biết chuyện đạo văn này không?*

Các giáo sư quá coi trọng địa vị của mình đến nỗi họ đâu dám đụng đến con cái của những chóp bu tương lai.

*Boom-Sook có bao giờ nói chuyện với cô... tương tác với cô, bằng bất kỳ cách nào không?*

Hắn nói chuyện với tôi như con người nói chuyện với con mèo. Hắn thấy khoái trá khi đặt ra câu hỏi cho tôi, những câu mà hắn nghĩ rằng tôi không hiểu: *Vậy tao có nên nói với bố tao đi mà nhét đầu lão vào cái lỗ dân chủ không hả Sonmi?* Hoặc *Này Sonmi, mày nghĩ tao có nên nhuộm răng màu xanh da trời không, hay màu lam ngọc chỉ là trào lưu nhất thời thôi?* Hắn không mong đợi những câu trả lời bài bản; tôi chẳng việc gì khiến hắn bận tâm. Câu trả lời của tôi quá quen thuộc đến nỗi Boom-Sook đặt cho tôi biệt danh là “Tôi-Không-Biết-Thừa- Ông-Chủ ~ 451.”

*Vậy là trong chín tháng liền, không ai nhận ra khả năng tri giác phát triển vượt bậc của cô?*

Những người thường xuyên đến thăm Boom-Sook Kim là Min-Sic và Fang. Tôi chưa bao giờ nghe thấy tên thật của Fang. Bọn họ khoe khoang về ford mới, suzuki mới, và chơi bài tú lơ khơ. Chẳng cần phải mô tả ngoại hình họ làm gì: tháng nào bọn họ cũng đi căng da mặt. Ba nghiên cứu sinh này không phải là loại người đếm xỉa đến người nhân bản vô tính, bên ngoài cái tổ tiện nghi ở Huamdonggil. Gil-Su Noon, người ở cạnh phòng Boom-Sook, một nghiên cứu sinh tầng lớp thấp được cấp học bổng, thỉnh thoảng phải đập cửa để than phiền về tiếng ồn, nhưng bộ ba này nện cửa lại còn to hơn. Tôi chỉ gặp anh ta một hoặc hai lần.

*“Tú lơ khơ” là gì?*

Một loại bài mà những kẻ nói dối lợi dụng nhưng giả vờ làm bạn của mình thường chơi. Fang đã thắng hàng nghìn đô từ Soul của Boom-Sook và

Min-Sic trong những lần chơi bài. Những lần khác, Boom-Sook đuổi tôi ra ngoài trong lúc bọn họ chơi thuốc; khi đã say, hắn nói tôi làm hắn sợ. Tôi thường đi lên sân thượng của khoa, ngồi trong bóng râm của bồn nước, rồi ngắm chim én bắt những con muỗi khổng lồ đến khi trời tối, khi cả ba nghiên cứu sinh đã đi ra ngoài.

*Tại sao cô không bao giờ gặp lại Wing-027 nữa?*

Vào một buổi trưa ảm thấp, ba tuần sau khi tôi đến Taemosan, một tiếng gõ cửa vang lên trong lúc Boom-Sook đang xem catalog căng da mặt. Hiếm khi có khách lạ đến thăm, như tôi đã kể. “Vào đi!” Boom-Sook nói, giấu quyển catalog dưới một quyển sách tiêu đề *Di truyền học Thực tiễn*. Hắn chưa bao giờ đọc quyển này; không như tôi.

Một sinh viên tóc tai bù xù dùng ngón chân đẩy mở cửa. “Boom- Boom,” anh ta gọi Boom-Sook. Nghiên cứu sinh của tôi đứng bật dậy để nhìn; đoạn ngồi xuống; rồi thông vai. “Chào, Hae-Joo,” hắn làm ra vẻ xã giao, “có chuyện gì?”

Người khách nói chỉ ghé qua để chào một tiếng, rồi ngồi lên chiếc ghế do Boom-Sook mời. Nghe cuộc nói chuyện, tôi được biết Hae-Joo Im là bạn học của Boom-Sook thời trung học, hiện đang học khoa Nhất Đảng ở trường Taemosan. Tôi được ra lệnh pha cho Hae-Joo Im một cốc trà trong lúc họ nói chuyện về những chủ đề chẳng có gì quan trọng. Người khách lúc đó có nhắc, “Chắc cậu nghe nói về ngày khủng khiếp của cậu bạn Min-Sic rồi chứ?”

Boom-Sook chối rằng Min-Sic không hẳn là “bạn” rồi hỏi tại sao hôm nay lại là ngày khủng khiếp của cậu ta. “Tiêu bản của cậu ấy, Wing-027 đấy, cháy khét thành thịt xông khói rồi.” Rõ ràng, Min-Sic đã nhầm cực âm thành cực dương trên nhãn của một chai alkali dễ cháy.

Nghiên cứu sinh của tôi nhếch mép, cười hình hích, sau đó cười to hơn. Hae-Joo sau đó có một hành động bất thường: anh ấy nhìn tôi.

*Tại sao hành động đó lại bất thường?*

Con người luôn thấy chúng tôi nhưng hiếm khi nhìn chúng tôi có chủ ý. Mãi về sau, Hae-Joo thừa nhận rằng anh ấy tò mò về phản ứng của tôi. Boom-Sook chẳng để ý gì cả: hắn bận tính toán số tiền mà tập đoàn tài trợ

cho nghiên cứu của Min-Sic sẽ đòi bồi thường. Boom- Sook hả hê rằng trong nghiên cứu riêng của hắn, chẳng ai quan tâm nếu hắn làm hỏng một hoặc hai người nhân bản vô tính thí nghiệm trong quá trình nghiên cứu.

*Cô có cảm thấy... ừm, cô cảm thấy thế nào?*

Căm phẫn? Buồn bã? Giận dữ. Tôi lui về phòng phụ. Người nhân bản vô tính chúng tôi không có cách cũng chẳng có quyền biểu lộ cảm xúc, nhưng nói rằng chúng tôi không thể cảm nhận nó thì chỉ là lời đồn nhiều người tin mà thôi. Wing-027 có giá trị bằng hai mươi gã Min-Sic, theo bất kỳ tiêu chuẩn nào; chỉ vì sự bất cẩn ngu xuẩn của một ông chủ mà người bạn duy nhất của tôi ở Núi Taemosan đã chết; vậy mà Boom-Sook còn nói chuyện này là *buồn cười*.

Giận dữ hun đúc tinh thần thép. Giờ thì tôi nhận ra, ngày hôm đó là bước đầu tiên dẫn tôi đến bộ *Tuyên Ngôn*; đến căn phòng trong nhà tù này, và đến ngọn Hải đăng.

*Chuyện gì xảy ra với cô vào kỳ nghỉ hè?*

Theo quy định, Boom-Sook lẽ ra phải gửi tôi vào một phòng lưu giữ để tránh lây nhiễm. May mắn là nghiên cứu sinh của tôi quá hào hứng về chuyến đi săn nai sừng tấm nhân bản vô tính trên Hokkaido, nằm ở phía đông Hàn Quốc, đến nỗi hắn quên làm chuyện đó; hoặc không thì cũng cho rằng một người nào đó thuộc tầng lớp thấp hơn sẽ làm việc đó cho hắn.

Thế là vào một buổi sáng mùa hè, tôi thức dậy và phát hiện ra cả tòa nhà chẳng còn một ai. Không tiếng vọng lại từ những hành lang đông đúc; không chuông đồng hồ điểm giờ; không thông báo; kể cả máy điều hòa cũng tắt. Từ sân thượng, khu đô thị phun khói và đông nghịt xe cộ, những chiếc không cơ bay lượn để lại những vệt khói mờ trên nền trời, nhưng khu học xá yên ắng hơn thường lệ. Bãi đỗ ford chỉ còn một nửa. Thợ xây đang tráng lại nền quảng trường hình bầu dục dưới ánh nắng nóng bức. Sau đó tôi nghĩ đến việc kiểm tra lịch trên sony, và được biết hôm nay là bắt đầu kỳ nghỉ hè. Tôi khóa cửa phòng rồi nấp trong phòng phụ.

Vậy cô không bao giờ đặt chân ra khỏi phòng của Boom-Sook trong năm tuần lễ? Không một lần nào?

Không một lần nào: Tôi sợ bị chia cắt khỏi chiếc sony của tôi, anh thấy đấy. Hàng tuần vào Ngày Thứ Chín lại có bảo vệ kiểm tra cửa phòng. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng Gil-Su Noon làm việc trong phòng cạnh bên. Tôi hạ rèm cửa xuống và tắt đèn vào buổi tối; tôi có đủ Xà phòng để sống sót qua giai đoạn này.

*Nhưng đó là năm mươi ngày cô lập liên tục.*

Đầu óc tôi đi qua hết chiều dài, rộng và sâu của nền văn hóa chúng ta trong năm mươi ngày ấy. Tôi ngẫu nhiên đọc mười hai tác phẩm kinh điển: *Bảy thổ ngữ* của Jong-Il; *Sự thành lập Nea So Copros* của Chủ tịch Toàn năng; *Lịch sử Những cuộc Giao tranh* của Đại tướng Yeng; anh biết danh sách đó mà. Bảng mục lục trong một quyển *Luận Bàn* không bị kiểm duyệt dẫn tôi đến những nhà tư tưởng thời Tiên Giao Tranh. Thư viện từ chối rất nhiều yêu cầu, tất nhiên, nhưng tôi đã thành công mượn được sách của hai nhà văn theo trường phái Lạc quan được dịch ra từ thời Hậu Anh, Orwell và Huxley; và *Châm biếm về Chế độ Dân chủ* của Washington.

Cô vẫn được xem là tiêu bản luận án của Boom-Sook khi anh ta trở về vào học kỳ thứ hai chứ?

Vâng. Mùa thu đầu tiên của tôi đến; tôi bí mật sưu tập những chiếc lá màu lửa rơi trên sân thượng khoa. Mùa thu cũng lão hóa, và những chiếc lá của tôi phai màu. Buổi tối trở nên băng giá hơn; sau đó ngay cả những giờ ban ngày cũng lạnh cóng. Sự lạnh lẽo là một cảm giác kích thích khác sau thời gian ấm áp vô tận ở nhà hàng. Hầu như chiều nào Boom-Sook cũng nằm gà gật xem 3D trên chiếc *ondul* có máy sưởi. Hắn đã mất rất nhiều đô la cho những vụ áp phe đáng ngờ vào mùa hè, và bởi vì ông bố không chịu trả nợ cho hắn, nên nghiên cứu sinh của tôi đang có tâm trạng không vui. Cách phòng vệ duy nhất của tôi trước những trận lôi đình của hắn là làm ra vẻ chẳng biết gì.

*Cô phản ứng thế nào với tuyết?*

Nó thật đẹp. Những bông tuyết đầu tiên rơi rất muộn vào năm ngoái; Đêm Đầu Tiên cuối cùng của Tháng Thứ Mười Hai. Tôi thức giấc trước khi trời sáng và ngắm say sưa những vòng hào quang hoa tuyết mà các nàng tiên Năm Mới đã tô điểm cho cửa sổ sân trong. Những bụi cây nhỏ dưới

chân bức tượng bị lãng quên cúi oằn dưới sức nặng của tuyết; bức tượng trông như một ông hoàng trong truyện tranh. Màu trắng của tuyết ngả thành màu tử đinh hương bầm trong ánh sáng lờ mờ.

*Và hẳn là Tiến sĩ Mephi bước vào câu chuyện vào khoảng thời gian đó?*

Vâng, vào Đêm Giao Thừa. Boom-Sook, Min-Sic và Fang chè chén đến tận đêm khuya, say khướt và cười rũ rượi. Tôi đang ở trong phòng phụ, và chỉ vừa kịp giấu chiếc sony. Boom-Sook đội một chiếc mũ tốt nghiệp, còn Min-Sic thì ôm một giỏ hoa lan hương bạc hà to bằng hẳn. Hẳn ném chúng vào tôi và hát hò, “Những cánh hoa dành tặng Spoony, Sponny, Sonmi, mặc kệ mày tên gì...”

Fang lục lợi tử búp phê nơi Boom-Sook cất rượu *soju* rồi ném ba chai rượu qua vai. “Toàn là hiệu rẻ tiền!” hẳn càu nhàu. Min-Sic chụp được hai chai, nhưng một chai rơi xuống sàn vỡ nát, làm bật lên những tràng cười không dứt. “Lau dọn đi, Lọ Lem!” Boom-Sook vỗ tay ra hiệu cho tôi, rồi trấn an Fang rằng hẳn sẽ khui một chai thuộc loại xịn nhất vì Kỳ nghỉ Năm Mới mỗi năm chỉ có một lần.

Khi tôi đã quét hết những mảnh vỡ thủy tinh, Min-Sic tìm thấy một disney khiêu dâm trên 3D. Bọn họ xem với vẻ thích thú, cãi nhau trước những ích lợi và tính thiết thực của nó rồi uống rượu *soju* hảo hạng. Tối hôm đó mức độ nhậu nhẹt của bọn họ trở nên quá lố, đặc biệt là Fang, khiến tôi cảm thấy bất an. Tôi lui về phòng phụ; ở đó tôi nghe tiếng Gil-Su Noon ở cửa phòng, yêu cầu những kẻ nổi loạn nhỏ tiếng hơn. Tôi đóng tai nghe ngóng.

Min-Sic chế giễu cặp kính của Gil-Su, hỏi tại sao gia đình không kiếm nổi tiền để chữa tật cận thị cho anh ta. Boom-Sook bảo người hàng xóm của mình đi mà nhét đầu vào mông nếu muốn yên thân và yên tĩnh vào ngày cuối cùng của Học Kỳ Năm Cũ. Fang nói sẽ bảo bố hẳn ra lệnh điều tra thuế dòng họ Noon. Gil-Su Noon bốc khói ở cửa cho đến khi ba gã này tổng cổ anh ta đi bằng những quả mận và những lời miệt thị.

*Fang có vẻ như là kẻ cầm đầu.*

Đúng thế: hẳn có thể đục bung ra những rãnh đứt gãy trong nhân cách và qua đó lợi dụng người khác. Chắc chắn hẳn đang hành nghề luật ở một

trong mười hai thủ đô với thành công rực rỡ. Tối hôm đó hắn quyết định trêu chọc Boom-Sook, bằng cách đung đưa chai *soju* trước kodak chụp con báo tuyết đã chết. Fang hỏi những con thú săn mồi này có phải đã bị lập trình gene để trở nên lừ đừ và đủ an toàn với du khách săn bắn?

Lòng tự ái của Boom-Sook bị đụng chạm: hắn đáp trả rằng hắn chỉ săn những con vật mà mức độ hung tợn được lập trình gene *tăng lên* mà thôi. Hắn và anh trai đã theo dõi con báo tuyết này nhiều giờ liền trong một khu bảo tồn ở Thung lũng Kathmandu trước khi con vật bị dồn vào đường cùng nhảy lên định vồ lấy cổ họng anh hắn. Boom-Sook chỉ cần bắn một phát. Mũi tên đâm xuyên mắt con vật từ giữa không trung.

Fang và Min-Sic vờ ra vẻ kinh ngạc một lúc, rồi phá ra cười. Min-Sic gí ngón cái xuống sàn nhà, nói, “Cậu đúng là siêu nhân chém gió đấy, Kim à!” Fang nhìn gần hơn vào tấm kodak rồi bình luận rằng trông nó giống như đã bị chỉnh sửa.

Boom-Sook vẽ một khuôn mặt trên một quả dưa nhân tạo, hết sức trịnh trọng, viết chữ “Fang” lên lông mày rồi đặt quả dưa trên một chồng báo cạnh cửa. Hắn cầm cây cung đặt trên bàn lên, đi về phía cửa sổ ở đằng xa, rồi ngắm bắn.

Fang hét âm lên “Không-không-không-không-không-không-không!” rồi vẫy tay, phản đối rằng quả dưa sẽ không xé toạc cổ họng của người đi săn trong trường hợp bắn hụt. Boom-Sook chưa có đủ áp lực cần thiết. Hắn ra hiệu cho tôi đến đứng cạnh cửa.

Tôi nhận ra ý định của hắn và bắt đầu cầu cứu nghiên cứu sinh của mình, nhưng Fang chặn lời tôi, cảnh cáo nếu tôi không phục tùng, hắn sẽ để Min-Sic phụ trách số Xà phòng của tôi. Nụ cười của Min-Sic méo xệch: tôi hiểu lời đe dọa của Fang. Hắn bấu ngón tay vào cánh tay tôi, dẫn tôi ra, đặt chiếc mũ tốt nghiệp lên đầu tôi, vẽ mặt một con mèo lên quả dưa, rồi đặt nó lên trên chiếc mũ. “Vậy, Boom-Sook này,” hắn thách thức, “cậu có còn nghĩ trình độ xạ thủ của mình chính xác như vậy không?”

Tình bạn giữa Boom-Sook với Fang kỳ thực là một tổ hợp của sự đố kỵ và thù ghét. “Tất nhiên,” hắn đáp.

Tôi bảo nghiên cứu sinh của mình làm ơn dừng lại.

Boom-Sook nâng cung lên và ra lệnh cho tôi không được nhúc nhích.

Mũi tên bằng thép lóe sáng. Chết trong một trò thách đố của bọn con trai này là một cái chết ngu ngốc, vô nghĩa, nhưng người nhân bản vô tính không thể nêu lý lẽ. Một tiếng búng dây, một tiếng vút và mũi tên cắm phập vào quả dưa; quả dưa lặn khỏi chiếc mũ. Min-Sic vỗ tay nhiệt liệt, hi vọng làm dịu tình hình.

Sự nhẹ nhõm nhấn chìm cảm giác bị sỉ nhục của tôi.

“Quả dưa to thế, chả cần kỹ năng xạ thủ chuẩn như laser mới bắn trúng.” Fang khịt mũi. “Nhưng nói gì đi nữa, nhìn dây này,” hắn bê quả dưa lên, “cậu bắn hụt mắt của con mèo rồi.” Chắc chắn, hắn nói tiếp, một quả xoài thì xứng đáng làm mục tiêu cho một thợ săn với tiếng tăm lẫy lừng như Boom-Sook chứ?

Boom-Sook đưa cung tên cho Fang, thách hắn đọ tài với mình; bắn trúng quả xoài từ khoảng cách mười lăm bước chân.

“Chơi luôn.” Fang nhận lấy cung tên, ra lệnh cho tôi đứng yên tại chỗ.

“Thưa ông chủ...” tôi lên tiếng đầy tuyệt vọng.

“Câm mồm,” Boom-Sook quát tôi, rồi vẽ một con mắt lên quả xoài. Fang đếm số bước chân rồi lắp tên vào cung.

Min-Sic gượng gạo cảnh báo các bạn của mình rằng thủ tục giấy tờ liên quan đến một tiêu bản chết là cực kỳ phiền toái.

Fang ngấm một lúc lâu. Tay hắn run bần bật. Quả xoài nổ tung và bắn nước tung tóe lên tường. Tôi biết tôi không nên cho rằng khổ nạn của mình đã chấm dứt. Fang thổi cây cung. “Dưa cách ba mươi bước, xoài mười lăm bước... tớ thách cậu một... *quả mận*, mười bước.” Hắn lưu ý rằng một quả mận vẫn to hơn mắt con báo tuyết, nhưng nói thêm rằng nếu Boom-Sook muốn thừa nhận mình là siêu chém gió và từ chối lời thách thức này, thì Min-Sic và hắn sẽ xem xét kết thúc chuyện này, trong mười phút.

Boom-Sook cân đong giữa sự an toàn của tôi với danh dự của hắn. Hắn đặt quả mận lên đầu tôi rồi bảo tôi đứng thật, *thật* yên. Hắn đếm mười bước, xoay lại, lắp tên và ngắm.

Cảm giác của tôi tiến gần đến ngưỡng giết người.

Gil-Su lại nện lên cửa. Đi đi, tôi thầm nói với anh ta. *Lúc này không được gây mất tập trung...*

Cầm cửa Boom-Sook méo mó khi hấn kéo dây cung.

Tiếng đập cửa vang lên liên hồi. Fang văng tục về bộ phận sinh dục của Gil-Su và mẹ anh ta.

Mắt Boom-Sook dán vào quả mận trên đầu tôi. Các đốt ngón tay hấn trắng bệch.

Đầu tôi quay cuồng; đau đớn cắm chặt vào tai tôi; cánh cửa mở ra phía sau tôi. Tôi ngược lên, Boom-Sook, Min-Sic và Fang tất cả đều mang nét mặt hoảng loạn đột ngột. Sự tò mò khiến cơn đau khủng khiếp của tôi tê dại trong thoáng chốc. Ở đó, ngay khung cửa, là một người đàn ông để râu quai nón, thở hổn hển, giận dữ cực độ. Áo choàng của ông ta bám đầy băng tuyết.

*Chủ tịch Mephi à?*

Giáo sư Nhất Đảng, kiến trúc sư của Giải pháp thuyền nhân California, chủ nhân Huy chương Danh dự Nea So Copros, người viết chuyên khảo về Tu-Fu và Li-Po; Chủ tịch Mephi. Lúc đầu tôi không nhận ra ông ta. Chất lỏng chảy xuống cổ và cột sống tôi. Tôi sờ tai và cảm thấy đau xé thịt; các ngón tay tôi bóng lên màu đỏ thẫm.

Giọng của Boom-Sook run run: “Thưa Chủ tịch, chúng cháu...” Chẳng có lời nói đỡ nào từ Fang hoặc Min-Sic. Chủ tịch đề một chiếc khăn mùi xoa bằng lụa cứng vào tai tôi, rồi bảo tôi ép chặt. Ông lấy ra một sony cầm tay từ túi áo trong. “Ông Chang,” ông ta nói vào đó, và lúc này tôi nhận ra người khách ngủ gật đã đi cùng tôi từ Chongmyo Plaza cách đây tám tháng. Ông ta yêu cầu cấp cứu đến ngay.

Lúc này ông quay lại các nghiên cứu sinh và nói họ đã tạo một khởi đầu đầy xui xẻo cho năm con rắn. Ông nói Min-Sic và Fang sẽ nhận được thông báo từ ban kỷ luật về những khoản nợ của họ, rồi bảo họ giải tán. Cả hai cúi chào và vội vã ra về. Min-Sic để quên áo choàng trên *ondul*, nhưng hấn không quay lại. Boom-Sook trông đáng thương đến thâm. Vị cứu tinh của tôi để cho gã nghiên cứu sinh này chịu khổ sở vài giây rồi mới hỏi, “Anh có định bán tôi với cái thứ ấy luôn không?”

Boom-Sook Kim nhận ra mình vẫn đang cầm cây cung oan nghiệt trên tay, bèn ném nó xuống đất cứ như nó nóng một trăm độ C vậy. Chủ tịch Mephi xem xét căn phòng, hít phần cổ một chai *soju*. Những cảnh loạn xạ trên 3D khiến ông chú ý. Boom-Sook lúng ta lúng túng với chiếc điều khiển, đánh rơi, nhặt lên, bấm dừng, chĩa lại đúng hướng, bấm dừng. Sự kiên nhẫn của Chủ tịch vô cùng đáng sợ; ông muốn nghe Boom-Sook giải thích tại sao lại dùng người nhân bản vô tính thí nghiệm của khoa để thực tập bắn cung.

*Tôi cũng muốn nghe điều đó.*

Boom-Sook thử mọi lý do. Hắn đã say đến mức không thể tha thứ vào đêm Giao thừa; hắn đã không biết đặt thứ tự ưu tiên; phớt lờ những triệu chứng stress; không biết chọn bạn mà chơi; không kiểm chế được khi kỷ luật tiêu bản vì tội hỗn láo; tất cả là lỗi của Fang. Sự thiếu thuyết phục của hắn trong những cái cớ này tố cáo hắn là một kẻ nói dối trắng trợn.

Ông Chang đem đến một hộp y tế, xịt tai tôi, chạm bông thấm rồi dán một miếng đắp. Nghiên cứu sinh hỏi tai tôi có liền lại được không. Câu trả lời của Chủ tịch Mephi là bằng tiến sĩ của Boom-Sook đã bị đình chỉ. Tay cựu nghiên cứu sinh đỡ người ra rồi trắng bệch khi nhận thấy hậu quả.

Ông Chang nhẹ nhàng bóp bàn tay đẫm máu của tôi, rồi bảo tôi rằng dải tai tôi đã bị rách. Một nhân viên y tế sẽ thay thế nó vào sáng hôm sau. Tôi đã lưỡng lự trước sự trả đũa từ Boom-Sook khi chúng tôi chỉ còn lại một mình, nhưng ông Chang nói ông và Chủ tịch Mephi sẽ đưa tôi đến một ngôi nhà mới. Tôi sẽ đi cùng họ.

*Đó hẳn là một tin rất tốt.*

Đúng vậy, ngoại trừ chiếc sony của tôi. Làm sao tôi có thể đem nó theo? Không nghĩ ra được kế hoạch nào, tôi đành ngoan ngoãn gặt đầu, hi vọng có thể lấy lại nó trong kỳ Nghỉ lễ.

*Ông Chủ tịch đưa ra lý do gì cho việc giải cứu cô đúng lúc?*

Tôi không hỏi; cứu tinh của tôi chẳng giải thích gì mãi cho đến sau này. Chiếc cầu thang xoắn dẫn xuống sảnh đợi nuốt hết mọi sự tập trung của tôi; đi xuống khó hơn cả đi lên. Trong sảnh đợi, những luồng và đợt tuyết dội vào kính. Ông Chang đưa cho tôi một chiếc áo choàng có mũ trùm và

một đôi nike đi tuyết.

Chủ tịch Mephi khen ông Chang, một cách hài hước, vì đã chọn thiết kế da ngựa vằn. Ông Chang đáp rằng da ngựa vằn đang là *mốt* trên những phố thời trang nhất của Lhasa vào mùa đông này.

Tôi đang được đưa đến Khoa Nhất Đảng ở phía tây của khu học xá, Chủ tịch Mephi nói. Ông xin lỗi vì đã để “ba con chuột nghiên cứu sinh đó” đùa giỡn với sự sống của tôi. Thời tiết đã khiến ông không thể can thiệp sớm hơn. Không biết phải trả lời thế nào, tôi đưa ra một câu ngoan ngoãn, rất đúng định hướng, “Vâng, thưa ông.”

Các lối đi và hành lang của khu học xá nhộn nhịp người mừng đêm Giao thừa. Ông Chang chỉ tôi cách đi qua những chỗ băng đá hạt nhỏ hơn để không bị trơn trượt. Hoa tuyết đọng trên mi mắt và mũi tôi. Nếu nhìn lên trời, tôi cảm thấy mình đang rơi ngược. Những trận chiến tuyết dừng lại khi Giáo sư Mephi tiến đến; những chiến binh cúi đầu chào. Ẩn nấp trong áo choàng, cảm giác vô danh thật ngon lành làm sao.

Băng qua một khoảng sân, tôi nghe tiếng nhạc. Không phải quảng cáo hoặc nhạc pop, mà là một âm thanh trần trụi và âm vang. Chủ tịch Mephi nhận thấy sự phấn khích của tôi và nói đó là dàn đồng ca. Chúng tôi dừng lại một phút để nghe nhạc rõ hơn.

Hai cảnh sát trực ở sảnh đợi Khoa Nhất Đảng chào và nhận áo choàng của chúng tôi. Sự giàu có của tòa nhà này hoàn toàn mới; đồ đạc nội thất xa hoa lộng lẫy, so với nơi đây thì Khoa Tâm lý học di truyền chỉ là một anh nhà quê. Các hành lang trải thảm được lắp kính Iljongan, dọc những bức tường là bình đựng tro cốt của Các Vua Scilla, 3D của những anh hùng Nhất Đảng. Chủ tịch Mephi xưng tên họ. Thang máy có một ngọn đèn chùm; nó cất tiếng đọc các Điều răn của Nhất Đảng, nhưng Chủ tịch Mephi bảo nó im.

Thang máy mở cửa vào một căn hộ rộng rãi, ánh sáng dịu, mà tôi từng thấy trong những quảng cáo về cuộc sống thượng lưu. Một ngọn lửa 3D lập lòe trong lò sưởi trung tâm, xung quanh là đồ nội thất đậm từ lơ lửng. Hai bức tường kính một chiều cho cái nhìn toàn cảnh gây chóng mặt về khu đô thị, mờ ảo dưới cơn mưa tuyết trắng xóa. Những bức tường trong nhà treo

đầy tranh. Tôi hỏi Chủ tịch, đây có phải phòng làm việc của ông ấy không?

“Phòng làm việc của tôi ở lầu trên,” ông đáp. “Đây là nơi ở mới của cô.”

Ông Chang gật đầu xác nhận, và đề nghị tôi mời khách của mình ngồi. Tôi xin lỗi Chủ tịch Mephi; tôi chưa bao giờ tiếp đón khách ở nhà, nên thái độ của tôi không được lịch thiệp lắm. Ghế sofa đệm từ chuyển động nhẹ dưới sức nặng của Chủ tịch; ông bảo với tôi rằng con dâu của ông đã thiết kế lại nơi ở này dành riêng cho tôi. Cô ấy đã chọn những bức tranh Rothko với hi vọng tôi có thể tĩnh tâm khi ngắm chúng. “Những bản sao chi tiết đến từng phân tử từ bản gốc đấy,” ông trấn an tôi, dù tôi không biết “Rothko” nghĩa là gì, “dù có thể có người lập luận rằng chẳng còn bản gốc nào tồn tại trong thế giới của chúng ta nữa. Phong cách của họa sĩ này có vẻ như phản ánh đúng vị trí của cô đấy, Sonmi-451 ạ; ông ấy vẽ cách mà người mù nhìn sự vật.”

*Một buổi tối đầy biến cố - hết cung tên lại đến lịch sử nghệ thuật..*

Chắc chắn rồi, và vẫn chưa hết. Giáo sư tự trách mình vì đã không nhận ra tiềm năng của tôi khi đi cùng tôi trong xe ford của ông từ Chongmyo Plaza. “Tôi cứ nghĩ cô cũng chỉ là một thí nghiệm nửa tiến hóa sắp bị tê liệt thần kinh trong vài tuần nữa. Nếu tôi nhớ không nhầm, thậm chí tôi còn ngủ gục nữa – phải không, ông Chang? Nói thật tôi nghe xem nào.”

Từ vị trí của mình gần thang máy, ông Chang kể lại rằng ông chủ đã chợp mắt trong suốt hành trình. Chủ tịch Mephi nhún vai. “Cô chắc hẳn là rất tò mò muốn biết điều gì ở cô khiến tôi chú ý, phải không Sonmi?”

Tuyên bố của ông ta nghe như một cái bắt tay; *ra đi, tôi biết cô ở trong đấy mà*. Hoặc là một cái bẫy. Tôi vờ ra vẻ lịch sự không hiểu.

Nét mặt đồng lõa của Mephi cho tôi biết ông không trách tôi vì đã thận trọng. Ông nói Taemosan có mười ba nghìn chín trăm sinh viên, tạo ra hai triệu yêu cầu tải dữ liệu thư viện mỗi học kỳ. Hầu hết là giáo trình và các bài viết liên quan – phần còn lại là đủ thứ, từ địa ốc đến giá chứng khoán, ford thể thao đến piano steinway, yoga đến nuôi chim trong lồng. “Vấn đề là, Sonmi ạ, phải là một độc giả có thói quen *thực sự* kỳ lạ thì thủ thư trưởng mới phải báo động với tôi.” Ông giáo sư mở sony cầm tay của mình và đọc từ danh sách các yêu cầu tải dữ liệu của tôi. Tháng Thứ Sáu, Ngày 18,

*Trường ca Gilgamesh*; Tháng Thứ Bảy, Ngày 2, *Ký ức* của Ireneo Funes. Tháng Thứ Chín, ngày 1, *Suy tàn và Sụp đổ* của Gibbon. Ông Chủ tịch, tấm trong ảnh đèn màu hoa cà từ màn hình sony, trông đầy hãnh diện, “Tháng Thứ Mười, ngày 11, một lệnh tìm kiếm đầy táo bạo về những tài liệu tham khảo nhắc đến bệnh ung thư trong tập đoàn yêu dấu của chúng ta, Liên Minh.”

Ông nói tiếp, là một thành viên Nhất Đảng, một sự thèm khát dành cho những thời đại, nơi chốn và tư tưởng khác như vậy khiến ông cảnh giác về sự hiện diện của một *di dân*. Những *di dân* này là nguyên liệu thô đầy hứa hẹn cho các đơn vị Nhất Đảng.

“Khách” của tôi giải thích ông đã xác định được chủ sở hữu chiếc sony đưa ra yêu cầu đó là Nun Hel-Kwon, một nhà địa nhiệt học từ vùng Onsōng nhiều bão tuyết. Người này đã qua đời hai mùa đông trước trong một tai nạn trượt tuyết. Chủ tịch Mephi yêu cầu một sinh viên giỏi với kỹ năng điều tra kiểu cổ điển truy tìm tên trộm. Hệ thống giám sát sóng điện tử đã định vị được thiết bị tiếp nhận của chiếc sony trong phòng của Boom-Sook Kim; nhưng việc Boom-Sook đắm chìm với tác phẩm Wittgenstein là điều khó tin. Vì thế sinh viên của Mephi đã cài một con vi mạch vào từng chiếc sony trong phòng, vào giờ giới nghiêm cách đây sáu tuần. “Ngày hôm sau, chúng tôi phát hiện kẻ bất đồng chính kiến lầm lạc này không phải là con người, mà rõ ràng là người tiến hóa ổn định đầu tiên của khoa học và là chị em phục vụ với Yoona-939 nổi tiếng. Công việc của tôi có thể đòi hỏi cao và nguy hiểm, Sonmi ạ, nhưng ngu ngốc ư? Không bao giờ.”

*Phủ nhận là vô ích.*

Thực vậy. Mephi không phải là Quản lý. Tôi nghe Mephi kể về những tranh cãi giữa các sở ngành nổ ra sau khi ông báo cáo phát hiện của mình. Các đại biểu trường phái bảo thủ muốn tôi chịu cái chết êm ái như một kẻ lầm lạc; các nhà tâm lý học di truyền muốn mổ xẻ vỏ não tôi; Bộ phận Marketing muốn công bố chuyện này và khẳng định tôi là đột phá thử nghiệm của riêng Trường đại học Taemosan.

*Rõ ràng không ai trong số họ toại nguyện.*

Đúng. Nhất Đảng đã đạt được một thỏa hiệp tạm thời: tôi được phép

tiếp tục tự học, bị quan sát từ xa trong sự tự do giả tạm của tôi, cho đến khi họ có thể đạt được một thỏa thuận chung. Tuy nhiên, cây cung của Boom-Sook đã buộc Nhất Đảng ra tay sớm.

*Vậy... Chủ tịch Mephi định làm gì với cô lúc này?*

Định hình một thỏa hiệp mới giữa những bên muốn giành được một phần trong chuyện của tôi; rồi thực thi nó. Hàng tỉ đô tiền nghiên cứu đã được các tập đoàn đổ vào các phòng thí nghiệm tư nhân, nhưng không hề thành công, để đạt được điều đơn giản như tôi là chính tôi. Để các nhà di truyền học hài lòng, một nhóm các nhà khoa học chọn lọc sẽ thực hiện các xét nghiệm đa phương pháp trên tôi. Tôi nhớ Mephi, nhúng hai tay vào giữa ngọn lửa 3D, trấn an tôi rằng việc này không hề gây khó chịu hay đau đớn, không kéo dài quá ba giờ mỗi ngày, không hơn năm trên mười ngày. Để thuyết phục được Hội đồng Taemosan, việc tiếp cận nghiên cứu sẽ được đấu giá; tôi sẽ kiếm được rất nhiều đô la cho chủ mới của mình. Để các đại biểu chính thống im lặng, người nhân bản vô tính tiến hóa được mô tả như một thí nghiệm chưa ổn định gần tới mức bất ổn tâm thần; qua đó gạt ra những người theo chủ nghĩa bãi nô và Liên Đoàn – Con ngựa thành Troy, một biểu tượng, một người tử vì đạo.

*Những mối quan tâm của Sonmi-451 có được lưu ý tương ứng không?*

Trường đại học sẽ ghi danh tôi như một sinh viên được tài trợ. Tôi cũng sẽ được gắn một Soul lên vòng cổ để tôi có thể ra vào khu học xá tùy ý. Chủ tịch Mephi thậm chí còn hứa sẽ hướng dẫn cho tôi khi tôi nhập học. Ông rút tay khỏi đám lửa rồi xem xét các ngón tay. “Chỉ là ánh sáng, không có nhiệt. Giới trẻ ngày nay sẽ không thể nào biết một ngọn lửa thật là gì khi nó thiêu rụi khu ký túc xá của họ.” Ông bảo tôi gọi là “giáo sư” thay vì “ông.”

*Có một điều tôi không hiểu. Nếu Boom-Sook là một thằng hề ăn không ngồi rồi như thế, thì làm sao anh ta có được chén thánh của khoa tâm lý di truyền này – sự thăng tiến đều đều?*

Hae-Joo Im giải thích thế này. Người nghiên cứu hộ mà Boom-Sook thuê để làm luận án Tiến sĩ cho hắn đã gặp may với nguồn của anh ta. Một người tị nạn ở Viện Baikal, tên là Yusouf Suleiman, đã viết bài luận án của Boom-Sook cách đây mười lăm năm. Những người theo chủ nghĩa bãi nô

cực đoan đã giết các nhà nghiên cứu cấu trúc gene ở Siberia vào thời đó, và Suleiman cùng ba giáo sư của ông ta đã nổ tung trong một vụ cài bom xe. Baikal vẫn là Baikal còn Suleiman trở thành một di dân ở Khu Sản Xuất, nghiên cứu của ông ta bị rơi vào quên lãng cho đến khi nó đến tay người viết luận án thuê cho Boom-Sook. Người này liên hệ với Tập đoàn Papa Song để bổ sung công thức tiến hóa vào Xà phòng của chúng tôi. Yoona-939 là tiêu bản chính; tôi là phương án dự phòng có điều chỉnh. Hae-Joo nói nếu điều đó nghe có vẻ không thể nào, thì tôi nên nhớ rằng nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử khoa học đều là kết quả của những tình cờ tương tự.

*Và Boom-Sook Kim không hề hay biết gì về cơn chấn động mà bằng Tiến sĩ của hắn đã kích hoạt?*

Chỉ một kẻ ngốc chưa bao giờ bóp một ống nhỏ giọt hoặc xử lý một đĩa petri trong đời mới không hay biết gì như thế, nhưng Boom-Sook Kim đúng là một thằng ngốc mà. Có thể đó không phải chuyện tình cờ.

*Cô thấy chế độ mới của mình ở Khoa Nhất Đảng thế nào?*

Anh hắn sẽ nhớ tôi dọn đến đây vào đêm Giao thừa, vì thế tôi có sáu ngày yên tĩnh trước khi chế độ mới thực sự bắt đầu. Ngày nghỉ cuối cùng là ngày lạnh nhất kể từ thập niên bốn mươi. Tôi chỉ đi dạo quanh khu học xá băng tuyết đúng một lần; tôi được lập trình để cảm thấy thoải mái trong những quán ăn nóng nực. Phơi mình trước mùa đông Thung lũng Hàn trên Núi Taemosan khiến da và phổi tôi bỏng cháy, vì thế tôi dành ra sáu ngày ở trong nhà và học.

Vào Ngày đầu năm tôi thức dậy sau giờ giới nghiêm và phát hiện ba món quà. Một ngôi sao trên vòng cổ, ngôi sao thứ ba của tôi; chiếc sony cũ mèm Wing-027 tặng tôi, thu hồi từ phòng cũ của Boom-Sook; và một quyển sách mà giờ đây tôi đã có thể đọc tựa đề: *Chuyện cổ tích Hans Christian Andersen*. Tôi mở bìa sách ra và nhận ra Quyển sách Bên ngoài của Yoona. Tôi đọc một mạch từ đầu đến cuối, và nghĩ đến các chị em của tôi ở khắp Nea So Copros đang mừng Lễ Gắn Sao. Những người may mắn được mười hai sao sẽ đến Thiên Thai ở Hawaii trong buổi sáng hôm nay, tiền Đầu tư của họ đã được trả hết. Tôi ước gì Yoona-939 có thể tham gia

buổi lên lớp đầu tiên trong Ngày thứ hai với tôi. Tôi nhớ cô ấy đến đau đớn; mãi đến tận bây giờ.

*Bài giảng đầu tiên cô học là gì?*

“Toán sinh học” của Swanti; nhưng bài học thực sự của buổi học này là sự bẽ bàng. Tôi đi đến giảng đường, băng qua lớp tuyết tan lầy lội, trèm mũ và chẳng bị ai để ý. Nhưng khi tôi cởi áo choàng ở hành lang, ngoại hình Sonmi của tôi đã gây bất ngờ, tiếp đó là cảm giác không thoải mái. Trong giảng đường, sự bước vào của tôi kích hoạt một sự im lặng đầy căm phẫn.

Sự im lặng không kéo dài lâu. “Ê!” một gã trai gọi to. “Một trà nhân sâm nóng, hai bánh kẹp xúc xích!” và căn phòng phá ra cười. Tôi không được lập trình để đổ mặt, nhưng mạch của tôi đập loạn xạ. Tôi ngồi ở hàng ghế thứ hai, nơi chỉ có nữ ngồi. Thủ lĩnh của họ có hàm răng màu ngọc lục bảo: “Đây là hàng của *bọn tao*. Đi ra phía sau ấy. Mà hôi mùi mayonnaise quá.” Tôi vâng lời. Một chiếc phi tiêu giấy ném vào mặt tôi. “Tao không bán bánh kẹp trong nhà hàng của mày, người nhân bản vô tính: tại sao mày chiếm chỗ của tao trên giảng đường?” Tôi đã định rời đi thì Tiến sĩ Chu’an gây khựng khi bước lên bục giảng và đặt sách vở xuống, đánh dấu buổi giảng bắt đầu. Tôi cố hết sức để tập trung; tôi biết hết các lý thuyết của Swanti, nhưng chưa quen với các ứng dụng của nó. Sau khoảng mười lăm phút, Tiến sĩ Chu’an đưa mắt nhìn khắp giảng đường, và nhìn thấy tôi; bà dừng lại trong lúc đang nói. Sinh viên nhận ra lý do. Tiến sĩ Chu’an ép mình tiếp tục. Tôi ép mình ở nguyên vị trí. Tôi không có đủ can đảm để đặt câu hỏi vào cuối buổi giảng. Bên ngoài, một cơn mưa những lời thóa mạ đang chờ đợi tôi.

*Giáo sư Mephi có biết về thái độ thù nghịch của các sinh viên không?*

Có. Giáo sư hỏi buổi học của tôi có hiệu quả không; tôi chọn từ “có nhiều thông tin”, và hỏi tại sao các sinh viên căm ghét tôi đến thế dù tôi chẳng làm gì xúc phạm đến họ?

Ông ấy hỏi tại sao kẻ thống trị lại sợ kẻ bị thống trị tích lũy tri thức.

Tôi không dám thốt ra từ “nổi dậy” và chọn một đường vòng. “Nếu sự khác nhau giữa các tầng lớp xã hội không bắt nguồn từ di truyền hoặc sự vượt trội do di truyền hoặc thậm chí đô la, mà do khác nhau về tri thức thì

sao?”

Giáo sư hỏi, vậy điều này chẳng phải là toàn bộ Kim tự tháp được xây trên cát hay sao?

Tôi cho rằng một gợi ý như thế có thể bị xem là một sự lầm lạc nghiêm trọng.

Mephi trông có vẻ hài lòng. “Thử thế này xem: người nhân bản vô tính là những tấm gương được treo lên cho con người soi rọi lương tâm; những gì con người nhìn thấy trong đó khiến họ bất an. Vì vậy họ trách các tấm gương.”

Tôi hỏi khi nào thì con người mới bắt đầu tự trách mình. Mephi đáp, “Lịch sử cho thấy phải đến khi họ bị *buộc* phải làm thế.”

Tôi nhận ra tôi không chịu nổi mùa đông. “Khi nào thì điều đó xảy ra?”

Giáo sư xoay quả địa cầu cổ. “Bài giảng của Tiến sĩ Chu’an sẽ tiếp tục vào ngày mai.”

*Hắn cô cần nhiều can đảm lắm để quay lại.*

Một cảnh sát hộ tống tôi. Lần này không ai lảng mạ tôi nữa. Viên cảnh sát nói chuyện với bọn con gái ở hàng ghế thứ hai với một sự thâm thúy khéo léo: “Đây là hàng ghế của *chúng tôi*; các cô có thể tìm chỗ khác ở phía sau để ngồi.” Bọn con gái biến đi hết, nhưng tôi cảm thấy không thoải mái: bọn họ làm vậy là vì sợ Nhất Đảng, chứ không phải chấp nhận tôi. Tiến sĩ Chu’an bị viên cảnh sát làm cho bối rối đến nỗi chỉ biết lăm bằm cho đến hết bài giảng mà không nhìn mặt sinh viên lấy một lần.

Định kiến là giá băng vĩnh cửu.

*Cô có còn phải gồng mình với bài giảng nào nữa không?*

Một lần, bài *Các nền tảng* của giáo sư Lööw. Tôi đi học không có người hộ tống, thà nghe chửi mắng còn hơn mặc áo giáp. Tôi đến sớm, chọn một ghế ngồi khuất và sụp mũ lưỡi trai khi giảng đường đông dần. Các sinh viên dè dặt với tôi nhưng không ném chiếc tên lửa giấy nào. Hai gã trai ngồi hàng trước quay lại. Bọn họ mang vẻ mặt quan tâm chân thành. Một người hỏi có thực tôi là thiên tài nhân tạo hay không.

“‘Thiên tài’ không phải là từ để gọi tùy tiện như vậy,” tôi đáp.

Nghe một người phục vụ cất tiếng nói khiến cả hai sửng sốt. “Chắc bạn cảm thấy như địa ngục,” người còn lại hỏi tôi, “khi có một trí thông minh như vậy nhốt trong một cơ thể kém cỏi được lập trình để phục vụ?”

Tôi nói tôi đã gắn bó với cơ thể của mình.

Lần này, khi tôi rời khỏi giảng đường, con rấn năm mươi cái đầu phun ra cả tràng câu hỏi xông tới, walkman có micro và nikon bật flash dồn dập. Tôi đến từ Papa Song nào? Ai đã ghi danh cho tôi học ở Taemosan? Có thật là tôi đã “tiến hóa” không? Còn nhiều người giống như tôi không? Tôi có nghe nói đến Sonmi~939 chưa? Tôi còn bao nhiêu tuần trước khi sự tiến hóa của tôi bị suy giảm? Tôi có phải là người theo thuyết bãi nô không? Tôi có bạn trai không?

*Truyền thông được phép vào một trường đại học nhà nước à?*

Không, nhưng truyền thông đã đưa ra nhiều đề nghị hấp dẫn để đổi lấy các bài viết về Sonmi ở Taemosan. Tôi trùm mũ và cố gắng len lỏi tìm đường về lại Khoa Nhất Đảng, nhưng đám đông quá dày đặc đến nỗi mũ của tôi bị đánh rơi và tôi bị ngã xuống sàn, bị bầm dập khắp người trước khi hai cảnh sát mặc thường phục giải tán đám đông trên hành lang. Giáo sư Mephi gặp tôi trong sảnh Nhất Đảng, lầm bầm rằng tôi quá quý giá, không thể lộ diện trước đám đông hiếu kỳ được. Ông xoay mạnh chiếc nhẫn bằng đá cầu mưa của mình; dấu hiệu tiềm thức cho thấy ông đang bị stress.

Chúng tôi nhất trí các bài giảng nên được thu vào sony của tôi.

*Những thí nghiệm buổi sáng mà cô trải qua thì sao?*

Một sự nhắc nhở hằng ngày về vị trí thực sự của tôi. Nhìn lại, tôi nhận ra sự xa cách mà Yoona~939 chịu đựng khi cô thu người lại. Toàn bộ kiến thức này dùng để làm gì, tôi thường tự hỏi mình, nếu tôi không thể dùng chúng để làm cho sự tồn tại của mình tốt đẹp hơn? Tôi nhìn thấy sự âm ỉ của bức tranh lớn hơn. Làm sao tôi có thể hòa nhập được ở Thiên Thai sau chín năm và chín ngôi sao nữa với kiến thức vượt trội của mình? Liệu chất gây quên có xóa những kiến thức mà tôi đã học được hay không? Tôi có muốn điều đó xảy ra hay không?

Tôi ngồi hàng giờ liền mà không lật một trang nào trên sony. Tất cả

những gì tôi đọc trong một tuần là câu chuyện có tựa đề “Nàng Tiên Cá” trong Quyển sách Bên ngoài của Yoona, một luận thuyết u tối về cảm giác không thuộc về đâu cả. Tháng Thứ Tư đến, cùng với kỉ niệm một năm đầu tiên của tôi với tư cách là một tiêu bản lập dị ở Taemosan, nhưng mùa xuân không làm tôi vui hơn.

Sự tò mò trong tôi đang chết dần, tôi nói với Giáo sư Mephi tại một hội thảo về Thomas Paine. Đó là một Ngày Thứ Nhất tươi sáng, và tiếng ồn từ một trận bóng chày len qua khung cửa sổ mở toang của ông ấy.

Người hướng dẫn tôi nói chúng tôi phải xác định nguồn gốc của chứng bệnh này, khẩn cấp.

Tôi nói gì đó đại loại đọc sách không phải là kiến thức thực sự, rằng kiến thức thực sự mà không có trải nghiệm thì cũng như thức ăn mà không có chất.

“Cô cần đi ra ngoài nhiều hơn,” giáo sư nói.

*Trở về giảng đường? Đi ra khu học xá? Hay là đi ra khu đô thị?*

Đêm Thứ Chín đem một nghiên cứu sinh Nhất Đảng trẻ tên là Hae-Joo Im đến khu tôi ở. Gọi tôi là Cô Sonmi, anh ấy giải thích rằng Giáo sư Mephi đã yêu cầu anh ấy đến để “làm cô vui lên”. Giáo sư Mephi nắm quyền sinh sát về tương lai của anh ấy, nên anh ấy có mặt ở đây. “Đùa đấy,” anh ấy nói thêm. Sau đó, anh ấy hỏi tôi có nhớ anh ấy không.

Tôi có nhớ. Mái tóc đen của anh giờ đây có màu mận chín, cắt sát đầu, còn lông mày trước đây tỉa tót nay chĩa tùy tiện; nhưng anh chính là người bạn học bụi bặm của Boom-Sook đã báo tin về cái chết của Wing-027 dưới bàn tay ngu ngốc của Min-Sic.

Anh nhìn quanh không gian sống của tôi. “Chà, nơi này ăn đứt ổ chuột của Boom-Sook Kim rồi. Nó rộng hơn cả căn hộ của gia đình tôi đấy.”

Tôi đồng ý: căn hộ này rất rộng rãi.

Một sự im lặng bao trùm. Hae-Joo Im đề nghị anh sẽ đứng trong thang máy cho đến khi tôi muốn anh đi về.

Một lần nữa, tôi xin lỗi vì sự thiếu lịch thiệp trong giao tiếp xã hội của mình và mời anh vào.

Anh cởi nỉ ra và nói, “Tôi xin lỗi vì tôi thiếu lịch thiệp trong giao tiếp xã hội mới đúng. Tôi nói quá nhiều mỗi khi hồi hộp, và nói những điều ngớ ngẩn. Lại bắt đầu nữa rồi. Tôi có thể thử ngồi lên chiếc trường kỷ đệm từ của cô không?”

Vâng, tôi đáp; và hỏi tại sao tôi khiến anh ấy hồi hộp.

Anh nói rõ ràng là tôi trông giống bất kỳ Sonmi phục vụ trong một nhà hàng cũ kỹ nào nhưng khi tôi mở miệng ra, tôi lại trở thành một tiến sĩ triết học. Anh chàng nghiên cứu sinh gác chân chữ ngũ trên trường kỷ rồi lắc lư, xuyên tay qua từ trường. Anh thú nhận, “Một tiếng nói nho nhỏ trong đầu tôi đang bảo, “Nhớ đấy, cô gái này là một bước ngoặt trong lịch sử khoa học. Người nhân bản vô tính tiến hóa ổn định đầu tiên! Hãy cẩn thận câu chữ của mày! Hãy nói những gì thật sâu sắc!” Vì vậy, anh nói, tất nhiên anh chỉ phun ra những điều vô nghĩa.

Tôi trấn an anh rằng tôi cảm thấy mình giống một tiêu bản hơn là một bước ngoặt.

Hae-Joo nhún vai, nói rằng giáo sư đã dặn tối nay tôi có thể đi ra ngoài, rồi vẫy một chiếc Nhẫn Soul, mỉm cười, “Chi phí của Nhất Đảng. Hết ý. Bầu trời là giới hạn. Cô nghĩ xem, làm gì cho vui nào?”

Tôi xin lỗi và nói mình không biết làm gì để vui.

Vậy thì, Hae-Joo thăm dò, tôi làm gì khi muốn nghỉ ngơi?

“Tôi chơi cờ vây với sony,” tôi đáp.

“Để nghỉ ngơi á?” anh nói, vẻ nghi ngờ. “Ai thắng, cô hay cái sony?”

“Sony,” tôi đáp, “nếu không thì làm sao tôi tiến bộ được?”

“Vậy người thắng,” Hae-Joo đề xuất, “thực ra là kẻ thua vì họ chẳng học được gì? Vậy thì kẻ thua là gì? Người thắng à?”

Tôi không biết anh có nghiêm túc hay không. Tôi nói, “Nếu kẻ thua có thể tận dụng những gì đối thủ chỉ dạy thì đúng, kẻ thua có thể trở thành người thắng xét về dài hạn.”

“Thánh thần ơi,” Hae-Joo Im hỗn hển, “chúng ta đi vào khu trung tâm chơi đi.”

*Anh ta có làm cô thấy khó chịu một chút không?*

Lúc đầu, anh ấy làm tôi khó chịu rất nhiều; nhưng tôi nhắc mình rằng nghiên cứu sinh này là toa thuốc của Giáo sư Mephi cho căn bệnh của tôi. Vả lại, Hae-Joo đã ưu ái khi nhắc đến tôi như một “con người”, và ngay cả Yoona-939 cũng không nói chuyện với tôi một cách tự nhiên như thế. Tôi hỏi người khách của mình anh ấy thường làm gì vào Đêm Thứ Chín, khi không bị ép buộc phải trông chừng những tiêu bản đặc biệt?

Hae-Joo nở một nụ cười xã giao, và cho tôi biết người ở tầng lớp của Mephi không cần phải ép buộc, họ chỉ đề nghị mà thôi. Anh nói vào những Đêm Thứ Chín, anh đi đến nhà hàng hoặc quán bar với bạn học; hoặc, nếu may mắn, thì đi hộp đêm với một cô gái.

Tôi không phải là bạn học, cũng không hẳn là một cô gái.

Anh đề nghị đến một trung tâm thương mại, “để dùng thử các loại trái cây của Nea So Copros”.

Anh có ngại không, tôi hỏi, nếu bị bắt gặp đi cùng với một Sonmi? Tôi có thể đội mũ và ăn mặc kín đáo.

Hae-Joo Im tỏ vẻ hoài nghi rồi đề nghị tôi gắn râu giả và đeo một cặp sừng tuần lộc.

“Tôi chẳng có món nào cả,” tôi đáp. Hae-Joo bật cười và bảo tôi muốn mặc gì cũng được, miễn là cảm thấy thoải mái, trấn an tôi rằng tôi sẽ trà trộn đám đông tốt hơn khi ở trung tâm so với ở giảng đường. Một chiếc taxi chờ bên dưới, và anh sẽ đợi tôi trong sảnh.

*Cô có hồi hộp khi rời khỏi Taemosan không?*

Có một chút. Hae-Joo giúp tôi quên đi bằng cách nói về những cảnh dọc đường. Anh bảo taxi đi qua Đài Tưởng Niệm đến Những Tên Độc Tài Sụp Đổ, vòng quanh Cung điện Kyongbokkung, xuống Đại lộ Mười nghìn Quảng Cáo. Tài xế là một người Bangladesh biết ngữ mùi tiền từ tài khoản chi tiêu của tập đoàn. “Một đêm lý tưởng để đến Tháp Trăng, thưa ông,” ông ta tình cờ đề cập, và Hae-Joo đồng ý ngay. Con đường dẫn lên dốc kim tự tháp khổng lồ, nằm ở rất cao, cao hơn các mái che, cao hơn hẳn mọi thứ ngoại trừ các trụ đá nguyên khối của tập đoàn. Anh có bao giờ lên Tháp Trăng vào ban đêm chưa, Lưu trữ viên?

*Chưa, thậm chí cả ban ngày. Người dân chúng tôi để dành Tháp đó chủ yếu*

*cho du khách.*

Hãy đến đó. Từ tầng hai trăm ba mươi tư, khu đô thị như một màn sương với cơ man nào là xenon, neon, chuyển động, carbdi-ox và mái che. Nhưng Hae-Joo bảo rằng gió trên mái vòm kính có thể thổi bay chúng tôi như cánh diều. Anh chỉ ra nhiều đỉnh dốc và địa danh, một vài nơi tôi đã nghe nói đến hoặc nhìn thấy trên AdV và 3D. Chongmyo Plaza bị che khuất bởi một trụ đá, nhưng sân vận động của nó thì hiện rõ: một con mắt màu xanh mở to. SeedCorp là nhà tài trợ trắng tối hôm đó. Chiếc máy chiếu mặt trăng khổng lồ trên Fuji ở tít phía xa chiếu sáng hết AdV này đến AdV khác lên mặt trăng; những quả cà chua to bằng em bé; những thỏi bông cải trắng kem; những cọng ngó sen không lõi; những bong bóng chú thích phồng lên từ cái miệng mọng nước của Logoman SeedCorp.

Lúc đi xuống, người tài xế taxi già kể về tuổi thơ của mình ở một khu đô thị xa xôi gọi là Mumbai, hiện nay đã bị ngập lụt, ở đó mặt trăng luôn trần trụi. Hae-Joo nói một mặt trăng không có AdV sẽ khiến anh ấy sợ hãi.

*Hai người đến trung tâm thương mại nào?*

Wangshimni Orchard. Trung tâm thương mại này khiến tôi nghĩ đến một từ điển bách khoa toàn thư, được tạo thành không chỉ bằng từ ngữ mà còn vật dụng. Trong nhiều giờ liền, tôi chỉ vào các món đồ, và Hae-Joo trả lời: mặt nạ bằng đồng, súp tổ yến ăn liền, người hầu nhân bản vô tính, suzuki bằng vàng, máy lọc không khí, cuộn chỉ chống axit, tượng của Chủ tịch Toàn năng, nước hoa dạng phấn bột, khăn choàng lụa ngọc trai, bản đồ thực tế, đồ tạo tác ở vùng đất chết, đàn vĩ cầm lập trình. Hae-Joo chỉ cho tôi một hiệu thuốc: những gói thuốc viên trị ung thư, AIDS, Alzheimer, ngộ độc chì; thuốc dành cho bệnh béo phì, biếng ăn, hói đầu, rậm lông, quá sôi nổi, quá ủ rũ, thuốc xịt chống lão hóa; thuốc trị chứng lạm dụng thuốc chống lão hóa.

Giờ thứ Hai mươi một đã điểm, vậy mà chúng tôi chỉ mới xem được chưa đến một phần mười của một phân khu. Người tiêu dùng lúc nào cũng sôi sục phải mua sắm, mua sắm, mua sắm; một miếng bọt biển nhu cầu đa tế bào hút vào hàng hóa và dịch vụ từ mọi người bán hàng, nhà hàng, quán bar, cửa hiệu và khắp mọi xó xỉnh rồi nhả ra đô la.

Hae-Joo dẫn tôi đến một hiệu cà phê phong cách. Anh mua một styro starbuck cho mình và một nước cho tôi. Anh giải thích rằng theo Luật Làm Giàu, người tiêu dùng phải tiêu xài một hạn ngạch đô la mỗi tháng, tùy thuộc vào tầng lớp của họ. Dành dụm là phạm luật chống tập đoàn. Tôi đã biết điều này nhưng không ngắt lời. Anh nói mẹ anh cảm thấy sợ những trung tâm thương mại hiện đại, vì vậy Hae-Joo thường tìm cách sử dụng hết hạn ngạch.

Tôi bảo anh kể cho tôi cảm giác khi được sống trong một gia đình là như thế nào.

Nghiên cứu sinh vừa mỉm cười vừa cau mày. “Một mối phiền hà cần thiết,” anh thú nhận. “Sở thích của mẹ tôi là thu thập những chứng bệnh nhẹ và thuốc men để chữa trị. Còn bố tôi làm việc ở Bộ Thống Kê, và đờ đẫn ngủ trước 3D.” Bố mẹ anh thụ thai tự nhiên, anh thú nhận, và họ đã bán hạn ngạch để con thứ hai để lấy tiền lập trình gene Hae-Joo cho phù hợp, làm cho anh hướng đến sự nghiệp vẻ vang trong Nhất Đảng. Anh đã muốn trở thành một thành viên Nhất Đảng kể từ khi xem phim truyền hình về cảnh sát trên 3D. Được trả lương để đá tung các cánh cửa có vẻ là một cuộc sống tử tế.

Bố mẹ anh hẳn rất thương anh nên mới hi sinh như thế, tôi nhận xét. Hae-Joo nói rằng tiền hưu của họ sẽ được trích ra từ lương của anh. Sau đó anh hỏi, có phải việc bị đưa ra khỏi Papa Song và cài đặt vào phòng của Boom-Sook là một cú chấn động lớn hay không? Tôi có nhớ thế giới mà tôi được lập trình để sống trong đó hay không?

Tôi đáp, “Người nhân bản vô tính được định hướng để không nhớ nhưng điều gì cả.”

Anh thăm dò: chẳng phải tôi đã tiến hóa lên cao hơn mức định hướng của mình?

Tôi nói tôi sẽ nghĩ về chuyện này.

*Cô có gặp phải bất kỳ phản ứng tiêu cực nào từ người tiêu dùng trong trung tâm thương mại không? Ý tôi là, với tư cách một Sonmi rời khỏi Papa Song.*

Có thể thấy nhiều người nhân bản vô tính ở đó: người khiêng vác, giúp việc nhà và lau dọn. Tôi không thực sự quá nổi bật. Một lúc sau, tôi nhận

được thêm một manh mối khác để lý giải tại sao không ai thể hiện sự kích động như các sinh viên ở khu học xá, khi Hae-Joo đã đi nhà vệ sinh. Một người phụ nữ có tàn nhang màu hồng, làn da như tuổi đôi mươi nhưng đôi mắt từng trải xin lỗi vì làm phiền tôi. “Thế này, tôi là chuyên gia thời trang trong giới truyền thông,” cô ta nói, “cứ gọi tôi là Lily. Tôi để ý cô này giờ rồi!” rồi cô ta cười khúc khích. “Nhưng đó hẳn là điều mà một phụ nữ có sự can đảm như cô, sự tinh ý, và quan trọng hơn hết, tài *tiên đoán* như cô, đã lường trước được, tôi nói có phải không?”

Tôi chẳng hiểu gì cả.

Cô ta nói tôi là người tiêu dùng đầu tiên cô ta từng gặp dám làm tất cả để tạo hình mặt giống một người phục vụ nhân bản vô tính nổi tiếng. “Tầng lớp thấp hơn,” cô ta nói, vẻ trịnh trọng, “có thể gọi đó là dũng cảm, còn tôi gọi đó là thiên tài.” Rồi cô ta hỏi, tôi có muốn làm mẫu cho “một tạp chí 3D phong cách cực kỳ hợp thời” không? Tôi sẽ được trả tiền *cực kỳ hậu hĩnh*, cô ta trấn an tôi, và bạn bè của bạn trai tôi sẽ *bò lết* vì ganh tị, mà đối với phụ nữ thì sự ganh tị ở đàn ông có giá trị tương tự như đô la trong Soul vậy.

Tôi cảm ơn cô ta, nhưng từ chối, nói rằng người nhân bản vô tính không có bạn trai. Cô ta mỉm cười bao dung, kiểm tra từng đường nét trên mặt tôi, rồi nài nỉ tôi cho biết chuyên gia thẩm mỹ nào đã sửa mặt cho tôi. “Một nghệ nhân thế này thì tôi nhất định *phải* biết. Thật là một nhà tiểu họa tử mỉ!”

Sau khi rời khỏi lồng ấp và được định hướng, tôi đáp, cuộc đời tôi chỉ diễn ra sau quầy hàng ở Papa Song, vì vậy tôi chưa từng gặp người tạo hình mặt cho mình.

Tiếng cười của cô biên tập viên thời trang rất giòn nhưng có phần trách móc.

*Ôi, bây giờ thì tôi hiểu rồi – cô ta không tin cô không phải là con người?*

Cô ta đưa danh thiếp cho tôi rồi giục tôi suy nghĩ lại và *gọi điện*. “Cơ hội như tôi đây không phải lúc nào cũng đến mười ngày trong tuần đâu.”

Khi taxi thả tôi xuống ở Nhất Đẳng, Hae-Joo bảo tôi từ nay hãy gọi anh ấy bằng tên. Tôi gọi “ông Im” khiến anh ấy cảm thấy như đang dự hội thảo.

Cuối cùng, anh hỏi tôi có rảnh vào Đêm Thứ Chín tuần sau không.

Tôi nói tôi không muốn anh dành thời gian quý báu của mình cho một nghĩa vụ công việc.

Hae-Joo thừa nhận lúc đầu anh không biết sẽ ra sao, nhưng nhấn mạnh rằng buổi hôm nay rất vui. “Cho nên chúng ta hãy gặp nhau lần nữa.”

Tôi đáp, “Ừm, cũng được.”

*Vậy là chuyến đi giúp giải tỏa sự... buồn chán của cô?*

Tôi hiểu rằng môi trường là chìa khóa dẫn đến bản sắc của một người, nhưng môi trường của tôi, Papa Song, là chiếc chìa khóa mà tôi đã đánh mất. Tôi nhận ra mình muốn đến thăm nhà hàng cũ ở dưới Chongmyo Plaza. Tôi không chắc mình có thể lý giải tại sao, nhưng cảm giác thôi thúc có thể vừa khó hiểu vừa rất mạnh mẽ.

*... Có lẽ một người phục vụ tiến hóa về thăm lại nhà hàng không phải là một chuyện sáng suốt?*

Tôi không nói là nó sáng suốt; chỉ là cần thiết mà thôi. Hae-Joo cũng nghi ngại như thế, mười ngày sau đó, anh ấy lo rằng việc này có thể “xói lên những chuyện đã được chôn vùi.”

Đó chính xác là điều tôi muốn. Tôi đã chôn vùi bản thân mình quá nhiều rồi.

Anh ấy đồng ý, và chỉ cho tôi cách vấn tóc và trang điểm. Một chiếc khăn quàng cổ bằng lụa màu sắc sặc sỡ giúp che vòng cổ của tôi, và trong thang máy đi xuống chỗ đón taxi, anh đeo cặp mắt kính bằng ngọc bích của anh lên mặt tôi.

Vào Tháng Thứ Tư, Đêm Thứ Chín, Chongmyo Plaza không phải là ống thông gió ngập rác như tôi nhớ: nó là một kính vạn hoa sôi động những AdV, người tiêu dùng, nhân viên và nhạc pop. Bức tượng khổng lồ của Chủ tịch kính yêu quan sát nhân dân đông đúc của mình với nét mặt thông thái và nhân từ. Từ vành phía đông nam của Plaza, những mái vòm của Papa Song hiện ra rõ nét. Hae-Joo nắm tay tôi để nhắc tôi nhớ chúng tôi có thể quay lại bất cứ lúc nào. Chúng tôi xếp hàng vào thang máy; anh ấy luôn một chiếc Nhẫn Soul vào ngón tay tôi.

*Tại sao?*

Để cho may mắn: Hae-Joo rất mê tín. Chúng tôi vào thang máy và chiếc hộp đi xuống; thật khác so với lúc đi cùng ông Chang!

Đột nhiên, cửa thang máy mở ra và những người tiêu dùng đói khát đẩy tôi vào trong nhà hàng; tôi đứng đó, sững sốt nhận ra trí nhớ của mình đã sai lệch quá nhiều.

*Như thế nào?*

Nhà mái vòm rộng rãi đó: nó quá chật chội. Ánh đèn đỏ vàng rực rỡ của nó: lạnh lẽo và ô trọc. Không khí trong lành: mùi dầu mỡ khiến tôi buồn nôn. Sau khoảng thời gian tĩnh lặng ở Taemosan, tiếng ồn trong nhà hàng giống như tiếng súng nổ không bao giờ dứt. Papa Song đứng trên Bục; chào đón chúng tôi. Tôi cố nuốt xuống nhưng cổ họng khô khốc. Chắc chắn Logoman của chúng tôi sẽ trách mắng đứa con gái hư này?

Không. Ông ta nháy mắt với chúng tôi, kéo mình lên trời bằng dây cột nỉ, hắt hơi, xin lỗi, rồi ngã nhào xuống Bục. Trẻ con phá ra cười. Làm thế nào mà một ảnh nổi ba chiều vô nghĩa lại có thể truyền cảm giác yêu thích đến thế trong chúng tôi?

Hae-Joo đi tìm bàn trong lúc tôi đi vòng quanh Tâm Điểm. Các chị em của tôi mỉm cười dưới ánh sáng ngọt ngào. Họ làm việc không hề mệt mỏi! Đây là các Yoona, đây là Ma-Leu-Da-108, vòng cổ cô ta vẫn còn khoe ra ngôi sao của người bạn thân thiết của tôi. Kế hoạch trả thù của tôi giờ đây trông thật nhỏ bé. Tôi có thể đối mặt với số mệnh nào tệ hơn mười hai năm ở Papa Song? Ở quầy phía tây cũ của tôi có một Sonmi mới. Đây là Keylim-889, người thay thế Yoona. Tôi xếp hàng ở quầy tính tiền của cô ấy, sự hồi hộp trong tôi tăng vọt khi đến lượt tôi. “Tôi là Kyelim-889! Ngon ứa nước miếng, *Papa Song* kỳ diệu! Vâng, thưa bà? Hôm nay bà dùng món gì?”

Tôi hỏi cô có biết tôi không. Kyelim-889 cười rộng thêm để xua tan sự bối rối. Tôi hỏi, nhẹ nhàng và chậm rãi, rằng cô có nhớ Sonmi-451, người phục vụ từng làm việc bên cạnh cô, đã biến mất vào một buổi sáng? Một nụ cười rộng tuếch. Động từ “nhớ” không có trong vốn từ của cô ta.

“Xin chào! Tôi là Kyelim-889! Ngon ứa nước miếng, *Papa Song* kỳ diệu!”

Tôi hỏi, “Cô có hạnh phúc không, Kyelim~889?”

Sự hào hứng thấp sáng nụ cười của cô ta khi cô gật đầu.

“Hạnh phúc” là một từ trong Điều răn thứ hai. Tôi vẫn có thể nhắc lại. “Hễ tôi tuân theo Các Điều răn, Papa Song yêu thương tôi; hễ Papa Song yêu thương tôi, tôi hạnh phúc.”

Một sự thôi thúc càn quét tôi. Tôi hỏi Kyelim, Cô không muốn sống như con người hay sao? Ngồi ở bàn ăn thay vì phải lau chùi dọn dẹp?

Kyelim~889 vô cùng muốn làm hài lòng khách, nói với tôi “Người phục vụ ăn Xà phòng!”

Đúng, tôi kiên trì, nhưng cô không muốn nhìn thấy Bên ngoài sao?

Nét mặt của cô phục vụ có thể là những gì diễn ra trên mặt tôi khi Yoona~939 thốt ra những lời lầm lạc của cô ấy. Cô đáp, “Người phục vụ không đi ra Bên ngoài cho đến khi được mười hai sao.”

Một cô gái tiêu dùng với những vòng khoen bằng kềm và móng tay lưỡi gà chọc vào tôi. “Nếu cô *nhất định phải* lên lớp mấy đứa nhân bản vô tính dẫn độn thì đợi đến các buổi sáng Ngày Thứ Nhất mà nói, đừng làm vào Đêm Thứ Chín. Tôi cần phải đến trung tâm thương mại trước giờ giới nghiêm *hôm nay*, được chứ?”

Tôi vội gọi một ly nước ép hoa hồng và món nướu cá mập từ Kyelim~889. Tôi ước gì Hae-Joo ở đó với tôi: tôi bồn chồn sợ chiếc Nhãn Soul không hoạt động, và để lộ thân phận là một người nhân bản vô tính bỏ trốn.

Chiếc Nhãn Soul hoạt động, nhưng những câu hỏi của tôi biến tôi thành kẻ gây rối. “Lên lớp người nhân bản vô tính *của cô đi!*” gã bạn trai của cô khách hàng trừng mắt, trong lúc tôi đi qua với khay đựng thức ăn của mình. “*Bãi nô.*” Những người khác trong hàng liếc xéo tôi khi tôi đi qua, lo lắng, cứ như tôi mang bệnh vậy.

Hae-Joo đã tìm thấy một bàn trống ở khu phía tây. Tôi đã lau mặt bàn này mấy chục nghìn lần rồi? Hae-Joo dịu dàng hỏi rằng tôi có phát hiện điều gì có giá trị chưa.

Tôi thì thầm, “Chúng tôi chỉ làm *nô lệ* ở đây suốt mười hai năm.”

Chàng nghiên cứu sinh Nhất Đăng gãi tai và nhìn quanh để chắc không có ai nghe trộm. Anh uống một ngụm nước ép hoa hồng, gật đầu. Chúng tôi xem AdV trong mười phút, không nói gì.

*Vậy chuyến đi thăm Papa Song của cô là... sự đi xuống từ đỉnh điểm? Cô có tìm thấy “chìa khóa” cho bản thân tiến hóa của mình không?*

Tôi cho rằng chìa khóa chính là, không có chìa khóa nào cả. Ở Papa Song tôi đã là một nô lệ; ở Taemosan tôi là một nô lệ được ưu đãi hơn một chút. Tuy nhiên, một điều nữa xảy ra, khi chúng tôi trở lại thang máy. Tôi nhận ra một người vợ giám đốc đang làm việc bên sony. Tôi thốt lên tên của bà ta: “Bà Rhee.”

Người đàn bà dùng thuốc hồi xuân hoàn hảo ngược lên với một nụ cười bối rối nở ra từ đôi môi khêu gợi, đã được chỉnh hình lại. “Tôi *từng* là bà Rhee, nhưng giờ tôi mang họ Ahn. Chồng cũ của tôi chết đuối trong một tai nạn trên tàu cá năm ngoái.”

“Ồ,” tôi nói. “Thật kinh khủng quá.”

Bà Ahn hỏi tôi có biết rõ về ông chồng quá cố của bà không. Nói dối khó hơn những gì mà con người thường làm. Bà Ahn lặp lại câu hỏi.

“Vợ tôi là một chuyên viên ổn định chất lượng cho Tập đoàn trước khi chúng tôi kết hôn,” Hae-Joo nhanh chóng giải thích, nói thêm rằng Chongmyo Plaza nằm ở khu vực của cô ấy và rằng Quản lý Rhee đã là một giám đốc mẫu mực.

Sự ngờ vực của bà Ahn tăng lên. Bà ta hỏi chính xác thì tôi đã làm việc dưới quyền người chồng quá cố của bà khi nào.

Bây giờ thì tôi biết phải nói gì. “Khi Trợ lý của ông ấy là một khách hàng tên Cho.”

Nụ cười của bà ta giữ nguyên nhưng thay đổi tính chất. “À, vâng, Trợ lý Cho đã được cử lên phía bắc, ở đâu đấy, để học về tinh thần đồng đội.”

Hae-Joo nắm cánh tay tôi, nói, “Ái chà, ‘Tất cả vì Papa Song, Papa Song vì Tất cả.’ Trung tâm thương mại đang đợi đấy, em yêu à. Bà Ahn rõ ràng là người không lãng phí thời gian.” Chúng tôi chúc nhau may mắn.

Sau đó, khi đã quay về căn hộ yên tĩnh của tôi, Hae-Joo dành cho tôi lời

khen này. “Nếu tôi tiến hóa từ một người phục vụ lên một thiên tài trong mười hai tháng, thì địa chỉ hiện tại của tôi sẽ không phải là một khu nhà khách ở Khoa Nhất Đẳng đâu, mà nó sẽ nằm ở trung tâm Đất La-la-la. Cô nói cô bị ‘đề nén’ – vậy mà tôi chỉ thấy một sức bật thôi. Cô được phép cảm thấy rối bời và bị lộn trần. Điều đó không có nghĩa là cô có khuyết điểm – nó chỉ có nghĩa là cô là con người.”

Chúng tôi chơi cờ vây đến giờ giới nghiêm. Hae-Joo thắng ván đầu tiên; tôi thắng ván thứ hai.

*Có bao nhiêu chuyện đi thế này đã xảy ra?*

Mỗi Đêm Thứ Chín cho đến Ngày Tập Đoàn. Sự thân quen làm nảy sinh lòng yêu mến dành cho Hae-Joo. Tôi bắt đầu chia sẻ những đánh giá cao của Chủ tịch Mephi về anh. Giáo sư không thảo luận những buổi đi chơi của chúng tôi tại các hội thảo; người được đỡ đầu của ông ấy hẳn là phải nộp báo cáo, nhưng Mephi muốn tôi ném trái cảm giác riêng tư. Công việc ở Hội đồng đòi hỏi nhiều thời gian của ông hơn và tôi ít gặp ông hơn. Các xét nghiệm buổi sáng vẫn tiếp diễn, với những nhà khoa học lịch thiệp nhưng không đáng nhớ.

Sự say mê của Hae-Joo dành cho những tình tiết ở khu học xá cung cấp rất nhiều thông tin. Tôi được biết Taemosan không phải là một cơ chế thống nhất mà là một ngọn đồi nhỏ tập hợp những bộ lạc suốt ngày tranh chấp và những nhóm lợi ích, cũng tương tự như Chủ Thể. Khoa Nhất Đẳng vẫn duy trì một sự thống trị bị cấm ghét. “Bí mật là những viên đạn thần kỳ,” Hae-Joo dẫn lời giáo sư của anh. Nhưng sự thống trị này cũng giải thích tại sao cảnh sát thực tập có ít bạn bè ở ngoài khoa. Hae-Joo thừa nhận các cô gái đang tìm chồng bị hấp dẫn trước địa vị tương lai của anh, nhưng nam giới ở tuổi anh trở lên không muốn ngồi uống rượu với anh.

Lưu trữ viên, thời gian sắp hết. Chúng ta có thể nói nhanh đến đêm cuối cùng của tôi ở khu học xá không?

*Tùy ý cô.*

Một niềm đam mê mãnh liệt của Hae-Joo là disney, và một lợi thế của việc được Giáo sư Mephi hướng dẫn là quyền truy cập vào những tài liệu bị cấm trong dữ liệu an ninh.

*Ý cô là sách xuất bản lậu của Liên Minh từ các Khu Sản Xuất à?*

Không. Ý tôi là khu vực bị cấm cản nhiều hơn kia: quá khứ. Những disney từ trước các Cuộc Giao Tranh. Thời ấy chúng được gọi là “phim”. Hae-Joo nói người xưa có một tài nghệ mà 3D và tập đoàn từ lâu không còn dùng nữa. Tôi phải tin anh ấy: những disney duy nhất tôi từng xem là phim khiêu dâm của Boom-Sook. Vào Đêm Thứ Chín cuối cùng của Tháng Thứ Sáu, Hae-Joo đến với một chiếc chìa khóa mở được cửa khán phòng ở khu học xá, giải thích rằng một sinh viên Truyền thông nợ anh một ân huệ. Anh nói bằng giọng thì thầm kịch tính: “Tôi có đĩa của một trong những bộ phim hay nhất mọi thời đại, mọi đạo diễn.”

*Tên là gì?*

Một chuyến phiêu lưu nhan đề *Khổ nạn của Timothy Cavendish*, sản xuất trước khi Nea So Copros được thành lập tại một tỉnh đã hóa thành đất chết từ lâu của nền dân chủ châu Âu bị từ bỏ. Anh có xem phim từ đầu thế kỷ hai mươi mốt chưa, Lưu trữ viên?

*Một lưu trữ viên cấp tám còn không dám mơ tiếp cận tài liệu ở cấp độ bảo mật như thế! Tôi ngạc nhiên khi một nghiên cứu sinh lại được tin cần giao cho một tác phẩm hư cấu có tính kích động, thậm chí lại là một người thuộc Nhất Đảng.*

Tại sao tập đoàn chúng ta cấm cản *bất kỳ* cuộc nói chuyện nào về lịch sử là một câu hỏi khó trả lời. Có phải vì lịch sử đem đến những trải nghiệm con người trái với dữ liệu của Truyền thông không? Nếu thế, tại sao lại bảo tồn những dữ liệu như dữ liệu của bộ anh, làm việc mà sự tồn tại của bộ ấy đã là một bí mật quốc gia?

*Tôi biết chắc là mình không thể nói với cô. Ý kiến riêng của cô về phim Khổ Nạn này thế nào?*

Từ ngữ của nó khiến tôi tò mò; sự khác biệt của nó so với chúng ta thật không thể diễn tả được. Thời đó con người làm hết mọi việc vất vả; vật nhân bản vô tính duy nhất là những con cừu đau ốm. Con người nhăn nheo và xấu xí khi họ già đi; không có thuốc hồi xuân. Người già chờ chết trong những nhà tù dành cho người cao tuổi và người khó trị; không có tuổi thọ nhất định, không có cái chết êm ái.

*Nghe có vẻ như địa ngục trần gian.*

Thời đó, cũng như bây giờ, địa ngục trần gian là một chức năng của nghèo đói, không phải chính sách quốc gia. Khán phòng vắng là một cái khung ám ảnh với tạo cảnh của disney cũ. Những người khổng lồ đi lại trên màn hình, chiếu sáng bằng ánh nắng thu được qua những ống kính từ thời mà ông cụ ông kỵ của anh còn chòi đạp trong bụng mẹ, Lưu trữ viên ạ.

Thời gian là điều ngăn cản lịch sử diễn ra một lúc; thời gian là tốc độ mà theo đó quá khứ biến mất. Phim ảnh cho những thế giới bị đánh mất đó một sự tái sinh ngắn ngủi. Những tòa nhà đã sụp đổ, những gương mặt đã mục rữa từ lâu, chúng khiến tôi ghê tởm. *Chúng tôi trước đây là các bạn hiện nay, họ nói. Hiện tại không quan trọng.* Năm mươi phút của tôi trước màn hình chiếu phim với Hae-Joo là một bài tập về hạnh phúc.

*Chỉ năm mươi phút thôi?*

Sony cầm tay của Hae-Joo rung lên ở một cảnh quan trọng, khi kẻ ăn trộm sách trong phim bị động kinh; khuôn mặt ông ta, rúm ró trên một đĩa đậu, bị đóng băng. Một giọng hoảng hốt vang lên trong sony cầm tay của Hae-Joo: “Là Xi-Li đây! Tôi đang ở bên ngoài! Cho tôi vào! Chuyện tồi tệ nhất đã xảy ra!” Hae-Joo bấm chiếc chìa khóa điều khiển và cửa khán phòng mở ra; một ánh sáng màu vàng cắt ngang những chiếc ghế trống. Một sinh viên chạy vào, khuôn mặt anh ta bóng nhờn mồ hôi, chào Hae-Joo, rồi báo một tin làm đảo lộn cuộc sống của tôi. Một lần nữa. Bốn mươi hoặc năm mươi cảnh sát đã ập vào Khoa Nhất Đảng, bắt Giáo sư Mephi, và đang truy lùng chúng tôi. Lệnh của họ là bắt Hae-Joo để hỏi cung, và giết tôi tại chỗ. Các chốt kiểm soát của khu học xá đều có người canh gác.

*Cô nghĩ gì khi nghe tin này?*

Tôi không nghĩ được.

Người bạn của tôi lúc này toát ra một quyền uy sắt đá mà tôi nhận ra vốn luôn hiện hữu. Anh liếc nhìn rolex của mình rồi hỏi ông Chang còn tự do không. Xi-Li, người báo tin, nói rằng ông Chang đã đến bãi đỗ ford ở tầng hầm. Người tôi từng biết là Nghiên cứu sinh Hae-Joo Im, đứng trên nền một diễn viên đã qua đời đóng một vai diễn từ một thế kỷ trước, nhìn vào mắt tôi và gọi tên tôi. “Tôi không hẳn là người mà tôi từng nhận.”



Sloosha's Crossin' & mọi  
chuyện về sau

Con đườn' của Già Georgie và ta giao nhau quá nhiều lần đến khôn' nhớ nổi, và sau khi ta chết, khôn' biết còn chuyện gì mà tên ác quỷ răn' nhọn đó khôn' làm với ta... vì vậy hãy đưa cho ta một ít thịt cừu và ta sẽ kể cho các con nghe về lần gặp đầu tiên của chún' ta. Một lát dày mọn' nước, khôn', khôn' cần món bánh quế cháy khét...

Adam, anh trai ta, cùng Bố và ta đan' trở về từ Hội chợ Honokaa qua nhữn' con đườn' sinh lầy trên chiếc xe bò cà tàn', quần áo thì lấm lem nhàu nhĩ. Buổi tối sập xuống' rất nhanh nên chún' ta dựn' lều trên bờ nam của Sloosha's Crossin', vì sôn' Waipio đan' sôi sục sau nhiều ngày mưa to và nước trào cuộn cuộn do triều dân'. Sloosha's là mảnh đất lạnh dù rất lầy lội, chả có ai sống' ở Thun' Lũn' Waipio ngoài triệu triệu con chim, vì thế chún' ta không ngại tran' cho túp lều và chiếc xe bò. Bố bảo ta đi tìm bụi nhùi và củi trong lúc ôn' và Adam dựn' lều.

Hôm đó ta bị chột bụn' do đã ăn cả một cái đùi chó ở Honokaa, lúc bấy giờ ta đan' ngồi xồm trên một cái hố giữa đám cây thiết mộc thì có ánh mắt nhìn ta, ta cảm thấy rất rõ. "Ai đó?" ta hỏi, và đám dươn' xỉ xào xạc nuốt chửn' lời ta.

*Ô, mi đan' ở một nơi thật tăm tối đấy cậu nhóc, bụi dươn' xỉ rì rầm.*

"Xun' tên đi!" ta hét lên, dù khôn' to lắm. "Ta có dao găm đó!"

Ngay phía trên đầu ta, có người thì thâm, *Xun' tên đi, cậu nhóc, là Zachry Dũng cảm hay Zachry Hèn nhát nào?* Ta ngược lên nhìn và chắc chắn đó là Già Georgie đan' bắt chéo chân trên một cây thiết mộc mục ruổn', một nụ cười ranh mãnh hiện lên tron' đôi mắt háu đói của lão.

"Tôi không' sợ ôn' đâu!" ta nói với lão, dù thật tình mà nói thì giốn' ta chỉ như tiếng rầm vẹt giữa trận cuộn' phon'. Ta thót ruột khi Già Georgie nhảy từ cành cây xuống' và rồi chuyện gì xảy ra?

Lão biến mất tron' nháy mắt, đún' vậy, ở phía sau ta. Chẳn' có gì ở đấy... ngoài một con vẹt hoang béo núc đan' kiếm ăn, mời mọc ta túm lấy rồi xiên que! E hèm, ta tin chắc Zachry Dũng cảm đã hạ gục Già Geogie, đún' vậy, lão đã bỏ chạy để săn lùn' nhữn' kẻ hèn nhát hơn ta. Ta muốn kể với Bố và Adam về chuyến đi kỳ lạ của mình nhưn' câu chuyện bốc phét sẽ ngon lành hơn với món nhắm khoái khẩu, vì vậy ta vội vội vằn' vằn' đứn' dậy, kéo

quần lên rồi lom khom tiến đến đống' lôn' vũ nun' núc thịt đó... rồi ta chụp xuống'.

Ngài Chim vượt qua kẽ tay ta rồi bỏ chạy như' ta khôn' bỏ cuộc, còn lâu, ta đuổi theo nó lên thượn' nguồn qua bụi rậm nhấp nhô gai góc, cành cây chết mục và nhiều thứ khác, gai nhọn cào vào mặt ta đau buốt, như' các con thấy đó, ta đan' sốt sắn' đuổi bắt nên chẳng' nhận ra cây cối thưa dần hoặc nghe tiếng' Thác Hiilawe gầm rú gần hơn, mãi đến khi ta chúi nhủi vào bãi đất trốn' cạnh hồ nước và hoa mắt trước một bầy ngựa. Khôn', khôn' phải ngựa hoan', mà là nhữn' con ngựa mặc áo giáp da đính hạt kim loại và trên Đảo Lớn thì điều đó đồng' nghĩa với duy nhất một điều, chính xác, bọn Kona.

Mười – mười hai tên thổ dân sơn phết khắp người đứng dậy nắm lấy cán roi da, gào tiếng hét chiến trận với ta! Ôi, lúc này ta chạy trở lại hẻm núi mà ta đã chạy lên, chính xác, kẻ đi săn thành kẻ bị săn. Tên Kona gần nhất đan' đuổi theo sau ta, nhữn' tên khác nhảy lên lưng' ngựa và cười van' thích thú với trò săn bắt này. Sợ hãi làm chân ta run rẩy như' nó cũng khiến trí óc ta mềm nhũn, nên ta phón' về chỗ Bố. Ta chỉ mới chín tuổi nên chỉ biết làm theo bản năng' mà khôn' nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra.

Tuy nhiên ta đã khôn' quay lại chỗ dựn' lều, nếu khôn' thì giờ này ta đâu còn ngồi đây để kể chuyện cho các con nghe. Ta vấp chân vào rễ cây – chắc là chân của Già Georgie – rồi lăn lôn' lóc xuống' một cái hố có lá mục, nhờ đó mà ta được che chắn trước vó ngựa lao qua của bọn Kona. Ta nằm yên tron' đó, nghe chún' hò hét lao qua, chỉ cách đó vài mét, bắn' qua hàn' cây đó... thẩn' đến Sloosha's. Đến chỗ Bố và Adam.

Ta bò lết thận' trọn' và thật nhanh như' đã quá muộn, phải, đã quá muộn. Bọn Kona đan' bao vây lều trại của chún' ta, chún' quát roi vun vút. Bố đan' vun' rìu tán loạn, còn anh ta thì cầm giáo, như' bọn Kona chỉ vờn họ. Ta nấp ở rìa bãi đất trốn', sợ hãi rần rật tron' máu khiến ta khôn' thể đi tiếp. *Vụt!* Một làn roi, Bố và Adam ngã xuống' và quần quai như nhữn' con lươn trên cát. Tù trưởn' Kona, một tên bặm trợn, xuống' ngựa rồi dẫm qua bãi nước cạn đến chỗ Bố, quay lại mỉm cười với bọn anh em sơn vẽ của hắn, rút dao ra rồi cắt cổ họn' Bố từ tai này qua tai kia.

Ta chưa thấy cái gì *đỏ thẫm* như dòn' máu chảy ra của Bố. Tên tù trườn' liếm láp máu của Bố trên lưỡi dao.

Adam hoãn' loạn tột độ, anh khôn' còn gan dạ nổi nữa. Một tên sơn vẽ trói cổ tay cổ chân anh rồi ném anh cả của ta lên yên ngựa của hắn như một bao khoai sọ, nhữn' tên khác lục lọi lều của chún' ta để tìm đồ sắt và các vật dụng' khác rồi đập phá nhữn' gì chún' khôn' đem theo. Tên tù trườn' nhảy lên lun' ngựa rồi quay lại nhìn thản' vào ta... đôi mắt đó là đôi mắt của Già Georgie. *Zachry Hèn nhất*, đôi mắt nói, *mi được sinh ra là để dành cho ta, thấy chưa, chống lại ta ích gì?*

Ta có chún' mình là lão sai khôn'? Đứn' lên và cầm lưỡi dao của ta vào cổ một tên Kona? Theo chún' về đến trại của chún' rồi tìm cách giải cứu Adam? Zachry Dững cảm Chín tuổi đã trốn lên một cái cây để khóc sụt nước và cầu nguyện Sonmi phù hộ để nó khôn' bị bắt làm nô lệ. Phải, ta chỉ biết làm thế. Hỡi ôi, nếu ta được Sonmi đoái hoài thì ta sẽ lắc đầu đầy khinh bỉ rồi tự nghiền nát mình như một con bọ gậy.

Bố vẫn đan' nằm bập bênh tron' chỗ nước cạn lúc ta lên về khi màn đêm đã buôn' xuống; dòn' sơn' bấy giờ đã dịu lại và thời tiết quang đãng hơn. Bố là người luôn chơi đùa, nựng' nịu và yêu thương' ta. Trơn như cá han', nặn' như bò, lạnh như đá, từn' giọt từn' giọt máu bị dòn' sơn' hút cạn. Ta vẫn chưa hoàn hồn hay cảm nhận được gì rõ rệt, mọi thứ vẫn còn quá chấn độn' và kinh hoàn'. Sloosha's nằm cách Bãi Xươn' sáu – bảy dặm, nên ta xây một nấm mồ cho Bố ở nơi ôn' nằm. Ta khôn' nhớ câu kinh nào của Trườn' lão ngoài câu *Sonmi kính yêu, Người ở trong chúng con, hãy trả linh hồn được yêu thương này về Lòng mẹ, chúng con cầu xin Người*. Nên ta đọc câu kinh này, lội qua sơn' Waipio, rồi cầm dao gập chạy bấn' qua cánh rừn' đêm.

Một con cú mèo tí hon rít lên với ta, Đánh giỏi lắm, Zachry Dững cảm! Ta hét lên bảo con chim cầm miện', nhưng nó rít lại, *Khôn' thì sao? Mi sẽ đánh ta như đã đánh bọn Kona à? Ôi, làm ơn làm phước chiếp cha chiếp chiếp đi!* Trên dãy Kohala, bọn chó hoang tru lên, *Zachryyy-yy-y Hèn Nhátttt-tt-t*. Cuối cùng là mặt trăn', bà nhướn mày lên, nhưn' bà lão lạnh lùn' đó chẳn' nói gì, mà cũn' chẳn' cần bà lên tiến', ta biết bà nghĩ gì về ta. Adam cũn' đan' nhìn lên mặt trăn' đó, chỉ cách ta hai-ba-bốn dặm, nhưn' ta chẳn' thể

làm gì để cứu anh ấy, anh có thể đã ở tận Honolulu. Ta òa lên khóc nức nở, chính xác, như một đứa bé hoảng sợ.

Sau khi đi được một dặm, ta đến Nhà Abel rồi gọi cửa. Con cả của Abel là Issak mở cửa cho ta vào và ta kể cho họ nghe chuyện gì đã xảy ra ở Sloosha's Crossin', nhưm'... ta có kể toàn bộ sự thật khôn'? Khôn', trùm chăn của Abel lên người, sưởi ấm bên đống' lửa của họ, thần' bé Zachry đã nói dối. Ta khôn' nhận đã dẫn bọn Kona đến lều của Bố, mà ta kể ta chỉ đuổi theo một con vịt vào bụi rậm, và khi ta trở về... Bố đã bị giết, Adam bị bắt và dấu chân ngựa của bọn Kona in khắp bùn đất. Khôn' thể làm gì được, lúc đó lần bây giờ. Mười tên Kona có thể giết người nhà Abel dễ dạn' như đã giết Bố ta.

Khuôn mặt các con đan' hỏi ta. Tại sao ta lại nói dối?

Tron' lời kể mới này, ta khôn' phải là Zachry Ngu gốc hay Zachry Hèn nhất, ta chỉ là Zachry Kém may mắn và May mắn. Nói dối là lũ kền kền của Già Georgie, chún' đan' lượn vòn' trên khôn' trun' nhìn xuống' đất để tìm kiến một linh hồn còi cọc và ốm yếu để lao xuống' và cắm phập món' vuốt của chún', và đêm hôm đó ở nhà của Abel, linh hồn còi cọc và ốm yếu đó, chính xác, đó chính là ta.

Giờ đây lũ các con nhìn một ôn' già nhăn nheo, thờ khò khè từn' hơi, và ta sẽ khôn' còn thấy nhiều mùa đôn' nữa, khôn', khôn', ta biết thế. Ta đan' gào lên với bản thân ta hơn bốn mươi năm trước, phải, với Zachry Chín tuổi, Ê, nghe đây! Có nhữn' lúc người yếu đuối trước thế gian! Có nhữn' lúc người chẳn' thể làm gì! Đó khôn' phải lỗi của người, mà là lỗi của cái thế gian tồi tệ này thôi! Nhưn' dù cho ta có gào lớn đến đâu, Cậu bé Zachry vẫn khôn' nghe thấy ta và sẽ chẳn' bao giờ nghe thấy.

Lưỡi dê là một năn' khiếu, các con có nó từ lúc sinh ra hoặc là khôn'. Nếu các con có nó, nói gì dê cũn' nghe, nếu khôn' có, chúng sẽ xô con xuống' bùn rồi đứn' đó cười nhạo khinh bỉ. Ta có cái lưỡi dê từ Bố, và thi thoản' khi chẳn' dê, ta nghĩ là mình đã nghe tiến' ôn' thổi sáo cách đó không xa, dù Trưởn' lão nói ông đã đầu thai vào Nhà Kashinski tron' Thun' lữn' Mormon. Dù sao đi nữa, hàn' ngày vào lúc mặt trời mọc ta vắt sữa dê rồi đưa cả đàn dê lên miện' Thun' lữn' Elepaio, bắn' qua đèo Vert'bry đến ăn cỏ

ở Đỉnh Kohala. Ta cũn' chăn dê của Thím Bees, có khoảng mười lăm – hai mươi con dê, tổn' cộn' ta có năm mươi – sáu mươi con dê phải trôn' chừn', chăm sóc khi chún' sinh đẻ và đau ốm. Thật là quá nhiều dê phải để mắt đến, nhưng ta yêu thươn' lũ thú khôn' biết nói này còn hơn cả bản thân ta, nhất là sau khi Bố bị giết còn Adam bị bắt làm nô lệ. Con nào cũn' có tên do ta tự đặt cho. Khi trời mưa ta hay dầm mình dưới mưa để bắt đĩa trên người chún', khi trời nắn' như thiêu đốt ta cũn' bị nướn' khét, và trên Kohala có lúc ta ở lại đến ba-bốn đêm liền mới xuốn' núi. Phải luôn giữ cho con mắt chớp liên tục. Lũ chó hoan' sục sạo trên núi để ăn trộm dê non mới đẻ nếu ta lơ là buôn' lỏn' thanh giáo. Khi bố ta còn nhỏ, thổ dân từ Mookini thườn' tìm đườn' lên đây từ Leeward rồi cuôm mất một, hai con dê, nhưn' sau đó bọn Kona đã biến người Mookini thành nô lệ trên khắp miền nam và han' hốc của họ ở Hawi đã thành ổ rêu phon' kiến mối. Mục đồn' chún' ta biết rõ Núi Kohala như lòn' bàn tay, rõ hơn bất kỳ ai khác, từn' hẻm núi, dòn' sông, nơi linh thiên' nước độc, nhữn' cây thép mà đám người săn đồ cổ chưa phát hiện ra, và một-hai-ba tòa nhà cũ mà ngoài chún' ta ra khôn' ai biết đến.

Mục đồn' nổi tiến' là có biệt tài tán gái. Này nhé, nếu một cô gái mê một chàng' mục đồn', cô ta chỉ cần đi theo tiến' huyết sáo của chún' ta đến nơi vắng' vẻ, rồi chún' ta sẽ làm chuyện đó giữa đồn' khôn' môn' quạnh, chẳn' có ai thấy trừ mấy con dê, mà lũ dê thì chẳn' hé một lời với Ma Lắm Điều. Ta đã truyền giốn' đưa con đầu tiên của ta cho Jayjo của Nhà Khuôn Bàn Chân bần' cách này, dưới một cây chanh vào một ngày nắn'. Ít nhất thì đó là đưa con đầu tiên mà ta biết. Các cô gái rất ma mãnh khi nói về người nào, khi nào và làm sao. Năm đó ta mười hai tuổi, Jayjo có một thân hình săn chắc và mời gọi, nắn' cười đùa lún' liến' và cả hai chún' ta đều yêu nhau say đắm, chính xác, như hai con đàn' ngồi đây vậy, vì thế khi cái bụn' bầu của Jayjo đã cấn' tròn, bọn ta bàn đến chuyện cưới hỏi để nắn' có thể dọn đến sốn' ở Nhà Bailey. Ở đó còn nhiều phòn' trốn' lẩn. Nhưn' rồi Jayjo vỡ nước ối sớm và Banjo gọi ta đến Khuôn Bàn Chân nơi nắn' đàn' sinh con. Ta vừa đến nơi thì đưa bé chào đời.

Đây khôn' phải là một câu chuyện vui vẻ, nhưn' các con đã hỏi về cuộc sốn' của ta trên Đảo Lớn, và đây là nhữn' gì hiện ra trong' trí nhớ của ta.

Đứa bé khôn' có miện', cữn' chẵn' có lỗ mũi, nên nó khôn' thở được và đã chết khi mẹ của Jayjo cắt dây rốn, tội nghiệp hài nhi bé nhỏ. Mắt nó khôn' mở ra, nó chỉ cảm thấy hơi ấm từ bàn tay bố nó trên lưng', đổi màu xám ngoét, ngừng' cục cựa và qua đời.

Jayjo tái mét và mồ hôi nhễ nhại, tròn' như cữn' chết rồi. Cánh đàn bà bảo ta tránh ra để nhường' chỗ cho thầy lan'.

Ta ôm đứa bé đã chết được quấn tron' bao vải rồi đem đến Bãi Xươn'. Ta cô đơn quá, tự hỏi nòi giống' của Jayjo bị hỏn' hay của ta bị hỏn' hay vận may của ta đã hỏn'. Đó là một buổi sán' ẩm đạm dưới bóng' những bụi hoa máu, tròn' con sún' liếm láp bãi biển như nhữn' con bò ốm ngã sún' soài. Lấp mộ cho đứa bé khôn' mất nhiều thời gian như cho Bố. Bãi Xươn' có mùi tảo biển và mùi thịt thối rữa, xươn' cũ nằm xen sỏi đá, và chẵn' ai muốn nấn ná ở đó quá lâu, trừ con ruồi hoặc con quạ.

Jayjo khôn' chết, nhưn' nản' không còn cười lún' liến' như trước nữa và chún' ta cũng' chẵn' cưới xin gì cả, các con phải biết nòi giống' của mình sẽ ra đời khỏe mạnh hay là một thứ gì khác, phải khôn' nào? Hoặc ai sẽ cạo râu mọc trên mái nhà và lau chùi mỗi một trên biểu tượng' cho con khi con lìa trần? Thế là nếu ta gặp lại Jayjo ở một buổi họp làn' hoặc họp chợ, nản' thườn' nói, *Sán' nay lại mưa rồi nhỉ?* và ta đáp, *Ừ, chắc là sẽ mưa đến tối, rồi chún' ta đườn' ai nấy đi.* Nản' cưới một thợ thuộc da từ Thun' lữn' Kane ba năm sau đó, nhưng ta khôn' đến dự tiệc cưới của họ.

Nó là một bé trai. Đứa bé không có tên đã chết của chún' ta. Một bé trai.

Dân Thun' Lữn' chỉ có một vị thần và tên của bà là Sonmi. Thổ dân trên Đảo Lớn thườn' có nhiều thần thánh hơn. Ở dưới Hilo họ cầu nguyện Sonmi khi có dịp nhưn' họ cữn' thờ nhiều thần khác nữa, thần cá mập, thần núi lửa, thần ngô, thần hắt hơi, thần mụn cóc-có lôn', chao ôi, bất kể thứ gì người Hilo cữn' đẻ ra được một ôn' thần cho thứ đó. Bọn Kona thì có cả một bộ lạc thần chiến tranh và thần ngựa này nọ. Nhưn' với Dân Thun' Lữn', các vị thần man khai đó khôn' đán' bận tâm, khôn' hề, chỉ Sonmi là có thật.

Bà sốn' giữa chún' ta, cai quản Thun' lữn' Chín Dải. Hầu như chún' ta khôn' bao giờ nhìn thấy bà', đôi khi cữn' có người thấy, một bà lão chốn'

gậy, dù có lúc ta thấy bà là một cô gái tỏa sáng lấp lánh. Sonmi giúp người đau ốm, xoay đổi vận xui, khi một người Dân Thun' Lũn' chân chính và văn minh qua đời, bà đón linh hồn người đó để dẫn về một tử cun' ở đâu đó trong Thun' lũn'. Có khi chún' ta nhớ nhữn' đời trước của mình, có khi khôn', lại có khi Sonmi báo mộn' với Trưởn' lão ai là ai, có khi khôn'... nhưng chún' ta biết mình sẽ luôn được đầu thai trở lại làm người Dân Thun' Lũn', vì vậy cái chết đối với chún' ta khôn' quá đán' sợ, khôn' hề.

Trừ khi Già Georgie đoạt lấy linh hồn con, thì cái chết mới đán' sợ. Là thế này, nếu con cư xử như thổ dân, ích kỷ và bán' bỏ văn minh, hoặc nếu Georgie dụ dỗ con trở thành kẻ mọi rợ, thì linh hồn con sẽ bị trữu nặn' như đeo đá. Khi đó Sonmi khôn' thể đưa con lọt vào tử cun' nào cả. Nhữn' kẻ biến chất ích kỷ đó bị gọi là "kẻ hóa đá" và khôn' số mệnh nào đán' sợ cho người Dân Thun' Lũn' hơn điều này.

Giờ thì ngọn nến văn minh đã tàn, tất cả nhữn' điều này có còn ý nghĩa gì khôn'? Ái chà, ta khôn' thể nói có mà ta cũn' chẳn' thể nói khôn'. Ta chỉ biết phó thác linh hồn mình cho Sonmi và cầu nguyện bà đưa đườn' dẫn lối linh hồn ta đến một nơi tốt đẹp ở kiếp sau, vì bà đã cứu mạn' ta tron' kiếp này và nếu đốn' lửa khôn' làm các con ngủ gục, ta sẽ kể cho các con nghe vì sao.

Biểu Tượng' Tháp là tòa nhà duy nhất trên Bãi Xươn' nằm giữa Thun' lũn' Kane và Thun' lũn' Honokea. Khôn' có quy định cấm vào nơi này, nhưn' chẳn' ai dám bén mản' vào đấy vì vận may bị hủy hoại nếu quấy rầy bón' đêm tron' đó mà khôn' có lý do chính đán'. Các biểu tượng' của chún' ta, được chạm khắc, đánh bón' và viết chữ lên trong suốt cuộc đời chún' ta, được thờ ở đó sau khi chún' ta qua đời. Hàng nghìn biểu tượng' được cất giữ tron' thời của ta, đún' vậy, mỗi biểu tượng' là một người Dân Thun' Lũn' như ta, sinh ra, sống' và đầu thai kể từ khi Flotilla đưa tổ tiên của chún' ta đến Đảo Lớn để trốn Sụp Đổ.

Lần đầu tiên ta đi vào Biểu' Tượng' Tháp là cùn' với Bố, Adam và Jonas khi ta được bảy tuổi. Mẹ bị xuất huyết khi sinh Catkin, Bố đưa chún' ta đến để cầu nguyện Sonmi chữa trị cho Mẹ, vì Biểu' Tượng' Tháp là một nơi đặc biệt linh thiên' và Sonmi thườn' nghe chún' sinh ở đó. Bên tron' rất tăm tối và ẩm thấp. Có mùi sáp, mùi dầu tếch và mùi thời gian. Các biểu tượng' sống'

trên nhữn' hàn' kệ từ sàn đến trần, có bao nhiêu ta cũn' chẳn' biết, ta khôn' đi đếm như đếm dê, nhưn' người đã khuất nhiều hơn người còn sốn' như lá nhiều hơn cây. Tiến' Bố cất lên trong bón' đêm, quen thuộc nhưn' cũng thật rùn' rợn, cầu xin Sonmi đừn' để cho Mẹ chết và để linh hồn Mẹ ở lại tron' cơ thể bà lâu hơn, tron' đầu ta cũn' nguyện cầu như vậy, dù ta biết đã bị Già Georgie đánh dấu ở Sloosha's Crossin' rồi. Sau đó chún' ta nghe thấy một tiến' giốn' như tiến' gằm từ bên dưới sự im lặn', tạo thành từ hàn' triệu tiến' thì thâm như đại dươn', nhưn' đấy khôn' phải là đại dươn', khôn', đó là các biểu tượng', và chún' ta biết Sonmi đan' ở đó, nghe thấy lời chún' ta.

Mẹ khôn' chết. Sonmi đã rủ lòn' thươn', các con thấy chưa.

Lần thứ hai ta ở tron' Biểu Tượng' Tháp là vào Đêm Báo Mộn'. Khi mười bốn vết khía trên biểu tượng' của chún' ta nói rằn' chún' ta đã là Dân Thun' Lũn' trưởn' thành, chún' ta sẽ ngủ một mình tron' Biểu Tượng' Tháp và Sonmi sẽ cho chún' ta một giấc mơ đặc biệt. Một số cô gái thấy người mình sẽ cưới làm chôn', một số chàn' trai thấy nghề nghiệp của mình, có lúc chún' ta thấy nhữn' thứ mà sau đó chún' ta đến Trưởn' lão để giải mã. Khi rời Biểu Tượng' Tháp vào sán' hôm sau, chún' ta trở thành đàn ôn' và đàn bà.

Thế là sau khi mặt trời lặn, ta nằm dưới tấm chăn của bố tron' Biểu Tượng' Tháp, gối đầu lên biểu tượng' chưa được chạm khắc của ta. Bên ngoài, Bãi Xươn' đan' kêu rằn' rắc và kẻo kẹt, tiến' sốn' réo rắt, sôi trào và ta nghe thấy tiến' chim đóp muỗi. Nhưn' hóa ra chẳn' có con chim đóp muỗi nào cả, khôn' hề, đó là tiến' một cánh cửa sập mở ra ngay cạnh ta, và một sợi dây thừn' rơi lún' lẩn' xuốn' khoản' khôn' phía dưới. *Trèo xuốn' đi*, Sonmi bảo ta, thế là ta trèo xuốn', nhưn' sợi dây thừn' làm bằn' nhữn' ngón tay và cổ tay người quấn lấy nhau. Ta ngược lên thì thấy lửa cháy lan xuốn' từ sàn Biểu Tượng' Tháp. *Cắt dây thừn' đi*, một giọn' hiểm ác van' lên, nhưn' ta rất sợ vì nếu làm thế thì ta sẽ ngã, đún' khôn'?

Tron' giấc mơ tiếp theo, ta đan' ôm đứn' bé trai dị dạn' tron' phòn' của Jayjo. Nó đan' chòi đạp và uốn éo như ngày hôm đó. *Nhanh lên, Zachry*, người đàn ôn' nói, *rạch miện' cho con mi để nó thờ!*

Ta đan' cầm con dao tron' tay, vì vậy ta rạch cho con trai ta một đườn' hình miện' cười, như cắt phô mai vậy. Từ ngữ phọt ra, *Tại sao Bố lại giết*

con?

Giấc mơ cuối cùng của ta đưa ta đến sông Waipio. Ở bờ bên kia ta thấy Adam, đàn cá rất vui vẻ! Ta vẫy tay như anh ấy không thấy ta, vì vậy ta chạy lên một cây cầu mà ngoài đời thật không có, một cây cầu bằng vàng và đồng. Thế như khi cuối cùng cũng đến được chỗ Adam, thì ta lại khóc lóc thảm thiết vì chẳng còn gì ngoài nhữn ụ xương và một con lươn nhỏ màu bạc đàn quần quai trong cát.

Con lươn là ánh bình minh nứt ra dưới khe cửa Biểu Tượng Tháp. Ta nhớ lại ba giấc mơ đó rồi bằng qua nhữn bụi cây rậm rạp đến nhà Trườn lão mà không gặp ai dọc đường. Trườn lão đàn cho gà ăn phía sau trường học. Bà chăm chú lắng nghe nhữn giấc mơ của ta, rồi nói rất khó để giải mã chúng và bảo ta đợi trong lớp học trong lúc bà cầu nguyện Sonmi để tìm ra ý nghĩa thật sự của chúng.

Lớp học mang một màu sắc linh thiêng huyền bí từ Thời đại Văn minh. Tủ quyển sách trong Thun lùn nằm trên kệ, qua năm tháng đã bị lòn lẻo và đầy mối mọt như đùn vậy, đó là nhữn quyển sách và nhữn từ ngữ kiến thức! Ở đó cũng có một quả bóng thế giới nữa. Nếu cả thế giới là một quả bóng to thì ta không hiểu tại sao người ta không rơi khỏi nó và ta cũng không rơi. Thế đấy, ta không thôn minh sán dạ cho lắm, chẳng bù cho Catkin, nó có thể trở thành Trườn lão trong tương lai nếu mọi việc xảy ra khác đi. Cửa sổ trong lớp làm bằng kính, còn nguyên vẹn sau Sụp Đổ. Điều kinh ngạc nhất chính là chiếc đồng hồ, chiếc đồng hồ duy nhất còn chạy trong Thun lùn và trên toàn Đảo Lớn, toàn Ha-Why, theo như ta biết. Thế đấy, nó chẳng cần pin, nó là đồng hồ dây cốt. Thuở còn đi học, ta sợ con nhện suốt ngày tích tắc theo dõi và phán xét đó. Trườn lão dạy chúng ta Tiến Đồn Hồ như ta đã quên mất, chỉ còn nhớ Giờ và Rươi. Ta nhớ Trườn lão nói, *Nền văn minh cần thời gian, nếu chúng ta để chiếc đồng hồ này chết đi, thì thời gian cũng sẽ chết, và khi đó làm sao chúng ta có thể đem lại Thời đại Văn minh như thời trước Sụp Đổ?*

Ta nhìn chiếc đồng hồ tích tắc vào buổi sáng hôm đó cho đến khi Trườn lão quay lại và ngồi đối diện ta. Bà nói Già Georgie đàn muốn ăn tươi nuốt sống linh hồn ta, nên lão đã đặt lời nguyện lên giấc mơ của ta để che mờ ý nghĩa của chúng. Như may mắn là Sonmi đã cho bà biết ý nghĩa thật sự là

gì. Và các con nữa, các con cũn' phải nhớ nhữn' lời này vì chún' sẽ làm đổi hướn' câu chuyện này nhiều lần về sau.

Một: *Bàn tay bởn' cháy, chớ cắt dây thừn'.*

Hai: *Kẻ thù đản' ngủ, chớ rạch hợn' hấn.*

Ba: *Đôn' đản' bốc cháy, chớ bấn' qua cầu.*

Ta thú nhận ta chẳn' hiểu gì cả. Trưởn' lão nói bà cũn' khôn' hiểu, nhưn' chuyện đó khôn' quan trọn', vì *ta* sẽ hiểu những tiên báo này khi thời điểm thật sự đến, và bà bảo ta phải đón' đing' lời bà vào trí nhớ của ta. Rồi bà tặn' ta một quả trứn' gà để ăn sán', vẫn còn ấm nón' từ ổ gà, và chỉ cho ta cách hút lòn' đổ ra bằn' cọng rơm.

Vậy là các con muốn nghe về Chiếc Tàu Lớn của nhữn' Người Tiên Tri?

Khôn', Chiếc Tàu khôn' phải là thần thoại gì cả, nó có thật như ta và các con vậy. Chính đôi mắt này đã nhìn thấy nó, ôi phải hai mươi lần là ít. Chiếc Tàu thườn' đến Vịnh Flotilla hai lần mỗi năm, gần mùa xuân và mùa thu khi ngày và đêm dài bằn' nhau. Để ý nó khôn' bao giờ cập bến tại một thị trấn thổ dân nào cả, khôn' Honokaa, khôn' Hilo, khôn' Leeward. Tại sao thế? Vì đối với Người Tiên Tri, chỉ có Dân Thun' Lũn' chún' ta mới đủ văn minh mà thôi, chính thế. Họ khôn' muốn trao đổi hàn' hóa với người mọi rợ vì bọn họ nghĩ Chiếc Tàu là một thần chim màu trắng' hay gì đó! Chiếc Tàu có màu của bầu trời nên các con sẽ khôn' thể thấy nó cho đến khi nó đã neo lại ngoài khơi. Nó khôn' có mái chèo, khôn' có buồm, cũn' chẳn' cần gió hay thủy triều, vì nó được điều khiển bởi trí thôn' minh của Người Xưa. Chiếc Tàu dài như một hòn đảo lớn, cao như một ngọn đồi, nó chở hai-ba-bốn trăm người, có thể cả triệu người.

Trí Thôn' Minh của Người Xưa đem đến thật nhiều nhữn' câu hỏi và thắc mắc, có phải khôn' nào? Chiếc Tàu này cũn' thế. Nó di chuyển như thế nào? Hành trình sẽ đưa nó đến đâu? Làm sao nó sỏn' sót qua bão tố và Sụp Đổ? Chà chà, ta khôn' biết nhiều câu trả lời cho lắm, và khác với hầu hết nhữn' người kể chuyện, chuyện của Zachry khôn' hề bịa đặt. Bộ lạc sỏn' trên Chiếc Tàu được gọi là Tiên Tri, và họ đến từ một hòn đảo tên là Đảo Tiên Tri. Đảo Tiên Tri lớn hơn Maui, nhỏ hơn Đảo Lớn, và ở xa xa tận biển xanh phươn' bắc, hơn nhữn' gì ta có thể nghĩ bàn.

Thế là Chiếc Tàu thả neo cách Mũi Trườn' Học khoản' mười sải đá và hai chiếc thuyền nhỏ chui ra từ mũi Chiếc Tàu rồi lướt sớn' tiến vào bờ. Mỗi chiếc chở sáu – tám người đàn ôn' và đàn bà, tất cả đều mặc đồ thôn' minh, khôn' bị ướt khi gặp nước. Ôi, cái gì ở họ cũn' kỳ bí cả. Đàn bà trên tàu cũn' giốn' đàn ôn', tóc họ cắt sát, chứ khôn' thắt bím như đàn bà tron' làn', tron' họ cũn' dẻo dai và khỏe hơn. Da họ lán' mượt khỏe mạnh, khôn' có nhữn' đốm ghẻ, ai cũn' có da màu nâu đen ón', tron' họ giốn' nhau hơn so với nhữn' người mà các con thấy trên Đảo Lớn. Và Người Tiên Tri cũn' khôn' nói nhiều lắm, khôn' hề. Hai người bảo vệ ở lại cạnh chiếc thuyền trên bãi biển và nếu chún' ta hỏi họ, *Ngài tên là gì?* hoặc *Cô đi đâu vậy?* thì họ chỉ lắc đầu, như nói, *Tôi sẽ khôn' trả lời gì cả, nên đừn' hỏi nữa.* Một Trí Thôn' Minh kỳ bí ngăn khôn' cho chún' ta tiến đến gần. Khôn' khí đặc quánh lại đến khi các con khôn' thể đi đến gần hơn. Nó làm con cảm thấy một cơn đau choán' ván' nên con sẽ khôn' dám đùa giỡn với nó, khôn' đâu.

Việc trao đổi hàn' hóa diễn ra ở Chợ. Người Tiên Tri nói chuyện rất kỳ lạ, khôn' lười lĩnh' và từn' chữ một như người Hilo mà đậm đặc và lạnh lùn'. Khi họ lên mặt đất, thiên hạ đã kháo nhau và hầu hết mọi nhà đều đã sẵn sắn' đẩy hết nhữn' giỏ rau quả thịt cá ra Chợ. Người Tiên Tri cũn' hứn' đầy nước ngọt từ suối vào nhữn' chiếc thùn' đặc biệt. Đổi lại, Người Tiên Tri trao đổi đồ sắt, tốt hơn bất kỳ món đồ sắt nào được làm ra trên Đảo Lớn. Họ trao đổi rất côn' bản' và khôn' bao giờ quát nạt như nhữn' thổ dân ở Honokaa, cách nói chuyện lịch sự của họ như vẽ ra một đườn' ranh với người khác, hàm ý, *Tôi tôn trọn' các bạn vừa đủ nhưn' các bạn khôn' phải là thân bản' quyền thuộc của chún' tôi, vì vậy đừn' bước qua lằn ranh này, được chú?* Và như thế Người Tiên Tri khôn' bao giờ hỏi tên chún' ta, cũn' chẳn' bao giờ cho ta biết tên của họ, dù bọn trẻ con chún' ta thườn' gọi họ bản' biệt danh như *Chỉ Huy Lùn* và *Đầu Búa* và *Chị Xấu* và *Sloosha's Crossin'* & mọi chuyện về sau 305 bố mẹ chún' ta cũng dùn' nhữn' biệt danh này khi các vị khách đã quay trở lại Chiếc Tàu.

Phải, Người Tiên Tri đề ra nhữn' quy tắc rất nghiêm ngặt khi trao đổi hàn' hóa với chún' ta. Họ khôn' trao đổi nhữn' món đồ nào Thôn' minh hơn nhữn' gì sẵn có trên Đảo Lớn. Ví dụ như, sau khi Bố bị giết, một buổi họp làn' đã thốn' nhất lập một chốt canh để bảo vệ Đườn' mòn Muliwai là con

đườn chính của chún' ta từ Sloosha's Crossin' vào Chín Thun' Lũn'. Trưởn' lão hỏi Người Tiên Tri có vũ khí đặc biệt gì để bảo vệ chún' ta trước bọn Kona khôn'. Người Tiên Tri nói khôn'. Trưởn' lão van nài họ, gần như là thế. Họ vẫn nói khôn' và thế là hết.

Một quy tắc khác là khôn' nói gì với chún' ta về nhữn' gì nằm ở phía bên kia đại dương', kể cả Đảo Tiên Tri cũn' khôn', trừ tên của nó. Napes ở Nhà Inoyue xin được lên Chiếc Tàu, và đó là lần gần nhất ta thấy tất cả Người Tiên Tri đều cười to. Chỉ huy của họ nói khôn' và khôn' ai ngạc nhiên cả. Chún' ta chưa bao giờ vượt quá giới hạn' nhữn' quy tắc này, vì nghĩ rằn' họ đã ban cho nền văn minh của chún' ta một vinh dự khi trao đổi hàn' hóa với chún' ta. Trưởn' lão luôn mời họ ở lại dùn' yến tiệc, nhưn' người chỉ huy luôn lịch sự từ chối. Họ kéo nhữn' món hàn' trao đổi được trở lại tàu của mình. Một giờ sau, Chiếc Tàu lên đườn', về phía đôn' vào mùa xuân, về phía bắc vào mùa thu.

Các chuyến thăm diễn ra như thế, đều đặn mỗi năm, kể từ khi bất kỳ ai còn nhớ. Mùa đến, mùa đi, Tàu đến, Tàu đi. Đến năm ta mười sáu tuổi, khi một người phụ nữ Tiên Tri tên là Meronym đến thăm nhà ta trong một khoản' thời gian, và mọi việc khôn' còn như xưa nữa, tron' cuộc đời ta, trong Thun' lũn', khôn', mãi mãi khôn'. Trong tất cả nhữn' chuyện kể của ta, nhữn' chuyện duy nhất ta nghĩ thật sự là của ta chứ khôn' phải cóp nhặt từ nhữn' người kể chuyện khác, chính là chuyện ta kể về cô ấy, về Meronym.

Ở mạn trên, phía sau Đèo Vert'bry có một đỉnh núi tên là Tổ Trăn', ở đó có thể nhìn thấy Windward rất rõ từ đôn' cỏ Kohala. Vào một buổi chiều mùa xuân lấp lánh, ta đan' chẵn dê lên Tổ Trăn' thì phát hiện Chiếc Tàu đan' tiến đến Vịnh Flotilla và đó thực sự là một cảnh tượng' đẹp mê hồn, nó có màu xanh giốn' như màu nước biển và nếu khôn' nhìn thẳn' vào nó thì các con sẽ khôn' nhận ra. Bấy giờ ta biết mình phải mau mau đi đến phiên trao đổi hàn' hóa nhưn' các con thấy đó, ta còn phải chẵn đàn dê nữa, và khi ta đến được Chợ thì Người Tiên Tri có lẽ đã ra đi rồi, nên ta ở yên đó và thon' don' ngắm nhìn Chiếc Tàu tuyệt diệu của Người Thôn' Minh, cứ đến rồi đi cùn' nhữn' con thiên nga và cá voi.

Ừ thì, đó là lý do ta ở lại, là điều ta tự nói với lòn' mình, dù lý do thực sự

là một cô gái tên Roses đan' nhật lá *palila* về để mẹ làm thuốc. Chún' ta mê nhau như điệu đố, và vào buổi chiều vui vẻ đê mê đó, ta đan' thườn' thức hai quả xoài mọng' nước và chiếc lá sun' ẩm ướt của nà'n' nên sự thật là ta khôn' muốn đi đâu cả, mà Roses cũn' khôn' nhật được nhiều lá *palila* ngày hôm đó. Chao ôi, các con đan' cười và đở ừn' mặt, ôi nhữn' đũa trẻ con, nhun' thời đó là thế đấy, phải rồi, ta cũn' như các con bây giờ thôi.

Đến tối khi ta lùa đàn dê về nhà thì thấy mẹ quát tháo âm ĩ, bốn chôn khôn' yên như con ngổn' đực một cánh và chửi mấn' ta thậm tệ, phải nhờ Sussy ta mới hiểu chuyện gì xảy ra. Sau khi trao đổi hàn' hóa ở Chợ, thay vì ra dấu để mọi người quay về Tàu như thườn' làm, chỉ huy Người Tiên Tri muốn nói chuyện riên' với Trườn' lão. Sau một lúc lâu, Trườn' lão rời khỏi cuộc gặp và triệu tập một cuộc họp làn'. Dân Thun' Lũn' từ nhữn' nhà lân cận cũn' có mặt, trừ Nhà Bailey của chún' ta. Số là mẹ ta cũn' khôn' ra Chợ. Vậy là cuộc họp làn' diễn ra ở đó. *Chỉ huy Người Tiên Tri muốn một cuộc trao đổi hàn' hóa đặc biệt năm nay, Trườn' lão nói. Một phụ nữ trên Tàu muốn sốn' và làm việc trong một nhà tron' nửa năm, để tìm hiểu lối sốn' của chún' ta và hiểu Dân Thun' Lũn' chún' ta. Đổi lại, chỉ huy sẽ trả cho chún' ta gấp đôi mọi thứ mà chún' ta trao đổi ngày hôm nay. Lưới, nồi niêu, đồ sắt, mọi thứ gấp đôi. Bây giờ hãy nghĩ xem đây là một vinh dự to lớn nhườn' nào, và hãy nghĩ đến nhữn' gì chún' ta có thể đổi cho tất cả các món hàn' tại Hội chợ Honokaa mùa tới. Thế đấy, chẳn' mất nhiều thời gian để có được một tiến' Đồng ý! thật nhanh ở buổi họp làn', và Trườn' lão phải gào lên câu hỏi tiếp theo giữa nhữn' tiến' huyền nào. Ai sẽ đón vị khách Tiên Tri của chún' ta? Ô, tiến' Đôn' ý! đó nín bật. Mọi người bỗn' dum' có cả tá lý do. Chún' tôi khôn' có đủ chỗ. Chún' tôi sắp có hai đũa con, khách đến sẽ khôn' ngủ ngon. Muồi quanh khu nhà chún' tôi sẽ đốt cô ấy toi tả. Volvo Bụi Bặm là kẻ lẻo mép đầu tiên lên tiến'.*

*Thế ở nhà Bailey thì sao? Thế đấy, cả mẹ ta và ta đều khôn' có ở đó để phản đối kế hoạch này, và nó được tán đồn' nhanh chóng'. Đún' rồi, họ có phòn' trốn' kể từ sau khi Bố Bailey bị giết mà! Nhà Bailey lấy từ Chợ nhiều hơn đón' góp vào tron' mùa thu hoạch trước, phải rồi, đấy là nghĩa vụ của họ! Phải rồi, nhà Bailey cần thêm tay lao độn', Mẹ Bailey sẽ rất mùn' trước sự giúp đỡ này! Và thế là buổi họp làn' đã đạt được thỏa thuận.*

Thế đấy, lúc này đến lượt ta trở thành con ngổn' đực một cánh. Người

Tiên Tri ăn uốn' gì? Họ có ngủ trên rơm rạ khôn'? Họ có ngủ khôn'? Sáu con trần! Mẹ ta quở mắn' ta vì khôn' đến buổi trao đổi hàn' hóa với Chiếc Tàu, phải rồi, cho dù Mẹ là chỉ huy thật sự của nhà Bailey, nhưn' ta là người đàn' ôn' lớn nhất trong nhà nên ta phải chịu trách nhiệm. Ta nói, *Thôi được rồi, con sẽ đến nhà Trưởn' lão và nói rằn' chún' ta khôn' thể đón tiếp một Người Tiên Tri ở đây được...* thì có tiến' cóc, cóc, cóc, ở cửa.

Phải, đó là Trưởn' lão, dẫn theo Người Tiên Tri đến ở, cùn' với Mylo trợ lý trưởn' học. Lúc đó tất cả chún' ta đều biết khôn' thoát được vị khách của làn' rồi, dù thích hay khôn', bây giờ chún' ta khôn' thể nói, *Biến đi chỗ khác được, phải khôn'? Như vậy sẽ làm hoen ố thanh danh nhà này và làm các biểu tượng' của chún' ta hổ thẹn. Nữ Tiên Tri có mùi Thôn' Minh chua loét và lên tiến' trước, vì cả ta và mẹ đều bị khóa lưỡn' rồi. Xin chào, cô ta nói, tôi là Meronym, và tôi rất cảm ơn các bạn đã tốt bụn' cho tôi tá túc tron' thời gian ở tại Thun' lủn'. Mylo nhe rằn' cười mỉa mai và ác độc trước sự lo lắn' của ta, ta chỉ muốn giết quách hắn cho xon'.*

Sussy nhớ lại cun' cách của chủ nhà trước, cô bé mời khách của chún' ta ngồi, bảo Jonas đi lấy bia và thức ăn. Meronym nói, *Dân tộc chún' tôi có truyền thốn' tặn' nhữn' món' quà nhỏ cho chủ nhà khi mới đến thăm, vì thế tôi hi vọng' các bạn sẽ khôn' phiền...* Cô ta thò tay vào chiếc túi đan' đeo rồi lấy quà đưa chún' tôi. Mẹ được tặn' một chiếc nôi rất đẹp có giá bằn' năm, sáu kiện len ở Honakaa, bà sừn' sốt nói khôn' thể nhận một món quà quý như vậy vì tiếp đón người lạ tử tế là lời dặn' của Sonmi, đún' vậy, việc đón khách phải miễn phí, nhưn' Nữ Tiên Tri đắp nhữn' món' quà này khôn' phải là lệ phí, khôn' hề, mà đó chỉ là lời cảm ơn vì lòn' tốt, và Mẹ đã khôn' từ chối chiếc nôi lần nữa. Sussy và Catkin được tặn' vòn' đeo cổ lấp lánh như sao, chún' tròn xoe mắt thích thú, còn Jonas thì được một chiếc gươn' hình vuôn' khiến nó thích mê toi, nó sắn' hơn bất kỳ tấm gươn' vớ nào mà các con thỉnh thoắn' vẫn bắt gặp đến ngày nay.

Mylo khôn' còn cười như con cóc nữa, nhưn' ta khôn' thích chuyện quà cáp này một chút xíu nào, rõ rằn' kẻ ngoại ban' này đan' mua chuộc người thân của ta nhưn' sẽ khôn' mua chuộc được ta. Vì thế ta nói Nữ Tiên Tri có thể ở trong nhà chún' ta nhưn' ta khôn' muốn nhận quà của cô ta.

Ta nói bằn' gịon' điệu khá cộc cằn, và Mẹ nhìn ta với ánh mắt hình mũn'

giáo nhưn' Meronym chỉ nói, *Tất nhiên là tôi hiểu*, như ta đã nói chuyện rất bình thườn' vậy.

Thế là một đám khách khứa kéo đến náo loạn cả nhà ta tối hôm đó và vài đêm sau nữa, từ thượn' chí hạ Chín Thun' Lũn', từ gia đình gần đến họ hàn' xa cho đến nhữn' người bất kể thân sơ, có người chún' ta chỉ mới gặp ở nhữn' buổi họp chợ, phải, mọi người từ Mauka đến Mormon rần rần kéo đến gõ cửa để xem Ma Lắm Điều nói có đún' khôn', rần' Người Tiên Tri thật sự bần' xươn' bần' thịn' đan' ở tại Nhà Bailey. Tất nhiên chún' ta phải mời khách vào nhà đến người cuối cùn' và họ xuýt xoa trầm trồ như thể Sonmi đan' ngồi tron' nhà bếp của chún' ta vậy, dù sự kinh ngạc của họ khôn' quá lớn' đến mức khiến họ quên khôn' ăn hết thức ăn và uốn' hết bia, vừa uốn' vừa tuôn ra cơ man nào là câu hỏi thắc mắc về Người Tiên Tri và Chiếc Tàu tuyệt diệu của họ.

Nhưn' điều kỳ lạ là đây. Meronym có vẻ như trả lời các câu hỏi, nhưn' câu trả lời của cô ta khôn' làm thỏa mãn trí tò mò, khôn' một máy may. Vì vậy anh họ của ta Spensa ở Nhà Cluny hỏi, *Cái gì làm cho Tàu của cô di chuyển?* Người Tiên Tri đáp, *Độn' cơ hỗn hợp*. Mọi người đều gật gù hiểu biết như Sonmi, Ô, là độn' cơ hỗn hợp đấy, phải, khôn' ai hỏi "độn' cơ hỗn hợp" là gì vì họ khôn' muốn tron' như người mọi rợ hoặc ngu xuẩn trước mặt đám đôn'. Trườn' lão đề nghị Người Tiên Tri chỉ cho chún' ta Đảo Tiên Tri trên một bản đồ thế giới, nhưn' Meronym chỉ chắm vào một điểm rồi nói, *Ở đây*.

*Ở đâu?* chún' ta hỏi. Thật tình, chẳn' có gì ngoài biển xanh và ta đã nghĩ là cô ta đan' nhạo bán' chún' ta mà thôi.

Đảo Tiên Tri khôn' có trên bất kỳ bản đồ nào làm ra trước Súp Đổ, Meronym nói, vì nhữn' người sán' lập của Đảo Tiên Tri đã giữ bí mật về nó. Nó có trên nhữn' bản đồ cổ xưa hơn, đún' vậy, nhưn' khôn' có trên bản đồ của Trườn' lão.

Đến lúc này ta đã thu được chút can đảm để hỏi vị khách của chún' ta tại sao Người Tiên Tri với tất cả Trí Thôn' Minh này nọ lại muốn tìm hiểu về Dân Thun' Lũn' chún' ta? Chún' ta có thể dạy cô ta cái gì mà cô ta chưa biết? Đầu óc học hỏi là đầu óc sồn', Meronym đáp, và *bất kỳ Trí Thôn' Minh*

nào cũn' là Trí Thôn' Minh thật sự, dù là Trí Thôn' Minh cũ hay mới, Trí Thôn' Minh cao hay thấp. Khôn' ai ngoài ta thấy nhữn' mũi tên mà nhữn' từ có cánh đó bắn ra, hay kẻ gián điệp này đan' làm cách nào để lợi dụng' sự ngu dốt của chún' ta nhằm che đậy cho ý đồ thực sự của ả, vì thế ta tiếp nối câu hỏi đầu tiên của mình với lá bài này. *Nhưn' Người Tiên Tri các cô có Trí Thôn' Minh to lớn và vĩ đại hơn nhiều so với toàn thế giới này chứ, phải khôn'? Ôi, ả thật khôn ngoan khi lựa chọn ngôn từ! Chún' tôi có nhiều hơn các bộ lạc ở Ha-Why, ít hơn Người Xưa trước Sụp Đổ. Thấy chưa? Chấn' nói được gì nhiều cả, phải khôn'?*

Ta nhớ ba câu trả lời thật lòn' mà cô ta đưa ra. Ruby ở Nhà Potter hỏi tại sao Người Tiên Tri đều có da sậm màu như quả dứa, chún' ta chưa từng' thấy một người da trắng' hoặc hồng' bước ra từ Tàu của họ. Meronym nói tổ tiên cô ta trước Sụp Đổ đã thay đổi nòi giống' để tạo ra nhữn' đứa bé da đen nhằm phòn' ngừa bệnh ghẻ đỏ da, và cứ thế con cái họ cũn' có da đen, cha nào thì con nấy, đún' vậy, như thỏ như gà vậy.

Napes ở Nhà Inouye hỏi, cô có chôn' chưa, vì anh ta còn độc thân, có một vườn cây hạt mắc ca, và sở hữu đồn điền sun' và chanh. Mọi người cười van', phải, Meronym cũn' mỉm cười. Cô ta nói đã từng' có một đời chôn', và có một con trai tên là Anafi hiện sốn' trên Đảo Tiên Tri, nhưn' chôn' cô ta đã bị thổ dân giết chết nhiều năm trước. Cô ta rất tiếc vì để vuột mất cơ hội làm chủ vườn cây chanh và sun' nhưn' cô ta đã quá già để đi bước nữa, và Napes lắc đầu thất vọng' rồi nói, Ôi, Nữ Tiên Tri, cô làm tim tôi tan nát rồi.

Cuối cùn, em họ ta là Kobbery hỏi, *Vậy cô bao nhiêu tuổi rồi? Phải, đó là điều tất cả chún' ta đều thắc mắc. Nhưn' khôn' ai ngờ đến câu trả lời của cô ta. Năm mươi. Đún' vậy, cô ta nói như thế và chún' ta đều sửn' sốt như các con bây giờ. Năm mươi. Khôn' khí tron' nhà bếp thay đổi như gió lạnh ùa đến. Sốn' đến năm mươi tuổi khôn' phải là chuyện hay ho, khôn' đâu, sốn' đến năm mươi tuổi là kỳ quái và trái tự nhiên, phải khôn'? Vậy thì Người Tiên Tri sốn' bao lâu? Melvil ở Black Ox hỏi. Meronym nhún vai. Sáu mươi, bảy mươi... Ô, tất cả chún' ta đều há hốc mồm sửn' sốt! Thôn' thườn' đến bốn mươi tuổi chún' ta đã cầu xin Sonmi giải thoát chún' ta khỏi khổ đau và mau sớm đầu thai vào cơ thể mới, như cắt cổ một con chó đau ốm mà ta*

yêu quý vậy. Dân Thun' Lũn' duy nhất từ' sốn' đến năm mươi tuổi mà khôn' bị bệnh ghẻ đỏ da hoặc chết vì bệnh phổi là Truman Thứ ba, và mọi người đều biết ôn' ta đã thươn' lượn' với Già Georgie vào một đêm mưa bão, lão ngốc ấy đã bán linh hồn mình để sốn' thêm vài năm nữa. Ái chà, chuyện này đã lan truyền ra sau đó, và thiên hạ tha hồ mà xì xầm bình phẩm, ai nấy đều thì thầm, *Ôn' Sonmi cô ta đã không ghé vào nhà của chún' ta.*

Ta rất đặc ý khi người khách xấu xa của chún' ta đã dạy mọi người thận trọng' và khôn' tin vào lời cô ta, khôn' một chút xíu nào, nhưn' đêm hôm ấy ta đã khôn' chớp mắt, vì muỗi và tiến' chim chóc, ếch nhái, và một người bí ẩn đan' rón rén quanh khu nhà chún' ta, nhặt món này lên, đặt món kia xuống', và tên của kẻ bí ẩn này chính là Thay Đổi.

Trong ngày thứ nhất, thứ hai và thứ ba, Nữ Tiên Tri luôn lách tron' nhà chún' ta. Phải thú nhận cô ta khôn' hề tỏ thái độ của một con on' chúa, cô ta khôn' lười nhác. Cô ta giúp Sussy vắt sữa dê, giúp mẹ ta xe sợi quay tơ và giúp Jonas lấy trún' chim, nghe Catkin kể về chuyện đi học, đi lấy nước rồi chẻ củi và học việc rất nhanh. Tất nhiên nhưn' kẻ tò mò vẫn để mắt đến cô ta và khách khứa vẫn kéo đến để gặp người phụ nữ kỳ lạ năm mươi tuổi mà tron' như hai mươi lăm. Nhưn' kẻ chờ đợi cô ta làm phép đã rất thất vọng' vì cô ta chẳng làm gì cả. Mẹ ta khôn' còn lo lắng' về Nữ Tiên Tri sau một hai ngày, đún' vậy, bà bắt đầu rõ ra thân thiện và vui vẻ bắt chuyện với cô ta. *Khách Meronym của chún' ta thế này rồi Khách Meronym của chún' ta thế kia,* bà cứ huyền thuyên như thế suốt từ sán' đến tối, tron' khi Sussy thì còn hơn thế mười lần. Meronym vẫn tập tron' làm tròn côn' việc, dù vào buổi tối cô ta lại ngồi xuống' bàn của chún' ta rồi viết trên một tờ giấy đặc biệt, tốt hơn rất nhiều so với giấy của chún' ta. Cô ta viết nhanh khỏi chê, nhưn' cô ta khôn' viết bần' tiến' của chún' ta, mà bần' một thứ tiến' nào đó. Thấy chưa, còn nhiều thứ tiến' khác nhau ở Những Nước Cũ, chứ khôn' chỉ có tiến' của chún' ta thôi đâu. *Cô viết cái gì vậy, cô Meronym?* Catkin hỏi, nhưn' Người Tiên Tri chỉ đáp, *Nhữn' ngày của ta, cô bé xinh đẹp ạ, ta viết về nhữn' ngày của ta.*

Ta ghét cách cô ta nói người nhà ta *xinh đẹp* và ta khôn' thích cách các ôn' già bà cả mò đến hỏi cô ta làm cách nào để sốn' lâu. Nhưn' nhữn' gì cô ta viết về Thun' lũn' thì chẳng Dân Thun' Lũn' nào đọc được, đó là điều

khiến ta lo lắng nhất. Đó là Trí Thôn' Minh hay ghi chép theo dõi hay là Già Georgie?

Vào một buổi bình minh mờ khói, ta vừa vắt xong sữa dê vì Sussy bị ốm nằm bẹp trên giường thì vị khách của chúng ta đề nghị đi chăn dê cùng ta. Mẹ nói tất nhiên là được rồi. Ta thì khôn' nói thế, ta đáp, lạnh lùng và khô khan, *Chăn dê chả có gì hay ho với người có nhiều Trí Thôn' Minh như cô đâu.* Meronym lịch sự đáp, *Bất cứ việc gì Dân Thun' Lũn' làm đều thú vị đối với tôi, chủ nhà Zachry ạ, nhưn' tất nhiên nếu cậu khôn' muốn tôi nhìn cậu làm việc thì cũn' khôn' sao, cứ nói thẳng' ra như vậy.* Thấy chưa? Lời lẽ của cô ta như nhữn' đồ vật trơn nhụi nhụi ấy, chúng' lật câu khôn' của các con thành có. Mẹ đan' nhìn ta lom lom vì thế ta nói, *Thôi được rồi, đi thì đi, ta phải nói thế.*

Lùa đàn dê lên Đườn' mòn Elepaio, ta chẳn' nói chẳn' rằn' gì nữa. Qua Nhà Cluny một người anh em của ta là Gubboh Hogboy gọi to, *Khỏe khôn', Zachry!* nhưn' nhác thấy Meronym cậu ta lún' bún' và chỉ nói, *Đi cẩn thận nhé, Zachry.* Ôi, ta ước gì có thể bỏ lại người phụ nữ đó sau lưng', thế là ta nói, Đườn' lẻo đẻo theo nữa, đồ dai như đĩa với mấy con dê của ta và bước đi nhanh hơn, hi vọng' làm cho cô ta mệt, ấy thế mà lên thượng' nguồn qua Đèo Vert'bry rồi mà cô ta vẫn chẳn' bỏ cuộc, khôn' hề, kể cả con đườn' đá lỏm chỏm dẫn lên Tổ Trăn'. Người Tiên Tri cũng dẻo dai sức lực tươn' đươn' với mục đồn', ta rút ra kết luận như thế. Ta đoán là cô ta biết ta nghĩ gì và đã cười nhạo ta, trơn' lòn', nên ta chẳn' nói gì với cô ta nữa.

Cô ta làm gì khi chúng' ta lên đến Tổ Trăn'? Cô ta ngồi lên tảng Đá Ngón Cái rồi lấy ra quyển sổ ghi chép và vẽ lại khun' cảnh đẹp mê hồn đó. Ôi, Meronym vẽ đẹp tuyệt – ta phải thừa nhận là rất Thôn' Minh. Trên tran' giấy đó Thun' lũn' Chín Dải hiện lên cùng với đườn' bờ biển và mũi biển, cao nguyên và vùn' đất thấp, trôn' giốn' hệt như thật vậy. Ta khôn' muốn cho cô ta thấy mình quan tâm nhưn' khôn' thể kiềm chế bản thân. Ta gọi tên mọi thứ mà cô ta đã vẽ lại, và cô ta viết xuống nhữn' cái tên này cho đến khi trên giấy có một nửa là hình vẽ và một nửa là chữ viết. *Chính xác là thế,* Meronym nói, đây là một bản đồ.

Lúc này. Ta nghe tiến' một cánh khô gãy trong bụi dươn' xỉ sau lưng' chúng' ta. Khôn' phải là tiến' gió bất chợt, khôn', chắc chắn là do một cái chân giẫm lên, nhưn' chân người hay chân thú thì ta khôn' biết. Chưa từng'

nghe bọn Kona xuất hiện trên Windward Kohala như cũ' chưa bao giờ có chuyện Kona xuất hiện ở Sloosha's Crossin', vì thế ta đi vào bụi rậm để xem. Meronym muốn đi với ta như ta bảo cô ở yên. Có phải là Già Georgie quay lại để hóa đá linh hồn ta thêm một chút khôn? Hay chỉ là một người Mookini sống ẩn dật đi lan' than' tìm thức ăn? Ta cầm thanh giáo lên rồi bỏ xuống gần bụi dươn' xỉ, tiến đến gần hơn nữa...

Roses đan' ngồi' bắt qua một gốc cây to bám rêu xanh. *Thấy anh có bạn mới rồi ha, nản' lịch sự nói, như' trong' mắt hiện lên vẻ tức tối của loài chó hoan'.*

*Cô ta hả? ta chỉ về phía Meronym, bấy giờ đan' ngồi' quan sát cuộc nói chuyện của bọn ta. Em chưa nghe thiên hạ nói à, Nữ Tiên Tri còn già hơn bà ngoại anh lúc được Sonmi cho tái sinh nữa đó! Đừn' ghen với cô ta làm gì! Cô ta khôn' giống' như em đâu, Roses à. Cô ta có nhiều Trí Thôn' Minh tron' đầu đến nỗi cổ cô ta muốn gãy luôn rồi.*

Roses bây giờ khôn' còn lịch sự nữa. *Vậy hóa ra là tôi khôn' có Trí Thôn' Minh à?*

Đàn bà, ôi, đàn bà! Họ sẽ tìm ra ý nghĩa xấu nhất trong lời nói của ta rồi nhớ hoài trong' bụn' và nói, *Nhìn xem anh tấn côn' tôi bần' cái gì! Dù ta là người nón' nảy như' ta nghĩ chỉ cần khéo léo một chút để xoa dịu Roses. Em biết là anh khôn' có ý đó mà, em gái khờ kh...*

Ta chưa nói hết câu đã bị Roses đấm một cái trời giáng' vào mặt, mạnh đến nỗi mặt đất lao về trước và ta ngã phịch xuống' môn'. Ta quá bần' hoàn' đến nỗi chỉ biết ngồi' đó như một đứa bé bị ngã, đưa tay sờ mũi thấy ngón tay đỏ hoét. Ô, Roses nói , rồi tiếp *Ha! rồi, Muốn nói nhần' nói cuội với mấy con dê cái của anh thế nào cũn' được, anh chàn' mục đồn' à, như' với tôi thì khôn', coi chừn' Già Georgie hóa đá linh hồn anh đó! Đó là lời nguyên kinh khủn' nhất mà Dân Thun' Lũn' biết đến. Tình cảm yêu đươn' mạn' nồn' chún' ta dành cho nhau đã nát tan thành triệu mảnh và Roses bỏ đi, đừn' đưa chiếc giỏ mây.*

Nỗi thảm hại và bẽ bần' thêm khát một chỗ để trú giận, và ta đổ lỗi cho việc mất Roses lên Người Tiên Tri khốn kiếp. Sán' hôm đó trên Tổ Trăn' ta đứn' dậy lừa bầy dê rồi lừa chún' lên Bãi cỏ Ngón Cái mà khôn' thêm chào

từ biệt Meronym. Cô ta có đủ Trí Thôn' Minh để mặc kệ ta, nhớ là cô ta đã có một đứa con trai ở Đảo Tiên Tri.

Khi ta quay về nhà tối hôm đó, mẹ, Sussy và Jonas đan' ngồi quây quần. Họ thấy cái mũi của ta và nhìn nhau ranh mãnh. *Cây dẻ ngựa của anh bị làm sao thế, anh trai?* Jonas hỏi về trêu tức. *Cái mũi này ấy hả? À, anh bị ngã dập mũi ở trên Tổ Trăn' ấy mà,* ta nói nhanh với nó.

Về mặt Sussy giống' như cười khẩy. *Khôn' phải anh nói là anh dập mũi ở Tổ Roses đấy chứ, anh Zachry?* và cả ba người cười run' rinh như một đàn dơi hét khiến ta đỏ phừng' phừng'. Sissy nói đã nghe chuyện về Roses vì Wolt nói lại với Bejesus rồi Bejesus gặp Sissy, như' thực sự ta chặn' nghe thấy gì, ta đan' nguyên rủa để Meronym bị Già Georgie cho biết tay, và ta khôn' dùm' lại, may là cô ta khôn' ngủ lại Nhà Bailey tối đó, cô ta đan' học cách dệt vải ở nhà Thím Bees.

Vậy là ta đi xuống' biển rồi ngắm Bà Trăn' để xoa dịu nỗi khổ sở cuộn cuộn tron' lòn'. Ta nhớ có một con rùa xanh bò lên bờ để đẻ trứng', và ta suýt đâm một nhát giáo vào con rùa ngay tại đó vì cảm phẫn, thì đấy, nếu cuộc đời quá bất côn' với ta tại sao lại khôn' bất côn' với một con vật? Như' ta nhìn vào mắt nó, đôi mắt xưa cũ đến nỗi chún' có thể nhìn thấy cả tươn' lai, đún' vậy, vì thế ta thả nó đi. Gubboh' và Kobbery đem theo ván đến rồi bắt đầu lướt són' trên làn nước lon' lạnh ánh sao, Kobbery lướt són' tuyệt đẹp, họ gọi ta ra chơi cùn' như' ta chặn' có tâm trạn' lướt són' tí nào, ta còn nhiều chuyện nghiêm túc cần giải quyết.

Một giáo viên từ Thun' Lũn' Cuối ở lại dạy học tại trườn' đưa ta vào nhà, rót rượu cho ta rồi đi tìm Trườn' lão đan' ở ngoài chợ. Chỉ có tiến' lửa lách tách và tiến' són' biển ì âm phía dưới ở Mũi Flotilla. Trườn' lão bước vào, bà đan' dờ tay mổ gà, *Nghe thiên hạ nói là cậu đan' đón tiếp vị khách đặc biệt của chún' ta rất chu đáo,* khiến ta ngạc nhiên.

*Thế ạ? Ừm, thật ra chính vị khách đặc biệt này đan' làm cháu lo lẩn' đây,* ta đáp.

*Vậy sao? Trườn' lão hỏi. Chuyện thế nào?*

*Vân', bà có biết cô ta đan' bí mật vẽ bản đồ về các Thun' lũn' của chún' ta khôn'?* ta hỏi.

À, ý cậu là nhữn' cái thế này hử? Trườn' lão hỏi, giơ lên tấm bản đồ giống như Meronym đã vẽ trên Tổ Trăn' sán' hôm đó.

*Cô ta tận' trườn' cái này để biết về hình dán' kích thước của đất đai chún' ta.*

Chà chà, việc này khiến ta giận sôi máu, nhum' ta vẫn kiềm nén. Cô ta ghi chép nhữn' gì học được về Dân Thun' Lũn' vào một quyển sổ, nhum' khôn' viết bần' thứ tiến' bình thườn', đó là thứ tiến' gián điệp mà ngoài cô ta ra khôn' ai đọc được. Chuyện này cũn' chẳn' làm Trườn' lão lo lắng'. Trước Súp Đồ có hàn' chục thứ tiến' khác nhau được nói trên khắp Ha-Why, và hàn' trăm thứ tiến' nữa được nói trên toàn Thế giới. Nghe này, Zachry, Trườn' lão nói với ta, nếu Đảo Tiên Tri cũn' cho ta ở lại, thì ta sẽ viết lại trí nhớ bần' tiến' của mình, vậy thì tại sao khách của chún' ta khôn' được viết bần' thứ tiến' của cô ta trên Đảo Lớn này?

Thưa trườn' lão, cuối cùn' ta nói lại, bà khôn' nghi ngờ nhữn' Người Tiên Tri này có vấn đề sao? Vẽ bản đồ có thể là phần một của cuộc xâm chiếm chún' ta. Giả sử họ muốn đuổi chún' ta khỏi mảnh đất này thì sao? Giả sử họ có một thỏa thuận bí mật với bọn Kona? Ý cháu là, chún' ta chẳn' biết gì về họ cả, khôn', chẳn' biết gì cả.

Trườn' lão nghe nhum' khôn' tin ta, bà nghĩ ta chỉ đan' trốn tránh việc tiếp đãi Meronym. Cậu đã nhìn thấy Chiếc Tàu, cậu đã nhìn thấy nhữn' món đồ sắt, và cậu đã chún' kiến một chút Trí Thôn' Minh mà họ thể hiện với chún' ta. Nếu Người Tiên Tri định xâm chiếm Chín Thun' Lũn', cậu có thực sự nghĩ rằng chún' ta vẫn còn ngồi đây để bàn chuyện đó khôn'? Hãy cho ta bần' chún' rằng Meronym đan' âm mưu giết tất cả chún' ta tron' lúc ngủ, ta sẽ triệu tập một cuộc họp. Nếu cậu khôn' có bần' chún' thì hãy giữ mồm giữ miệng'. Đưa ra nhữn' lời cáo buộc dành cho một vị khách đặc biệt, làm thế khôn' được lịch sự cho lắm, Zachry à, và bố của cậu sẽ khôn' hài lòng' đâu.

Trườn' lão của chún' ta chưa bao giờ ra vẻ ta-nói-thế-then-sẽ-thế với ai, nhum' các con biết khi nào thì cuộc nói chuyện kết thúc. Vậy là xong', thế đấy, ta chỉ có một mình, phải. Zachry chấn' lại Người Tiên Tri.

Ngày mọc rồi lặn, mùa hè hun nóng' xanh rì và sỏi bọt. Ta theo dõi Meronym len lỏi khắp Thun' lũn', gặp gỡ người này người kia để tìm hiểu cách chún' ta sống', nhữn' món chún' ta sở hữu, bao nhiêu người biết chiến đấu, rồi vẽ bản đồ nhữn' con đèo đi vào Thun' lũn' qua Kohala. Một hoặc

hai người già và biết chuyện hơn, ta thử dò la xem họ có nghi ngờ hay lo lắng gì về Người Tiên Tri này khôn', nhưn' khi ta nói đến *xâm lược* hay *tấn công*', họ ném cho ta và lời cáo buộc của ta ánh mắt sừng sốt và ngạc nhiên, vì vậy ta bị bẽ mặt và cảm miện' lại, thế đấy, ta khôn' muốn lời on' tiến' ve bôi xấu hình ảnh mình. Ta cần giả vờ lễ độ một chút với Meronym để cô ta mất cảnh giác và làm rơi chiếc mặt nạ thân thiện đó một chút rồi cho ta xem âm mưu thực sự của cô ta đằng' sau chiếc mặt nạ đó, phải, cho ta một ít bản' chún' để ta có thể đưa ra cho Trườn' lão và triệu tập một cuộc họp làn'.

Ta khôn' còn lựa chọn nào khác ngoài việc chờ đợi và nghe ngón'. Meronym thật sự được mọi người quý mến. Đàn bà con gái tâm sự chuyện của họ với cô ta vì cô ta là người ngoài và khôn' tiết lộ bất kỳ bí mật nào với Ma Lắm Điều. Một con chó đen khôn' có tên lan' than' ở Thun' lữn' Elepaio bắt đầu lẻo đẻo theo cô ta và được cô ta đặt tên là Pythag'ras hay tên gì đó rất khó nhớ, bọn ta chỉ gọi nó là Py, cho nó ăn cơm thừa cá cặn và nó trôn' chừn' đàn dê buổi tối. Thấy chưa? Ngay cả chó hoan' Thun' lữn' cũn' đổi đời nhờ Người Tiên Tri quý tha ma bắt đó. Trườn' lão nhờ vị khách này dạy đếm số ở trườn' và Meronym đồn' ý. Catkin nói cô ta dạy rất hay, nhưn' chẳn' dạy cho chún' cái gì khác với Trí Thôn' Minh của chính Trườn' lão, mặc dù Catkin biết cô ta có thể làm thế nếu muốn. Vài đứa học trò thậm chí còn bôi mực lên mặt để cho đen giống' Người Tiên Tri nhưn' Meronym bảo chún' phải rửa sạch, nếu khôn' cô ta sẽ khôn' dạy gì cho chún' cả, vì văn minh Trí Thôn' Minh chẳn' liên quan gì đến màu da cả.

Vào một buổi tối khi ngồi bên hiên nhà, Meronym thắc mắc về các biểu tượng'. *Biểu tượng' có phải là nơi linh hồn nươn' nấu khôn'? Hay chỉ là một kỷ niệm chun' về nhữn' khuôn mặt, người thân và tuổi tác? Hay là một lời nguyện đến Sonmi? Hay là một bia mộ viết tron' kiếp này với thôn' điệp dành cho kiếp sau?* Thấy đấy, Người Tiên Tri lúc nào cũn' tại sao với cái gì, chẳn' bao giờ đủ. Duophysite ở đây cũn' giống' như ở Maui, phải khôn'? Chú Bees định trả lời nhưn' rồi lại thôi, ôn' thừa nhận mình biết chính xác Biểu tượng' là gì cho đến đún' khoảnh khắc ôn' định giải thích về chún'. Thím Bees nói Biểu Tượng' Tháp cất giữ cả quá khứ lẫn hiện tại của Dân Thun' Lữn'. Thườn' thì ta khôn' đọc được suy nghĩ của người khác đâu, nhưn' vào giây phút đó ta thấy Nữ Tiên Tri thắc mắc, À ha, vậy thì Biểu Tượng' Tháp này ta phải đến

xem mới được. Khôn', ta chặn' nói gì, nhưn' sán' hôm sau ta đi xuống' Bãi Xươn' rồi nấp sau tản' Đá Tự Sát. Là thế này, ta nghĩ nếu mình có thể bắt quả tan' kẻ ngoại ban' bắt kính với các biểu tượng' của chún' ta, hoặc hay hơn nữa là sờ mó một cái, thì ta có thể kêu gọi nhữn' bậc cao niên tron' làn' chốn' lại cô ta, từ đó mở mắt cho người dân và bà con họ hàn' ta về âm mưu thực sự của Người Tiên Tri.

Thế là ta ngồi đó chờ đợi bên Đá Tự Sát, nghĩ đến nhữn' người mà Già Georgie đã xô từ trên đây xuống' bọt biển găm gào bên dưới. Sán' hôm đó gió lớn, phải, ta nhớ rất rõ, cỏ dại trên cát ngả nghiêng', nhữn' bụi hoa máu tả tơi, còn sún' biển thì quất rào rào vào bờ. Ta ăn một chút bánh nắm đem theo làm đồ ăn sán', nhưn' chưa kịp ăn xong' thì đoán xem ta thấy ai đan' đi đến Biểu Tượng' Tháp, còn ai ngoài Meronym nữa, phải, và Napes từ Nhà Inouye. Đan' ba hoa chích chèo và thân thiết như đã quen từ kiếp trước! Ôi, mặt mũi ta bắt đầu xây xẩm! Chặn' lẽ Napes lại xun' phon' làm cánh tay mặt của kẻ ngoại ban'? Chặn' lẽ hẳn ta đan' có ý đồ thay thế Trườn' lão làm lãnh đạo của Chín Thun' Lũn' sau khi Người Tiên Tri truy đuổi chún' ta trên khắp Kohala và dồn chún' ta xuống' biển bần' Trí Thôn' Minh hiểm độc của bọn họ?

Napes có sức hút, phải, mọi người đều yêu mến hẳn, nhữn' câu chuyện đùa và nụ cười của hẳn. Nếu ta có lưới dè thì Napes có cái lưới dụ hoặc được người. Khôn' thể đi tin vào nhữn' kẻ có miện' lưới khôn khéo như hẳn được. Napes và Meronym tiến vào Biểu Tượng' Tháp, hiền ngan' như một cặp gà trốn'. Chó Py đợi bên ngoài theo lời dặn của Meronym.

Nhẹ như khôn' ta lén vào sau họ. Py quan sát ta, nói, *Tôi đan' để mắt đến cậu đấy, Zachry* nhưn' nó khôn' sửa. Napes đã chặn cửa mở để ánh sán' lọt vào nên nó khôn' phát ra tiến' độn' nào khi ta rón rén vào sau họ. Từ nhữn' ngăn kệ tối tăm nơi cất giữ nhữn' biểu tượng' xưa nhất, ta nghe Napes thì thầm. Ý đồ và âm mưu, ta biết ngay mà! Ta lén đến gần hơn để nghe cho rõ.

Nhưn' Napes chỉ đan' ba hoa về ôn' của hẳn tên là Truman, phải, chính là Truman Thứ ba vẫn còn đi qua nhữn' câu chuyện kể trên Đảo Lớn ở Maui này. Có vẻ như Meronym tò mò, vì thế Napes chỉ cho cô ta biểu tượng' của Truman Thứ ba rồi khoe khoan' chuyện người thân lâu đời của mình tìm' leo lên Mauna Kea. Phải, vẫn là câu chuyện đó! À, nếu bọn trẻ các con

khôn' biết chuyện về Truman Napes thì bây giờ đến lúc rồi đấy, vì vậy hãy ngồi yên, kiên nhẫn và đưa cho ta thuốc hút nào.

Truman Napes từn' làm nghề săn đồ cổ vào cái thời mà vật dụng' của Người Xưa còn xả khắp các hẻm núi. Vào một buổi sán' nọ, một ý tưởn' nảy ra tron' đầu lão rằn' Người Xưa có thể đã cất giữ nhữn' vật dụng' quý giá trên Mauna Kea để giữ an toàn. Ý tưởn' này khôn' ngừn' lớn lên và đến tối hôm đó, Truman đã quyết tâm sẽ leo lên ngọn núi đán' sợ đó để xem có gì, đún' vậy, và lên đườn' ngay ngày hôm sau. Vợ lão bảo, Ông điên rồi, trên Mauna Kea chẳn' có gì ngoài Già Georgie và nhữn' ngôi đền của lão ẩn tron' nhữn' bức tườn' khép kín. Lão sẽ khôn' cho ôn' vào trừ phi ôn' đã chết và linh hồn ôn' thuộc về lão. Truman chỉ đáp, *Ngủ đi, bà già thần kinh, nhữn' chuyện mê tín dị đoan đó chẳn' cái nào đún' cả*, thế là lão đi ngủ rồi thức dậy và khởi hành khi trời vừa tờ mờ sán' trên Thun' lũn' Waipio.

Truman dũn' cảm trèo đèo lội suối tron' ba ngày liền và đã trải qua nhiều mạo hiểm mà ta khôn' có thời gian để kể cho các con nghe, nhưn' lão đã sốn' sót qua tất cả cho đến khi lên được đến đỉnh núi ma quỷ đán' sợ chìm tron' mây đó, đún' ở bất kỳ đâu trên Đảo Lớn các con cũn' có thể nhìn thấy ngọn núi này, lão ở tít trên cao nên khôn' thể nhìn thấy thế giới bên dưới. Ở đó đầy tro bụi, đún' vậy, khôn' một chấm xanh, triệu triệu cơn gió xéo xắt thổi khắp nơi như nhữn' con chó rừn' bị dại. Lúc bấy giờ bước chân của Truman bị chặn lại trước một bức tườn' bằn' sắt kỳ lạ, cao hơn nhữn' cây gỗ đỏ, bao quanh toàn đỉnh núi và kéo dài hàn' dặm. Truman đi cả ngày quanh đó để tìm một kẽ hở, vì khôn' thể trèo lên trên hoặc đào xuốn' dưới, nhưn' đoán xem lão tìm thấy gì trước khi trời tối nào? Một người thuộc bộ tộc Hawi, đún' vậy, đán' mặc áo khoác trùm mũ co ro trước gió, ngồi xếp bằn' sau một tảng đá và hút ốn' tẩu. Người Hawi này cũn' là một người săn đồ cổ lên Mauna Kea vì cùn' một lý do như Truman, các con có tin được khôn'? Nơi này quá vắng' vẻ nên Truman và người Hawi đó quyết định lập thành một đội và chia đều bất kỳ vật dụng' nào mà họ tìm được, năm mươi năm mươi.

Chà, vận may của Truman thay đổi ngay ở khoảnh khắc tiếp theo, đún' vậy. Nhữn' đám mây dày đặc trở nên sũn' nước và mồn' dần, nhữn' cánh cổn' sắt hình vòm trên bức tườn' khép kín đó run' rinh rồi gầm lên một

tiến' và tự tách ra. Qua cánh cửa' đó, Truman khôn' biết đó là Trí Thôn' Minh hay phép màu nữa, người anh hùng' của chúng' ta thấy một cụm đèn kỳ lạ, đúng' như truyền thuyết kể lại, nhưn' Truman khôn' sợ, khôn' hề, lão sươn' rơn khi nghĩ đến hết thấy nhữn' vật dụng' cổ xưa quý hiếm và suy nghĩ xem có gì bên trong' chúng'. Lão vỗ lưn' người Hawi, nói, *Hây dầ, hô hô, chúng' ta giàu hơn vua chúa và thượn' nghị sĩ trước Sụp Đổ rồi, người anh em Hawi!* Dù nếu Truman Napes giống' như cháu nội của mình, chắc hẳn lão cũn' đăn' tính toán làm cách nào để giữ đốn' của cải vợ vét được ấy cho riên' mình.

Nhưn' người Hawi khôn' cười, khôn' hề, ôn' ta nói bằn' giọng' trịnh trọng' bên dưới mũ choàn'. *Người anh em Thun' lữn' à, giờ an nghỉ của tôi cuối cùn' cũn' đến rồi.*

Truman Napes khôn' hiểu. *Mặt trời chưa lặn mà, ý ôn' là sao? Tôi chưa thấy buồn ngủ lắm, sao ôn' buồn ngủ rồi?*

Nhưn' người Hawi bước qua cánh cửa' rùn' rợn ấy. Truman bây giờ khôn' hiểu gì cả, và gọi với theo, *Chưa đến giờ đi ngủ mà, người anh em Hawi! Giờ là lúc thu hoạch nhữn' vật dụng' quý của Người Xưa!* Truman đi theo người sẵn đồ cổ vào trong khu khép kín lặn' như tờ đó. Nhữn' tượn' đá đen méo mó nằm ở khắp nơi còn bầu trời thì tối sầm vẩn vữ. Người Hawi quỳ xuống' cầu nguyện. Trái tim Truman chột lạnh run, là thế này, một bàn tay lạnh của gió đã gỡ chiếc mũ trùm của người Hawi đăn' quỳ ấy ra. Truman nhìn thấy bạn của mình là một tử thi chết đã lâu, nửa xươn' xấu nửa giòi bọ lúc nhúc, và bàn tay lạnh của gió đó chính là bàn tay của Già Georgie, đúng' vậy, con quỷ đăn' đứn' đó vẫy một chiếc thìa con' vênh. *Mi có đau đốn' và cô đơn ở bên ngoài khôn', hồi kẻ đặc biệt của ta, chúa tể ác quỷ nói với người Hawi, đi lan' than' trên mảnh đất của người sống' với một tâm hồn hóa đá và đã chết? Sao mi khôn' nghe lời triệu hồi của ta sớm hơn, hồi kẻ ngu ngốc? Sau đó Già Georgie cắm chiếc thìa con' của lão vào hai hốc mắt của người Hawi, rồi múc ra linh hồn người đó, dịch não nhỏ giọt, rồi nhai nó, đúng' vậy, nó vỡ ra giữa hai hàm răn' ngựa của lão. Người Hawi gập người lại và đột ngột chỉ còn là một tảng' đá màu đen vắn vẹo.*

Già Georgie nuốt linh hồn người Hawi, chùi mép, ợ một tiến' rồi bắt đầu lên đôn'. *Nhữn' linh hồn mọi rợ, vừa ngon lại vừa thơm, con quỷ đó đọc thơ,*

nhảy nhót tiến đến Truman, *quả óc chó ngâm muối, rượu chua nhất trần đời*. Truman khôn' nhúc nhích được tay chân, cảnh tượng' đó kinh dị quá mà. *Như' linh hồn Dân Thun' Lũn' là tinh khiết và mạnh mẽ, tan chảy như mật trên đầu lưỡi ta*. Hơi thở của ác quỷ có mùi tanh khẳm. *Năm mươi-năm mươi thỏa thuận nói thế*. Già Georgie liếm chiếc thìa con' của lão. *Mi có muốn nửa của mình lúc này, hay khi mi chết, hỡi Truman Napes Thứ ba của Thun' lũn' Mormon?*

Chà, lúc này, Truman đã nhúc nhích được và ba chân bốn' cẳng' chạy thục mạng' rồi ngã nhào ở cánh cửa' ghê rợn, rồi trượt xuống' ngọn núi lởm chởm đá đỏ khôn' dám ngoái lại nhìn dù chỉ một lần. Khi lão quay về Thun' lũn' mọi người há hốc kinh ngạc nhìn lão ngay cả trước khi lão lên tiến' kể về chuyến thám hiểm của mình. Trước đây tóc của Truman đen như quạ, như' bây giờ nó bạc hơn bọt sủn'. Tờn' sợi tóc một.

Các con hần còn nhớ ta, Zachry, lúc đó đan' cuộn người tron' chỗ ẩn nấp ở Biểu Tượng' Tháp, nghe Napes kể lại truyền thuyết đó cho vị khách khôn' mời mà đến và chỉ cho Meronym nhữn' biểu tượng' các đời tron' gia đình hần. Hần dạy cô ta ý nghĩa và cách dùng' của chún' một lúc, sau đó Napes nói hần sẽ đi sửa lưới, rồi bỏ đi để lại Meronym một mình. Hần chưa đi được bao lâu thì Người Tiên Tri đã nói vọn' ra từ bốn' tối, *Vậy cậu nghĩ sao về Truman, hả Zachry?*

Ối trời ơi, ta giật bắn mình, thật khôn' thể ngờ cô ta biết ta đan' ở đó nghe trộm! Như' cô ta giả vờ nói bần' giọng' như thể khôn' cố ý làm ta bẽ mặt hay xấu hổ vậy, khôn' hề, cô ta giả vờ nói cứ như hai chún' ta cùn' đi vào Biểu Tượng' Tháp với nhau. *Cậu có nghĩ chuyện về Truman chỉ là chuyện thêu dệt ngu ngốc của mấy bà già khôn'? Hay cậu thấy có một ít sự thật tron' đó?* Giả vờ ta khôn' ở đây cũn' chẳng' ích gì, vì cô ta đã biết ta đan' ở đây, khôn' việc gì phải sợ. Ta đứn' dậy rồi đi qua các kệ đến nơi Người Tiên Tri đan' ngồi vẽ biểu tượng'. Mắt ta cú vọ hơn tron' ánh sán' lò mờ và bây giờ ta đã có thể thấy khuôn mặt Meronym rõ hơn. *Nơi này có chúa tể của các thánh thần*, ta nói với cô ta. *Cô đan' ở tron' nơi trú ngụ của Sonmi. Người ngoại' ban' khôn' được phép bén mản' đến các biểu tượng' của chún' tôi*.

Tuy ta như thế nhưn' Meronym vẫn tỏ ra lịch sự. *Tôi đã xin phép Trưởn' lão để được vào đây. Bà nói tôi có thể vào. Tôi khôn' sờ vào biểu tượng' nào ngoài*

*biểu tượng' của gia đình Napes. Anh ta nói tôi có thể làm thế. Hãy giải thích tại sao cậu lại khôn' vui như thế, Zachry. Tôi muốn hiểu nhưn' tôi khôn' thế.*

Thấy chưa? Người Tiên Tri quý tha ma bắt ấy tiên đoán được sự tấn công' của các con trước khi các con nghĩ ra nó! *Cô có thể lừa được Trườn' lão của chún' tôi, ta nói với cô ta, lúc này giọng' ta rất lãnh đạm và cộc cằn, và cô có thể lừa Mẹ và gia đình ta và cả Chín Thun' lữn' chết tiệt này nhưn' cô sẽ khôn' thể lừa được ta đâu, khôn' bao giờ, đừn' hờn'!* Ta biết cô khôn' nói toàn bộ sự thật! Lúc này ta đã khiến cô ta bất ngờ, và đó là một cảm giác dễ chịu để chấm dứt sự lẩn tránh và nói lên suy nghĩ của mình giữa thanh thiên bạch nhật.

Meronym vẻ như nhú mày. *Tôi khôn' nói toàn bộ sự thật về cái gì? Phải, ta đã dồn Nữ hoàn' Thôn' Minh vào đứn' góc rồi.*

*Về việc tại sao cô lại ở đây sục sạo đất đai của chún' tôi! Sục sạo cách sống' của chún' tôi! Sục sạo chún' tôi!*

Meronym thở dài rồi đặt biểu tượng' của Napes trở lại trên kệ. *Vấn đề ở đây khôn' phải là một phần sự thật hay toàn bộ sự thật, Zachry ạ, mà là làm hại hay khôn' làm hại, phải.* Điều cô ta nói tiếp theo là mũi giáo đâm thủng' ruột gan ta. *Chẳn' phải chính cậu cũn' có một bí mật khiến cậu đan' che giấu "toàn bộ sự thật" này với mọi người sao, Zachry?*

Suy nghĩ của ta trở nên mơ hồ. Làm sao cô ta biết về Sloosha's Crossin'? Đó là chuyện nhiều năm về trước rồi! Người Tiên Tri có cấu kết với bọn Kona khôn'? Họ có Trí Thôn' Minh gì để đào sâu xuống' nhữn' nỗi hổ thẹn chôn chặt trong tâm trí hay khôn'? Ta lặn' im khôn' nói.

*Tôi thề đấy, Zachry, cô ta nói, tôi tuyên thệ trước Sonmi...*

Ôi, ta hét lên với cô ta, *người ngoại ban' và thổ dân thậm chí còn khôn' tin vào Sonmi vì thế đừn' làm hoen ố hờn' danh của Sonmi bằn' miện' lưỡi cô!*

Meronym nói chuyện từ tốn và nhẹ nhàn' như thườn' lệ. Ta đã sai hoàn toàn rồi, cô ta nói, cô ta tin vào Sonmi, đứn' vậy, thậm chí còn nhiều hơn cả ta nữa, nhưn' nếu ta muốn, cô ta sẽ thề trên con trai cô ta, Anafi. Trên vận may và số mận' của nó, cô ta thề, khôn' một Người Tiên Tri nào âm mưu hãm hại bất kỳ Dân Thun' Lữn' nào, và mãi mãi khôn' bao giờ, và Người Tiên Tri tôn trọng' bộ lạc của ta hơn nhữn' gì ta biết *rất rất rất* nhiều. Cô ta hứa khi có thể kể toàn bộ sự thật với ta, cô ta sẽ kể.

Rồi cô ta bỏ đi, đem theo chiến thắng của cô ta. Ta ở lại một lúc để thăm biểu tượng của Bố, nhìn khuôn mặt ôn khắc vào gỗ, ta như nhìn thấy ôn nằm trên đôn sơn Elepaio. Ôi, nhữn giọt nước mắt hổ thẹn và tiếc nuối tuôn chảy. Ta sẽ trở thành người đứng đầu của Nhà Bailey, nhưn ta còn thua một con cừu nhát gan và hèn nhát hơn cả một con thỏ bị mắc bẫy.

Hãy đem bản chún đến đây, hỡi Dân Thun Lũn, Trườn lão đã nói, nếu khôn thì hãy giữ môm giữ miện, thế là bây giờ từn phút từn giây ta đều nghĩ đến cách để lấy được bản chún, và nếu ta khôn thể có được nó một cách danh dự thì mặc kệ nó, ta sẽ phải giở trò để có được nó. Vài ngày sau, gia đình ta đến thăm Thím Bees, với Meronym, vì cô ta đan học cách lấy mặt on. Ta chẵn dê xon sớm, khi mặt trời còn ở trên Kohala, sau đó ta lên vào phòn của người khách trọ để tìm kiếm chiếc túi đựng vật dụng của cô ta. Khôn mất nhiều thời gian, Nữ Tiên Tri cất nó dưới phản. Bên tron là nhữn món quà nhỏ giống nhữn món cô ta đã tặn cho chún ta khi mới đến, nhưn cũn có vài món vật dụng Thôn Minh. Vài chiếc hộp khôn kêu len ken nhưn cũn khôn có nắp nên ta khôn thể mở được, một côn cụ gì đấy rất kì lạ, tron như xươn dê nhưn màu xám và nặn như đá nham thạch, hai đôi ỉn được làm rất tinh xảo, ba-bốn quyển sổ chứa đầy hình vẽ và ghi chép nhưn khôn phải về Đảo Lớn, có cây cối chim chóc mà ta chưa bao giờ thấy ngay cả tron mơ. Vật cuối cùn là kỳ lạ nhất.

Một quả trún to màu bạc, cỡ đầu em bé, có nhữn chỗ lõm và dấu vết để đặt ngón tay lên. Nó nặn một cách kỳ lạ và khôn lặn. Ta biết nghe khôn có lý lắm, nhưn nhữn lời thêu dệt về Trí Thôn Minh của Người Xưa, nhữn ngôi nhà biết bay, việc nuôi em bé tron chai và nhữn bức ảnh thu hình toàn bộ Thế giới cũn chẵn có lý chút nào nhưn sự thực là thế, như nhữn người kể chuyện và sách cũ đã kể. Thế là ta ôm quả trún bạc đó tron tay, và nó bắt đầu run lên rồi phát sán, phải, như nó là một sinh vật sống vậy. Ta vội thả quả trún ra, nó nằm im. Có phải hơi ấm bàn tay ta khiến nó chuyển độn khôn?

Ta quá tò mò, bèn cầm nó lần nữa, và quả trún run lên ấm dần cho đến khi một ma nữ hiện ra ở đó! Phải, một ma nữ, ngay phía trên quả trún, thật cũn giống như ta đan ngồi đây, đầu và cổ cô ta cứ nổi ở đó, như ảnh phản chiếu tron mặt nước dưới ánh trăn và cô ta đan nói! Giờ đây ta bắt đầu sợ

và thả tay ra khỏi quả trứn' bạc nhưn' ma nữ vẫn ở lại.

Cô ta làm gì? Khôn' làm gì cả, chỉ nói và nói, như ta đan' nói với các con đây. Nhưn' cô ta khôn' phải là một người kể chuyện bình thườn', khôn', cô ta nói bần' thứ tiến' của Người Xưa, và khôn' có biểu diễn gì cả, chỉ trả lời nhữn' câu hỏi mà một giọng' nam khàn khàn đặt ra, dù anh ta khôn' xuất hiện. Cứ mỗi năm-sáu từ thì ta lại hiểu một từ. Môi của ma nữ cố định một nụ cười cay đắng', đôi mắt màu kem của cô rất buồn nhưn' kiêu hãnh và mạnh mẽ. Khi đã hoàn hồn, ta cất tiến' thì thầm, *Em gái, có phải em là một linh hồn lạc khôn'?* Cô ta phớt lờ ta, nên ta hỏi, *Em gái, em có thấy ta khôn'?* Cuối cùn' ta phát hiện ra ma nữ khôn' phải đan' nói chuyện với ta và khôn' nhìn thấy ta.

Ta thử sờ vào làn da bôn' bênh và mái tóc thắn' cứn' của cô ta nhưn, ta thề luôn, các ngón tay đưa xuyên qua đó, đún' vậy, như ảnh phản chiếu dưới nước ấy. Nhữn' con thiêu thân bay xuyên qua đôi mắt sán' và miện' của cô ta, bay qua bay lại, bay lại bay qua.

Ôi, cô ta thật kì lạ, thật đẹp mà cũn' thật buồn, khiến linh hồn ta đau đón.

Đột nhiên ma nữ biến mất trở vào quả trứn' và một người đàn ôn' thế chỗ cô ta. Một Tiên Tri-ma, người này *có thể* thấy ta và ôn' ta nói với ta đây tức giận. *Cậu là ai vậy nhóc, Meronym đâu?*

Người Tiên Tri chồm đến gần hơn và khuôn mặt ôn' ta lớn lên. Giọng' ôn' ta gầm gừ và nanh nọc. *Ta hỏi mi hai câu hỏi đấy, cậu nhóc, trả lời ta ngay, nếu không ta sẽ nguyện rửa cho đòn' họ nhà mi từ nay để ra con cái khôn' đũa nào sốn' qua một con trăn'!*

Ta vã mồ hôi và nuốt khan cổ. *Zachry, thưa ông, ta đáp, và Meronym vẫn bình thườn', vân', cô ấy đan' ở chỗ Thím Bees học cách lấy mật on'.*

Người Tiên Tri nhìn xuyên thấu hồn ta, đan' suy nghĩ xem có nên tin ta hay khôn'. *Và Meronym có biết chủ nhà lục lợi đồ đạc của khách khi cô ta đi ra ngoài khôn'? Khôn' hồn mà trả lời thành thật, đừn' hòn' qua mặt được ta.*

Ta run rẩy đau đón tron' lúc lắc đầu.

*Nghe cho kỹ đây. Người đàn ôn' đó có nhiều điều răn đe như Trườn' lão vậy. Cậu sẽ đặt orison này, "quả trứn'" mà cậu đan' cầm này, vào lại nơi mà cậu*

*tìm thấy. Cậu sẽ khôn' nói với bất kỳ ai về nó. Bần' khôn' cậu có biết ta sẽ làm gì khôn'?"*

*Biết, ta đáp. Nguyên rủa gia đình tôi để khôn' đưa bé nào sốn' sót.*

*Phải, cậu hiểu rồi đấy, người đàn ôn' có giọng' nói như sấm đáp. Ta sẽ để mắt đến cậu, Zachry của Nhà Bailey ạ, Người Tiên Tri ma đó nói, đấy, ôn' ta còn' biết nhà của ta như Già Georgie vậy. Ôn' ta biến mất và quả trứn' bạc lấp lánh lặn' dần rồi im hẳn. Ta vội vản' cất đồ đạc của Meronym trở lại túi của cô ta rồi nhét nó xuống' dưới tấm phủ, ước gì ta đã khôn' tọc mạch như vậy. Thế đấy, thứ ta tìm được khôn' phải là bần' chún' cho mỗi nghi ngờ của ta để đưa ra cho Trưởn' lão, thứ ta tìm thấy là một lời nguyên rủa Thôn' Minh cho vận mệnh bị hóa đá của ta, và, ta phải tự thừa nhận, một sự hoen ố danh dự trầm trợn' của một người chủ nhà.*

*Nhưn' ta khôn' thể quên về ma nữ đó, cô ta ám ảnh ta khi thức lẫn tron' giấc mơ. Ta có quá nhiều cảm xúc đến nỗi khôn' thể chất chứa hết. Ô, tuổi trẻ thật chẵn' dễ dàn' vì bất cứ điều gì khiến con lo lắng' hoan' man' cũn' đều là nhữn' điều khiến con lo lắng' hoan' man' lần đầu tiên tron' đời.*

*Bà Trăn' tròn to, con gái của bà thì khuyết, và đột nhiên chỉ còn ba tron' số sáu con trăn' nữa là Tàu Tiên Tri sẽ quay trở lại để đón Meronym lên đườn'. Một hình thức đình chiến đặt ra giữa ta và khách lúc này. Ta khôn' tin Nữ Tiên Tri nhưn' cứ chịu đựn' cô ta ở tron' nhà mình một cách lịch sự đủ để ta có thể canh chừng' cô ta tốt hơn. Rồi vào một buổi chiều giôn' bão, chuyện đầu tiên tron' số vài chuyện xảy ra, biến cuộc đình chiến đó thành một thứ gắn chặt vận mệnh của ta với cô ta như hai sợi dây leo trên cây nho vậy.*

*Vào một buổi sán' mưa gió, F'kugly con út của người anh em Munro đến tìm ta trên khe núi tron' lúc ta đan' ngồi dưới nhữn' tán lá cây trên Dãy Rise, báo cho ta một tin dữ. Em gái Catkin của ta tron' lúc đi câu cá ở Bãi Đá Chó đã giẫm phải một con cá bọ cạp, bây giờ con bé đan' co giật và sốt cao ở Nhà Munro. Thầy lan' Wimoway, mẹ của Roses, đan' chăm sóc con bé, còn Leay, pháp sư người Hilo, thì đan' đọc thần chú, nhưn' sự sốn' của Catkin đan' cạn dần. Người cao to khỏe mạnh còn khôn' sốn' nổi khi bị cá bọ cạp tấn côn', và Catkin bé nhỏ tội nghiệp đan' hấp hối, chỉ còn được hai*

hoặc ba giờ nữa thôi.

F'kugly chặn đàn dê để ta luôn qua hàn' cây gỗ chó đến Nhà Munro và, đún' vậy, sự việc đún' như lời kể của F'kugly. Catkin đan' nón' như lửa đốt và thở khó nhọc, khôn' còn nhận ra ai nữa. Wimoway đã gấp ra nhữn' vây cá có độc và rửa vết thương' bần' bộ *noni*, còn Sussy đan' đắp khăn lạnh để làm mát trán Catkin. Jonas thì đã đến cầu nguyện Sonmi ở Biểu Tượng' Tháp. Leary Râu Rậm đan' rì rầm nhữn' câu thần chú Hilo và lắc nhữn' cây giáo phép thuật để xua đuổi tà ma. Có vẻ như Leary chẳn' giúp được gì, Catkin đan' hấp hối, khôn' khí có mùi chết chóc, nhưn' Mẹ muốn Leary đến đó, thế đấy, các con sẽ tin vào hàn' triệu điều khác nhau nếu con nghĩ rằn' chỉ *một* điều tron' số đó có thể sẽ giúp con. Vậy ta còn biết làm gì, ngoài việc ngồi đó và nắm bàn tay nón' ran của Catkin yêu dấu rồi nhớ lại cảnh thần' bé vô dụng' là ta chửn' kiến bọn Kona quật roi búa vây Bố và Adam? Lúc này tiến' nói có thể là của Bố hoặc có thể là của Sonmi hoặc có thể chẳn' của ai hết mà của chính ta, nhưn' một giọng' khẩn thiết van' lên bên tai ta: *Meronym*.

Mọi người cho hay Meronym đan' ở trên Khe núi Gusjaw vì thế ta chạy lên đó và, đún' vậy, cô ta đan' hứn' đầy nước trên Khe Gusjaw vào nhữn' chiếc lọ Thôn' Minh nhỏ dưới trời mưa nghi ngút khói, số là Wolt đã gặp cô ta trước đó và kể về sự tình. Người Tiên Tri đem theo túi vật dụng' đặc biệt của mình và ta cảm ơn Sonmi vì điều đó. *Buổi chiều tốt lành*, Nữ Tiên Tri gọi khi thấy ta lộ ngược dòn'.

*Khôn', chẳn' tốt tí nào*, ta đáp lại. *Catkin sắp chết rồi!* Meronym lẩn' nghe chăm chú tron' lúc ta kể lại về con cá bọ cạp nhưn' cô ta xin lỗi, cô ta chẳn' có Trí Thôn' Minh chữa bệnh nào, dù sao đi nữa thì tài dược của Wimoway và nhữn' câu thần chú của Leary chính là phươn' pháp chữa bệnh của Đảo Lớn và đó là cách tốt nhất cho nhữn' người ốm đau trên Đảo Lớn, đún' khôn'?

*Cút chó*, ta đáp.

Cô ta lắc đầu rất buồn. *Người Tiên Tri chún' tôi đã tuyên thệ khôn' can thiệp vào trật tự tự nhiên của vạn vật*.

Lúc này ta nói khéo, *Catkin gọi cô là "Dì" và nó tin rằn' cô là người nhà. Cô*

*chắc hẳn cũn' đã cư xử tron' nhà chún' tôi như cô là người nhà. Đó có phải là một sự giả dối khác nữa của cô để tìm hiểu thêm một chút về chún' tôi khôn'? Một phần khác tron' cái gọi là "khôn' phải toàn bộ sự thật" của cô?*

*Meronym rùn' mình. Khôn, Zachry a, khôn' phải thế.*

*Vậy thì, ta đánh cược vận may, tôi cho rằn' cô có Trí Thôn' Minh đặc biệt để giúp người nhà của cô.*

*Meronym ném một ngọn giáo tron' câu nói. Tại sao cậu khôn' lục lọi túi tôi lần nữa rồi đánh cắp Trí Thôn' Minh Tiên Tri đặc biệt củatôi đi? Phải, cô ta biết chuyện ta và quả trứn' bạc. Cô ta đã giả vờ là khôn' biết nhưn' thực sự thì có. Phản đối cũn' chẳn' ích gì, vì thế ta khôn' lên tiến'. Em gái tôi đan' hấp hối tron' lúc chún' ta đứn' đây đôi co thế này.*

*Rất nhiều sôn' suối mưa giôn' của cả thế giới đã trôi qua hai chún' ta. Cuối cùn' Meronym nói được, cô sẽ đến thăm Catkin, nhưn' nọc độc cá bọ cạp lan rất nhanh và rất độc và có thể cô sẽ chẳn' làm được gì để cứu em gái ta, tốt nhất ta nên hiểu sự thật đó ngay lúc này. Ta khôn' đồn' ý cũn' chẳn' phản bác, chỉ dẫn cô ta nhanh chón' đi xuốn' Nhà Munro. Khi Người Tiên Tri bước vào, Wimoway giải thích bà đã làm gì, còn Leary Râu Rậm thì nói, Ooo... một con quỷ đã được kéo lại gần... ooo, ta nghĩ thấy nó bằn' nằn' lực đặc biệt của mình...*

*Catkin đã mê man, nó đan' nằm im bất độn' như một biểu tượng', chỉ còn tiến' thở nhẹ tron' cuốn' hợn'. Khuôn mặt cằn' thẳn' của Meronym như nói, Thôi rồi, con bé đã đi quá xa, tôi khôn' thể làm được gì, và cô ta hôn từ biệt lên trán em gái ta, buồn bã bước trở ra trời mưa. Ôi, nhìn Người Tiên Tri mà xem, Leary làu bầu, Trí Thôn' Minh của họ có thể làm di chuyển nhưn' con tàu kỳ lạ bằn' thép nhưn' chỉ có Thánh Tụn' của Thiên thần Laz'rus mới có thể đem về linh hồn con bé từ vùn' lầy tuyệt vọn' giữa sự sống' và cái chết. Ta cảm thấy tuyệt vọn', em gái ta sắp chết, mưa đan' vẫn vũ nhưn' giốn' nói đó vẫn khôn' câm lại bên tai ta. Meronym.*

*Ta khôn' biết tại sao nhưn' ta theo cô ta đi ra ngoài. Trú mưa ở khun' cửa bằn' gổm của Nhà Munro, cô đan' nhìn chăm chú vào nhữn' cột mưa. Tôi khôn' có quyền cầu xin cô ân huệ, tôi đã khôn' phải là một chủ nhà tốt, tôi là một thần' tôi đan' ghét, nhưn'... ta khôn' còn biết nói gì nữa.*

Người Tiên Tri khôn' nhúc nhích hay nhìn ta. *Sự sống' ở bộ lạc của cậu có một trật tự tự nhiên. Catkin sẽ vẫn giẫm phải con cá bọ cạp đó cho dù tôi có ở đây hay khôn'.*

Nhữn' con chim mưa trút ra bài hát rì rào réo rắt. *Tôi chỉ là một gã mục đôn' dốt nát, nhưn' tôi nghĩ khi có mặt ở đây cô cũn' đã phá vỡ trật tự tự nhiên này. Tôi nghĩ cô đan' giết chết Catkin vì khôn' hành độn'. Và tôi nghĩ nếu Anafi con trai cô đan' nắm đó với nọc độc cá bọ cạp làm tan chảy tim phổi nó, thì trật tự tự nhiên này cũn' sẽ khôn' quá quan trọn' với cô, có phải khôn'?*

Cô ta khôn' trả lời nhưn' ta biết cô ta đan' lẩn' nghe.

*Tại sao mạn' sống' của một Người Tiên Tri lại quan trọn' hơn của một Dân Thun' Lũn'?*

Cô ta mất bình tĩnh. *Tôi khôn' đến đây để đón' vai Bà Sonmi mỗi khi có chuyện xấu xảy ra rồi bún' ngón tay là giải quyết được mọi chuyện! Tôi chỉ là con người, Zachry ạ, như cậu như bất kỳ ai!*

Ta hứa, *Khôn' phải là mỗi lần chuyện xấu xảy ra đâu, chỉ lần này thôi.*

Nước mắt chảy ra trên mặt cô ta. *Đó khôn' phải là lời hứa mà cậu có thể đảm bảo giữ lời. Đột nhiên ta thấy mình đan' kể hết mọi sự thật về Sloosha's Crossin', đún' vậy, tất tần tật. Ta đã dẫn bọn Kona đến giết Bó và bắt Adam làm nô lệ như thế nào, và đã khôn' bao giờ thú nhận với bất kỳ ai cho đến lúc đó. Ta khôn' biết tại sao lại trút hết bí mật cất giấu bấy lâu nay cho kẻ thù của mình, mãi cho đến lúc cuối cùn', khi ta tiết lộ ý nghĩa của nó và nói với cô ta. Điều tôi vừa kể với cô về tôi và linh hồn tôi là ngọn giáo kẻ vào cổ họng' tôi và là miếng' khăn bịt ngan' miện' tôi. Cô có thể nói với Ma Lắm Điều nhưn' gì tôi kể với cô, và hủy hoại tôi, bất cứ lúc nào cô muốn. Bà ta sẽ tin cô và phải tin cô vì từn' lời đều là thật và Dân Thun' Lũn' sẽ tin cô vì họ cảm thấy Linh hồn tôi đã bị hóa đá. Bây giờ nếu cô có bất kỳ Trí Thôn' Minh nào, phải, bất cứ điều gì có thể giúp Catkin lúc này, hãy cho tôi, nói với tôi, hãy làm đi. Sẽ khôn' một ai biết chuyện này, tôi thề chỉ có cô và tôi.*

Meronym đặt tay lên đầu như thế nó đã phình to vì buồn đau và cô lẩm bẩm gì đó nghe như, *Nếu chủ tịch của tôi mà biết chuyện này thì toàn bộ ban của tôi sẽ bị giải tán, đún' vậy, có nhưn' lúc cô ta dùn' toàn nhưn' từ mà ta khôn' biết. Từ một chiếc lọ khôn' có nắp trọn' túi xách, cô ta lấy ra một hòn*

đá màu ngọc lam bé bần' trứn' kiến rồi bảo ta lén cho vào miện' Catkin thật khéo sao cho khôn' ai thấy, hoặc thậm chí *ngĩ* rần' họ đã thấy. Và vì Sonmi, Meronym cảnh báo ta, *nếu Catkin sỏn', mà tôi khôn' dám hứa cô bé sẽ sỏn', hãy đảm bảo rần' bà thầy lan' ăn mừn' vì đã chữa lành cho con bé, chứ khôn' phải gả thầy mo lươn leo đến từ Hilo đó, được chứ?*

Thế là ta cầm viên thuốc màu ngọc lam rồi cảm ơn cô ta.

Meronym dặn, Đừn' nhắc đến một lời nào cả, vào lúc này và vĩnh viễn khi tôi còn sỏn', và ta giữ vừn' lời hứa đó. Ta cho nó vào chiếc miện' quý giá của em gái tron' lúc thay mảnh vải thấm nước cho con bé, như Meronym đã dặn, để khôn' ai trỏn' thấy. Và chuyện gì đã xảy ra?

Ba ngày sau Catkin đã trở lại trườn học, đún' vậy.

Ba ngày! Và thế là ta thôi khôn' còn tìm kiếm chún' cứ rần' Người Tiên Tri đản' do thám để biến chún' ta thành nô lệ. Leary từ Hilo khoác lác từ đầu đườn' đến cuối chợ rần' khôn' một pháp sư nào giỏi hơn hần, kể cả nhữn' Người Tiên Tri, dù hầu hết Dân Thun' Lũn' đều tin rần' chính Wimoway đã làm được điều đó, chứ khôn' phải hần.

Một buổi tối, chún' ta đản' ăn thịt thỏ và khoai môn nướn' khoản' một thán' sau khi Catkin bị ốm thì Meronym bất ngờ thỏn' báo một chuyện. Cô ta định leo lên Mauna Kea trước khi Chiếc Tàu trở lại, để xem nhữn' gì muốn xem. Mẹ nói trước, giỏn' đầy lo lắng'. *Để làm gì, chị Meronym? Chẳn' có gì trên Mauna Kea ngoài mùa đỏn' bất tận và một đỏn' đá to.*

Thật ra mẹ ta khôn' nói đến điều mà tất cả chún' ta đều đản' nghĩ đến vì bà khôn' muốn trỏn' giỏn' thỏ dân mọi rợ, nhưn' Sussy thì huych toẹt. *Dì Mero, nếu dì đi lên đó, Già Georgie sẽ làm cho dì đỏn' bần' rồi múc linh hồn dì ra bần' chiếc muỏn' con' của lão rồi ăn tươi nuốt sỏn' nó để dì mãi mãi khôn' thể đầu thai và dì sẽ biến thành một tản' đá đỏn' bần'. Dì nên ở tron' thun' lủn' này cho an toàn.*

Meronym khôn' phản đỏi Sussy, chỉ nói rần' Người Tiên Tri có Trí Thỏn' Minh khiến Già Georgie phải tránh xa. Leo lên Mauna Kea là việc cần thiết để vẽ bản đồ Windward, cô ta nói, và dù sao đi nữa, Dân Thun' Lũn' cũn' cần biết về nhữn' chuyển biến của bọn Kona ở Leeward và thị trấn Waimea. Nếu vào lúc này thì nhữn' lời nói đó sẽ khiến ta gia tẩn' nghi ngờ,

nhưng lúc đó, ta chẳng nghĩ ngợi gì, dù hết sức lo lắng cho vị khách của chúng ta. Thật sự, thiên hạ không ngừng bàn tán suốt nhiều ngày liền khi tin này lan truyền. *Nữ Tiên Tri sẽ leo lên Mauna Kea*! Mọi người ghé nhà để cảnh báo Meronym đừng đi chỗ mũi vào khu khép kín của Già Georgie, nếu không sẽ không có đường trở lại. Ngay cả Napes cũng đến thăm, nói rằng leo lên Mauna Kea trong chuyện kể là một chuyện, nhưng làm thật lại là chuyện điên rồ và hoan đường. Trườn lão nói Meronym có thể đến và đi bất cứ nơi nào cô muốn, nhưng bà không đồng ý nếu không có người dẫn đường cho Meronym, đỉnh núi đó quá bí ẩn và nguy hiểm, ba ngày lên ba ngày xuống, chớ rờn, Kona và Sonmi biết có gì trên đường, và dù sao đi nữa việc chuẩn bị cho hội chợ Honokaa cần đến tất cả mọi người trong làng.

Lúc này ta khiến mọi người bất ngờ, đúng vậy, cả chính ta nữa, khi quyết định sẽ đi với cô ta. Ai cũng biết ta không phải là con bò mọn gan dạ nhất trong làng. Vậy thì tại sao ta làm thế? Đơn giản thôi. Một, ta nợ Meronym mạng sống của Catkin. Hai, linh hồn ta cũng đã bị hóa đá một nửa rồi, đúng vậy, chắc chắn ta sẽ không được đầu thai, vậy thì ta có gì để mất chứ? Thà để Già Georgie ăn linh hồn ta và để người khác đầu thai, phải không nào? Đó không phải là dửng dưng đâu, đó chỉ là cảm tính. Mẹ không vui, lúc này đang vào mùa bận bịu trong Thun lùn vì mùa thu hoạch sắp đến, nhưng khi bình minh đến Meronym và ta lên đường, bà đưa cho ta lưng khô đã được bà hun khói và ướp muối để ăn dọc đường, và nói Bố sẽ tự hào khi nhìn thấy ta trườn thành và gan dạ. Jonas tặng ta một cây lao xiên cá bén ngọt, còn Sussy tặng ta nhữn miếng bùa bần vỏ sò để làm lóa mắt Già Georgie nếu lão đuổi theo chúng ta. Kobbery em họ của ta thì nhận chẵn dê giúp ta, cậu tặng ta một túi nhỏ khô từ vườn nho của gia đình. Catkin là người cuối cùng, con bé tặng ta một nụ hôn và cũng tặng cho Meronym nữa, rồi bảo chúng ta phải hứa sẽ quay lại sau sáu ngày.

Từ phía đôn của Sloosha's, chúng ta không leo lên đường mòn Kukuihaele, mà đi về hướng đất liền phía nam ngược đôn Waiulili, và ta nhận ra khoản đất trốn cạnh Thác Hiilawe nơi ta đã tiếp tay cho bọn Kona giết Bố năm-sáu năm về trước. Lúc này nó đã rộng ra, chỉ còn dấu vết của nhữn đống lửa trại đã tàn cháy đen ở giữa. Ta dùng cây lao quà của Jonas đâm vài con cá ở chỗ nước cạn trong hồ Hiilawe để tiết kiệm lưng khô. Mua

khiến đòn' Waiulili chảy rất xiết đến nỗi khôn' thể bắ' qua đượ, vì thế chún' ta phạ' tre trúc mở đườ'g lên, nửa ngày vấ' vắ' đã trôi qua và chún' ta đến đượ' Dãy Kohala; khoả' khôn' lộn' gió khiến chún' ta sũ' sờ và qua nhũn' đám mây trôi chún' ta thấy Mauna Kea cao hơn cả bầu trời. Trước đây ta đã từ' thấy Mauna Kea từ Honokaa, tất nhiên, như' một ngọn núi mà các con sắ' leo lên khôn' giố' như' ngọn' núi các con khôn' có ý định chinh phục. Nó khôn' còn đẹp như' thế nữa. Đủ' tinh mịch để các con *nghe thấy* nó. Tre trúc thừa thốt dần, chỉ còn lại nhũn' cây thôn' khô héo và chún' ta đến Đườn' mòn Waimea của Người Xưa. Chún' ta đi lóc cóc vài dặm trên con đườn' xưa cũ và nút nẻ này cho đến khi gặp một người bắ' thú lắ' lôn' và con chó biết cười của lão nằm nghỉ bên một cái ao dố'. Già Yanagi là tên lão và lão bị viêm phổi nặ' kể từ khi Yanagi Trẻ nối nghiệp gia đình, ta nghĩ thế. Chún' ta nói mình là thầy thuốc đắ' tìm nhũn' cây thuốc quý, có thể Yanagi tin chún' ta mà cũn' có thể khôn', như' lão đố' nắm cho chún' ta để lắ' cá và cảnh báo rằ' Thị trấn Waimea khôn' còn thân thiện như' trước, Kona đã kiểm soát thô bạo và ta khôn' thể đoán đượ' họ sẽ làm gì.

Khi cách Thị trấn Waimea khoảng một dặm về phía đôn' chún' ta nghe tiếng' vó ngựa lộc cộc và lập tức lao xuố' con đườn' mòn tron' tích tắc trước khi ba chiến binh Kona cười ngựa đén cùn' nài ngựa cười trên một con ngựa con lao qua. Hậ' thù và sợ hãi đánh thức ta, khiến ta muốn tiêu diệt chún' như' nhũn' con tôm trên que xiên, như' bắt chúng chết chậm hơn thế. Cậu bé nài ngựa ta nghĩ có thể là Adam như' ta luôn nghĩ như' thế về bất kỳ đứ'a con trai Kona nào, chún' đội mũ sắt vì thế ta khôn' thể chắc chắn. Chún' ta khôn' nói gì nhiều kể từ lúc đó vì sợ tai vách mạch rừn'. Đi về phía nam bắ' qua nhũn' bụi bờ, chún' ta đến đượ' đại lộ. Ta đã từ' nghe nói về đại lộ từ nhũn' người kể chuyện và giờ nó ở đây, một mặt phắ' trái đá dài và rộ' mở. Nhũn' cây nhỏ và bụi dày lên như' khôn' gian đây gió ấy thật kỳ diệu và hoan' vu. Meronym nói nó đượ' đặt tên là "Sân Bay" tron' ngôn ngữ của Người Xưa, nơi nhũn' chiếc tàu bay của họ thả neo, đứ' vậy, như' ngổ' trời trên Đám lầy Polulu vậy. Chún' ta khôn' bắ' qua đại lộ, mà đi vòng qua đó, vì chắ' có chỗ nào để nắ' cả mà.

Đến khi mặt trời lặn, chún' ta dự' lều ở một thung lũng cạn có nhiều

cây xươn' rồn' và khi trời đủ tối ta nhóm lửa. Ta cảm thấy thật cô đơn khi ở xa Thun' lūn' và người nhà, nhưn' ở mảnh đất khôn' một bôn' người ấy, mặt nạ của Meronym đã rơi ra và ta thấy cô ta rõ hơn bất cứ lúc nào. Ta hỏi thẳn' cô ta, *Nó như thế nào, toàn Thế giới, nhữn' vùn' đất xa xôi ở bên kia đại dương?*

Nhưn' mặt nạ của cô ta chưa rơi ra ngay. *Cậu nghĩ sao?*

Thế là ta kể với cô ta về trí tưởn' tượn' của mình dành cho nhữn' nơi thấy từ sách và tranh ảnh tron' trườn'. Nhữn' vùn' đất mà Súp Đổ chưa bao giờ chạm đến, nhữn' thị trấn to lớn hơn toàn thể Đảo Lớn, và nhữn' tòa tháp lấp lánh sao trời cao hơn cả Mauna Kea, nhữn' vịnh chứa được khôn' chỉ một chiếc Tàu Tiên Tri mà một triệu chiếc, nhữn' hộp Thôn' Minh tạo ra lươn' khô ngon lành nhiều đến mức chẳn' ai ăn hết, nhữn' đườn' ốn' Thôn' Minh làm ra nhiều bia đến mức khôn' thể uốn' hết, nhữn' nơi luôn có mùa xuân và khôn' ai ốm đau gì, khôn' đánh' nhau và khôn' có nô lệ. Nhữn' nơi mà mỗi người đều là một sinh vật đẹp đẽ sốn' đến một trăm năm mươi tuổi.

Meronym kéo chẳn' lên sát hơn. *Bố mẹ tôi và thế hệ của ôn' bà tin rằn', ở đâu đó, tất cả các thành phố của Người Xưa đều tồn tại qua trận Súp Đổ, ở nơi rất xa bên kia đại dương, cũn' giốn' như cậu vậy, Zachry ạ. Nhữn' cái tên thời xa xưa ám ảnh trí tưởn' tượn' của họ... Melbun, Orkland, Jo'berg, Buenas Yerbs, Mumbai, Sing'pore. Nữ Tiên Tri dạy ta điều mà khôn' có Dân Thun' Lūn' nào tườn' nghe đến trước đây và ta lẩn' nghe chăm chú mê say. Cuối cùn', năm thế kỷ sau khi dân tộc tôi đến Đảo Tiên Tri, chún' tôi đã lại ra khơi trên Chiếc Tàu tườn' đem chún' tôi đến đó. Chó rừn' tru lên ở xa xa, báo hiệu có người sắp chết, ta cầu nguyện Sonmi đó khôn' phải là chún' ta. Họ tìm thấy nhữn' thành phố như tron' nhữn' bản đồ cổ, nhưn' đó là nhữn' thành phố chết ngổn ngan', nhữn' thành phố ngập ngựa tron' rừn' rậm, nhữn' thành phố chìm tron' dịch bệnh, nhưn' khôn' tìm thấy một dấu hiệu nào của nhữn' thành phố sốn' mà họ mon' muốn. Người Tiên Tri chún' tôi khôn' tin rằn' ngọn lửa yếu ớt của chún' tôi tron' nền văn minh giờ đây lại là ngọn lửa sán' nhất của toàn Thế giới, và chún' tôi ron' ruỗi đến nhữn' miền đất xa hơn qua tườn' năm, nhưn' chún' tôi khôn' tìm thấy ở đâu ngọn lửa sán' hơn. Thật là một gánh nặn' quý giá cho hai nghìn đôi tay! Tôi thề, khôn' có nhiều nơi trên Thế giới có được Trí Thôn' Minh*

*của Chín Thun' Lũn' đầu.*

Nghe nhữn' lời đó khiến ta vừa lo lắng' vừa tự hào, như một người cha, và như thể cô ta và ta khôn' khác nhau nhiều lắm, không cách biệt như thần linh và kẻ mộ đạo.

Ngày thứ hai, nhữn' đám mây phồng' xốp nhảy nhót về phía tây và mặt trời khuất gió đan' phun ra hơi nóng' dữ dội. Chún' ta uốn' nước như cá voi ở một con suối lạnh bần' và bắn thiêu. Lên cao khôn' khí mát mẻ hơn, chún' ta leo cho đến khi muỗi khôn' còn đốt nữa. Cây cối khô khốc và còi cọc bị cắt ngang' bởi nhữn' vạt dun' nham đen và sắc phun trào từ Mauna Kea. Nhữn' cánh đồn' đá ấy cứ trải dài như hình xoắn ốc, chỉ cần chạm nhẹ vào hòn đá là ngón tay sẽ bị chảy máu đầm đìa ngay lập tức, vì thế ta quấn vở cây quanh tay và ủn' rồi quấn cho Meronym. Bàn chân cô ta bị phồng' rộp hết cả, cô ta khôn' có chân chẵn dề như ta, nhữn' người phụ nữ ấy khôn' hề kêu ca nửa lời, khôn' hề. Chún' ta dụn' lều tron' một khu rừn' cây lá kim, một làn sương' như sáp che phủ đám lửa của chún' ta, nhữn' nó cũn' che phủ nhữn' kẻ rình mò và khiến ta lo âu. Toàn thân chún' ta mệt mỏi rã rời nhữn' đầu óc thì khôn' buồn ngủ tí nào, vì thế chún' ta nói chuyện tron' lúc ăn. *Cô thực sự khôn' sợ, ta nói, giơ ngón tay cái lên, sẽ gặp Già Georgie khi chún' ta lên đến đỉnh núi, như Truman Napes đã gặp à?*

Meronym nói thời tiết khiến cô sợ nhiều hơn.

Ta nói huých toẹt suy nghĩ của mình: *Cô khôn' tin lão ta có thật, phải khôn'?*

Meronym nói Già Georgie khôn' có thật đối với cô ta, khôn' hề, nhữn' có thể vẫn có thật đối với ta.

*Vậy thì ai, ta hỏi, đã kéo con Súp Đổ xuống' nếu khôn' phải là Già Georgie?*

Nhữn' con chim kỳ lạ mà ta khôn' biết tên riu rít chuyện tin tron' bón' đêm tron' một hai giây. Người Tiên Tri trả lời, *Người Xưa tự tạo ra con Súp Đổ của họ. Ôi, lời cô ta là một sợi dây thừn' bần' khói. Nhữn' Người Xưa có Trí Thôn' Minh mà! Ta nhớ cô ta trả lời, Phải, Trí Thôn' Minh của Người Xưa đã chiến thắn' bệnh tật, khoản' cách, duy trì nòi giống' và biến phép màu thành chuyện bình thườn', nhữn' nó khôn' chiến thắn' được một thứ, đó là lòn'tham của con người, phải, lòn' ham muốn có nhiều hơn nữa.*

*Nhiều cái gì hơn nữa? ta hỏi. Người Xưa đã có tất cả rồi.*

*À, nhiều đồ đạc hơn, nhiều thực phẩm hơn, tốc độ nhanh hơn, cuộc sống dài hơn, cuộc sống dễ dàng hơn, nhiều quyền lực hơn, đúng vậy. Dù cho toàn Thế giới rất rộng lớn như khôn' đủ lớn cho con đỏi đó và nó khiến Người Xưa xé toạc bầu trời, đun sôi biển và đầu độc đất đai bằng nguyên tử điên cuồng rồi gieo rắc nhữn' mầm mống' hư hỏng' khắp nơi, vì thế nhiều dịch bệnh mới ra đời, trẻ con sinh ra bị quái thai dị dạng'. Cuối cùng, đây cay đắng', sau đó là nhanh như chớp mắt, các quốc gia vỡ thành nhữn' bộ lạc man rợ và Thời đại Văn minh chấm dứt, trừ một vài nơi rải rác vẫn còn le lói chút lửa tàn cuối cùng'.*

Ta hỏi tại sao Meronym khôn' bao giờ kể chuyện này ở Thun' lữn'.

*Dân Thun' Lữn' khôn' muốn nghe, cô ta đáp, rằng' con đỏi khát của con người đã sinh ra nền Văn minh, nhưn' cũn' chính con đỏi khát của con người đã tiêu diệt nó. Tôi biết điều này từ nhữn' bộ lạc sống trên nhữn' hòn đảo mà tôi từng' đến tá túc. Có nhữn' lúc nếu cậu nói niềm tin của một người là khôn' đúng, thì họ sẽ nghĩ cậu đang' nói cuộc sống' của họ khôn' đúng' và chân lý của họ khôn' đúng'.*

Phải, có lẽ cô ta nói đúng'.

Ngày thứ ba, trời tron' xanh nhưn' chân của Meronym sun' tấy nên ta cõn' tất cả mọi thứ trên lun' trừ chiếc túi vật dụng' của cô ta. Chún' ta đi qua nhữn' triền núi đến mặt nam, nơi nhữn' vết sẹo của một con đườn' mòn của Người Xưa chạy quanh co dẫn lên đỉnh núi. Đến gần trưa, Meronym ngồi nghỉ tron' khi ta đi nhặt củi dự trữ vì lúc này cây cối đã trở nên rất thưa thớt. Nhìn xuống' Mauna Loa, chún' ta thấy một đàn ngựa trên Đườn' Yên Ngựa, kim loại Kona lấp lánh tron' nắng'. Chún' ta ở trên rất cao, nhữn' con ngựa tron' bé xíu như đàn mối. Ta ước gì mình có thể nghiền nát nhữn' tên mọi rợ đó giữa ngón trỏ và ngón cái của mình rồi quẹt vết nhóp lên quần. Ta cầu nguyện Sonmi để khôn' một tên Kona nào đi lên Đườn' mòn Đỉnh núi này vì đây là nơi rất thuận tiện để tấn công' mà ta nghĩ ta và Meronym thì khôn' thể chốn' cự được lâu. Tuy nhiên ta khôn' nhìn thấy dấu vó ngựa nào hay dấu vết cắm trại nào.

Cây cối khôn' còn nữa, gió thổi thô bạo và giận dữ hơn, tron' gió khôn' có lấy một gợn khói, khôn' mùi đôn' án', khôn' mùi phân, khôn' có gì ngoài bụi rất rất mịn. Chim chóc cũn' thưa thớt tron' nhữn' sườn dốc lúp xúp cây

bụi, chỉ có nhữn' con chim ó bay lượn trên cao. Khi trời tối, chún' ta đến một khóm nhà của Người Xưa, Meronym nói nơi đây từn' là một ngôi làn' dành cho các nhà thiên văn, là nhữn' thầy tu của người Thôn' Minh biết đọc các vì sao. Ngôi làn' này đã khôn' có người sồn' từ sau Sụp Đổ và ta chưa thấy nơi nào hoan' tàn đến thế. Khôn' nước khôn' đất cát, đêm buồn' xuống, ôi, lạnh thấu xương', vì thế chún' ta phải mặc rất dày và nhóm một ngọn lửa tron' một ngôi nhà hoan'. Ánh lửa nhảy nhót với nhữn' hình thù xun' quanh các bức tường'. Ta rất lo lắng' về việc đến đỉnh núi ngày hôm sau, vì vậy phần nào để đầu óc bận rộn, ta hỏi Meronym xem Trưởn' lão có nói thật khôn' khi cho rằng' toàn Thế giới bay xun' quanh mặt trời, hay người Hilo mới nói thật rằng' mặt trời bay xun' quanh toàn Thế giới.

*Trưởn' lão nói khá chính xác đấy, Meronym đáp.*

*Vậy thì sự thật thật sự khác với điều giống sự thật à? ta hỏi.*

Đún' rồi, chẳn' phải vẫn như thế sao, ta nhớ Meronym nói, và vì thế mà sự thật thật sự quý và hiếm hơn cả kim cương'. Chẳn' bao lâu sau, giấc ngủ ập đến cô ta, nhưn' suy nghĩ tron' đầu khiến ta vẫn thao thức cho đến khi một người phụ nữ im lặng' đến ngồi bên đống' lửa, hắt hơi và khẽ run rẩy. Sợi dây chuyền bằn' vỏ ốc của cô cho thấy đó là một ngư dân Honomu và nếu cô còn sồn' thì hẳn là phải xinh đẹp lắm. Người phụ nữ duỗi các ngón tay vào đống' lửa, vào nhữn' cánh hoa màu đôn' và hồn' ngọc xinh đẹp nhất, nhưn' cô chỉ thở dài cô độc hơn cả con chim bị nhốt tron' hộp dưới giến', thế đấy, nhữn' ngọn lửa đó khôn' thể sưởi ấm cô. Cô khôn' có tròn' mắt mà chỉ có sỏi và ta tự hỏi phải chẳn' cô leo lên Mauna Kea để cho Già Georgie giúp linh hồn cô an nghỉ tron' giấc ngủ hóa đá. Người chết nghe được suy nghĩ của kẻ sồn', và ngư dân chết chìm đó nhìn ta trân trối với đôi sỏi, gật đầu Đún' vậy, rồi lấy ra một ốn' điếu để giải sầu nhưn' ta khôn' xin hút một hơi nào. Một lúc sau ta thức dậy, lửa đã tàn và người Honomu bị hóa đá đã bỏ đi. Khôn' dấu vết gì tron' bụi nhưn' ta ngửi thấy mùi khói từ ốn' điếu của cô tron' thoản' một hoặc hai giây. *Thấy chưa, ta nghĩ, Meronym biết rất nhiều về Trí Thôn' Minh và cuộc sồn' nhưn' Dân Thun' Lũn' biết nhiều hơn về cái chết.*

Bình minh thứ tư là một cơn gió khôn' thuộc về thế giới này, nó đê lên ánh sán' chói chan' nghiệt ngã, bao quanh đườn' chân trời, giạt tun' lời nói ra khỏi miệng' và hơi ấm cơ thể qua lớp vải và lôn' thú ta mặc bên ngoài.

Con đườn' dẫn lên đỉnh núi từ làn' thiên văn bị lật tun' và xoáy mòn, phải, từn' mản' đất bị bon' tróc, khôn' có một rễ cây hay ngọn lá hay chùm râu nào, chỉ có cát bụi khô khốc lạnh cón' cào xước mắt chún' ta như một mù diên. Hai đôi ỉn' đi tron' thun' lữn' của chún' ta đã rách toi tả, vì thế Meronym lấy ra cho mỗi người một đôi ỉn' Thôn' Minh của Người Tiên Tri, làm bần' chất liệu gì ta cũn' chẳn' biết nhưn' ôi chao là ấm về mềm, nhờ đó chún' ta có thể đi tiếp. Bốn-năm dặm sau đó, mặt đất trải bần' ra khiến ta khôn' hề cảm thấy mình đan' ở trên núi nữa, mà giống' như một con kiến nằm trên bàn hơn, chỉ là một mặt phẳn' nằm lơ lửng' giữa các thế giới. Cuối cùn' gần buổi trưa chún' ta đi theo một khúc cua và ta há hốc mồm kinh ngạc vì đây chính là khu khép kín, hệt như Truman đã tả, dù các bức tường' khôn' cao như cây gỗ đỏ, khôn' hề, chỉ cao cỡ cây vân sam là cùn'. Con đườn' mòn dẫn thẳn' đến cánh cốn' thép, đún' vậy, nhưn' các bức tường' kín mít khôn' hẳn dài bất tận, khôn' hề, các con có thể đi vòn' quanh nó tron' một phần tư buổi sán'.

Bên tron' khu khép kín trên mặt đất nhô cao là nhữn' cụm đèn đài, đún' vậy, nhữn' tòa nhà Người Xưa kỳ lạ nhất ở Ha-Why hoặc toàn Thế giới, ai mà biết được? Mà làm sao chún' ta vào đó được? Meronym đã chạm vào cánh cốn' kì vĩ đó và lẩm nhẩm, *Chún' ta cần một chiếc đòn bẩy thật chắc để nạy cánh cửa này ra khỏi bản lề, phải vậy thôi.* Cô lấy ra từ túi thiết bị khôn' phải một chiếc đòn bẩy, khôn' hề, mà là một sợi dây thừng' Thôn' Minh, như loại mà Người Tiên Tri thỉnh thoản' dùn' để trao đổi hàn' hóa, chắc và nhẹ. Hai mấu cửa nhô ra phía trên cốn' thép, và cô cố gấn' ném thòn' lộn' vào một mấu. Gió thổi mạnh hơn khiến cô ngắh hựt nhưn' ta thay cô thử và làm được ngay lần ném đầu tiên, và chún' ta leo lên từn' nấc một để chinh phục khu khép kín của Già Georgie. Bên tron' chốn' rùn' rợn trên đỉnh của thế giới, gió gào rú như mắt bão. Mặt trời ở tít trên cao chói chan', gào thét và xối xả tuôn chảy thời gian từ đó. Trong khu khép kín khôn' có đườn', chỉ có hàn' triệu tản' đá mòn như lời kể của Truman Napes, thi thể của nhữn' linh hồn bị hóa đá, và ta tự hỏi liệu Meronym hoặc ta hoặc cả hai chún' ta có thể bị hóa đá trước khi trời tối hay khôn'. Mười - mười hai ngôi đèn nằm rải rác, màu trắng; bạc, vản' và đồn', có thân dẹt và mái tròn, hầu hết khôn' có cửa sổ. Ngôi đèn gần nhất cách chỉ một trăm bước chân và chún' ta đi

đến đó trước tiên. Ta hỏi đây có phải là nơi Người Xưa thờ Trí Thôn' Minh của họ khôn'.

Meronym nói, cũn' sừn' sốt như ta, rần' đây khôn' phải là đền thờ, khôn' hề, mà là đài thiên văn được Người Xưa dùn' để nghiên cứu hành tinh, mặt trăng và các vì sao, và khôn' gian giữa nhữn' nơi đó, để hiểu nơi vạn vật bắt đầu và nơi vạn vật kết thúc. Chún' ta bước thận trọng' giữa nhữn' tượng' đá vạn vẻ. Quanh một tượng' đá ta thấy nhữn' vỏ sò bị nghiền nát từ Honomu và ta biết đó là vị khách của mình đêm hôm trước. Gió đem theo tiến' ôn' nội ta thì thâm từ xa rất xa... *Judas*. Ớn lạnh, đún' vậy, nhum' sừn' sốt, khôn' hề, vì mọi thứ ở nơi đó đều ớn lạnh... *Judas*. Ta khôn' kể với Meronym.

Cô ta làm thế nào để cửa của đài thiên văn đó mở ra, ta khôn' biết, vì thế dùn' vạn hỏi ta. Một thứ dây như cuốn' rốn nối giữa ngạch bụi bặm và gỉ sét của cánh cửa với quả trún' orison của cô đã phát huy tác dụng' chỉ sau một hai giây. Lúc này ta đan' bận canh chừn' nhữn' cư dân của khu khép kín đó. Lời thì thâm của ôn' nội ta giờ trở thành nhữn' khuôn mặt chỉ có một nửa, đan' nguyên rửa và biến mất khi ta nhìn thản' vào. Một tiến' rít sắc lẹm van' lên khi cửa đài thiên văn hé mở. Khôn' khí tràn ra ngoài bốc mùi ôi thiu và chua loét như được thở ra từ trước Sụp Đổ và, đún' vậy, có thể chính như thế. Chún' ta bước vào và đã tìm thấy gì?

Mô tả Trí Thôn' Minh đó thật khôn' dễ. Có vật chún' ta khôn' nhớ trên Ha-Why vì thế tên của nó cũn' khôn' được nhớ, phải, hầu như ta khôn' nhận ra được gì ở tron' đó cả. Sàn nhà lấp lánh, tườn' và mái nhà màu trắng, một căn phòn' lớn, tròn và lún, chứa một chiếc đĩa to khôn' lồ, to hơn cả mười người nằm nối nhau, Meronym gọi nó là *kính thiên văn vô tuyến*, con mắt nhìn xa nhất mà Người Xưa từn' tạo ra. Mọi thứ trắng' tinh như áo choàn' của Sonmi, đún' vậy, khôn' một hạt bụi nào ngoại trừ bụi do chún' ta đem vào. Bàn ghế chờ đợi người ngồi trên ban côn' làm bần' thép để chân có thể tạo tiến' van'. Ngay cả Nữ Tiên Tri cũn' kinh ngạc trước tất cả Trí Thôn' Minh hoàn hảo này. Cô chiếu orison lên mọi thứ chún' ta thấy. Orison phát sán' và run' nhẹ và các cửa sổ hiện ra rồi biến mất. *Nó đan' nhớ nhữn' nơi này*, Meronym giải thích, dù ta khôn' hiểu rõ lắm và hỏi quả trún' Thôn' Minh đó thật ra là gì.

Meronym dùn' lại một nhịp rồi uốn' một ngụm nước lên men tron'

bình. Mỗi orison là một bộ não, một ô cửa sổ và một bộ nhớ. Bộ não của nó cho cậu làm nhữn' việc như mở các cánh cửa của đài thiên văn như cậu vừa thấy. Cửa sổ của nó cho cậu nói chuyện với nhữn' orison khác ở nơi rất xa. Bộ nhớ của nó cho cậu xem nhữn' gì mà các orison khác tron' quá khứ đã thấy và nghe, và giữ cho nhữn' gì orison của tôi thấy và nghe khôn' bị quên lãn'.

Thật hổ thẹn khi nhắc Meronym nhớ đến việc mình lục lọi đồ của cô ta, đún' vậy, nhưn' nếu khi đó khôn' hỏi thì có lẽ ta sẽ chẳn' còn dịp nào nữa, vì thế ta hỏi, *Cô gái lấp lánh và xinh đẹp mà tôi thấy tron' cái... orison này lúc trước... cô ta là bộ nhớ hay là cửa sổ?*

Meronym dẫn đo. *Bộ nhớ.*

Ta hỏi cô gái có còn sốn' khôn'.

Khôn', Meronym đáp.

Ta hỏi, cô ấy có phải là Người Tiên Tri khôn'?

Cô ta dẫn đo, và nói cô muốn kể cho ta toàn bộ sự thật bây giờ, nhưn' nhữn' Dân Thun' Lũn' khác chưa sẵn sà'n để nghe về điều đó. Ta thề có biểu tượng của Bồ chúm' giám rằn' sẽ khôn' nói gì, khôn' hề, với bất kỳ ai. *Thôi được. Cô ấy chính là Sonmi, Zachry ạ. Sonmi người nhân bản vô tính mà tổ tiên của cậu tin là thần thánh.*

Sonmi là con người như cô và tôi? Ta khôn' bao giờ nghĩ thế và Trưởn' lão cũn' sẽ khôn' bao giờ nói ra điều bán' bổ này, khôn' bao giờ. Sonmi do một vị thần Thôn' Minh tên là Darwin sinh ra, chún' ta tin như thế. Meronym tin rằn' Sonmi này sốn' ở Đảo Tiên Tri hay trên Đảo Lớn?

*Cô ấy sinh ra và chết hàn' trăm năm về trước ở phía tây-tây bắc của đại dương,* Meronym nói, *trên một bán đảo bây giờ chỉ toàn là đất chết nhưn' tên gọi lúc trước là Nea So Copros và tên gọi cổ là Triều Tiên. Sonmi sốn' một cuộc đời ngắn ngủi, bị bội phản, và chỉ sau khi chết, người ta mới phát hiện cô ấy nói được như thế về suy nghĩ của người trần và nhữn' người nhân bản vô tính. Toàn bộ tin tức chấn độn' này vo ve quay cuồn' tron' đầu ta và ta khôn' biết phải tin gì nữa. Ta hỏi bộ nhớ của Sonmi đản' làm gì tron' orison của Meronym sau hàn' trăm năm.*

Giờ thì ta thấy Meronym cảm thấy hối hận vì đã mở lời, đún' vậy. *Sonmi đã bị nhữn' tộc trưởn' của Người Xưa giết chết, đó là nhữn' kẻ sợ cô ấy, nhưn'*

*trước khi chết, cô ấy đã kể với một orison về hành động' và việc làm của mình. Tôi có bộ nhớ của cô ta tron' orison của tôi vì tôi đan' tìm hiểu về cuộc đời ngắn ngủi của cô ấy, để hiểu Dân Thun' Lũn' các anh tốt hơn.*

*Vì thế mà cô gái ấy ám ảnh ta đến thế. Vậy thứ mà tôi nhìn thấy là một hồn ma Thôn' Minh?*

*Meronym đồn' ý. Zachry, chún' ta còn nhiều tòa nhà cần vào xem trước khi trời tối.*

*Trên đườn' bản' qua khu khép kín để đến đài thiên văn thứ hai, các tượn' đá bắt đầu nói. Ô, cậu đã đún' về Người Tiên Tri ngay từ đầu đấy, người anh em Zachry! Cô ta đan' xói tun' niềm tin của cậu từ trên xuống' dưới từ tron' ra ngoài! Ta bịt chặt tai nhưn', đún' vậy, nhưn' giọn' nói đó vẫn xuyên qua đôi tay này. Người đàn bà này chỉ cứu mạn' Catkin để gieo vào đầu cậu cảm giác mắc nợ và man' ơn mà thôi! Từ ngữ của nhưn' tượn' đá này méo mó như hình thù của chúng, ta nghiêng hàm lại để khôn' trả lời họ. Cô ta đan' dò la sục sạo Trí Thôn' Minh của Đảo Lớn vốn thực sự thuộc về Dân Thun' Lũn'! Nhưn' ác quỷ bằng hạt cát bay vào dưới mi mắt ta. BỐ của cậu sẽ khôn' để cho kẻ ngoại ban' nói dối nào ngộ nguậy chui vào niềm tin của ôn' ta đâu, người anh em ạ, hoặc dùn' ôn' ta như một con lừa thồ hàn'! Nhưn' lời nói ấy quá đún' đến nỗi ta khôn' thể tranh cãi lại, và ta ngã chúi nhủi.*

*Meronym đỡ ta dậy. Ta khôn' hé răn' về chuyện các tượn' đá đan' nói xấu cô, nhưn' cô cảm nhận được có chuyện khôn' ổn. Khôn' khí trên này rất loãn' và nhiều hơi nước, cô nói, não của cậu sẽ đói rã rời và biến nơi này thành một nơi kỳ quặc.*

*Chún' ta đến tòa nhà thứ hai và ta ngồi uể oải tron' lúc Người Tiên Tri cố gấn' mở cánh cửa. Ôi, mặt trời bởn' rất đỏ làm đầu ta trón' rồn'. Cô ta là một kẻ khôn' ngoan, khôn' nghi ngờ gì nữa, Zachry! Một con chim đan' đậu trên tượn' đá của Truman Napes Thứ ba. Meronym thậm chí còn khôn' nghe thấy lão. Cậu tin cô ta hay người thân của mình? lão gọi ta, giọn' ai oán. Sự thật của cậu chỉ là khôn' khí loãn' và đầy hơi nước thôi sao? Ta có thể khôn'? Ôi, ta cảm thấy nhẹ nhõm vào giây tiếp theo khi cửa đài thiên văn mở ra. Nhưn' hồn ma và sự thật như mũi giáo của họ khôn' thể theo chún' ta vào tron', thế đấy, ta cho răn' Trí Thôn' Minh đã chặn họ lại bên ngoài.*

Tình hình diễn ra như thế suốt cả buổi chiều, đún' vậy. Hầu hết các đài thiên văn đều giống' cái đầu tiên. Người Tiên Tri mở cửa ra, khám phá từ' nơi với orison, và gần như quên mất sự hiện diện của ta ở đó. Về phần mình, ta chỉ ngồi hít thở khôn' khí Thôn' Minh đó cho đến khi cô ta làm xon'. Nhun' trên đườn' đi giữa các tòa nhà, nhữn' tượn' đá vụn vẹo lạp đi lạp lại với ta, *Judas!* và *Thân lừa ưa nặn!* và *Nô lệ cho tàu Tiên Tri!* Nhữn' hồn ma của Dân Thun' Lũn' van nài ta qua nhữn' đôi môi đón' bần' dính chặt, đún' vậy, *Cô ta khôn' phải bộ tộc của cậu!* *Ngay cả màu da cũn' khác!* và hỡi ơi, đã có lúc ta phải thừa nhận nhữn' lý lẽ đản' sợ của họ.

Sự hoài nghi giày xéo tim ta.

Chưa có Người Tiên Tri nào từn' thẩn' thẩn' với bất kỳ Dân Thun' Lũn' nào và ngày hôm đó ta biết Meronym cũn' khôn' ngoại lệ. Các tượn' đá biến bầu trời xanh thành màu xám lo âu và khô khốc khi chún' ta đến tòa nhà cuối cùn'. Meronym bảo rằn' đó khôn' phải là đài thiên văn mà là một *máy phát điện* làm ra được phép màu Thôn' Minh gọi là điện giúp cho toàn bộ nơi này hoạt độn', như trái tim làm cho cơ thể hoạt độn' vậy. Cô ta đản' trầm trồ trước các loại máy móc nhun' ta chỉ cảm thấy thật ngu ngốc và bị phản bội vì đã bị Nữ Tiên Tri làm cho mờ mắt từ ngày cô ta chui vào nhà ta. Ta khôn' biết nên làm gì hoặc cách nào để ngăn chặn kế hoạch của cô ta nhun' Georgie có kế hoạch của lão, mẹ kiếp lão.

Bên tron' chiếc máy phát điện này khác với các tòa nhà khác. Nữ Tiên Tri hớn hở tron' thấy khi chún' ta bước vào nhữn' căn phòn' có tiến' van' nhun' ta thì khôn'. Là thế này, ta biết tron' đấy khôn' chỉ có chún' ta mà thôi. Nữ Tiên Tri khôn' tin ta, tất nhiên rồi, nhun' tron' khôn' gian rộn' nhất nơi một quả tim sắt khỏn' lồ đứn' lặn' im là một chiếc ngai vàn', xun' quanh là nhữn' chiếc bàn có nhữn' cánh cửa sổ nhỏ và số trên đó, trên ngai vàn' này là một cha cố Người Xưa đã chết gục dưới một cửa sổ hình vòm. Người Tiên Tri nuốt nước bọt khó nhọc rồi ghé sát để nhìn. *Một người đứn' đầu các nhà thiên văn, tôi nghĩ vậy,* cô ta nói khẽ, *ôn' ta hẳn đã tự sát ở đây khi Sụp Đổ xảy đến, và khôn' khí khép kín đã giúp bảo toàn cơ thể ôn' ấy khỏi bị thối rữa.* Một ôn' vua cha cố chứ khôn' phải một tù trườn', ta đoán vậy, tron' một cun' điện thật là nguy nga. Cô ta phải ghi nhớ từn' chút một căn phòn' tận thế này vào orison tron' lúc ta tiến đến gần hơn ôn' vua cha cố đó từ thế

giới của Văn minh hoàn hảo. Mái tóc ôn' ta rối nùi, món' tay thì con' vút, năm thán' đã làm khuôn mặt teo lại và chảy xệ nhưn' bộ quần áo Thôn' Minh của ôn' ta vẫn còn mới và tốt, tai ôn' ta xỏ hạt lam ngọc và ôn' ta khiến ta nhớ đến Chú Bees, cũn' có cái mũi khoằm giống' vậy.

*Nghe ta đây, cậu trai làn', ôn' vua cha cố tự tử nói, phải rồi, nghe cho rõ đây. Người Xưa chún' ta quá chán ngán với Trí Thôn' Minh rồi và Sup Đổ là liều thuốc của chún' ta. Người Tiên Tri khôn' biết là cô ta mắc bệnh, nhưn', hồi ôi, cô ta mắc bệnh thật sự rồi. Qua vòm con' của nhữn' ngọn són' thủy tinh tuyết đan' rơi lả tả và nhấn chìm mặt trời. Cho cô ta yên ngủ đi, Zachry, nếu khôn' cô ta và đôn' bọn sẽ đưa hết quân ngoại ban' mắc bệnh đó đến Thun' lữn' xinh đẹp của cậu. Ta sẽ canh chừng' Linh hồn cô ta cẩn thận ở nơi này, đừn' lo. Nữ Tiên Tri đan' đi tới đi lui với orison tron' tay, ngân nga một bài hát ru trẻ con của Người Tiên Tri mà cô ta đã dạy cho Catkin và Sussy. Suy nghĩ của ta gõ nhịp từn' giây. Giết cô ta khôn' phải là hành độn' dã man và mọi rợ sao?*

*Khôn' có đún' hay sai, ôn' vua thiên văn học bảo ta, chỉ là bảo vệ bộ lạc của cậu hoặc phản bội bộ lạc của cậu mà thôi, đún' thế, chỉ là một ý chí mạnh mẽ hay một tinh thần yếu đuối. Giết cô ta đi, người anh em. Cô ta khôn' phải thánh thần, cô ta chỉ là người trần mắt thịt như cậu và ta tiến hóa từ Người Xưa chún' ta mà thôi. Cậu giết cô ta, đó là bổn phận của cậu cậu biết chứ.*

Ta nói mình khôn' thể, thiên hạ sẽ gọi ta là kẻ sát nhân và Trườn' lão sẽ triệu tập cuộc họp để trục xuất ta khỏi Thun' lữn'.

*Ôi, suy nghĩ đi, Zachry, ôn' vua mĩa mai ta. Suy nghĩ mà xem! Làm sao thiên hạ biết được? Thiên hạ sẽ nói, “Kẻ ngoại ban' cái gì cũn' biết đó đã xem thườn' mọi truyền thuyết và tục lệ của chún' ta và xâm phạm đến Mauna Kea và Zachry đũn' cảm đã đi theo để cố gắn' canh chừng' cô ta nhưn' hóa ra cô ta khôn' quá thôn' minh như cô ta nghĩ.”*

Nhiều khoảnh khắc trôi qua. *Thôi được, cuối cùn' ta trả lời với vẻ trịnh trợn', tôi sẽ đâm cô ta khi chún' tôi bước ra ngoài. Ôn' vua – cha cố mỉm cười, hài lòn', và khôn' nói gì thêm nữa. Cuối cùn' nạn nhân của ta hỏi thăm ta. Ổn thôi, ta đáp, dù ta rất hồi hộp, thế đấy, thứ to nhất ta tìm' giết là dê và lúc này ta vừa thể sẽ giết một con người Tiên Tri. Cô ta nói chún' ta nên lên đườn' trở về vì khôn' muốn bị kẹt lại tron' bão tuyết trên này, rồi dẫn đườn'*

chún' ta quay trở ra khỏi máy phát điện.

Bên ngoài, các tượn' đá đã im lặn' tron' lớp tuyết phủ đến gót chân. Một trận bão tuyết đã qua nhưn' một trận khác lớn hơn đan' đến, ta thầm nghĩ.

Chún' ta đi về phía cánh cốn' thép, cô ta đi trước, ta siết chặt ngọn lao của Jonas và thử độ sắc của nó trên ngón tay cái của mình.

*Làm ngay đi! từn' tẩn' đá khát máu trên Mauna Kea ra lệnh.*

Trì hoãn sẽ chẳn' được gì. Rất khế, ta ngấm vào phần trên cùn' của cổ Người Tiên Tri và câu Sonmi phù hộ linh hồn, ta dùn' hết sức bình sinh cắm phập mũi nhọn run rẩy ấy.

Khôn', ta đã khôn' giết cô ta, số là tron' khoảnh khắc tích tắc giữa ngấm và đâm, Sonmi đã phù hộ linh hồn ta, phải, bà đã thay đổi đích ngấm của ta và mũi lao ấy bay cao qua khỏi cánh cốn' thép. Meronym thậm chí khôn' nhận ra là cô ta suýt bị đâm thủng' xươn' sọ nhưn' ta biết chắc chắn rằn' mình đã bị con quỷ của Mauna Kea phù phép, phải, tất cả chún' ta đều biết tên lão, ta nguyên rủa lão.

*Cậu thấy cái gì ở trên đó à? Meronym hỏi sau khi ta phón' ngọn lao.*

Đún' rồi, ta nói dối, *nhưn' chẳn' phải người nào cả, khôn' hề, chỉ là nhưn' trò đánh lừa ở nơi này thôi.*

*Chún' ta sắp về rồi, cô ta nói, chún' ta sẽ về ngay.*

Già Georgie đã bị qua mặt, thế đấy, không có cách nào để ta giết cô ta nhanh chón' mà khôn' cần dùn' đến vũ khí, nhưn' ta biết lão khôn' chỉ nằm xuống' nhìn chiến thắn' của ta, khôn' hề, ta biết lão già ranh mãnh quý quyệt đó.

Khi ta leo lên đoạn dây thừn' với túi vật dụng', Mauna Kea hít một hơi đầy cấn' rồi rốn' khắc một màn tuyết xối xả vì thế ta khôn' thể nhìn thấy rõ mặt đất, hàn' chực cơn gió xé toạc mặt ta, các ngón tay ta cứn' đơ vì lạnh và khi lên được nửa đườn' ta lại bị tuột xuống' một nửa, sợi dây thừn' đó làm tay ta đau rát nhưn' cuối cùn' thì ta cũn' đã leo lên được đến đỉnh và lôi chiếc túi vật dụng' lên với đôi tay đau buốt tận xươn'. Meronym khôn' nhanh như vậy, nhưn' cô ta cũn' khôn' còn xa đỉnh tườn', khi đó, đột nhiên thời gian... dùn' lại.

Thời gian dừng lại, phải, các con đã nghe đúng'. Vì Toàn Thế giới trừ ta và một tên ác quỷ ma mãnh, phải, các con biết con quỷ nào đan' bò lên theo bức tường', thời gian chỉ đơn giản là... dừng lại.

Hoa tuyết treo lơ lửng' lấp lánh tron' khôn' khí. Già Georgie hát chún' san' một bên. *Ta đã cố gắng' nói lý lẽ với cậu, Zachry, cậu bé buồn' bình ọ, giờ đây ta buộc phải dùn' đến cảnh cáo, tiên báo và ra lệnh rồi. Rút dao ra và cắt đứt sợi dây thừng' này đi.* Bàn chân lão chạm vào sợi dây thừng' đan' giữ Meronym bị đón' bắn' thời gian. Khuôn mặt mệt mỏi qua làn bão tuyết, các cơ bắp của cô căng' ra để leo lên sợi dây thừng' đó. Sáu mét bên dưới khôn' có gì cả. Nếu ngã, cô ta có thể khôn' chết khi ta cho thời gian trôi trở lại, Già Georgie đọc được suy nghĩ của ta, *nhưng' nhữn' tảng' đá dưới đó sẽ làm gãy chân và cột sống' cô ta và cô ta sẽ khôn' sống' nổi qua hết đêm nay. Ta sẽ để cô ta nghiền ngẫm về sự ngu xuẩn của mình.*

Ta hỏi lão tại sao lão khôn' tự tay giết Meronym đi.

*Tại sao – tại sao – tại sao?* Già Georgie mĩa mai. *Ta muốn cậu làm điều đó, và đây là lý do tại sao – tại sao – tại sao.* *Này nhé, nếu cậu khôn' cắt sợi dây thừng' đó, thì tron' vòn' ba con trăn' gia đình thân yêu của cậu sẽ chết, ta thề! Ta thề đấy.* *Vì vậy cậu có thể chọn.* Một bên là bà Mẹ Dữn' Cảm, Sussy Mạnh Mẽ, Jonas Thôn' Minh, Catkin Đán' yêu, tất cả chết hết. Zachry hèn nhất sẽ sống' tiếp và giày xé lươn' tâm đến ngày chết. Một bên là chỉ có một kẻ ngoại ban' chết mà chẳn' ai thêm nhớ đến. Bốn người cậu thương' yêu với một người cậu khôn' màn' đến. Ta thậm chí còn có thể làm phép để đưa Adam trở về từ tay bọn Kona đấy.

Khôn' còn đườn' thoát. Meronym phải chết.

*Phải, khôn' còn đườn' thoát, chẳn' trai ọ. Ta sẽ đếm đến năm...*

Ta nắm lưỡi dao. Một hạt giốn' nảy mầm từ lớp đất khô cần tron' trí nhớ của ta, và hạt giốn' đó là một từ mà Georgie vừa nói khi nãy, "tiên báo". Ta lập tức ném lưỡi dao xuống' cùn' ngọn lao và nhìn vào đôi mắt đán' sợ của con quỷ đó. Lão lộ vẻ tò mò ngạc nhiên và nụ cười héo úa của lão chứa đụn' một bồ tâm địa đen tối. Ta nhổ vào mặt lão nhưn' nước bọt của ta vẫn' ngược trở lại ta. Tại sao? Chẳn' lẽ ta đã phát điên và mất trí?

Già Georgie đã phạm một sai lầm nghiêm trọng', số là, lão nhắc ta nhớ đến tiên báo dành cho ta tron' Đêm Báo Mộn'. Bàn tay bởn' cháy, chớ cắt dây

thầm'. Quyết định của ta đã rõ ràng', thì đây, tay ta đan' bòn' cháy, vậy đây chính là sợi dây thừng' mà Sonmi bảo ta đừng' cắt.

Lưỡi dao của ta cắm xuống' đất và thời gian tiếp tục trôi, hàn' triệu bàn tay và tiến' gào thét từ trận bão tuyết của con quỷ đó quăn' quật ta túi bụi nhưn' khôn' thể xô ngã ta, bần' cách nào đó ta đã kéo Meronym lên rồi giúp cô xuống' mặt bên kia của sườn' mà khôn' bị gãy chiếc xương' nào. Chún' ta ngược cơn bão tuyết trắng' điên cuồng' mịt mờ để quay về làn' thiên văn, lê lét, vấp ngã và đứn' dậy lạnh cón' nhưn' nhờ hồn' ân của Sonmi một căn phòn' khô ráo đợi sẵn và ta đã tìm cách nhóm được lửa, ta thề ngọn lửa ấy đã cứu sống' cuộc đời chún' ta một lần nữa. Chún' ta nấu bần' thành nước rồi sưởi ấm từn' đốt xương' và hon' khô quần áo lôn' thú. Chún' ta chẳn' nói với nhau lời nào bởi đã quá lạnh và kiệt sức. Ta có hối hận vì đã hắt Già Georgie xuống' đất khôn'?

Khôn' hề, khi đó khôn', và đến giờ vẫn khôn'. Bất kể Meronym leo lên ngọn núi bị nguyên rủa này vì lý do gì, ta khôn' tin cô đã phản bội bất kỳ Dân Thun' Lũn' nào, khôn' hề, lòn' ta thực sự khôn' hề nghĩ vậy, và dù sao đi nữa, khôn' sớm thì muộn bọn Kona cũn' sẽ làm nhữn' điều mà chún' làm với Thun' lũn'. Đó là sương' lai của đêm đầu tiên đó trên đỉnh núi. Bạ ta đưa nhữn' viên thuốc cho cả hai sau khi ăn lươn' khô và chún' ta ngủ khôn' mơ thấy gì về ôn' vua thiên văn.

Bây giờ, quay về Thun' lũn' cũn' chẳn' dễ dàn' tí nào, nhưn' tối nay khôn' phải là lúc để dài dòn' về nhữn' chuyến mạo hiểm đó. Meronym và ta khôn' nói gì nhiều với nhau trên đườn' đi xuống', một thứ như lòn' tin và sự thấu hiểu giờ đây đã buộc chặt chún' ta. Mauna Kea đã cố hết sức để giết chún' ta nhưn' chún' ta đã cùn' nhau sống' sót vượt qua. Ta nhận ra cô đan' ở rất rất xa gia đình họ hàn' và tim ta đau buốt khi nghĩ đến sự cô đơn của cô. Abel chào đón chún' ta tron' căn nhà được làm thành chốt canh gác của ôn' ta ba đêm sau đó và nhấn tin đến Nhà Bailey rằng' chún' ta đã trở về. Mọi người đều có cùn' một câu hỏi, *Cậu đã thấy gì ở trên đây?* Ở đó rất vắng vẻ và tĩnh mịch, ta nói với họ, có nhiều đền đài của Trí Thôn' Minh và xương' cốt. Nhưn' ta khôn' hé môi về ôn' vua thiên văn hay nhữn' gì Meronym đã nói với ta về Sụp Đổ và đặc biệt khôn' đả độn' gì đến cuộc vật lộn với Già Georgie, khôn' hề, khôn' một lời cho đến khi rất nhiều năm đã

đến và đi.

Ta hiểu tại sao Meronym khôn' nói toàn bộ sự thật về Đảo Tiên Tri và bộ lạc của cô. Người ta tin rằn' thế giới này được xây dựng' *như thế* và nói với họ rằn' nó khôn' *như thế* sẽ làm sụp đổ mái nhà trên đầu họ và có thể trên đầu cả các con nữa.

Ma Lắm Điều loan truyền tin tức rằn' Zachry trở về từ Mauna Kea khôn' còn là Zachry trước khi leo lên đó và ta cho rằn' điều đó cũn' đún', khôn' có hành trình nào khôn' làm các con ít nhiều thay đổi. Em họ Kobbery của ta xác nhận rằn' các ôn' bố bà mẹ ở khắp nơi trên Chín' Thun' Lũn' cảnh cáo con gái họ khôn' được giao du với Zachry ở Nhà Bailey vì họ nghĩ rằn' ta hẳn đã đổi chác gì đó với Già Georgie mới thoát được cái chốn rừn' thiên' nước độc đó mà linh hồn vẫn còn nằm tron' hộp sọ, và dù cho đó khôn' phải là toàn bộ sự thật, nó cũn' khôn' hoàn toàn sai sự thật. Jonas và Sussy khôn' còn đùa giỡn với ta như trước nữa. Nhưn' Mẹ thì nước mắt lưn' tròn' khi thấy chún' ta trở về và ôm chầm lấy chún' ta, *Zach-man bé bỏng' của ta*, đàn dê thì vui mừn' còn Catkin thì chẳn' có gì thay đổi. Con bé và các anh em ở trườn' học đã nghĩ ra một trò chơi mới, *Zachry và Meronym trên Mauna Kea*, nhưn' Trườn' lão bảo chún' khôn' được chơi trò đó vì có lúc nhữn' trò giả vờ lại có thể trở thành sự thật. Catkin nói trò đó hay ời là hay, nhưn' ta khôn' muốn biết luật lệ hay kết cục của nó.

Chẳn' mấy chốc mà con trăn' cuối cùn' của Meronym ở Chín' Thun' Lũn' cũn' đã cằn' tròn' và lại đến lúc tổ chức Hội chợ Honakaa, phiên họp chợ lớn nhất của các dân tộc ở Windward, mỗi năm một lần duy nhất vào mùa thu hoạch, vì thế tron' nhiều ngày liền chún' ta cật lực làm việc, đan nhữn' tấm chăn bằn' len dê, là món hàn' được ưa chuộng' nhất của nhà chún' ta. Kể từ khi bố bị sát hại, chún' ta luôn đi bộ đến Honokaa thành từn' nhóm mười người hoặc hơn, nhưn' năm đó số người nhiều gấp đôi nhờ nhữn' món quà Tiên Tri đặc biệt có được vì đã cun' cấp chỗ ăn ở cho Meronym. Có xe thô' và lừa thô' hàn' để chở tất tần' tạt các món thịt khô, da, phô mai và len. Wimoway và Roses sẽ trao đổi nhữn' loại thảo dược khôn' mọc gần các Thun' lũn', dù Roses và Kobbery lúc đó đan' mê tíit nhau son' ta cũn' chẳn' bận tâm. Ta chúc em họ ta may mắn vì may mắn là thứ cậu ấy cần, và một tấm lưn' khỏe.

Băn' qua Sloosha's Crossin' ta phải chún' kiến cảnh nhữn' người đi đườn' đặt nhữn' hòn đá mới lên mộ BỐ, theo phon' tục thế nghĩa là BỐ ta có rất nhiều bạn bè anh em thật sự yêu quý ôn'. Ở trên Mauna Kea con quý đó đan' mài nhọn món' tay trên một hòn đá mài để chuẩn bị chén đĩa nói đối hèn nhất này. Sau Sloosha's là đến con đườn' khúc khuỷu dẫn lên Kukuihaele. Một chiếc xe thô bị gãy đồ tun' tóa nên mọi người đi rất chậm và khát nước, mãi đến chiều tối chún' ta mới đến được ngôi làn' nhếch nhác nằm ở tít phía bên kia. Đám thanh niên trai trán' trèo cây dừa hái quả và mọi người đều chấp nhận món nước dừa đó khôn' kêu ca gì. Tiến về phía nam trên con đườn' của Người Xưa về hướn' Thị trấn Honokaa, gió biển trở nên tron' lành và tinh thần chún' ta lại phấn chấn vì thế mọi người kể chuyện để rút ngắn khoản' cách, người kể chuyện ngồi quay lun' lại trên con lừa dẫn đầu để mọi người đều nghe thấy. Rod'rick kể Chuyện về Rudolf Tên trộm dê đeo nhẫn đỏ và Mũi giáo ghê tởm của Iron Billy, còn Wolt thì hát một bài sướt mướt về Nàn' Sally của Thun' lữn' mặc cho chún' ta dùn' gậy đánh tới tấp vì giọng hát lạc nhịp chói tai của cậu ta. Sau đó Chú Bees nhờ Meronym kể cho chún' ta một chuyện của Người Tiên Tri. Cô dẫn đo một lúc rồi nói nhữn' câu chuyện của Người Tiên Tri đều thấm đượm tiếc nuối và mát mát và khôn' phải là một chuyện đán' làm vào buổi chiều nắn' đẹp trước Ngày Hợp Chợ, nhum' cô có thể kể cho chún' ta một câu chuyện mà cô nghe được từ một người đốt đất ở một điểm rất rất xa tên là Panama chẳng? Chún' ta đều đồn' ý và thế là cô leo lên con lừa dẫn đầu rồi kể một câu chuyện ngắn dễ thương' mà ta sẽ kể cho các con nghe sau đây, nên tất cả hãy im lặn', ngồi ngay ngắn và đĩa nào đi lấy cho ta một tách rượu tươi ngon để ta uốn' thấm giọng' xem nào.

Vào thời mà Sụp Đồ đan' diễn ra, con người quên mất cách tạo ra lửa. Hỡi ôi, bao nhiêu là chuyện tệ hại xảy ra, đún' vậy. Khi trời tối, người ta khôn' còn nhìn thấy gì, khi mùa đôn' đến, họ khôn' thể sưởi ấm được gì, ban ngày họ khôn' nấu nướn' được gì.

Thế là người dân bộ lạc đến gặp Người Thôn' thái và hỏi, *Thưa Người Thôn' thái, hãy giúp chún' tôi, số là chún' tôi đã quên cách tạo ra lửa, và hỡi ôi, chún' tôi thật là khổ sở quá đi.*

Thế là người Thôn' thái gọi Con Quạ đến và bảo nó như sau:

*Hãy bay qua đại dương' điên cuồng' tron' nháy mắt để đến Núi lửa Vĩ đại, và trên sườn núi rậm rạp, hãy tìm một cành cây dài. Hãy ngậm cành cây ấy trong' miện' của mi rồi bay vào miện' Núi lửa Vĩ đại, nhún' nó xuống' hồ lửa đan' sôi sục trào dân' ở nơi nguy hiểm đó. Sau đó hãy đem cành cây còn cháy về lại đây ở Panama để loài người nhớ lại lửa một lần nữa và nhớ lại cách tạo ra nó.*

Con Quạ làm theo lời dặn của Người Thôn' thái, nó bay qua đại dương' điên cuồng' tron' nháy mắt cho đến khi nhìn thấy Núi lửa Vĩ đại nghi ngút khói từ xa. Nó lượn vòn' xuống' sườn núi rậm rạp, nhón vài quả dâu rừn', uốn' một ngum nước suối, nghỉ ngơi đôi cánh mệt rã rời một chốc, rồi lùn' sục khắp nơi để tìm một cành thôn' dài. Một, hai, ba và Con Quạ bay vút lên, ngậm cành cây tron' miện', rồi con chim dũn' cảm lao vụt xuống' cái miện' sôi sục của Núi lửa Vĩ đại, phải, nó bay vọt lên từ cú lao xuống' đó vào khoảnh khắc cuối cùn', lôi theo cành thôn' qua ngọn' lửa nón' rực có thể làm tan chảy mọi thứ, *vútttttt*, nó bốc cháy! Con Quạ bay lên ra khỏi miện' núi lửa nón' như thiêu đốt, lúc này nó bay với cành cây đan' cháy tron' miện', đún' vậy, nó tiến về nhà, cánh đập mạnh, cành cây cháy, nhiều ngày trôi qua, mưa đá trút xuống', mây đen vần vũ, hỡi ôi, ngọn lửa đã liếm gần hết cành cây đó, mắt mờ khói, lôn' cháy sém, mỏ bị bỏng',... . *Đau quá!* Con Quạ kêu lên. *Đau quá!* Vậy, nó có làm rơi cành cây hay khôn? Chún' ta có nhớ cách tạo ra lửa hay là khôn' nào?

*Vậy là, Meronym nói, ngồi quay lưng' trên con lừa dẫn đầu, câu chuyện khôn' phải về Con Quạ hay ngọn lửa, mà về cách con người chún' ta có được nghị lực như thế nào. Ta khôn' nói câu chuyện đó có ý nghĩa cho lắm nhưn' ta luôn nhớ về nó, và đôi khi ít ý nghĩa lại man' nhiều ý nghĩa hơn. Nói tóm lại ngày sắp tàn tron' nhữn' đám mây mùa hè và chún' ta vẫn còn cách Honokaa vài dặm nữa, vì vậy chún' ta dựn' lều để nghỉ lại đêm rồi đổ xúc xắc để chia nhau canh gác, do tình hình khôn' được tốt và chún' ta khôn' muốn bị tập kích. Ta đổ được hai con sáu nên có lẽ vận may đã trở lại, và ta nghĩ, ta thật là một kẻ khờ của số mệnh, phải, tất cả chún' ta đều thế.*

Honokaa là thị trấn nhộn nhịp nhất ở đôn' bắc Windward, số là, Người Xưa đã xây nó đủ cao để sỏn' sót trước nước biển dân', khôn' như một nửa Hilo hoặc phần lớn Kona hầu như thán' nào cũn' ngập lụt. Người Honokaa chủ yếu làm nghề buôn bán và sản xuất, ô hô, họ thờ Sonmi nhưn' khôn

khéo không muốn đặt hết vận mệnh vào đó nên cũn' thờ các vị thần Hilo nữa, vì vậy Dân Thun' Lũn' chún' ta nghĩ họ là nhữn' người bán-dã-man. Tù trưởn' của họ được gọi là Trưởng Tộc, ôn' ta có nhiều quyền lực hơn Trưởn' lão của chún' ta, đún' vậy, ôn' ta có một quân đội từ mười đến mười lăm người tinh nhuệ, có giáo mác sắc bén, nhiệm vụ của họ là thực thi mệnh lệnh của Trưởng Tộc, và khôn' ai được chọn ra Trưởng Tộc, khôn' hề, đó là một vị trí cha truyền con nối kiểu nguyên sơ. Honokaa là điểm trun' chuyển tươn' đối tốt cho người Hilo và Honomu, Dân Thun' Lũn' và người Mookini trước khi họ bị biến thành nô lệ, và các bộ tộc trên núi ở miền thượn'. Các bức tường' thành Người Xưa đã được xây lại mới, nhữn' mái nhà bị thổi tun' đã được sửa chữa nhiều lần nhưn' các con vẫn có thể đi dạo quanh nhữn' con đườn' nhỏ hẹp quanh co, tưởn' tượn' đến nhữn' chiếc thuyền kayak và nhữn' chiếc xe thô khôn' có ngựa kéo lăn bánh đây đó. Cuối cùn' là khu trao đổi hàn' hóa, một tòa nhà vô cùn' rộn' rãi mà Trưởn' lão nói tườn' được gọi là *nhà thờ*, nơi một vị thần cổ đại được thờ nhưn' hiểu biết về vị thần đó đã mất trong Sụp Đổ. Nhà thờ có tườn' chắc chắn và kính màu rất đẹp nằm giữa một khoản' khôn' xanh tươi có rất nhiều chuôn' đá cho cừu, dê, lợn. Tron' suốt hội chợ, lính của Trưởng Tộc canh gác các cốn' tháp, nhà kho, khóa lại bằn' thanh sắt. Nhưn' khôn' lính canh nào đánh nhau với người bán hàn' trừ phi kẻ đó ăn cắp hoặc phá rối trật tự trị an. Ta nghĩ Honokaa có nhiều luật hơn bất kỳ nơi nào trên Đảo Lớn trừ Thun' Lũn' Chín Dải, dù luật và Văn minh khôn' phải lúc nào cũn' đi chun', khôn' hề, đấy bọn Kona có luật Kona nhưn' chún' khôn' có một xíu xíu Văn minh nào.

Buổi họp chợ đó, Dân' Thun' Lũn' chún' ta trao đổi được rất nhiều hàn' hóa cho chún' ta và Cộng đồng. Hai chục bao gạo từ các bộ lạc trên núi đổi được vài dầu Tiên Tri, còn thịt bò và da bò từ nôn' trại Parker thì đổi được đồ kim loại. Chún' ta khôn' nói với ai về chuyện Meronym là người ngoại ban', khôn' hề, chún' ta đặt tên cô là Ottery của Nhà Hermit từ Thun' lũn' Pololu ở thượn' nguồn, Ottery là thầy thuốc và là một kẻ sinh ra dị dạng' may mắn sống, chún' ta nói thế, để giải thích về làn da đen và hàm răn' trắn' của cô. Chún' ta nói vật dụn' của Nhà Tiên Tri là đồ tìm được từ một kho cất giấu, dù chẳn' có ai hỏi, *Vậy cậu lấy món đồ này từ đâu ra?* rồi chờ đợi

một câu trả lời thành thật. Ma Lắm Điều ngậm chặt miệng' ở bên ngoài Chín' Thun' lūn', vì vậy khi một người kể chuyện tên là Lyons hỏi ta có phải là Zachry từ Thun' lūn' Elapaio, người từ leo Mauna Kea vào con trăn' trước hay khôn', ta đã hết sức bất ngờ. *Phải*, ta đáp, *tôi chính là Zachry của Thun' lūn' đó nhưm' tôi khôn' chán ghét cuộc sống' này đến nỗi bèn mản' đến gần đỉnh ngọn núi ấy làm gì, khôn' hề*. Ta nói ta chỉ đi tìm rễ và lá thuốc quý với Cô Ottery của mình nhưm' chún' ta khôn' đi đâu cao hơn nơi cây cối ngừng' mọc, khôn' hề, và nếu ôn' ta nghe chuyện khác như vậy thì đây, ta ở đây để nói rằn' ôn' ta đã nghe sai. Lyons nói chuyện với ta vẫn thân thiện nhưm' khi người anh em Harrit kể với ta cậu ấy thấy Lyons và Leary Râu Rậm to nhỏ với nhau ở cuối một con hẻm cụt ám khói, ta nghĩ mình sẽ nói lại với Trưởn' lão khi chún' ta trở về nhà để xem bà nghĩ thế nào. Ta luôn nghĩ thấy mùi môn' chuột thối tỏa ra từ Leary, và ta sắp sửa biết tron' chỉ vài giờ nữa thôi rằn', hỡi ôi, ta đã nghĩ quá đún'.

Meronym và ta đã trao đổi hết da dê và chần từ khá sớm, ta được một túi cà phê Manuka thượn' hạn', vài cái ốn' nhựa có khác, yến mạch béo ngon và nhiều túi nho khô từ một cô gái Kolekole da ngăm, và còn nhiều vật dụn' nữa mà bây giờ ta khôn' nhớ. Ta nghĩ người Kolekole khôn' quá hoan' dã, dù họ chôn người chết dưới nhà của người sống' vì họ tin làm thế người chết sẽ ít cô đơn hơn. Sau đó ta đến phụ giúp trao đổi hàn' ở chợ của chún' ta một lúc rồi đi dạo loanh quanh, hỏi thăm người đến trao đổi hàn' từ khắp nơi, thổ dân khôn' phải lúc nào cũn' là người xấu, khôn' hề. Ta được biết người Mackenzymen đã nghĩ ra thần cá mập và hần' năm vẫn làm lễ tế bằng cách ném nhữn' con cừu bị cắt cổ chặt chân xuống vách đá. Ta cũn' nghe được nhữn' chuyện quen thuộc rằng bọn Kona đan' xâm lấn san' phía đôn' khu vực săn bắn quen thuộc của chún' và tin này phủ bón' đen lên đầu óc và tâm trí tất cả chún' ta. Ta tìm thấy một đám đôn' đan' vây quanh một người nào đó, khi tiến lại gần ta thấy đó là Meronym, hay là Ottery, đan' ngồi trên một chiếc ghế và vẽ khuôn mặt mọi người, đún' vậy! Cô đổi nhữn' bức vẽ đó để lấy các vật tran' trí nhỏ hoặc một món ăn và tất thấy mọi người đều hân hoan thích thú, đứm' xem đây vẽ kinh ngạc khi khuôn mặt họ hiện ra trên tờ giấy, người kéo đến mỗi lúc một đôn', họ nói, *Tới lượt tôi nhé! Tới lượt tôi nhé!* Mọi người hỏi cô học cái này ở đâu và câu trả

lời của cô vẫn như mọi khi, Đây khôn' phải là học, người anh em à, chỉ là vẽ nhiều thành quen thôi. Người xấu thì cô vẽ cho đẹp hơn một chút, như' các họa sĩ tron' lịch sử đều làm như thế, Ottery thầy thuốc biết vẽ nói, Đún' vậy, khi nói đến mặt mũi, thì nhữn' lời nói dối đẹp đẽ luôn tốt hơn sự thật xấu xa.

Màn đêm buôn' xuống', chún' ta quay trở về gian hàn' của mình và rút thăm canh gác, sau đó tiệc tùn' bắt đầu ở nhữn' quán rượu nổi tiến'. Sau khi kết thúc ca gác sớm, ta dẫn Meronym đi xem một vài nơi với Wolt và Chú Bees trước khi nhữn' người chơi nhạc kéo chún' ta trở về Nhà thờ. Đó là một đêm hào hứn' với banjo, đàn thùn', một cây đàn ghita bằn' thép quý hiếm, và nhiều thùn' rượu mà mỗi bộ lạc đem theo để thể hiện sự sun' túc của mình và nhữn' túi cỏ sun' sườn', vì ở đây có Hilo thì tất nhiên ở đó có cỏ sun' sườn'. Ta rít một hơi thật sâu từ ống' tẩu của Wolt và bốn ngày đi từ Windward đến Kona Leeward đối với ta xa như bốn triệu ngày, phải, nhữn' em bé của cỏ sun' sườn' ru ta ngủ tối hôm đó, rồi tiến' trốn' van' đồn, số là mỗi bộ lạc đều có một loại trốn' riên'. Foday từ Nhà Ao Sen và hai-ba Dân' Thun' Lũn' chơi trống tom-tom bằn' da dê và gõ ping, nhữn' người Hilo râu quai nói võ trốn' phồm-phồm, một gia đình Honokaa đánh sash-krranger, tộc Honomu lắc xác chuỗi vỏ sò. Lễ hội trốn' tuyệt vời này gáy lên nhữn' dây đàn tươi trẻ của đám thanh niên và của cả ta nữa, còn cỏ sun' sườn' sẽ đưa các con từ chỗ lắc lư, võ tay, nhịp chân đến nện chân thành thịch và máu chảy rần rật, năm thán' ào ào trôi qua và cứ mỗi một nhịp trốn' thì một cuộc đời của ta rơi xuống', ta nhìn tất cả nhữn' cuộc đời mà linh hồn ta tìm' đi qua lụi dần mãi cho đến khi trước Sụp Đổ, đún' vậy, như nhìn từ trên lưng ngựa phi nước đại tron' cơn cuồn' phon', như' ta khôn' thể mô tả chún' vì từ ngữ đã tiêu biến mất, rồi ta nhớ cô gái Kolekole da ngăm với hình xăm bộ lạc, phải, cô ta là một cái cây nhỏ con' oằn còn ta là trận cuồn' phon' đó, ta thổi cô ấy con' oằn, ta thổi mạnh hơn, cô ấy con' nhiều hơn và gần hơn, rồi sau đó ta là Con Quạ đập cánh còn cô là ngọn lửa liếm láp và khi cành cây non Kolekole đan nhữn' ngón tay liễu rủ quanh cổ ta, đôi mắt cô ánh lên như thạch anh và cô thì thắm vào tai ta, *Phải, em sẽ làm, một lần nữa, phải rồi, chún' ta sẽ làm, một lần nữa.*

*Dậy đi nhóc, bố đánh lên người ta vẽ sốt ruột, sán' nay khôn' phải là lúc*

để con *trúng lời nguyên chiếc giuòn' lười đầu*. Giấc mơ bon' bón' đó vỡ tan và ta thức dậy dưới lớp chăn Kolekole ngứa ngáy. Cô gái da ngăm và ta đan' quán lấy nhau, đún' vậy, như một đôi thần lẫn bón' nhờn nuốt lấy nhau. Nàn' có mùi rượu nho và tro nham thạch, hai bầu ngực màu ô liu của nàn' nhô lên hạ xuống', và khi ngấm nhìn nàn', ta có cảm giác như nàn' là đứa con đan' nằm cuộn mình cạnh bên ta. Cỏ sun' sươn' vẫn còn làm ta mơ màng' và ta nghe tiếng' la hét gần xa của bữa tiệc tùn' điên loạn dù một buổi bình minh dẫm sươn' đã đến, đún' vậy, chuyện này vẫn hay xảy ra ở nhữn' chợ phiên mùa thu hoạch. Vậy là ta vờn vai ngáp, nhức mũi và cảm thấy tinh thần thật sản' khoái phấn chấn, các con biết cái cảm giác khi چرا دید một cô gái đẹp là thế nào mà. Bữa ăn sán' bốc khói đan' được nấu gần đó nên ta mặc quần và khoác áo vào, và cô gái Kolekole mở mắt ra, nàn' thì thào, *Chào buổi sán', chà'n' mực đôn'*, ta bật cười nói, *Ta sẽ quay lại cùn' thức ăn*, nhum' nàn' khôn' tin ta nên ta định bụn' sẽ chửi' mình là nàn' sai và thấy lại nụ cười của nàn' khi ta đem bữa sán' quay về. Bên ngoài nhà kho Kolekole là một con đườn' sỏi chạy qua Tườn' Thành, nhum' ta khôn' nhận ra nó dẫn về phía bắc và phía nam, ta đan' lần tìm đườn' đi ở đó thì một lính canh Honokaa rơi phịch xuống' từ thành lũy và suýt nữa thì đè chết ta.

Ruột gan ta thất lên lộn xuống'.

Một cán tên thò ra từ mũi anh ta còn phần mũi tên thì xuyên ra sau đầu. Mũi sắt của nó làm chấn độn' buổi sán' hôm đó và biến mọi thứ thành một chốn kinh hoàn'.

Tiến' tiệc tùn' hoang dại khi gần khi xa đó chính là tiến đánh đấm, đún' vậy! Bữa sán' bốc khói đó chính là mái rạ bị đốt cháy, đún' vậy! Lúc này suy nghĩ đầu tiên của ta là người dân thun' thũn' nên ta vội lao về phía gian hàn' của Dân Thun' Lũn' tron' trun' tâm thị trấn và hét lên, *KONA! KONA!* Đôi cánh đen tối của hai tùn' sợ đó hoãn' hốt xuyên qua Hokonaa, ta nghe một tiếng' vỡ rền van' và một tiếng' thét rùn' rợn phát ra, ta nhận ra cổn' thành đã bị đổ. Lúc này ta đến quán' trườn' nhum' đám đôn' hoãn' hốt chặn đườn' ta và nổi sợ, phải, nổi sợ và mùi hôi hừng hực từ nó đã xoay lun' ta lại. Ta chạy qua nhữn' con đườn' nhỏ hẹp nhum' tiếng' gầm của bọn Kona ngày một gần, nhữn' con ngựa và roi da tràn vào ở nhữn' con hẻm mù sươn' đang bốc cháy như són' thần, ta khôn' biết đã qua đườn' nào hay sắp đi

đườn' nào và *ầm!* ta bị hất xuống' con mươn' bởi một bà già ốm yếu đan' quật túi bụi vào khôn' khí bần' một cây cán bột, Đừn' hòn' đặt đôi tay bần' thủ của mi lên người ta, nhưn' khi ta lồm cồm bò dậy thì đã thấy bà đứn' bất độn', xanh như tàu lá, bà bị một mũi tên bắn xuyên qua ngực và đột nhiên ối một ngọn roi quấn chặt hai chân ta và ối ta bay vút lên cao và ối đầu ta chúc xuống' đất và *aaaa* nền đá đập vào sọ ta, mạnh hơn cả cú chặt từ một cái đục lạnh lùn'.

Khi ta tỉnh lại, cơ thể trai trán' của ta đau như dầm, đầu gối bị vỡ, một cùi chỏ bị trật cứng ngắc và bầm tím còn xươn' sườn' thì gãy, mất hai chiếc răn', hàm khôn' khớp lại được nữa và cục u trên đầu to như cái đầu thứ hai vậy. Ta bị trùm đầu như con dê trước khi bị giết thịt, tay chân bị trói thô bạo và nằm thông thọt trên và dưới nhữn' cơ thể đán' thươn' khác, đứn' vậy, ta đau như chưa từng' biết đau trước đây, chưa từng'! Xe thô kêo kêo kẹt, tiến' vó sắt lộc cộc và cứ mỗi lần lúc lắc thì đau đớn lại ọc lên tron' sọ ta.

Kỳ thực, chẳn' có gì bí ẩn cả. Chún' ta đan' bị bắt làm nô lệ và bị chất lên xe đưa về Kona hết như người anh trai Adam đã biến mất của ta. Ta khôn' đặc biệt vui mừng' vì vẫn còn sống', ta chẳn' cảm thấy gì ngoài đau đớn và bất lực như một con chim bị treo lên và chảy máu do cái móc. Một bàn chân ngọc nguyệt đề lên hòn bi ta, vì thế ta thì thầm, *Có ai còn sống' ở đây khôn'?* Thế đấy, ta nghĩ có thể mình vẫn còn có thể tìm cách thoát ra khỏi cái hố đó, nhưn' một giọng' Kona thô lậu quát lên chỉ cách đó vài tấc, *Câm môm đi, lũ trai bị trói, nếu khôn' ta thề trên lưỡi dao của mình ta sẽ cắt lưỡi từn' đừa chó ỉa chún' bậy!* Một làn nước ấm thấm vào cánh tay ta, một người nào đó nằm trên ta vừa đá ra quần, nó từ từ biến thành nước lạnh khi từn' khoảnh khắc trôi qua. Ta đếm thấy năm giọng' Kona, ba con ngựa và một cái chuồn' gà. Nhữn' kẻ bắt chún' ta làm nô lệ đan' bàn tán về nhữn' cô gái mà chún' đã xé toạc quần áo và cưỡn' hiếp tron' trận Honokaa, nên ta biết ta đã bị trùm đầu nửa ngày hoặc hơn rồi. Ta khôn' đói nhưn' hơi ôi, ta khát khô cả cổ. Một tron' nhữn' giọng' Kona nghe quen mà không biết vì sao. Cứ một lúc lâu sau lại có một tiến' vó ngựa chiến rền van' dọc đườn' và dậy lên câu *Chào chỉ huy trưởn!* và *Vân', thưa ngài* và *Trận chiến thắn' lợi!* nhờ đó ta biết bọn Kona khôn' chỉ tấn côn' vào Honokaa mà còn đánh chiếm toàn bộ miền bắc của Đảo Lớn, đứn' vậy, và điều đó đôn' nghĩa với Thun' Lũn'.

Thun' Lũn' Chín Dải của ta. *Sonmi oi*, ta cầu nguyện, *Sonmi lòn' từ, xin hãy chở che cho gia đình và người thân của con.*

Cuối cùn' con buồn ngủ lôi tuột ta đi và ta mơ thấy cô gái Kolekole nhưn' bộ ngực và cái hôn' của nà'n' làm từ tuyết và đá nham thạch, khi tỉnh lại trên chiếc xe thô đó, ta thấy một nô lệ đã chết nằm ở phía dưới và đan' hút hết hơi ấm khỏi người ta. Ta hét lên, *Này, Kona, có một người chết ở đây này, chắc là con ngựa thô sẽ cám ơn các người nếu được dỡ bớt gánh nặng'*. Một đứa con trai nằm phía trên ta kêu toán' lên khi tên Kona đánh xe thô quất roi vào nó để thườn' cho nó vì sự quá-ư-tử tế của ta, chắc nó là đứa đã đá ra quần. Qua tiến' chim ta biết trời gần tối, và chún' ta đã bị chắt trên xe cả ngày.

Một lúc lâu sau xe dừng' lại, ta bị lôi ra khỏi chiếc xe thô ấy và bị một mũi giáo đâm vào. Ta hét lên ngọ nguậy, nghe một tên Kona nói, *Thần' này vẫn còn sống' đấy*, rồi bị nhấc lên và dựa vào một tảng' đá to bằn' cái chòi, ngay sau đó bao trùm đầu của ta được tháo ra. Ta ngồi dậy nheo mắt trước ánh chạn' vụn' thê lơ'n'. Chún' ta đan' ở trên đườn' Waimea ngoằn ngoèo và ta nhận ra chính xác đây là đâu, phải, ngay bên cái ao dốc và tảng' đá to bằn' cái chòi mà chún' ta đan' tựa lun' vào chính là tảng' đá mà Meronym và ta đã gặp Già Yanagi chỉ một con trăn' trước.

Lúc này ta nhìn bọn Kona ném ba nô lệ đã chết cho bọn chó hoan' và điều hâu, và ta biết tại sao ta nhận ra một giọng' quen thuộc trước đây, khi thấy một tron' nhữ'n' kẻ bắt bớ chính là Lyons người kể chuyện, em trai của Leary. Người kể chuyện và kẻ tai mắt, cầu cho Già Georgie nguyên rủa hấn' đến xươn' tủy. Khôn' có Dân Thun' Lũn' nào khác ngoài ta tron' số mười người còn sống', ta nghĩ hầu hết là người Honomu và Hawi. Ta cầu nguyện một tron' ba người bị ném đi khôn' phải là Kobbery em họ của ta. Tất cả chún' ta đều là thanh niên, vậy là chún' đã giết nhữ'n' người già ở Honokaa rồi, ta nghĩ như vậy, cả Meronym nữa, vì ta biết cô sẽ khôn' sống' sót hoặc trốn thoát khỏi một cuộc tấn côn' tàn bạo như vậy. Một người tron' bọn Kona đổ một dòn' nước ao lên mặt chún' ta, chún' ta mở miện' ra để hứn' tùm' giọt nước nhưn' chừng ấy khôn' đủ để thấm ướt đôi môi nứt nẻ. Tên tù trườn' ra lệnh cho cậu chằn ngựa dựn' lều rồi nói với nhữ'n' kẻ bị bắt đan' run bần bật. *Kể từ sán' nay*, tên khốn nạn vẽ người chằn' chịt nói, *cuộc đời*

các người, phải, thân thể các người là tài sản của Kona, và các người cần sớm chấp nhận sự thật này thì cần có khả năng sống sót để làm nô lệ của những hậu duệ thực sự của Đảo Lớn và một ngày không xa là toàn Ha-Why. Tên tù trưởng nói cuộc đời mới của chúng ta phải học những luật lệ mới, may mắn là những luật lệ này rất dễ nhớ. Quy tắc thứ nhất, nô lệ làm theo lệnh của các ông chủ Kona, nhanh chóng và không được như nhệ gì cả. Như quy định này và ông chủ của các người sẽ răn đe các người ít hay nhiều, tùy thuộc vào ý thích của ông chủ, cho đến khi các người học cách phục tùng tốt hơn. Quy định thứ hai, nô lệ không nói chuyện trừ khi ông chủ hỏi. Vi phạm quy tắc này, ông chủ sẽ cắt lưỡi các người và ta cũng sẽ cắt. Quy tắc thứ ba, đừng lãn phí thời giờ lập mưu bỏ trốn. Khi các người bị bán vào con trăn sau các người sẽ được đóng dấu tên ông chủ mình trên ngực. Các người sẽ không bao giờ được trở thành người Kona thuần chủng bởi vì các người không phải là người Kona, thật tình mà nói tất cả đám dân Windward các người đều là những cục cứt quái thai. Vi phạm quy tắc này, ta thề là khi các người bị bắt, ông chủ của các người sẽ chặt tay chặt chân, cắt con giống nhét vào miệng các người, rồi ném các người bên lề đường để ruồi muỗi chuột bọ đến gặm nhấm các người. Nghe thì tưởng là được chết nhanh lắm, nhưng ta đã ra tay vài lần rồi và thật sự là lâu đến không ngờ đấy, tin ta đi. Tên tù trưởng nói tất cả những ông chủ tốt thỉnh thoảng lại giết một tên nô lệ hư hỏng hoặc lười biếng để nhắc nhở kẻ khác nhớ chuyện gì sẽ đến với những kẻ lộn xộn. Cuối cùng, hẳn hỏi có ai than phiền gì không?

Không có một lời than phiền nào, không hề. Người Windward hiền hòa chúng ta dần cảm thấy thân thể rã rời vì bị thương, đói khát, tâm trí đau đớn vì cảnh giết chóc chúng ta chứng kiến và tươn lai nô lệ trước mắt. Không gia đình, không tự do, chỉ có làm việc và đau đớn và làm việc và đau đớn cho đến lúc chết, và linh hồn chúng ta sẽ đầu thai ở đâu khi đó? Ta tự hỏi liệu ta có gặp được Adam hay anh đã chết rồi. Một cậu bé Hawi ốm yếu bắt đầu khóc thút thít như nó chỉ mới chín hay mười tuổi nên chẳng ai suýt nó bảo im đi, thực chất nó rơi lệ cho tất cả chúng ta, đúng thế. Jonas hẳn cũng đã bị bắt làm nô lệ, cả Sussy và Catkin nữa, nhưng thật đau lòng khi nghĩ đến, hai em đều từ những cô bé xinh đẹp. Mẹ thì già rồi... Bọn Kona sẽ thấy ích lợi gì ở bà? Ta không muốn nghĩ đến bà già cầm cây cán

bộ ở Honokaa đã hất ta xuống' mươn' nhưn' khôn' thể dùn' suy nghĩ của mình. Lyons bước đến, *Hù!* cậu bé ôm yếu khiến nó khóc thảm thiết hơn và Lyons cười khoái trá, rồi hấn giật đôi ủng' Tiên Tri của ta. Hấn đi ủng' vào rồi ngấm nghĩa. *Hết còn chuyến thám hiểm trên Mauna Kea cho Chàng mục đồn' Zachry rồi, kẻ phản bội nói, vậy là đâu cần đôi ủng' này nữa, nhỉ.*

Ta khôn' nói gì nhưn' Lyons khôn' thích *cách* ta khôn' nói gì nên hấn đá vào đầu và hán' ta bần' chính đôi ủng' của ta. Ta khôn' chắc lắm nhưn' nghĩ hấn là kẻ có quyền lực thứ hai sau tên tù trưởn', vì chẳn' thấy ai đòi hấn đôi ủng' của ta cả.

Màn đêm dần buồn', bọn Kona nướn' gà trên lửa và bất kỳ ai tron' bọn ta cũn' sẵn sàn' đánh đổi linh hồn mình để được một giọt mỡ gà đó nhỏ lên đầu lưỡi. Lúc này bọn ta rất lạnh, và dù bọn Kona khôn' muốn chún' ta ngã ốm trước khi đến chợ nô lệ, nhưn' chún' vẫn muốn để cho chún' ta yếu ớt và mất sức vì chún' ta có mười người còn chún' chỉ có năm. Chún' mở một thùn' rượu rồi nốc rượu tù tù, xé thịt con gà thơm ngon đó, rồi lại nốc rượu tiếp. Chún' to nhỏ với nhau một chút rồi nhìn về phía bọn ta, sau đó một tên Kona được cử đến chỗ chún' ta với một cây đuốc. Hấn giơ nó lên trước mặt tìm' người chún' ta tron' khi nhưn' kẻ cùn' bộ lạc với hấn rú lên *Được!* hoặc *Khôn'!* Cuối cùn' hấn cời trói chân cậu bé Hawi rồi đỡ cậu cà nhắc tiến về đống' lửa. Ở đó chún' sưởi ấm, cho cậu ăn thịt gà và uống' rượu. Nhưn' tên nô lệ bị bỏ quên chún' ta đã kiệt sức vì đói và đau và bầy muỗi từ cái ao nên chún' ta vô cùn' ganh tị với cậu bé Hawi đó, cho đến khi với cái gạt đầu từ Lyons chún' tuột quần cậu bé xuống', giữ chặt nó rồi nhét vào môn' thần' bé, lấy mỡ chim bôi tron' lỗ đít nó trong khi chờ đến lượt một tên khác.

Lyons đan' thịt cậu bé đan' thươn' thì ta nghe thấy một tiến *kssssss* rồi hấn khụy xuống'. Bốn gã còn lại phá ra cười, rõ ràn' chún' tin rằn' Lyons đã uống' căn' một bụn' rượu nhưn' rồi *ksss-ksss*, hai chấm đỏ hiện ra giữa hai con mắt một tên Kona khác và hấn cũn' ngã xuống' chết tốt. Một tên Kona đội mũ giáp mặc áo choàn' tiến vào bãi đất trổn' cầm một thứ giống' như ốn' xươn' và chìa vào ba kẻ còn lại. Một tiến' *kssss* nữa và tên Kona trẻ ngã xuống'. Lúc này tên tù trưởn' nắm lấy mũ giáp rồi phón' nó về phía sát thủ đội mũ giáp, người này hụp xuống' và gằn nhưn' lăn trên bãi đất trổn' nên cây giáo chỉ xé rách áo choàn' chứ khôn' trún' người anh ta. Một tiến'

kssssSSSSss xé toạc một vết dài trên thân người tên tù trưởn' khiến hấn gần như bị chẻ đôi. Hi vọn' dân' trào tron' lòn' ta nhưn' rắc! Tên Kona cuối cùn' quất roi quanh khúc xươn' ốn' sát thủ đó và rắc! Đồ bắn lập tức rời khỏi tay vị cứu tinh và lọt vào tay tên Kona như phép màu. Lúc này tên Kona cuối cùn' chìa vũ khí vào vị cứu tinh của chún' ta và tiến lại gần để khôn' bắn hụt, ta thấy bàn tay hấn bóp còi và KSSSS! Đầu tên Kona cuối cùn' đã biến mất, cây sakê sau lưng hấn bốc cháy và nứt toác, bốc khói giữa trời mưa.

Thi thể hấn đứn' lẻ loi một lúc như một đứa bé tập đi, rồi... ầm! Thế đấy, hấn đã nhầm phần miện' với phần đuôi của đồ bắn và làm nổ tun' cái đầu của chính mình. Vị cứu tinh Kona bí ẩn của chún' ta ngồi dậy, xoa nhẹ hai cùi chỏ, tháo mũ giáp ra và nhìn năm kẻ đã chết đầy thương' cảm.

*Ta đã quá già để làm việc này, Meronym nói, buồn bã chau mày.*

Chún' ta cời trói cho nhữn' nô lệ còn lại và để họ ăn thức ăn của bọn Kona, Meronym có đủ thức ăn cho bọn ta tron' túi treo bên yên ngựa và nhữn' kẻ được giải thoát đã có đủ nhữn' gì họ cần. Thứ duy nhất chún' ta lấy lại từ năm tên đã bỏ mạng' là đôi ủng' của ta từ chân Lyons. *Tron' chiến tranh*, Meronym dặn \, *đầu tiên cậu phải lo cho đôi ủng' của mình, kể đến mới lo đồ ăn thức uống*'. Một lúc lâu sau đó, vị cứu tinh kể lại cho ta toàn bộ câu chuyện khi chún' ta ở tron' ngôi nhà bỏ hoan' của Người Xưa nằm giữa nhữn' lùm cây um tùm khôn' có đườn' mòn trên Leeward Kohala và nhóm một đốn' lửa nhỏ.

Chuyện cũn' khôn' dài lắm đâu. Meronym khôn' ở tron' gian hàn' của Dân Thun' Lũn' khi bọn Kona tấn côn' Honakaa, lúc đó cô đan' ở trên sườn' thành vẽ cảnh biển cho đến khi một mũi tên bốc cháy hất vắn' quyển sách vẽ ra khỏi tay cô. Cô quay về gian hàn' của Dân Thun' Lũn' trước khi cốn' thành bị côn' phá, nhưn' Chú Bees hét lên với cô rằn' ta mất tích rồi nên cô đi tìm ta, và đó là lần cuối cùn' cô nhìn thấy người dân của ta. Con ngựa và mũ giáp cô lấy được từ một tên tù trưởn' Kona, hấn lao vào một con hẻm và khôn' lao ra nữa. Mặc đồ của Kona và ngựa tran' thành một chiến binh, Meronym tìm đườn' thoát ra khỏi thị trấn đan' bốc cháy và đổ máu. Đó khôn' phải là một trận chiến, khôn' hề, chỉ là một cuộc bố ráp, rồ rằn', quân đội của Trưởng Tộc đã đầu hàn' nhanh hơn bất kỳ ai. Đầu tiên Meronym cưỡi ngựa về phía bắc hướn' Thun' lũn', nhưn' bọn Kona đan' tụ tập dày đặc

quanh Kuikuihaele để chuẩn bị tràn vào Thun' Lūn', vì thế cô đã quay về hướn' đất liền dọc đườn' Waimea, nhưn' con đườn' đó bị canh gác rất dày đặc và nếu bị chặn lại cô lộ ngay khôn' phải dân Kona. Meronym quay về hướn' nam, định sẽ đến Hilo xem vùng ấy còn tự do hay khôn'. Nhưn' Sonmi đã giữ chân cô đủ lâu để kịp nhìn một chiếc xe thô chạy qua, và thò ra từ chiếc xe đó là hai bàn chân, trên hai bàn chân đó là đôi ủng' của Người Tiên Tri, và chỉ có một người Windward duy nhất cô biết có đi ủng' Tiên Tri. Cô khôn' dám cứu ta giữa ban ngày và có lúc đã mất dấu chiếc xe vì gặp phải một đàn ngựa, và nếu khôn' nhờ tiến' hò reo khi chún' ngẫu nhiên cậu bé Hawi thì cô hẳn đã khôn' nhìn thấy bọn ta tron' đêm tối và cười ngựa đi qua mất. Hỡi ôi, cô đã trải bao mạo hiểm để cứu ta! *Sao cô khôn' trốn đi để giữ mạn' cho mình?* ta hỏi.

*Cô làm về mặt thật là một câu hỏi ngu ngốc.*

Phải, nhưn' chún' ta sẽ làm gì? Đầu óc của ta đan' bấn loạn sợ hãi.

*Thun' lūn' đã bị tấn côn' và đốt cháy, có lẽ thế... và nếu Hilo chưa thất thủ, thì nó cũn' sẽ thất thủ sớm thôi...*

Bạn ta bần' bó vết thương' cho ta bần' bần' gác và các thứ rồi đưa một tách thuốc lên môi ta. *Cái này sẽ giúp cậu chữa lành cơ thể thương' tích, Zachry ạ. Hãy im lặn' và ngủ đi.*

Tiếng đàn ôn' thì thâm đánh thức ta dậy tron' một nơi ẩn nấp dột nát của Người Xưa với lá cây xào xạc ngoài ô cửa sổ. Người ta ê ẩm hơn một chục chỗ nhưn' khôn' đến nổi xé thịt. Buổi sán' có mùi hanh khô và khuất gió, nhưn' ta nhớ thời đại tuyết vọn' mới đan' bủa vây Windward và, hỡi ôi, ta rên rĩ trong đầu khi cố ngồi thức dậy. Ở phía kia của căn phòn', Meronym đan' nói chuyện qua orison với Người Tiên Tri nghiêm khắc từn' bắt quả tan' ta lục lợi đồ của Meronym lần đầu tiên đó. Ta nhìn chăm chú một lúc và bị mê hoặc một lần nữa, nhưn' màu sắc sinh độn' và tươi sán' hơn trong các cửa sổ orison. Ôn' ta nhanh chón' nhìn thấy ta ngồi dậy và chào ta ta bần' một cái hất đầu. Meronym cũn' quay lại hỏi thăm sức khỏe của ta.

*Đỡ hơn hôm qua rồi, ta bước đến để xem Trí Thôn' Minh đặc biệt đó. Xươn' cốt ta rên rĩ một chút. Meronym nói ta đã gặp Người Tiên Tri này rồi,*

ôn' ta tên là Duophysite, ta đáp ta chưa quên vì ôn' ấy quá đản' sợ. Người Tiên Tri tron' cửa sổ đản' nghe chún' ta và khuôn mặt xươn' xấu của ôn' ta giãn ra một chút. Ôi, tôi ước gì chún' ta khôn' gặp nhau tron' nhữn' thời điểm đen tối thế này, Zachry ạ, Duophysite nói, nhưn' tôi mon' cậu hãy đưa Meronym đi một chuyến cuối cùn', đến Ngón tay Ikat. Cậu biết nó chú?

Có, ta có biết nó, nằm ở phía bắc của Thun' Lũn' cuối cùn' qua cây cầu Pololu, một dải đất dài chĩa về phía đôn'. Chiếc Tàu đản' thả neo ở Ngón tay Ikat để đón Meronym hay sao?

Hai Người Tiên Tri trao nhau ánh nhìn và một lúc sau Duophysite lên tiến'. Chún' tôi có tin xấu từ thị trấn của chún' tôi, rất tiếc phải nói như thế. Các orison trên Đảo Tiên Tri và Chiếc Tàu khôn' trả lời tín hiệu tron' nhiều ngày rồi.

Tín hiệu là gì? tôi hỏi .

Một thôn' điệp, Meronym đáp, một cửa sổ, một cuộc họp orison như cách chún' ta đản' bàn bạc với Duophysite lúc này.

Tôi hỏi, Các orison đó bị hôn' à?

Có thể còn tệ hơn thế nữa, người tron' cửa sổ nói , số là tron' vài con trăn' gần đây, một bệnh dịch xảy ra gần Đảo Tiên Tri, ở phía tây của Ank'ridge, phải, một căn bệnh khủn' khiếp mà Trí Thôn' Minh của chún' ta khôn' thể chữa được. Chỉ một tron' số hai trăm người mắc dịch bệnh này sốn' sót, phải. Người Tiên Tri chún' tôi trên Ha-Why phải tự lực cánh sinh vì Chiếc Tàu có thể sẽ khôn' đến.

Nhưn' còn Anafi, con trai của Meronym thì sao? Khuôn mặt của Meronym khiến ta ước gì mình đã cắn đứt lưỡi trước khi hỏi.

Tôi phải sốn' mà khôn' biết, bạn ta đáp, thật u sầu đến nỗi ta muốn khóc. Tôi khôn' phải là người đầu tiên từn' sốn' nên tôi cũn' sẽ khôn' phải là người cuối cùn'.

Câu chuyện đó làm bùn' lên niềm hi vọng' mà trước đó ta chưa nhận ra. Ta hỏi Duophysite có bao nhiêu người Tiên Tri trên toàn Ha-Why.

Năm, ôn' ta đáp.

Năm trăm à? ta hỏi.

Duophysite nhìn thấy sự thất vọng' của ta và hiểu nó ngay. Khôn', chỉ có năm. Mỗi người trên một đảo chính tron' quần đảo. Toàn bộ sự thật của chún' tôi

*có thể kể một cách đơn giản và bây giờ đã đến lúc cậu biết về nó. Chún' tôi sợ dịch bệnh này sẽ đến Đảo Tiên Tri và đập tắt tia sáng' cuối cùn' của nền Văn minh. Chún' tôi đã tìm vùn' đất tốt để gieo thêm Văn minh ở Ha-Why, và chún' tôi khôn' muốn làm kinh độ'n người dân đảo các cậu bần' cách ào ạt đổ bộ.*

*Vậy là cậu thấy rồi đó, lúc này Meronym nói , nỗi sợ của cậu về mục đích thật sự của tôi khôn' hoàn toàn sai đâu.*

*Ta khôn' còn quan tâm đến điều đó nữa. Ta nói, nếu Người Tiên Tri mà giống' như Meronym thì dù năm nghìn người Thun' Lũn' chún' ta cũn' sẵn sà'n chào đón. Duophysite sa sầm nét mặt, nghĩ đến số lượn' Người Tiên Tri ít ỏi có thể còn số'n đến lúc này. Người chỉ huy của bộ lạc tôi ở Maui nơi tôi đan' nói chuyện với cậu đây là một nhà lãnh đạo thân thiện cũn' như Trưở'n lão của cậu vậy. Ôn' ta đã ra lệnh cho hai chiếc thuyền chiến kayak vượt eo biển Maui và sẽ đến Ngón tay Ikat vào trưa ngày mốt.*

*Ta hứa với ôn' ta sẽ đưa Meronym đến nơi an toàn kịp lúc.*

*Vậy thì tôi có thể cảm ơn cậu vì đã trực tiếp giúp đỡ cô ấy. Duophysite nói thêm rằn' sẽ có chỗ trên kayak nếu ta muốn trốn khỏi Đảo Lớn với cô.*

*Điều đó khiến ta yên tâm. Cảm ơn, ta nói với Người Tiên Tri mắc cạn, nhưn' tôi phải ở lại và tìm kiếm gia đình mình.*

*Chún' ta ẩn nấp tron' căn nhà đổ nát đó thêm một đêm nữa để cơ bắp và các vết bầm trên người ta lành lại. Thật khó chịu khi khôn' thể khẩn trươn' trở về Thun' Lũn' để chiến đấu hoặc nghe ngón' tình hình nhưn' Meronym đã nhìn thấy ngựa và xạ thủ Kona ô ạt tiến về Thun' Lũn' qua Kukuihaele, cô trấn an ta, đó khôn' phải là trận chiến dai dẳng' và nó chắc chắn đã kết thúc sau vài giờ chứ khôn' phải vài ngày.*

*Ngày hôm đó thật âm ảm và ám ảnh. Meronym dạy cho ta cách dùn' đồ bắn hình xươn' ón' đặc biệt đó. Chún' ta thực tập trên quả dưa rồi trên nhữn' viên đá mài lớn rồi trên quả đậu cho đến khi khả năng' ngắm của ta thật nhạy bén. Ta canh gác tron' lúc Meronym ngủ, rồi cô canh gác tron' lúc ta ngủ. Đổ'n lửa nhanh chón' làm bắn làn sương' chạn' vụn', chún' ta ăn khẩu phần của bọn Kona với thịt cừu muối và ron' biển cùn' quả lilikoi mọc tron' khu đổ nát đó. Ta đổ đầy thức ăn vào túi ăn của ngựa, vỗ về nó và đặt tên cho nó là Wolt vì trôn' nó xấu xí hệt như anh họ của ta vậy, rồi cảm*

thấy đau buồn khôn xiết, khôn' biết giờ này còn ai tron' số bà con họ hàn' của mình còn sốn'. Thật sự thì khôn' biết về điều tồi tệ nhất còn tệ hơn là biết về điều tồi tệ nhất.

Một ý nghĩ lóe lên tron' đầu, ta hỏi Meronym tại sao một Nữ Tiên Tri lại biết cưỡi ngựa giỏi như người Kona. Cô thừa nhận hầu hết Người Tiên Tri khôn' biết cưỡi con vật nào nhưn' cô từn' sốn' với một bộ lạc tên là Swannekke ở phía bên kia dãy Ank'ridge và bên kia cả Far Couver. Người Swannekke nuôi ngựa như Dân Thun' Lũn' nuôi dê vậy, trẻ con ở đó biết cưỡi ngựa trước cả khi biết đi, và cô đã học tron' thời gian ở với họ. Meronym dạy cho ta rất nhiều về nhữn' bộ lạc mà cô từn' sốn' cùn' nhưn' lúc này ta chẳn' còn thời gian cho nhữn' chuyện đó, đã muộn rồi. Chún' ta nói về lộ trình ngày mai đến Ngón tay Ikat, thế này, có một cách là đi theo đườn' gập ghềnh của Kohala phía trên Chín Thun' Lũn', nhưn' có một cách khác là đi theo đòn' Waipio xuống' Chốt canh gác của Abel trước rồi thăm dò tình hình. Chún' ta khôn' biết bọn Kona có chém giết và đốt sạch Thun' Lũn' như đã làm ở Mookini hay chún' chỉ nhắm đến chinh phục và khốn' chế nhà cửa của chún' ta rồi giam chún' ta tron' chính nhà mình. Ta đã hứa sẽ đưa Meronym an toàn đến Ngón tay Ikat, mà thăm dò kị binh của Kona là chuyện khôn' an toàn chút nào, nhưn' Meronym nói chún' ta sẽ thăm dò Thun' Lũn' trước vì thế đườn' đi ngày mai đã được thốn' nhất.

Bình minh phủ một màn sương' đặc quánh. Khôn' dễ để dẫn ngựa trèo đèo vượt non trên Kohala đến suối Waipio, khôn' biết có toán quân Kona nào đan' chờ đợi ở bên kia lũy tre trúc hay khôn' nên chún' ta cố gắn' khôn' tạo tiến' độn' nào. Chủ yếu chún' ta đi bộ và dắt theo con ngựa nhưn' cuối cùn' thì trưa hôm đó chún' ta vẫn đến được suối và buộc nó vào một khe núi rồi bò trườn' quăn' đườn' còn lại đến Nhà Abel dọc theo vết vó ngựa. Sương' mù biến từn' lùm cây thành một tên lính canh Kona lù lù, nhưn' ta vẫn cảm tạ Sonmi vì nó đã giúp ngựa tran' cho chún' ta. Chún' ta ló nhìn qua miện' vực xuống' gác canh. Cảnh tượng' đau buồn, đún' thế. Chỉ còn cốn' Nhà Abel đón' kín, các bức tường' và nhà xây bên ngoài đều đã bị đốt thành than và phá nát. Một người đàn ôn' trần truồn' bị treo trên xà cốn', cổ chân buộc ngược lên theo kiểu bọn Kona vẫn làm, có thể đó là Abel, cũn' có thể khôn' phải, lũ quạ đã moi ruột ôn' ta và hai con chó hoan' đan' nhặt nhanh

nhữn' món roi vãi xuống' đất.

Tron' lúc chún' ta quan sát, một nhóm ba mươi-bốn mươi người Dân Thun' Lũn' bị bắt làm nô lệ đan' bị lừa ra về hươn' Kuikuihaele. Ta sẽ nhớ cảnh tượng' đó đến ngày nhắm mắt và cả sau đó. Vài người đan' kéo nhữn' chiếc xe thô chở đồ đạc dụn' cụ cướp được. Bọn Kona quát mắn', ra lệnh om sòm và quát roi vun vút. Sươn' mù quá dày nên ta khôn' thể nhìn rõ nhữn' khuôn mặt người dân của bộ lạc mình nhưn', hỡi ôi, dán' hình họ thật thảm thươn', lê lét ra phía Sloosha's Crossin'. Nhữn' hồn ma. Nhữn' hồn ma sốn'. *Hãy chún' kiến vận mệnh của bộ lạc văn minh cuối cùn' trên Đảo Lớn, ta nghĩ, phải, kết quả của trườn' học và Biểu Tượng' Tháp của chún' ta, chỉ để làm nô lệ cho các cánh đồn', nhà ở, chuồng' trại, giườn' ngủ của bọn Kona và nhữn' cái lỗ trên đất Leeward.*

Ta làm được gì? Đuổi theo bọn chún'? Khoản' hai mươi kị sĩ Kona đan' áp tải họ ra khỏi Leeward. Ngay cả với đồ bắn của Meronym ta cũn' chỉ có thể hạ gục năm tron' số hai mươi tên lính gác, có thể nhiều hơn nếu ta may mắn, nhưn' rồi sau đó thì sao? Người Kona sẽ đâm chết tùm' Dân Thun' Lũn' từ khoảnh khắc giao tranh đầu tiên. Đây khôn' phải là Zachry Hèn Nhát đan' đấu tranh với Zachry Dũn' Cầm, khôn' phải, mà là Zachry Liễu Chết đan' đấu tranh với Zachry Sốn' Sót và ta khôn' xấu hổ khi nói Zachry nào thắn'. Ta ra dấu cho Meronym quay trở về nơi buộc con ngựa dù nước mắt tuôn rơi.

Môn' ngắn, lấy một củ khoai nướn' cho ta nào. Nhớ lại chuyện đó khiến ta đói cồn cào.

Bây giờ trở về bãi cỏ Kohala, sươn' mù trôi xuống' phía dưới và Mauna Kea hiện lên từ biển mây phía nam, rõ và gần đến nỗi có thể nhổ nước bọt vào và ta đã làm thế, phải, ta nhổ nước bọt thật mạnh. Linh hồn ta có thể bị hóa đá, vận may của ta có thể bị mục rữa nhưn' chí ít ta vẫn có thể buôn' ra một câu nguyện rửa. Từ Chín Dải Thun' Lũn' nhữn' con rắn khói đen ngòm bay lên, ta nghĩ mọi loài độn' vật có cánh có chân trên Đảo Lớn đan' ăn uố'n' moi móc tron' Thun' Lũn' của chún' ta vào sán' hôm đó. Trở về bãi cỏ, chún' ta thấy nhữn' con dê lạc đàn, một số con của ta, một số con của Kaima, nhưn' chún' ta chắn' gặp một mục đồn' nào. Ta vắt sữa mấy con và chún' ta uố'n' phần sữa dê tự do cuối cùn' của Dân Thun' Lũn'. Qua Đèo

Vert'bry chún' ta đi xuống' về phía Đá Ngón Cái nơi Meronym vẽ bản đồ năm con trăn' trước, phải, qua chỗ đất phủ cây thạch nam từn' ôm trọn Roses nằm bên dưới ta sáu con trăn' trước. Mặt trời làm bốc hơi sương' khói và đằng sau dải cầu vồng' năm lớp ta nhìn thấy trườn' học đã bị đốt phá, bấy giờ chỉ còn là một cái vỏ đen ngòm, nhữn' quyển sách cuối cùn' và chiếc đôn' hồ cuối cùn'. Chún' ta cưỡi ngựa xuống' đôn' Elapaio và xuống' ngựa ở đó, Meronym đeo mũ giáp lên, trói hồ tay ta lại để nếu chún' ta bị phát hiện thì trôn' như cô đã vừa được một tên nô lệ tìm cách trốn thoát và nhờ đó chún' ta thoát phút hiểm nghèo. Chún' ta đi như thế đến nhà Cluny, là nhà ở cao nhất trên núi. Meronym xuống' ngựa rồi nắm chặt đồ bắn tron' lúc chún' ta nín thở bò trườn như hai con chuột qua nhữn' căn nhà, nhưn' tim ta thì khôn' yên một chút nào. Một trận đánh lớn đã quét qua đó, đồ đạc bị nghiền nát và phá vỡ, nhưn' khôn' có thi thể nào nằm đó cả. Chún' ta lấy một ít thức ăn tươi cho hành trình sắp tới, ta biết Cluny sẽ khôn' trách đâu. Rồi khỏi cổng' nhà Cluny, ta thấy một quả dưa bị cắm trên một cái cột dính máu, ruồi bay vo ve xun' quanh, lấy làm lạ chún' ta nhìn gần hơn và phát hiện ra đó khôn' phải là một quả dưa, mà là đầu của Macca Cluny, miện' vẫn còn ngậm ốn' tẩu.

Bọn Kona sơn vẽ đây mình thực sự là nhữn' kẻ ác ôn mọi rợ. Có kẻ chết rồi mới tin được chúng. Đầu của Macca khiến ta sôi sục lòn' cảm hận khi chún' ta đi xa hơn xuống' Nhà Bailey.

Một thùn' sữa dê đã vón cục nằm ở chỗ vắt sữa và ta khôn' thể khôn' hình dun' đến cảnh Sussy bị lôi đi khỏi chiếc ghế ngồi vắt sữa đã vỡ nát đó và nhữn' gì chún' đã làm với con bé, hồi ôi, đưa em gái thân yêu đán' thương' của ta. Một vòn' dấu chân ngựa giẫm đạp lên sân bùn. Đàn dê đã bị lừa đi hết, đàn gà bị bắt. Thật tĩnh mịch. Khôn' tiến' khun' dẹt lách cách, khôn' tiến Catkin hát, khôn' còn Jonas. Dòng suối và con chim hét ở mái hiên và chẳn' còn gì hết. Khôn' có cảnh tượng' rùn' rợn trên cột cổng', ta cảm tạ Sonmi vì điều đó rất nhiều. Bên tron', trứn' và quả mơ rơi vãi từ chiếc bàn bị lật úp. Ở từn' phòn' ta lo sợ trước điều sẽ tìm thấy nhưn' khôn', nhờ ơn Sonmi phù hộ dườn' như gia đình ta chưa bị giết...

Cảm giác tội lỗi và buồn đau nhấn chìm ta.

Tội lỗi vì ta đã luôn sống' sót và trốn thoát dù cho linh hồn ta đã vấy bẩn

và hóa đá. Buồn vì tàn tích cuộc đời cũ bị phá nát của ta nằm la liệt khắp nơi. Đồ chơi của Jonas do Bố làm nhiều năm trước. Khun' dẹt của mẹ nằm ở cửa, lắc lư trong hơi gió nhẹ cuối cùn' của mùa hè. Cá khô và cỏ sun' sươn' treo trên trần. Vở viết bài của Catkin ở trườn' vẫn nằm trên bàn nơi con bé hay ngồi học. Khôn' biết phải nghĩ hay nói gì. *Tôi phải làm gì?* Ta hỏi bạn ta như tự hỏi mình. *Tôi phải làm gì?*

Meronym ngồi trên một chiếc hộp gỗ do Jonas làm, mẹ gọi đó là kiệt tác đầu tiên của nó. *Một lựa chọn khó khăn và tăm tối, Zachry ạ, cô đáp. Ở lại tron' Thun' Lũn' đến khi cậu bị bắt làm nô lệ. Trốn đi và nán lại cho đến khi bọn Kona tấn côn' rồi bị giết hoặc bị bắt làm nô lệ. Sốt' chui nhũi tron' rùm' như một tên cướp cho đến khi bị bắt. Vượt eo biển đến Maui với tôi và có thể khôn' bao giờ quay lại Đảo Lớn nữa. Phải, đó là tất cả nhữn' lựa chọn ta có, khôn' bàn cãi, nhum' ta khôn' thể chọn cái nào, tất cả nhữn' gì ta biết là ta khôn' muốn bỏ chạy khỏi Đảo Lớn mà chưa báo thù cho nhữn' gì đã xảy ra nơi đây.*

Đây khôn' phải là nơi an toàn nhất để ngồi nghĩ ngợi, Zachry ạ, Meronym nói, thật dịu dàng; đến nỗi cuối cùn' nước mắt ta cũng trào ra.

Leo lên lun' ngựa để rời khỏi nơi này, ta nhớ nhữn' biểu tượng' của gia đình mình tron' am thờ. Lúc này, nếu ta để họ ở tron' đó để bị lấy ra làm củi đốt dần thì sẽ chẳn' còn gì để chửn' minh dòn' họ Nhà Bailey từn' tồn tại. Thế là ta một mình chạy về để lấy lại. Tron' lúc chạy trở vào nhà ta nghe tiến' chén bát rơi xuốn' từ kệ nhà bếp. Ta đứn' im.

Từ từ ta quay lại nhìn.

Một con chuột béo đăn' khệnh khạn' đứn' đó, nheo mắt nhìn ta và nhúc nhích nhữn' sợi râu mũi. *Ta cá là cậu đăn' hối tiếc vì đã khôn' cắt sợi dây thừng' đó trên bức tườn' ngày đó, phải khôn' Zachry? Cậu đã có thể tránh được hết nhữn' tổn thất đau khổ này rồi.*

Ta khôn' thềm nghe nhữn' lời nói dối của lão. Đăn' nào bọn Kona cũn' sẽ tấn côn', ta chẳn' việc gì phải tranh cãi với Kẻ Ác Ôn đó. Ta nhặt lên một chiếc nôi để ném Già Georgie nhum' khi ta đăn' nhắm vào nó thì con chuột béo biến mất, và từ căn phòn' trốn' ở bên trái ta phát ra một tiến' thở nhẹ từ chiếc giườn' mà ta chưa kiểm tra lúc nãy. Lẽ ra ta nên bỏ chạy, phải, ta biết như thế nhum' ta đã khôn' làm, mà rón rén đi vào và thấy một lính gác

Kona nằm đó trên đống' chần mềm mại, chìm đắm tron' mớ cỏ sun' sườn' của Thun' Lũn' Mormon. Rõ ràn' hẳn chủ quan cho rằn' tất cả Dân Thun' Lũn' đều đã bị lừa nhốt và biến thành nô lệ nên đã nằm vật ra ngủ tron' lúc làm nhiệm vụ.

Vậy kẻ thù đán' sợ là đây. Khoản' chừn' mười chín-hai mươi tuổi. Một mạch máu đập tron' trái khế của hẳn, chỗ còn để trần' giữa hai hình xăm con thần lẩn. *Mi đã tìm thấy ta, phải, vậy thì hãy cắt ta đi, chiếc cổ ấy thì thâm. Cắt đi.*

Lời tiên báo thứ hai của ta, hẳn các con còn nhớ, và ta cũn' thế. *Kẻ thù đán' ngủ, chớ rạch hợn' hẳn.* Đây là khoảnh khắc ửng nghiệm, khôn' cần bàn cãi. Ta ra lệnh cho tay ta làm điều đó nhưn' chẳn' hiểu sao chún' đã bị khóa chặt. Ta đã đánh đấm đủ nhiều rồi, ai mà chẳn' thế?, nhưn' ta chưa từng giết ai cả. Đấy, luật Thun' Lũn' cấm giết người, nếu các con cướp sinh mạng' của một người thì chẳn' còn ai trao đổi gì với con hoặc gặp con hoặc làm bất cứ gì với con vì linh hồn con đã quá độc hại rồi, con có thể khiến họ bị ốm. Dù sao thì ta đứn' đó, bên chiếc giườn' của mình, lưỡi dao cách cổ hợn' trần' nhòn' ấy chỉ vài centimet.

Tiến' con chim hét đán' van' lên nhanh và to hơn. Tiến' chim nghe như nhữn' lưỡi dao đán' mài, ta nhận ra lần đầu tiên tại nơi đó vào lúc đó. Ta biết tại sao ta khôn' nên giết tên Kona này. Làm thế sẽ khôn' lấy lại được Thun' Lũn' cho người dân. Nó sẽ hóa đá linh hồn bị nguyên rửa của ta. Nếu ta đầu thai làm một tên Kona tron' kiếp này thì hẳn có thể là ta và ta có thể sẽ giết chính mình. Nếu giả sử như Adam được nhận nuôi và biến thành người Kona, thì người ta giết sẽ là anh trai ta. Già Georgie *muốn* ta giết hẳn. Nhữn' lý do này đã đủ để ta bỏ mặc hẳn nằm đó và lặn' lẽ trốn đi chưa?

*Khôn' đủ, ta trả lời kẻ thù của mình, và ta cầm lưỡi dao qua cổ hợn' hẳn.* Màu đỏ dị kỳ phồn' lên và xịt ra thấm ướt hết chần' lôn' cừu, độn' thành vụn' trên sàn đá. Ta lau sạch lưỡi dao trên áo của người chết. Ta biết từ từ ta sẽ trả giá cho điều này nhưn', như ta nói khi nãy, tron' thế giới đổ nát của chún' ta, điều đứn' đẳn' khôn' phải lúc nào cũn' khả dĩ.

Khi bước ra ngoài, ta đâm sầm vào Meronym đán' chạy đến, *Kona!* cô rít lên. Khôn' còn thời gian để giải thích ta đã làm gì tron' đó và tại sao. Ta vội

vã nhét các biểu tượng' gia đình vào túi đeo yên ngựa và cô kéo ta lên lưng' ngựa. Ba- bốn con ngựa đăn' phi tới từ hướn' nhà Thím Bees. Chún' ta lao ra khỏi Nhà Bailey lần cuối như bị Già Georgie đóp phải môn'. Ta nghe tiến' người phía sau và quay lại nhìn, thậm chí còn thấy áo giáp của chún' lóe lên qua vườn cây sun' nhưn' lạy Sonmi Lòn' Lành, chún' khôn' nhìn thấy chún' ta đăn' biến mất. Một lúc sau chún' ta nghe thấy tiến' còi *đinh tai nhưc ócvan' vọn' Thun' Lũn', ba tiến' tất cả, và ta biết bọn Kona hẳn đã tìm thấy tên lính canh mà ta cắt cổ và đăn' gửi cảnh báo đi, Dân Thun' Lũn' chưa bị bắt làm nô lệ hoặc bị giết chết hết*. Ta biết mình sẽ phải trả giá sớm hơn mình đặt cược vì đã phớt lờ lời tiên báo thứ hai, và Meronym cũn' thế.

Nhưn' vận may của chún' ta vẫn chưa lụi tàn. Một tiến' tù và đáp lại tiến' còi đầu tiên, phải, chún' đang ở sâu phía dưới, chúng ta cuời ngựa trở lại qua Đèo Vert'bry tron' tâm trạn' lo lắng, nhưn' khôn' bị tấn côn'. Đó là một cuộc trốn thoát suýt soát, đún' vậy, nấn ná một giây nữa thôi ở nhà ta là bọn kị sĩ Kona đã có thể thấy và đuổi theo chún' ta. Tránh rạn' núi và bãi cỏ Kohala, chún' ta bấn' qua khu rừn' để nấp và đến lúc đó ta mới thú nhận với Meronym về điều mình đã làm đối với tên lính gác ngủ quên đó. Ta khôn' biết tại sao nhưn' nhữn' bí mật khiến các con cảm thấy mục nát như răn' bị sâu nếu khôn' được chải sạch. Cô ta chỉ lẩn' nghe, và khôn' phán xét gì ta cả.

Ta biết một cái han' kín cạnh thác Mauka và ta đưa cả hai đến đó để Meronym nghỉ lại đêm cuối cùn' trên Đảo Lớn nếu mọi việc diễn ra đún' kế hoạch. Ta đã hi vọn' Wolt hoặc Kobbery hoặc một mục đồn' khác có thể đã trốn thoát và đăn' ẩn náu ở đó, nhưn' khôn', chẳn' có ai, chỉ có vài chiếc chẳn mà mục đồn' chún' ta cất ở đó để ngủ. Cơn gió mậu dịch đăn' mạnh lên choáng váng, ta lo ngại cho nhữn' người chèo thuyền kayak sẽ rời Maui vào bình minh, nhưn' trời cũn' khôn' lạnh lắm nên ta khôn' dám đánh liều nhóm lửa, khôn' nên làm thế khi đăn' ở quá gần kẻ thù. Ta rửa vết thươn' tron' ao và Meronym tắm rửa rồi chún' ta ăn thức ăn lấy được từ nhà Cluny với lá cây sun' mà ta hái từ nhà mình khi trở về để lấy các biểu tượng'.

Ta khôn' thể ngừng' nhớ lại mọi chuyện và nhắc đến tron' lúc ăn, về gia đình ta, cả Bố và Adam nữa, cứ như nếu họ sốn' tron' từ ngữ thì họ sẽ khôn' chết tron' hình hài. Ta biết mình sẽ nhớ Meronym da diết khi cô đi, rõ ràn'

ta chẵn' còn anh em nào khác chưa bị bắt làm nô lệ trên Đảo Lớn. Bà Trăn' lên cao và ngắm nhìn Thun' Lũn' xinh đẹp bị tàn phá của ta với đôi mắt bạc thươn' cảm, còn đàn chó hoan' hú rên ai oán cho nhữn' người xấu số. Ta tự hỏi linh hồn nhữn' người dân của bộ lạc ta sẽ đầu thai ở đâu khi mà giờ đây phụ nữ ở Thun' lũn' khôn' còn sinh con đẻ cái ở đây nữa. Ta ước gì Trưởn' lão có ở đó để cho ta biết vì ta khôn' thể trả lời mà Meronym cũn' khôn'. *Người Tiên Tri chún' tôi, cô đáp, sau một lúc, tin rằn' chết là hết, chẵn' có quay lại gì cả.*

Nhữn' còn Linh hồn cô thì sao? ta hỏi.

*Người Tiên Tri khôn' tin Linh hồn có tồn tại.*

Nhữn' cái chết khôn' phải là lạnh lẽo đến rợn người hay sao nếu chẵn' còn gì sau đó?

*Phải, cô gằn như cười nhưn' miện' khôn' nở nụ cười, sự thật của chún' tôi đún' là lạnh lẽo đến rợn người.*

Đó là lần duy nhất ta cảm thấy tội nghiệp cho cô ta. Đôi khi các linh hồn bắn' qua bầu trời thời gian như mây bắn' qua bầu trời của thế giới, Trưởn' lão từn' nói thế. Sonmi là phía đôn' và phía tây, Sonmi là bản đồ và là cạnh của bản đồ và là phía bên ngoài của cạnh. Nhữn' vì sao lấp lánh chiếu sán', ta gác phiến đầu tiên nhưn' ta biết Meronym khôn' ngủ, khôn' hề, cô đan' thao thức trần trọc dưới lớp chẵn' cho đến khi cô chịu khôn' nổi nữa và ngồi dậy cạnh ta để ngắm thác nước dát ánh trắn'. Nhữn' câu hỏi đan' bủa vây lấy ta. Lửa của Dân Thun' Lũn' và Người Tiên Tri đã tắt đêm nay, ta nói, vậy điều đó có phải là bắn' chún' cho thấy người hoan' đã mạnh hơn người văn minh hay khôn'?

*Khôn' phải là người hoan' đã mạnh hơn người văn minh, Meronym nhận định, mà là số đôn' mạnh' hơn thiếu số. Trí Thôn' Minh đem lại lợi thế cho chún' ta tron' nhiều năm, như đồ bắn' đã đem lại lợi thế cho tôi ở Ao Dốc, nhưn' nếu bên kia có đủ trí và lực thì lợi thế này sẽ biến thành số khôn' một ngày nào đó.*

Vậy có phải làm người hoan' đã thì tốt hơn làm người văn minh?

*Ý nghĩa trần trụi sau hai từ ấy là gì?*

Người hoan' đã khôn' có luật lệ, ta đáp, nhưn' người văn minh thì có luật lệ.

*Còn sâu sắc hơn cả thế. Người hoan' đã đã thỏa mãn nhu cầu đương có của mình. Đói thì ăn. Giận thì đánh. Hứn' thì làm tình. Ôn' chủ của hắn là ý chí và nếu ý chí lệnh cho hắn "Giết" thì hắn giết. Như độn' vật có nanh.*

Phải, đó là bọn Kona.

*Người văn minh cũn' có nhữn' nhu cầu tươn' tự, nhưn' anh ta nhìn thấy xa hơn. Anh ta sẽ ăn một nửa thực phẩm lúc này, rồi gieo trồn' một nửa để ngày mai khôn' bị đói. Khi nón' giận, anh ta sẽ dừn' lại và suy nghĩ tại sao để lần sau khôn' nón' giận nữa. Anh ta nổi hứn', nhưng anh ta có chị em và con gái là nhữn' người cần được tôn trọn' vì thế anh ta sẽ tôn trọn' chị em và con gái của nhữn' người anh em. Ý chí của anh ta là nô lệ và nếu ý chí ra lệnh "Đừn'" thì anh ta sẽ khôn' làm.*

Vậy, ta hỏi lại lần nữa, làm người hoan' đã thì có tốt hơn làm người văn minh?

*Nghe này, người hoan' đã và người văn minh khôn' bị phân chia bởi bộ lạc hoặc đức tin hoặc các rặn' núi, khôn' phải thế, mỗi con người đều man' tron' mình cả hai. Người Xưa có Trí Thôn' Minh của thánh thần nhưn' cũn' có sự hoan' đã của bọn lừa và đó là điều dẫn đến Sụp Đổ. Một vài người hoan' đã mà tôi biết có một trái tim văn minh tuyệt đẹp đập tron' ngực. Có thể một vài người Kona cũn' thế. Khôn' đủ để nói như thế về toàn thể bộ lạc, nhưn' ai mà biết được một ngày nào đó? Một ngày nào đó.*

*"Một ngày nào đó" chỉ là một con bọ hi vọn' cho chún' ta. Ta nhớ Meronym đáp, nhưn' con bọ khôn' dễ đuổi đi. Bà Trăn' soi sán' một vết chàm vô cùn' kỳ lạ ngay dưới xươn' vai của bạn ta khi cô đã ngủ. Nó giốn' như một vết nhỏ tự vẽ lên, một cái đầu với sáu cái đuôi xòe ra, có màu nhạt trên nền da sẫm của cô, và ta tò mò tại sao mình chưa hề thấy nó trước đây. Ta lấy chăn che nó lại để cô khôn' bị nhiễm lạnh.*

Lúc này dòn' sôn' Mauka đổ ngoằn ngoèo xuống Thun' Lũn' Mauka tối tăm, nó chỉ cấp nước cho chừng năm – sáu hộ dân tron' cả thun' lữn' vì nơi này khôn' có mùa hè lý tưởng'. Khôn' có hộ dân Mauka nào chẵn dê nên đườn' mòn bị siết chặt bởi dây leo và bụi gai, có thể chọc thủng' mắt người nếu khôn' nhìn kỹ, rất khó khăn để ngựa đi qua. Ta bị cào xước dữ dội sau một phần tư dặm dù đã nấp sau lưng Meronym. Hộ dân cuối cùn' ở thượn'

nguồn thun' lữ' và nơi đầu tiên mà chún' ta đến là Nhà Thánh Sonmi, có trưởn' tộc là một người độc nhãn tên là Silvestri làm nghề trôn' khoai môn và yến mạch. Thiên hạ đồn rằn' Silvestri quá hãnh diện về các cô con gái của mình và nói xấu rằn' ôn' ta đã khôn' đón' góp đủ phí họp chợ làn'. Quần áo nằm rải rác quanh sân, các cô con gái đã bị bắt đi, nhưn' Silvestri thì khôn' đi đâu cả, cái đầu hói của lão đan' nằm trên cọc dũi theo chún' ta khi chún' ta cưỡi ngựa đến. Lão ở đó đã được một thời gian rồi, vì có giòi bọ và một con chuột béo đã bò lên cột và ăn xuyên qua con mắt lão khi chún' ta cưỡi ngựa đến. Phải, con quỷ có râu khịt khịt cái mũi sắc lẹm với ta, *Khỏe khôn', Zachry, cậu thấy Silvestri bây giờ trôn' có đẹp trai hơn trước khôn' nào?* nhưng ta khôn' thềm đếm xỉa đến lão. Một con gà nhảy ra từ ố'n' khói suýt nữa khiến ta hoản' hốt rơi khỏi ngựa, ta trưởn' là tiếng phát hiệu tập kích.

Giờ đây chún' ta có lựa chọn, tạm biệt con ngựa rồi thận trọn' tiến lên rằn' núi gồ ghề phía trên Thun' lữ' Pololu, hoặc đi theo con đườn' mòn Mauka xuống bãi biển và có nguy cơ chạm trán tên Kona lạc đàn nào đó đan' kết thúc đọt tấn côn'. Thời gian ngắn ngủi còn lại chọn cho chún' ta cách duy nhất là ở nguyên trên yên ngựa, vì chún' ta phải đến Ngón tay Ikat trước buổi trưa, mà nơi đó còn cách nhà Silvestri nhữn' mười dặm. Chún' ta bỏ qua Nhà của Blue Cole và Last Trout, khôn' còn thời gian ngó nghiêng' nữa. Một trận mưa ập xuống' từ Kohala nhưn' chún' ta đến được bãi biển mà khôn' bị tập kích dù bắt gặp nhữn' dấu vết mới của bọn Kona dưới nhữn' cây cọ lá hình ngón tay xòe. Hôm đó biển khôn' phẳn' lặn', nhưn' cũn' khôn' độn' mạnh đến nỗi có thể đánh úp thuyền kayak chèo tay. Tiến' tù và của bọn Kona van' lên gần xa khiến ta cảm thấy bất an. Ta nghe tên mình tron' tiến' rền van' đó. Khôn' khí căng ngạt và ta đã phớt lờ lời tiên báo thứ hai của mình, ta biết ta sẽ trả giá cho sinh mạng mình đã cướp đi không cần thiết.

Ở nơi bãi biển lờm chờm đá chạy dài lên thành Vách đá Medusa, chún' ta phải chuyển hướn' đi sâu vào đất liền qua nhữn' đồn điền chuối đến Đườn' mòn Pololu dẫn ra thun' lữ' phía bắc vào Vùn' Đất Chết và cuối cùn' là Ngón tay Ikat. Con đườn' mòn thu hẹp lại luồn qua hai tảng đá to màu đen, chún' ta chột nghe một tiến' huýt giả tiếng chim. Meronym đưa tay vào tron' áo choàn' nhưn' trước khi cô rút ra đồ bắn hình ố'n' xưởn' thì

hai lính gác Kona đã nhảy xuống' đỉnh hai tảng' đá. Bốn mũi tên chết người và chuẩn xác ngắm thẩn' vào đầu chún' ta, cách chỉ vài tấc. Qua nhữn' cây cao su ta thấy cả một toán quân Kona quý tha ma bắt! Khoản' một chục tên kị sĩ hoặc hơn đan' ngồi quanh một cái lều và ta biết chún' ta thế là toi đời trong khi quá gần đích đến.

*Mật mã là gì, kị sĩ? một tên lính canh oan' oan' hỏi.*

*Thế này là sao, tên lính kia, và tại sao? một tên khác chĩa cun' tên vào ngực ta. Một tên Dân' Thun' Lũn' mà dám đặt môn' lên ngựa chiến Kona hay sao? Chỉ huy của mi là ai, kị sĩ?*

Ta sợ chết khiếp và biết nét mặt ta nói lên tất cả. Meronym phát ra một tiến' găm gừ kỳ lạ đầy tức giận và nhìn bốn tên qua chiếc mũ giáp, sau đó hét lên một tiến' van' dội, khiến chim chóc bay vọt lên kêu hét tán loạn át cả tiến' cô. TẠ SAO LỮ CỨT CHUỘT QUỶ THA MA BẮT CÁC NGƯỜI DÁM VÔ LỄ NHƯ THẾ VỚI CHỈ HUY! CÁI MÔN' CỦA NÔ LỆ TA MUỐN NGỒI LÊN ĐÂU VÀ NHƯ THẾ NÀO THÌ NGỒI THEO LỆNH CỦA TA! CHỈ HUY CỦA TA LÀ AI Ừ? CHỈ HUY CỦA TA LÀ CHÍNH TA ĐÂY ĐỒ SÂU BỌ NGU XUẨN! RỜI KHỎI TẢN' ĐÁ NGAY TỨC KHẮC RỒI ĐƯA ĐỘI TRƯỜN' CỦA CÁC NGƯỜI LẠI ĐÂY NGAY, BẦN' KHÔN' TA THỀ NHÂN DANH TẤT CẢ CÁC THẦN CHIẾN TRANH TA SẼ LỘT DA ĐÓN' CỌC CÁC NGƯỜI VÀO CÂY TỔ ON' GẦN NHẤT!

Một kế hoạch tuyệt vọn' và bất thườn'. Màn kịch của Meronym giành thẩn' lợi tron' khoảnh khắc và chỉ một khoảnh khắc là đủ. Hai tên lính canh mặt xanh như tàu lá hạ cun' tên xuống' và nhảy xuống' lối đi. Hai tên còn lại biến mất về phía sau. Ksss! Ksss! Hai tên Kona trước mặt chún' ta khôn' còn đứn' dậy được nữa, Meronym đột nhiên thúc giầy và con ngựa rồn' lên, đá hậu rồi lao vọt về trước khiến ta bị mất thẩn' bắn'. Tay Sonmi giữ ta còn ngồi trên yên, vì nếu khôn' phải là bà thì là ai? Tiến' la hét *Dừn' lại! và tiến' tù và đồn dập sau lưn' chún' ta, con ngựa phi nước đại và một tiến' fsssssssss-kwangggggggg* van' lên khi mũi tên đầu tiên xuyên qua cành cây mà ta chạy phía dưới, rồi sau đó một cơn đau điển' xâm nhập bắp chân trái của ta ngay chỗ này này, ta cảm thấy choán' ván', như cơ thể nhận biết có gì đó bị tổn thương' rất nặng' khôn' thể chữa trị. Nhìn đây, ta sẽ kéo ốn' quần lên và các con có thể thấy vết sẹo nơi mũi tên cắm vào... phải rồi, nó

đau đớn khôn' thể tả.

Chún' ta phi nước đại xuống đườn' Pololu qua nền đất gồ ghề rễ cây, nhanh hơn cả trượt bên tron' một đườn' ốn', rất khó giữ thăn' bần', ta khôn' thể làm gì trước cuộc truy đuổi thịnh nộ đó ngoài việc ôm chặt eo Meronym và cố gấn' nhấp mình theo nhịp ngựa phi bằng chân phải nếu khôn' sẽ bị rơi xuống', và chẳn' còn thời gian để mà leo lên lun' ngựa lần nữa trước khi bọn Kona và nhữn' chiếc cun' tên thấu xươn' của chún' đuổi kịp chún' ta.

Con đườn' mòn chạy xuyên qua đườn' hầm tạo thành từ nhữn' hàn' cây đến cây cầu của Người Xưa bắc qua sông Pololu đổ ra biển, nơi đánh dấu cực bắc của Thun' lữn'. Lúc này ta chỉ còn vài trăm bước là đến cây cầu thì mặt trời lộ ra khỏi đám mây, ta nhìn về trước và tấm ván cầu đã sờn bừn' sán' vằn' rục, còn nhữn' trụ chốn' gỉ sét ngả màu đôn' tối. Cơn đau của ta làm lon' ra một ký ức, đún' vậy, lời tiên báo thứ ba của ta. *Đôn' đăn' bốc cháy, chớ bần' qua cầu.* Ta khôn' thể giải cho thích cho Meronym trên con ngựa đăn' phi nước đại vì thế ta chỉ hét lên vào tai cô, *Tôi bị bần'!*

Cô dừn' ngựa lại cách cây cầu chỉ một quãn' ngắn.

*Ở đâu?*

Bấp chân trái, ta đáp. Meronym quay lại nhìn đầy lo lắng'. Chưa có dấu hiệu của nhữn' kẻ đuổi theo, vì vậy cô nhảy xuống' ngựa để nhìn kỹ vết thươn'. Cô chạm vào nó khiến ta rên lên. *Lúc này mũi tên đăn' cắm vào vết thươn', ta phải đến được nơi an toàn đã rồi tôi sẽ...*

Tiến' vó ngựa dòn dập đổ đến gần đườn' Pololu.

Lúc đó ta nói với cô, chún' ta khôn' thể vượt qua cây cầu đó. *Cái gì? Cô quay phắt lại để nhìn vào mắt ta. Zachry, ý cậu nói là cây cầu đó khôn' an toàn?*

Đến lúc đó ta biết rằn' cây cầu đủ chắc, ta thườn' đưa Jonas đi nhặt trún' chim ở phía bắc khi nó còn bé và McAulyff của Nhà Last Trout thườn' đi săn hải cẩu qua cây cầu đó với chiếc xe thồ tron' nhiều con trăn', nhưn' một giấc mơ ở Biểu Tượn' Tháp khôn' nói dối, chưa bao giờ, và Trườn' lão đã dặn ta ghi nhớ những lời tiên báo của ta để đến một ngày đặc biệt và ngày đó là hôm nay. Ý tôi là, ta đáp, *Sonmi đã nói với tôi đừn' đi qua cây cầu này.*

Sợ hãi khiến Meronym phát cáu, cô ta cũn' là con người như các con và ta thôi. *Vậy Sonmi có biết là chún' ta bị một đạo quân Kona hun' hãn truy đuổi bén gót khôn'?*

Sôn' Pololu mở rộn' ra ở vùn' giáp biển, ta chỉ cho cô thấy, vì thế nó khôn' quá sâu và dòn' chảy cũn' khôn' quá xiết. Con đườn' mòn chia làm hai ngay trước cây cầu ở ngay nơi chún' ta đan' đứn', nó dẫn xuống một đườn' nối dài có thể đến được con sôn'. Tiến' vó ngựa van' lên mỗi lúc một gần và bọn Kona sẽ sớm phát hiện ra chún' ta.

Ái chà, Meronym tin vào lời nói ngớ ngẩn của ta, ta khôn' biết tại sao nhun' cô đã nghe theo, ngay sau đó dòn' Pololu chói chan' lạnh buốt đã làm tê dại vết thương' của ta nhun' con ngựa trượt xuống' đây khó nhọc trên bờ sôn' đầy đá cuội. *Padddooom padddooom*, ba tên Kona cưỡi ngựa lên cầu và nhìn thấy chún' ta, khôn' khí xun' quanh chún' ta run' lên và bị xé toạc với một mũi tên, hai mũi tên, mũi thứ ba trún' nước làm vắn' nước lên chún' ta. Ba tên Kona mới đến bắt kịp ba tên trước và khôn' ngừn' bắn, chún' đan' rầm rập chạy qua cây cầu Pololu để cắt đườn' chún' ta ở bờ bên kia. Tuyệt vọn', ta nguyên rủa bản thân, Đứn' vậy, chún' ta sẽ chết tốt như lũ vịt hoang, ta thâm nghĩ.

Bây giờ các con biết khi mình chặt một cái cây để xẻ gỗ chứ gì? Tiến' độn' sau nhát rựa cuối cùn', tiến' gỗ răn' rắc và toàn' thân cây rên lên thê thảm khi nó ngã xuống'? Đó là nhữn' gì ta nghe thấy. Rõ ràn' một hoặc hai Dân Thun' Lũn' nhẹ nhàng bần' qua cầu cùng với chiếc xe đẩy là một chuyện, nhun' một con ngựa phi nước đại lại là chuyện khác, và sáu-bảy-tám con ngựa chiến Kona mặc giáp phi nước đại là quá nhiều. Cây cầu đó vỡ nát như được làm bần' rom rạ, trụ cầu gãy răn' rắc, ván cầu chẻ đôi còn dây treo thì đứt phụt.

Đó khôn' phải là cú rơi nhẹ nhàn'. Có mười lăm người hoặc hơn trên cầu Pololu. Nhữn' con ngựa rơi xuống', ngựa bụn' xoay vòn' vòn', nhữn' kẻ cưỡi ngựa thì chơi với, và như ta đã nói sôn' Pololu khôn' phải là một cái ao an toàn ngã xuống' là nổi lên được, khôn' hề, nó là một dòn' nước lổn nhổn nhữn' tẩn' đá bần' phẩn' lẫn nhọn hoắt khiến nhữn' cú rơi của chún' thật thảm hại, thật sự thảm hại. Khôn' tên Kona nào trồi lên, chỉ có hai-ba con

ngựa đán' thươn' nằm giãy dựa nhưn' chẳn' còn thời gian để lo lẩn' cho sinh mạn' loài vật nữa.

Thế đấy, chuyện kể của ta đã gần hết rồi. Meronym và ta đến được bờ bên kia và ta thầm cảm tạ Sonmi dù khôn' còn Văn minh Thun' Lũn' để cứu vớt nữa, bà đã cứu mạn' ta lần cuối cùn'. Ta nghĩ nhưn' kẻ còn lại tron' toán quân Kona quá bận rộn với nhưn' binh sĩ bị ngã và chìm nên chún' khôn' đuổi theo chún' ta. Chún' ta bắ' qua Cồn cát Lornsone và cuối cùn' đến được Ngón Tay Ikat mà khôn' gặp trở ngại gì. Khôn' có chiếc kayak nào đợi ở đó nhưn' chún' ta vẫn xuốn' ngựa và Meronym dùn' Trí Thôn' Minh của cô trên bắp chân bị trún' tên của ta. Khi cô rút mũi tên ra, cơn đau chạy lên người ta và phủ lên hết mọi giác quan nên thật tình mà nói ta khôn' nhìn thấy nhưn' chiếc kayak của Maui đến cùn' với Duophysite. Lúc này bạn ta cần phải lựa chọn, đó là đưa ta lên chiếc kayak đó hoặc để ta ở lại Đảo Lớn, khôn' thể đi lại hoặc làm bất kỳ chuyện gì, ở cách chỗ bọn Kona khôn' xa. Và rồi, ta đán' ngồi đây kể chuyện cho các con nghe, vì vậy các con biết Meronym đã chọn gì rồi đấy, có lúc ta cũn' hồi hận về quyết định của cô, có lúc thì khôn'. Tiến' hát của nhưn' người chèo thuyền tron' bộ lạc mới của ta đánh thức ta dậy khi đã ở nửa đườn' bắ' qua eo biển. Meronym đán' thay miến' bắ' đắp lên vết thươn' của ta, cô đã dùn' một ít thuốc Thôn' Minh để làm tê vết thươn' đi rất nhiều.

Ta nhìn nhưn' đám mây trôi bôn' bênh từ sàn chiếc kayak đó. Linh hồn bay ngan' đời như mây bắ' qua trời, và dù hình thù hoặc màu sắc hoặc kích cỡ một đám mây luôn thay đổi nhưn' nó vẫn là một đám mây và linh hồn cũn' thế. Ai có thể nói mây được thổi đến từ đâu hay linh hồn sẽ thành ai vào ngày mai? Chỉ có Sonmi là phươn' đôn' và phươn' tây và la bàn và bản đồ, phải, chỉ có bản đồ mây.

Duophysite thấy ta đã mở mắt nên chỉ Đảo Lớn cho ta, màu tím trên nền xanh ở phía đôn' nam và Mauna Kea che đầu như một cô dâu e thẹn. Phải, toàn thể Thế giới của ta và toàn bộ cuộc đời ta thu nhỏ lại vừa đủ để chui lọt vào chữ O giữa ngón cái và ngón trỏ của ta ấy vậy.

\* \* \* \*

Ôn' bố già Zachry của tôi là một người kỳ quặc, tôi sẽ khôn' nói khác đi

cho dù giờ này ôn' đã khuất. Hầu hết nhữn' chuyện kể của ôn' cũn' chỉ là cái rắm vẹt thi vị và khi ở tuổi gần đất xa trời ôn' thậm chí còn tin rằn' Meronym Người Tiên Tri chính là Sonmi thiên' liên' tôn' quý của ôn', phải, ôn' khẳn' định như thế, ôn' nói ôn' biết bởi vết chàm hình sao chổi.

Tôi có tin chuyện kể của ôn' về Kona và cuộc chạy trốn của ôn' từ Đảo Lớn khôn'? Hầu hết chuyện kể đều có một chút sự thật, một số chuyện kể có một số sự thật, và chỉ một ít chuyện kể có rất nhiều sự thật. Chuyện về Meronym Người Tiên Tri gần như là thật, tôi nghĩ thế. Số là, sau khi bố mất, chị tôi và tôi đã lục lọi đồ đạc của ôn' và tôi tìm thấy quả trứn' bạc mà ôn' gọi là "orison" tron' chuyện kể của ôn'. Như bố đã kể, nếu bạn làm ấm quả trứn' tron' tay, một ma nữ xinh đẹp sẽ hiện ra tron' khôn' trun' và nói bần' thứ tiến' của Người Xưa mà khôn' ai còn sốn' hiểu được, lúc này hoặc mãi mãi. Đó khôn' phải là Trí Thôn' Minh mà bạn có thể sử dụng' vì nó khôn' giết chết nhữn' tên cướp biển Kona hay làm no bụn', nhum' có nhữn' buổi hoàn' hôn, anh em họ hàn' tôi lại đánh thức ma nữ dậy để xem cô lơ lửng' và tỏa sán'. Cô thật đẹp và làm cho bọn trẻ con thích mê toi, còn nhữn' lời thì thâm của cô thì ru ngủ nhữn' bé sơ sinh.

Hãy ngồi xuống' đây một lát.

Đưa tay của bạn ra.

Nhìn xem.

Orison của Sonmi ~ 451

*Vậy thì Hae-Joo Im là ai, nếu anh ta “không hẳn là người anh ta từng nhận”?*

Tôi làm chính mình ngạc nhiên khi tự trả lời câu hỏi đó: “Liên Đoàn.”

Hae-Joo nói, “Đó là niềm vinh dự của tôi, đúng vậy.”

Sinh viên Xi-Li cực kỳ bất loạn.

Hae-Joo nói với tôi nếu tôi không đặt niềm tin vào anh ấy, tôi sẽ chết trong vài phút nữa.

Tôi gật đầu đồng ý, tôi sẽ tin anh ấy.

*Nhưng anh ta đã nói dối với cô về thân thế của mình – tại sao lại tin anh ta lần này? Sao cô biết chắc chắn rằng anh ta không định bắt cóc cô?*

Tôi có biết chắc chắn đâu. Quyết định của tôi cũng chỉ là cảm tính mà thôi. Tôi chỉ có thể hi vọng thời gian sẽ chứng minh quyết định đó là có cơ sở. Chúng tôi bỏ dở Timothy Canvedish với vận mệnh mờ mịt của ông ta và khẩn trương tìm đến vận mệnh của mình, chạy xuống cầu thang; thang cuốn có thể đọc được Soul và có thể được kiểm soát để cài bẫy chúng tôi. Các hành lang trôi qua, cửa chống cháy đung đưa, những lối đi chìm vào bóng tối. Hae-Joo gần như xốc tôi đi xuống cầu thang; không có thời gian để tôi tự tìm cách xoay sở.

Ở tầng hầm phụ, ông Chang đang đợi trong một chiếc ford giản dị. Chúng tôi không có thời gian chào hỏi. Chiếc xe tăng tốc qua một loạt đường hầm và bãi đỗ ford. Ông Chang liếc nhìn sony, báo rằng đường đi hướng bắc và hướng đông đã bị phong tỏa, nhưng đường trượt có vẻ vẫn còn đi được và người của họ sẽ đợi họ ở đó.

Hae-Joo yêu cầu tìm cách đi đường trượt. Sau đó anh lấy ra một chiếc dao bấm từ ví tiền rồi cắt đầu ngón tay trái, nặn ra một quả trứng kim loại bé xíu. Ném nó ra từ cửa xe, anh yêu cầu tôi ném bỏ chiếc Nhãn Soul của mình theo cách đó. Xi-Li cũng cắt Soul của anh ta.

*Liên Đoàn viên thực sự cắt bỏ Soul bất tử mà Chủ Thể ban cho họ sao?*

Nếu không thì một phong trào phản kháng làm sao để tránh né Nhất Đảng? Không làm thế thì họ có nguy cơ bị phát hiện mỗi khi vượt qua chốt đèn giao thông. Chiếc ford chạy ôm theo một đoạn dốc và một con bả phosphate làm nổ tung cửa sổ; kim loại nghiền ken két; chiếc ford cào dọc

bức tường, va chạm một cú thật mạnh rồi dừng lại đột ngột.

Từ nơi ẩn nấp tôi nghe thấy nhiều tiếng súng nổ.

Chiếc ford rung lên rồi tăng tốc; tôi nghe tiếng thân người bị hất khỏi xe. Một tiếng rên rỉ vang lên: đó là Xi-Li. Hae-Joo chĩa súng vào đầu Xi-Li rồi bóp cò.

*Cái gì? Tại sao?*

Đạn của Nhất Đảng chứa kalodoxalyn và siêu hoạt khí, sau này tôi mới biết. Kalodoxalyn là một chất độc có thể nướng chín nạn nhân trong đầu đống, vì vậy tiếng gào thét sẽ tố cáo nơi ẩn nấp của anh ta; siêu hoạt khí giúp cho anh ta không bị bất tỉnh. Xi-Li gục xuống ở tư thế bào thai. Hae-Joo hạ khẩu súng. Chàng nghiên cứu sinh vui vẻ mà tôi từng biết đã biến mất; tôi tự hỏi liệu anh ấy có bao giờ thực sự như thế.

Mưa gió lùa vào những cửa sổ bị bắn vỡ. Ông Chang cho xe chạy vào một con hẻm đầy rác rưởi chật hẹp, hất tung các đường ống cống, cho đến khi ra đường vành ngoài. Phía trước là những ánh đèn chớp tắt màu đỏ-xanh ở các cánh cổng khu học xá. Một chiếc không cơ lơ lửng phạt ngay cây cối; tiếng loa phóng thanh cấp bách phát lệnh loạn xạ cho ai chẳng biết. Ông Chang bảo chúng tôi bám chắc, tắt máy rồi đánh tay lái lao ra khỏi làn đường. Chiếc ford nảy lên; trần xe đập vào đầu tôi đau điếng; bằng cách nào đó Hae-Joo vẫn che chở được cho tôi. Chiếc ford tăng tốc, lấy lại trọng lượng lẫn phi trọng lượng.

Tôi nhớ cú rơi xuống: nó làm long ra một ký ức thuở xa xưa về bóng đêm, lực quán tính, trọng lực, về lúc mắc kẹt trong một chiếc ford khác; tôi không thể tìm ra nguồn gốc những ký ức của chính mình.

Tre trúc bị xẻ toạc, kim loại bẹp dúm, xương sườn tôi đập xuống sàn. Sự hỗn loạn và tiếng ồn xóa nhòa tất cả.

Chiếc ford đã chết máy. Tôi nghe tiếng côn trùng rì rả và tiếng mưa tí tách trên lá, rồi những tiếng thì thầm khản trương. Tôi bị đè chặt bên dưới Hae-Joo, lúc này đang cựa quậy và rên rỉ. Một ánh đèn chiếu vào mắt tôi; người cầm đèn hỏi có ai còn tỉnh không. Tôi nghe tiếng ông Chang nhờ mở cửa xe. Không lâu sau những bàn tay kéo Hae-Joo, ông Chang và tôi ra khỏi chiếc ford nát bét; tôi bị bầm dập nhưng không chấn thương nặng. Thi thể

của Xi-Li được để nguyên vị trí. Những khuôn mặt lo lắng, những khuôn mặt quyết tâm, những khuôn mặt hiếm khi ngủ đủ: thành viên Liên Đoàn. Tôi được đưa xuống một miệng cống. Tay tôi nắm chặt những nấc thang; đầu gối bò lết dọc theo một đường hầm ngắn. Thêm nhiều cánh tay đỡ tôi vào một nơi mà sau này tôi mới nhận ra là tiệm cơ khí. Tôi được đặt vào một chiếc ford thông minh hai chỗ ngồi. Mệnh lệnh được ban hành; thông điệp được truyền đạt. Cửa xe phía tài xế mở ra và Hae-Joo chui vào rồi nổ máy. Cửa garage giật bung ra.

Chúng tôi lái xe qua những con đường nhỏ ngoại ô trước khi bẻ lái vào một đường huyết mạch đang kẹt xe. Những chiếc ford xung quanh chở những hành khách cô đơn, những cặp đôi hò hẹn, những gia đình nhỏ, có xe điềm tĩnh, có xe om sòm. Tôi nhận ra ông Chang đã biến mất không lời từ biệt, một lần nữa. Khi Hae-Joo cuối cùng cũng lên tiếng, giọng anh run run. Anh nói nếu anh bị trúng đạn, tôi phải lập tức trợ tử cho anh như anh đã làm với Xi-Li.

Tôi không biết phải trả lời thế nào. Liên Đoàn viên xin tôi hãy kiên nhẫn thêm một chút nữa, nói rằng nếu chúng tôi bị bắt lúc này thì tôi biết càng ít càng tốt. Anh nói thêm, chúng tôi còn một đêm bận rộn trước mắt. Đầu tiên, chúng tôi phải đến Huamdonggil. Anh có bao giờ đến thăm khu đó chưa, Lưu Trữ Viên?

*Chưa. Tôi sẽ bị Bộ đuổi cổ nếu bị phát hiện có mặt ở một khu ổ chuột á nhân<sup>[55]</sup>. Cô đã thấy gì ở đó?*

Huamdonggil là một mê cung nguy hiểm với các phần tử tệ nạn, nhà tranh vách đất, quán trọ rẻ tiền, hiệu cầm đồ, tiệm thuốc phiện và những tổ ấm thuộc về một thế giới tăm tối hơn. Hae-Joo đỗ chiếc ford ở một bãi có khóa, dặn tôi phải trùm mũ che đầu và mắt lại, vì những người nhân bản vô tính bị ăn cắp thường được đưa vào các nhà chứa trong khu ổ chuột – sau những ca phẫu thuật vụng về để có thể hành nghề.

Những con hẻm quanh co và đường ống rỉ nước cống. Nhiều người thường ngồi gục trên các bậc cửa, da họ bị viêm tấy do tiếp xúc quá lâu với thứ nước mưa nóng bỏng của thành phố. Trẻ con chơi té nước từ những vũng ao tù nước đọng. Tôi hỏi ai sống ở đây, Hae-Joo kể các bệnh viện đã

rút cạn Soul của những di dân mắc bệnh viêm não hoặc phổi nhiễm chì cho đến khi họ chỉ còn đủ đô la cho một liều thuốc trợ tử – hoặc một chuyến đến Huamdonggil.

Tôi không hiểu nổi tại sao di dân lại rời bỏ các Khu Sản Xuất của họ để đến với một vận mệnh như thế này. Hae-Joo liệt kê bệnh sốt rét, lũ lụt, hạn hán, hoa màu bị dịch bệnh, ký sinh trùng, đất chết xâm lấn, và một mong ước giản dị là cuộc sống tốt hơn cho con cái họ. Anh an ủi tôi rằng tập đoàn Papa Song còn nhân đạo chán so với những nhà máy khiến nhiều di dân phải bỏ cửa chạy lấy người. Bọn buôn người hứa hẹn với họ rằng ở khu Muối Hai Đô Thị, đô la rơi từ *trên trời* xuống – di dân tin điều đó, và chỉ phát hiện ra sự thật khi họ đã trở thành á nhân. Bọn buôn người chỉ đưa người ta đi một chiều. Hae-Joo đẩy tôi tránh một con chuột hai đầu kêu meo meo, cảnh báo rằng chúng thích cắn người.

Tôi hỏi tại sao Hội đồng Thành phố lại chấp nhận một sự bản thủ thế này.

Hae-Joo kể rằng Huamdonggil được xem như một cái bồn xả hóa chất nơi những chất thải không mong muốn của con người từ từ phân hủy, một cách kín đáo; nhưng không hẳn là vô hình. Những khu ổ chuột á nhân thúc đẩy người tiêu dùng tầng lớp dưới bằng cách cho họ thấy điều gì chờ đợi những kẻ không biết tiêu xài và lao động như những công dân gương mẫu. Các doanh nghiệp thì lợi dụng khoảng chân không pháp luật để dựng lên những khu vui vẻ ghê tởm trong các khu ổ chuột, Huamdonggil tồn tại nhờ trả thuế và hối lộ cho tầng lớp trên. MediCorp mở một bệnh viện hàng tuần cho những á nhân sắp chết để đổi những bộ phận cơ thể còn khỏe mạnh lấy thuốc trợ tử; OrganiCorp thì có được một hợp đồng béo bở với khu đô thị để gửi những nhóm người nhân bản vô tính miễn dịch – không khác với người thảm họa là mấy – mỗi ngày đến dọn dẹp xác chết trước khi ruồi muỗi bầu đầy. Người dẫn đường của tôi khi đó bảo tôi giữ im lặng, vì chúng tôi đã đến nơi.

*Chính xác thì đó là gì?*

Tôi nhớ được một quán mặt chược có thanh rằm sơn trắng để ngăn nước cống không chảy vào; nhưng bây giờ thì tôi chịu, có nhìn cũng không

nhận ra tòa nhà đó lần nữa. Huamdonggil không đánh số nhà hoặc chia bản đồ. Hae-Joo gõ cửa, một ô mắt chớp nháy, then cửa mở lách cách, và một người gác cổng mở cửa ra. Chiếc áo giáp của ông ta lấm bẩn, thanh sắt ông ta cầm có khả năng sát thương, và ông ta găm gù bảo chúng tôi đợi Ma Arak Na ở đó. Tôi thắc mắc không biết ông ta có đeo vòng cổ người nhân bản vô tính dưới cổ áo hay không.

Một hành lang ngập ngựa khối rẽ khuất tầm mắt, trên tường đầy những màn cửa giấy. Tôi nghe tiếng chơi mặt chược; người thấy mùi bàn chân; nhìn những người phục vụ ăn mặc kỳ dị bê những khay đựng thức uống. Nét mặt hối hả của họ chuyển thành nét hân hoan nữ tính mỗi khi họ kéo mở màn cửa giấy. Tôi làm theo Hae-Joo và cởi nỉ ra, đôi giày đã bị vấy bẩn bởi những con hẻm Huamdonggil.

“Cậu sẽ không đến đây nếu tin tức không quá xấu,” tôi nghe một giọng nói chối tai. Chủ nhân của nó nói với chúng tôi từ một cửa sập trên trần. Tôi không biết chắc đôi môi có màng, đôi mắt hình bán nguyệt và tiếng nói đứt quãng của bà ta là được lập trình hay biến đổi gen. Những ngón tay chạm ngọc lộm cộm của bà ta nắm lấy mép cánh cửa sập.

Hae-Joo di chuyển thẳng đến dưới ô vuông và trò chuyện với Ma Arak Na, người mà tôi đoán là bà chủ của khu nhà này. Liên Đoàn viên nói với bà ta rằng một chi bộ đã gặp nạn, Mephi và chi bộ của ông ta đã bị bắt còn Xi-Li đã chết.

Lưỡi của Ma Arak Na dài gấp đôi bình thường; bà ta dùng nó để đuổi một con ruồi. Đôi mắt bà ta lóe sáng trong bóng tối căn gác. Bà ta hỏi đại họa đã lây lan bao nhiêu. Hae-Joo đáp anh đến đây cũng là để làm rõ chính câu hỏi đó. Bà chủ khu nhà bảo chúng tôi di chuyển sang phòng khách.

### *Phòng khách?*

Một căn phòng trống nằm sau một nhà bếp ồn ào và một bức tường giả, thấp sáng bằng một đèn mặt trời yếu ớt. Một tách nước chanh màu ngọc đỏ nằm trên mép một lò than bằng gang có tuổi thọ cao hơn cả tòa nhà, có khi là cả thành phố. Chúng tôi ngồi lên những tấm đệm đã sờn trên sàn nhà. Hae-Joo uống một ngụm nước chanh rồi nói tôi đã có thể bỏ mũ trùm ra. Tiếng giậm chân và tiếng cọt két vọng ra từ trần nhà lát ván, một cánh

cửa sập mở ra, khuôn mặt của Ma Arak Na xuất hiện. Bà ta nhìn thấy mặt tôi nhưng trong giọng nói không biểu lộ sự ngạc nhiên.

Chiếc lò than cổ kêu rè rè với một mạch điện cực kỳ hiện đại. Một trường bóng tối và im lặng hình cầu tỏa ra cho đến khi bao phủ toàn phòng khách, xóa nhòa tiếng ồn trong nhà bếp. Ánh sáng ngũ sắc phía trên chiếc lò than hóa thành một con cá chép.

*Cá chép? Là một loại cá đấy à?*

Một con cá chép thiêng dài nửa mét, màu ngọc trai và cam, thân có những đốm mốc, râu dài. Một cú quẫy đuôi lười nhác đẩy con cá tiến về phía tôi. Rễ những cây bông súng rã ra khi con cá di chuyển. Đôi mắt cổ đại của nó đọc đôi mắt tôi; những chiếc vây hai bên gọn sóng, làm cho nó nổi bồng bênh. Con cá chép chìm xuống vài tấc để đọc vòng cổ tôi, và tôi nghe tiếng một ông già đọc lên tên mình. Tôi nhìn Hae-Joo, nhưng chẳng thấy được anh ấy qua làn không khí u ám dưới nước.

“Tôi cảm kích sâu sắc khi nhìn thấy cô,” giọng nói 3D được thu âm nghe học thức nhưng rời rạc, “cũng như rất hân hạnh được gặp cô.” Con cá chép giới thiệu mình là An-Kor Apis thuộc Liên Đoàn, và xin lỗi vì sự thể hiện hình ảnh đầy tính ước lệ; ngụy trang là tối quan trọng, vì Nhất Đảng đang rà soát mọi tần số vào đêm hôm đó.

Tôi trả lời rằng mình hiểu, một cách ngập ngừng.

An-Kor Apis hứa tôi sẽ sớm hiểu ra nhiều hơn, và xin tôi hãy kiên nhẫn thêm một chút nữa. Con cá chép quẫy đuôi tiến về Hae-Joo, gọi người đồng hành của tôi là Chỉ huy Im.

Hae-Joo báo cáo anh đã trợ tử cho Xi-Li.

Apis nói ông đã biết tin này, và không có liều thuốc gây tê nào cho nỗi đau của Hae-Joo. Ông nhắc Hae-Joo rằng Nhất Đảng đã giết Xi-Li; Hae-Joo đã giải thoát cho cậu ấy, và ông động viên Hae-Joo phải đảm bảo rằng sự hi sinh của Xi-Li đã không uổng phí. Tiếp đó là phần tóm tắt tình hình: sáu chi bộ đã bị bại lộ, và mười hai chi bộ nữa bị cắt đứt. Chủ tịch Mephi đã tìm cách tự kết liễu trước khi bị tra tấn. Sau đó con cá chép ra lệnh cho Hae-Joo đưa tôi rời khu đô thị qua Cổng Tây Một, đi tiếp về phía bắc có hộ tống; và nghĩ kỹ về những gì ông đã dặn.

Con cá chép bơi một vòng, biến mất vào bức tường của phòng khách, trước khi tái xuất hiện qua ngực tôi. “Cô đã khéo chọn bạn đấy, Sonmi,” Apis nói với tôi. “Chúng ta có thể cùng nhau đạt được thay đổi, những thay đổi lớn, những thay đổi lịch sử để chuyển hóa xã hội chúng ta.” Ông ta hứa chúng tôi sẽ sớm gặp lại nhau.

Khối cầu thu trở lại vào chiếc lò than khi phòng khách trở lại trạng thái ban đầu. Con cá chép trở thành một vệt ánh sáng, một chấm nhỏ; rồi chẳng còn gì.

*Hae-Joo dự định làm cách nào để băng qua lối ra khu đô thị mà không có Soul trong ngón trở?*

Người cấy Soul được đưa đến sau đó vài phút. Một người đàn ông mảnh khảnh, ẩn danh, ông ta xem xét ngón tay bị rách của Hae-Joo với một sự tỉ mỉ chuyên nghiệp; gấp ra một mẫu tí hon từ một túi keo lỏng; cấy nó vào mô sống rồi xịt da lên ngón tay. Tôi tự hỏi làm cách nào mà một chấm nhỏ trông hết sức tầm thường như thế lại có thể ban quyền tiêu dùng cho người giữ nó trong khi kết án thân phận nô dịch tồi tệ cho những kẻ thiếu nó. “Tên mới của anh là Ok-Kyun Pyo,” người cấy Soul nói với Hae-Joo, và nói thêm rằng bất kỳ sony nào cũng có thể tải về lịch sử của anh.

Người cấy Soul quay sang tôi, vừa nói vừa lấy ra một chiếc kềm laser. Ông ta giải thích tia laser này cắt được thép nhưng không bao giờ làm xước một mô sống nào, vì vậy tôi sẽ chỉ cảm thấy hơi nhột một tí mà thôi. Tôi nghe một tiếng tách. “Bây giờ đến mã vạch dưới da.” Người cấy Soul phết thuốc gây tê lên cổ họng tôi, báo trước rằng tiếp theo sẽ đau, nhưng phần ẩm của lưỡi dao sẽ ngăn không cho mã vạch nổ tung khi tiếp xúc với không khí và cắt lìa đầu tôi khỏi người.

“Thật tài tình,” Hae-Joo lẩm bẩm. Anh nắm tay tôi.

“Tất nhiên là tài tình rồi,” người cấy Soul đáp lời. “Tôi chính là người thiết kế ra nó mà.” Ông ta tiếc rẻ vì đã không đăng ký bằng sáng chế và bảo Hae-Joo chuẩn bị sẵn một miếng vải để thấm máu. Một cơn đau như dao cắt xé toạc cổ họng tôi. Hae-Joo thấm máu; người cấy Soul cho tôi xem mã vạch của Sonmi-451 kẹp trên đầu nhíp và cho tôi biết ông ta sẽ đích thân vút bỏ nó một cách cẩn thận. Ông ta xịt thuốc lên vết thương của tôi rồi bơi

một lớp hóa trang màu da, dặn tôi thay băng trước khi ngủ. “Còn bây giờ,” ông nói tiếp, “tôi đã phạm phải một tội ác quá mới mẻ đến nỗi nó còn chưa có tên. Cây Soul cho một người nhân bản vô tính. Nhưng thay vì nhận được một huy hiệu bằng đồng, một nobel về thành tích khoa học xuất sắc và một chức vụ ngồi chơi xơi nước ở trường đại học, thì tôi chỉ nhận được mỗi một băng ghế đảm bảo ở Ngọn hải đăng mà thôi.”

Và một đoạn trong lịch sử đấu tranh chống lại tập đoàn, Hae-Joo nhận xét.

Người cấy Soul đáp, “Cám ơn, người anh em. Cả một đoạn dài.” Cuộc phẫu thuật diễn ra thật nhanh chóng. Ông ta đặt bàn tay phải của tôi lên một miếng vải, bôi thuốc tê, rạch lên đầu thịt của ngón trỏ, chấm bông băng để thấm máu, gấp Soul của tôi cho vào vết cắt, rồi xịt thuốc mọc da lên để che mọi bằng chứng về sự tiến hóa đột ngột của tôi lên tầng lớp con người. Lần này sự mỉa mai của ông phản bội thái độ trịnh trọng nghiêm túc. “Câu cho Soul của cô sẽ đem lại cho cô nhiều may mắn ở miền đất hứa, cô em Yun-Ah Yoo ạ.”

Tôi cảm ơn ông. Tôi đã quên hẳn rằng Ma Arak Na đang quan sát từ cửa sập trên trần nhà. “Em Yoo tốt nhất nên có một khuôn mặt mới cho Soul mới của mình,” bà ta nói, “nếu không sẽ có vài câu hỏi bất tiện xuất hiện từ đây đến miền đất hứa đấy.”

*Vậy tôi đoán điểm đến tiếp theo của cô là thợ cạo da mặt.*

Đúng vậy. Người gác cửa đưa chúng tôi đến tận Đường T'oegyero, ở biên giới phía bắc của Huamdonggil. Chúng tôi đi tàu điện ngầm đến một trung tâm thương mại từng rất thịnh hành ở Shinch'on rồi đi thang cuốn qua những ngọn đèn chùm ngân nga những bài thánh thi của Chủ tịch Toàn năng, đến một địa phận vắng vẻ ở tầng mái che, nơi chỉ những người khách biết rõ điểm đến của mình mới bén mảng. Hae-Joo dẫn tôi qua những ngã rẽ có lối vào bí mật và những bảng tên mã hóa đến một cánh cửa đơn giản. Một bông hoa lily màu cam nở trong hốc tường. “Đừng nói chuyện với bà chủ,” anh dặn tôi, trong lúc bấm chuông. “Gai bà ta nhọn lắm, phải nhẹ tay mới được.”

Hoa lily cam nổi vằn sáng rực và hỏi chúng tôi đến có việc gì.

Hae-Joo đáp chúng tôi có hẹn với Bà Ovid.

Bông hoa co lại để nhìn chúng tôi rồi bảo chúng tôi đợi.

Cửa mở ra: “Tôi là Bà Ovid đây,” một người phụ nữ có làn da màu ngà tuyên bố, “và không có cuộc hẹn nào như thế cả.” Thuốc hồi xuân đã đóng băng vẻ đẹp nghiệt ngã của bà ta ở tuổi đôi mươi, từ rất lâu trước đó, nhưng giọng bà ta thì danh như tiếng cưa. “Chuyên viên sinh mỹ phẩm của chúng tôi chỉ nhận làm cho người được giới thiệu riêng. Thử đến những ‘người làm mặt’ ở các tầng dưới xem sao.”

Cánh cửa đóng sầm trước mặt chúng tôi.

Hae-Joo hắng giọng rồi nói vào hoa lily cam. “Xin vui lòng thông báo với Bà Ovid khả kính,” anh nói, “rằng Phu nhân Heem-Young gửi lời chào trân trọng.”

Một sự im lặng tiếp nối. Hoa lily cam đỏ ửng lên rồi hỏi chúng tôi đi đường có xa không. Tôi nhận ra một loạt mặt mã.

Hae-Joo nói nốt. “Đi đường đủ xa, ta gặp lại mình.”

Bà Ovid mở cửa nhưng mặt vẫn giữ nguyên vẻ khinh khỉnh. “Ai mà dám cãi lời Phu nhân Heem-Young chứ?” Bà ta bảo chúng tôi đi theo, không được ngoảnh nghiêng. Nội thất của những lối đi che rèm được thiết kế để tạo sự riêng tư tối đa. Đèn mặt trời rất tối và máy làm ẩm hút hết mọi giọng nói lẫn bước chân. Sau một phút đi qua những hành lang treo rèm, Bà Ovid búng ngón tay, một trợ lý lặng lẽ đi theo chúng tôi. Cánh cửa mở ra, dẫn vào một studio sáng hơn và giọng nói của chúng tôi trở lại. Đồ nghề của thợ căng da mặt lóe sáng trong ánh đèn mặt trời tiết trùng. Bà Ovid bảo tôi bỏ mũ trùm ra. Bà ta không lộ vẻ ngạc nhiên trước khuôn mặt người phục vụ của tôi. Tôi nghi bà ta chưa bao giờ đặt chân đến Papa Song. Bà ta hỏi chúng tôi có bao nhiêu thời gian cho ca giải phẫu này.

Khi Hae-Joo đáp rằng chúng tôi phải đi sau chín mươi phút nữa, Bà Ovid đánh mất sự bình tĩnh sắc tựa mũi kim. “Vậy thì việc gì phải tìm đến một nghệ sĩ?” bà hỏi. “Sao không tự làm với kẹo cao su wrigley và son môi cho rồi? Bộ phu nhân Heem-Young tưởng Lily Cam là tiệm thợ nề giảm giá treo hình trước và sau khi tô trét trên cửa sổ à?”

Hae-Joo vội giải thích rằng anh không mong một sự biến đổi toàn diện – chỉ cần chỉnh sửa thẩm mỹ để đánh lừa Con mắt khi nhìn thoáng qua thôi. Chín mươi phút là một khoảng thời gian ngắn ngủi đến nỗi anh thừa nhận, chính vì vậy mà Phu nhân Heem-Young mới cần đến người tài giỏi nhất.

Người thợ căng da mặt kiêu hãnh nhận ra sự nịnh bợ nhưng cũng chẳng làm ra vẻ khiêm tốn. “Không ai nhìn thấy khuôn mặt bên trong khuôn mặt như tôi đây,” bà ta dương dương tự đắc. Bà Ovid ngấm nghĩa hàm của tôi, nói rằng bà ta có thể can thiệp vào làn da, màu sắc, tóc, mi mắt và chân mày. Bà ta sẽ nhuộm con ngươi tôi thành màu mắt người. Có thể tạo lúm đồng tiền, và bỏ xương gò má tố cáo vẻ mặt người nhân bản vô tính đi. Bà ta quyết định chúng tôi sẽ tranh thủ làm những gì tốt nhất trong tám mươi chín phút quý giá.

*Vậy điều gì đã xảy ra với tài nghệ của Bà Ovid? Tôi thấy cô trông hết như một Sonmi mới bước ra từ lồng ấp vậy.*

Nhất Đẳng đã tái tạo khuôn mặt tôi cho những lần ra tòa quan trọng. Nữ diễn viên ngôi sao phải nhìn giống như thật. Nhưng khi tôi rời Lily Cam, mặt đau ê ẩm, thì ngay cả Quản lý Rhee cũng không nhận ra tôi. Con ngươi màu ngà đã trở thành màu nâu lục, mắt được kéo dài, tóc được làm đen như gỗ mun. Anh có thể xem lại những kodak chụp lúc tôi bị bắt nếu tò mò, Lưu trữ viên ạ.

Một cậu bé màu vàng cầm bong bóng đỏ đợi ở thang cuốn. Chúng tôi đi theo cậu ta hai mươi bước đến một bãi đỗ ford nằm dưới trung tâm thương mại. Cậu bé đã biến mất, nhưng quả bong bóng vẫn còn treo trên cần gạt của một chiếc xe dùng để đi xuyên đất nước. Chúng tôi đi Xa lộ Một đến Cổng Đông Một.

*Cổng Đông Một? Tướng Liên Đoàn – Apis – đã yêu cầu cô đi Cổng Tây Một mà.*

Người lãnh đạo đã nói thêm trong lệnh của mình bằng câu “Nghĩ kỹ về những gì tôi vừa dặn.” Thông điệp mã hóa này ngụ ý, “Đảo ngược mệnh lệnh này.” Tây tức là đông, bắc tức là nam, “đi theo đoàn hộ tống” tức là “đi một mình.”

*Đó là một thông điệp đơn giản đến nguy hiểm.*

Những bộ não chi li thường bỏ qua những gì đơn giản. Trong lúc chúng tôi tăng tốc trên đường, tôi hỏi “Hae-Joo Im” có phải là tên thật hay không. Liên Đoàn viên đáp rằng những người như anh không có tên nào là thật. Lối ra ôm theo khúc quanh xuống một trạm thu phí. Chúng tôi giảm tốc đến xếp hàng sau một hàng dài xe đang chờ qua trạm. Tại lối ra, mỗi tài xế đều hạ cửa kính và nhào ra để cho Con mắt đọc Soul. Cảnh sát dừng những chiếc ford ngẫu nhiên để hỏi.

“Một phần ba mươi, khoảng chừng đó,” Hae-Joo lẩm bẩm, “tỉ lệ khá cao.” Đến lượt chúng tôi tiến đến máy quét. Hae-Joo đặt ngón trỏ lên máy quét và một tiếng chuông báo động vang lên.

Thanh chắn hạ xuống.

Liên Đoàn viên nói với tôi qua kẽ răng: cứ mỉm cười, làm ra vẻ bình thường.

Một cảnh sát tiến đến, chìa ngón cái ra. “Ra ngoài.”

Hae-Joo tuân theo, nhăn nhó cười vẻ trẻ con.

Tay cảnh sát hỏi tên và nơi đến.

Màn trình diễn của người hộ tống tôi thật là thiên tài. “À vâng, là Ok-Kyun Pyo ạ. Thừa sĩ quan. Chúng em, à vâng, đang đến một nhà nghỉ ở ngoại ô ạ.” Hae-Joo nhìn dáo dác rồi ra dấu một cử chỉ bằng tay có ý nghĩa thô bỉ, tôi đã học được từ Boom-Sook và Fang. Anh đang khoác lác về giấy phép nuôi mèo của mẹ thì bị cắt lời đột ngột. Nhà nghỉ này còn cách bao xa, tay cảnh sát hỏi; anh không biết là bây giờ đã qua hai mươi ba giờ rồi à?

“Nhà nghỉ BùmBùmChếtToi ở Yoju ạ,” Hae-Joo đáp vẻ bí hiểm. “Thoải mái, sạch sẽ, giá tốt, dù có thể họ sẽ cho cảnh sát như anh ở thử miễn phí đấy. Chỉ khoảng ba mươi phút đường cao tốc, lối ra số mười hướng đông.” Chúng tôi còn kịp thời gian để đến đó trước giờ giới nghiêm, anh đảm bảo.

Tay cảnh sát hỏi tại sao Hae-Joo bị thương ở ngón trỏ.

“Ô, vì nó mà Con mắt không đọc được à?” Hae-Joo vờ phát ra một tiếng rên, và kể chuyện bị đứt tay trong lúc bỏ hạt một quả bơ tự nhiên, ở nhà mẹ của bạn gái. Máu me khắp nơi, *thật là xấu hổ*, từ giờ trở đi *anh* sẽ chỉ ăn quả bơ không hạt mà thôi, những thứ tự nhiên thật là phiền toái.

Tay cảnh sát nhìn vào trong ford và yêu cầu tôi bỏ mũ trùm ra.

Tôi hi vọng nỗi lo sợ của mình thể hiện thành sự e thẹn.

Viên cảnh sát hỏi bạn trai tôi có phải lúc nào cũng liến thoắng như thế này không.

Tôi gật đầu, ngượng nghịu.

Có phải vì thế mà tôi không nói gì cả không?

“Vâng, thưa ông,” tôi đáp. “Vâng, thưa sĩ quan.” Tay cảnh sát nói với Hae-Joo rằng các cô gái thường rất ngoan ngoãn vâng lời cho đến ngày cưới, sau đó thì sẽ bắt đầu liến thoắng không dừng. “Đi đi,” anh ta nói.

*Đêm đó cô qua giờ giới nghiêm ở đâu? Nhà nghỉ ngoại ô à?*

Không. Chúng tôi rời khu đô thị qua lối ra số hai, sau đó cày xe trên một làn đường đồng quê không có đèn. Một bờ đê trồng nhiều cây thông gai che chắn cho một khu công nghiệp có một trăm nhà xưởng. Đã sát giờ giới nghiêm, chiếc ford của chúng tôi là phương tiện duy nhất trên đường. Chúng tôi đỗ xe rồi băng qua một khoảng sân lộng gió đến một khu nhà bê tông có bảng hiệu: HYDRA NURSERY CORP. Soul của Hae-Joo nhấp nháy và cửa xoay mở ra.

Bên trong không phải là một nhà vườn mà là một nhà mái vòm thấp đèn đỏ, chứa nhiều thùng khổng lồ. Không khí ấm áp và ẩm thấp đến mức khó chịu. Thứ nước sền sệt, có nhiều tạp chất mà tôi thấy qua những ô cửa sổ của các thùng chứa chắn tầm nhìn về những gì bên trong, suốt một lúc. Sau đó từng bàn tay bàn chân hiện ra rõ nét; những khuôn mặt mới sinh, mặt nào cũng giống nhau.

*Lồng ấp?*

Chúng tôi đã vào một nhà xưởng xử lý gene, đúng vậy. Tôi nhìn những chum người nhân bản vô tính phôi thai bị treo lơ lửng trong chất keo uranium. Người thì đang ngủ bất động, người thì mút ngón cái, người thì quơ bàn tay hoặc bàn chân như đang đào bới hoặc đang chạy. Tôi hỏi Hae-Joo, có phải tôi đã được nuôi cấy ở đây không?

Hae-Joo nói không: nhà bảo sinh của Papa Song ở Kwangju lớn hơn nơi này gấp năm lần. Anh nhìn vào trong lồng ấp rồi nói với tôi những bào thai

này sẽ được chuyển đến đường ống uranium nằm dưới Hoàng Hải; nên mắt họ trông như cái bát. Họ sẽ phát điên nếu tiếp xúc với ánh sáng ban ngày không qua xử lý quá lâu.

Nhiệt độ trong nhà xưởng khiến Hae-Joo đổ mồ hôi như tắm. “Chắc cô cần dùng Xà phòng đấy, Sonmi,” anh nói. “Căn hộ tầng thượng sáu sao của chúng ta ở lối này.”

*Căn hộ tầng thượng? Trong một nhà bảo sanh người nhân bản vô tính?*

Liên Đoàn viên rất thích nói đùa. “Căn hộ tầng thượng” của chúng tôi chỉ là phòng nghỉ của bảo vệ mà thôi: một căn phòng bê tông có duy nhất một vòi hoa sen, một cái cũi ngủ, một chiếc bàn, một chồng ghế, một chiếc máy điều hòa ngọt ngào và một chiếc bàn bóng bàn bị gãy. Những đường ống to phả ra hơi nóng. Một dãy sony quan sát các lồng ấp và một cửa sổ nhìn xuống khu bảo sanh. Hae-Joo bảo tôi tranh thủ đi tắm vì anh không thể đảm bảo còn có tối ngày mai nữa; anh treo lên một tấm vải nhựa để che chắn rồi xếp ghế lại thành giường cho anh trong lúc tôi đi tắm. Một túi Xà phòng đợi sẵn trên cũi khi tôi tắm xong, với một bộ quần áo mới.

*Cô không cảm thấy bất an khi ngủ ở một nơi vắng vẻ mà lại còn không biết tên thật của Hae-Joo Im là gì sao?*

Không. Người nhân bản vô tính thức được hơn hai mươi giờ vì có hoạt khí trong Xà phòng; nhưng khi cơn mệt mỏi ập đến, chúng tôi lăn ra bất tỉnh, gần như chẳng có dấu hiệu gì báo trước.

Tôi thức dậy ba giờ sau đó, tỉnh như sáo; Xà phòng của những thợ mổ bào thai này chứa quá nhiều khí oxy. Hae-Joo nằm ngủ trên áo choàng. Tôi sẫm soi một cục máu đọng trên gò má anh, bị trầy trong lúc chúng tôi trốn khỏi Taemosan. Da của con người thật quá mỏng manh. Tròng mắt anh đảo liên hồi dưới mi mắt; trong phòng chẳng còn gì khác chuyển động. Có thể anh đã gọi tên Xi-Li, hoặc có thể đó chỉ là tiếng động. Tôi tự hỏi anh trở thành cái “tôi” nào trong lúc nằm mơ.

Tôi nhấp nháy Soul của mình trên sony cầm tay của Hae-Joo để tìm hiểu về con người tôi mang bí danh, Yun-Ah Yoo. Tôi là một sinh viên ngành di truyền học, sinh ngày 30 tháng hai ở Naju vào năm con ngựa. Bố là một Trợ lý ở Papa Song; mẹ là nội trợ; không anh chị em... dữ liệu kéo lên

hàng chục trang, hàng trăm trang. Giờ giới nghiêm trôi dần. Hae-Joo day day thái dương. “Ok-Kyun Pyo muốn một tách starbuck.”

Tôi chọn thời khắc đó để đặt câu hỏi cho anh; tại sao Liên Đoàn lại trả một cái giá quá đắt như vậy để bảo vệ một người nhân bản vô tính thí nghiệm?

“À.” Hae-Joo dụi mắt. “Câu trả lời dài, hành trình dài.”

*Lại thoái thác?*

Không: anh ấy cho tôi câu trả lời đầy đủ trong lúc lái xe tiến sâu hơn vào vùng đồng quê. Tôi sẽ kể lại chi tiết cho orison của anh bây giờ đây, Lưu trữ viên ạ. Nea So Copros đang tự đầu độc đến chết. Đất đai ô nhiễm, sông ngòi chết dần chết mòn, không khí đầy độc tố, nguồn thực phẩm đầy rẫy gene gây hại. Tầng lớp dưới không thể mua những loại thuốc cần thiết để chống lại sự thoái hóa này. Những vành đai khối u ác tính và bệnh sốt rét tiến dần về phía bắc ở tốc độ bốn mươi cây số mỗi năm. Sáu mươi phần trăm Vùng Sản Xuất ở châu Phi và Indonesia chuyên cung cấp cho nhu cầu của Vùng Tiêu Dùng đã không còn là nơi sinh sống được nữa. Tính hợp pháp của chế độ tài phiệt, sự giàu có của nó, đang cạn dần; Bộ Luật Làm Giàu Chủ Thể chỉ thuần túy là những miếng thạch cao đắp lên căn bệnh xuất huyết và thủ thuật đoạn chi. Cách làm duy nhất còn lại chính là chính sách được tất cả những nhà tư tưởng phá sản yêu thích: sự chối bỏ. Con người ở tầng lớp dưới rơi xuống cái bồn á nhân; những giám đốc thì độc như vẹt Giáo điều bảy, “Giá trị của một Soul nằm ở chính đồng Đô la trong đó.”

*Nhưng để cho những người thuộc tầng lớp dưới chết ở những nơi như Huamdonggil là nghĩa làm sao? Cái gì sẽ thay thế sức lao động quý báu của họ?*

Chúng tôi. Tốn rất ít chi phí để tạo ra người nhân bản vô tính, Lưu trữ viên ạ, và chúng tôi chẳng hề khát khao một cuộc sống tự do hơn, tốt đẹp hơn. Vì người nhân bản vô tính sẽ bị vô hiệu hóa sau bốn mươi tám giờ không có Xà phòng do chế độ độc tài của tập đoàn sản xuất và cung cấp, nên “nó” sẽ không bỏ trốn. Trừ tôi ra, người nhân bản vô tính hết thảy đều là những cái máy hữu cơ. Lưu trữ viên, anh có còn nghĩ là không có nô lệ trong Nea So Copros hay không?

Vậy Liên Đoàn định xóa bỏ những... điều bị cáo buộc là “căn bệnh” này khỏi đất nước như thế nào?

Cách mạng.

Đông Á thời tiền giao tranh là một chuỗi hỗn loạn những nền dân chủ bệnh hoạn, chế độ chuyên quyền hiếu sát và những vùng đất chết mới! Nếu Hội đồng không thống nhất và cô lập khu vực này thì chúng ta hẳn đã quay trở lại thời ăn lông ở lỗ rồi. Tại sao lại có tổ chức chịu ủng hộ một tư tưởng... khủng bố như vậy?

Tập đoàn bốc đầy mùi tham nhũng và thoái hóa. Mặt trời đã lặn rồi.

Có vẻ như cô đã quán triệt đường lối của Liên Đoàn rồi đấy, Sonmi ạ.

Tôi cũng có thể nhận thấy anh rất quán triệt đường lối của Nea So Copros đấy, Lưu trữ viên ạ.

Hae-Joo có nhắc đến chính xác Liên Đoàn định làm gì để lật đổ nhà nước với một quân đội hai triệu người không?

Có. Liên Đoàn dự định lập trình cho sự tiến hóa của sáu triệu người nhân bản vô tính.

Tôi không hiểu tại sao cô không nhận ra đây chỉ thuần túy là ảo tưởng?

Tất cả các cuộc cách mạng đều thuần túy là ảo tưởng cho đến khi nổ ra; khi đó thì chúng trở thành những sự thật không thể tránh khỏi trong lịch sử.

Làm sao Liên Đoàn có thể đạt được sự “tiến hóa liên tục” này?

Trận chiến nằm ở cấp phân tử. Vài trăm Liên Đoàn viên làm việc trong những đơn vị trọng yếu như nhà máy sản xuất Xà phòng và nhà bảo sinh lồng áp có thể kích hoạt vài triệu sự tiến hóa bằng cách bổ sung chất xúc tác của Tiến sĩ Suleiman vào nguồn cung cấp chính.

Ngay cả khi có sáu triệu người nhân bản vô tính tiến hóa thì họ có thể gây thiệt hại gì cho Kim tự tháp nhà nước ổn định nhất trong lịch sử nhân loại?

Ai sẽ làm việc ở nhà máy? Xử lý chất thải? Quản lý trang trại nuôi cá? Chiết xuất dầu và than đá? Đốt lò phản ứng? Xây dựng nhà cửa? Phục vụ trong nhà hàng? Chữa cháy? Quản lý khu đô thị? Bom xăng? Nhắc, đào, kéo, đẩy? Gieo trồng, thu hoạch?

Con người đã mất đi những kỹ năng để xây dựng xã hội. Câu hỏi thực sự

là, sáu triệu người tiến hóa có thể *không* gây thiệt hại gì, khi kết hợp với lực lượng dân quân, và những con người tầng lớp dưới bên bờ vực trở thành á nhân.

*Nhất Đảng sẽ duy trì trật tự. Các cơ quan cảnh sát không phải chỉ có toàn điệp viên hai mang của Liên Đoàn.*

Nhất Đảng sở hữu vũ khí đe dọa nào? Chĩa súng vào những người tiến hóa ư? Ngay cả Yoona~939, một người phục vụ nhân bản vô tính, còn chọn cái chết thay cho nô lệ.

*Đợi, đợi đã... Nhất Đảng đã cảnh giác trước âm mưu này khi cô bỏ trốn rồi – họ đã tìm cách bắt cô lại. Những bức tường lửa an ninh đã được dựng lên quanh các nhà máy sản xuất Xà phòng.*

Nhất Đảng chỉ cảnh giác trước các điệp viên Liên Đoàn ở Taemosan, và một người phục vụ nhân bản vô tính tiến hóa. Chẳng biết gì hơn.

*Và vai trò của cô trong... kế hoạch tối thượng này là gì?*

Vai trò đầu tiên của tôi là đưa ra bằng chứng cho thấy tác nhân tiến hóa của Suleiman đã có hiệu quả. Đầu óc tôi đã làm được điều đó, đơn giản chỉ bằng cách không thoái hóa thêm. Tác nhân này đã được sản xuất đại trà số lượng lớn ở vài nhà máy ngầm.

“Vai trò thứ hai của cô,” Hae-Joo Im thông báo với tôi sáng hôm đó, “là làm đại sứ.” Đại tướng Apis – con cá chép ở phòng khách quán mặt chược – đã hi vọng tôi sẽ trở thành một phái viên, một người truyền thông giữa Liên Đoàn và những người nhân bản vô tính tiến hóa khác; để giúp họ huy động các công dân cách mạng.

*Cô cảm thấy thế nào về vị trí này trong một tổ chức khủng bố?*

Nỗi sợ hãi lớn nhất: tôi không được lập trình để thay đổi lịch sử, tôi nói như vậy với Liên Đoàn viên, và anh trả lời rằng chẳng có ai được lập trình để làm điều đó. Hãy suy nghĩ kỹ, anh dặn tôi. Apis đã hi vọng tôi sẽ có được quyết định khi gặp lại ông ta. Những gì Liên Đoàn cần lúc này là tôi không vội khước từ lời đề nghị này ngay.

*Cô có tò mò về cương lĩnh của Liên Đoàn cho một ngày mai tươi sáng hơn không? Làm sao cô biết trật tự mới sẽ không sản sinh ra một chế độ độc tài tồi tệ*

hơn? Nếu thay đổi lớn trở nên cần thiết, thì chắc chắn một chương trình cải cách toàn diện, thực hiện bằng những bước thận trọng, là cách thông minh nhất để tiến hành?

Với một lưu trữ viên cấp tám thì nền tảng học vấn của anh khá rộng đến mức gây tò mò đấy. Anh có gặp tuyên ngôn này khi đọc các tác phẩm thời kỳ đầu thế kỷ hai mươi chưa? “Không thể băng qua vực sâu bằng hai bước chân”?

*Chúng ta đang tranh cãi vòng vo đấy Sonmi ạ. Hãy quay về hành trình của cô đi.*

Chúng tôi đến Thảo nguyên Suanbo vào khoảng giờ thứ mười một, qua những con đường phụ. Những chiếc máy bay rải hóa chất phủ ra những đám mây phân bón màu vàng nghệ, bao trùm hết đường chân trời. Hae-Joo lo ngại phải lộ mình dưới Con Mắt, vì thế chúng tôi chọn đi trên đường mòn của đồn điền TimberCorp. Đêm hôm trước trời mưa, vì vậy con đường đất đầy những hố voi ngập nước và chúng tôi di chuyển rất chậm, nhưng nhìn quanh cũng chẳng thấy chiếc xe nào khác. Loại cây lai ghép thông – cao su Norfolk được trồng ngay hàng thẳng lối, tạo ra ảo ảnh là khu rừng đang hành quân lướt qua chiếc ford đứng yên; một trung đoàn có hàng triệu binh sĩ. Tôi xuống xe chỉ một lần duy nhất, khi Hae-Joo đổ đầy thùng Exxon từ một cái can. Đó là một buổi sáng tươi mới trên thảo nguyên, nhưng bên trong đồn điền lúc nào cũng âm u như hoàng hôn. Âm thanh duy nhất là tiếng gió vô trùng thổi những đầu kim cùn mòn. Loại cây không có phấn hoa này được lập trình để chống lại sâu bọ và chim chóc; không khí đặc quánh nồng nặc mùi thuốc diệt côn trùng.

Khu rừng biến mất đột ngột như khi xuất hiện; cảnh vật dần chuyển sang đồi núi. Con đường mòn rẽ sang hướng đông với Rặng Woraksan nằm ở phía nam; Hồ Ch’ungju trải dài về phía bắc. Hae-Joo giải thích mùi hôi lúc này chính là mùi nước hồ; do chất thải từ những ao nuôi cá hồi. Những ngọn đồi mọc xen kẽ trên mặt nước giăng đầy logo tập đoàn to khổng lồ; một bức tượng malachit của Nhà tiên tri Malthus<sup>[56]</sup> nhìn xuống một vùng trũng khô hạn. Con đường chạy qua dưới đường cao tốc Ch’ungju-Taegu-Pusan. Hae-Joo nói chúng tôi có thể đến được Pusan trong vòng hai giờ nếu mạo hiểm; nhưng anh muốn chậm mà chắc. Con đường lồi lõm dẫn

chúng tôi thẳng lên Núi Sobaeksan.

*Hae-Joo Im không định đến Pusan luôn trong hôm đó à?*

Không. Lúc khoảng mười bảy giờ, anh giấu chiếc ford trong một sân gỗ bỏ hoang, sau đó chúng tôi đi bộ trên một con đường mòn dẫn lên núi. Chuyến đi này khiến tôi kinh ngạc và thích thú, không kém gì lúc vào khu đô thị: những ụ đá vôi ứa ra vôi lỏng; những cây thanh lương trà non và tần bì núi mọc ra từ các kẽ đá. Gió thoang thoảng hương phấn hoa và nhựa cây; mây cuộn tròn. Những con bướm đêm, trước đây từng bị lập trình, bay vòng quanh đầu chúng tôi, trông như đồ điện tử; những logo trên cánh của chúng đã biến dạng qua nhiều thế hệ thành một bài tập đọc vắn ngẫu hứng.

Tôi cảm thấy được tái sinh thành một nhân tố khác xa với những người phục vụ nhân bản vô tính, cũng như những đồng cỏ Alpine hoàn toàn xa lạ với loài bạch tuộc vậy.

Trên một bãi cạn lộ thiên, Hae-Joo chỉ về phía một cái vịnh rồi hỏi tôi có thấy ông ấy không.

Ai? Tôi chỉ thấy một tảng đá.

Cứ nhìn đi, người hướng dẫn bảo tôi, và từ tảng đá hiện ra những đường nét chạm khắc của một người khổng lồ ngồi tư thế hoa sen. Một bàn tay mảnh mai đưa lên trong một cử chỉ duyên dáng mang nhiều ẩn ý. Vũ khí và nắng gió đã oanh tạc, phá hoại và làm nứt nẻ các đường nét của ông, nhưng hình dạng của ông vẫn có thể nhận ra khi nhìn tổng thể. Mất vài giây tôi mới nhận ra bức tượng điêu khắc khổng lồ này đang nhắc tôi nhớ đến ai: đó chính là Timothy Cavendish.

Hae-Joo cảm thấy rất buồn cười khi tôi nói như thế. Anh từng tưởng người khổng lồ đó là một người dân chủ hoặc một tên trùm trộm cắp thích chơi nổi; nhưng thực ra, những người thời tiền tiêu dùng đã thực sự thờ ông ấy như một vị thần đưa đến giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Kỳ thực, người khổng lồ bị nứt nẻ vì thời tiết từ một thời đại khác ấy vẫn toát ra một sự thiêng liêng man mác. Chỉ có một thứ vô tri vô giác mới có thể sống động đến thế. Trưởng lão có thể kể cho tôi nghe nhiều hơn, Hae-Joo nói tiếp. Tôi nghĩ QuarryCorp sẽ phá bỏ ông ấy khi tiến hành xử lý những ngọn

núi này.

*Mục đích của hành trình đến nơi vô danh đó là gì?*

Bất kỳ nơi vô danh nào cũng mang một ý nghĩa. Chúng tôi lên đỉnh núi, đến một máy xay thóc khiêm tốn nằm giữa một khoảng đất rộng, quần áo phơi trên các bụi cây, những khoanh rau, một hệ thống tưới tiêu thô sơ bằng tre, một nghĩa trang. Tôi nghe tiếng một thác nước mùa khô cạn. Hae-Joo dẫn tôi đi qua một con hẻm nhỏ vào một cái sân, bốn bên là những tòa nhà trang trí không giống với bất kỳ tòa nhà nào tôi từng thấy. Một vụ nổ mới đây đã làm thủng lỗ chỗ đá lát đường, thổi bay cột gỗ và làm sập một mái nhà bằng tôn. Một ngôi chùa bị đổ trong một trận bão và nằm đè lên ngôi chùa cạnh bên. Đám dây thường xuân chứ không phải cột gỗ đã giúp giữ cho ngôi chùa thứ hai còn đứng thẳng.

Hae-Joo nói với tôi rằng một tu viện đã nằm ở đó trong mười lăm thế kỷ, cho đến khi tập đoàn giải tán các tôn giáo tiền tiêu dùng sau thời Giao tranh. Giờ đây nó trở thành nơi nương náu của một quần thể những con người bị truất hữu, những người thích một cuộc sống ở chốn núi non hơn là những bồn xả á nhân.

*Vậy là Liên Đoàn che giấu người đàm phán,... “vị cứu tinh” của họ, trong một quần thể những kẻ phạm tội ư?*

“Vị cứu tinh”. Thật là một danh xưng to lớn cho một người hầu ở Papa Song.

Tôi nghe tiếng cào trên những phiến đá sau lưng: một bà lão da nhăn nheo, sạm nắng đi tập tễnh vào sân, tựa lên một cậu bé có sẹo trên đầu; một cậu bé câm. Cậu bé mỉm cười e thẹn với Hae-Joo; bà lão ôm Hae-Joo đầy thắm thiết giống như, tôi tưởng tượng, một người mẹ. Tôi được giới thiệu với Trưởng lão là “Cô Yoo.” Một con mắt đã mờ đục; con kia sáng rực và cảnh giác; kết hợp lại chúng tạo ấn tượng có tới hai người giám sát theo dõi kẻ đối diện. Bà siết chặt tay tôi; cử chỉ đó khiến tôi ấm lòng. Khuôn mặt bà già cỗi như một người cao niên từ thời của Cavendish.

“Cháu được chào đón ở đây,” bà bảo với tôi, “vô cùng chào đón.”

Hae-Joo hỏi về hố bom.

Trưởng lão kể những kẻ quá khích trên không lúc đó bị ngựa răng; một

chiếc chinook xuất hiện hồi tháng trước rồi đột nhiên ném một quả bom, khiến nhiều người bị thương nặng và một người chết. Trưởng lão đoán đó là một hành động phá hoại; hoặc tay phi công buồn tay ném chơi; hoặc có thể là một nhà phát triển đã nhìn thấy tiềm năng ở địa điểm này để xây một khách sạn nghỉ dưỡng cho các giám đốc và muốn chúng ta dời đi. “Ai mà biết được?” Bà thở dài.

Người bạn đồng hành của tôi hứa sẽ cố gắng tìm lý do.

*Vậy chính xác thì những kẻ khai hoang này là ai? Á nhân? Quân khủng bố? Liên Đoàn?*

Mỗi người đều có một câu chuyện khác nhau. Tôi gặp những người bất đồng chính kiến Uyghur; những cư dân đô thị từng được trọng vọng nhưng đã ngán ngẩm với chính trị tập đoàn; những kẻ thất nghiệp; những người trắng tay vì bệnh thần kinh. Trong số bảy mươi lăm người khai hoang, người trẻ nhất mới chín tuần tuổi; người già nhất, Trưởng lão, đã sáu mươi tám tuổi, dù nếu bà nói bà ba trăm tuổi tôi cũng tin.

*Nhưng... làm sao họ tồn tại được mà không có những nhà hàng nhượng quyền và trung tâm thương mại? Họ ăn gì? Uống gì? Còn điện đóm thì sao? Giải trí thế nào? Làm sao mà một xã hội thu nhỏ vận hành được nếu không có cảnh sát và trật tự kỷ cương?*

Thực phẩm của họ đến từ rừng núi và vườn tược; nước thì lấy từ thác. Những chuyến đi lưng sục ở các bãi rác thu về đồ nhựa và đồ kim loại để làm ra công cụ. Sony “trường học” của họ hoạt động nhờ tuốc bin nước. Đèn mặt trời dùng buổi tối tự sạc vào ban ngày. Hoạt động giải trí là chính họ; người tiêu dùng không thể tồn tại nếu thiếu 3D và màn hình, nhưng con người từng sống và vẫn có thể sống không cần thứ ấy. Còn lực lượng cảnh sát ư? Tôi tin chắc có rắc rối nảy sinh, nhưng những người khai hoang này đều trân quý sự độc lập của họ và quyết tâm bảo vệ nó trước những kẻ phá hoại bên trong hoặc những kẻ trục lợi bên ngoài.

*Còn mùa đông miền núi thì sao?*

Họ tồn tại như mười lăm thế kỷ nữ tu đã làm trước họ: bằng cách lên kế hoạch, tiết kiệm và củng cố. Quần thể này được xây dựng trên một cái hang, được những tên cướp mở rộng ra trong thời kỳ thôn tính Nhật Bản.

Những đường hầm này là nơi trú ẩn trong mùa đông và tránh những vụ không kích của Nhật Đàng.

Đó không phải là một xã hội không tưởng thơ mộng. Đúng, mùa đông rất khắc nghiệt; mùa mưa dai dẳng; mùa màng thường gặp dịch bệnh; hang hốc thì dễ bị sâu bọ côn trùng tấn công, và rất hiếm người khai hoang sống thọ như người tiêu dùng tầng lớp trên. Đúng, những người khai hoang cũng cãi nhau và đau buồn như con người vốn thế. Nhưng họ làm tất cả trong một cộng đồng. Nea So Copros không có các cộng đồng; chỉ có nhà nước mà thôi.

*Vậy Liên Đoàn có lợi ích gì ở tu viện này?*

Liên Đoàn cung cấp các thiết bị như đèn mặt trời; còn những người ở đây cung cấp một ngôi nhà an toàn, cách xa Con mắt gần nhất nhiều cây số. Tôi thức dậy ở ký túc xá tầng hầm trước bình minh, rồi bò đến miệng hang. Một người canh gác uống một loại rượu giúp tỉnh táo; cô vén màn chống muỗi lên cho tôi ra, nhưng dặn tôi cẩn thận với bầy sói lảng vảng bên dưới các bức tường tu viện cũ. Tôi hứa sẽ không đi quá phạm vi nghe thấy, rời khỏi sân rồi len mình qua những tảng đá hẹp để đến ban công màu đen và xám.

Ngọn núi lùi ra xa; một làn khí nổi lên từ thung lũng, đem theo tiếng kêu của động vật, tiếng gọi, tiếng gầm và tiếng khụt khịt; tôi chẳng thể nhận ra tiếng nào. Những ngôi sao núi ở đây không phải là những chấm sáng đáng thương trên nền trời đô thị: chúng tròn trĩnh và tiết ra ánh sáng. Một tảng đá nhúc nhích, cách đó chỉ một mét. “A, cô Yoo,” tiếng Trưởng lão vang lên, “thêm một người dậy sớm.”

Tôi cất tiếng chào.

Bà cho tôi biết, những người khai hoang ở đây không thích bà lang thang trong làng trước khi mặt trời mọc vì sợ bà sảy chân xuống vách đá. Bà lấy ra một ống tẩu từ cánh tay áo, nhét thuốc vào đầu tẩu rồi đốt; bà không mời tôi hút vì sợ ảnh hưởng đến bộ phổi trẻ của tôi, bà nói thế, nhưng ở tuổi bà thì chẳng còn quan trọng nữa. Khói thuốc lá có mùi da thơm lừng.

Tôi hỏi về hình người ở vách đá dựng đứng phía bên kia vịnh.

Lão ông đó à, bà gật đầu. Tất Đạt Đa có nhiều tên khác nữa, tất cả đều đã biến mất rồi. Những người đời trước của Trưởng lão có thể kể vanh vách những cái tên của ông và các môn đệ của ông, nhưng vị Trưởng lão già và các ni cô cao niên đã bị đưa vào Ngọn hải đăng khi các tu viện bị quản thúc cách nay năm mươi năm. Bà lão đang nói chuyện với tôi từng là một ni cô mới nhập môn lúc đó, vì thế Nhất Đăng cho rằng bà còn trẻ có thể cải tạo được, nên đã đưa bà đến một khu dành cho trẻ mồ côi ở Khu Đô Thị Thành Phố Trân Châu.

Tôi hỏi, Tất Đạt Đa có phải là một kiểu thần thánh không?

“Một kiểu thần thánh” là cách nói thích hợp đấy, Trưởng lão trả lời tôi. Tất Đạt Đa không đem lại may mắn cho chúng ta, bắt ta phải chịu sự trừng phạt, thay đổi thời tiết hoặc bảo vệ chúng ta trước những khổ đau của cuộc sống. Nhưng ông dạy chúng ta về cách vượt qua khổ đau, và làm thế nào để tái sinh vào cảnh giới cao hơn trong những kiếp sau. Bà vẫn thường cầu nguyện ông vào sáng sớm, “để ngài thấy tôi vẫn giữ giới”, dù rất ít người khai hoang ở đây có đức tin. Tôi nói mình hi vọng Tất Đạt Đa sẽ cho tôi tái sinh vào quần thể của bà.

Ánh sáng từ ngày mới soi rọi thế gian rõ ràng hơn. Trưởng lão hỏi tại sao tôi lại hi vọng như thế.

Mất một lúc tôi mới có thể diễn tả cảm xúc của mình thành câu chữ, nhưng Trưởng lão không phải người nóng vội. Cuối cùng tôi nói ra được lý do của mình: những con người duy nhất mà trong mắt không có sự đói khát như trong mắt của người tiêu dùng chính là những người khai hoang này.

Trưởng lão hiểu. Bà nói nếu người tiêu dùng hài lòng với cuộc sống của họ ở bất kỳ cấp bậc ý nghĩa nào thì chế độ tài phiệt coi như chấm dứt. Đó là lý do vì sao quần thể này xâm phạm đến nhà nước. Truyền thông so sánh họ với loài sán dây; lên án họ vì đã trộm nước mưa từ WaterCorp; trộm tiền bản quyền từ những chủ nhân bằng sáng chế ở VegCorp; trộm khí oxy từ AirCorp. “Ngày đó có thể sẽ đến,” Trưởng lão dự đoán, “khi Hội đồng quyết định chúng ta là mô hình cạnh tranh cho cuộc sống nằm ngoài lý tưởng của tập đoàn.” Ngày đó, bà lo sợ, những con “sán dây” sẽ bị dán mác “khủng

bố”, những quả bom thông minh sẽ trút xuống và những đường hầm trong tu viện sẽ chìm trong khói lửa.

Tôi nhận xét rằng cộng đồng của họ hẳn phải được tạo thành từ sự thiếu thốn, nhưng một cách vô hình.

“Chính xác.” Giọng của bà rất khẽ nên tôi phải rướn người để nghe. “Nghệ thuật giữ thăng bằng đòi hỏi rất nhiều công phu, cũng giống như cố gắng sống như một con người thực vậy, tôi cho là thế.”

*Sao bà ấy biết?*

Tôi không hỏi: có thể một Lữ thăm dò trong khu tôi ở đã bắt gặp cảnh tôi đang hút Xà phòng. Chủ nhà nói với tôi rằng kinh nghiệm đã dạy cho họ phải giữ Con mắt với khách, kể cả Liên Đoàn viên và bạn bè của họ. “Nó vi phạm chuẩn mực hiếu khách của tu viện cũ,” vị Trưởng lão xin lỗi, “nhưng những người khai hoang trẻ hơn liên tục nhắc nhở chúng tôi phải cảnh giác, đặc biệt là trong một thế giới mà ai cũng có thể trở thành một người nào đó chỉ sau một ngày ở thăm mỹ viện.”

*Tại sao bà ta lại chìa tay giúp đỡ?*

Để thể hiện tình đoàn kết, chắc là thế; tôi không biết nữa. Trong vô số những tội ác của Chủ Thế, Trưởng lão nói việc tạo ra “tầng lớp nô lệ bên dưới” là tội ác ghê tởm nhất.

*Bà ấy nói chung chung hay cụ thể?*

Đến đêm hôm sau tôi mới biết câu trả lời. Lúc bảy giờ nổi niêu đã khua loảng xoảng trong sân: bữa ăn sáng đang được chuẩn bị. Trưởng lão nhìn vào khe hẻm dẫn vào sân rồi đổi giọng. “Và con sói con này có thể là ai nào?”

Cậu bé cầm tiến đến ngồi cạnh chân của Trưởng lão, mỉm cười. Ánh mặt trời gấp khúc bao quanh thế giới từ hướng đông, phục hồi màu sắc mong manh cho những bông hoa dại.

*Vậy là Ngày Thứ Hai của kẻ trốn chạy bắt đầu.*

Hae-Joo ăn sáng với bánh khoai tây và mật cây sung; khác với đêm trước, không ai ép tôi phải ăn thức ăn của con người. Chúng tôi nói lời tạm biệt; hai ba cô thiếu nữ nước mắt lưng tròng khi thấy Hae-Joo ra đi; những

cô này nhìn tôi hẳn học trước sự thích thú của anh ấy. Có khi Hae-Joo là một nhà cách mạng rần rỏi; đôi khi anh chỉ là một chàng trai. Vị trưởng lão thì thầm, “Tôi sẽ cầu nguyện ông lão đó cho cô.” Chúng tôi rời khỏi độ cao không khí loãng dưới ánh mắt vị thánh của bà rồi xuống núi băng qua cánh rừng xào xạc. Chiếc ford nằm ở đúng nơi Hae-Joo đã giấu, không bị chạm đến.

Hành trình đến Yongju diễn ra thuận lợi; chúng tôi băng qua những chiếc xe chở gỗ mà tôi nhận ra được điều khiển bởi những người nhân bản vô tính vạm vỡ thuộc cùng một tế bào gốc. Những cánh đồng lúa ở phía bắc Hồ Andongho có nhiều đường đi nhanh nhưng dễ bị phát hiện, vì vậy chúng tôi ngồi trong ford, ẩn mình trước những Con Mắt cho đến giờ thứ mười lăm.

Khi băng qua một cây cầu treo cũ vắt qua con sông Chuwangsan sôi sục bên dưới, chúng tôi xuống xe để giãn chân một chút. Hae-Joo xin lỗi vì bàng quang con người của anh rồi tiểu xuống hàng cây nằm dưới đó hàng trăm mét. Tôi nhìn những con vẹt đơn sắc đậu trên mặt hẻm vực dính đầy phân chim; những cái đập cánh và tiếng kêu của chúng khiến tôi nhớ đến Boom-Sook Kim và đám bạn con ông cháu cha của hắn. Một hẻm núi ngoằn ngoèo chạy lên thượng nguồn; ở hạ nguồn, dòng sông được dẫn xuyên qua những ngọn đồi bằng phẳng cho đến khi biến mất dưới mái che Ūlsōng. Những chiếc không cơ bay thành nhóm trên khu đô thị; như những chấm nhỏ.

Dây cáp của cây cầu kêu kễ kệt dưới sức nặng của một chiếc ford giám đốc; chiếc xe đất tiền tương phản với con đường thô sơ. Hae-Joo thò tay vào xe lấy khẩu súng. Anh trở lại, tay nhét vào túi áo khoác, dặn tôi im lặng để cho anh nói chuyện, và chuẩn bị ngồi thụp xuống nắp bên hông xe nếu tài xế kia móc súng ra.

Chiếc ford giám đốc giảm tốc rồi dừng lại. Một người đàn ông vạm vỡ với bề ngoài đã được thẩm mỹ bước ra từ ghế tài xế và gật đầu thân thiện. “Buổi chiều thật đẹp nhỉ.”

Hae-Joo gật đầu đáp lại, nhận thấy tình hình không quá nghiêm trọng.

Một người đàn bà được lập trình để gây hấp dẫn giới tính thò chân ra từ

ghế hành khách. Bà ta trùm kín mít, chỉ để lộ chiếc mũi nhỏ và đôi môi gợi cảm. Bà ta tựa vào thanh chắn phía đối diện, quay lưng về phía chúng tôi, rồi châm một điếu malboro. Trong lúc này người đồng hành của bà ta mở cốp chiếc ford rồi nhấc lên một cái hộp, vừa vặn cho một con chó cỡ trung. Ông ta mở khóa rồi nhấc ra một bé gái, được tạo hình hoàn hảo đến kinh ngạc nhưng rất bé nhỏ, cao khoảng ba mươi centimet.

Con bé gào khóc vì sợ và cố vùng vẫy thoát ra; nó nhìn thấy chúng tôi; tiếng thét bé nhỏ của nó không thành lời nhưng vô cùng thống thiết.

Người đàn ông túm tóc con bé ném xuống cầu. Ông ta nhìn nó rơi xuống, rồi tặc lưỡi. “Một cách vứt bỏ rất rẻ,” ông ta tươi cười với chúng tôi, “cho một món rác *rất* đắt.”

Tôi ép mình phải đứng im bất động: cảm phẫn và giận dữ xé toạc tim tôi. Hae-Joo chạm lên tay tôi. Tôi ép buộc tâm trí mình nghĩ đến nơi nào khác, bất kỳ nơi nào; một cảnh trong *Khổ nạn của Timothy Cavendish*, khi một con người vô tội bị một tên tội phạm ném qua ban công, bỗng hiện lên trong ký ức của tôi.

*Tôi cho rằng người đàn ông này đã vứt bỏ một con búp bê sống nhân bản vô tính.*

Ông giám đốc đó xởi lời kể cho chúng tôi nghe về nó. “Con Búp bê Zizzi Hikaru này là món *bắt buộc phải có* trong dịp Năm mới hai năm trước. Con gái tôi không chịu cho tôi *một phút* yên thân. Tất nhiên, vợ chính thức của tôi, ông ta gạt đầu về phía người phụ nữ ở phía bên kia cây cầu, lại đổ thêm dầu vào lửa, sáng trưa chiều tối. “Làm sao tôi còn mặt mũi nhìn hàng xóm nếu con gái chúng ta là đứa trẻ *duy nhất* ở đây *không có* một con Zizzi?” cô ta hỏi tôi như thế.” Ông giám đốc thừa nhận phải khâm phục những người làm tiếp thị cho mấy món hàng này. Lấy một món đồ chơi nhân bản vô tính rác rưởi, lập trình nó như một thân tượng thời trước, rồi tăng giá lên *năm mươi nghìn* và nhìn chúng bay vèo vèo khỏi kệ. “Mà đây là *chưa kể* chi trả cho đồ thiết kế, nhà búp bê, phụ kiện. Vậy tôi đã làm gì? Tôi đã trả tiền cho món đồ chết tiệt đó, chỉ để cho đám phụ nữ trong nhà cảm miệng lại! Bốn tháng sau, chuyện gì xảy ra? Bọn trẻ lại có trào lưu mới và Marilyn Monroe hạ bệ Zizzi tội nghiệp *lỗi thời*.” Với vẻ khinh bỉ, ông ta kể với chúng

tôi rằng một lần đi vô hiệu hóa một người nhân bản vô tính đã đăng ký tốn hết chín trăm đô la. Vui lên đi, ông ta chĩa ngón cái qua thanh chắn ngụ ý một cú ngã tai nạn chẳng tốn xu nào; vậy thì tại sao lại tốn tiền cho một thứ chẳng có ích gì nữa? “Đáng tiếc,” người đàn ông nháy mắt với Hae-Joo, “ly dị thì không được dễ như vậy.”

“Tôi nghe thấy rồi đấy, đồ mông lợn!” Vợ ông ta nhìn chúng tôi. “Lẽ ra ông nên đem Zizzi về cửa hàng để cho người ta trả lại *đô la* vào Soul của ông như tôi bảo. Nó bị lỗi từ đầu rồi. Nó còn không biết hát. Thứ đồ chết tiệt đó còn cắn tôi nữa.”

Mông lợn rất ngọt ngào: “Không tưởng tượng nổi ngã *như thế* mà không làm nó chết, em yêu à.” Bà vợ làu bàu một tiếng chửi quen thuộc. Người đàn ông lúc bấy giờ quan sát Hae-Joo, đưa mắt nhìn qua bộ ngực được lập trình của tôi, rồi hỏi chúng tôi đang đi nghỉ mát hay chỉ có việc đi ngang qua nơi hẻo lánh này.

“Ok-Kyun Pyo, thưa ông, hân hạnh được phục vụ.” Hae-Joo cúi đầu, nhận mình là một trợ lý cấp năm ở Công ty Kế toán Nhượng quyền Eagle; một chi nhánh của tập đoàn.

Sự tò mò hiếm hoi của tay giám đốc tắt ngóm. Ông ta khoe làm quản lý Đường Golf Bờ Biển từ P'yonghae đến Yongdok. “Cậu có chơi golf không, Pyo? *Không* à? Golf không chỉ là một trò chơi đâu, cậu biết chứ, golf là lợi thế sự nghiệp đấy.” Nhà quản lý hứa hẹn sân golf Paegam sắp có một, hai chỗ trống; một sân năm mươi tư lỗ chơi được quanh năm, cỏ mơn mớn, hồ nước và đài phun nước hoành tráng chẳng kém gì vườn thủy mộc của Chủ tịch Kính yêu cả. Tiếng cười khùng khục của ông ta khiến tôi buồn nôn. “Chúng tôi đã đánh bại lũ dân tầng lớp dưới để tiếp cận được với nguồn nước. Chỉ cần nói tên tôi với mấy người đăng ký thành viên: Quản lý Kwon.”

Ok-Kyun Pyo lên tiếng cảm ơn.

Hài lòng, Quản lý Kwon bắt đầu kể cuộc đời giám đốc của mình, nhưng bà vợ ném điếu malboro xuống chỗ Zizzi Hikaru, leo lên ford rồi bấm còi xe inh ỏi khiến những con vẹt trắng đen bay vụt lên trời. Ông giám đốc cười gượng gạo với Hae-Joo rồi khuyên anh trả thêm đô la để thụ tinh con trai

khi kết hôn. Khi ông ta lái xe đi, tôi cầu nguyện Tất Đạt Đa cho chiếc ford đó lao vào thanh chắn.

*Cô nghĩ ông ta là kẻ giết người?*

Một kẻ giết người quá hời hợt đến nỗi chính ông ta còn không hay biết mình là như thế.

*Nhưng nếu ghét những người như Quản lý Kwon thì cô sẽ ghét cả thế giới mất.*

Không phải cả thế giới đâu, Lưu trữ viên ạ: chỉ có Chủ Thể và Kim tự tháp Tập đoàn thôi.

*Hai người đến được Pusan khi nào?*

Buổi tối. Hae-Joo chỉ vào những đám mây Exxon từ nhà máy lọc Pusan, biến màu hồng dưa thành màu xám than. “Chúng ta đến rồi,” anh nói.

Chúng tôi vào vành đai bắc của Pusan trên một con đường làng không lấp Con Mất. Hae-Joo gửi ford tại một bãi ở ngoại ô Somyōn, sau đó chúng tôi đi tàu điện đến Trung tâm thương mại Quảng trường Ch’oryang; các cửa hàng ở đây cũng giống như ở Wangshimi Orchard. Những cô công nhân bán vô tính lẻo đẻo theo sau các ông bà chủ giám đốc; những cặp tình nhân đưa mắt nhìn những đôi nhân tình khác; những 3D do tập đoàn tài trợ tranh nhau sáng chói hơn những cái khác. Ở một trung tâm thương mại cũ hơn, một lễ hội cổ truyền đang diễn ra, những người bán hàng rong bán những món gậy tò mò bé bằng bàn tay, “những người bạn suốt đời”: cá sấu không răng, gà con đầu khỉ, cá voi trong lọ. Hae-Joo nói những con vật này sẽ chết sau khi được đem về nhà bốn mươi tám giờ. Một người làm xiếc đang mời chào trên loa phóng thanh: “Sững sờ xem Người Thần Kinh Hai Đầu! Ngắm nhìn Bà Matryoshka và những Phôi thai!” Thủy thủ từ khắp Nea So Copros ngồi ở những quầy bar, tán tỉnh các cô gái phục vụ, dưới sự giám sát của người làm trong PimpCorp. Tôi thấy những người Himalaya mặc đồ da, người Hán, người Baikal tóc màu nhạt, người Uzbek râu ria rậm rạp, người Aleut bụi bặm, người Việt và người Thái có da màu đồng. Những AdV của nhà chứa hứa hẹn sự thỏa mãn cho mọi điều mà con người có thể tưởng tượng ra. “Nếu Seoul là một bà vợ chung thủy của Ủy viên Hội đồng,” Hae-Joo nhận xét, “thì Pusan là cô nhân tình cởi truồng của ông ta.”

Đường sá ở phía sau hẹp dần; một cơn gió lùa đẩy chai lọ lăn lóc; những người đội mũ trùm vội vã lướt qua. Hae-Joo nắm tay tôi dẫn qua một khung cửa bí mật, lên một đường hầm thiếu sáng đến một lối vào bằng khung lưới sắt; trên cửa sổ phụ khắc chữ DINH THỰ KUKJE. Hae-Joo bấm chuông. Tiếng chó sủa; rèm hé mở và hai con hổ rống kiêu giống hệt nhau dán mắt vào lớp kính khiến tôi giật thót tim. Một người đàn bà lông lá đuổi chúng sang một bên rồi nhìn ra chúng tôi; mặt bà ta sáng lên khi nhận ra Hae-Joo. “Nun-Hel Han!” bà ta thốt lên. “Đã gần mười hai tháng rồi đấy! Thật là kỳ diệu, nếu những độn đại về các trận đánh nhau của cậu chỉ đúng một nửa sự thật! Philippines thế nào?”

Hae-Joo bây giờ đổi sang giọng khàn khàn; kỳ thực, tôi phải liếc sang để kiểm tra xem có đúng là anh vẫn còn đứng đấy không. “Đang chìm, bà Lim ạ, chìm rất nhanh.” Nửa đùa nửa thực, anh hỏi bà có cho ai thuê lại phòng của mình không.

“Ôi, tôi làm ăn uy tín lắm mà!” Bà ta làm vẻ tự ái, kiểm tra sổ sách, nhưng cảnh báo rằng anh phải trả thêm tiền nếu chuyến đi sắp tới cũng dài như chuyến vừa rồi. Khung lưới sắt nâng lên và bà ta liếc nhìn tôi: “Thế này nhé, Nun-Hel, nếu bạn cậu ở lại hơn một tuần thì căn hộ đơn sẽ được tính gấp đôi. Quy định ở đây là thế. Thích thì ở không thích thì thôi, với tôi như nhau cả.”

Thủy thủ Nun-Hel Han nói tôi sẽ chỉ ở với anh một, hai đêm mà thôi.

“Mỗi cảng một cô,” bà chủ nhà nói với giọng ác ý. “Ông bà ta nói cấm có sai mà.”

*Bà ta có phải Liên Đoàn không?*

Không. Những bà chủ nhà cho thuê sẽ bán đứng mẹ đẻ của họ chỉ vì một đô la; họ có thể kiếm được nhiều tiền hơn nếu bán đứng Liên Đoàn viên. Nhưng Hae-Joo nói những bà chủ nhà cho thuê cũng ngăn chặn những kẻ tọc mạch và tạo bức bình phong tuyệt vời. Một chiếc cầu thang vấy bẩn vang vọng tiếng cãi nhau và tiếng 3D; cuối cùng thì tôi cũng đã làm quen được với chuyện leo cầu thang. Ở tầng chín, chúng tôi đi xuống một hành lang cây sơn xanh. Hae-Joo lấy ra một đầu tăm được nhét bí mật vào bản lề, nói rằng việc quản lý không quản nổi khách thuê phòng quá ư “thật

thà”.

Căn phòng có một tấm đệm bốc mùi chua loét, một căn bếp nhỏ gọn gàng, một tủ quần áo với các loại đồ dùng trong nhiều loại thời tiết, một kodak đã chỉnh sửa chụp những cô gái điểm da trắng giằng kéo Nun-Hel Han và hai người bạn, quà lưu niệm từ Mười Hai Đô Thị và các cảng phụ và, tất nhiên, một kodak đóng khung của Chủ tịch Kính yêu. Một điếu malboro dính vết son môi nằm chên vênh trên một lon bia. Cửa sổ buông rèm.

Hae-Joo tắm rồi thay quần áo cho một cuộc họp suốt đêm với chi bộ, dặn tôi thả rèm xuống và không mở cửa hoặc nghe điện thoại trừ phi đó là anh hoặc Apis với câu ám hiệu này: anh viết ra những từ ĐÂY LÀ NƯỚC MẮT CỦA VẠN VẬT lên một mảnh giấy, sau đó đốt nó đi trong chiếc gạt tàn. Xà phòng của tôi có trong tủ lạnh, anh nói, và hứa sẽ quay lại ngay sau giờ giới nghiêm vào sáng hôm sau.

*Chắc chắn một kẻ đào tẩu xuất chúng như cô xứng đáng nhận được một sự chào đón trịnh trọng hơn chứ?*

Chào đón trịnh trọng sẽ gây chú ý. Tôi nghiên cứu địa lý của Pusan trên sony, hút Xà phòng buổi tối, đi tắm, rồi ngủ đến sáu giờ ba mươi khi Hae-Joo trở lại với một túi *ttōkbukgi* cay nồng, trông có vẻ kiệt sức. Tôi pha cho anh một tách starbuck; một thủ thuật có ích mà tôi học được từ những ngày còn làm phục vụ. Anh uống với vẻ biết ơn. Sau đó anh bảo tôi ra đứng gần cửa sổ và che mắt lại.

Tôi làm theo. Màn cửa kéo lên, kêu cọt két vì lâu ngày không dùng đến. “Đừng nhìn..” Hae-Joo ra lệnh. “Bây giờ, mở mắt ra.” Một lớp những mái nhà, đường xuyên tọc, những nhóm hành khách, AdV, bê tông... và ở đó, trên cảnh nền, bầu trời đã chìm xuống một nơi mà tất cả những muện phiền của hai chữ “tôi là” chìm vào bình yên xanh ngắt.

Anh gọi tên nó. “Biển đấy.”

*Cô chưa bao giờ thấy biển trước đó à?*

Chỉ thấy trên sony, 3D ở Papa Song về cuộc sống ở Thiên Thai, và sách của Yoona; chưa bao giờ thấy biển thật, chưa bao giờ thấy bằng chính mắt của mình. Tôi khát khao được đến, chạm vào nó rồi đi dạo cạnh nó. Hae-

Joo nghĩ an toàn nhất là chúng tôi ẩn náu vào ban ngày cho đến khi tìm được nơi tạm lánh nào đó ở xa hơn. Sau đó anh nằm lên đệm và chỉ chưa đến một phút đã bắt đầu ngáy.

Nhiều giờ trôi qua; ở những ô biển thấy qua các tòa nhà, tôi nhìn ngắm những chiếc tàu chở hàng và tàu viễn dương. Phụ nữ tầng lớp dưới treo quần áo trên những mái nhà gần đó. Sau đó thời tiết trở nên âm u hơn; không cơ găm rú qua những đám mây bọc thép. Tôi tư lự. Trời mưa. Hae-Joo trở mình, vẫn còn ngủ, nói mớ, “Không, chỉ là bạn của một người bạn thôi,” rồi lại im lặng. Nước dãi chảy ra từ miệng anh, làm ướt gối. Tôi nghĩ đến Giáo sư Mephi: tại hội thảo cuối cùng, ông đã nói về sự cách ly khỏi gia đình, và thừa nhận đã dành nhiều thời gian dạy dỗ tôi hơn chính con gái ông.

Hae-Joo tỉnh dậy vào buổi chiều, đi tắm rồi pha trà nhân sâm. Tôi ganh tị với con người về ẩm thực của họ; trước khi tôi tiến hóa, Xà phòng dường như là món ngon nhất mà tôi có thể tưởng tượng, nhưng giờ đây nó có vị nhạt nhẽo đến phát chán. Tôi bị ốm nếu ăn thức ăn của con người. Liên Đoàn viên hạ màn cửa sổ. “Đến giờ bàn công việc rồi.” Sau đó anh tháo kodak Chủ tịch Kính yêu rồi đặt nó nằm úp xuống trên chiếc bàn thấp. Hae-Joo cắm sony vào một ổ cắm điện được che lại bằng khung hình.

*Một máy thu nhận tín hiệu phi pháp? Giấu trong một kodak của kiến trúc sư của Nea?*

Nơi linh thiêng là nơi che giấu tốt nhất cho những kẻ bán bỏ: họ luôn giống nhau. Một 3D của một người đàn ông hiện ra sáng rõ; ông ta trông giống như nạn nhân bị bỏng nặng mà không bỏ nhiều tiền ra chữa. Đôi môi ông ta hơi lệch nhịp với lời nói. Ông chúc mừng tôi vì đã đến nơi an toàn, rồi hỏi tôi ai có khuôn mặt đẹp hơn, ông ta hay con cá chép.

Tôi thành thật đáp: con cá chép.

Tiếng cười của An-Kor Apis biến thành tiếng ho. “Đây là khuôn mặt thật của tôi, dù cho nó có ý nghĩa gì đi nữa.” Ông ta nói ngoại hình đáng sợ rất phù hợp với ông ta, vì cảnh sát rất sợ lây nhiễm. Sau đó ông hỏi tôi có thích chuyển đi bằng qua đất mẹ yêu dấu hay không.

Hae-Joo Im đã chăm sóc tôi rất tốt, tôi đáp.

Đại tướng Apis hỏi tôi có hiểu vai trò mà Liên Đoàn muốn tôi thực hiện hay không. Tôi đáp, có, tôi hiểu, sự chần chừ của tôi trong chuyện ra quyết định đã bị chặn đứng. “Chúng tôi muốn cô nhìn thấy một... cảnh, một trải nghiệm cơ bản ở Pusan, trước khi cô quyết định, Sonmi ạ,” Apis bắt đầu. Ông cảnh báo tôi rằng cảm giác đó sẽ không dễ chịu, nhưng đó là điều bắt buộc. “Để khi ra quyết định, cô ý thức rõ hơn về tương lai của cô với chúng tôi.” Nếu tôi đồng ý, Chỉ huy Im sẽ hộ tống tôi đến nơi đó ngay lúc này.

Vui mừng vì có thêm thời gian, tôi nói mình sẽ đi.

“Vậy thì chúng ta sẽ nói chuyện với nhau sớm thôi,” Apis hứa, rồi ngắt kết nối. Hae-Joo lấy ra một bộ đồng phục kỹ thuật và trùm che mặt từ tử quần áo; chúng tôi mặc đồ, rồi khoác áo choàng ngoài đồng phục để không phiền đến chủ nhà. Bên ngoài trời lạnh, tôi cảm thấy thật ấm áp dưới hai lớp trang phục. Chúng tôi đi tàu điện đến ga bến cảng, rồi lên băng chuyền xuống chỗ tàu neo đậu ở bến cảng, ngang qua nhiều chiếc tàu biển khổng lồ. Mặt biển đêm tối đen; tuy nhiên, có một chiếc tàu lớn màu vàng trông giống như một lâu đài dưới đáy biển. Tôi đã nhìn thấy nó, trong kiếp trước của mình. “Kim Thuyền của Papa Song,” tôi thốt lên, nói với Hae-Joo rằng đây là chiếc tàu đưa những người phục vụ mười hai sao đến Thiên Thai ở Hawaii.

Hae-Joo biết thế; chúng tôi sẽ lên chiếc kim thuyền đó.

An ninh trên cầu tàu rất hạn chế; một con người có đôi mắt mệt mỏi gác chân trên bàn, xem những chiến binh nhân bản vô tính ở Đấu trường Thượng Hải trên 3D. “Các người là ai?”

Hae-Joo chớp Soul của anh: “Kỹ thuật viên Man-Shik Gang cấp năm.” Anh kiểm tra sony cầm tay của mình rồi đọc rằng anh được cử đến để hiệu chuẩn máy điều nhiệt ở tầng bảy.

“Tầng bảy à?” Người gác cửa cười khẩy. “Hi vọng là hai người chưa ăn cơm.” Sau khi xác nhận lệnh làm việc, anh ta quay sang tôi. Tôi nhìn xuống sàn. “Còn cô vận động viên marathon mồm mép này là ai, kỹ thuật viên Gang?”

“Trợ lý mới của tôi,” Hae-Joo đáp. “Kỹ thuật viên trợ lý Yoo.”

“Thế hử? Tối nay là chuyến thử việc đầu tiên của cô đến chốn lạc thú

của chúng tôi à?”

Tôi gật đầu, vâng ạ.

Người gác cửa nói không có lần nào giống như lần đầu. Hắn ra dấu cho chúng tôi lên tàu bằng một cái ngoắc chân lười biếng.

*Lên tàu của tập đoàn đơn giản thế thôi sao?*

Chiếc kim thuyền của Papa Song không hẳn là thời nam châm thu hút những kẻ đi tàu lậu đầu, Lưu trữ viên ạ. Thủy thủ đoàn và Trợ lý đi lại nhộn nhịp trên cầu tàu, quá tập trung vào công việc của họ nên chẳng bận tâm đến chúng tôi. Các phòng dịch vụ đều vắng người; chúng tôi leo lên phần bụng của chiếc tàu mà không hề bị hỏi han gì. Đôi nỉ của chúng tôi kêu ken két trên bậc thang kim loại. Một động cơ khổng lồ rền vang. Tôi nghĩ mình nghe thấy tiếng hát. Hae-Joo xem bản đồ tàu, bật mở một cửa hầm, rồi dừng lại để nói gì đó với tôi.

Anh đổi ý, chui vào, giúp tôi đi qua, rồi khóa cửa hầm phía sau lưng chúng tôi.

Tôi nhận ra mình đang đứng trên một cầu treo lơ lửng từ trần của một căn phòng bảo dưỡng rộng; đầu kia của căn phòng được che bằng những tấm bạt, và thiếu khoảng không trên đầu để chúng tôi đứng thẳng. Qua sàn lưới của cầu treo tôi thấy khoảng hai trăm người phục vụ Papa Song mười hai sao, đang được di chuyển qua những chiếc cửa xoay; lối đi duy nhất là di chuyển lên trên. Những Yoona, Hwa-Soon, Ma-Leu-Da, Sonmi, một số chị em cùng tế bào gốc đời cũ mà tôi không nhận ra. Cảm giác như đang nằm mơ khi thấy những chị em gái cũ của mình ở bên ngoài nhà mái vòm của Papa Song. Họ hát bài Thánh thi của Papa Song, lặp đi lặp lại. Tiếng hát của họ đan xen với tiếng động cơ hơi nước ở phía sau. Nghe mới vui tươi làm sao. Tiền đầu tư của họ đã được trả đủ; hành trình đến Hawaii của họ đang diễn ra; cuộc đời mới của họ trên Thiên Thai sắp bắt đầu.

*Cô có ganh tị với họ không?*

Tôi ganh tị sự chắc chắn của họ về tương lai.

Cứ khoảng năm mươi giây một, một Trợ lý ở phía trước hối thúc người phục vụ tiếp theo đi qua những mái vòm vàng. Mỗi lần như vậy các chị em gái lại vỗ tay; những người mười hai sao may mắn quay lại, vỗ tay, rồi đi

qua để được hướng dẫn đến khoang dành cho mình. Sau mỗi lần như vậy, những chiếc cửa xoay đưa những người nhân bản vô tính tiến gần với đích đến thêm một bước. Cuối cùng, Hae-Joo vỗ lên chân tôi, rồi ra dấu cho tôi bò lên qua những tấm bạt chia cắt cầu treo với buồng tiếp theo.

*Cô không sợ bị phát hiện à?*

Những chiếc đèn sáng choang thả xuống từ chiếc cầu treo; từ bên dưới nhìn lên, chúng tôi như người vô hình. Mà thế nào đi nữa thì chúng tôi cũng không phải là những kẻ đột nhập, chỉ là kỹ thuật viên tiến hành việc bảo dưỡng mà thôi.

Căn phòng tiếp theo thực chất là một buồng kín. Một chiếc ghế nhựa đặt trên bục; một hệ thống mũ chụp công kênh, treo từ đường ray trên trần nhà, ngay phía trên chiếc ghế. Một Trợ lý giải thích rằng chiếc mũ sẽ giúp tháo vòng cổ ra, như đã hứa hẹn trong Điều răn Mười. “Cám ơn, Trợ lý,” người phục vụ phấn khởi thốt lên. “Ôi, cám ơn!” Chiếc mũ trùm vừa vặn đầu và cổ của Sonmi; lúc này tôi để ý đến số cánh cửa dẫn vào căn phòng. Kết luận khiến tôi ớn lạnh.

*Nó có gì bất thường?*

Có một cánh cửa: lối vào dẫn vào từ chỗ tập trung các chị em. Chỉ duy nhất một cánh cửa. Vậy tất cả những người phục vụ trước đó đã ra khỏi phòng như thế nào? Một tiếng “rắc” khô khốc từ chiếc mũ khiến tôi hướng sự tập trung trở lại về phía chiếc bục ngay phía dưới; người phục vụ xui xuống, tròn mắt trợn ngược; Dây cáp chính nối hệ thống mũ chụp đầu với đường ray bên trên căng cứng; chiếc mũ nâng lên; người phục vụ dựng thẳng dậy; được nhắc lên không trung. Thi thể cô nháy clacket; nụ cười hào hứng bị đóng băng lúc chết căng ra khi da mặt bị kéo ghì. Một công nhân dùng máy hút chỗ máu vương trên chiếc ghế nhựa; một người khác lau sạch nó. Chiếc mũ được kéo bằng đường ray đưa món hàng đi song song với cầu treo của chúng tôi, qua một tấm bạt vào căn phòng tiếp theo. Một chiếc mũ mới được hạ xuống trên chiếc ghế nhựa, ở đó có ba Trợ lý đã đặt một người phục vụ hào hứng tiếp theo ngồi xuống.

Hae-Joo thì thầm vào tai tôi, “Những người đó cô không thể cứu được, Sonmi ạ. Họ đã nắm chắc cái chết khi lên tàu rồi.” Anh ấy đã nói gần đúng;

kỳ thực, họ đã cầm chắc cái chết từ trong lồng ấp rồi.

Một chiếc mũ khác lách cách trở về. Người phục vụ này là một Yoona.

Nỗi kinh hoàng của căn phòng đó không thể diễn tả hoặc tưởng tượng sao cho đúng; phải đích thân trải nghiệm mới hiểu.

Chúng tôi bò lên trên. Những chiếc mũ vận chuyển tử thi vào một căn hầm thấp đèn màu tím; khi chúng tôi đi qua tấm bạt, nhiệt độ giảm mạnh và tiếng gầm của máy móc vang lên đỉnh tai nhức óc.

Một dây chuyền giết mổ mở ra phía dưới chúng tôi, được vận hành bởi những hình người cầm kéo, cưa kiếm, những dụng cụ mà tôi không biết tên... ướm sũng máu, từ đầu đến chân, như những cảnh tượng dã man ở địa ngục. Những con quỷ này tháo vòng cổ, lột quần áo, cạo lông, lột da, cắt tay và chân, xẻ thịt, múc ruột gan ra... Đường cống làm trôi sạch máu... tiếng động thật chất chúa.

*Nhưng... tại sao lại... mục đích của hành động... tấm máu này là gì?*

Ngành công nghiệp gene đòi hỏi một lượng lớn vật chất sinh học hóa lỏng cho các lồng ấp, nhưng phần lớn là dùng cho Xà phòng. Còn cách nào kinh tế hơn để làm ra loại protein này ngoài việc tái chế những người nhân bản vô tính đã đi đến chặng cuối cuộc đời lao động của họ? Thêm nữa, những “protein tái thu” còn thừa được dùng để sản xuất thực phẩm ở Papa Song, cho người tiêu dùng ăn trong những nhà hàng của tập đoàn trên khắp Nea So Copros.

*Không. Giết người phục vụ để cung cấp thực phẩm và Xà phòng cho các nhà hàng... không. Cáo buộc này thật... thật phi lý. Tôi không phủ nhận cô đã nhìn thấy những gì cô nhìn thấy, nhưng đó chắc chắn, chắc chắn phải là một... cảnh do Liên Đoàn dựng lên, để tẩy não cô. Không có... “con tàu giết mổ” nào lại có thể được cho phép tồn tại như thế. Cả Chủ tịch kính yêu lẫn Chủ Thể sẽ không cho phép một sự suy đồi như vậy! Nếu người nhân bản vô tính không được trả tiền cho công sức lao động của họ trong những cộng đồng về hưu, thì toàn thể Kim tự tháp sẽ là... một sự xảo trá gian dối nhất.*

Kinh doanh là kinh doanh thôi.

*Nhưng... tại sao chuyện này không được nhắc đến trong phiên tòa xét xử cô?*

Tôi phải lặp lại, thưa Lưu trữ viên: “phiên tòa” xét xử tôi không hề là một phiên xét xử, mà chỉ là một việc làm để định hình quan điểm.

*Đúng, nhưng điều mà cô cáo buộc thật là... ác mộng!*

Đúng thế, nhưng ác mộng không hẳn là không thể xảy ra. Cá nhân anh có biết người nào từng đến Thiên Thai hay chưa? Những người phục vụ đi đâu sau khi về hưu? Mà không chỉ có người phục vụ: hàng trăm nghìn người nhân bản vô tính kết thúc cuộc đời phục vụ của họ mỗi năm. Những khu đô thị dành cho họ ở đâu nhỉ?

*Thế còn những 2D về Hawaii thì sao? Chính mắt cô đã thấy chúng tại Papa Song ở Chongmyo Plaza mà. Bằng chứng của cô đấy.*

Thiên Thai là một ảo ảnh tạo ra trên sony và được dựng kỹ thuật số ở Neo Edo. Ở quần đảo Hawaii thật sự, không hề có một địa điểm như thế. Anh biết đấy, trong những tuần cuối cùng của tôi ở Papa Song, tôi cảm thấy dường như hình ảnh cuộc sống ở Thiên Thai cứ lặp đi lặp lại. Cũng Hwa-Soon đó chạy xuống con đường cát đỏ đến hồ đá đỏ. Những chị em gái chưa tiến hóa của tôi không nhận ra, còn tôi thì nghi ngờ mình lúc đó; nhưng bây giờ thì tôi đã có lời giải thích rồi.

*Không, tôi không thể chấp nhận – tôi không hiểu làm thế nào – sự ác độc như thế lại có thể bén rễ trong nhà nước văn minh của chúng ta. Luật pháp của Nea So Copros được lập ra dựa trên thương mại bình đẳng.*

Điều thứ năm trong Tuyên bố của tôi chỉ ra cách luật pháp bị phá vỡ. Nó là một vòng tròn cũng xưa cũ như cách hành xử của bộ lạc vậy. Lúc đầu là sự vô minh. Vô minh dẫn đến sợ hãi. Sợ hãi dẫn đến hận thù, và hận thù dẫn đến bạo lực. Bạo lực đẻ ra thêm bạo lực cho đến khi luật lệ duy nhất chính là bất cứ thứ gì bị điều khiển bởi những kẻ quyền lực nhất. Điều bị Chủ Thể điều khiển là sự sáng tạo, sự khuất phục và sự thanh trừng gọn gàng một bộ lạc rất đông những kẻ nô lệ bị lừa bịp.

*Lời khai của cô sẽ là những gì cô nói. Tôi... chúng ta phải tiếp tục... Cô đã theo dõi việc giết mổ mà cô mô tả trong bao lâu?*

Tôi không nhớ. Ký ức tiếp theo của tôi là Hae-Joo dẫn tôi đi qua khu ăn uống. Con người đang chơi bài, ăn mì, hút thuốc, gửi thư, đùa giỡn, tham gia vào cuộc sống thường nhật. Làm sao họ có thể biết điều gì đã xảy ra

trong bụng tàu mà chỉ... ngồi đấy, như thể con tàu của họ là một dây chuyền xử lý cá mèi? Gã canh cửa có râu quai nón cười với tôi, bảo tôi nhớ quay lại sớm, tên khốn kiếp.

Trong tàu điện ngầm, những hành khách lắc lư; tôi “thấy” những xác chết treo trên đường ray. Khi đi lên cầu thang, tôi “thấy” các xác chết bị kéo lên từ phòng hành quyết. Khi đã về phòng, Hae-Joo không mở đèn mặt trời lên; anh chỉ kéo màn chớp lên vài tắc để ánh đèn đô thị pha loãng bóng đêm. Anh rót một ly *soju* cho mình. Chúng tôi không nói với nhau một lời kể từ khi rời con tàu giết mổ. Trong số tất cả các chị em gái, tôi là kẻ duy nhất đã nhìn thấy Thiên Thai thật mà vẫn còn sống.

Tình dục của chúng tôi rất tẻ nhạt, khô khan và ứng biến khi cần; nhưng đó là một hành động sống. Những ngôi sao mờ hôi trên lưng Hae-Joo là món quà anh tặng cho tôi; tôi thu hoạch chúng bằng lưới của mình.

Người thanh niên hút một điếu malboro bồn chồn trong im lặng và xem xét vết chàm của tôi, hết sức tò mò. Anh ngủ thiếp đi trên tay tôi, đè ép nó. Tôi không đánh thức anh; cảm giác đau chuyển thành tê dại; tê dại chuyển thành đau nhói như kim chích; sau đó tôi bò ra từ dưới người anh. Tôi đắp chăn cho anh: con người dễ mắc bệnh cảm lạnh, ngay cả trong thời tiết ẩm áp. Pusan đã sẵn sàng cho giờ giới nghiêm. Ánh sáng vấy bẩn của nó nhạt nhòa khi những AdV và đèn đã tắt hết. Đến lúc này người phục vụ cuối cùng ở hàng cuối cùng hẳn đã bị kết liễu. Dây chuyền tàn sát sẽ được lau sạch và rơi vào im lặng; những người giết mổ, nếu họ là người nhân bản vô tính, thì giờ này đã vào cũi. Chiếc kim thuyền sẽ ra khơi vào ngày mai đến một cảng mới, nơi việc tái chế bắt đầu lại từ đầu.

Lúc không giờ, tôi hút Xà phòng rồi chui vào chăn với Hae-Joo. Thân thể anh rất ấm, sống động và trẻ trung, mặc cho điều khủng khiếp mà chúng tôi đã chứng kiến. Vì sự khủng khiếp đó, chúng tôi đã làm tê liệt ký ức về con tàu giết mổ, theo cách mà một người nữ và một người nam có thể làm.

*Nhưng cô không tức giận vì anh ta và Apis đã đưa cô đến kim thuyền mà không chuẩn bị trước cho cô về nỗi kinh hoàng tột độ này à?*

Không. Họ có thể dùng lời nào để diễn tả chứ?

Buổi sáng đem theo một làn sương ẩm thấp. Hae-Joo tắm, sau đó ăn

một bát cơm to, kim chi, trứng và canh rong biển. Tôi lau rửa; người tình con người ngồi đối diện tôi phía bên kia bàn.

Lần đầu tiên tôi lên tiếng kể từ khi chúng kiến dây chuyền chiết xuất protein đó. Tôi nói, “Chiếc tàu đó phải bị phá hủy, mọi chiếc tàu giết mổ ở Nea So Copros giống nó phải bị đánh chìm.”

Hae-Joo đáp, “Đúng.”

Tôi nói, “Những xưởng tàu đóng những chiếc tàu này phải bị đập bỏ; hệ thống hỗ trợ cho chúng phải bị giải tán; luật lệ cho phép những hệ thống này tồn tại phải bị bãi bỏ.”

Hae-Joo đáp, “Đúng.”

Tôi nói, “Mọi người tiêu dùng, giám đốc và Thành viên Hội đồng ở Nea So Copros phải được thuyết phục rằng người nhân bản vô tính là con người; nếu việc thuyết phục không có tác dụng, thì người nhân bản vô tính đã tiến hóa phải đấu tranh với Liên Đoàn để đạt được mục tiêu này, sử dụng bất cứ lực lượng nào cần thiết.”

Hae-Joo đáp, “Phải.”

Tôi nói, “Người nhân bản vô tính tiến hóa cần một Giáo Điều: để dạy họ về quyền lợi; để hun đúc lòng căm phẫn; để giải phóng năng lượng của họ.” Tôi là người nhân bản vô tính viết nên những dòng này. Tôi hỏi liệu Liên Đoàn có thể - có muốn - xây dựng một bản tuyên ngôn về quyền như thế không?

Hae-Joo đáp, “Chắc chắn chúng tôi muốn.”

*Nhiều chuyên gia làm nhân chứng ở phiên tòa xét xử cô phủ nhận bộ Tuyên ngôn là tác phẩm của một người nhân bản vô tính, cho dù đã tiến hóa hay chưa, và khẳng định rằng nó được một con người theo thuyết bãi nô viết hộ.*

Các “chuyên gia” thật lười nhác, chỉ bác bỏ những gì họ không hiểu!

Tôi viết bộ *Tuyên Ngôn* ở Ulsukdo Ceo, bên ngoài Pusan, ở một villa giám đốc biệt lập nhìn xuống cửa sông Nakdong. Trong thời gian viết, tôi đã xin cố vấn từ một thẩm phán, một nhà gene học, chuyên gia ngữ pháp và An-Kor Apis; nhưng những Điều răn Tiến hóa của bộ *Tuyên Ngôn*, tính logic và đạo đức của nó, bị bác bỏ tại phiên xử, bị cho là “sự nguy hiểm đáng sợ

nhất trong lịch sử tội phạm xã hội”, đó là tác phẩm trí óc của tôi, Lưu trữ viên ạ. Bộ *Tuyên Ngôn* của tôi đã được thai nghén kể khi Quản lý Rhee chà đạp Yoona-939; được nuôi dưỡng bởi Boom-Sook và Fang; được tiếp thêm sức mạnh bởi Mephi và Trưởng lão; và ra đời trong con tàu giết mổ của Papa Song.

*Và cô bị bắt không lâu sau khi hoàn tất tác phẩm này?*

Vào cùng buổi chiều hôm đó. Khi bốn phận của tôi đã xong thì sẽ thật nguy hiểm nếu để tôi tự do. Vụ bắt bớ của tôi là để dành cho Truyền thông. Tôi giao bộ *Tuyên Ngôn* của mình trên sony cho Hae- Joo. Chúng tôi nhìn nhau lần cuối; không có gì trôi chảy để nói với nhau hơn là im lặng. Tôi biết chúng tôi sẽ không bao giờ gặp nhau nữa; có thể anh ấy biết là tôi đã biết.

Ở cạnh khu nhà có một đàn vịt hoang đã sống sót giữa ô nhiễm; những bộ di truyền biến thể cho chúng tính phục hồi mà tổ tiên nguyên gốc của chúng còn thiếu. Tôi cho chúng ăn bánh mì, ngấm những con vật lợi nước tạo ra những lúm đồng tiền trên bề mặt sáng như mạ crôm, sau đó vào nhà để ngấm chúng từ bên trong. Nhất Đẳng không để tôi đợi lâu.

Sáu chiếc không cơ quần đảo trên mặt ao; một chiếc hạ cánh ở vườn sau nhà. Các điệp vụ nháy ra, gương súng, rồi luôn lách về phía cửa sổ phòng tôi, ra dấu bằng tay và tỏ vẻ gan dạ. Tôi đã để cửa ra vào và cửa sổ mở cho họ, nhưng những người bắt tôi lại triển khai một cuộc bố ráp với lính bắn tỉa và loa phóng thanh.

*Cô đang ngụ ý rằng cô đã trông chờ vụ bố ráp này ư, Sonmi?*

Khi tôi đã hoàn tất cương lĩnh, bước tiếp theo chỉ có thể là bắt giữ tôi.

*Ý cô là sao? “Bước tiếp theo” gì, của cái gì?*

Của việc sản xuất vở kịch này, được dàn dựng trong lúc tôi còn là một người phục vụ ở Papa Song.

*Khoan, khoan, đợi đã. Thế còn... ơ, mọi thứ thì sao? Cô đang nói là toàn bộ... lời thú tội của cô được tạo thành bởi... những sự kiện được dàn dựng từ trước sao?*

Những sự kiện chính, đúng thế. Một số diễn viên là nằm ngoài kịch bản: Boom-Sook và Trưởng lão chẳng hạn, nhưng những vai chính đều là sắp

đặt. Hae-Joo Im và Chủ tịch Mephi chắc chắn là được sắp đặt. Anh không nhận ra các kẽ hở hay sao?

*Chẳng hạn như?*

Wing~027 là một người tiến hóa cũng ổn định giống như tôi; tôi có thực sự độc nhất vô nhị hay không? Liệu Liên Đoàn có thực sự mạo hiểm để lộ vũ khí bí mật của họ trong một chuyến đào tẩu xuyên quốc gia không? Chẳng phải vụ Quản lý Kwon sát hại người nhân bản vô tính Zizzi Hikaru trên chiếc cầu treo ám chỉ quá lộ liễu sự độc ác của con người sao; thời điểm xuất hiện của nó không phải là quá ngẫu nhiên hay sao?

*Nhưng còn Xi-Li, người thanh niên bị giết vào đêm cô bỏ trốn từ Taemosan thì sao? Máu của anh ta đâu phải là... nước sốt cà chua!*

Anh chàng theo chủ nghĩa lý tưởng đáng thương ấy là một vai phụ có thể tổng khứ bất cứ lúc nào trong màn kịch của Nhất Đảng.

*Nhưng còn... Liên Đoàn? Chẳng lẽ cô đang nói rằng Liên Đoàn cũng được dựng lên cho kịch bản của cô sao?*

Không: Liên Đoàn tồn tại trước khi có tôi, nhưng tôn chỉ của nó không phải là kích động khởi nghĩa. Thứ nhất, nó thu hút những người bất bình với xã hội như Xi-Li rồi giữ họ ở nơi mà Nhất Đảng có thể để mắt đến; thứ hai, nó đem lại cho Nea So Copros một kẻ thù cần thiết với bất kỳ nhà nước có cấp bậc nào để tạo ra sự đoàn kết xã hội.

*Tôi vẫn không hiểu tại sao Nhất Đảng lại hao hơi tổn sức dựng lên... chuyến phiêu lưu giả tạo này?*

Để tạo ra một vụ xét xử, Lưu trữ viên ạ! Để làm cho từng con người cuối cùng trong Nea So Copros mất lòng tin vào từng người nhân bản vô tính cuối cùng. Để tạo ra sự đồng thuận cho Đạo luật Quản lý Người nhân bản vô tính khi trình lên Chủ Thể. Để hạ uy tín những người ủng hộ bãi nô. Toàn bộ âm mưu này là một thành công tột bậc.

*Nhưng nếu cô biết về... âm mưu này, thì tại sao cô lại hợp tác với nó chứ?*

Tại sao bất kỳ kẻ tử vì đạo nào lại hợp tác với những kẻ phản bội hần? Hần thấy một cái kết xa hơn của trò chơi.

*Cái kết của cô là gì?*

Bộ *Tuyên Ngôn*. Truyền thông đã nhấn chìm Nea So Copros với các Giáo Điều của tôi. Đến lúc này mỗi đứa trẻ đi học ở Nea So Copros đều đã biết mười hai “điều báng bố” của tôi rồi. Các lính gác nói với tôi rằng thậm chí người ta còn kháo nhau về một “Ngày thấp nển” trên toàn quốc để chống lại những người nhân bản vô tính nào có dấu hiệu của bộ *Tuyên Ngôn*. Những ý tưởng của tôi đã được tái tạo một tỉ lần.

*Nhưng để cho cái gì? Một... cuộc cách mạng nào đó trong tương lai?*

Cho Tập đoàn, cho Nhất Đảng, cho Bộ Lấy Lời Khai, cho Chủ Thể và cho Chủ tịch, tôi trích lời cảnh báo của Seneca với Nero: Cho dù các người có giết bao nhiêu người chúng tôi đi nữa, các người sẽ không bao giờ giết kẻ kế vị của mình.

*Hai câu hỏi ngắn cuối cùng. Cô có hối tiếc về cuộc đời mình?*

Sao tôi phải hối tiếc? “Tiếc nuối” thể hiện một hành động được lựa chọn một cách tự do, nhưng có sai sót; ý chí tự do sẽ không giữ vai trò gì trong câu chuyện của tôi.

*Cô có yêu Hae-Joo Im không?*

Hãy nói với Chủ tịch Tự yêu mình rằng ông ta sẽ phải hỏi những nhà sử học tương lai về điều này. Lời kể của tôi đã hết. Anh có thể tắt orison bạc của anh rồi đó, Lưu trữ viên. Thời gian của tôi còn rất ít và tôi có một yêu cầu cuối cùng.

*Được thôi... cô nói đi.*

Quyền sử dụng sony của anh và mã truy cập.

*Cô muốn tải cái gì?*

Tôi muốn xem xong một bộ phim mà tôi đã bắt đầu xem khi, trong một giờ của cuộc đời mình, tôi biết đến hạnh phúc.

# Khổ nạn của Timothy Cavendish

“Ông Cavendish ơi? Tỉnh lại chưa?” Một con rắn cam thảo trên cánh đồng kem ngọ nguậy hiện ra dần rõ nét. Con số năm. Ngày 5 tháng 11. Tại sao cậu nhỏ già nua của tôi lại đau thế nhỉ? Một vụ chơi khăm chăng? Chúa ơi, tôi bị nhét một cái ống vào chim của mình! Tôi cố gắng giải thoát, nhưng cơ bắp không phục tùng. Một cái lọ trên cao truyền thức ăn vào một ống dây. Ống dây truyền thức ăn cho tôi. Một khuôn mặt đàn bà danh thếp đóng khung trong mái tóc bum bê. “*Tút tut*. May mắn là ông bị ngã khi ở đây đấy, ông Cavendish à. Thật sự phải nói là rất may đấy. Nếu chúng tôi để cho ông đi lang thang ngoài đường thì giờ này ông đã bỏ mạng trong cống rãnh rồi!”

Cavendish, tên này nghe quen quen, Cavendish, ai là “Cavendish” này nhỉ? Tôi đang ở đâu? Tôi cố gắng hỏi bà ta, nhưng chỉ có thể kêu eng éc, như Thỏ Peter bị ném xuống cầu thang xoắn của Nhà thờ Salisbury vậy. Bóng tối bủa vây tôi. Tạ ơn Chúa.

Một con số sáu. Ngày 6 tháng 11. Tôi đã tỉnh lại ở đây lúc trước rồi. Một bức ảnh túp lều tranh. Chữ viết của người Cornwall hoặc Druid. Cái ống nối chim đã mất rồi. Có mùi hôi. Mùi gì nhỉ? Hai bắp chân tôi được nhắc lên, mông thì đang được lau bằng một mảnh vải ướt lạnh cóng. Phân, cứt, ngạp ngựa, tặc, trây trét... ị. Chẳng lẽ tôi đã ngồi lên một ống dẫn chứa những thứ này? Ôi. Không. Làm sao mà tôi ra nông nổi này? Tôi cố gắng đẩy miếng vải ra, nhưng toàn thân chỉ run rẩy. Một người máy mặt mũi hầm hầm nhìn vào mắt tôi. Một người tình bị bỏ rơi? Tôi sợ bà ta sẽ hôn mình. Bà ta bị mắc chứng thiếu vitamin. Bà ta nên ăn thêm nhiều hoa quả, hơi thở bà ta hôi quá. Nhưng ít nhất bà ta cũng kiểm soát được hành động của mình. Ít ra bà ta còn có thể dùng nhà vệ sinh. Ngủ, ngủ, ngủ, hãy đến giải thoát cho ta.

*Lên tiếng đi, Ký ức*. Không, không một lời. Cổ tôi chuyển động. Hallelujah. Timothy Langland Cavendish có thể điều khiển được cổ và tên của ông ta cuối cùng đã quay về. Ngày 7 tháng 11. Tôi nhớ lại một ngày hôm qua và nhìn thấy một ngày mai. Thời gian, không phải mũi tên, không phải chiếc boomerang, mà là một chiếc đàn concertina. Lở loét vì nằm trên giường. Tôi đã nằm đây bao nhiêu ngày rồi? Bỏ qua. Tim Cavendish bao nhiêu tuổi rồi? Năm mươi? Bảy mươi? Một trăm? Sao có thể quên tuổi của mình được?

“Ông Cavendish?” Một khuôn mặt trôi lên trên bề mặt âm u.

“Ursula?”

Người đàn bà nhìn vào. “Ursula có phải là vợ của ông không, ông Cavendish?” Đừng tin bà ta. “Không phải đâu, tôi là bà Judd. Ông bị đột quy đấy, ông Cavendish ạ. Ông có hiểu không? Một cơn đột quy nhỏ xíu xiu.”

*Tôi bị hồi nào? Tôi cố gắng lên tiếng. Mấy chữ “Ồi ị ồi ào” phát ra.*

Bà ta tỉ tê. “Vì thế mà mọi thứ đảo lộn hết cả đấy. Nhưng đừng lo, bác sĩ Upward nói chúng ta có tiến triển vượt bậc rồi. Chúng ta không cần ở trong bệnh viện đáng sợ đâu!” Một cú đột quy? Hai kẻ đột quy? Ấp lên tôi? Margo Roker bị đột quy. Margo Roker?

*Tất cả các người là ai vậy? Ký ức, lão già đáng ghét.*

Tôi dành tặng bộ ba truyện ngắn ở trên cho những độc giả may mắn có tinh thần chưa bị nghiền vụn thành xà bần bởi tình trạng đứt mạch máu não. Phục dựng Timothy Cavendish là một công trình biên tập tâm cơ Tolstoy, ngay cả với một người từng rút ngắn bộ sách chín tập *Câu chuyện về vệ sinh răng miệng trên đảo Wight* thành một quyển sách gói gọn trong bảy trăm trang. Trí nhớ không chịu khớp lại, hoặc có khớp thì cũng bị lỏng keo. Cho dù sau đó nhiều tháng đi nữa, làm sao tôi biết liệu có còn một phần lớn nào của bản thân mình vẫn thất lạc hay không?

Cơn đột quy của tôi khá nhẹ, đúng vậy, nhưng tháng tiếp theo sau đó là tháng cực hình nhất trong cuộc đời tôi. Tôi nói năng như người bị liệt xơ cứng. Hai cánh tay như chết rồi. Tôi không thể tự chùi móng cho mình. Tâm trí lơ ngơ giữa làn sương mù, nhưng vẫn nhận thức được sự trì trệ của bản thân, và cảm thấy xấu hổ. Tôi không thể mở lời hỏi bác sĩ hay Sơ Noakes hoặc bà Judd, “Bà là ai?”, “Chúng ta từng gặp nhau chưa?”, “Tôi đi đâu khi rời khỏi đây?” Tôi cứ đòi gặp bà Latham.

Đồ tồi! Một người dòng họ Cavendish có thể sa cơ nhưng không bao giờ bỏ cuộc. Khi *Khổ nạn của Timothy Cavendish* được chuyển thể thành phim, tôi khuyên thế này, hồi Đạo diễn yêu dấu, tôi nghĩ đạo diễn này là một người Thụy Điển tên là Lars mặc áo cổ lọ, vẻ căng thẳng, hãy xử lý tháng 11 đó thành thước phim kiểu “tay nắm quyền anh luyện tập cho trận đấu lớn”. Cavendish Quả Cảm nhận những mũi tiêm không mấy may run sợ.

Cavendish Tò Mò tìm lại được ngôn ngữ. Cavendish Hoang Dã bị bác sĩ Upward và Y tá Noakes thuần hóa. Cavendish John Wayne chống ghe tập đi (tôi đã nâng cấp thứ đó lên một cây gậy, đến giờ vẫn dùng. Veronica nói nó khiến tôi trông giống như Lloyd-George). Cavendish *phiên bản* Carl Sagan, bị nhốt trong một chiếc Đồng hồ Bồ công anh<sup>[57]</sup>. Chùng nào Cavendish vẫn còn bị gậy mê bởi hội chứng quên, bạn có thể nói ông ta đã hài lòng rồi.

Chính lúc đó, Lars à, hãy gióng lên một hợp âm báo chuyện chẳng lành.

*Bản tin Sáu giờ* vào ngày đầu tiên của tháng 12 (lịch Giáng sinh đang hiện diện khắp nơi) vừa mới bắt đầu. Tôi đã ăn xong món chuối nghiền với sữa đặc không đường mà không hề làm đổ xuống yếm. Y tá Noakes đi ngang qua và các bạn của tôi im thin thít, như những chú chim dưới bóng điều hâu.

Bất thành linh, cái khóa trình tiết trời chặt ký ức tôi bỗng mở bung ra.

Tôi chỉ ước gì nó đừng xảy ra như thế. Các “bạn” của tôi ở Aurora House là những ông già bà cả quê mùa yếu đuối chơi gian lận trong trò xếp chữ với sự vô lý khó tin và đối xử tốt với tôi chỉ vì trong Vương Quốc Hấp Hối thì những kẻ Yếu ớt nhất chính là Tuyển phòng thủ Maginot<sup>[58]</sup> chống lại Fuhrer Bất Bại. Tôi đã bị người anh trai thù hận cầm tù suốt một tháng, vì thế rõ ràng là chẳng có cuộc tìm kiếm toàn quốc nào đang diễn ra cả. Tôi sẽ phải tự tìm đường trốn thoát, nhưng làm sao để chạy nhanh hơn tên thợ làm vườn đột biến gene đó, gã Withers ấy, khi mà tôi chạy năm mươi mét mất đến mười lăm phút? Làm sao để lừa được mụ Noakes từ Phá Nước Đen<sup>[59]</sup> trong khi tôi không thể nhớ nổi cả mã bưu điện của mình?

Ôi, kinh hoàng, kinh hoàng. Món chuối nghiền chặn nghẹn họng tôi rồi.

\* \* \*

Các giác quan của tôi lên ngôi trở lại, tôi quan sát những nghi lễ tháng 12 của con người, thiên nhiên và động vật. Ao nước đóng băng trong tuần đầu tiên của tháng 12 và những con vịt ghê tởm chơi trượt băng. Aurora

House đóng băng vào buổi sáng và sôi sùng sục vào buổi tối. Nhân viên chăm sóc phi giới tính, người có tên là Deirdre, chẳng bất ngờ lắm, treo kim tuyến thông xuống từ các bóng đèn không rò điện. Một cây thông nhựa xuất hiện trong một cái xô được bọc lại bằng giấy kếp. Gwendolin Bendincks tổ chức những buổi treo chuỗi giấy và những Kẻ Chưa Chết đồ xô chạy đến, cả hai đều không nhận ra sự mỉa mai trong hình ảnh này. Kẻ Chưa Chết tranh giành nhau để mở các ô cửa sổ trên lịch Mùa vọng<sup>[60]</sup>, một đặc quyền do Bendincks ban tặng như Nữ hoàng lì xì tiền lệnh trong thứ Năm Tuần Thánh vậy: “Bà Birkin đã tìm được một người tuyết mũm mĩm, mọi người ơi, có hay không nào?” Làm con chó chặn cừu của Y tá Noakes là nỗ lực để tồn tại của bà ta và Warlock-Williams. Tôi nhớ đến tác phẩm *Kẻ chết đuối và Người được cứu* của Primo Levi<sup>[61]</sup>.

Bác sĩ Upward là kiểu Tên khốn Nóng tính đoạt giải thưởng Viện Hàn Lâm mà bạn hay thấy trong ban giám hiệu giáo dục, ngành luật hoặc y. Anh ta đến Aurora House hai lần mỗi tuần và nếu, ở độ tuổi năm mươi lăm, sự nghiệp của anh ta không tồn tại nổi theo chiều hướng đi lên như cái tên của anh ta đã dự báo, thì đó là do chúng tôi, *những kẻ bệnh hoạn*, đám của nợ cản đường tiến của các Lương y từ mẫu. Tôi loại anh ta khỏi danh sách đồng minh tiềm năng ngay khi vừa để mắt đến. Những người chùi mông, chà bồn tắm và đầu bếp dính đầy dầu mỡ làm việc bán thời gian cũng chẳng dám lên tiếng chỉ trích để tránh hủy hoại địa vị to lớn của họ trong xã hội.

Không, tôi đã yên ổn mắc kẹt trong Aurora House. Một chiếc đồng hồ không có kim. “Tự do!” là một tiếng chuông ngu xuẩn của nền văn minh, nhưng chỉ những kẻ không có nó mới hiểu rõ hơn ai hết nó thực sự là gì.

Vài ngày trước Sinh nhật Đấng Cứu thế, một chiếc xe nhỏ chở theo một lũ học sinh trường tư đến để hát những bài hát mừng Giáng sinh. Những Kẻ Chưa Chết hát theo sai lời lạc nhịp và sự ồn ào đó khiến tôi chịu hết nổi, chẳng có gì vui cả. Tôi lê bước đi khắp Aurora House, tìm lại sự cường tráng đã mất, cứ ba mươi phút lại phải dùng phòng vệ sinh một lần. (Các cơ quan của thần Vệ Nữ thì ai cũng biết cả nhưng, Hỡi anh em, Cơ quan của thần Saturn chính là Bàn quang đấy.) Những nỗi hoài nghi trùm kín mũ theo tôi bén gót. Tại sao Denholme trả cho bọn bắt giữ tôi những đồng copeck

quý giá cuối cùng của mình để biến tôi thành trẻ nít? Liệu Georgette, do không nén lòng được trước tuổi cao sức yếu, có kể với anh tôi về chuyến rẽ hướng ngăn ngui của chúng tôi ra khỏi đại lộ thủy chung, rất nhiều năm về trước? Cái bẫy này có phải là một vụ trả thù của ông chồng bị cấm sừng không?

\* \* \*

Mẹ thường nói sự trốn chạy không bao giờ xa hơn quyển sách gần nhất. Ôi, mẹ ơi, không phải đâu, không hẳn là vậy. Những bản trường ca in chữ to yêu dấu của mẹ về kẻ giàu, người nghèo và những chuyện tình buồn đau phải là tấm vải nguy trang cho những nỗi khốn khổ mà chiếc máy bắn bóng tennis của cuộc đời tôi luyện cho mẹ, phải không nào? Nhưng đúng vậy, thưa mẹ, lại lần nữa, mẹ có lý. Sách không đem đến sự trốn thoát thực sự nhưng chúng có thể ngăn cho đầu óc không tự cào cấu đến trầy da tróc vẩy. Chúa biết, tôi chẳng dính vào việc gì ở Aurora House trừ việc đọc sách. Ngay sau ngày diễn ra sự phục hồi kỳ diệu, tôi đã cầm lên quyển *Những chu kỳ bán rã* và, thánh thần thiên địa ơi, tôi tự nhủ đây chẳng phải là một tiểu thuyết trinh thám hoàn toàn có thể xuất bản được của Hilary V. Hush hay sao. Tôi hình dung *Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey* đóng bìa thời thượng màu đen và đồng, bán tại quầy tính tiền của Tesco; sau đó là *Bí ẩn thứ hai*, rồi *Thứ ba*. Nữ hoàng Gwen (dolin Bendincks) đổi một cây bút chì 2B vừa gọt sắc cho một lời nịnh đầm cùn (những nhà truyền đạo thật dễ sai khiến nếu bạn nói đùa với họ rằng có khi bạn cải đạo cũng nên) và tôi quyết tâm biên tập lại tác phẩm này từ đầu chí cuối. Một hai chỗ sẽ phải bỏ đi: chẳng hạn như đoạn ám chỉ Luisa Rey là anh chàng Robert Frobisher tái sinh. Quá tân thời-kiểu-hippy-nghiện ngập. (Tôi cũng có một vết chàm nằm dưới nách bên trái nhưng chưa có người tình nào so sánh nó với sao chổi cả. Georgette đặt biệt danh cho nó là Cục phân Timbo.) Nhưng, về tổng thể, tôi kết luận câu chuyện trinh thám về một cô gái trẻ chống lại sự lũng đoạn của tập đoàn này có tiềm năng. (Hồn ma của Ngài Felix Finch rên rỉ, “Nhưng nó đã được thể hiện hàng trăm lần rồi!” – cứ như còn có thứ gì

chưa được thể hiện hàng trăm nghìn lần từ thời Aristophanes đến thời Andrew Void-Webber vậy! Cứ như Nghệ thuật là về *Cái gì*, chứ không phải là *Như thế nào* vậy!)

Công việc biên tập *Những chu kỳ bán rã* gặp phải một trở ngại khách quan khi đến đoạn Luisa Rey bị hất văng từ trên cầu xuống thì tập bản thảo khổ giấy này lại không có trang tiếp theo. Tôi vò đầu bứt tóc, đấm ngực kêu trời. Liệu phần hai có tồn tại hay không? Nó có bị nhét vào hộp đựng giày trong căn hộ ở Manhattan của Hilary V. hay không? Vẫn còn ngủ yên trong tử cung sáng tạo của cô ta? Tôi tìm đi tìm lại đến hai mươi lần lá thư ngỏ giữa những món đồ bí mật giấu trong vali của mình, nhưng tôi đã để nó lại trong phòng làm việc ở Haymarket mất rồi.

Việc lựa chọn những tác phẩm văn học khác diễn ra khá suôn sẻ. Warlock-Williams cho tôi hay Aurora House từng tự hào là có hẳn một thư viện nhỏ, nhưng giờ đây đã bị bỏ xó. (“Chương trình của Jellyvision quá *Thật* đối với những người bình thường, bởi vậy nó mới ra nông nổi ngày nay.”) Mãi tôi mới đào ra được cái thư viện này. Nó nằm cuối một dãy nhà, bị phong tỏa bởi những bảng tường niệm Đại Chiến chất chồng với dòng chữ *Để Chúng Ta Không Quên*. Bụi đóng thành lớp dày, khô và phẳng lì. Một kệ chứa những ấn bản tạp chí cũ có tên *Nước Anh này*, một chục tác phẩm về cao bồi Viễn Tây của Zane Grey (chữ lớn), một quyển sách dạy nấu ăn nhan đề *Xin cảm phiền, Tôi không ăn thịt!*. Còn lại là *Mặt trận phía Tây yên tĩnh* (ở góc trang sách một cậu học sinh sáng tạo từng vẽ những hình người que thủ dâm với cái mũi của mình – chúng giờ đâu rồi ấy nhỉ?), rồi *Những con báo đốm của bầu trời*, câu chuyện đời thường của những phi công trực thăng, viết bởi “Tác giả truyện trinh thám quân đội hàng đầu nước Mỹ” (nhưng, tôi tình cờ được biết, thực ra được người khác viết hộ tại “Trung tâm Điều khiển” của ông ta – tôi sẽ không nêu ra cái tên nào do sợ bị kiện tụng trả đũa) và, thực lòng mà nói, những quyển còn lại đều đáng vứt đi.

Tôi đọc tất tần tật. Với thẳng đỏi thì vỏ khoai tây cũng là sơn hào hải vị.

Ernie Blacksmith và Veronica Costello, vào đi, đến giờ của quý vị rồi. Ernie và tôi từng có lúc bất hòa, nhưng nếu không nhờ những người cùng cảnh này, thì Y tá Noakes hẳn vẫn kệ tôi nằm yên chờ dẫn cho đến ngày hôm nay. Vào một buổi chiều u ám khi những Kẻ Chưa Chết đang tổng

duyệt cho Giấc Ngủ Lớn, nhân viên đi họp cả và âm thanh duy nhất quấy rầy những ông già bà cả ở Aurora House là một cuộc thi WWF giữa Thăng Béo Fauntleroy và Gã Giao Hàng, tôi nhận ra, thật bất thường làm sao, một bàn tay vô ý đã để cánh cửa trước mở hé. Tôi lên ra ngoài để thăm dò, chuẩn bị sẵn cái cốc bị hoa mắt chóng mặt cần không khí trong lành. Trời lạnh khiến môi tôi giật giật còn toàn thân thì run lấy bầy! Thời gian dưỡng bệnh đã lấy đi của tôi lớp mỡ dưới da; thân thể đã teo nhỏ lại, từ béo tốt như Falstaff thành John xứ Gaunt gầy gò. Đó là chuyến phiêu lưu ra ngoài đầu tiên của tôi kể từ ngày bị đột quỵ, sáu hoặc bảy tuần trước đó. Tôi đi một vòng khuôn viên nội bộ, thấy đóng đố nát của một tòa nhà cũ, sau đó chiến đấu băng qua những bụi cây um tùm đến bức tường gạch bao quanh để tìm xem có lỗ hổng hay khe nứt nào không. Một công binh SAS có thể leo ra ngoài chỉ bằng một sợi dây nylon nhưng một bệnh nhân đột quỵ chống gậy thì không thể. Những lớp lá nâu khô bị gió xói mòn rồi dồn đống khi tôi đi qua. Tôi tiến đến cánh cổng sắt to hoành tráng, mở và đóng bằng một hộp điều khiển điện tử. Trời đánh thánh đâm, bọn họ còn có cả một camera giám sát và điện thoại hai chiều nữa! Tôi tưởng tượng Y tá Noakes oang oang với đám con cái (suýt tí nữa viết nhầm thành “phụ huynh”) của những cư dân tiềm năng rằng họ ngủ ngon và yên ổn nhờ hệ thống kiểm soát hiện đại này, đồng nghĩa với việc, tất nhiên, “Hãy thanh toán cho chúng tôi đúng hạn thì quý vị sẽ chẳng phải nghe thấy một tiếng kêu ca nào.”) Tình cảnh không thuận lợi cho lắm. Hull nằm ở phía nam, xuôi theo những con đường phụ với hai hàng cột dây điện báo, thanh niên khỏe mạnh đi cũng mất nửa ngày. Chỉ những người đi nghỉ lễ bị lạc đường mới họa chằng đi ngang chỗ này. Đi bộ trở về theo con đường mòn dành cho xe ô tô, tôi nghe tiếng bánh xe ken két và một tiếng bấm còi chát chúa từ một chiếc Range Rover màu đỏ sao Mộc. Tôi tránh đường. Tài xế là một gã đầu gấu mặc áo khoác màu bạc có mũ trùm thường được những nhân viên gây quỹ xuyên địa cực đặc biệt yêu thích. Chiếc Range Rover phanh lại với một tiếng nghiêng bánh xe chói tai ở bậc thềm phía trước và tay tài xế khệnh khạng tiến lại chỗ tiếp tân như nhân vật phi công xuất chúng trong quyển *Những con báo đốm của bầu trời*. Lúc quay về cửa chính, tôi đi ngang qua phòng nôi hơi. Ernie Blacksmith thò đầu ra: “Làm một cốc rượu không, ông

Cavendish?”

Tôi chẳng cần đợi mời đến lần thứ hai. Phòng nồi hơi có mùi phân bón nhưng được giữ ấm nhờ chiếc lò than của nồi hơi. Người ngồi trên một đống than và phát ra những tiếng ậm ự hài lòng như em bé là một cư dân lâu đời có địa vị như biểu tượng viện dưỡng lão, ông Meeks. Ernie Blacksmith là mẫu người trầm lặng phải để tâm quan sát mới thấu. Lão người Scotland tinh tường này bầu bạn với một bà tên là Veronica Costello, người từng sở hữu tiệm bán mũ tốt nhất, như người ta kháo nhau, trong lịch sử Edinburgh. Phong thái của cặp đôi này gợi nhớ đến những khách trọ trong khách sạn tồi tàn trong tác phẩm Chekhov. Ernie và Veronica tôn trọng ước nguyện của tôi được làm một lão già khó chịu đáng thương và tôi tôn trọng điều đó. Bấy giờ ông ta lấy ra một chai rượu lúa mạch Ireland từ một xô than. “Nếu ông đang tính đến chuyện thoát khỏi đây mà không có trực thăng thì ông cũng chẳng vừa đâu.”

Chẳng đại gì để lộ thông tin. “Tôi ấy à?”

Sự vờ vịt của tôi đã vỡ tan thành trăm mảnh trên Tầng đá Ernie. “Ông ngồi đi,” ông ta bảo tôi, vẻ lạnh lùng và hiểu biết.

Thì tôi ngồi. “Trong này ấm cúng quá.”

“Ngày xưa tôi từng là thợ đốt lò hơi có chứng chỉ hãn hoi đấy. Tôi làm việc miễn phí ở đây nên ban quản lý nhắm mắt làm ngơ cho tôi được phép một hai điều tự do.” Ernie rút dây vào cốc nhựa. “Nào, cạn ly.”

Mưa trên Serengeti! Xương rồng nở hoa, báo hoa nháy căng! “Ông lấy cái này từ đâu thế?”

“Tay bán than tính cũng được lắm. Nói thật chứ, ông phải cẩn thận. Withers đi ra cổng để lấy bưu kiện lần thứ hai vào bốn giờ kém mười lăm mỗi ngày. Ông không muốn bị gã phát hiện ra âm mưu bỏ trốn của mình đâu.”

“Ông nói cứ như ông biết tất ấy.”

“Tôi cũng là thợ sửa khóa mà, đó là sau khi giải ngũ. Công việc đưa đẩy tôi gặp những tay tội phạm nghiệp dư, trong trò chơi an ninh. Từ kiểm lâm đến săn trộm, đủ cả. Mà tôi chưa từng làm việc gì phạm pháp nhé, tôi thẳng như mũi tên ấy. Nhưng tôi đã học được rằng đến ba phần tư vụ vượt

ngục thất bại, do chất xám mà ra cả,” ông ta gõ gõ vào thái dương, “dùng hết để suy nghĩ cho vụ đào tẩu rồi. Kẻ nghiệp dư thì nói đến chiến thuật, còn người chuyên nghiệp thì nói về hậu cần. Cái khóa điện thời thượng ở cổng đây chẳng hạn, tôi có thể vừa bịt mắt vừa mở nó ra như không nếu thực sự muốn, nhưng ra đến ngoài thì đi xe gì? Tiền nong? Nơi trú ẩn? Ông thấy đấy, không chuẩn bị trước hậu cần, ông đi đâu được? Chỉ có ngã lộn cổ mà thôi, và năm phút sau đó là nằm gọn trong xe của Withers.”

Ông Meeks dóm dó khuôn mặt như tượng người lùn, rồi rạn ra hai từ mạch lạc duy nhất mà ông thường nói: “Tôi *biết!* Tôi *biết!*” Trước khi tôi phân biệt được liệu Ernie Blacksmith đang cảnh báo hay tố cáo tôi, Veronica bước vào qua cánh cửa trong nhà, đội một chiếc mũ màu đỏ rực tan cả băng. Tôi chỉ kịp ngăn mình không cúi gập người. “Xin chào, bà Costello.”

“Ông Cavendish, thật vinh dự. Đi lang thang ra ngoài trong tiết trời lạnh cắt da thế này à?”

“Đi dò thám đấy,” Ernie đáp, “cho ủy ban đào tẩu một thành viên của ông ấy.”

“Ô, một khi ông đã bước sang hàng Cao niên thì thế giới bên ngoài chẳng còn muốn ông quay lại đâu.” Veronica ngồi xuống một chiếc ghế mây rồi chỉnh lại chiếc mũ. “Chúng ta – ý tôi là bất kỳ ai hơn sáu mươi tuổi – phạm phải hai tội khi còn tồn tại trên cõi đời này. Thứ nhất là Thiếu Tốc độ. Chúng ta lái xe quá chậm, đi bộ quá chậm, nói quá chậm. Thế giới sẽ xoay xử được với những kẻ độc tài, những tên biến thái và ông trùm ma túy thuộc mọi thành phần, nhưng bị kéo trì lại là *không thể chấp nhận*. Tôi thứ hai là chúng ta trở thành *memento mori*<sup>[62]</sup> cho tất cả mọi người. Thiên hạ chỉ cảm thấy thoải mái lãng quên khi chúng ta khuất tầm mắt họ.”

“Bố mẹ của Veronica chịu án tù chung thân trong giới trí thức đấy,” Ernie tiếp lời, thoáng hãnh diện.

Bà ta mỉm cười thích thú. “Chỉ cần nhìn những người đến đây trong giờ thăm viếng thì biết! Họ cần được điều trị chống sốc. Còn lý do nào khác để họ thốt ra câu ‘Ông bà chỉ già khi trong lòng thực sự cảm thấy mình già!’? Hỏi thật chứ, bọn họ định lừa phỉnh ai vậy? Chẳng phải chúng ta đâu – là

chính họ thì có!”

Ernie kết luận, “Người cao tuổi chúng ta là những bệnh nhân phong thời hiện đại. Sự thật vấn đề là thế đấy.”

Tôi phản đối: “Tôi không phải là kẻ ngoài lề xã hội! Tôi có một nhà xuất bản của riêng mình, và tôi cần quay lại làm việc, tôi chẳng cần các người tin tôi, nhưng tôi đang bị giam giữ ở đây trái với mong muốn của mình.”

“Ông đang làm ở nhà xuất bản à? Hay ông từng làm, hờ ông Cavendish?”

“Đang làm. Văn phòng của tôi ở Haymarket mà.”

“Thế thì,” Ernie hỏi về hợp lý, “ông đang làm gì ở đây?”

Đấy, đấy mới là vấn đề. Tôi kể lại câu chuyện khó tin của mình cho đến lúc này. Ernie và Veronica lắng nghe theo cách mà những con người trưởng thành, biết chú ý, tỉnh táo, sẽ lắng nghe. Ông Meeks thì gật gù. Tôi kể đến đoạn tôi bị đột quỵ, thì một tiếng thét bên ngoài ngắt lời tôi. Tôi cứ tưởng một người trong đám những Kẻ Chưa Chết đang gây chuyện, nhưng nhìn qua kẽ hở, tôi thấy tài xế của chiếc Range Rover đỏ Sao Mộc đang hét âm lên trong điện thoại cầm tay. “Vậy thì còn bạn tâm làm gì?” Nổi bức xúc làm khuôn mặt anh ta biến dạng. “Bà ấy như người trên cung trăng ấy! Bà nghĩ bây giờ là năm 1966!... Không, bà không giả vờ đâu. Anh có tè ướt quần cho vui không?... Không, không phải đâu. Bà tưởng tôi là chồng đầu của bà. Bà bảo bà *chẳng* có thằng con trai nào cả... Anh bảo đấy là mặc cảm Oedip à... Phải, tôi đã mô tả lại. Ba lần... đúng, rất chi tiết. Có giỏi thì anh tự đến mà làm đi... Thì bà cũng có chăm sóc cho tôi đâu. Nhưng cứ đem theo nước hoa đi... Không, cho *anh* đấy. Bà hôi lắm... Không thì còn hôi mùi gì nữa chứ?... *Tất nhiên* họ có người, nhưng khó mà làm cho kịp, nó cứ... chảy ra không ngừng mà.” Anh ta leo lên chiếc Range Rover, rồi lái chiếc xe gầm rú ra khỏi khu nhà. Tôi thoáng định lao theo sau nó rồi lách qua cánh cổng trước khi chúng đóng lại, nhưng rồi tôi kịp nhắc mình nhớ đến tuổi tác của mình. Dù sao đi nữa, máy quay an ninh vẫn sẽ phát hiện ra tôi và Withers sẽ tóm tôi về trước khi tôi kịp vẫy được chiếc xe nào xin đi nhờ.

“Con trai bà Hotchkiss đấy,” Veronica nói. “Bà cụ dễ thương lắm, nhưng con trai của bà ta thì, ôi thôi. Đâu có ai sở hữu được một nửa chuỗi cửa hàng nhượng quyền hamburger ở Leeds và Sheffield bằng cách làm người

tử tế đâu. Một gia đình giàu có thì lại càng không.”

Một tiểu Denholme. “Chà, ít ra thì cậu ta cũng đến thăm bà ấy.”

“Và lý do là thế này đây.” Một tia sáng hấp dẫn, tinh nghịch lóe lên trong mắt Veronica. “Khi bà Hotchkiss hay tin cậu ta sẽ tống mình vào Aurora House, bà ta đã nhét hết tất cả những cửa gia bảo vào trong một chiếc hộp đựng giày rồi đem chôn. Bây giờ bà ta không thể nhớ nó nằm ở đâu, hay có thể nhớ nhưng không chịu nói ra.”

Ernie chia những giọt rượu cuối cùng. “Điều khiến tôi để ý về cậu ta là cậu ta luôn cắm chìa khóa trong ổ. Mười lần như chục. Ở ngoài cậu ta sẽ không bao giờ làm thế đâu. Nhưng chúng ta quá già yếu hom hem, quá vô hại, đến nỗi cậu ta thậm chí chẳng buồn cẩn thận mỗi lần đến thăm.”

Tôi cho rằng sẽ không hay nếu hỏi Ernie tại sao ông ta lại để ý đến một việc như thế. Ông ta chưa bao giờ nói ra từ nào thừa thãi trong cuộc đời mình. Tôi đến thăm phòng nôi hơi mỗi ngày. Nguồn rượu whisky khi có khi chẳng, nhưng bầu bạn lúc nào cũng sẵn. Ông Meeks đóng vai trò như con chó Labrador đen trong một cuộc hôn nhân lâu năm, sau khi bọn trẻ đã ra riêng hết. Ernie hay chia sẻ những quan sát hài hước về cuộc đời, thời cuộc và những câu chuyện về Aurora House, còn bà vợ *chính thức* của ông ta thì có thể trò chuyện về bất kỳ chủ đề trên trời dưới biển nào. Veronica lưu giữ một bộ sưu tập đồ sộ những bức ảnh có chữ ký của các ngôi sao không-nổi-lắm. Bà đọc đủ nhiều để hiểu văn trí của tôi, nhưng vẫn chưa đủ nhiều đến mức biết tôi dẫn nguồn nào. Tôi thích điều đó ở phụ nữ. Tôi có thể nói với bà ta những điều như, “Điểm khác biệt duy nhất giữa hạnh phúc và niềm vui là hạnh phúc là chất rắn, còn niềm vui là chất lỏng,” và bởi bà ta chẳng biết J. D. Salinger là ai, tôi cảm thấy mình thật dí dỏm, duyên dáng và, đúng vậy, thậm chí cả trẻ trung nữa. Tôi cảm thấy Ernie quan sát tôi khi tôi khoe mẽ, nhưng thế thì đã sao? tôi nghĩ. Đàn ông ai chẳng thích tán gái.

Veronica và Ernie là những kẻ sống sót. Họ cảnh báo tôi về những nguy hiểm của Aurora House: mùi nước tiểu và thuốc tẩy hôi rình, Những Kẻ Chưa Chết Lề Mề, cơn thịnh nộ của Noakes, chế độ ăn uống định nghĩa lại khái niệm “bình thường”. Theo Veronica, một khi chế độ chuyên quyền

được chấp nhận là bình thường thì chiến thắng của nó là không thể tránh khỏi.

Nhờ bà ta, tôi mới suy nghĩ ngọn ngành đầu ra đó. Tôi tĩa lông mũi và mượn đồ đánh bóng giày từ Ernie. *Nhớ đánh bóng giày của mình mỗi đêm*, bố tôi từng dặn như thế, và con sẽ dàng dàng chẳng kém bất kỳ ai. Ngẫm lại, Ernie chịu đựng thói hợm hĩnh của tôi vì ông ta biết Veronica chỉ đang trêu tôi mà thôi. Ernie chưa hề đọc một tác phẩm hư cấu nào trong đời, “Tôi ấy mà, suốt đời chỉ trung thành với chiếc radio thôi,” nhưng quan sát cách ông ta điều khiển hệ thống nồi hơi thời Victoria để làm cho nó sống lại lần nữa, tôi luôn cảm thấy mình thật nông cạn. Đúng thật, đọc nhiều tiểu thuyết quá khiến ta mù quáng đấy.

Tôi lên kế hoạch trốn thoát đầu tiên một mình, một ý tưởng quá đơn giản đến nỗi nó khó được gọi là kế hoạch. Nó cần ý chí và một chút can đảm, nhưng chẳng cần chất xám gì sất. Một cuộc gọi nửa đêm từ điện thoại của văn phòng Y tá Noakes đến máy trả lời tự động của Nhà xuất bản Cavendish. Gửi tín hiệu SOS cho bà Latham, thẳng cháu trai bặm trợn của bà ta có một chiếc Ford Capri hầm hố. Họ đến Aurora House; sau những lời đe dọa và khuyên can phản đối, tôi lên xe; đưa cháu họ lái đi. Chỉ vậy thôi. Vào đêm 15 tháng 12 (tôi nghĩ vậy) tôi thức dậy thật sớm, mặc đồ ngủ vào rồi đi đến hành lang lờ mờ tối. (Tôi không khóa cửa phòng kể từ khi bắt đầu chơi trò giả vờ an phận.) Không một tiếng động nào trừ tiếng ngáy và máy bơm nước. Tôi nhớ đến cảnh Luisa Rey trong bản thảo của Hilary V. Hush đi thăm dò quanh Swanekke B. (Giữ chặt cặp kính quan sát.) Bàn tiếp tân trông thật vắng vẻ, nhưng tôi vẫn bò thấp hơn chiều cao mặt bàn theo kiểu đặc công rồi từ từ thẳng người lên – thành công vượt bậc. Phòng làm việc của Noakes đã tắt đèn. Tôi thử vặn nắm đấm cửa và, may quá, nó mở được. Tôi lên vào trong. Chỉ vừa đủ ánh sáng lọt vào qua khe cửa. Tôi nhắc ống nghe lên rồi bấm số của Nhà xuất bản Cavendish. Tôi không gọi được đến máy trả lời tự động của mình.

“Số máy quý khách vừa gọi không thể liên lạc được. Hãy gác máy, kiểm tra số điện thoại, và gọi lại sau.”

Thật bi kịch. Tôi hình dung đến điều tồi tệ nhất, rằng bọn Hoggins đã châm lửa đốt sạch nơi ấy đến cả điện thoại cũng cháy luôn. Tôi thử gọi lần

nữa, vẫn không được. Số điện thoại khác duy nhất mà tôi còn nhớ được kể từ sau cơn đột quỵ là phương án tiếp theo, và là phương án cuối cùng của tôi. Sau năm, sáu hồi chuông căng thẳng, Georgette, chị dâu của tôi, trả lời bằng một giọng mèo con hồn dỗi mà tôi quen thuộc, Chúa ơi, quá quá quen. “Đến giờ đi ngủ rồi, Aston.”

“Georgette, là anh đây, Timbo đây. Em đưa điện thoại cho Denny, nhé?”

“Aston? Có chuyện gì vậy?”

“Không phải Aston, Georgette à! Là Timbo!”

“Vậy thì đưa điện thoại lại cho Aston đi!”

“Anh không biết Aston! Nghe đây, em *phải* bảo Denny nghe điện thoại.”

“Bây giờ Denny không nghe điện thoại được.”

Georgette thường ít khi nói chuyện gì cho ra hồn, nhưng lần này nghe giọng chùng như đang ở trên cung trăng. “Em đang say phải không?”

“Chỉ say trong quán bar rượu vang có hầm rượu hảo hạng. Tôi không chịu nổi quán rượu thường.”

“Không, nghe đây, là Timbo đây, em chồng của chị! Tôi phải nói chuyện với Denholme.”

“Sao anh nói chuyện giống Timbo quá vậy. Timbo? Là chú ư?”

“Đúng rồi, Georgette, là tôi đây, và nếu đây là một...”

“Chú thật là tệ khi không đến dự tang lễ của anh trai mình. Cả gia đình đều nghĩ như thế.”

Mặt đất quay cuồng. “*Cái gì?*”

“Chúng tôi biết về những bất hòa của hai người, nhưng mà...”

Tôi sụp đổ. “Georgette, chị mới nói Denny chết rồi. Ý chị là vậy phải không?”

“Tất nhiên là vậy chứ còn gì nữa! chú tưởng tôi dở hơi à?”

“Nói lại cho tôi nghe một lần nữa đi.” Tôi lặc giọng. “Có-phải- Denny-đã-chết?”

“Chú nghĩ tôi có thể bịa ra chuyện thế này ư?” Ghế của Y tá Noakes kêu kẽo kẹt đầy phản bội và hành hạ thần kinh. “Tại sao, Georgette, Thánh thần

oi, tại sao?”

“Anh là ai? Đêm hôm khuya khoắt thế này! Mà đây là ai mới được chú? Aston, có phải anh không?”

Tôi bị chuột rút trong cổ họng. “Timbo.”

“Thế hử, chú đã trốn ở cái xó xỉnh nào đấy?”

“Nghe này, Georgette. Làm sao mà Denny,” nói ra câu này khiến nó cảm thấy thật hơn, “qua đời?”

“Cho lũ cá chép vô giá của lão ăn. Tôi đang phết pate ngỗng lên bánh quy để ăn bữa tối. Khi tôi đi tìm Denny thì lão đã nổi lênh bệnh trong ao, mặt úp xuống. Có thể lão đã ở đó một ngày rồi, tôi đâu phải là cô công tử đầu, anh biết đấy. Dixie đã bảo lão ăn bớt muối lại, dòng họ nhà lão nhiều người bị đột quỵ rồi. Mà này, đừng có cắt ngang đường dây nữa, bảo Aston nghe điện thoại đi.”

“Nghe này, bây giờ ở đây có ai? Với chị?”

“Chỉ có Denny thôi.”

“Nhưng Denny chết rồi mà!”

“Tôi biết rồi! Lão đã nằm trong cái ao cá suốt... mấy tuần rồi đấy. Làm sao tôi lôi lão lên nổi? Nghe đây, Timbo, ngoan nhé, làm ơn đem cho tôi một giỏ thức ăn hay gì đó từ Fortnum và Mason’s, được không? Tôi ăn hết bánh quy còn lũ chim ăn hết vụn bánh rồi, nên bây giờ tôi chẳng còn gì để ăn ngoài thức ăn cho cá và xốt Cumberland. Aston đã không gọi lại kể từ khi anh ta mượn bộ sưu tập nghệ thuật của Denny để đưa cho ông bạn thẩm định xem, và đó là... nhiều ngày trước rồi, nhiều tuần thì đúng hơn. Mấy người ở công ty khí đốt đã cắt ga còn...”

Mắt tôi đau buốt vì ánh sáng.

Withers lù lù xuất hiện choán hết khung cửa. “Lại là ông.”

Tôi luống cuống. “Anh tôi chết rồi! Chết, cậu có hiểu không? Chết mục thây rồi! Chị dâu tôi đã điên loạn và không biết phải làm gì! Đây là việc gia đình khẩn! Nếu cậu còn có một mảnh xương Cơ đốc giáo trong người thì cậu phải giúp tôi giải quyết mớ bòng bong khốn kiếp này!”

Độc giả thân mến, Withers chỉ nhìn thấy một tên tù nhân kích động

đang gọi những cuộc điện phá rối vào giữa đêm. Hấn dùng chân đá một chiếc ghế từ chỗ đang đứng. Tôi hét vào điện thoại: “Georgette, nghe đây, tôi bị mắc kẹt trong một nhà thương điên chó chết tên là Aurora House ở Hull, chị nhớ chưa? *Aurora House ở Hull*, và vì Chúa, làm ơn cho ai đó đến đây để giải cứu...”

Một ngón tay khổng lồ cắt đứt cuộc gọi. Móng tay to và bầm tím.

Y tá Noakes nện mạnh lên chiếc keng báo giờ ăn sáng để bố cáo vụ vi phạm. “Hỡi các bạn, chúng ta vừa tóm được một *tên trộm*.” Một sự im lặng bao trùm lên toàn thể những Kẻ Chưa Chết.

Một quả óc chó khô đét nện thìa cốc cốc. “Người Ả Rập biết phải làm gì với bọn chúng, thưa Y tá! Ở Saudi chẳng có anh chàng Freddie táy máy tay chân nào hết nhẩy? Chiều thứ Sáu hàng tuần ở các bãi đỗ xe của đền thờ, *chặt!* Nhẩy? Nhẩy?”

“Một con sâu đang làm râu nôi canh của chúng ta.” Tôi thề, hệt như cảnh ở trường nam sinh Gresham đang được tái hiện sau sáu mươi năm vậy. Cũng món ngũ cốc đó trút vào bát sữa đó. “Cavendish!” Giọng y tá Noakes rung lên như một chiếc ống tiêu. “Đứng dậy!” Những cái đầu tử thi bán động mặc vải tuyết ẩm mốc và áo choàng không màu quay về phía tôi. Nếu tôi đáp lại như một nạn nhân thì tôi sẽ cầm chắc bản án cho mình.

Thật khó mà tập trung. Tôi đã không hề chớp mắt suốt đêm hôm đó. Denny đã mất. Làm môi cho cá chép, khả năng cao nhất là thế. “Ôi, vì Chúa, thưa bà, làm ơn nói chuyện lý lẽ giùm tôi một chút. Trang sức hoàng cung vẫn đang an toàn trong Bảo tháp đấy thôi! Tôi chỉ làm mỗi việc là gọi một cuộc điện thoại tối quan trọng thôi mà. Nếu Aurora House có một quán cà phê internet thì tôi đã sẵn sàng gửi email rồi! Tôi chả muốn làm ai thức giấc cả, vì thế tôi đã nảy ra sáng kiến và mượn điện thoại một tí. Tôi thành thật xin lỗi đấy. Tôi sẽ trả tiền cho cuộc gọi ấy.”

“Ô, thì tất nhiên là phải trả rồi. Các trú nhân này, chúng ta làm gì với mấy con sâu ấy nhỉ?”

Gwendolin Bendincks đứng dậy rồi chĩa ngón tay. “Thật đáng hổ thẹn!”

Warlock-Williams ủng hộ cử chỉ đó. “Thật đáng hổ thẹn!” Lần lượt từng người một những Kẻ Chưa Chết còn đủ tỉnh táo để theo dõi cốt truyện

tham gia. “Thật đáng hổ thẹn! Thật đáng hổ thẹn! Thật đáng hổ thẹn!” Ông Meeks chỉ huy bản hợp xướng cứ như Herbert von Karajan vậy.

Tôi rót trà, nhưng một chiếc thước gỗ hất văng tách trà khỏi tay tôi.

Y tá Noakes khạc ra những tia lửa điện: “Đừng hòng lẩn tránh khi ông đang bị phê phán!”

Bản hợp xướng nhỏ dần rồi nín bật, trừ một hai nốt lạc nhịp.

Các khớp đốt tay của tôi thốn thức. Cằm phẫn và đau đớn xoáy vào tâm can tôi như một cây roi *Zazen*. “Tôi ngờ rằng ông Withers tử tế chưa kể với bà, nhưng sự tình là anh trai Denholme của tôi đã qua đời. Phải, ngum củ tỏi rồi. Bà cứ việc gọi cho anh ấy, nếu không tin tôi. Kỳ thực, tôi van nài bà hãy gọi cho anh ấy. Chị dâu của tôi không được khỏe, bà ấy cần giúp đỡ để lo liệu tang lễ.”

“Làm sao ông biết anh mình đã mất trước khi ông đột nhập vào phòng làm việc của tôi?”

Một đòn vật ngược được tính toán cẩn thận. Trò mèo vờn chuột của mẹ ta khiến tôi có thêm cảm hứng. “Thánh Peter.”

Chau mày hoài nghi. “Ngài thì làm sao?”

“Trong giấc mơ, ngài báo mộng với tôi rằng Denholme vừa mới đi qua thế giới bên kia. “Hãy gọi điện cho chị dâu con,” ngài bảo. “Chị ấy cần sự giúp đỡ của con.” Tôi nói với ngài rằng dùng điện thoại là trái với quy định của Aurora House, nhưng Thánh Peter trấn an tôi rằng Y tá Noakes là một tín đồ Cơ đốc kính Chúa, sẽ không chế giễu lời giải thích ấy.”

*La Duca* kỳ thực đã dừng lại giữa màn đấu tố bởi lời giải thích tào lao này. (*Biết kẻ thù mình* hơn là *Biết mình*.) Noakes tính toán những phương án thay thế: tôi có phải là một kẻ lầm lạc nguy hiểm hay không; một kẻ ảo tưởng vô hại; một kẻ thực dụng; một tiên tri Petriner? “Quy định ở Aurora House là vì lợi ích của tất cả mọi người.”

Đến giờ củng cố thắng lợi của tôi rồi. “Điều đó rất đúng.”

“Tôi sẽ hỏi chuyện Đức Chúa. Trong lúc đó,” mẹ nói với những người ngồi ở bàn ăn, “ông Cavendish đang nhận án treo. Chuyện này chưa kết thúc và không bị lãng quên đâu.”

Sau chiến thắng khiêm tốn của mình, tôi tập diễn tính kiên nhẫn (cho ván cờ, chứ không phải vì đạo đức, không bao giờ có chuyện đó) trong phòng thư giãn, một việc mà tôi đã không làm kể từ sau tuần trăng mật đen đui ở Tintagel với Bà X. (Địa điểm đó chẳng có gì đáng nói. Toàn là những căn nhà xã hội đổ nát và những cửa hàng bán đồ nhang khói.) Lỗi thiết kế của tính kiên nhẫn lần đầu tiên trở nên rõ rệt hơn trong đời tôi: kết quả được quyết định không phải trong quá trình chơi bài mà là khi các lá bài được xáo lên trước khi ván bài bắt đầu. Hỏi có vô nghĩa hay không?

Vấn đề là nó để cho tâm trí bạn lang thang ở nơi khác. Mà nơi khác đó lại không có màu hồng. Denholme đã chết một thời gian rồi, nhưng tôi vẫn còn ở trong Aurora House. Tôi đưa ra một kịch bản tồi tệ mới, một kịch bản trong đó Denholme đã thực hiện một lệnh chuyển tiền định kỳ tự động từ một tài khoản bí mật nào đó của anh ta để nuôi tôi ở Aurora House, xuất phát từ lòng tử tế hoặc thủ đoạn hiểm độc. Denholme chết. Chuyển bỏ trốn của tôi khỏi anh em nhà Hoggins là thông tin mật, vì vậy không một ai biết tôi ở đây. Lệnh chuyển tiền vẫn sống trong khi người ra lệnh đã chết. Bà Latham nói với cảnh sát lần cuối cùng thấy tôi là khi tôi đi vay nặng lãi. Thanh tra Plod phỏng đoán tôi đã cùng đường bọn cho vay khước từ, và đã lên một chuyến tàu Eurostar. Vì thế, năm tuần sau, không ai tìm tôi nữa, kể cả bọn Hoggins.

Ernie và Veronica tiến đến bàn tôi. “Trước tôi vẫn dùng chiếc điện thoại đó để kiểm tra tỉ số cricket.” Ernie tỏ vẻ căm giận. “Bây giờ thì nó sẽ bị khóa lại vào buổi tối.”

“Mười đen trên Bồi đỏ,” Veronica tư vấn. “Đừng lo, Ernie.”

Ernie chẳng bận tâm đến bà ta. “Noakes sẽ tìm cách hành hình ông.”

“Mụ ta có thể làm gì? Không cho tôi ăn ngũ cốc nữa ư?”

“Bà ta sẽ cho thuốc vào thức ăn của ông! Như lần trước ấy.”

“Ông đang nói cái khỉ gì vậy?”

“Có nhớ lần ông chọc giận bà ta không?”

“Khi nào?”

“Buổi sáng khi ông bị đột quy rất chi là đúng lúc ấy chứ khi nào.”

“Ý của ông là tôi bị... làm cho đột quy ư?”

Ernie làm nét mặt “không thể thì thế nào!” cực kỳ khó chịu.

“Ô, quý tha ma bắt! Bố tôi chết vì đột quy, anh tôi có lẽ đã chết vì đột quy. Cứ tự sáng tác thực tế của ông nếu cần, Ernest ạ, nhưng đừng lôi Veronica và tôi vào chuyện này.”

Ernie trừng mắt. (Lars, đoạn này giảm ánh sáng đèn nhé). “Phải rồi, ông cứ cho rằng mình thông minh lắm, nhưng ông cũng chỉ là một thằng ngốc miền nam khó ưa kiêu căng hợm hĩnh mà thôi!”

“Thà làm một thằng ngốc khó ưa, mặc kệ đó là gì đi nữa, còn hơn làm một kẻ bỏ cuộc.” Tôi biết tôi sẽ hối tiếc về điều này.

“Một kẻ bỏ cuộc ư? Tôi ư? Thử gọi tôi như thế một lần nữa xem. Nói đi.”

“Kẻ bỏ cuộc.” (Ôi, con yêu tinh Ương bướng! Tại sao ta lại để mi nói thay ta?) “Tôi thì nghĩ thế này nhé. Ông đã từ bỏ thế giới thực bên ngoài nhà tù này vì nó làm ông khiếp sợ. Thấy người khác bỏ trốn thì ông cảm thấy không thoải mái với cảm giác mình nằm trên giường bệnh. Vì thế mà bây giờ ông đang làm mình làm mẩy đây.”

Vòng xăn của Ernie phụt cháy. “Tôi dừng lại ở đâu không phải là chuyện để ông phán xét, Timothy Cavendish!” (Một người Scotland có thể biến một cái tên tử tế đến hoàn hảo thành một thứ nghe như cặn bã.) “Nhốt ông vào nhà vườn ông còn không ra được nữa kia!”

“Nếu ông có một kế hoạch rõ đến độ thằng ngu cũng hiểu thì nói cho chúng tôi nghe thử xem.”

Veronica cố gắng giảng hòa. “Các chàng trai à!”

Máu Ernie đang dồn đến đỉnh đầu. “Rõ đến độ thằng ngu cũng hiểu’ còn tùy thuộc vào thằng ngu ấy ngu cỡ nào.”

“Thật là thông minh tột đỉnh đấy.” Lời mỉa mai của tôi khiến chính tôi ghê tởm. “Ông hẳn phải là thiên tài ở Scotland nhỉ.”

“Không, ở Scotland thiên tài là một người Anh *bỗng dưng* bị cầm tù trong một trại dưỡng lão.”

Veronica thu nhặt những lá bài rơi vãi của tôi. “Thế trong hai ông có ông nào biết chơi bài đồng hồ không? Phải thêm bài đến khi đủ mười lăm lá

ấy?”

“Chúng tôi nghỉ đây, Veronica,” Ernie gâm gừ.

“Không,” tôi đáp cộc lốc, rồi đứng dậy, ý muốn tránh để Veronica phải chọn một trong hai chúng tôi, vì tôi. “Tôi nghỉ đây.”

Tôi thể sẽ không đến phòng nôi hơi cho đến khi nhận được lời xin lỗi.

Vì thế tôi đã không đến vào chiều hôm đó, hay hôm sau, hay hôm sau nữa.

Ernie tránh tôi suốt tuần lễ Giáng sinh. Veronica dành cho tôi những nụ cười thương cảm khi chạm trán, nhưng lòng trung thành của bà ngã về đâu đã rõ. Giờ đây nghĩ lại, lúc đó tôi thật là mê muội. Tôi đã nghĩ gì thế trời? Phá hỏng tình bạn duy nhất của mình bằng những cơn hờn giận! Tôi vốn dĩ là một kẻ ưa hờn mát bẩm sinh, điều đó giải thích cho rất nhiều chuyện. Những kẻ hờn mát say sưa về những ảo tưởng cô đơn. Những ảo tưởng về Khách sạn Chelsea ở Quảng trường Washington, về chuyện gõ lên một cánh cửa nào đó. Nó mở ra, và cô Hilary V. Hush *rất chi là* vui sướng khi được gặp tôi, chiếc áo ngủ bông hờ hững, cô ngây thơ như Kylie Minogue nhưng cũng cáo già tựa bà Robinson. “Tôi đã bay vòng quanh thế giới để tìm em,” tôi nói. Cô rót cho tôi một ly whiskey từ quầy bar mini. “Chín muối. Êm dịu. Đậm đà.” Nàng chó tuyết hư hỏng sau đó kéo tôi lên chiếc giường bừa bộn và trên đó tôi kiểm tìm suối nguồn tươi trẻ.

*Những chu kỳ bán rã, Phần II* nằm trên một cái kệ phía trên giường. Tôi đọc bản thảo, nổi lơ lửng trong Biển Chết sau màn mây mưa, trong khi Hilary đi tắm. Nửa còn lại thậm chí còn hay hơn cả phần đầu, nhưng Sư phụ sẽ dạy cho Đệ tử làm sao để biến nó thành tuyệt tác. Hilary đề tặng quyền tiểu thuyết cho tôi, đoạt giải Pulitzer và thú nhận trong bài diễn văn nhận giải rằng cô có được tất cả là nhờ người đại diện, người bạn và, xét theo nhiều mặt, người cha của cô.

Ảo tưởng ngọt ngào. Bệnh ung thư cho thuốc giải.

Đêm Giáng Sinh ở Aurora House là một món ăn nhạt nhẽo. Tôi tản bộ (một đặc quyền ngả giá được thông qua văn phòng của Gwendolin Bendincks) đến cánh cổng để nhìn một chút ra thế giới bên ngoài. Tôi nắm cánh cổng sắt và nhìn qua những chấn song. (Sự trớ trêu mang tính hình

tượng, Lars ạ.*Casablanca*.) Tôi phóng tầm mắt về cánh đồng hoang, dừng lại trên một gò mộ, một chuồng cừu bỏ hoang, vợ vẫn nhìn ngôi nhà thờ Norman mang hơi hướm Druid, bỏ qua đến trạm phát điện, nhìn lướt biển Danes vấy mực đến cầu Humber, dõi theo một chiếc chiến đấu cơ băng qua những cánh đồng gợn sóng. Nước Anh đáng thương. Quá nhiều lịch sử cho chừng ấy diện tích. Năm tháng mọc ngược vào trong ở đây, như móng chân tôi vậy. Máy quay an ninh trông chừng tôi. Muốn bao lâu cứ việc. Tôi cân nhắc chuyện giảng hòa với Ernie Blacksmith, chỉ để nghe một tiếng Chúc mừng Giáng Sinh văn minh từ Veronica.

Không. Để cho hai người bọn họ đi chết hết đi.

“Đức cha Rooney!” Ông ta đang một tay cầm rượu sherry, tôi nhét nốt vào tay kia chiếc bánh thịt băm. Phía sau cây thông Giáng Sinh, ánh đèn thần tiên làm da chúng tôi chuyển sang màu hồng. “Con có một thỉnh cầu nhỏ xíu xiu.”

“Là gì nào, ông Cavendish?” Không hề có một chút hài hước nào. Đức cha Rooney là một tu sĩ nhà nghề, gọi nhớ tới hình ảnh tay thợ đóng khung tranh xứ Wales trốn thuế mà tôi từng đụng độ ở Hereford, nhưng đó là một câu chuyện khác.

“Con muốn nhờ Cha gửi một tấm thiệp Giáng Sinh ở bưu điện giùm con, thưa Đức cha.”

“Chỉ thế thôi sao? Chắc chắn nếu ông nhờ Y tá Noakes thì bà ấy sẽ lo liệu việc đấy cho ông mà?” Vậy là chuyện lùm xùm cũng đã đến tai ông ta rồi.

“Y tá Noakes và con không phải lúc nào cũng hiểu giống nhau về việc giao tiếp với thế giới bên ngoài.”

“Giáng Sinh là thời điểm tuyệt vời để rút ngắn khoảng cách giữa chúng ta.”

“Giáng Sinh là thời điểm tuyệt vời để cho những chú chó mê ngủ được ngủ, thưa Cha. Nhưng con thực tâm muốn chị của mình biết con đang nghĩ đến chị ấy trong ngày sinh của Đức Chúa. Y tá Noakes chắc đã nhắc đến sự ra đi của anh rể thân yêu của con với Cha rồi chứ?”

“Thật buồn.” Ông ta biết về vụ Thánh Peter rồi. “Ta rất lấy làm tiếc.”

Tôi lấy ra tấm thiệp từ túi áo khoác. “Con đã viết là gửi cho ‘Người chăm sóc’, chỉ để đảm bảo lời chúc Noel của con đến được đúng người. Chị ấy không được tỉnh táo cho lắm,” tôi gõ lên đầu, “ở chỗ này, con rất tiếc phải nói thế. Đây, để con nhét thiệp vào chiếc túi áo giúp Cha...” Ông ta vùng vẩy nhưng tôi đã dồn ông ta vào góc. “Con thật may mắn, thưa Cha, khi có những người bạn mà con có thể tin cậy. Cám ơn Cha, *cám ơn*, từ tận đáy lòng con.”

Đơn giản, hiệu quả, tinh tế, mi đúng là con cáo già ranh mãnh đấy, TC ạ. Đến ngày đầu năm mới, Aurora House sẽ thức giấc và phát hiện tôi đã biến mất, như Zorro.

Ursula mời tôi vào tủ quần áo. “Anh chẳng già đi chút nào cả, Timbo ạ, và cậu nhỏ này cũng thế!” Bé nai con lông lá của nàng cọ xát lên chiếc cột điện kích cỡ Narnia và hai hòn băng phiến của tôi... nhưng rồi, như mọi lần, tôi thức giấc, thứ của đĩnh kèm lũng lảng ấy căng cứng mời gọi như một khúc ruột thừa sưng tấy, và vẫn xài được như mọi khi. Sáu giờ. Hệ thống sưởi sì sục như nhạc John Cage. Cước giá làm các đốt ngón chân tôi bỏng rát. Tôi nghĩ về những Giáng Sinh đã qua, quá nhiều so với số Giáng Sinh đợi chờ phía trước.

Tôi còn phải chịu đựng thêm bao nhiêu buổi sáng nữa đây?

“Can đảm lên, TC. Một chiếc tàu bưu tá màu đỏ lao vun vút đang đem thư của mi về miền nam đến Mẹ London. Những quả bom chùm của nó sẽ được khai hỏa với sức công phá lớn, lên cảnh sát, lên những người làm phúc lợi xã hội, lên bà Latham ở địa chỉ Haymarket cũ. Mi sẽ nhanh chóng rời khỏi đây thôi.” Trí tưởng tượng của tôi miêu tả những món quà Giáng Sinh muộn sẽ cùng tôi ăn mừng sự tự do của mình. Xì gà, whiskey cổ điển, một buổi ve vãn với Cô nàng Muffet bé nhỏ trên đường dây điện thoại chín mươi xu một phút. Tại sao lại dừng lại ở đó? Một chuyến quay lại Thái Lan với Guy the Guy và Cơ trưởng Viagra?

Tôi nhận thấy một chiếc tất len méo mó treo trên lò sưởi. Nó không có ở đó khi tôi tắt đèn. Ai có thể lên vào mà không làm tôi thức giấc nhỉ? Ernie đang muốn kêu gọi đình chiến Giáng Sinh? Ai nữa nhỉ? Chắc chắn là Ernie rồi! Luống cuống đầy phấn khích trong bộ pyjama kẻ, tôi tháo chiếc tất

xuống rồi đem về giường. Nó rất nhẹ. Tôi lật mặt trong ra, và một con bả tuyết giấy vụn đổ ra. Chữ viết tay của tôi, từ ngữ của tôi, câu chữ của tôi!

Lá thư của tôi!

Sự cứu vãn của tôi, bị xé nát. Tôi đấm ngực, giật tóc, bẻ răng, tôi làm cổ tay bị thương khi nện thành thịch lên nệm. Đức cha Rooney khốn kiếp chết giẫm ở địa ngục! Y tá Noakes, mụ chó già mù quáng! Mụ ta đã đứng nhìn xuống tôi như Thiên sứ Tử thần, trong lúc tôi ngủ! Chúc mừng Giáng sinh chết tiệt, ông Cavendish! Tôi chịu thua. Động từ sinh ra từ cuối thế kỷ mười lăm, từ Pháp cổ *succomber* hoặc từ Latin *succumbere*, nhưng là một nhu cầu thiết yếu của con người, đặc biệt là của tôi. Tôi chịu thua trước những trợ lý chăm sóc ngu như bò. Tôi chịu thua trước lời chúc trên món quà: “Tặng ông Cavendish từ những người bạn mới – Chúc ông vui thêm nhiều mùa Giáng Sinh tại Aurora House!” Tôi chịu thua trước món quà của tôi: Lịch Kỳ quan thiên nhiên hai tháng một trang. (Không ghi Ngày chết.) Tôi chịu thua trước con gà tây bằng cao su, lớp nhân nhồi nhân tạo, món cải Brussels đắng nghét; trước tràng pháo không tiếng nổ (không được kích thích những cơn đau tim, sẽ ảnh hưởng xấu đến việc kinh doanh), chiếc vương miện giấy tí hon, cái miệng nhễ nhào của nó, câu nói đùa nhạt như nước ốc của nó (Người ở quầy bar: “Uống gì?” Bộ Xương: “Cho một ly bia và một giẻ lau sàn.”) Tôi chịu thua trước những bộ phim truyền hình nhiều tập số đặc biệt, thêm thắt gia vị Giáng Sinh đậm đặc; trước bài diễn văn của Nữ Hoàng từ đáy mồ. Trở về sau khi đi tè, tôi gặp Y tá Noakes, và chịu thua trước lời chào thắng lợi của mụ “Chúc nghỉ lễ vui vẻ nhé, ông Cavendish!”

Một chương trình lịch sử trên kênh BBC2 buổi chiều hôm đó chiếu những đoạn phim cũ quay ở Ypres năm 1919. Sự trêu ngươi ác ôn về một thị trấn từng một thời vàng son ấy chính là linh hồn tôi vậy.

Thời trai trẻ tôi chỉ mới có ba hay bốn lần nhìn thấy Quần đảo Hoan Hỉ, trước khi chúng chìm trong sương mù, trầm cảm, những mặt trận lạnh giá, những cơn gió bệnh tật và những ngọn thủy triều đối lập... Tôi đã nhầm tưởng chúng là sự trưởng thành. Tưởng đâu chúng là một đặc tính cố định trong hành trình cuộc đời mình, tôi đã lơ đãng không nhận ra vĩ độ, kinh độ, sự tiếp cận của chúng. Thằng ngốc trẻ người non dạ. Giờ đây có gì mà tôi sẽ không từ bỏ để đổi lấy một tấm bản đồ không hề thay đổi của điều

vĩnh viễn không thể diễn tả? Để sở hữu, như chính nó ngày xưa, một bản đồ mây. \

Tôi sống sót đến Lễ tặng quà vì tôi đã quá thê thảm đến nỗi không thể tự treo cổ nổi. Tôi nói dối đấy. Tôi sống sót đến Lễ tặng quà vì tôi quá hèn nhát không dám treo cổ. Bữa trưa là nước hầm gà tây (với đậu lăng sần sật), chỉ trở nên sống động khi có cuộc tìm kiếm chiếc điện thoại di động bị thất lạc của Deirde (người máy lưỡng tính). Những cương thi thích thú khi nghĩ đến khả năng nó có thể ở đâu (bên dưới ghế sofa), những nơi có thể không có nó (cây thông Giáng Sinh), và những nơi nó không thể nào có ở đó được (gầm giường của bà Birkin). Tôi nhận thấy mình đang gõ cửa phòng nôi hơi, như một chú chó con biết lỗi.

Ernie đứng nhìn xuống linh kiện một chiếc máy giặt bị tháo rời bày trên giấy báo. “Không dám, quý hóa quá.”

“Chúc mừng ngày lễ tặng quà, ông Cavendish,” Veronica cười tươi, đội một chiếc mũ lông Romanov. Bà ta đang đặt một quyển thơ dày trên đùi. “Vào nhà đi nào.”

“Cũng một, hai ngày rồi nhỉ,” tôi nói giảm, một cách ngượng ngáp.

“Tôi *biết!*” ông Meeks làu bàu. “Tôi *biết!*”

Ernie vẫn tỏ thái độ khinh khỉnh. “Er... tôi vào được không, Ernie?”

Ông ta đứng thẳng dậy, sau đó hạ cằm xuống vài độ để tỏ ý thế nào cũng được. Ông ta đang tháo hết cái nôi hơi ra, những con ốc bạc bé xíu nằm trên những ngón tay thô kệch đầy dầu mỡ. Ông ta không hề để ý với tôi. “Ernie này,” cuối cùng tôi lên tiếng, “tôi xin lỗi về chuyện hôm nọ nhé.”

“Ờ.”

“Nếu ông không giúp tôi ra khỏi đây... tôi sẽ phát rồ mất.”

Ông ta tháo một bộ phận mà tôi còn không biết gọi tên là gì. “Ờ.”

Ông Meeks dung đưa tới lui.

“VẬY... ý ông thế nào?”

Ông ta cúi người xuống một chiếc túi phân bón. “Ôi, đừng có ủy mị thế.”

Tôi không tin rằng mình đã từng mỉm cười kể từ sau Hội chợ sách Frankfurt. Khuôn mặt tôi phát đau.

Veronica chỉnh lại chiếc mũ lả lơi mời mọc. “Cho ông ta biết mức phí đi, Ernie.”

“Bất cứ giá nào, bất cứ giá nào.” Tôi chưa bao giờ thật tình hơn thế. “Giá là bao nhiêu?”

Ernie để cho tôi đợi đến khi chiếc tuốc nơ vít cuối cùng đã nằm gọn trong túi đồ nghề. “Veronica và tôi đã quyết định sẽ phiêu lưu đến những đồng cỏ mới.” Ông ta gật đầu về phía cánh cổng. “Ở phía bắc ấy. Tôi có một ông bạn già sẽ lo liệu cho chúng tôi ổn thỏa. Vì thế, ông phải đưa chúng tôi đi cùng.”

Tôi không lường trước chuyện này, nhưng ai quan tâm chú? “Được, được. Rất sẵn lòng.”

“Thỏa thuận vậy đi. Khởi hành sau ba ngày nữa.”

“Sớm vậy ư? Ông đã có kế hoạch cả rồi?”

Lão người Scotland khịt mũi, vắn mở phích nước, rồi rót trà đen đặc quánh vào nắp phích. “Ừ, có thể nói vậy.”

Kế hoạch của Ernie là một chuỗi domino nghiêng ngả đầy rủi ro. “Bất cứ chiến thuật trốn thoát nào,” ông ta giảng giải, “đều phải mưu trí hơn lính canh của ông.” Nó *thật sự* rất mưu trí, nếu không muốn nói là táo bạo, nhưng nếu quân domino nào không làm đổ cái tiếp theo thì sự bại lộ lập tức sẽ đem lại kết quả khủng khiếp, nhất là nếu câu chuyện về cách cưỡng ép gây mê đáng sợ của Ernie hóa ra là thật. Nghĩ lại, tôi cảm thấy kinh ngạc về bản thân mình vì đã đồng ý làm theo. Niềm cảm kích rằng bạn bè đã chịu nói chuyện lại với mình, và nỗi tuyệt vọng phải thoát khỏi Aurora House – còn sống – đã bịt miệng thói thận trọng của tôi, tôi chỉ có thể cho là như thế.

Ngày 28 tháng 12 được chọn vì Ernie biết được từ Deidre rằng bà Judd sẽ ở lại Hull với các cháu và xem các vở diễn kịch câm. “Thực địa tình báo mà,” Ernie gõ gõ lên mũi. Tôi ước gì Withers hay mụ Noakes mới là người đi vắng, nhưng Withers chỉ đi thăm mẹ ở Vịnh Robin Hood vào tháng Tám, và Ernie cho rằng bà Judd là người quan trọng nhất và vì thế là người nguy hiểm nhất.

Ngày trọng đại. Tôi có mặt ở phòng Ernie ba mươi phút sau khi những

Kẻ Chưa Chết được đưa về giường lúc mười giờ. “Cơ hội cuối cùng để rút lui nếu ông nghĩ mình không thể làm được đây,” lão người Scotland nghệ sĩ bảo tôi.

“Tôi chưa bao giờ rút lui khỏi bất cứ điều gì trong đời,” tôi đáp, nói dối qua hàm răng đã hỏng. Ernie tháo ốc bộ thông gió rồi lấy chiếc điện thoại của Deirdre giấu trong đó ra. “Ông có giọng sang nhất,” ông ta thông báo với tôi, khi phân công nhiệm vụ, “vả lại, nói vớ vẩn trên điện thoại là cách ông kiếm tiền mà.” Tôi bấm số của Johns Hotchkiss, được Ernie lấy từ sổ điện thoại của bà Hotchkiss nhiều tháng trước.

Đầu dây bên kia có tiếng trả lời ngái ngủ “Có chuyện gì?”

“À, vâng, có phải anh Hotchkiss không ạ?”

“Tôi đây. Ông là ai?”

Thưa độc giả, các bạn hẳn sẽ phải tự hào về tôi. “Bác sĩ Conway, ở Aurora House. Tôi đang thay thế bác sĩ Upward.”

“Chúa ơi, có chuyện gì xảy ra với mẹ tôi à?”

“Tôi e là thế, thưa anh Hotchkiss. Anh phải mạnh mẽ lên. Tôi nghĩ bà sẽ không cầm cự được đến sáng.”

“Ôi! Ô?” Một phụ nữ ở phía sau đầu dây bên kia hỏi, “Ai đấy, Johns?”

“Chúa ơi! Thật không?”

“Thật.”

“Nhưng bà bị làm sao?”

“Viêm màng phổi cấp.”

“Viêm màng phổi?”

Có lẽ sự đồng cảm của tôi với vai diễn đã vượt quá chuyên môn của mình, một chút. “Bệnh viêm màng phổi *luôn có thể* xảy ra với phụ nữ ở độ tuổi mẹ của anh, thưa anh Hotchkiss. Nghe này, tôi sẽ trình bày chi tiết chẩn đoán của mình khi anh đến đây. Mẹ của anh đòi gặp anh. Tôi đã tiêm cho bà hai mươi miligram thuốc, ờ, morphadin-50, nên bà không hề đau đớn gì đâu. Điều kỳ lạ là, bà không ngừng nói về mấy món nữ trang. Bà cứ lặp đi lặp lại, ‘Tôi phải nói với Johns, tôi phải nói với Johns...’ Việc này có ý nghĩa gì với anh không?”

Khoảnh khắc sự thật.

Anh ta cắn câu! “Chúa ơi. Ông chắc thế chứ? Mẹ tôi có nhớ bà để nó ở đâu không?”

Người phụ nữ ở phía sau hỏi, “*Thế nào? Thế nào?*”

“Bà có vẻ cực kỳ không vui vì số nữ trang này ở lại trong gia đình.”

“Tất nhiên, tất nhiên, nhưng chúng ở đâu, thưa bác sĩ? Bà nói bà giấu chúng ở đâu?”

“Nghe này, tôi phải quay lại phòng bà ấy, anh Hotchkiss ạ. Tôi sẽ gặp anh ở quầy tiếp tân tại Aurora House... Khi nào nhỉ?”

“Hỏi bà ở đâu – không, hãy nói với bà – nói với mẹ tôi hãy – nghe này, bác sĩ - ờ..”

“Ờ... Conway! Conway.”

“Bác sĩ Conway, ông có thể đưa ống nghe lại gần miệng mẹ tôi không?”

“Tôi là bác sĩ, không phải là tổng đài điện thoại. Anh hãy tự đến đây. Khi đó bà sẽ tự nói với anh.”

“Hãy nói với bà – cố gắng chờ đến khi chúng tôi đến đây, vì Chúa. Hãy nói với bà – Pipkins yêu bà rất nhiều. Tôi sẽ đến... nửa tiếng nữa.”

Kết cục của một khởi đầu. Ernie kéo dây khóa chiếc túi xách. “Làm tốt lắm. Ông giữ điện thoại đi, nhớ mà anh ta gọi lại.”

Quân domino thứ hai là tôi phải đứng canh gác cẩn mật trong phòng của ông Meeks để nhìn qua kẽ hở cánh cửa. Do tình trạng xuống cấp sức khỏe nghiêm trọng nên linh vật của phòng nổi hơi chúng tôi không tham gia vào cuộc đào tẩu vĩ đại này, nhưng phòng ông ta nằm đối diện phòng tôi, và ông ta hiểu “Suyt!” nghĩa là gì. Vào lúc mười giờ mười lăm, Ernie đi đến khu vực tiếp tân để báo tin tôi đã chết với Y tá Noakes. Quân domino này có thể ngã theo những hướng không mong đợi. (Những cuộc thảo luận của chúng tôi về việc ai làm cái xác còn ai làm người đi báo tin kéo dài lê thê: Cái chết của Veronica đòi hỏi phải đống kịch vượt quá khả năng của Ernie để không khiến mù đàn bà dữ dằn của chúng tôi nghi ngờ; cái chết của Ernie, do Veronica báo tin, đã bị loại vì bà ta có khuynh hướng diễn xuất cường điệu; cả phòng của Ernie và Veronica đều bị bao bọc bởi những

Kẻ Chưa Chết, bọn họ có thể làm kỳ đà cản mũi kế hoạch của chúng tôi. Ngược lại, phòng của tôi ở dãy phòng cũ, và hàng xóm duy nhất của tôi là ông Meeks. Vì vậy tôi được chọn đóng vai người chết.) Điều khó xác định lớn nhất là sự căm ghét rõ rệt của Y tá Noakes dành cho tôi. Liệu mẹ ta có vội vàng chạy đến để xem kẻ thù của mình thất thủ, để cắm một đinh ghim vào cổ tôi nhằm kiểm tra xem tôi có chết thật hay chưa không? Hay là sẽ ăn mừng hoành tráng trước đã?

Tiếng bước chân. Một tiếng gõ cửa. Y tá Noakes, đánh hơi miếng mồi. Quân domino thứ ba đang lắc lư, nhưng sự lệch hướng đã len lỏi vào trong. Ernie theo kế hoạch phải đi cùng mẹ ta đến tận cửa phòng tôi. Mẹ ta phải lao vào trước. Từ chỗ ẩn nấp của mình, tôi thấy kẻ săn mồi nhìn vào. Mẹ mở đèn lên. Đống gói ngụy tạo dưới lớp chăn theo kịch bản cổ điển, trông thật hơn bạn nghĩ, dụ mẹ ta vào. Tôi phóng ra hành lang và đóng sầm cửa lại. Từ thời khắc này trở đi, quân domino thứ ba phụ thuộc vào cơ chế ổ khóa – chốt khóa phụ rất cứng, xoay được, và trước khi tôi vặn được nó, Noakes đã kéo mở cánh cửa ra – chân mẹ chặn ngang khung cửa – sức mạnh ma quỷ của mẹ nhắc bỗng cơ bắp tay và xé toạc cổ tay tôi. Chiến thắng, tôi biết, sẽ không thuộc về tôi.

Vì thế tôi đánh một canh bạc lớn, bất thành linh thả tay nắm cửa ra. Cánh cửa mở tung và mẹ phù thủy văng vào trong phòng. Trước khi mẹ kịp chạy đến cửa, tôi đóng rồi khóa nó lại. Một catalogue những lời đe dọa *Titus Andronicus* nện vào cánh cửa. Đến giờ này chúng vẫn ám ảnh những cơn ác mộng của tôi. Ernie đến đem theo một cây búa và vài cây đinh bảy phân. Ông ta đóng đinh cánh cửa vào khung rồi để cho mẹ thợ săn gào thét trong phòng giam do chính mẹ tạo ra.

Ở ngoài bàn tiếp tân, quân domino thứ tư đang chớp tắt ánh đèn xanh chết người trên chiếc máy điện đàm ở cổng chính. Veronica biết phải bấm nút nào. “Tôi đã bấm cái nút khỉ gió này cả mười phút trong khi mẹ tôi đang hấp hối!” Johns Hotchkiss rất giận dữ. “Các người đang chơi cái trò đ\*\* gì thế?”

“Tôi phải giúp bác sĩ Conway chế ngự mẹ của anh, thưa anh Hotchkiss.”

“Chế ngự mẹ tôi? Vì *bệnh viêm màng phổi* ư?”

Veronica bấm công tắc “mở” và ở phía bên kia sân, cánh cổng mở ra, chúng tôi hi vọng thế. (Tôi xin trả lời luôn cho độc giả viết thư sẽ hỏi tôi tại sao chúng tôi không dùng công tắc này để thoát thân, vì rằng cánh cổng tự động đóng lại sau bốn mươi giây; rằng khu vực tiếp tân thường có người túc trực; và rằng còn biết bao nhiêu dặm đồng không mông quạnh chờ đón.) Qua làn sương lạnh cóng, tiếng bánh xe rít vang lên ngày một lớn. Ernie nấp ở phòng phía sau trong khi tôi đón chiếc Range Rover ở bậc thềm bên ngoài. Vợ của Johns Hotchkiss ngồi ở ghế tài xế.

“Bà ấy sao rồi?” Hotchkiss hỏi trong lúc bước đến.

“Vẫn ở lại với chúng ta, anh Hotchkiss ạ, vẫn đòi gặp anh.”

“Tạ ơn Chúa. Ông là ông Conway đó à?” Tôi muốn tránh thêm nhiều câu hỏi y khoa nữa. “Không, bác sĩ đang ở chỗ mẹ anh, tôi chỉ làm việc ở đây thôi.”

“Tôi chưa bao giờ gặp ông.”

“Thực ra con gái tôi là hộ lý ở đây, nhưng vì thiếu người và tình hình nguy cấp của mẹ anh nên tôi tạm thời dùng nghỉ hưu để giúp trực tiếp tân. Vì vậy mà việc mở cổng có phần chậm trễ.”

Vợ anh ta đóng sầm cửa xe. “Johns? Đây? Ngoài này lạnh muốn chết còn mẹ anh thì sắp đi rồi đấy. Chúng ta có thể để phần chào hỏi lại sau không?”

Veronica đã xuất hiện với chiếc mũ trùm đầu buổi tối đính trang kim. “Anh Hotchkiss à? Chúng ta gặp nhau vài lần rồi nhỉ. Mẹ anh là bạn thân nhất của tôi ở đây đấy. Mau đến gặp bà đi. Bà đang ở trong phòng. Bác sĩ nghĩ rằng đưa bà ra ngoài là quá nguy hiểm.”

Johns Hotchkiss có vẻ như người thấy mùi lắt léo ở đây, nhưng làm sao anh ta có thể buộc tội bà già dễ mền này lừa đảo và âm mưu? Vợ anh ta quày quả bước vào, kéo anh ta theo.

Tôi lại ngồi ở ghế tài xế. Ernie bế *cục cưng* bị viêm khớp của ông ta và đặt một cơ số hộp đựng mũ nhiều đến không tưởng lên băng sau, rồi nhảy lên ghế phía trước. Tôi chưa đổi chiếc xe nào từ đạo bà X ra đi, và những năm xen giữa đó đã không trôi xa như tôi hi vọng. Quỷ tha ma bắt, bàn đạp nào dùng vào việc nào nhỉ? Tăng tốc, phanh, bộ tiếp hợp, kính, đèn tín hiệu,

diễn tập. Tôi với tay tìm chìa khóa trong ổ cắm.

“Ông còn đợi gì nữa vậy?” Ernie hỏi. Các ngón tay của tôi quả quyết rằng chẳng có chiếc chìa khóa nào hết.

“Nhanh nào, Tim, nhanh nào!”

“Không có chìa khóa. Không có cái chìa khóa của nợ đó.”

“Anh ta *luôn luôn* cắm chìa trong ổ mà!”

Các ngón tay của tôi quả quyết rằng chẳng có chiếc chìa khóa nào hết. “Vợ anh ta lái xe! Nên cô ta đã cắm chìa khóa! Con ả đó cầm chìa khóa theo rồi! Trời đất thánh thần thiên địa ơi, chúng ta phải làm gì bây giờ?”

Ernie nhìn lên hộp đồng hồ, trong ngăn đựng găng, trên sàn xe.

“Ông nối dây điện khởi động được không?” Giọng tôi đầy tuyệt vọng.

“Đừng yếu đuối thế!” ông ta quát lại, mò mẫm trong khay đựng tàn thuốc.

Quân domino thứ năm được dán keo thẳng đứng cứng đờ không thềm ngã. “Cho tôi hỏi...” Veronica lên tiếng.

“Tìm dưới miếng che nắng ấy!”

“Chẳng có cái quái gì ngoài...”

“Cho tôi hỏi,” Veronica nói. “Đây có phải là chìa khóa xe ô tô không?” Ernie và tôi quay lại, gào lên, “Khôngggggggg” như dàn âm thanh nổi trước chiếc chìa khóa cửa hiệu Yale. Chúng tôi gào lên lần nữa khi thấy Withers chạy ra hành lang thấp đèn mờ từ khu nhà ăn, với hai người nhà Hotchkiss phía sau.

“Ô,” Veronica nói. “Cái to này cũng rơi ra nữa...”

Chúng tôi nhìn Withers tiến đến bàn tiếp tân. Hắn nhìn qua lớp cửa kính thẳng vào mặt tôi, truyền đi hình ảnh tưởng tượng về một con Rottweiler cắn nát một con búp bê may thành hình Timothy Langland Cavendish, tuổi 65 và 3/4. Ernie khóa hết các cửa xe, nhưng làm thế thì có ích gì?

“Còn cái này thì sao?” Có phải Veronica đang cầm một chiếc chìa khóa xe lủng lẳng trước mũi tôi không? Với một logo “Range Rover” trên đó.

Ernie và tôi gào lên, “Đúngggggggggg!”

Withers đẩy mở cửa trước rồi nhảy xuống bậc tam cấp.

Các ngón tay tôi run rẩy đánh rơi chìa khóa.

Withers ngã phịch xuống một vũng nước đóng băng.

Tôi đập đầu vào vô lăng khiến kèn vang lên.

Withers đang giật mấy cánh cửa đã khóa. Các ngón tay tôi run lấy bầy khi những đọt pháo hoa đau đón phát nổ trong đầu tôi. Johns Hotchkiss đang gào thét, “Vác mấy cái mạng già xương xẩu của các người ra khỏi xe tôi nếu không tôi sẽ kiện – MẸ KIẾP TRƯỚC SAU GÌ TÔI CŨNG SẼ KIỆN ĐẤY!” Withers dùng một cái dùi cui đập vào cửa kính, không, đó là nắm đấm của hắn; chiếc nhẫn gắn đá quý của ả vợ cào lên lớp kính; chiếc chìa khóa bằng cách nào đó đã trượt vào ổ cắm; động cơ gầm lên; hộp đồng hồ sáng lên với ánh đèn huyền ảo; Chet Baker đang hát “Let’s Get Lost”; Withers đang bám vào cửa và đập âm âm; vợ chồng Hotchkiss quờ quạng trước đèn pha như những tội đồ trong tranh El Greco; tôi cài chiếc Range Rover sang số một nhưng nó chuyển hướng chứ không di chuyển vì thắng tay đang bật; Aurora House bừng sáng như UFO trong phim *Close Encounters*; tôi xua đi cảm giác sống qua khoảnh khắc này nhiều lần trước rồi; tôi thả thắng tay, đâm thẳng vào Withers; chuyển lên số hai; nhà Hotchkiss không chết mà ra sức vẫy gào, rồi họ khuất tầm mắt và chúng tôi đã *cất cánh!*

Tôi lái xe vòng quanh ao nước, xa khỏi cánh cổng vì Hotchkiss đập chiếc Range Rover hướng về phía đó. Tôi nhìn kính chiếu hậu – Withers và nhà Hotchkiss đang lao theo chúng tôi như những tay lính biệt kích chết tiệt. “Tôi sẽ dụ họ ra khỏi cánh cổng,” tôi lúng búng nói với Ernie, “để ông có thời gian mở khóa. Ông cần bao lâu? Tôi ước chừng ông sẽ có khoảng bốn mươi lăm giây đấy.”

Ernie không nghe thấy tôi.

“Ông cần bao lâu để mở khóa?”

“Ông sẽ phải lao xe vào cổng.”

“Cái gì?”

“Xe Range Rover tốt loại lớn chạy ở vận tốc tám mươi cây số giờ có thể làm được đấy.”

“Cái gì? Ông đã nói là có thể mở khóa ngay cả khi ngủ cơ mà!”

“Mở một cái khóa điện tử hiện đại ư? Không đời nào!”

“Tôi sẽ không nhốt Noakes lại và ăn cắp xe nếu tôi biết ông không thể mở khóa!”

“Ừ, đúng rồi, ông yếu đuối quá mà, nên ông cần sự khích lệ.”

“Khích lệ?” Tôi hét lên, sợ hãi, tuyệt vọng, giận dữ, ba phần bằng nhau. Chiếc xe xé toạc bụi cây và bụi cây cũng xé toạc nó.

“*Thật là hết ý!*” Veronica thốt lên.

Ernie nói chuyện tựa như đang thảo luận về một bài toán khó tự giải. “Miễn cái cột ở giữa không được chôn sâu xuống đất thì cánh cổng sẽ bung ra khi chịu lực tác động.”

“Thế còn nếu nó được chôn sâu thì sao?”

Veronica bộc lộ tính điên loạn. “Thì chúng ta sẽ bay tứ phía khi đâm vào đó! Vì thế, hãy đạp hết cỡ đi, ông Cavendish!”

Cánh cổng bay về phía chúng tôi, cách chín, tám, sáu chiều dài xe. Bố nói vọng lên từ đáy xương chậu của tôi, “Con có *bắn khoăn* gì về rắc rối mà con đang gặp phải không, con trai?” Nên tôi vâng lời bố, phải, tôi vâng lời ông và tôi đạp phanh. Mẹ rít lên bên tai tôi: “Tới luôn đi, Timbo của chúng ta, con có gì để mất đâu?” Tôi đã đạp không phải phanh mà là cần tăng tốc - đó là ý nghĩ cuối cùng – chiều dài hai chiếc xe, một chiếc xe, *rầm!*

Những song chắn thẳng đứng trở thành đường chéo. Cánh cổng bung ra khỏi bản lề. Tim tôi nhảy bungee từ cổ họng xuống ruột, lộn lên, rơi xuống và chiếc Range Rover trượt khắp con đường, tôi dùng hết sức bình sinh gồng lại, phanh xe rít lên nhưng tôi giữ cho chiếc xe không lao xuống hào nước, động cơ vẫn nổ, kính chắn gió vẫn nguyên vẹn.

Chết lặng.

Sương mù dày đặc, chỉ tan thành lớp mỏng trước ánh đèn pha.

“Chúng tôi rất tự hào về ông,” Veronica nói, “phải không, Ernest?”

“Phải rồi, cưng à, chúng ta rất tự hào!” Ernie vỗ lưng tôi. Tôi nghe tiếng Withers sửa ông ổng chối tai, sát phía sau. Ernie hạ cửa kính xuống rồi hét to về phía Aurora House: “Đồ nguuuuuu!” Tôi đạp cần số lần nữa. Lốp xe kéo lê nặng nề, động cơ nở hoa, và Aurora House biến mất vào màn đêm. Bố khi, khi bố mẹ quý vị qua đời, họ sẽ dọn đến ở chung với quý vị đấy.

\* \* \*

“Bản đồ?” Ernie đang lục lọi trong ngăn đựng găng. Những món ông ta tìm được đến giờ là kính mát và kẹo Werner.

“Không cần. Tôi nhớ lộ trình rồi. Tôi biết rõ nó như lòng bàn tay đây. Bất kỳ cuộc đào tẩu nào cũng phải được chuẩn bị kỹ càng chín phần mười chứ.”

“Tốt nhất là tránh đường cao tốc nhé. Thời nay họ có máy quay và hầm bà lằng thứ khác.”

Tôi suy tư về sự thay đổi nghề nghiệp từ một nhà xuất bản thành một kẻ trộm xe. “Tôi biết rồi.”

Veronica nhái giọng ông Meeks – xuất sắc. “*Tôi biết! Tôi biết!*”

Tôi bảo bà ta nhại giọng chính xác đến kinh ngạc.

Một khoảng dừng. “Tôi có nói gì đâu.” Ernie quay lại và hét lên thất thanh vì bất ngờ. Khi tôi nhìn vào kính chiếu hậu và thấy ông Meeks ngo ngoặt ở khoang phía sau cùng của xe, tôi suýt nữa lạc tay lái. “Làm sao...” tôi bắt đầu. “Khi nào... ai...”

“Ông Meeks!” Veronica thốt lên. “Thật là một sự bất ngờ đáng yêu.”

“Một sự bất ngờ?” tôi hỏi. “Ông ta đã vi phạm các quy luật vật lý rồi!”

“Chúng ta không thể quay đầu xe lại Hull,” Ernie nói, “mà bây giờ lạnh lắm, không thể bỏ ông ta xuống được. Đến sáng là ông ta đóng băng luôn đấy.”

“Chúng ta đã bỏ trốn khỏi Aurora House rồi, ông Meeks ạ,” Veronica giải thích.

“Tôi biết,” lão già say bí tỉ kêu be be, “Tôi biết.”

“Mọi người vì một người, một người vì mọi người, phải không?” Ông Meeks cất tiếng cười khúc khích, mút kẹo và ngân nga bài “The British Grenadiers” trong lúc chiếc Range Rover lao về phía bắc.

Một bảng hiệu – XIN VUI LÒNG LÁI XE CẨN THẬN Ở NGÃ TƯ THAWICKE – sáng lên trước ánh đèn pha. Ernie đã đánh dấu kết thúc lộ trình dự tính của chúng tôi ở đây với một chữ X đỏ to tướng và bấy giờ tôi mới hiểu tại sao. Một trạm xăng mở cửa suốt đêm đang phục vụ trên một tuyến đường cao tốc – cạnh một quán rượu có tên Hanged Greyhound. Đã quá nửa đêm nhưng đèn vẫn sáng. “Đỗ xe tại quán rượu đi. Tôi sẽ đi mua một can xăng để không ai phát hiện ra chúng ta. Sau đó ta hãy làm một ly để ăn mừng công việc hoàn thành tốt đẹp. Johns ngốc để quên áo khoác trong xe, và trong túi áo là – tèn ten.” Ernie chìa ra một chiếc ví có kích cỡ bằng chiếc va li của tôi. “Tôi chắc chắn bằng này đủ để chúng ta uống một chầu.”

“Tôi biết!” ông Meeks hí hửng. “Tôi biết!”

“Một ly Drambuie pha soda là được,” Veronica quyết định.

Ernie quay lại sau năm phút với can xăng. “Dễ ợt.” Ông ta đổ xăng vào bình, rồi sau đó bốn người chúng tôi đi bộ băng qua bãi đỗ xe đến quán Hanged Greyhound. “Đêm nay lạnh thật,” Ernie cảm thán, rồi đưa cánh tay ra cho Veronica. Trời lạnh kinh hồn khiến tôi không ngừng run bần bật. “Trăng đẹp quá, Ernest à,” Veronica tiếp lời, luồn tay qua cánh tay ông ta. “Thật là một đêm tuyệt vời để theo trai!” Bà cười khúc khích như một cô em mười sáu tuổi. Tôi siết chặt nắp nhốt con quỷ già nua trong mình, ghen tuông. Ông Meeks đi cà nhắc, nên tôi đỡ ông ta đến tận cửa, trên có gắn tấm bảng đen với dòng quảng cáo “Trận cầu vĩ đại!”. Ở cái hang ấm áp bên trong, một đám đông đang xem bóng đá trên truyền hình trong vùng thời gian nhuộm ánh huỳnh quang xa xôi. Trong tám mươi mốt phút đầu, đội Anh đang bị đội Scotland dẫn trước một bàn. Chẳng ai buồn chú ý đến chúng tôi. Anh đấu với Scotland, ở nước ngoài, giữa mùa đông lạnh giá – chẳng lẽ World Cup đã trở lại rồi sao? Sẵn nhắc đến gã Nếp Nhăn Trời Đánh ấy.

Tôi chẳng ưa gì các quán rượu có mở tivi, nhưng ít ra thì ở đây cũng chẳng có tiếng nhạc chát chúa giật đùng đùng, và sự tự do tối hôm đó là món tài sản ngọt ngào nhất. Một gã chặn cừu nhường chỗ cho chúng tôi trên một băng ghế cạnh lò sưởi. Ernie gọi đồ uống vì ông ta bảo rằng giọng tôi nghe miền nam quá, thể nào cũng bị họ nhổ nước bọt vào cốc. Tôi gọi một Kilmagoon đúp và điều xì gà đắt nhất quán có, Veronica gọi Drambuie pha soda, ông Meeks gọi bia gừng, còn Ernie thì gọi một ly bia đắng Angry Bastard. Nhân viên quầy bar không rời mắt khỏi tivi – ông ta lấy đồ uống cho chúng tôi chỉ bằng xúc giác mà thôi. Ngay khi chúng tôi vừa yên vị trong một góc, thì một cơn cuồng phong tuyết vọng quét qua quầy bar. Anh được hưởng một quả phạt đền. Chủ nghĩa bộ lạc giật điện khán giả.

“Tôi muốn kiểm tra lộ trình của mình. Ernie, làm ơn đưa cho tôi bản đồ.”

“Ông là người cuối cùng giữ nó mà.”

“Ồ. Chắc là nó ở trong...” Phòng tôi. Nhớ zoom cận cảnh nhé, Đạo diễn Lars, vào khuôn mặt Cavendish khi lão nhận ra sai lầm định mệnh của mình. Tôi đã để quên bản đồ trên giường. Cho Y tá Noakes. Với lộ trình được đánh dấu bằng bút dạ. “... xe... ôi, Chúa ơi. Tôi nghĩ chúng ta nên uống nhanh rồi lên đường thôi.”

“Nhưng chúng ta mới nhấp môi thôi mà.”

Tôi nuốt nước bọt khó nhọc. “Về cái, ờ, tám bản đồ ấy mà...” Tôi xem đồng hồ rồi tính toán quãng đường và vận tốc.

Ernie bắt đầu nhận ra. “Tám bản đồ có vấn đề gì?”

Câu trả lời của tôi bị nhấn chìm trong một tiếng hú thê lương. Anh đã cân bằng tỉ số. Và vào đúng khoảnh khắc đó, tôi không nói ngoa, Withers nhìn vào trong. Đôi mắt Gestapo của hắn định vị chúng tôi. Không vui vẻ. Johns Hotchkiss hiện ra bên cạnh hắn, nhìn thấy chúng tôi, và anh ta trông thực sự rất vui. Anh ta lấy điện thoại di động để gọi cho các thiên thần báo thù. Một gã bặm trợn thứ ba mặc áo choàng lấm lem dầu mỡ hoàn chỉnh đội hình đuổi bắt, nhưng có vẻ như Y tá Noakes đến giờ phút này đã thắng Johns Hotchkiss khi không lôi cảnh sát vào vụ này. Danh tính của kẻ bặm trợn dầu mỡ tôi sẽ không bao giờ biết được, nhưng tôi biết

một điều ngay lúc đó: trò chơi đã kết thúc.

Veronica thở dài một hơi yếu ớt. “Tôi đã hi vọng xiết bao được nhìn thấy,” bà ta nói như hát, “cỏ xạ hương núi đại, mọc xen khắp nơi giữa những cây thạch nam rộ hoa, và nó đã mất, hỡi em yêu, đã mất...”

Một cuộc đời bị kiểm soát, bị thuốc làm cho mù mịt và những chương trình ban ngày đang chờ đợi phía trước. Ông Meeks ngoan ngoãn đứng dậy để lên đường với tên cai ngục của chúng tôi.

Ông ta thốt lên một tiếng gầm Kinh thánh. (Lars: zoom ống kính vào từ bãi đỗ xe bên ngoài, qua quầy bar náo nhiệt, xuống cái amidan thối rữa của ông Meeks.) Những khán giả xem đài dừng cuộc nói chuyện, làm đổ thức uống và nhìn lên. Thậm chí Withers cũng đứng sững lại trên đường. Lão già tám mươi tuổi nhảy lên quầy bar, như Astaire ở thời kỳ sung mãn, rồi rống lên tiếng cầu cứu đến những người anh em đồng hương, “Có ai là người Scott chân chính trong này khôngggggg?”

Hắn một câu! Ernie, Veronica và tôi cũng sờ không thốt nên lời.

Kịch tính tốt độ. Không một ai nhúc nhích.

Ông Meeks chỉ về phía Withers bằng ngón trỏ xương xẩu rồi cất lên lời nguyên rủa cổ đại này: “Bè lũ người Anh đó đang giẫm đạp lên những quyền lợi Chúa ban của tôi! Bọn chúng đã lợi dụng tôi và bạn bè tôi một cách trắng trợn và chúng tôi đang cần trợ giúp khẩn cấp!”

Withers gầm lên với chúng tôi: “Câm miệng đi và hãy đối diện với hình phạt dành cho các người.”

Tiếng Anh giọng miền nam của kẻ bắt bớ chúng tôi đã lọt ra! Một quả tên lửa đứng bật dậy như Poseidon và siết chặt các đốt tay. Một thợ điều khiển cần cầu đứng gần anh ta. Một người đàn ông có cái cằm cá mập mặc bộ đồ vest giá một nghìn bảng. Một nữ tiểu phu chi chút sọ.

Tivi tắt ngóm.

Một người ở miền cao nguyên nhẹ nhàng nói: “Vâng, ông bạn à. Chúng tôi sẽ không làm ông thất vọng đâu.”

Withers đánh giá tình hình rồi nở một nụ cười khinh khỉnh. “Mấy ông này ăn cắp xe ô tô.”

“Anh là cảnh sát hả?” Nữ tiểu phu tiến đến.

“Cho chúng tôi xem thẻ nào,” thợ cần cẩu tiến đến.

“Ôi, mày nói chuyện nghe như cú ấỵ,” Poseidon nhổ nước bọt. Sự bình tĩnh hẳn đã có thể đánh mất vận hội ngày hôm đó của chúng tôi, nhưng Johns Hotchkiss đã ghi một bàn chí tử. Len lỏi giữa đám người dày đặc, anh ta mở đầu nỗi bất hạnh của mình bằng câu “Bây giờ nhìn cho kỹ đây, lũ *dở hơi*, có ngon thì ra đòn đi nếu các người nghĩ...” Một cái răng của anh ta văng vào ly Kilmagoon của tôi, cách đó bốn mét rưỡi. (Tôi đã vớt chiếc răng ra để giữ làm bằng chứng, bằng không sẽ chẳng ai tin.) Withers chụp kíp và bẻ một nắm tay sấn tới, hất một tay bặm trợn lên bàn bida, nhưng con quái vật chỉ một thân một mình trong khi những kẻ thù bị chọc tức thì đông như nước lũ. Ôi, cảnh tượng tiếp theo thật hoành tráng chẳng kém trận Trafalgar. Tôi phải thú nhận, cảnh tên ác ôn đó bị tra tấn thật chẳng dễ chịu chút nào, nhưng khi Withers ngã xuống và những cú đấm méo mó bắt đầu trút xối xả, tôi đã đề nghị trốn đi một cách khéo léo ra phía trái chiếc xe mượn tạm của chúng tôi. Chúng tôi đi ra ở cửa sau rồi ba chân bốn cẳng chạy băng qua bãi đỗ xe lộng gió, dốc hết sức bình sinh trên những đôi chân có tuổi đời cộng lại cũng đã hơn ba thế kỷ. Tôi cầm lái. Về phía bắc. Tất cả những chuyện này sẽ kết thúc ở đâu, tôi không biết.

HẾT

\* \* \*

Được rồi, thưa Độc giả, các bạn xứng đáng được đọc đoạn kết nếu vẫn còn theo tôi đến lúc này. Khổ nạn của tôi đã hạ màn ở căn nhà có phòng cho thuê sạch không tì vết ở Edinburgh này, do một góa phụ đoan trang từ Đảo Man trông nom. Sau vụ ẩu đả ở quán Hanged Greyhound, bốn con chuột mù chúng tôi lái xe đến Glasgow, ở đó Ernie biết một tay cớm biến chất có thể giải quyết chiếc xe của Hotchkiss. Tại đây chúng tôi đường ai nấy đi. Ernie, Veronica và ông Meeks tiễn tôi ở nhà ga. Ernie hứa sẽ nhận hết tội nếu bị pháp luật sờ gáy, vì ông ta đã quá già rồi cũng chẳng ai bắt ra

tòa nổi, thật là một ông già biết điều. Ông ta và Veronica sẽ đến một nơi trên quần đảo Hebrides, ở đó ông ta có người em họ làm nghề thợ thủ công kiêm giảng đạo đang trông nom những mảnh đất bị mất giá cho mafia Nga và những người Đức nhiệt thành nói giọng Gaelic. Tôi cầu nguyện cho họ được mạnh khỏe. Ông Meeks định là sẽ được ký gửi ở một thư viện công cộng kèm theo tấm biển “Làm Ôn Chăm Nom Giúp Con Gấu Này”, nhưng tôi nghĩ Ernie và Veronica sẽ đưa ông ta theo. Sau khi đến nhà trọ Widow Manx, tôi ngủ li bì dưới lớp chăn chần chần lông ngỗng, ngon lành như Vua Arthur trên Đảo Blessed. Tại sao tôi không lên chuyến tàu đầu tiên về phía nam đến London, ở đó và vào lúc đó? Tôi vẫn chưa rõ. Có lẽ tôi đã nhớ lại lời nói của Denholme về cuộc đời ở bên kia cao tốc M25. Tôi sẽ không bao giờ biết anh ấy đóng vai trò gì trong việc giam tôi vào viện dưỡng lão, nhưng anh ấy đã đúng – London làm tối bản đồ như một khối u ở ruột của nước Anh vậy. Ở trên này có hẳn một vùng đồng quê.

Tôi tìm số nhà bà Latham ở thư viện. Cuộc đoàn tụ qua điện thoại của chúng tôi thật là cảm động. Tất nhiên, bà Latham che giấu cảm xúc bằng cách rửa xả tôi, trước khi kể cho tôi nghe những gì xảy ra trong các tuần tôi vắng mặt. Con bả Hoggins đã xé toang văn phòng của tôi khi tôi không có mặt ở buổi tùng xẻo lúc ba giờ chiều, nhưng nhiều năm sống theo chính sách “bên miệng hố vỡ nợ” đã giúp ích cho tôi. Bà ta đã ghi hình được cảnh phá hoại trên một máy quay của đứa cháu trai. Nhờ đó bọn Hoggins bị nắm thóp: bà Latham cảnh báo chúng, hãy tránh xa Timothy Cavendish, nếu không đoạn phim này sẽ được tung lên mạng và những án treo của chúng mày sẽ biến thành án tù. Vì vậy chúng đã bị thuyết phục phải chấp thuận một đề nghị hợp tình hợp lý về việc chia tiền nhuận bút trong tương lai. (Tôi nghĩ chúng cũng phải thăm ngưỡng mộ thần kinh thép của bà quản gia tôi.) Ban quản lý tòa nhà dùng sự biến mất của tôi – và tình trạng thảm hại của căn hộ tôi – làm cái cớ để đuổi chúng tôi đi. Ngay khi tôi viết những dòng này, căn nhà cũ của tôi đang bị biến thành tiệm Hard Rock Cafe cho những người Mỹ nhớ nhà. Nhà xuất bản Cavendish đang được điều hành từ một căn nhà thuộc sở hữu của cháu trai cả của bà thư ký, cậu ta đang định cư ở Tangiers. Bây giờ đến tin tốt nhất đây: một xưởng phim Hollywood đã đề nghị mua tác quyền *Đám Vỡ Mồm* – với một con số lớn

đến vô lý tương đương con số trên mã vạch vậy. Phần lớn tiền sẽ vào tay nhà Hoggins, nhưng lần đầu tiên kể từ năm hai mươi hai tuổi, tôi được dư dả tiền nong.

Bà Latham đã giải quyết xong các thẻ ngân hàng của tôi, vân vân, còn tôi đang thiết kế tương lai mình trên những quây bia, như Churchill và Stalin ở Yalta vậy, và tôi phải nói rằng tương lai cũng không đến nỗi quá âm đạm. Tôi sẽ tìm một người viết thuê đỏi kém để biến những ghi chép mà các bạn đang đọc đây thành một kịch bản phim của riêng tôi. Nói gì đi nữa, nếu Dermot “Duster” Hoggins có thể viết một quyển sách bán chạy được dựng thành phim, thì thế quái nào mà Timothy “Lazarus” Cavendish lại không thể cơ chứ? Cho Y tá Noakes vào sách, đặt vào ghế bị cáo rồi bán đấu giá. Mụ đàn bà này rất thực tâm – những kẻ sâu bọ hầu hết đều thực tâm – nhưng không vì thế mà ít nguy hiểm đi, và mụ ta sẽ bị nêu tên, bị bêu xấu. Vụ việc nhỏ nhặt mượn xe của Johns Hotchkiss cần được xử lý tinh tế, nhưng những con cá ngóc hơn đã lên chảo cả rồi. Bà Latham liên lạc với Hilary V. Hush qua email để bày tỏ mối quan tâm của chúng tôi dành cho *Những chu kỳ bán rã*, và nhân viên bưu tá vừa giao phần hai đến cách đây chưa đầy một tiếng. Một tấm hình được đính kèm, hóa ra “V” là viết tắt của “Vincent”! Thật là một thân hình đồ sộ! Tôi không phải là Chippendale, nhưng Hilary có chu vi chiếm hết không phải hai mà là ba ghế ngồi máy bay khoang phổ thông. Tôi sẽ biết liệu Luisa Rey có còn sống hay không trong một góc của Whistling Thistle, văn phòng *tạm thời* của tôi, vốn là một quán rượu tàn trong con hẻm nhỏ nơi Mary, Nữ vương xứ Scotland, triệu tập kẻ ác để thực hiện mưu đồ. Chủ quán - ly đúp do ông ta pha sẽ được xem là ly gấp bốn nếu tính theo kiểu quản lý ở London - thì là ông ta thấy Nữ hoàng bạc mệnh, thường xuyên. *In vino veritas*<sup>[63]</sup>.

Câu chuyện đại khái là như thế. Tuổi trung niên đã trôi đi, nhưng chính thái độ, chứ không phải tuổi tác, mới kết án một con người nhập vào hàng ngũ những Kẻ Sắp Chết, nếu không thì đã đem đến sự cứu rỗi. Trong địa hạt của người trẻ tuổi vẫn chất chứa nhiều linh hồn Sắp Chết. Họ vội vã sống, sự thối rữa bị che giấu trong vài thập kỷ, chỉ vậy thôi. Bên ngoài, những bông tuyết dày đang rơi trên mái nhà và tường đá hoa cương. Như Solzhenitsyn lao động ở New York, tôi sẽ hoạt động hết công suất trong lúc

tị nạn, tránh xa thành phố nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Như Solzhenitsyn, tôi sẽ trở lại, vào một buổi hoàng hôn bừng sáng.

**Những chu kỳ bán rã**  
**- Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey -**

Nước biển đen kịt thét gào. Cái lạnh làm sống lại các giác quan của Luisa. Đuôi chiếc VW của cô tiếp nước ở góc 45°, nhờ đó ghế ngồi đã cứu cột sống cô, nhưng chiếc xe giờ đây đang lật ngửa. Cô bị buộc chặt bằng dây an toàn, cách kính chắn gió chỉ vài centimet. Nước biển ập vào đầu cô. *Ra ngoài ngay, nếu không sẽ chết.* Luisa bấn loạn, hít đầy một phổi nước và vùng vẫy trong chút không khí còn lại, ho sặc sụa. *Mở khóa dây an toàn này ra.* Cô ngọ nguậy lặn mò tìm được khóa dây an toàn. *Bấm nút mở.* Nó không hoạt động. *Cân nặng của mi làm nó không bật ra được.* Chiếc xe lộn nhào nửa vòng xuống nước và, sau tiếng nghiêng mạnh, một bong bóng khí khổng lồ hình con mực thoát ra. Quần áo phồng lên nặng trĩch, bám vào da thịt cô. Luisa chọc vào nút khóa, bấn loạn, và sợi dây nối lỏng ra. *Thêm không khí.* Cô thấy một chút khí còn kẹt dưới tấm kính chắn gió đen ngòm. Trọng lượng nước biển đang khóa chặt cửa xe. *Quay cửa kính xuống.* Cửa kính hạ được xuống một nửa rồi kẹt lại, ở đúng chỗ nó vẫn hay kẹt lại. Luisa đảo qua lắc lại, ép đầu, vai và thân trên qua khe hở. Ba từ bật lên.

*Báo cáo Sixsmith!*

Cô chui trở lại vào chiếc xe đang chìm. *Chẳng thấy cái gì cả.*

*Một túi rác nhựa. Nhét dưới ghế ngồi.* Cô gập người lại trong không gian chật hẹp... *Nó đây rồi.* Cô lôi ra, như người ta kéo một bao tải đá. Cô đẩy hai chân ra khỏi cửa sổ, nhưng bản báo cáo quá dày. Chiếc xe đang chìm kéo theo Luisa. Lúc này phổi cô đau buốt. Những tờ giấy thấm nước đã nặng hơn gấp bốn lần. Chiếc túi rác đã ra khỏi cửa sổ, nhưng khi cô chòi đập vùng vẫy, Luisa cảm thấy đột nhiên nhẹ bẫng. Hàng trăm trang giấy bung ra từ bìà công màu kem, trôi theo bốn phương tám hướng, lơ lửng xung quanh cô, như trò chơi bài trong xứ thần tiên Alice. Cô đá rơi giày. Phổi cô rên xiết, nguyên rửa, van nài. Mỗi mạch đập đều đau buốt trong tai Luisa. *Lên đường nào?* Nước đục ngầu chẳng thể đoán được gì. Đi lên là hướng ra

xa khỏi chiếc xe. Phổi cô sẽ ngưng thở trong một hai tích tắc nữa thôi.

*Chiếc xe đâu?* Luisa nhận ra cô đã trả giá cho bản Báo cáo Sixsmith bằng chính mạng sống mình.

Isaac Sachs nhìn xuống buổi bình minh New England rực rỡ. Khu ngoại ô như một mê cung tạo nên từ những dinh thự màu ngà và bãi cỏ lụa là, điểm xuyết bằng những hồ bơi màu ngọc lam. Khung cửa sổ chiếc máy bay tư nhân áp vào mặt anh mát lạnh. Phía dưới, cách ghế ngồi của anh một mét tám, là một chiếc vali trong khoang hành lý, chứa lượng thuốc nổ C-4 đủ để biến chiếc máy bay thành thiên thạch. *Vậy là, Sachs nghĩ ngợi, mi đã làm theo tiếng gọi của lương tâm. Luisa Rey đã có bản Báo cáo Sixsmith. Anh cố nhớ lại thật nhiều chi tiết trên khuôn mặt cô. Mi có cảm thấy hoài nghi không? Nhẹ nhõm? Sợ hãi? Đúng đấy?*

*Linh cảm mình sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy nữa.*

Alberto Grimaldi, người vừa bị anh trở mặt, đang bật cười trước lời nhận xét của một trợ lý. Cô tiếp viên đi qua với một khay thức uống hảo hạng. Sachs lui về với quyển sổ tay của mình, nơi anh viết những dòng sau đây.

- *Bình luận: sự vận hành của quá khứ thực + quá khứ ảo có thể được minh họa bằng một sự kiện được lịch sử biết đến, ví dụ như vụ đắm tàu Titanic. Những gì thực sự xảy ra trong thảm kịch này tăng dần mức độ mơ hồ khi các nhân chứng lần lượt qua đời, tài liệu hư hỏng + xác chiếc tàu phân hủy dưới nắm mồ Đại Tây Dương. Tuy nhiên một vụ đắm ảo của tàu Titanic, tạo nên từ những thứ đã được gia công lại như ký ức, tài liệu, chuyện kể, giả thiết – nói tóm lại là niềm tin – thì ngày càng trở nên “thật hơn”. Quá khứ thực rất mong manh, mờ nhạt + ngày càng khó tiếp cận + phục dựng: ngược lại, quá khứ ảo thì dễ điều khiển, ngày càng rõ ràng + ngày càng khó có thể xác định/vạch trần là giả mạo.*

- *Hiện tại gây sức ép khiến quá khứ ảo phải tự vận hành, biến huyền thoại thành điều đáng tin + hợp lý hóa sự tùy nghi quyết định của ý chí. Quyền lực tìm kiếm + là quyền được “kiến tạo” quá khứ ảo. (Kẻ nào trả tiền cho sử gia kẻ đó muốn viết gì cũng được.)*

- *Phép đối xứng cũng đòi hỏi một tương lai thực + ảo. Chúng ta tưởng tượng*

tuần tiếp theo, năm tiếp theo hoặc năm 2225 sẽ như thế nào – một tương lai ảo, xây dựng bằng những mong ước, tiên tri + mơ mộng. Tương lai ảo này có thể ảnh hưởng đến tương lai thực, giống như trong một lời tiên tri thành hiện thực, nhưng tương lai thực sẽ bao trùm tương lai ảo cũng giống như ngày mai bao trùm hôm nay vậy. Như Xã hội không tưởng, tương lai thực + quá khứ thực chỉ tồn tại ở một khoảng xa mờ mịt, nơi chúng chẳng có ích lợi gì cho bất kỳ ai.

- *Hỏi: Liệu có sự khác biệt ý nghĩa nào giữa một ảo tượng của làn khói, gương + bóng – quá khứ thực – với hình ảnh đó – trong tương lai thực hay không?*

- *Một mô hình thời gian: con búp bê matrioshka vô tận gồm những khoảnh khắc được tô vẽ, mỗi lớp “vỏ” (hiện tại) chứa đựng bên trong một ổ lớp “vỏ” (những hiện tại trước đó) mà tôi gọi là quá khứ thực, được chúng ta cho là quá khứ ảo. Tương tự như vậy con búp bê “lúc này” chứa đựng một ổ những hiện tại chưa xảy ra, mà tôi gọi là tương lai thực nhưng lại được chúng ta nghĩ là tương lai ảo.*

- *Xác nhận: Mình đã phải lòng Luisa Rey.*

Kíp nổ được kích hoạt. Khối C-4 bắt lửa. Chiếc máy bay bị bao phủ trong một quả cầu lửa. Những mảnh kim loại, nhựa, mạch điện của chiếc máy bay, những hành khách, xương xẩu, quần áo, sổ sách và não, tất cả chỉ là những định nghĩa lỏng lẻo trong ngọn lửa nóng hơn 1200°C. Những gì chưa có và người chết chỉ tồn tại trong quá khứ thực và ảo của chúng ta mà thôi. Giờ là lúc sự phân nhánh của hai quá khứ này bắt đầu.

“Betty và Frank muốn thoát cảnh túng quẫn,” Lloyd Hooks kể với cử tọa trong bữa điếm tâm sáng, ở khách sạn Swannekke. Một mạng lưới những kẻ mới vào nghề và những kẻ thân cận chú ý cao độ vào Chuyên gia Năng Lượng của Tổng thống. “Vì vậy họ bàn với nhau Betty sẽ hành nghề để kiếm chút tiền tiêu. Đêm đến, Frank chở Betty đến Hẻm Gái Điếm để kiếm khách. ‘Này, Frank,’ Betty nói, khi họ đậu xe ở vỉa hè. ‘Em nên lấy bao nhiêu tiền?’ Frank tính toán một lúc rồi nói, ‘Một trăm đô thì bao trọn gói.’ Thế là Betty xuống xe, còn Frank thì đỗ xe ở một con hẻm yên tĩnh gần đó. Không lâu sau một gã lái chiếc Chrysler cũ mèm đến ngã giá với Betty: ‘Đi cả đêm thì bao nhiêu vậy cưng?’ Betty đáp, ‘Một trăm đô.’ Gã này nói, ‘Anh chỉ có ba mươi đô. Ba mươi đô thì anh được gì nào?’ Vậy là Betty chạy lại chỗ Frank để hỏi. Frank nói, ‘Bảo với hấn ba mươi đô thì chỉ có vui vẻ bằng tay thôi.’ Vậy là Betty quay lại chỗ gã nọ...”

Lloyd Hooks nhận ra Bill Smoke ở phía sau. Bill Smoke đưa lên một-hai-ba ngón tay; ba ngón tay biến thành năm đấm; năm đấm biến thành một nhát chém. *Alberto Grimaldi, chết; Isaac Sachs, chết; Luisa Rey, chết. Hạ gục nhanh, tiêu diệt gọn. Ánh mắt* Hooks ra hiệu cho Smoke biết ông ta đã hiểu và một đoạn trong thần thoại Hy Lạp hiện ra trong đầu ông ta. *Khu rừng thiêng của Diana được một Thầy tế Chiến binh canh giữ. Thầy tế này sống cuộc đời xa hoa nhưng địa vị ấy có được nhờ thủ tiêu người tiền nhiệm. Khi ông ta ngủ, ông ta đặt mình vào nguy hiểm. Grimaldi, mi đã ngủ quên quá lâu rồi.*

“Thế là, tiếp đó, Betty quay lại gã nọ, nói với hấn ba mươi đô thì được vui vẻ bằng tay, nếu chịu thì làm. Gã này nói, ‘Được thôi cưng à, lên xe đi, anh trả tiền cho vui vẻ bằng tay. Gần đây có con hẻm nào yên tĩnh không?’ Betty bảo gã chở vòng qua góc phố đến hẻm nơi Frank đang đỗ xe, gã khách hàng cởi thắt lưng và lôi ra của quý – các bạn biết không – to nhất quả đất. ‘Đội đã!’ Betty há hốc mồm. ‘Tôi sẽ quay lại ngay.’ Cô ta nhảy ra khỏi xe rồi

đến gõ cửa xe Frank. Frank hạ kính xe xuống. ‘Gì nữa đây?’ Hook dừng lại một chút để chấm câu.

“Betty đáp, “Frank, này Frank, cho gã này mượn bảy mươi đô đi!”” Những gã đàn ông sắp trở thành thành viên hội đồng quản trị cười khùng khục như bầy linh cẩu. *Ai nói tiền không mua được hạnh phúc*, Lloyd Hooks ngẫm nghĩ, *rõ ràng là kẻ đó không có đủ tiền rồi.*

Qua ống nhòm, Hester Van Zandt nhìn những thợ lặn xuất phát. Một cậu thanh niên mới lớn đi chân trần, mặt mày râu rĩ, khoác áo choàng, thong thả dạo bước bên bãi biển và vờ về chú chó của Hester. “Họ tìm thấy chiếc xe chưa, bác Hester? Kênh đào chỗ đó khá sâu đấy. Vì vậy mà người ta hay ra đấy đánh cá.”

“Từ khoảng cách này thì thật khó nói chắc chắn.”

“Thật là mỉa mai khi chết đuối ở vùng biển do chính mình gây ô nhiễm nhỉ. Gã bảo vệ có kể tin sốt dẻo cho cháu. Bảo rằng đó là một tài xế say xỉn, đàn bà, khoảng bốn giờ sáng nay.”

“Cầu Swanneke có chế độ an ninh đặc biệt giống như trên đảo. Seaboard muốn nói sao mà chẳng được. Đâu có ai kiểm chứng câu chuyện của họ.” Cậu thanh niên ngáp dài. “Bác có cho rằng cô ta chết đuối trong xe không, người đàn bà ấy đấy? Hay bác nghĩ cô ta đã thoát ra và chắc là chết đuối sau đó?”

“Cũng chẳng biết được.”

“Nếu cô ta đã say đến mức lái xe đâm qua rào chắn thì chắc hẳn là không thể nào sống nổi rồi.”

“Biết đâu đấy?”

“Chết như thế thật thảm quá.” Cậu thanh niên ngáp rồi bỏ đi. Hester quay về chiếc xe kéo của mình. Gã thổ dân Milton đang ngồi trên bậc thang của xe, uống một hộp sữa. Ông ta chùi mép rồi nói với bà. “Kỳ Nữ tỉnh dậy rồi đấy.” Hester bước vòng qua Milton rồi hỏi người phụ nữ đang nằm trên sofa cảm thấy thế nào.

“Thật may mắn khi còn sống,” Luisa Rey trả lời, “ních đầy một bụng bánh muffin, và khô ráo hơn rồi. Cảm ơn bà đã cho mượn quần áo.”

“May là chúng ta mặc cùng kích cỡ. Các thợ lặn đang mò tìm xe của cô

đấy.”

“Tìm báo cáo Sixsmith chứ không phải xe tôi đâu. Xác của tôi chỉ là phần thưởng thêm thôi.”

Milton khóa cửa. “Vậy là cô đâm xe vào một thanh chắn, rơi xuống biển, chui ra khỏi chiếc xe đang chìm, rồi bơi ba trăm mét lên bờ, mà không hề bị thương tích gì trừ vài vết bầm nhỏ.”

“Nghĩ đến chuyện đòi tiền bảo hiểm là tôi lại đau khắp mình.”

Hester ngồi xuống. “Cô định làm gì tiếp theo?”

“Ừm, đầu tiên tôi cần quay về căn hộ của mình để lấy vài thứ. Sau đó tôi sẽ đến ở với mẹ tôi, ở đồi Ewingsville. Sau đó... quay về vạch xuất phát. Tôi không thể làm cho cảnh sát hay chủ bút của mình quan tâm đến những gì đang diễn ra trên Swanekke nếu thiếu bản Báo cáo.”

“Nhà mẹ cô có an toàn không?”

“Chùng nào Seaboard còn nghĩ là tôi đã chết, thì Joe Napier sẽ không truy tìm tôi. Khi họ biết tôi chưa chết...” Cô nhún vai, đã ngộ được hai chữ định mệnh từ những biến cố trong sáu giờ qua. “Nói chung là an toàn, cũng có thể là không. Mức độ rủi ro chấp nhận được. Tôi không thường xuyên làm những việc như thế này đến mức trở thành chuyên gia.”

Milton đút ngón tay vào túi quần. “Tôi sẽ chờ cô quay về Buenas Yervas. Đợi tôi một phút nhé, để tôi đi gọi một người bạn rồi bảo hắn đem xe đến đây.”

“Tốt thật,” Luisa nói, sau khi ông ta đã đi.

“Tôi sẵn sàng giao phó tính mạng mình cho Milton.”

Milton rảo bước đến cửa hàng bách hóa cũ kỹ phục vụ cho toàn khu này, bãi xe kéo, người đi tắm biển, những chiếc xe đến đi Swanekke và vài ngôi nhà biệt lập ở khu vực này. Một bài hát của ban nhạc Eagles phát ra từ chiếc radio sau quầy tính tiền. Milton nhét một xu vào điện thoại, kiểm tra xem có ai nghe thấy không, rồi bấm một số đã thuộc lòng. Hơi nước bốc lên từ các tháp làm mát Swanekke như những ông thần hình súp lơ. Các cột tháp điện cao thế nối đuôi nhau về phía bắc đến Buenas Yervas và về phía nam đến Los Angeles. *Buồn cười thật*, Milton nghĩ. *Quyền lực, thời gian, trọng lực, tình yêu. Những thế lực thực sự quan trọng tất cả đều là vô hình.* Đầu dây bên kia trả lời. “Vâng?”

“Này, Napier? Là tôi đây. Nghe này, về cô gái tên Luisa Rey ấy. À, nếu cô ta chưa chết thì sao? Nếu cô ta vẫn thản nhiên ăn kẹo mút và thanh toán hóa đơn điện nước thì sao? Hành tung của cô ta có ý nghĩa gì với ông không? Phải rồi? Bao nhiêu? Không, ông ra giá đi. Được rồi, gấp đôi số đó... không à? Rất vui được nói chuyện với ông, Napier à, tôi phải đi và.” Milton cười khẩy “. . vẫn tài khoản cũ trong vòng một ngày làm việc, *nếu được.* Đúng. Cái gì? Không, không có ai khác thấy cô ta, chỉ có Van Zandt Điên thôi. Không. Cô ta có nhắc đến nó, nhưng nó nằm dưới đáy biển xanh rồi. Khá chắc đấy. Mời cho cá. Tất nhiên là không, tin độc quyền của tôi là để dành riêng cho ông thôi đấy... Ừ hử, tôi sẽ chờ cô ta về lại căn hộ, sau đó cô ta sẽ đến nhà mẹ... Được, một giờ nữa tôi sẽ đến nơi. Vẫn tài khoản như cũ. Trong vòng một ngày làm việc nhé.”

Luisa mở cửa trước, nghe thấy tiếng trận bóng ngày Chủ nhật và người thấy mùi bắp rang. “Cô cho phép cháu được chiên dầu từ khi nào ấy nhỉ?” cô gọi vọng vào Javier. “Sao cháu kéo rèm xuống hết thế?”

Javier nhảy phốc ra hành lang, cười toe toét. “Chào cô Luisa! Bác Joe của cô làm bắp rang đấy. Hai bác cháu đang xem đội Giants đấu với Dodgers. Sao cô mặc đồ như bà già vậy?” Luisa cảm thấy ruột gan quặn thắt. “Lại đây. Ông ta đâu?” Javier cười. “Trên ghế sofa của cô ấy! Có chuyện gì vậy cô?”

“Lại đây! Mẹ cháu tìm cháu kìa.”

“Mẹ cháu đang làm tăng ca ở khách sạn mà.”

“Luisa, không phải bác, ở trên cầu, không phải là bác!” Joe Napier hiện ra sau lưng thằng bé, giơ hai bàn tay ra như để trấn an một con vật đang hoảng sợ. “Nghe này...”

Giọng Luisa run rẩy. “Javi! Ra ngoài! Đứng sau lưng cô!”

Napier nói to hơn. “Hãy nghe bác...”

Đúng, ta đang nói chuyện với chính kẻ đã sát hại mình.

“Tại sao tôi phải nghe bất cứ lời nào ông nói?”

“Bác là người duy nhất trong Seaboard không muốn cháu chết!” Sự điềm tĩnh của Napier đã bỏ rơi ông. “Trong bãi đỗ xe, bác đã tìm cách cảnh báo cháu! Cháu nghĩ xem! Nếu bác là tên sát thủ thì chúng ta có còn nói chuyện với nhau thế này không? Có nhân chứng khắp nơi? Đừng đi mà, làm ơn đi cháu! Không an toàn đâu! Căn hộ của cháu có thể vẫn còn bị theo dõi đấy. Vì vậy bác mới hạ rèm xuống.”

Javier trông có vẻ kinh hãi. Luisa ôm thằng bé nhưng không biết cách nào để quay lưng lại mà ít nguy hiểm nhất. “Tại sao ông ở đây?”

Napier lại im lặng, nhưng mệt mỏi và bất an. “Bác biết bố của cháu, khi

ông ấy còn làm cảnh sát. Ngày ăn mừng chiến thắng Nhật, ở Bến tàu Silvaplanana. Lại đây, Luisa. Ngồi xuống đi.”

Joe Napier tính toán rằng cậu bé hàng xóm sẽ níu chân Luisa đủ lâu để khiến cô phải lắng nghe. Ông không hề tự hào rằng kế hoạch của mình đã thành công. Napier, vốn là một người thích quan sát hơn nói, uốn nắn từng câu hết sức cẩn thận. “Năm 1945, bác đã làm cảnh sát được sáu năm tại Đồn cảnh sát Quận Spinoza. Không tuyên dương, cũng chẳng vết đen nào. Một cảnh sát bình thường, sạch nước rửa chén, hẹn hò một cô gái bình thường làm nghề đánh máy. Vào ngày mười lăm tháng Tám, radio báo tin Nhật Bản đã đầu hàng và Buenas Yervas tung bùng liên hoan. Rượu bia chảy như suối, xe nổ máy, pháo hoa ngập trời, người người nghỉ lễ mặc ông chủ có đồng ý hay không. Tầm chín giờ, cộng sự và bác được gọi đến xử lý một vụ đâm xe rồi bỏ chạy ở Little Korea. Thông thường chúng ta không bận tâm đến khu vực đó, nhưng nạn nhân là một thằng nhóc da trắng, thế cho nên sẽ có bà con họ hàng và rất nhiều câu hỏi. Chúng ta đang trên đường đi thì một lệnh mã số tám đến từ bố cháu gọi tất cả xe có mặt đến Bến tàu Silvaplana. Theo lệ thì chẳng ai bén mảng đến khu bờ kè đó nếu hầy còn muốn giữ chỗ làm. Băng đảng xã hội đen có kho xưởng ở đấy, núp dưới ô dù của Tòa thị chính. Chưa hết, Lester Rey,” Napier quyết định không điều chỉnh cách dùng từ của mình nữa, “nổi tiếng ở Phân khu 10 là một gã còm phiến phức chăm chỉ quá đáng. Nhưng đã có hai sĩ quan bị bắn, và đó không phải là một trận đấu tầm thường. Đó có thể là nơi chiến hữu của cháu chảy máu đến chết trên đường nhựa. Vì thế chúng ta tăng tốc và đến bến tàu chỉ ngay sau một chiếc xe Spinoza khác, đội Brozman và Harkins. Lúc đầu chẳng thấy gì. Không có dấu hiệu nào của Lester Rey, không dấu hiệu của xe đặc nhiệm. Đèn trên cảng đã tắt. Chúng ta lái xe giữa hai bức tường tạo thành từ những container chứa hàng, rẽ vào một khúc quanh để vào một khoảng sân, ở đó có người đang chất hàng lên một chiếc xe tải quân sự. Bác đang nghĩ mình đã đến nhầm khu vực của bến cảng, thì nhận ra đám người này đang làm việc rất nhanh nhẹn, rất khẩn trương. Điều này

thật vô lý, không thể nào tích cực thế vào một đêm cả nước mở tiệc ăn mừng thế này. Sau đó một bức tường đạn ập lên chúng ta, và lúc đó mọi chuyện sáng tỏ. Brozman và Harkins lãnh loạt đạn đầu tiên – phanh, kính bay đầy không trung, xe chúng ta trượt bánh lao vào xe họ, bác và cộng sự lăn ra khỏi xe rồi nấp sau một chồng ống thép. Còi xe Brozman kêu liên tục không ngừng, và họ không xuất hiện. Thêm nhiều loạt đạn tạch tạch tạch xung quanh chúng ta, bác sợ đến mất mật – bác làm cảnh sát để tránh phải ra vùng chiến sự mà. Cộng sự của bác bắt đầu bắn trả. Bác làm theo, nhưng xác suất chúng ta bắn trúng thứ gì gần như bằng không. Thành thật mà nói, bác thấy mừng khi chiếc xe chạy ngang qua. Bác thật ngốc khi rời khỏi chỗ ẩn nấp quá sớm – để xem bác có kịp nhìn thấy biển số xe của bọn chúng không.” Cuống lười Napier đang đau buốt. “Rồi tất cả chuyện này xảy ra. Một người vừa la hét vừa bắn bác từ phía bên kia sân. Bác bắn lại hắn. Bác đã bắn hụt – cú bắn hụt may mắn nhất trong đời bác, và đời cháu nữa, Luisa ạ, vì nếu bác bắn trúng bố cháu thì giờ này cháu không có ở đây. Lester Rey đang chĩa súng về phía sau lưng bác khi chạy băng qua, rồi đá một vật đang lăn về phía bác sau khi rơi xuống từ phía sau xe tải. Sau đó một ánh sáng chói lòa khiến toàn thân bác bỏng rát, một tiếng động đĩnh tai nhức óc, và một mũi kim đau đớn đâm vào mông bác. Bác ngã xuống, nửa mê nửa tỉnh, cho đến khi các nhân viên băng ca nâng bác lên một chiếc xe cứu thương.”

Luisa vẫn không nói gì.

“Bác đã gặp may. Một mảnh lựu đạn xuyên qua phần chòm ở hai bên mông. Còn lại thì không hề hấn gì. Bác sĩ nói đó là lần đầu tiên ông ta thấy một mảnh văng có thể tạo ra những tổn thương. Bố cháu, tất nhiên, không được ổn lắm. Lester như miếng pho mát Thụy Sĩ. Họ đã phẫu thuật nhưng không cứu được con mắt của ông ấy một ngày trước khi bác xuất viện. Tuy nhiên ông ấy không tiếc nuối gì cả; chúng ta chỉ bắt tay rồi bác ra về, bác không biết phải nói gì. Điều bẽ bàng nhất cháu có thể làm với một người là cứu mạng người đó. Lester cũng biết thế. Nhưng chưa từng có một ngày, có thể là một giờ, trôi qua mà bác không nghĩ đến ông ấy. Mỗi lần bác ngồi xuống.”

Luisa không nói gì một lúc. “Tại sao ông không kể chuyện này cho tôi

trên Đảo Swannekke?”

Napier gãi tai. “Bác sợ cháu sẽ dùng mối quen biết này để moi tin từ bác...”

“Về điều đã thực sự xảy ra với Sixsmith ư?”

Napier không trả lời có hay không. “Bác biết cách làm của nhà báo.”

“Ông đang vạch lá tìm sâu trên sự chính trực của tôi đấy à?”

*Con bé đang nói chung chung thôi – nó không thể biết về vụ xảy ra ở nhà Margo Roker.* “Nếu cháu tiếp tục tìm kiếm báo cáo của Rufus Sixsmith,” Napier tự hỏi mình có nên nói ra điều này trước mặt thằng bé, “cháu sẽ bị thủ tiêu, đơn giản như vậy thôi. Không phải bởi tay bác! Nhưng điều đó sẽ xảy ra. Bác van cháu đấy. Hãy rời khỏi thành phố ngay. Hãy vứt bỏ cuộc đời và công việc cũ, hãy đi đi.”

“Alberto Grimaldi phái ông đến đây để nói với tôi điều này, đúng không?”

“Không ai biết bác ở đây – ơn Chúa, nếu không thì bác cũng sẽ gặp rắc rối lớn như cháu.”

“Tôi cần hỏi một câu trước đã.”

“Cháu muốn hỏi rằng...” ông ước gì thằng bé đang ở chỗ khác “... liệu ‘số phận’ của Sixsmith có phải do bác không. Câu trả lời là không. Loại... công việc đó, không phải là nghề của bác. Bác không nói là mình vô tội. Bác chỉ nói là mình chỉ có tội vì đã nhắm mắt làm ngơ. Sát thủ của Grimaldi đã giết Sixsmith và ép xe cháu vắng khỏi cầu tối hôm qua. Một người tên là Bill Smoke – chỉ là một trong số nhiều cái tên, bác nghi ngờ thế. Bác không thể ép cháu tin bác nhưng bác hi vọng cháu sẽ tin.”

“Sao ông biết tôi còn sống?”

“Hi vọng mong manh thôi. Nghe này, mạng sống quý giá hơn nhiều so với một tin nóng mà. Bác van cháu đấy, một lần cuối, và đây sẽ thực sự là lần cuối, hãy từ bỏ câu chuyện này đi. Giờ bác phải đi rồi, bác cầu nguyện Chúa rằng cháu cũng sẽ đi.” Ông đứng dậy. “Điều cuối cùng. Cháu biết dùng súng không?”

“Tôi bị dị ứng súng.”

“Ý cháu là sao?”

“Súng khiến tôi buồn nôn. Nghĩa đen đấy.”

“*Tất cả mọi người* đều nên học cách dùng súng.”

“Phải rồi, ông có thấy biết bao người nằm la liệt trong nhà xác Không? Bill Smoke sẽ không lịch thiệp chờ cho tôi kịp lấy súng từ túi xách ra chứ, phải không? Lối thoát duy nhất của tôi là lấy được chứng cứ để phanh phui vụ này, nên nói gì thì nói, giết tôi cũng vô ích mà thôi.”

“Cháu đang đánh giá thấp cơn cuồng trả thù của con người đấy.”

“Tại sao ông lại lo lắng cho tôi? Ông đã trả nợ cho bố tôi rồi. Ông đã cứu rỗi lương tâm của mình rồi mà.”

Napier thở dài buồn bã và biết ông không thể làm thêm gì nữa. “Chúc cháu xem đấu bóng vui vẻ nhé, Javi.”

“Ông là kẻ dối trá,” thằng bé nói.

“Ông đã nói dối, đúng thế, nhưng điều đó không biến ông thành kẻ dối trá. Nói dối là sai, nhưng khi thế giới quay ngược lại, thì một điều sai trái nhỏ nhoi đôi khi lại là một sự đúng đắn lớn lao.”

“Thật vô lý.”

“Cháu đúng, thật vô lý, nhưng nó vẫn là chân lý.”

Joe Napier rời khỏi căn nhà. Javier cũng nổi cáu với Luisa. “Còn cô thì làm như cháu đang đánh cược mạng sống của mình chỉ vì cháu nháy qua vài cái ban công thôi sao?”

Bước chân của Luisa và Javier vang dội trên cầu thang. Javier hé mắt nhìn qua tay vịn. Những tầng bên dưới thu nhỏ lại như vòng xoắn vỏ ốc. Một con choáng lướt qua, khiến nó thở hổn hển và xây xẩm mặt mày. Nhìn lên trên cũng gây ra cảm giác tương tự. “Nếu cô có thể thấy được tương lai,” nó hỏi, “thì cô sẽ làm gì?”

Luisa choàng túi xách qua vai. “Còn tùy cháu có thể thay đổi được nó hay không nữa.”

“Giả sử cô thay đổi được nó thì sao? Này nhé, ví dụ như cô thấy mình sẽ bị điệp viên rình bắt cóc ở tầng hai, thì cô sẽ đi thang máy xuống tầng trệt.”

“Nhưng nếu bọn gián điệp bấm gọi thang, rồi bắt cóc bất kể ai ở trong đó thì sao? Nếu như việc tránh né tương lai là nguyên nhân gây ra tất cả những điều đó thì sao?”

“Nếu cô có thể *nhìn thấy* tương lai, như cô có thể nhìn thấy điểm cuối của Phố 16 từ sân thượng thương xá Kilroy, thì điều đó có nghĩa là nó đã ở đó sẵn rồi. Nếu nó đã có sẵn ở đó, thì có nghĩa là nó không phải là chuyện cô muốn đổi là đổi được.”

“Phải, nhưng thứ nằm ở cuối Phố 16 không phải được tạo ra từ những gì *cháu* làm. Nó đã được định đoạt rồi, bởi những nhà hoạch định, kiến trúc sư, nhà thiết kế, trừ khi cháu đến đấy làm nổ tung một tòa nhà hay gì đấy. Điều xảy ra trong một phút tới mới được tạo ra từ những gì cháu làm.”

“Vậy câu trả lời là sao? Cô có thể thay đổi tương lai hay không?”

*Có thể câu trả lời không phải là một chức năng của siêu hình học, mà đơn giản chỉ là một chức năng của quyền lực.* “Đó là điều không thể nào lường trước được, Javi à.” Họ đã đến tầng trệt. Cơ bắp phỏng sinh học của nhân vật *Người đàn ông sáu triệu đô*<sup>[64]</sup> ồn ào phô diễn trên tivi của Malcolm.

“Hẹn gặp lại nhé, cô Luisa.”

“Cô không bỏ đi khỏi thành phố luôn đâu, Javi à.”

Javi chủ động bắt tay. Cử chỉ đó khiến Luisa ngạc nhiên: nó đem lại cảm giác trang trọng, lần cuối và thân thiết.

Chiếc đồng hồ quả lắc màu bạc trong ngôi nhà ở Ewingsville của Judith Rey điểm một giờ chiều. Bill Smoke đang hầu chuyện phu nhân của nhà tài chính. “Ngôi nhà này luôn làm sống dậy con quỷ thèm khát trong tôi,” người đàn bà ở độ tuổi ngũ tuần, đeo nhiều trang sức, thú nhận, “đó là bản sao một bức tranh của Frank Lloyd Wright. Tôi tin rằng bản gốc đang nằm ở ngoại ô Salem.” Bà đang đứng rất gần hẳn. *Trông bà như một mụ phù thủy đến từ vùng ngoại ô Salem đang phát điên phát rồ ở Tiffany thì có*, Bill Smoke nghĩ ngợi, rồi buông ra lời nhận xét, “Ồ thế ư?”

Các cô phục vụ gốc Nam Mỹ do công ty tổ chức tiệc cử đến bê những khay thức ăn đi len lỏi giữa các vị khách da trắng. Khăn ăn bằng vải lanh xếp hình thiên nga gắn thiệp ghi chỗ ngồi. “Cây sồi lá trắng ở bãi cỏ phía trước ấy hẳn đã ở đây khi các trụ sở truyền giáo Tây Ban Nha đang được xây dựng,” bà vợ nói, “anh nói có phải không?”

“Chắc chắn rồi. Cây sồi sống đến những sáu trăm năm cơ mà. Mọc mất hai trăm năm, sống mất hai trăm năm, chết mất hai trăm năm.”

Hắn thấy Luisa bước vào căn phòng sang trọng, đón nhận nụ hôn phớt trên hai má từ bố dượng. *Tôi cần gì ở cô nhỉ, Luisa Rey?* Một người khách nữ trạc tuổi Luisa ôm cô: “Luisa! Phải ba bốn năm rồi đấy nhỉ!” Cận cảnh, sự duyên dáng của người khách phảng phất chút nham hiểm và tọc mạch. “Nhưng có thật là cậu chưa *kết hôn* không?”

“Tất nhiên rồi,” Luisa đáp cộc lốc. “Còn *cậu?*”

Smoke đánh hơi được cô đã nhận ra ánh nhìn của hắn, liền chuyển hướng sự chú ý sang bà vợ và đồng tình rằng, đúng vậy, có những cây gỗ đồ nằm cách đây chưa đầy sáu mươi phút chạy xe đã mọc từ khi Nebuchadnezzar<sup>[65]</sup> còn tại vị. Judith Rey đứng trên một chiếc ghế gác chân được đem đến để phục vụ riêng cho mục đích này và gõ thìa bạc lên một chai champagne hồng cho đến khi mọi người đều nghe thấy.

“Thưa quý ông, quý bà và các bạn trẻ,” bà tuyên bố, “tôi được thông báo là bữa tối đã sẵn sàng! Nhưng trước khi chúng ta nhập tiệc, cho phép tôi phát biểu đôi lời về công việc tuyệt vời của Hiệp hội Ung thư Buenas Yervas, và cách họ sẽ dùng số tiền thu được trong buổi tiệc gây quỹ mà quý vị đang ủng hộ đầy hào phóng ngày hôm nay.”

Bill Smoke chơi với vài đứa trẻ, khiến chúng thích thú khi hô biến ra một đồng tiền vàng Nam Phi bóng loáng. *Luisa à, tôi muốn xuống tay riêng tư kín đáo.* Trong một khoảnh khắc, Bill Smoke tự hỏi về những quyền năng bên trong con người ta nhưng không phải là ta.

Các cô phục vụ đã dọn xong món tráng miệng, không khí nồng nàn khói cà phê, và một cảm giác ngây ngất vì ăn no vào ngày Chủ nhật bao trùm căn phòng. Những vị khách cao tuổi tìm một góc để ngả lưng. Bố dượng của Luisa tập hợp một nhóm bằng vai để đi xem bộ sưu tập những chiếc xe thập niên 50 của ông, các bà vợ và mẹ tán gẫu, bọn trẻ con chạy ra ngoài, ồn ào dưới ánh nắng xuyên qua tán lá và nghịch quanh hồ bơi. Anh em sinh ba nhà Henderson thống lĩnh chủ đề nói chuyện tại bàn mai mối. Mỗi người đều có mắt xanh, đều trông bóng bẩy giống hệt nhau, khiến Luisa không phân biệt được ai với ai. “Tôi sẽ làm gì?” một người trong số họ cất tiếng, “nếu tôi là tổng thống ư? Trước tiên, tôi sẽ đặt mục tiêu *chiến thắng* Chiến tranh lạnh, chứ không chỉ đặt mục tiêu là không thua.”

Một người khác nói tiếp. “Tôi sẽ *không* khúm núm trước những gã Ả Rập có tổ tiên cho lạc đà dừng chân trên những dải cát may mắn...”

“... hay là người da đỏ. Tôi sẽ lập ra – tôi không sợ khi nói điều này đâu – để chế làm giàu đúng đắn của đất nước chúng ta. Bởi vì nếu chúng ta không làm thế...”

“... bọn Nhật Bản sẽ vượt mặt chúng ta mất. Doanh nghiệp chính là tương lai. Chúng ta cần phải để cho doanh nghiệp điều hành đất nước và thiết lập một chính quyền do người tài nắm giữ thật sự.”

“Không bị mắc nghẹn vì phúc lợi, liên đoàn, ‘chính sách ưu đãi người thiểu số’ cho những gã da màu vô gia cư cụt tay cụt chân mặc váy mắc chứng sợ nhện...”

“Một chính quyền thực sự nhạy bén do người tài nắm giữ. Một văn hóa không ngần ngại thừa nhận rằng của cải thu hút quyền lực...”

“... và rằng những người làm ra của cải – chúng ta – được tưởng thưởng. Trước một người khao khát quyền lực, tôi chỉ hỏi một câu đơn giản: ‘Anh ta có suy nghĩ như một doanh nhân hay không?’”

Luisa cuộn khăn ăn thành một quả bóng nén chặt. “Tôi thì hỏi ba câu đơn giản thôi. Hẳn có được quyền lực đó bằng cách nào? Hẳn đang sử dụng nó như thế nào? Và làm thế nào để truất quyền gã chó chết đó?”

Judith Rey tìm thấy Luisa đang xem bản tin buổi chiều trong phòng làm việc của chồng bà. “‘Đồ đồng bóng’, mẹ nghe Anton Henderson nói vậy, và nếu cậu ấy không phải nói về con thì, Cục cưng à, mẹ không biết nữa... chuyện này chẳng vui chút nào! Con... vấn đề nổi loạn đang ngày càng *tệ hơn* đấy. Con than thở là cô đơn quá, thế nên mẹ mới giới thiệu con với những chàng trai tử tế, vậy mà con lên lớp họ bằng giọng điệu *Spyglass* của con.”

“Con than thở là cô đơn hồi nào?”

“Những chàng trai như nhà Henderson không phải thứ mọc đầy rẫy trên cây dâu, con biết mà.”

“Rệp vùng mới ở trên cây mẹ ạ.”

Có tiếng gõ cửa. Bill Smoke nhìn vào. “Chào bà Rey? Xin lỗi vì tôi đường đột quá, nhưng tôi sắp phải đi rồi. Thật sự, hôm nay là buổi tiệc gây quỹ chu đáo nhất, tổ chức tốt nhất mà tôi từng tham dự đấy.”

Judith Rey phẩy tay duyên dáng. “Anh quá khen rồi...”

“Herman Howitt, cổ đông nhỏ tại Musgrove Wyeland, văn phòng Malibu. Tôi chưa có dịp giới thiệu mình trước bữa tối tuyệt vời này Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey 487

– tôi đăng ký vào phút chót hồi sáng nay. Bố tôi qua đời mười năm trước, cậu Chúa phù hộ linh hồn ông, bệnh ung thư – tôi không biết mẹ con tôi sẽ ra sao nếu không có sự giúp đỡ của Hiệp hội. Khi Olly nhắc đến buổi gây quỹ của bà, một cách hết sức tình cờ, thì tôi *phải* gọi đến để xem tôi có thể thế chỗ ai hủy vào phút cuối hay không.”

“Chúng tôi rất vui mừng vì anh đã gọi, và chào mừng anh đến Buenas Yervas.” *Hơi thấp người*, Judith Rey đánh giá, *nhưng có cơ bắp, lương bổng tốt và có thể cùng trang lứa với Luisa ở tuổi ba mươi lăm. Cổ đông nhỏ nghe có vẻ*

*hứa hẹn đấy chứ.* “Tôi hi vọng bà Howitt có thể cùng đến với anh vào lần sau?”

Bill Smoke tức Herman Howitt nở một nụ cười bẽn lễn. “Tôi rất tiếc phải nói, rằng bà Howitt duy nhất là mẹ tôi. Đến giờ là thế.”

“Ra là vậy,” Judith Rey đáp.

Hắn nhìn Luisa dù cô chẳng buồn để mắt đến. “Tôi rất ngưỡng mộ lập trường nguyên tắc của con gái bà. Thế hệ chúng tôi ngày nay dường như có quá nhiều người thiếu một la bàn đạo đức.”

“Tôi *vô cùng* đồng ý. Những người ở thập niên sáu mươi thật chẳng biết gạn đục khơi trong gì cả. Người bố quá cố của Luisa và tôi đã ly thân vài năm trước, nhưng chúng tôi luôn hướng đến dạy dỗ con gái biết phân biệt phải trái đúng sai. Luisa! Con có thể rời khỏi tivi *một lát* được không, con yêu? Kéo anh Herman sẽ tưởng là... Luisa? Cục cưng à, chuyện gì vậy?”

Phát thanh viên đang đọc: “Cảnh sát xác nhận mười hai người đã thiệt mạng trong tai nạn máy bay Learjet trên dãy Colorado sáng nay, bao gồm CEO tập đoàn điện Seaboard, Alberto Grimaldi, giám đốc có lương cao nhất nước Mỹ. Các cuộc điều tra sơ bộ từ Cục Hàng không Liên bang cho thấy một vụ nổ xảy ra do lỗi trong hệ thống nhiên liệu. Mảnh vỡ của máy bay nằm rải rác trên diện tích vài kilomet vuông...”

“Luisa, Cục cưng à?” Judith Rey quỳ xuống cạnh cô con gái đang dán mắt thần thờ vào hình ảnh những mảnh vỡ rúm ró của chiếc máy bay trên cánh đồng ngô.

“Thật... đáng sợ!” Bill Smoke thương thức hỗn hợp cảm xúc mà ngay cả hắn, bếp trưởng, cũng không thể liệt kê toàn bộ nguyên liệu.

“Cô có *biết* ai trong những linh hồn xấu số đấy không, cô Rey?”

Sáng thứ Hai. Tòa soạn *Spyglass* lan truyền nhiều tin đồn. Có tin nói tờ tạp chí đã bị phá sản; tin khác thì nói Kenneth P. Ogilvy, chủ báo, sẽ bán đấu giá nó; ngân hàng đang bơm thêm tiền; ngân hàng đang rút đi. Luisa chưa báo tin cô sống sót sau một vụ ám sát hai mươi tư giờ trước. Cô không muốn liên lụy đến mẹ cô hoặc Grelsch, hơn nữa trừ những vết bầm tím, chuyện xảy ra ngày càng có cảm giác không thật.

Luisa cảm nhận nỗi mất mát riêng tư đầy đau đớn trước cái chết của Isaac Sachs, một người mà cô chẳng biết gì nhiều. Cô cũng sợ, nhưng vẫn tiếp tục bằng cách tập trung vào công việc. Bố cô từng kể các nhiếp ảnh gia chiến trường hay nhắc đến sự miễn nhiệm trước nỗi sợ giấu sau ống kính máy ảnh; sáng nay câu chuyện ấy hoàn toàn chí lý. Cô viết những mảnh rời của âm mưu này trên một sơ đồ hình cây chĩa tứ phía. *Nếu Bill Smoke biết về vụ đào tẩu của Isaac Sachs thì cái chết của anh ấy có lý do – nhưng ai lại muốn hạ luôn cả Alberto Grimaldi cùng lúc nhỉ?* Các phóng viên đổ về phòng của Dom Grelsch như thường lệ để dự cuộc họp mười giờ sáng. Đồng hồ chỉ mười giờ mười lăm.

“Grelsch không bao giờ đến muộn thế này, ngay cả khi vợ trước của ông ta sinh con,” Nancy O’Hagan vừa nói vừa đánh bóng móng tay. “Ogilvy đã đóng đinh ông ta vào giá tra tấn rồi.”

Roland Jakes dùng bút chì móc ráy tai. “Tôi có gặp tay trống từng chơi thực sự trong các bài hit của ban nhạc Monkees. Hắn liên tục ba hoa về sex kiểu Mật Tông – cảm ơn nhé. Tư thế yêu thích của hắn là, ừm, gọi là ‘Thợ ống nước’. Làm cả ngày mà không bị xuất tinh.”

Im lặng.

“Chúa ơi, tôi chỉ cố gắng khuấy động không khí thôi mà.”

Grelsch đến. “*Spyglass* đang được rao bán. Cuối ngày hôm nay chúng ta sẽ biết ai sống sót sau vụ tuyển chọn tế thần.”

Jerry Nussbaum móc ngón tay cái vào thắt lưng quần. “Đột ngột quá.”

“Đột ngột bỏ mẹ chứ gì nữa. Mới cuối tuần trước còn bắt đầu đàm phán.” Grelsch nóng bừng bừng. “Đến sáng nay giao dịch đã xong xuôi rồi.”

“Thế thì hẳn phải là một số tiền khổng lồ đây,” Jakes phán.

“Đi mà hỏi KPO ấy.”

“Ai là người mua vậy?” Luisa hỏi.

“Thông cáo báo chí sẽ có cuối ngày hôm nay.”

“Nói đi mà, Dom,” O’Hagan van vỉ.

“Tôi bảo rồi, sẽ có thông cáo báo chí cuối ngày hôm nay.”

Jake quần một điếu thuốc. “Có vẻ như người mua bí ẩn của chúng ta *thực sự* muốn có *Spyglass*, chuyện chưa xấu quá thì chưa cần cứu vãn.”

Nussbaum khịt mũi. “Ai nói người mua bí ẩn của chúng ta không nghĩ rằng chúng ta đã phá sản? Lúc Allied News mua lại *Nouveau* hồi năm ngoái, họ còn sa thải cả thợ lau cửa sổ đấy.”

“Xong.” O’Hagan gập máy tính lại. “Chuyến đi thuyền ngược sông Nile hẳn lại bị hủy. Quay về nhà chị dâu ở Chicago đón Giáng sinh. Với lũ trẻ con của chị ta và thủ đô thị bò đông lạnh của thế giới. Chỉ một ngày thôi mà tạo ra khác biệt khiếp thật.”

Từ nhiều tháng qua, Joe Napier nhận ra trong lúc ngắm nghía tác phẩm nghệ thuật sắp đặt trong phòng chờ của phó Tổng giám đốc điều hành William Wiley, rằng ông đã bị gạt ra rìa. Lòng trung thành đã đi đâu mất, còn quyền lực rỉ ra từ những đường ống ai cũng rõ. Đối với mình thế cũng chẳng sao, Napier nghĩ, *chỉ còn một năm rưỡi nữa thôi*. Ông nghe tiếng bước chân và cảm thấy một luồng gió. *Nhưng hạ một chiếc máy bay có mười hai người trên đó không phải là vấn đề an ninh, đó là giết người hàng loạt. Ai là người ra lệnh? Bill Smoke có làm việc cho Wiley không? Liệu đó có phải là một tai nạn hàng không hay không? Tai nạn cũng thường xảy ra mà. Mình chỉ biết rằng không biết gì thật là nguy hiểm*. Napier dẫn vật bản thân vì đã cảnh báo Luisa Rey ngày hôm qua, một hành động liều lĩnh ngu ngốc chẳng đem lại tích sự gì.

Thư ký của William Wiley xuất hiện ở cửa. “Ông Wiley sẽ gặp ông bây giờ, ông Napier ạ.”

Napier ngạc nhiên khi thấy Fay Li trong phòng. Tình thế này đành phải mỉm cười chào nhau thôi. Lời chào “Joe! Khỏe không?” của William Wiley thật mạnh mẽ, hệt như cái bắt tay của ông ta.

“Một buổi sáng đáng buồn, thưa ông Wiley,” Napier đáp, ngồi xuống ghế nhưng từ chối điếu thuốc. “Tôi vẫn bàng hoàng về chuyện ông Grimaldi.” *Tôi chưa bao giờ thích ông. Tôi chưa bao giờ thấy ông có ích ở điểm nào.*

“Tôi cũng buồn chẳng kém. Alberto có thể được kế thừa, nhưng mãi mãi không thể thay thế.”

Napier cho phép mình đặt ra câu hỏi dưới cái bóng cuộc nói chuyện bên lề. “Hội đồng sẽ chờ bao lâu mới bàn đến nhân sự mới?”

“Chúng tôi sẽ họp vào chiều nay. Alberto sẽ không muốn chúng ta trôi nổi không có người cầm chịch trong khoảng thời gian lâu hơn cần thiết. Ông biết đấy, sự tôn trọng của ông ấy dành cho ông, về mặt cá nhân, là rất...

ừm...”

“Chân thành” Fay Li gợi ý.

*Người đã lên đời rồi đấy nhỉ, “ngài” Li.*

“Chính xác! Chuẩn! Chân thành.”

“Ông Grimaldi là một người vĩ đại.”

“Chắc chắn là như thế rồi, Joe, chắc chắn rồi.” Wiley quay sang Fay Li.  
“Fay. Hãy nói với Joe về đề nghị của chúng ta.”

“Để ghi nhận thành tích tiêu biểu của ông, ông Wiley đề nghị sẽ trả tự do cho ông sớm. Ông sẽ nhận được toàn bộ tiền thanh toán cho mười tám tháng vẫn còn trong hợp đồng, tiền thưởng – sau đó tiền hưu trí của ông sẽ đến.”

Ép người từ chức đây mà! Napier làm vẻ mặt “ái chà”. *Bill Smoke đứng sau vụ này.* “Ái chà” hợp với cả lời đề nghị về hưu lẫn cảm nhận của Napier về sự chuyển dịch vai trò của ông từ một người trong cuộc thành thứ của nợ của công ty. “Chuyện này thật... bất ngờ.”

“Chắc chắn rồi, Joe à,” Wiley đáp, nhưng không nói gì thêm. Điện thoại đổ chuông. “Không,” Wiley nhú mày nói vào ống nghe, “ông Reagan cứ chờ cho đến khi đến lượt của ông ta. Tôi bận lắm.”

Napier đã quyết định xong lúc Wiley gác máy. *Một cơ hội vàng để thoát khỏi chiến trường đẫm máu.* Ông đóng vai một kẻ hầu cận già nua không nói nên lời vì quá biết ơn. “Fay. Ông Wiley. Tôi không biết phải cảm ơn hai người bằng cách nào nữa.”

William Wiley liếc mắt như một con sói đồng hoang quỷ quyết. “Bằng cách nhận lời?”

“Tất nhiên là tôi nhận lời rồi!” Wiley và Fay Li không ngớt lời chúc mừng. “Tất nhiên là ông cũng hiểu,” Wiley tiếp tục, “với một vị trí nhạy cảm như An ninh, chúng tôi cần người thay thế ngay khi ông rời khỏi căn phòng này.”

*Chúa ơi, lũ các người không muốn lãng phí một giây nào hết đúng không nào?* Fay Li nói thêm,

“Tôi sẽ gửi vật dụng cá nhân cho ông, kèm theo hồ sơ giấy tờ. Tôi biết

ông sẽ không thấy bị xúc phạm khi được một nhân viên hộ tống vào đất liền. Ông Wiley cần được bên ngoài nhìn thấy là một người tuân thủ nguyên tắc.”

“Không hề xúc phạm, Fay ạ,” Napier mỉm cười, thậm chí rửa cô ta. “Tôi là người viết ra nguyên tắc đó mà.” *Napier, hãy đeo khẩu 38 li của mi vào bắp chân cho đến khi mi rời khỏi Swanekke, và thật lâu sau đó nữa.*

Âm nhạc trong cửa hiệu Lost Chord khép lại mọi suy nghĩ về *Spyglass*, Sixsmith, Sachs và Grimaldi. Âm thanh nghe thật xưa cũ, róc rách như suối chảy, ma quái, mê hoặc... *quen thuộc đến thân thương*. Luisa đứng im, chìm đắm, như đang sống trong một dòng chảy thời gian. “Tôi *biết* bản nhạc này,” cô nói với nhân viên cửa hiệu khi người này đến hỏi cô có ổn không. “Bản này tên gì ấy nhỉ?”

“Tôi xin lỗi, đây là đơn đặt hàng của khách, không bán. Tôi thực tình không nên mở bản nhạc này.”

“Ô.” *Giải quyết từng chuyện một đã*. “Tuần trước tôi có gọi đến. Tôi tên là Rey, Luisa Rey. Anh nói anh có thể tìm một bản ghi âm ít được biết đến của Robert Frobisher cho tôi, nhan đề là *Lục tấu Vân đồ*. Nhưng khoan nói chuyện đó đã. Tôi cũng phải sở hữu bản nhạc này. Tôi *phải* có nó. Anh biết cảm giác đó mà. Nó là gì nhỉ?”

Anh nhân viên chìa hai cổ tay ra như chờ một còng tay tưởng tượng. “*Lục tấu Vân đồ* của Robert Frobisher. Tôi nghe thử để đảm bảo đĩa không bị trầy. Ô, tôi nói dối đấy. Tôi nghe vì tôi là nô lệ của trí tò mò. Không hẳn giống phong cách Delius, nhỉ? Tại sao các công ty không đầu tư cho những bản ghi âm quý giá thế này, thật là tội ác mà. Đĩa nhạc của cô còn ở trong tình trạng mới tinh, tôi rất vui mừng thông báo điều này.”

“Tôi đã nghe nó ở đâu rồi nhỉ?”

Chàng trai trẻ nhún vai. “Ở Bắc Mỹ còn lại không quá năm, sáu bản đâu.”

“Nhưng tôi biết nó. Tôi khẳng định với anh là tôi *biết* nó.”

Nancy O'Hagan đang nói chuyện đầy hào hứng trên điện thoại khi Luisa quay lại tòa soạn. “Shirl à? Shirl! Là Nancy đây. Nghe này, chúng ta vẫn đón Giáng sinh dưới bóng Nhân sư nhé. Chủ mới là tập Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey 493 đoàn Trans Vision” – cô ta nói to hơn – “Tập đoàn *Trans Vision*... Tôi cũng không biết, nhưng mà...” O'Hagan hạ giọng “... tôi vừa mới gặp KPO, ừ, sếp cũ ấy, lão vào hội đồng quản trị mới rồi. Nhưng mà nghe này, tôi gọi là để nói, công việc của tôi vẫn an toàn!” Cô ta gạt đầu về danh đá với Luisa. “Ừ hử, hầu như không ai bị trảm hết, vì vậy hãy gọi cho Janine và bảo với chị ấy rằng chị ta sẽ đón Giáng sinh một mình với mấy đứa gã người tuyết tí hon bất thường của chị ta đi.”

“Luisa,” Grelsch gọi từ cửa phòng làm việc, “ông Ogilvy sẽ gặp cô bây giờ.”

K. P. Ogilvy chiếm chỗ chiếc ghế đồng đánh của Dom Grelsch, đày vị chủ bút sang một chiếc ghế xếp bằng nhựa. Ngoài đời, chủ báo của tờ *Spyglass* khiến Luisa liên tưởng đến một bản khắc bằng thép. Của một ông quan tòa miền Viễn Tây. “Không có cách nào lịch sự để nói điều này,” ông ta bắt đầu, “vì thế tôi sẽ cứ nói toạc ra. Cô bị sa thải. Lệnh của chủ mới.” Ông ta kết thúc.

Luisa cảm nhận tin này dội vào người mình. *Không, nó không thể sánh với việc bị húc rơi từ trên cầu xuống biển giữa lúc nhập nhoạng tối.* Grelsch không dám nhìn vào mắt cô. “Tôi có hợp đồng mà.”

“Ai mà chẳng có? Cô bị sa thải rồi.”

“Tôi có phải là phóng viên duy nhất hứng đòn khó ở của các ông chủ mới không?”

“Có vẻ là thế.” Cầm K. P. Ogilvy giật một cái.

“Thế thì tôi nghĩ cũng công bằng khi hỏi, ‘Tại sao là tôi?’”

“Chủ công ty thuê mướn, sa thải và quyết định cái gì là công bằng. Khi một người mua đề nghị một gói giải cứu với mức mà Trans Vision đưa ra, thì chẳng ai muốn bị vạch lông bắt chấy cả.”

“Con Chấy Bị Bắt’. Tôi có thể khắc mấy chữ đó lên chiếc đồng hồ vàng của mình không?”

Dom Grelsch lúng búng. “Ông Ogilvy, tôi nghĩ Luisa có quyền được nghe một lời giải thích.”

“Vậy thì cô ta có thể đi mà hỏi Trans Vision. Có thể khuôn mặt cô ta không hợp với tầm nhìn của họ về *Spyglass*. Quá cực đoan. Quá nữ quyền. Quá khô khan. Quá hợm hĩnh.”

*Lão đang cố tình tung hỏa mù đây.* “Tôi muốn hỏi Trans Vision một số điều. Văn phòng chính của họ ở đâu?”

“Ở đâu đó phía đông thành phố ấy. Nhưng tôi nghĩ sẽ chẳng có ai tiếp cô đâu.”

“Ở đâu đó phía đông. Các thành viên hội đồng quản trị mới của ông là ai?”

“Cô đang bị sa thải, chứ không phải đang nhận bản khai có tuyên thệ nhé.”

“Chỉ một câu nữa thôi, ông Ogilvy. Cho ba năm phục vụ hết mình, chỉ cần trả lời câu này – *điểm chung* của Trans Vision và công ty điện lực Seaboard là gì?”

Sự tò mò của Dom Grelsch rất nhạy bén. Ogilvy thoáng lưỡng lự, sau đó hùng hồn, “Tôi còn nhiều việc phải giải quyết lắm. Cô sẽ được trả lương trọn tháng này, không cần đến nữa. Cám ơn và tạm biệt.”

*Nơi nào có hùng hổ thì nơi đó có đối trá, Luisa nghĩ.*

QUÝ VỊ ĐANG RỜI KHỎI HẠT SWANNEKKE, QUÊ HƯƠNG CỦA CON SÓNG, QUÊ HƯƠNG CỦA NGUYÊN TỬ, ĐỪNG XA NƠI NÀY QUÁ LÂU!

Đời vẫn ổn. Joe Napier chuyển chiếc Jeep sang chế độ chỉnh ga tự động đường trường. Đời vẫn đẹp. Điện lực Seaboard, cuộc đời lao động của ông, Margo Roker và Luisa Rey lùi lại sau lưng ông ở vận tốc 130 km/h. Đời rất tuyệt. Hai giờ nữa sẽ đến căn nhà gỗ của ông trên dãy Santo Cristo. Ông có thể bắt cá da trơn làm bữa tối nếu không quá mệt mỏi sau chuyến đi. Ông kiểm tra kính chiếu hậu: một chiếc Chrysler màu bạc chạy sau ông suốt bốn, năm cây số, cách độ chín mươi mét, nhưng giờ thì nó đã vượt qua và biến mất hút. *Thư giãn đi, Napier tự nhủ, mày đã thoát rồi.* Có gì đó trong chiếc Jeep của ông kêu lanh canh. Buổi chiều chạm mốc ba giờ vàng son. Đường cao tốc chạy dọc theo con sông suốt nhiều cây số, lên cao dần. *Phía trên này đã trở nên xấu xí hơn trong ba mươi năm qua, nhưng làm gì có nơi nào không trở nên như thế.* Hai bên đường, những khu dinh thự chiếm lĩnh những bãi đá bị ủi phẳng. *Mất cả cuộc đời để giải phóng mình.* Buenas Yervas thu nhỏ lại thành một vệt mờ trên đường chân trời bờ biển trong kính chiếu hậu của Napier. *Mi không thể cản con gái của Lester làm Kỳ Nữ được. Mi đã cố hết sức rồi. Cứ để con bé đi. Nó chẳng còn thơ dại gì nữa.* Ông chuyển kênh radio, nhưng chỉ toàn là những giọng ca nam hát như nữ và nữ hát như nam, cho đến khi ông tìm được một kênh nhạc đồng quê đang phát bài “Everyone’s Talkin’ At Me”. Milly chính là một nửa âm nhạc trong cuộc hôn nhân của ông. Napier hồi tưởng đêm đầu tiên ông gặp bà: bà chơi đàn violin cho Wild Oakum Hokum và Những nàng cao bồi trên cát. Những ánh mắt mà các nhạc công thăm trao nhau, khi âm nhạc nhẹ nhàng tuôn trào, đó là điều ông muốn từ Milly, sự thân mật đó, và chẳng bao lâu sau họ quen nhau. *Luisa Rey còn trẻ con quá, mi biết điều đó mà.* Napier rẽ ở đường thoát hiểm mười tám rồi cho xe chạy theo con đường của những thợ đào vàng ngày xưa lên Copperline. *Tiếng lách cách đó mãi vẫn chưa dứt nhỉ.* Mùa

thu đang liếm láp những thân cây trên núi. Con đường men theo một hẻm núi hẹp dưới những cây thông già đến nơi mặt trời lặn.

Đột nhiên, ông rơi vào trạng thái đó, chẳng nhớ nổi một suy nghĩ nào suốt bốn mươi lăm phút vừa qua. Napier dừng xe ở tiệm tạp hóa Copperline, tắt máy rồi bước ra khỏi chiếc Jeep. *Nghe tiếng hối hả đó không? Dòng Thất Hà đấy.* Nó nhắc ông nhớ rằng Copperline không phải là Buenas Yervas, và ông lại mở khóa chiếc Jeep. Người chủ hiệu tạp hóa chào ông thân mật, kể lại những chuyện đồn đại linh tinh trong sáu tháng qua trong vòng vài phút, rồi hỏi Napier có phải định đi nghỉ suốt tuần hay không.

“Bây giờ tôi đi nghỉ dài hạn luôn rồi. Tôi được đề nghị...” ông chưa bao giờ dùng đến từ này trong đời “... nghỉ hưu non. Cũng bất thành linh lắm.”

Nét mặt người chủ tiệm lộ vẻ hiểu biết. “Ăn mừng ở Duane tối nay chứ hả? Hay ngậm ngùi ở Duane ngày mai?”

“Hẹn thứ Sáu đi. Mỗi thứ một ít. Chủ yếu là ăn mừng. Tôi muốn dành tuần tự do đầu tiên của mình nghỉ ngơi trong nhà gỗ, không phải rữ rượi say xỉn dưới gầm bàn ở Duane.” Napier trả tiền những món đã mua rồi ra xe, đột nhiên nôn nóng được ở một mình trong căn nhà gỗ. Lốp chiếc Jeep nghiêng trên con đường rừng sỏi đá. Đèn pha rọi sáng khu rừng nguyên sinh bằng những vệt sáng lướt qua.

*Ở đây.* Một lần nữa, Napier nghe tiếng dòng Thất Hà. Ông nhớ lần đầu tiên ông đưa Milly lên căn nhà gỗ mà ông, các anh em và bố đã dựng nên. Giờ đây ông là người cuối cùng còn lại. Họ đã đi bơi lỏa thể tối hôm đó. Đó là ý tưởng của bà. Hoàng hôn trên rừng tràn ngập phổi và tâm trí ông. Không điện thoại, không camera an ninh hay tivi, không kiểm tra giấy tờ tùy thân, không có những cuộc họp an ninh “thân mật” trong phòng làm việc cách âm của chủ tịch. Không bao giờ nữa. Người nhân viên an ninh nay đã về hưu kiểm tra ổ khóa trên cửa xem có xáo trộn gì không rồi mở cửa chớp. *Thả lỏng đi, Chúa ơi. Seaboard đã để cho mi đi, tự do, không ràng buộc, không quay lại.*

Dù thế ông vẫn nắm khẩu 38 li trong tay khi bước vào nhà. *Thấy chưa? Chẳng có ai.* Napier nhóm lửa rồi làm món đậu với xúc xích và khoai tây nướng cả vỏ. Vài lon bia. Xả bầu tâm sự dài thật dài ở bên ngoài. Dải Ngân

hà long lanh. Một giấc ngủ sâu thật sâu.

*Thức giấc, lần nữa, nóng ran, bàng quang căng đầy bia. Lần thứ năm hay thứ sáu rồi nhỉ? Âm thanh núi rừng không ru ngủ Napier đêm nay, mà châm chích cảm giác yên ổn của ông. Tiếng phanh xe? Con cú mèo thôi mà. Tiếng cành cây gãy? Một con chuột, một con chim núi, ta chẳng biết nữa, mi đang ở trong rừng, đó có thể là bất cứ tiếng gì.*

Đi ngủ đi, Napier. Tiếng gió. Giọng nói dưới bậu cửa sổ? Napier tỉnh giấc và phát hiện một con báo đang ngồi trên xà ngang nhìn xuống giường ông; ông hét to thức dậy; con báo là Bill Smoke, giường vượt chụp đầu Napier với ngọn đuốc; không có gì trên xà ngang. *Lần này có phải là tiếng mưa không?* Napier lắng nghe.

*Chỉ là tiếng nước sông, chỉ là dòng sông thôi.*

Ông bật một que diêm nữa để xem đã đến giờ đáng để dậy chưa. 4:05. Không. Giờ này lưng chừng quá. Napier ngụp lặn trong bóng đêm gấp khúc để tìm kiếm những đường hầm dẫn vào giấc ngủ, nhưng những ký ức sáng chói gần đây về ngôi nhà của Margo Roker cứ đeo bám ông. Bill Smoke đang nói, *Ông đứng canh đi. Nguồn tin của tôi nói bà ta cất tài liệu trong phòng.* Napier đồng ý, mừng thầm vì giảm thiểu mức độ tham gia. Bill Smoke bật chiếc đèn pin cao su to rồi đi lên lầu.

Napier quan sát vườn cây của Roker. Ngôi nhà gần nhất cách đây hơn tám trăm mét. Tự hỏi tại sao kẻ ưa thích hành động một mình như Bill Smoke lại muốn ông đi cùng trong nhiệm vụ đơn giản này.

Một tiếng thét yếu ớt. Một cái kết đột ngột.

Napier chạy lên lầu, trượt chân, qua một dãy những phòng trống.

Bill Smoke đang quỳ trên một chiếc giường cũ, dùng đèn pin nện lên một cái gì đó, ánh đèn quét lên tường và trần nhà, tiếng đấm gần như không âm thanh hạ xuống cái đầu bất động của Margo Roker. Máu bà ta thấm đầy ga giường – màu đỏ tươi ướt đẫm. Napier gào lên bảo hấn dừng tay. Bill Smoke quay lại, cúi kính.

*Có chuyện gì, Joe?*

*Anh bảo bà ta sẽ ra ngoài tối nay mà!*

*Không, không, ông nghe nhầm rồi. Tôi bảo nguồn tin của tôi nói bà già sẽ ra ngoài tối nay. Nhân viên đáng tin cậy thật khó tìm mà.*

*Chúa ơi, Chúa ơi, Chúa ơi, bà ta chết chưa?*

*Thà giết lầm hơn bỏ sót, Joe à.*

*Một sự sắp đặt nhỏ hoàn hảo, Joe Napier thừa nhận giữa cơn mất ngủ trong căn nhà gỗ. Một sự đồng lõa trời buộc. Cả đám kéo đến đập chết một nhà hoạt động già không có khả năng tự vệ? Bất kỳ sinh viên luật bỏ học giữa chừng nào, dù không giỏi hùng biện, cũng có thể cho ông vào tù đến một gông. Một con chim hét cất tiếng hót. Ta đã phạm phải sai lầm lớn trong vụ Margo Roker, nhưng ta đã rời bỏ cuộc sống đó rồi. Bốn vết sẹo nhỏ do đạn để lại, mỗi bên hông hai cái, đang đau nhức. Tôi đã mạo hiểm đến gặp Luisa Rey để thức tỉnh con bé. Cửa sổ đủ sáng để ông nhìn thấy Milly trong khung ảnh. Tôi chỉ có một mình, ông phản đối. Tôi không phải là một trung đội. Tôi chỉ đòi hỏi một điều duy nhất từ cuộc sống là sinh mạng. Và vài buổi câu cá.*

Joe Napier thở dài, mặc quần áo rồi bắt đầu chất đồ lên xe Jeep. Milly luôn thắng bằng cách im lặng.

Judith Rey đi chân trần, buộc lại chiếc áo choàng ngủ kiểu kimono rồi đi qua tấm thảm Byzantine khổng lồ đến nhà bếp lót đá hoa cương. Bà lấy ba quả bưởi chùm ruột đỏ từ chiếc tủ lạnh nhiều ngăn, bổ đôi, rồi cho những bán cầu bưởi lạnh như tuyết vào máy ép. Chiếc máy kêu vo ve như một con ong bị mắc bẫy, sau đó ca nước đầy dần thứ nước quả ép sền sệt màu kẹo. Bà rót vào một ly thủy tinh màu xanh nặng trĩch và lắc nhẹ ly sau mỗi ngụm.

Trên một chiếc sofa kẻ sọc đặt ngoài hành lang, Luisa đọc lướt trang báo và nhai một chiếc bánh sừng trâu. Khung cảnh tuyệt diệu – nhìn thấy những nóc nhà giàu có của Ewingsville và những bãi cỏ mịn như nhung đến tận trung tâm Buenas Yerbas, nơi những tòa nhà chọc trời nổi gót sương mù từ biển và khói xe – cảnh ấy mang một vẻ khác lạ vào khoảnh khắc này.

“Không ngủ nướng à, Cục cưng?”

“Chào buổi sáng. Không, con phải thu dọn đồ đạc ở tòa soạn, nếu mẹ không phiền cho con mượn xe lần nữa.”

“Tất nhiên rồi.” Judith Rey quan sát con gái. “Con đang phí hoài tài năng của mình ở *Spyglass* đấy, Cục cưng à. Nó chỉ là một tờ tạp chí nhỏ xíu tầm thường thôi.”

“Đúng thế, nhưng nó là tờ tạp chí nhỏ xíu tầm thường của con.” Judith Rey ngồi xuống tay vịn ghế sofa và đuổi một con ruồi bay lạc vào ly của bà. Bà chăm chú đọc một bài báo được khoanh tròn trong mục kinh doanh.

**“CHUYÊN GIA NĂNG LƯỢNG” LLOYD HOOKS SẼ LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN SEABOARD**

*Trong một thông báo chung, Nhà Trắng và tập đoàn điện lực Seaboard vừa cho biết Bộ trưởng Năng lượng Lloyd Hooks sẽ ngồi vào ghế CEO bị bỏ trống sau*

*cái chết bi thảm của Alberto Grimaldi trong một tai nạn máy bay hai ngày trước. Giá cổ phiếu của Seaboard trên Phố Wall đã tăng vọt thêm 40 điểm trước thông tin này. “Chúng tôi vui mừng vì Lloyd đã chấp nhận lời đề nghị tham gia ban lãnh đạo,” phó chủ tịch Seaboard William Wiley phát biểu, “và mặc dù hoàn cảnh đưa đến sự chỉ định này là vô cùng đáng buồn, nhưng ban lãnh đạo cảm thấy Alberto ở thiên đường cũng có mặt cùng chúng tôi ngày hôm nay khi chúng tôi gửi lời chào đón nồng nhiệt nhất đến vị tổng giám đốc điều hành mới có tầm nhìn xa trông rộng.” Menzies Graham, người phát ngôn Bộ Năng lượng, nhận định “chuyên môn của Lloyd Hooks nhất định sẽ được chúng tôi ở Washington nhớ đến, nhưng tổng thống Ford tôn trọng nguyện vọng của ông ấy, và trông đợi tiếp tục hợp tác với một trong những bộ não siêu việt nhất đang giúp giải quyết những thách thức về năng lượng của thời đại này và giúp cho đất nước vĩ đại của chúng ta tiếp tục giữ vững vị thế.” Ông Hooks sẽ đảm nhận nhiệm vụ mới kể từ tuần sau. Người kế nhiệm của ông ở Nhà Trắng sẽ được công bố vào chiều nay.*

“Đây là đề tài khi trước con theo đuổi à?” Judith hỏi.

“Con vẫn đang làm mà.”

“Nhân danh ai?”

“Nhân danh sự thật.” Sự châm biếm trong câu nói của cô con gái bà thật thành thực. “Con đang làm việc tự do.”

“Kể từ khi nào?”

“Kể từ giây phút KPO sa thải con. Đó là một quyết định chính trị, mẹ à. Nó chứng tỏ con đang theo đuổi một chuyện gì đó rất lớn. Khổng lồ như ma mút.”

Judith Rey ngắm cô gái trẻ. Ngày xưa, ta từng có một cô con gái. Ta đã cho nó mặc đầm xòe, đăng ký vào lớp học ballet và gửi nó đi trại cưỡi ngựa trong suốt năm mùa hè. Nhưng nhìn con bé mà xem. Làm gì thì làm, con bé vẫn trở thành Lester. Bà hôn lên trán Luisa. Luisa nhú mày, ngờ vực, như một cô bé mới lớn. “Chuyện gì đây?”

Luisa Rey ghé vào nhà hàng Snow White để uống ly cà phê cuối cùng của những ngày tháng cô làm ở *Spyglass* và để chào tạm biệt Bart. Ghế ngồi duy nhất còn trống kê sát một người đàn ông đang giấu mình sau tờ *San Francisco Chronicle*. Luisa nghĩ ngợi, *Một tờ báo tốt*, rồi ngồi xuống chiếc ghế đó. Dom Grelsch lên tiếng, “Chào buổi sáng.”

Luisa cảm thấy một thoáng ghen tị về địa vị. “Ông đang làm gì ở đây?”

“Biên tập viên cũng cần ăn mà. Sáng nào tôi cũng đến đây kể từ khi vợ tôi... cô biết đấy. Bánh xốp thì tôi còn tự làm bằng máy nướng bánh mì được, chứ còn...” Ông chỉ tay về đĩa thịt bê, ngụ ý *Tôi có cần nói thêm không?*

“Tôi chưa từng gặp ông ở đây lần nào.”

“Đó là vì ông ấy thường rời khỏi đây,” Bart nói trong lúc làm ba việc cùng lúc, “một giờ trước khi cô đến. Như thường lệ hả, Luisa?”

“Vâng. Sao anh không bao giờ nói cho tôi biết vậy, Bart?”

“Tôi cũng đâu có nhiều chuyện về giờ đi giờ đến của cô với bất kỳ ai.”

“Người đầu tiên đến tòa soạn,” Dom Grelsch gập báo lại, “người cuối cùng ra về vào buổi tối. Vị trí của chủ bút. Tôi có chuyện muốn nói với cô, Luisa.”

“Tôi nhớ mang máng là mình bị đuổi việc rồi mà.”

“Thôi dẹp chuyện ấy đi, được không? Tôi muốn nói tại sao – thế nào – mà tôi không từ chức khi thấy cách đối xử tệ hại của Ogilvy dành cho cô. Và bởi vì tôi đang tự thú, tôi đã biết cô sẽ bị trảm từ thứ Sáu tuần trước rồi.”

“Ông thật tử tế khi báo trước cho tôi biết đấy.”

Viên chủ bút hạ giọng xuống mức thấp nhất. “Cô biết về chứng bệnh máu trắng của vợ tôi. Tình hình bảo hiểm của chúng tôi?” Luisa quyết định dành cho ông ta một cái gật đầu. Grelsch cứng giọng hơn. “Tuần trước, trong quá trình đàm phán mua lại... tôi được cho hay, nếu tôi ở lại *Spyglass*

và chấp thuận rằng tôi chưa từng nghe nói...” Grelsch rất không vui “... đến một bản báo cáo nào đó, thì người ta sẽ giật dây các công ty bảo hiểm cho tôi.”

Luisa không lay chuyển. “Ông tin những người này sẽ giữ lời sao?”

“Sáng Chủ nhật, nhân viên tính toán các khoản bồi thường bảo hiểm của tôi tên Arnold Frum, gọi điện đến. Anh ta xin lỗi làm phiền các thứ, rồi báo tin rằng Blue Shield đã thay đổi quyết định, và sẽ thanh toán tất cả hóa đơn y tế cho vợ tôi. Một tấm séc bù tiền cho những lần chi trả trước được gửi đến qua bưu điện. Chúng tôi thậm chí còn giữ lại được căn nhà. Tôi không tự hào gì về bản thân mình, nhưng tôi sẽ không hổ thẹn vì đã đặt gia đình lên trên sự thật.”

“Sự thật là mưa phóng xạ sẽ đổ xuống Buenas Yervas.”

“Tất cả chúng ta đều đưa ra lựa chọn về các cấp độ rủi ro. Nếu tôi có thể bảo vệ vợ mình bằng cách đóng một vai nhỏ dẫn đến *khả năng* xảy ra tai nạn ở Swanekke, thì tôi sẽ chấp nhận điều đó. Tôi thực lòng mong muốn cô suy nghĩ thêm một chút về rủi ro mà cô đang đặt *chính mình* vào khi đối đầu với những con người này.”

Ký ức của Luisa về lúc chìm xuống nước trở lại ám ảnh cô, làm tim cô nghẹn lại. Bart đặt một tách cà phê xuống trước mặt cô. Grelsch chuyển một trang giấy đánh máy qua quầy bar. Trên đó có hai cột chữ, mỗi cột là bảy cái tên. “Đoán xem đây là danh sách gì.” Hai cái tên hiện ra: Lloyd Hooks và William Wiley.

“Thành viên Hội đồng quản trị tập đoàn Trans Vision?”

Grelsch gật đầu. “Gần đúng. Danh sách thành viên hội đồng là thông tin công khai. Còn đây những cố vấn tập đoàn không có tên trong danh sách chính thức nhưng nhận tiền từ tập đoàn Trans Vision. Những cái tên khoanh tròn chắc sẽ khiến cô quan tâm. Nhìn này. Hooks và Wiley. Lười biếng, đáng chết, một lũ tham lam.”

Luisa gấp danh sách lại rồi nhét vào túi. “Tôi phải cảm ơn ông về điều này.”

“Gã gốc Nussbaum đào ra danh sách này đấy. Còn một chuyện cuối cùng. Fran Peacock, ở tờ *Western Messenger*, cô biết bà ta chứ?”

“Chỉ chào hỏi ở những buổi tiệc báo chí xã giao thôi.”

“Fran và tôi biết nhau từ lâu rồi. Tôi có ghé qua văn phòng bà ấy tối hôm qua, và đề cập đến những điểm quan trọng trong câu chuyện của cô. Tôi không hứa hẹn điều gì, nhưng một khi cô có đủ chứng cứ để ra trận, thì bà ta sẽ muốn nói nhiều hơn là đôi ba câu chào hỏi đấy.”

“Ông có hiểu đúng ý tập đoàn Trans Vision khi làm việc này không đấy?”

Grelsch đứng dậy, gập tờ báo lại. “Họ đâu có nói tôi không được chia sẻ những đầu mối mình biết.”

Jerry Nussbaum trả chìa khóa xe cho Luisa. “Cầu Chúa trên trời, xin hãy để cho tôi đầu thai làm chiếc xe thể thao của mẹ cô. Tôi không quan tâm là chiếc nào. Đó là thùng cuối cùng rồi chứ?”

“Đúng rồi,” Luisa đáp, “cám ơn anh nhé.” Nussbaum nhún vai như một nhà soạn nhạc khiêm nhường. “Nơi này chắc chắn sẽ sớm cảm thấy trống trải vì thiếu vắng một người phụ nữ để chúng tôi nói những câu trêu đùa kiểu sô-vanh. Nance thực ra đã thành đàn ông sau quá nhiều thập niên làm việc trong tòa soạn.”

Nancy O’Hagan nện mạnh chiếc máy đánh chữ bị kẹt và chĩa ngón tay về phía Nussbaum.

“Đúng rồi, cảm giác như,” Roland Jakes ngắm nghía chiếc bàn trống của Luisa, vẻ rầu rĩ, “tôi vẫn không tin được là, cô biết đấy, làm sao những gã mới sẽ khiến cô nổi đóa nhưng vẫn giữ được vẻ mềm mỏng như Nussbaum đây.” Nancy O’Hagan rít lên, như rấn hổ mang, “Làm sao lão Grelsch,” cô ta chĩa điếu xì gà về phía phòng làm việc của ông ta, “có thể rung đùi để cho KPO xử cô như thế?”

“Chúc tôi may mắn đi.”

“May mắn á?” Jakes chế giễu. “Cô không cần may mắn đâu. Không biết tại sao cô chịu ở lại với con cá mập chết uơn này lâu như vậy nữa. Thập niên bảy mươi sẽ chứng kiến hơi thở ngáp của chủ nghĩa trào phúng. Lehrman nói rất đúng. Một thế giới trao giải Nobel Hòa bình cho Henry Kissinger sẽ là thế giới tống cổ *tất cả* chúng ta vào cảnh thất nghiệp.”

“À,” Nussbaum nhớ ra, “lúc quay lại tôi có đi qua phòng thư. Có thư gửi cô đây.” Anh ta đưa cho Luisa một phong bì màu kaki có lớp lót bên trong. Luisa không nhận ra chữ viết tay ngoằn ngoèo có nhiều nét tròn. Cô xem xét dấu bưu điện bị nhòe, rồi đưa cho Nussbaum xem. “Có phải nó đề ngày bốn tháng chín không?” Nussbaum nhúu mày.

“Chắc vậy. Có gì đặc biệt hả?”

Cô không trả lời, lẳng lặng rọc phong bì màu kaki. Bên trong là một chiếc chìa khóa tủ gửi đồ đảm bảo, bọc trong một mảnh giấy ghi lời nhắn ngắn gọn. Nét mặt Luisa ngày càng căng thẳng khi mắt cô di chuyển theo tờ giấy. Cô kiểm tra lại nhãn trên chiếc chìa khóa.

“Ngân hàng số 3 California, Đường số 9. Ở đâu vậy nhỉ?”

“Ở trung tâm đấy,” O’Hagan đáp, “chỗ giao nhau của đường số 9 với Đại lộ Flanders.”

“Hẹn gặp mọi người sau nhé.” Luisa lên đường. “Trái đất tròn lắm.”

“Ừa,” Jakes lên tiếng, “vậy là, vậy là sao?”

Trong lúc đợi đèn giao thông đổi màu, Luisa liếc nhìn lần nữa vào lá thư của Sixsmith để kiểm tra lần thứ ba xem cô có bỏ sót gì không. Nó được viết bằng nét chữ vội vã.

*Sân bay quốc tế BY,  
3 – ix – 1975*

*Cô Rey thân mến,*

*Xin thứ lỗi vì lời nhắn viết vội này. Tôi được một người có thiện chí ở Seaboard cảnh báo rằng tôi đang gặp nguy hiểm đến tính mạng. Vạch trần những sai phạm của HYDRA-Zero đòi hỏi một người phải có sức khỏe thật tốt, vì vậy tôi sẽ hành động theo lời mách bảo này. Tôi sẽ liên lạc với cô ngay khi có thể từ Cambridge hoặc thông qua IAEA. Trong lúc này, tôi đã tranh thủ gửi bản báo cáo của tôi về Swanekke B, trong một két sắt bảo đảm ở Ngân hàng số 3 California trên Đường số 9. Cô sẽ cần nó trong trường hợp có chuyện gì xảy ra với tôi.*

*Hãy cẩn thận.*

*Viết gấp,  
R.S.*

Tiếng còi xe nóng nảy vang lên khi Luisa bốc khói xoay xở với hộp số chưa quen sử dụng. Sau Đường số 13, thành phố mất đi tính cách Thái Bình Dương giàu sang của nó. Những hàng cây minh quyết vẫn được thành phố tưới nước, nhường chỗ cho những ngọn đèn đường cong. Người chạy bộ không bèn mảng đến những con đường phụ này. Dân khu này đến từ cụm sản xuất nào đó thuộc những vành đai khu công nghiệp đã hết thời hưng thịnh. Những kẻ vô công rồi nghề nằm ngủ trên băng ghế, cỏ dại mọc trên vỉa hè, màu da tối dần đi qua từng khu nhà, bạt phủ trên các cánh cửa được rào cẩn thận, hình vẽ graffiti xuất hiện la liệt trên khắp các bề mặt nằm dưới chiều cao của đứa trẻ vị thành niên cầm lon sơn xịt. Công nhân gom rác lại đang đình công, và những đồng rác đang thổi rửa dưới ánh mặt

trời. Hiệu Bí ẩn đầu tiên về cầm đồ, hiệu giặt tự động không tên và cửa hàng bách hóa cào chút tiền ít ỏi từ những túi tiền mòn rách. Đi thêm nhiều dãy nhà, băng qua nhiều cột đèn đường nữa, các cửa hiệu nhường chỗ cho những đơn vị sản xuất vô danh và nhà ở xã hội. Luisa chưa bao giờ lái xe qua quận này và cảm thấy không thoải mái trước những điều bí ẩn của thành phố. *Sixsmith có suy nghĩ logic không khi giấu bản báo cáo của ông rồi lại che giấu nơi giấu nó?* Cô đến Đại lộ Flanders và thấy Ngân hàng số 3 California sừng sững phía trước, có một bãi đỗ xe dành cho khách cạnh bên. Luisa không nhận thấy chiếc Chevy màu đen cũ kỹ đang đỗ ở bên kia đường.

Fay Li đeo kính mát có vành và chụp thêm mũ rộng vành, đang đối chiếu đồng hồ đeo tay với đồng hồ của ngân hàng. Máy điều hòa đang thua cuộc trong trận chiến với cái nóng giữa buổi sáng. Cô ta dùng khăn tay thấm mồ hôi trên mặt và cánh tay, tự quạt và đánh giá những diễn biến gần đây. *Joe Napier, ông trông có vẻ ngốc nghếch nhưng kỳ thực ông rất thông minh, đủ thông minh để biết khi nào thì rút lui.* Luisa Rey sắp đến đây rồi, nếu *Bill Smoke* phán đoán đúng. *Bill Smoke, người trông có vẻ thông minh nhưng kỳ thực lại rất ngu ngốc, và người của người không trung thành như người nghĩ đâu.* Vì người không làm chuyện này vì tiền, người đã quên rằng những kẻ tiểu nhân rất dễ bị mua chuộc.

Hai người đàn ông Trung Quốc ăn mặc bánh bao bước vào. Ánh mắt của một người báo hiệu với cô ta rằng Luisa Rey đang đến. Ba người gặp nhau ở chiếc bàn cạnh giữ lối đi phụ: TỬ GỬI HÀNG ĐẢM BẢO. Tòa nhà này có rất ít người lui tới suốt buổi sáng nay. Fay Li từng nghĩ đến chuyện cài một người vào đây, nhưng tình trạng lỏng lẻo tự nhiên do việc thuê bảo vệ với mức lương tối thiểu vẫn an toàn hơn là để cho những thành viên Hội Tam Hoàng đánh hơi được món hời.

“Xin chào,” Fay Li mở lời bằng phát âm Trung Quốc khó nghe nhất, “tôi và mấy ông anh muốn lấy đồ từ két sắt.” Cô ta dùng đưa một chiếc chìa khóa tử ký gửi. “Nhìn đi chúng tôi có chìa khóa.”

Anh chàng tóc xoăn uể oải có vấn đề nghiêm trọng về da. “Giấy tờ tùy thân?”

“Giấy tờ đây, anh nhìn đi, giấy tờ anh nhìn đi.”

Những ký tự Trung Quốc chống lại sự kiểm tra của người da trắng bằng phép màu bộ lạc cổ xưa. Gã bảo vệ hất đầu về phía hành lang rồi quay lại đọc tiếp tạp chí *Aliens!* “Cửa không khóa.” *Ta sẽ bắn nát mông cậu tại chỗ, cậu nhóc à,* Fay Li nghĩ.

Hành lang dừng lại ở một cánh cửa bọc thép mở hé. Phía bên kia là căn phòng kết sắt có hình dạng như một cái chạc ba. Một thuộc hạ đi cùng cô ta vào nhánh bên trái, cô ta ra lệnh cho gã kia đi nhánh bên phải. *Có khoảng sáu trăm cái tủ trong này. Một trong số đó chứa một bản báo cáo trị giá năm triệu đô la, mười nghìn đô một trang.*

Tiếng bước chân tiến đến trên hành lang. *Lốc cốc, giày cao gót nữ.*

Cánh cửa bọc thép mở ra. “Có ai ở đây không?” Luisa Rey hỏi.

Im lặng.

Khi cánh cửa đóng sầm lại, hai gã đàn ông tóm lấy cô. Luisa bị giữ chặt, miệng bị một bàn tay bịt lại. “Cám ơn nhé.” Fay Li gỡ chiếc chìa khóa từ ngón tay cô nhà báo. Con số khắc trên đó là: 36/64. Cô ta không lãng phí một lời nào. “Tin xấu đây. Phòng này cách âm, không có máy quay, bạn tôi và tôi đều có vũ khí. Báo cáo Sixsmith vốn không phải để rơi vào tay cô. Tin tốt đây. Tôi đang hành động cho những thân chủ mong muốn HYDRA bị thất cổ từ trong trứng nước và Seaboard bị mất uy tín. Các kết luận của Sixsmith sẽ lan truyền trong mạng lưới tin tức trong vòng hai hoặc ba ngày nữa. Họ có muốn theo đuổi việc xử lý tập đoàn này hay không là việc của họ. Đừng nhìn tôi như thế chứ, Luisa. Sự thật đâu có quan tâm ai là người phát hiện ra nó, vậy thì có gì cô bận tâm? Tin này còn tốt hơn nữa đây. Sẽ không có chuyện gì xấu xảy đến với cô. Trợ lý của tôi sẽ đưa cô đến một điểm tạm giữ ở BY. Đến tối, cô sẽ được tự do. Cô đừng có gây rắc rối gì cho chúng tôi từ giờ đến lúc đó,” Fay Li lấy ra một tấm ảnh của Javier vốn dính trên bảng ghim của Luisa rồi vẩy nó cách mặt cô vài centimet, “bởi vì bọn tôi sẽ đáp trả đích đáng đấy.”

Sự phục tùng thể chỗ cho chống cự trong mắt Luisa.

“Tôi biết anh có cái đầu tử tế nằm trên vai.” Fay Li nói bằng tiếng Quảng Đông với gã đang giữ Luisa. “Đưa ả đến phòng giam. Không được lộn xộn trước khi bắn. ả là nhà báo, nhưng điều đó không biến ả thành gái điếm. Phi tang cái xác theo cách thông thường.”

Họ rời đi. Tên thuộc hạ thứ hai ở lại, giữ cửa mở.

Fay Li tìm thấy chiếc kết 36/64 ở chiều cao ngang cổ, ở phần chóp của nhánh giữa.

Chiếc chìa khóa xoay một vòng và cửa tủ mở ra.

Fay Li lôi ra một bìa còng màu kem.

LÒ PHẢN ỨNG HYDRA-

ZERO – MỘT MẪU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG – TRƯỞNG DỰ ÁN TIẾN SĨ RUFIS SIXSMITH – SỞ HỮU TÀI LIỆU NÀY KHI CHƯA ĐƯỢC PHÉP LÀ VI PHẠM LUẬT HÌNH SỰ LIÊN BANG THEO ĐẠO LUẬT TÌNH BÁO QUÂN SỰ & CÔNG NGHIỆP 1971.

Một ngọn lửa hân hoan bùng cháy trong người Fay Li, cô ta cho phép mình mỉm cười. *Mảnh đất cơ hội.* Sau đó cô ta thấy hai sợi dây chạy ra từ trong bìa còng đến phía sau tủ sắt. Cô ta nhìn vào. Một đèn lưỡng cực đỏ nhấp nháy trên một khối kích thước 10x5 cm gồm nhiều hình trụ, dây nhợ và các bộ phận được dán băng dính vào nhau.

*Bill Smoke, thẳng khốn k..*

Vụ nổ nhắc bổng Luisa Rey lên và ném cô về trước, không thể chống đỡ, như một con sóng lớn Thái Bình Dương. Hành lang xoay ngang 90 độ - vài lần – đập vào xương sườn và đầu Luisa. Những cánh hoa đau đón lần lượt bung cánh trong tầm nhìn của cô. Những tiếng rên nặng nề. Những mảnh thạch cao, ngói và kính rơi lả tả, nhỏ giọt, rồi dừng hẳn.

Sự yên lặng đầy tai ương. *Mình đang trải qua chuyện gì đây?* Tiếng kêu cứu vọng lên từ bụi khói, tiếng la hét trên đường, chuông báo động xoáy vào không khí khét lẹt. Não của Luisa hoạt động trở lại. *Một quả bom.* Một người bảo vệ rên rỉ thê thảm. Máu nhỏ giọt từ tai anh ta xuống thành một dòng sông ngập ngựa trong cổ áo. Luisa cố gắng bò ra ngoài nhưng chân phải của cô như đã bị nổ tung.

Cô mở miệng ra để hét lên, nhưng khi cơn hoảng loạn qua đi, hóa ra chân cô chỉ bị kẹt dưới gã người Trung Quốc đang nằm bất tỉnh. Cô kéo chân ra rồi bò đi, người cứng đờ và đau đớn nhưng vẫn ổn, băng qua sảnh đợi, giờ quang cảnh đã biến thành một phim trường. Luisa thấy cánh cửa bọc thép đã bị hất văng khỏi bản lề. *Chắc suýt nữa đã va trúng mình.* Kính vỡ, ghế lật úp, những mảng tường, những con người bị thương và hoảng loạn. Khói đen nồng nặc mùi dầu tuôn ra từ ống thải, hệ thống phun nước hoạt động – Luisa bị ướt sũng và sặc nước, trượt chân trên sàn nhà trơn trượt rồi ngã nhào, đầu óc choáng váng, chúi người dúi dụi vào những người khác.

Một bàn tay thân thiện nắm lấy cổ tay Luisa. “Tôi cứu được cô rồi, thưa cô, tôi cứu được cô rồi, để tôi đưa cô ra ngoài, có thể sẽ có thêm một vụ nổ nữa.” Luisa để mình được dẫn vào ánh nắng chói chang nơi một bức tường những mặt người đang nhìn vào, đói khát tìm kiếm sự sợ hãi. Nhân viên cứu hỏa đưa cô băng qua một con đường được chặn lại bằng những chiếc xe ùn tắc và cô nhớ đến những đoạn phim tư liệu về chiến tranh ở Sài Gòn vào tháng tư. Khói vẫn bốc ra mù mịt. “Tránh ra! Bên này! Lùi lại! Bên này!”

Nhà báo Luisa đang cố gắng nói với nạn nhân Luisa điều gì đó. Miệng cô đầy cát. Một điều gì đó khẩn cấp. Cô hỏi người cứu mình, “Sao anh đến hiện trường sớm thế?”

“Không sao đâu,” anh ta khẳng định, “cô bị chấn động thôi.”

Lính cứu hỏa? “Tôi tự đi được rồi...”

“Không, cô sẽ an toàn ở lối này...”

Cửa một chiếc Chevy đen bám bụi mở ra.

“Bỏ tôi ra!” Nắm tay của hắn mạnh như sắt. “Vào xe ngay,” hắn lẩm bẩm, “nếu không tao sẽ bắn nát sọ mày.”

*Quả bom lã ra là để giết mình, vậy mà bây giờ..*

Kẻ bắt giữ Luisa kêu lên một tiếng rồi ngã về phía trước.

Joe Napier nắm cánh tay Luisa Rey rồi kéo cô ra khỏi chiếc Chevy. *Chúa ơi, suýt nữa thì!* Tay kia của ông cầm một cây gậy bóng chày. “Nếu cháu muốn sống thì tốt nhất nên đi với bác.”

O.K., Luisa nghĩ. “O.K.,” cô đáp.

Napier kéo cô trở lại đám đông hỗn loạn để cản tầm bắn của Bill Smoke, ông đưa cây gậy bóng chày cho một đứa bé trai ngơ ngác, rồi đi về phía Đại lộ 81, rời xa chiếc Chevy. Đi bộ một cách thận trọng; hay chạy để bị phát hiện ra?

“Xe cháu để gần ngân hàng,” Luisa nói.

“Chúng ta sẽ lẫn trốn được trong dòng xe cộ này,” Napier đáp. “Bill Smoke còn hai tên thuộc hạ nữa, chúng sẽ bắn qua kính xe. Cháu đi bộ được không?”

“Cháu chạy được mà, bác Napier.”

Họ đi hết một phần ba con đường rồi Napier nhận ra khuôn mặt của Bill Smoke ở phía trước, tay để gần túi áo khoác. Napier kiểm tra phía sau. Một gã sát thủ thứ hai là gọng kềm thứ hai. Bên kia đường là gọng kềm thứ ba. Phải vài phút nữa cảnh sát mới đến hiện trường, trong khi họ chỉ có vài giây. Hai vụ giết người giữa thanh thiên bạch nhật: thật rủi ro, nhưng cái giá đủ cao để chúng liều lĩnh, vả lại ở đây quá rối ren, chúng sẽ dễ dàng tẩu thoát. Napier tuyệt vọng: họ đang đi ngang một nhà kho không có cửa sổ. “Đi lên bậc thang đi,” ông bảo Luisa, cầu nguyện cho cửa để mở.

Cửa mở thật.

Một khu tiếp tân vắng vẻ và tối tăm, chiếu sáng bằng một bóng đèn, một lăng mộ của ruồi muỗi. Napier cài chốt cửa lại. Từ sau chiếc bàn tiếp tân, một bé gái mặc bộ quần áo đẹp nhất ngày Chủ nhật, và một con chó lông xù già nua ngồi trong giường làm bằng thùng giấy bồi nhìn họ, không có

phản ứng gì. Ba cửa thoát hiểm ở phía cuối. Tiếng máy móc vang lên âm ã.

Một người đàn bà Mexico mắt đen từ đâu lao đến rồi tuôn ra một tràng trước mặt ông: “Không có ai phi pháp ở đây! Không có ai phi pháp ở đây! Sếp đi rồi! Sếp đi rồi! Hôm khác quay lại!”

Luisa Rey nói chuyện với bà ta bằng tiếng Tây Ban Nha lồm bồm. Người đàn bà Mexico trợn tròn mắt, rồi chĩa ngón tay về phía cửa thoát hiểm. Một tiếng nổ khiến cánh cửa kêu ken két. Napier và Luisa chạy băng qua căn phòng đầy tiếng vang. “Trái hay phải?” Napier hỏi.

“Cháu không biết!” Luisa thở hỗn hển.

Napier ngoái đầu lại để tìm sự chỉ dẫn từ người đàn bà Mexico, nhưng cánh cửa rung lên sau một tiếng súng, vỡ ra sau tiếng tiếp theo, rồi mở tung sau tiếng thứ ba. Napier kéo Luisa qua cửa thoát hiểm bên trái.

Bisco và Roper, hai tên thuộc hạ được Bill Smoke thuê cho phi vụ này, dùng thân người đẩy mở cửa. Tại phòng xử án trong đầu mình, Bill Smoke kết luận William Wiley và Lloyd Hooks phạm tội ngu xuẩn cực độ. *Tôi đã nói với các người! Không thể tin tưởng để cho Joe Napier gói ghém lương tâm và cầm theo cần câu cá mà.*

Cánh cửa tan nát thành nhiều mảnh.

Bên trong, một người đàn bà Mexico đang lên cơn kích động. Một đứa bé điềm tĩnh và một con chó xù được chăm sóc cẩn thận đang ngồi trên bàn tiếp tân, như thể chúng, chứ không phải người Mexico kia, là những bộ não bí mật của đơn vị này. “FBI đây!” Bisco hét lên, giơ ra giấy phép lái xe. “Họ đi đường nào?”

Người đàn bà Mexico ré lên: “Chúng tôi quan tâm đến công nhân của mình! Rất tốt! Trả lương cao lắm! Không cần công đoàn!”

Bisco móc súng ra rồi bắn con chó văng lên tường. “BỌN CHÚNG ĐI ĐƯỜNG NÀO?”

*Jesus Muhammad Christ, đây là lý do ta chỉ hành động một mình.*

Người đàn bà Mexico cắn nắm tay mình, run lấy bầy, rồi phát ra một tiếng kêu thê lương.

“Hay lắm, Bisco, làm như FBI suốt ngày đi giết chó xù vậy.” Roper chồm đến trước đứa bé, vẫn không phản ứng gì trước cái chết của con chó. “Người đàn ông và cô gái đi ra cửa thoát hiểm nào?”

Con bé nhìn lại như thể hẳn chẳng là gì ngoài một buổi hoàng hôn tuyệt đẹp.

“Mày có biết nói tiếng Anh không?”

*Một vụ kích động, một đứa câm, một con chó chết, Bill Smoke tiến đến ba cửa thoát hiểm, và hai thằng thuộc hạ trung thành ngu như bò.*

“Mất thời gian quá! Roper, cửa bên phải. Bisco, cửa bên trái. Tao đi cửa giữa.”

Từng hàng, từng dãy những bức tường bằng giấy bồi cao chừng mười thùng xếp lại che giấu diện tích thật của nhà kho. Napier chặn cửa bằng một chiếc xe đẩy. “Hãy nói với bác rằng cháu đã chữa khỏi chứng bệnh dị ứng súng từ hôm qua,” ông nói qua kẽ răng.

Luisa lắc đầu. “Còn bác?”

“Chỉ có một khẩu súng thường. Sáu phát. Đi nào.”

Ngay cả trong lúc chạy, cô vẫn nghe tiếng nện cửa thành thịch. Naper xô một chồng hộp cản tầm nhìn. Rồi một chồng nữa, cách đó vài mét. Họ chạy, nhưng đến lúc này đã chạy nhiều phút rồi mà vẫn chưa đi đến đâu. Tuy nhiên, một chồng hộp thứ ba ngã xuống phía trước mặt họ, và hàng chục con Big Bird đổ ra – Luisa nhận ra con đà điểu màu vàng ngốc nghếch từ chương trình truyền hình trẻ em mà Hal thường xem khi rảnh rỗi. Napier ra dấu: *chạy thấp đầu xuống*. Luisa hi vọng tiếng máy móc vọng ra qua bức tường sẽ che được tiếng hộp đổ.

Năm giây sau, một viên đạn xuyên qua thùng giấy bồi, cách đầu Luisa chỉ năm centimet, làm mớ ruột của Big Bird ụp vào mặt cô. Cô trượt chân, ngã vào Napier; một loạt tiếng động bắn vào không khí phía trên họ. Napier rút súng ra, bắn trả hai phát. Tiếng động khiến cô cuộn tròn thành quả bóng. “Chạy đi!” Napier hét lên, lôi cô đứng dậy. Luisa phục tùng – Napier bắt đầu xô ngã những bức tường hộp để cản đường kẻ truy đuổi.

Mười mét sau đó, Luisa đến một góc phòng. Một cánh cửa gỗ dán có dòng chữ CỬA THOÁT HIỂM.

Khóa rồi. Napier đuổi kịp cô, thở không ra hơi. Ông không mở được cửa.

“Bỏ cuộc đi, Napier!” họ nghe câu nói. “Ông không phải là mục tiêu của chúng tôi!”

Napier bắn thẳng vào ổ khóa. Cánh cửa vẫn không mở ra. Napier bắn

thêm ba phát đạn vào ổ khóa: mỗi phát đều khiến Luisa giật nảy người. Phát thứ tư không có đạn. Napier đá cánh cửa bằng gót ủng. Một xưởng may chui kêu ầm ầm với năm trăm chiếc máy may. Vụn vải lơ lửng trong cái nóng kinh người quanh những bóng đèn treo trên mỗi thợ may. Luisa và Napier lom khom chạy băng qua lối đi vòng ngoài. Vịt Donald quật quẹo và chó Scoopy-Doo bị đóng đinh đang được nhồi bông rồi may lại, từng con một, ngay hàng thẳng lối, qua từng băng chuyền. Mỗi người phụ nữ - gốc Nam Mỹ hoặc người Trung Quốc – đều dán chặt mắt vào bàn may, vì vậy Luisa và Napier hầu như chẳng gây xáo trộn gì.

*Nhưng làm sao chúng ta ra khỏi đây?*

Napier đâm đầu, theo nghĩa đen, vào người đàn bà Mexico ở bàn tiếp tân dựng tạm khi này. Bà ta dẫn họ đi vào một hành lang phụ không có đèn, bị chắn một nửa. Napier quay sang Luisa, hét to lên để át tiếng máy móc ầm ĩ, khuôn mặt ông nói, *Có nên tin bà ta không?*

Khuôn mặt Luisa đáp, *Có sáng kiến nào hay hơn không?* Họ đi theo người đàn bà giữa cơ man nào là vải vóc và dây nhợ, những hộp chứa mắt gấu bông, thân và ruột đi kèm. Lối đi rẽ góc phải và dừng lại ở một cánh cửa sắt. Ánh sáng ban ngày lọt vào qua một khung lưới tấm tối. Người đàn bà Mexico lục lẹa xâu chìa khóa. *Ở đây là năm 1875, chứ không phải 1975*, Luisa nghĩ. Một chiếc chìa khóa không khớp. Chiếc tiếp theo khớp nhưng không xoay được. Chỉ ba mươi giây trên sàn nhà máy đã đủ để ảnh hưởng đến thính giác của cô.

Một tiếng thét vang lên từ cách đó năm mét: “Giơ hai tay lên!” Luisa quay phắt lại. “Ta bảo, Giơ hai tay lên trời!” Tay của Luisa phục tùng. Gã sát thủ chìa súng vào Napier. “Quay lại đi, Napier! Chậm thôi! Bỏ súng xuống!”

Người đàn bà rú lên: “Đừng bắn tôi! Đừng bắn tôi, thưa ông! Họ ép tôi chỉ cửa! Họ nói họ giết...”

“Câm mồm, mụ Mẽ điên vượt biên! Xéo đi! Tránh đường cho ta!”

Người đàn bà sợ hãi đi vòng qua hần, dựa sát mình vào tường, rít lên, *“No dispares! No dispares! No quiero morir!”*<sup>[66]</sup>

Napier hét to, vọng qua tiếng ồn của nhà máy, “Bình tĩnh nào, Bisco, cậu được trả bao nhiêu?”

Bisco hét lại, “Đừng bận tâm, Napier. Nói lời cuối cùng đi.”

“Tôi không nghe thấy! Nói gì?”

“ÔNG – CÓ - MUỐN - NÓI - LỜI - CUỐI - CÙNG - KHÔNG?”

“Lời cuối cùng hả? Mà là ai? Bộ tưởng đóng phim hả?”

Khuôn miệng của Bisco rúm ró. “Tao có một quyển sách những lời cuối cùng, và đó là những lời của mày. Còn cô?” Hắn nhìn Luisa, vẫn chĩa súng vào Napier.

Một phát súng lục đâm một lỗ vào giữa tiếng ồn khiến Luisa nhắm nghiền mắt lại. Một vật cứng chạm vào ngón chân cô. Cô ép mình mở mắt ra. Đó là một khẩu súng, xoay một lúc rồi dừng lại. Nét mặt Bisco méo mó thành một cơn phẫn nộ không thể giải thích. Cái vồ của người đàn bà Mexico nện nát cầm dưới của gã sát thủ. Mười, mười mấy cú nện cực kỳ dữ tợn nữa tới tấp trút xuống, mỗi cái đều khiến Luisa giật nảy người, chồm câu bằng những từ, “*Yo! Amaba! A! Ese! Perro! Hijo! De! Puta!*”<sup>[67]</sup> Luisa nhìn sang Joe Napier.

Ông đứng nhìn, không bị thương, nhưng sừng sốt.

Người đàn bà quệt miệng rồi cúi xuống nhìn Bisco đang nằm bất động, mặt nát như tương. “Và chớ gọi tao là ‘mụ Mẽ điên vượt biên!’” Bà ta bước qua cái đầu bầy nhầy của hắn để mở cửa thoát hiểm.

“Bà có thể nói với hai gã kia rằng tôi làm thế với hắn,” Napier dặn bà ta, lấy theo khẩu súng của Bisco. Bà nói với Luisa. “*Quitatelo de encima, carina. Anda con gentuza y! Dios mio! este viejo que podria ser tu padre.*”<sup>[68]</sup>

Napier ngồi trên chuyến tàu điện ngầm vẽ đầy graffiti, quan sát cô con gái của Lester Rey. Con bé đang hoảng sợ, tóc tai rối bời, run rẩy, quần áo vẫn còn ướt sũng vì hệ thống phun nước cứu hỏa. “Làm sao bác tìm thấy cháu?” cuối cùng cô hỏi.

“Anh chàng to béo ở tòa soạn của cháu. Nosboomer, hay gì đấy.”

“Nussbaum.”

“Đúng rồi. Phải năn nỉ thuyết phục mãi.”

Một sự im lặng kéo dài từ ga điện ngầm Quảng trường Reunion đến Đại lộ 17.

Luisa sờ một cái lỗ trên quần jeans của cô. “Cháu đoán là bác không còn làm việc ở Seaboard nữa.”

“Bác được cho về vườn từ hôm qua.”

“Bị sa thải ạ?”

“Không. Về hưu non. Đúng thế. Bác đã về vườn.”

“Và bác đã quay lại từ vườn hồi sáng nay?”

“Khoảng đấy.”

Khoảng lặng tiếp theo kéo dài từ Đại lộ 17 đến Công viên McKnight.

“Cháu cảm thấy,” Luisa ngập ngừng, “rằng cháu... không, rằng bác... đã phá vỡ một sắc lệnh nào đó ở đây. Như thể Buenas Yervas đã quyết định cháu phải chết ngày hôm nay. Vậy mà giờ cháu lại ngồi đây.”

Napier nghĩ ngợi. “Không. Thành phố này chẳng quan tâm đâu. Cháu có thể nói chính bố cháu là người vừa cứu mạng cháu đấy, khi ông ấy đá văng quả lựu đạn đang lăn về phía bác, ba mươi năm trước.” Toa tàu của họ rên rĩ và rung lắc. “Chúng ta phải ghé tiệm bán súng đã. Súng không có đạn làm bác hồi hộp quá.”

Tàu điện ngậm trời lên mặt đất. Luisa nhíu mày. “Chúng ta đang đi đâu vậy?”

“Đến gặp một người.” Napier xem đồng hồ. “Cô ấy đặc biệt bay đến đây.”

Luisa dụi đôi mắt đỏ hoe. “Người đó có thể cho chúng ta bản Báo cáo Sixsmith không? Bởi vì đối với cháu thì chẳng còn chuyện gì khác quan trọng hơn cả.”

“Bác cũng chưa biết.”

Megan Sixsmith ngồi trên một băng ghế thấp trong Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Buenas Yervas, nhìn chăm chú vào một bức họa chân dung khổng lồ vẽ gương mặt một bà già trông như gấu, ngẫm nghĩ về những đường nét xám và đen trên nền vải trắng. Là bức tranh vẽ người duy nhất trong một căn phòng đầy tranh của Pollocks, de Koonings và Miros, bức chân dung gây sửng sốt một cách lặng lẽ. *“Hãy nhìn,” bà ta nói, “vào tương lai cô. Khuôn mặt cô một ngày nào đó cũng sẽ giống ta,”* Megan nghĩ ngợi. Thời gian đã đàn lớp da của bà ta thành những mạng nhện nhăn nheo. Cơ thịt chỗ thì chùng xuống, chỗ lại căng ra, mi mắt sụp xuống. Sợi chuỗi ngọc trai của bà ta hẳn thuộc loại thứ phẩm, còn mái tóc thì rối bù, hậu quả của một buổi chiều đi gom lũ cháu về. *Nhưng bà ta thấy những điều mà mình không thấy.*

Một cô gái trạc tuổi ngồi xuống cạnh cô. Cô ta cần được tắm rửa, thay quần áo. “Megan Sixsmith?”

Megan liếc nhìn sang bên. “Luisa Rey?”

Cô gật đầu về phía bức tranh chân dung. “Từ trước đến giờ tôi vẫn luôn thích bà ấy. Bố tôi đã gặp bà, ý tôi là ngoài đời thực ấy. Bà là một người sống sót sau thảm họa diệt chủng, đã đến định cư ở BY. Mở một nhà trọ ở Little Lisbon. Bà là chủ nhà của họa sĩ, trước khi ông ta nổi tiếng.”

*Lòng can đảm mọc lên ở bất kỳ đâu,* Megan Sixsmith nghĩ ngợi, *như cỏ dại.*

“Joe Napier nói cô mới bay đến đây hôm nay từ Honolulu.”

“Ông ấy có ở đây không?”

“Người ở sau lưng tôi, mặc áo jean, đang giả vờ xem tranh của Warhol đấy. Ông ấy đang canh chừng cho chúng ta. Tôi e rằng nỗi lo sợ của ông ta là rất có căn cứ.”

“Vâng. Tôi cần biết cô chính là người mà cô đang tự nhận.”

“Tôi rất vui khi nghe điều đó. Cô có ý tưởng gì không?” Bí ẩn đầu tiên về Luisa Rey

“Chú tôi thích nhất bộ phim nào của Hitchcock?” Cô gái tự xưng là Luisa nghĩ ngợi một lúc, rồi mỉm cười. “Chúng tôi có nói về Hitchcock trong thang máy – tôi đoán là ông ấy đã viết thư kể cho cô chuyện này – nhưng tôi không nhớ ông có nói tên bộ phim yêu thích hay không. Ông thích đoạn không lời trong *Vertigo*, khi Cary Grant theo gót người phụ nữ bí ẩn đến bến tàu với cảnh nền là San Francisco. Ông cũng thích xem *Charade* – tôi biết đấy không phải là phim của Hitchcock, nhưng nó làm ông thấy buồn cười, vì cô gọi Audrey Hepburn là đầu bong bóng.”

Megan ngả người ra ghế. “Phải, bác tôi nhắc đến cô trong một tấm thiệp do ông gửi từ khách sạn sân bay. Nó rất căng thẳng, và đáng lo, đầy những đoạn như ‘Nếu có chuyện gì xảy ra với chú’ – nhưng đó không phải là thư tuyệt mệnh. Không gì có thể khiến bác Rufus làm điều mà cảnh sát nói. Tôi biết chắc như vậy.” *Hãy hỏi cô ấy, và cố đừng run rẩy nữa, vì Chúa.* “Cô Rey – cô có nghĩ rằng bác tôi đã bị ám sát không?”

Luisa Rey đáp, “Tôi được biết ông đã bị hại. Tôi rất tiếc.”

Sự quả quyết của cô nhà báo xóa tan ngờ vực. *Vậy là không phải mình đang bị điên.* “Tôi biết về công việc bác ấy làm cho Seaboard và Bộ Quốc phòng. Tình hình là tôi chưa từng xem toàn bộ bản báo cáo, nhưng tôi đã kiểm tra số liệu của nó khi tôi thăm bác Rufus hồi tháng Sáu. Chúng tôi hiệu đính tài liệu cho nhau.”

“Bộ Quốc phòng à? Ý cô không phải là Bộ Năng lượng sao?”

“Quốc phòng. Một sản phẩm phụ của lò phản ứng HYDRA-Zero chính là uranium dùng để sản xuất vũ khí. Chất lượng tối ưu, nhiều vô kể.” Megan để cho Luisa Rey tiếp thu những ẩn ý mới này. “Cô cần gì?”

“Công trình của ông cô. Bản báo cáo, chỉ có bản báo cáo, mới có thể đánh bại Seaboard trước công chúng và pháp luật. Và, nhân tiện, cứu mạng tôi.”

*Tin người lạ này hay đứng dậy bỏ đi?*

Một hàng rỗng rần học sinh xúm lại quanh bức chân dung người đàn

bà. Megan thì thầm, nhỏ hơn giọng thuyết trình của người phụ trách bảo tàng, “Bác Rufus cất toàn bộ tài liệu học thuật, dữ liệu, ghi chú, bản nháp, vãn vãn trên *Starfish* – chiếc du thuyền của bác ấy– để tham khảo về sau. Đến tuần sau chúng tôi mới cử hành tang lễ, việc chứng thực di chúc sẽ chưa bắt đầu cho đến lúc đó, vì vậy nơi cất giấu này chắc là vẫn chưa bị sờ đến. Tôi dám cá là bác cất một bản báo cáo trên thuyền. Người của Seaboard hẳn đã lục soát chiếc thuyền, nhưng bác ấy có nguyên tắc là không nhắc đến *Starfish* ở nơi làm việc...”

“Bây giờ chiếc *Starfish* đang neo ở đâu?”

MŨI YERBAS MARINA ROYALE

TỰ HÀO LÀ QUÊ HƯƠNG CỦA *PROPHETESS*

CHIẾC THUYỀN BUỒM ĐƯỢC BẢO QUẢN TỐT NHẤT THẾ GIỚI!

Napier đỗ chiếc Ford thuê cạnh câu lạc bộ thể thao, trước đây là nhà thuyền. Những ô cửa sổ sáng trưng cho thấy một quán bar đầy mời gọi bên trong, cờ hàng hải gọn nhẹ trong gió chiều. Tiếng cười đùa vang lên, những chú chó được đưa xuống từ cồn cát trong lúc Luisa và Napier băng qua sân vườn của câu lạc bộ thể thao, rồi đi xuống những bậc thang dẫn đến một bến thuyền khá lớn. Một chiếc tàu gỗ ba cột in bóng lên phương đông đang lịm nắng, sừng sững giữa đám du thuyền bằng sợi thủy tinh nhỏ nhắn neo đậu xung quanh. Vài người đang đứng trên cầu tàu và du thuyền, nhưng không nhiều. “*Starfish* được neo tại cầu tàu xa nhất từ câu lạc bộ thể thao,” Luisa xem lại bản đồ của Megan Sixsmith, “đi qua chiếc *Prophetess*.”

Chiếc tàu thế kỷ mười chín kỳ thực đã được phục chế rất đẹp. Dù đang bận việc, nhưng Luisa vẫn mê mẩn trước sức hút kỳ lạ khiến cô phải dừng lại một lúc để nhìn ngắm những chi tiết trên tàu, lắng nghe tiếng khung gỗ kêu cọt két.

“Có chuyện gì thế?” Napier thì thầm. Bên trong quá tối nên ông không nhìn rõ nét mặt cô.

*Có chuyện gì nhỉ?* Vết chàm của Luisa đập thành thịch. Cô níu lấy những đầu mối bên kia của khoảnh khắc co giãn này, nhưng chúng biến mất vào quá khứ và tương lai. “Không có gì.”

“Nếu cháu sợ cũng không sao. Bác cũng đang sợ đây.”

“Vâng.”

“Đi nào. Chúng ta sắp đến nơi rồi.”

*Starfish* nằm ở đúng nơi đánh dấu trên bản đồ của Megan. Họ leo lên

tàu.

Napier nhét một cái kim kẹp vào cửa lên tàu rồi chèn thêm que kẹp mút vào khe trống. Luisa đứng canh bên ngoài. “Cháu cá là bác không học mảnh này trong quân đội.”

“Cháu thua rồi. Những tên trộm là những người lính tháo vát đấy, mà Ban Tuyển Quân cũng không kén chọn lắm đâu...” Một tiếng tách. “Được rồi.” Khoang tàu gọn gàng không có quyển sách nào. Một chiếc đồng hồ điện tử nhấp nháy từ 21:55 sang 21:56. Ánh đèn pin mỏng mảnh của Napier dừng lại trên một chiếc bàn hàng hải gắn trên một tủ hồ sơ mini. “Trong đấy thì sao?”

Luisa mở ngăn kéo ra. “Nó đấy. Bác rọi đèn vào đây đi.” Một chồng hồ sơ và bìa công. Một bìa công, màu kem, khiến cô chú ý. *LÒ PHẢN ỨNG HYDRA-ZERO – MỘT MẪU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG – TRƯỞNG DỰ ÁN TIẾN SĨ RUFIS SIXSMITH.* “Được rồi. Nó đây. Joe? Bác không sao chứ?”

“Ừ. Chỉ là... đã đến lúc một chuyện gì đó diễn ra suôn sẻ, thật đơn giản.”

*Vậy là Joe Napier có thể mỉm cười rồi.*

Có chuyển động ở lối vào khoang tàu; một người đàn ông đứng chắn ánh sáng.

Napier nhận ra nét mặt hoảng hốt của Luisa và quay ngoắt lại. Trong ánh đèn pin, Luisa thấy một đường gân trong cổ tay gã cầm súng giật giật, hai lần, nhưng không có tiếng súng phát ra. *Chốt an toàn bị kẹt à?*

Joe Napier phát ra tiếng nấc, khụy xuống, va đầu vào chân bằng thép của chiếc bàn hàng hải. Ông nằm bất động.

Luisa mất hết mọi giác quan, trừ cảm giác mơ hồ nhất về chính mình. Đèn pin của Napier lặn nhẹ, và ánh sáng của nó thay nhau chiếu lên thân người rách toạc của ông. Máu ông tuôn nhanh rợn người, màu đỏ tươi rợn người, bóng loáng rợn người. Dây treo rung trong gió, những tiếng chuông không lời.

Kẻ sát nhân đóng cửa khoang tàu lại. “Đặt bản báo cáo lên bàn đi, Luisa.” Giọng thì thầm của hắn nghe rất tử tế. “Tôi không muốn nó dính máu.” Cô phục tùng. Khuôn mặt hắn bị che lại. “Cô chuẩn bị đi châu ông

bà đi.”

Luisa nắm lấy cạnh bàn. “Người là Bill Smoke. Người đã giết Sixsmith.”  
Bóng tối trả lời, “Những thế lực to lớn hơn đã giết tất cả bọn mi. Ta chỉ gửi đạn đi thôi.”

*Tập trung.* “Người đi theo chúng ta, từ ngân hàng, trong tàu điện ngầm, đến bảo tàng mỹ thuật...”

“Cái chết lúc nào cũng khiến mi nói dông dài thế à?”

Giọng Luisa run rẩy. “Người nói ‘lúc nào cũng’ là có ý gì?”

Joe Napier rơi vào một sự im lặng vĩnh cửu.

Bóng ma của Bill Smoke lơ lửng trong tầm nhìn tối tăm của ông.

Hơn một nửa trong ông đã chết rồi.

Từ ngữ thốt ra làm bầm dập sự im lặng lần nữa. *Hắn sẽ giết con bé.*

*Khẩu 38 li trong túi quần mi.*

*Ta đã làm tròn nghĩa vụ rồi, ta sắp chết, vì Chúa.*

*Này. Đi mà nói với Lester Rey về nghĩa vụ và cái chết.* Tay phải của Napier nhích dần về khóa thắt lưng. Ông tự hỏi mình đang là một đứa bé trong cũi hay là một ông già đang cận kề cái chết. Những đêm tối trôi qua, không, những khoảng đời trôi qua. Napier ngày thường buông xuôi nhưng ngón trở của ông có một sứ mệnh mà nó nhất định không quên. Phần đuôi khẩu súng chạm đến lòng bàn tay ông. Ngón tay ông luồn qua vòng thép và một ánh sáng rõ ràng soi sáng mục đích của ông. *Cò súng, đây, phải rồi. Kéo nó đi. Từ từ thôi...*

*Chỉnh hướng họng súng.* Bill Smoke chỉ cách đó vài mét.

Cò súng chống cự ngón trở của ông – sau đó một ánh chớp mang tiếng động khủng khiếp bắn Bill Smoke về phía sau, hai tay hắn vung lên như tay con rối.

Vào khoảnh khắc thứ tư cuối đời mình, Napier bắn thêm một viên đạn nữa vào con rối được những vì sao thấp sáng. Chữ “Silvaplana” hiện lên trong đầu ông, tự nguyện.

Vào khoảnh khắc thứ ba, thi thể Bill Smoke trượt xuống cửa khoang tàu.

Vào khoảnh khắc thứ hai, một chiếc đồng hồ điện tử chớp từ 21:57 sang 21:58. Mắt Napier chìm xuống, ánh nắng mới sinh cắt ngang những cây sồi già nua, nhảy nhót trên dòng Thất Hà. *Nhìn kìa, Joe, con diệc đấy.*



Ở khoa điều trị Margo Roker trong bệnh viện hạt Swannekke, Hester Van Zandt liếc nhìn đồng hồ. 21:57. Giờ thăm bệnh kết thúc lúc tám giờ. “Thêm một bài nữa nhé, Margo?” Vị khách nhìn người bạn đang hôn mê của mình, rồi lật vài trang trong quyển *Tuyển tập thơ Hoa Kỳ*. “Một chút thơ Emerson nhé? À, đây. Bà nhớ bài này không? Bà đã giới thiệu nó cho tôi đấy.

*Nếu kẻ sát nhân hung ác biết hấn đang chém giết  
 Hay người bị tàn sát biết mình bị hại  
 Họ không hay biết những con đường huyền ảo  
 Tôi đã giữ, đã vượt qua, và rồi quay trở lại.  
 Cả những gì xa xôi, bị quên lãng với tôi đều quen thuộc  
 Bóng tối và ánh sáng, có gì đâu, là một  
 Những thiên thần biến đi lại trở lại tôi;  
 Nỗi ô nhục, niềm vinh quang với tôi cũng là một mà thôi  
 Họ đã nghĩ xấu và rời bỏ tôi  
 Khi họ bay đi, tôi chính là đôi cánh;  
 Tôi - kẻ nghi ngờ và mối hiểm nghi,  
 Tôi là khúc tụng ca vị giáo sĩ ngân nga.*

Những thần linh oai vũ mong muốn chốn trú ngụ của tôi Và ước ao vô vọng...”<sup>[69]</sup>

“Margo? Margo? Margo!” Mi mắt của Margo Roker chuyển động như đang ngủ lơ mơ. Một tiếng rên phát ra từ thanh quản bà. Bà hép không khí, sau đó mở to mắt, chớp chớp đầy bối rối và hoảng loạn trước những ống dây trong mũi mình. Hester Van Zandt cũng hoảng loạn, nhưng đầy hi vọng. “Margo! Bà có nghe tôi nói không? Margo!”

Đôi mắt người bệnh dừng lại trên người bạn già, và bà lại ngả đầu xuống chiếc gối. “Có, tôi nghe thấy bà rồi, Hester ạ, bà đang hét toáng lên trong tai tôi đây này.”

Luisa Rey xem ấn bản ngày 1 tháng 10 của tờ *Western Messenger* giữa tiếng nói chuyện huyên não của nhà hàng Snow White.

**LLOYD HOOKS LẤN TRỐN SAU KHI ĐÓNG TIỀN TẠI NGOẠI 250.000 ĐÔLA TỔNG THỐNG FORD THỀ SẼ “TRUY TẬN GỐC NHỮNG KẼ BIẾN CHẤT ĐÃ GÂY Ô NHỤC CHO CÁC DOANH NGHIỆP MỸ”**

*Một người phát ngôn của BYPD xác nhận CEO mới được bổ nhiệm của tập đoàn điện lực Seaboard và cựu “Chuyên gia” Năng lượng Lloyd Hooks đã trốn khỏi Hoa Kỳ, sau khi đóng tiền tại ngoại một phần tư triệu đôla hôm thứ Hai. Diễn biến mới nhất của “vụ bê bối Seaboard” diễn ra một ngày sau khi Hooks thề sẽ “bảo vệ danh dự của tôi và công ty vĩ đại của người Mỹ chúng ta trước những lời bịa đặt thâm độc”. Tổng thống Ford đã lên tiếng về vụ việc nghiêm trọng này tại cuộc họp báo Nhà Trắng, lên án cựu cố vấn của mình và khẳng định không liên quan gì đến người được Nixon bổ nhiệm. “Nội các của tôi không phân biệt bất kỳ ai phạm pháp. Chúng tôi sẽ truy tận gốc những kẻ biến chất đã gây ô nhục cho các doanh nghiệp Mỹ và trừng phạt chúng bằng hình phạt thích đáng.”*

*Sự biến mất của Lloyd Hooks, theo diễn giải của nhiều nhà quan sát được coi là một lời nhận tội, đó cũng là diễn biến mới nhất trong một loạt những tiết lộ bắt nguồn từ một sự cố xảy ra ngày 4 tháng 9 tại Mũi Marina Royale, trong đó Joe Napier và Bill Smoke, nhân viên an ninh của các nhà máy điện hạt nhân gây tranh cãi trên đảo Swanekke của tập đoàn Seaboard, đọ súng với nhau. Nhân chứng Luisa Rey, thông tin viên của bốn báo, đã gọi điện báo cảnh sát đến hiện trường, và cuộc điều tra sau đó đã mở rộng ra vụ sát hại kỹ sư nguyên tử người Anh và cố vấn của Seaboard, Tiến sĩ Rufus Sixsmith hồi tháng trước, vụ rơi máy bay của cựu CEO Alberto Grimaldi trên dãy Colorado hai tuần trước, và một vụ nổ tại Ngân hàng số 3 California ở BY làm hai người thiệt mạng. Năm giám đốc của Điện lực Seaboard đã bị truy tố do có liên quan đến âm mưu này, hai người đã tự sát. Ba người khác, bao gồm phó Tổng giám đốc điều hành William Wiley,*

đã đồng ý làm chứng chống lại tập đoàn Seaboard.

Vụ bắt giữ Lloyd Hooks hai ngày trước được xem là minh chứng cho sự ủng hộ của bốn báo với phát hiện của Luisa Rey về vụ xì căng đan nghiêm trọng này, thoạt đầu bị William Wiley bác bỏ, cho là “ảo tưởng bôi nhọ lấy từ tiểu thuyết gián điệp và hoàn toàn không đáng để được phản hồi nghiêm túc”... Xem tiếp trang 2, toàn bài trang 5, Bình luận trang 11.

“Trang nhất nhé!” Bart rót cà phê cho Luisa. “Lester sẽ tự hào lắm lắm đây.”

“Bố sẽ nói tôi chỉ đang làm nhiệm vụ nhà báo của mình thôi.”

“Chính xác.”

Vụ bê bối Seaboard không còn là tin độc quyền của Luisa nữa. Swanekke giờ đây tràn ngập nhà báo, các nhà điều tra Thượng viện, đặc vụ FBI, cảnh sát hạt và nhà biên kịch Hollywood. Swanekke B bị bỏ xó; khu C bị đình chỉ hoạt động. Luisa lại nhận được bưu thiếp của Javier. Nó có hình ba chiếc đĩa bay lượn dưới cây cầu Cổng Vàng:

*Chào cô Luisa, ở đây cũng được nhưng chúng cháu sống trong một ngôi nhà đất, vì thế cháu không thể nhảy qua ban công khi cần thăm bạn nữa. Paul (là Người sói đấy, nhưng Mẹ nói cháu không được gọi chú ấy như vậy nữa, dù chú ấy có vẻ cũng thích được gọi như thế) sẽ đưa cháu đến một hội chợ tem ngày mai, sau đó cháu có thể chọn màu sơn cho phòng ngủ của mình, và chú ấy nấu ăn ngon hơn cả mẹ nữa. Lại thấy cô trên tivi tối hôm qua và trên báo. Đừng quên cháu chỉ vì bây giờ cô nổi tiếng rồi nhé? Javi*

Vật còn lại trong hộp thư là một bưu phẩm từ Megan Sixsmith, gửi đến theo yêu cầu của Luisa. Gói bưu phẩm chứa tám lá thư cuối cùng được Robert Frobisher viết cho người bạn Rufus Sixsmith của mình. Luisa dùng một con dao nhựa để rọc bưu kiện. Cô mở một phong bì ố vàng, đóng dấu ngày 10 tháng 10 năm 1931, đưa nó lên mũi, rồi hít một hơi. *Liệu những phân tử của lâu đài Zedelghem, của bàn tay Robert Frobisher, ngủ yên trên trang giấy này trong bốn mươi bốn năm qua, có đang tuôn trào qua phổi ta, và lúc này, trong máu ta không?*

Ai mà biết được?



# Những lá thư từ Zedelghem

Sixsmith,

Ayrs nằm liệt giường ba ngày liền, mụ mị vì morphine, kêu gào đau đớn. V. mất tập trung và trầm cảm. Bác sĩ Egret cảnh báo J. và tôi không nên nhâm lẫn *sự yêu đời* mới tìm lại của Ayrs trong âm nhạc với tình hình sức khỏe thực tế, và cấm V.A làm việc trên giường bệnh. Bác sĩ Egret khiến tôi thấy lạnh sống lưng. Chưa gặp thầy lang nào mà không khiến tôi bán tín bán nghi đang âm mưu tính tiền cắt cổ tôi.

Chìm đắm trong âm nhạc của riêng mình. Nói ra thật tàn nhẫn, nhưng khi Hendrick đến vào giờ điểm tâm và bảo, “Không phải hôm nay, Robert à,” tôi thấy nhẹ cả người. Dành cả buổi tối hôm qua viết một đoạn *Allegro* dồn dập cho đàn cello, thấp sáng bằng những đoạn tam tấu bùng nổ. Sự im lặng bị ngắt quãng bằng những tiếng bầy chuột tanh tách. Nhớ đồng hồ nhà thờ gõ chuông ba giờ sáng. *Tôi nghe một tiếng chim đớp muỗi*, Huckleberry Finn nói, và *con chó than khóc cho một người sắp lìa trần*. Luôn ám ảnh tôi, câu văn đó. Điều tiếp theo mà tôi biết, Lucille đang giữ phòng những tấm ga trải giường màu sáng tươi bên cửa sổ. Cô ấy bảo với tôi rằng Morty Dhondt đang ở dưới lầu, sẵn sàng cho chuyến đi. Tưởng đang nằm mơ nhưng hóa ra không phải. Mặt dính đầy vụn bánh và trong một giây tôi không nhớ nổi mình tên gì. Cầu nhau tôi không muốn đi đâu với Morty Dhondt, tôi muốn ngủ, tôi có việc phải làm. “Nhưng tuần trước ông đã hẹn đi xe hôm nay mà!” Lucille phản đối.

Tôi nhớ ra. Tôi rửa mặt, ăn mặc chỉnh tề rồi cạo râu. Bảo Lucille đi tìm thằng bé lúc trước đã đánh giày cho tôi, v.v. Dưới phòng ăn sáng, tay buôn nữ trang thân thiện đang hút xì gà và đọc báo *The Times*. “Đừng vội,” ông ta bảo tôi, khi tôi xin lỗi vì đến muộn. “Nơi chúng ta sắp đến, sẽ chẳng có ai bận tâm ta đến sớm hay muộn đâu.” Bà Willems dọn lên cho tôi một ít ketri<sup>[70]</sup>, rồi J. nhẹ nhàng bước vào phòng. Bà ta chưa quên hôm đấy là ngày gì, đưa cho tôi một bó hồng trắng, buộc bằng một sợi ruy băng đen, rồi mỉm cười, như bà của những ngày xưa cũ.

Dhondt lái một chiếc Bugatti Royale 1927 loại 41 màu vang đỏ, hàng ngon thứ thiệt đấy, Sixsmith. Lướt như con quỷ được bôi trơn – gần tám mươi cây số giờ trên đường cao tốc rải đá dăm! – cùng chiếc còi điện được Dhondt bấm vì những duyên cớ nhỏ nhặt nhất.

Một ngày đẹp cho một chuyến đi rêu. Càng đến gần biên giới, tự nhiên vùng đồng quê càng tan nát. Ra khỏi Roeselare, đất đai chằng chịt hố bom, cắt ngang cắt dọc với những hào nước bị sập và những mảng đồi cháy không một ngọn cỏ nào mọc nổi như mụn đậu mùa. Vài cái cây lơ thơ còn sót lại, khi chạm vào hóa ra đều là than đá vô hồn. Màu xanh của đất trông giống như bị mốc hơn là tràn nhựa sống. Dhondt nói to cố át tiếng máy xe rằng nông dân vẫn không dám cày xới vùng đất này vì sợ đào trúng đạn pháo chưa nổ. Không thể đi ngang khu này mà không nghĩ đến mật độ người mai phục dưới đất. Vào bất cứ lúc nào, lệnh tấn công cũng có thể được đưa ra, và lính bộ binh sẽ trôi lên từ mặt đất, càn quét mảnh đất bụi bặm này. Mười ba năm kể từ Ngày đình chiến tưởng chừng như chỉ mới mười ba giờ.

Zonnebeke là một ngôi làng đìu hiu với những tàn tích đang được phục chế dở dang và một nghĩa trang của tiểu đoàn 11 Essex thuộc Lữ đoàn 53. Ủy ban Nghĩa trang Chiến tranh cho tôi biết nghĩa trang này là nơi có khả năng an ủi cao nhất. Adrian tử trận trong cuộc tấn công ngày 13 tháng 7 trên dãy Messines, vào thời điểm chiến tranh đang diễn ra ác liệt. Dhondt thả tôi xuống cổng rồi chúc tôi may mắn. Ông ta tế nhị nói rằng có công việc ở gần đó – hiệu kim hoàn gần nhất cũng cách chỗ chúng tôi đến tám mươi cây số – và để tôi ở lại thực hiện cuộc chinh phục Đông-kì-sốt của mình. Một cựu binh mắc bệnh lao phổi làm nhiệm vụ gác cổng những khi không phải chăm sóc luống rau tội nghiệp của ông ta. Ông ta cũng kiêm luôn công việc của người thu tiền - tự chỉ định, tôi nghi ngờ thế - cứ giờ thùng quyền góp trước mặt tôi, cho “phí tu sửa”. Chia tay một franc, rồi ông bạn hỏi bằng thứ tiếng Anh dễ nghe rằng tôi có tìm một người nào cụ thể không, vì ông ta đã thuộc nằm lòng toàn bộ nghĩa trang này rồi. Viết tên anh tôi ra, nhưng ông ta làm điệu bộ há hốc mồm của người Gallic ngụ ý, “Vấn đề của tôi là của tôi, vấn đề của cậu là của cậu, đây là vấn đề của cậu rồi.”

Luôn cảm thấy tôi sẽ đoán được ngôi mộ vô danh nào là của Adrian. Dòng chữ đề mộ phát sáng, một con chim ác là gập gù, hay chỉ cần một niềm tin âm nhạc cũng sẽ dẫn tôi đến địa điểm chính xác. Chuyện tào lao, tất nhiên. Bia mộ nhiều vô kể, giống hệt nhau và ngay hàng thẳng lối như đang diễu binh. Những bụi gai đã xâm lấn chu vi này. Không khí ngột ngạt như thể bầu trời đang niêm kín chúng tôi trong đó.

Tôi đi dọc theo những hàng và dãy để tìm các bia mộ có họ bắt đầu bằng chữ F. Xác suất quá thấp, nhưng biết đâu được. Văn phòng Chiến tranh cũng có sai sót mà – nếu nạn nhân thứ nhất của chiến tranh là sự thật, thì nạn nhân thứ hai chính là tính hiệu quả của công việc bàn giấy. Trong trường hợp này, không có “Frobisher” nào yên nghỉ ở dãy của những người họ Flander. Người gần giống nhất là “Froames, B.W., Binh nhì 2389 Sư đoàn 18 (Sư đoàn miền Đông)” vì vậy tôi đặt những bông hồng trắng của J. lên mộ anh ta. Ai mà biết được? Nhỡ đâu Froames đã hỏi mượn bật lửa của Adrian, vào một đêm kiệt sức, hoặc đã run sợ cùng anh khi mưa bom trút xuống, hoặc đã chia nhau một lọ Bovril.

Tôi là một thằng ngốc đa cảm và tôi biết điều đó. Người ta hay chàm trán những anh hề như Orford ở Balliol, họ toát ra sự mát mát như thể chiến tranh đã kết thúc trước khi họ có cơ hội thể hiện lòng can đảm của mình vậy. Những người khác, Figgis hiện lên trong đầu tôi, thú nhận sự nhẹ nhõm của họ vì chưa đủ tuổi nhập ngũ trước năm 1918, nhưng họ cảm thấy sự nhẹ nhõm này với một nỗi hổ thẹn chùng mực. Tôi thường kêu ca với anh về việc lớn lên dưới cái bóng của người anh huyền thoại – mỗi lời trách móc đều bắt đầu với một “Adiran không bao giờ làm...” hoặc “Nếu anh mà còn ở đây thì nó sẽ...” Tôi đã ngày càng ghét cái tên của anh ấy. Trong suốt thời gian tích tụ dẫn đến vụ trục xuất cưỡng chế của tôi khỏi dòng họ Frobisher, luôn luôn là “Mày làm hổ thẹn ký ức về Adrian!” Không bao giờ tha thứ cho ông bà cô vì điều đó. Vào lần tiễn đưa cuối cùng của chúng tôi vào một buổi chiều thu mưa phùn lất phất ở Audley End, Adrian mặc quân phục, ông bà ôm chặt anh ấy. Những ngày vầy cờ reo hò đã qua lâu rồi – sau đó có tin lực lượng quân cảnh sẽ hộ tống các tân binh đến Dunkirk để ngăn ngừa đào ngũ hàng loạt. Tất cả những anh chàng Adrian đó đã bị nhồi nhét như cá mòi trong các nghĩa trang khắp miền đông

Pháp, tây Bỉ, và nhiều nữa. Chúng ta đã rút bài từ một bộ bài gọi là bối cảnh lịch sử - thế hệ chúng ta rút được những quân mười, Bồi và Đầm, Sixsmith ạ. Adrian rút nhằm những quân ba, bốn và năm. Thế thôi.

Tất nhiên, “Thế thôi” không bao giờ chỉ có thế. Những lá thư của Adrian chứa đựng âm thanh đầy ám ảnh. Người ta có thể bị mất nhưng không thể bị tai. Tiếng rệp lách tách trong kẽ hở; tiếng chuột chút chút; tiếng xương gãy răng rắc vì trúng đạn; tiếng tạch tạch của súng máy; tiếng rền vang của những vụ nổ từ xa, ánh chớp của những vụ nổ gần hơn; tiếng đá rơi trúng mũ nồi; tiếng ruồi vo ve trên những vùng đất không người vào mùa hè. Những lá thư về sau có thêm tiếng thét của ngựa; tiếng nứt nẻ của bùn lầy đóng băng; tiếng vo ve của máy bay; xe tăng ngộ nguậy trong đồng bùn; những người bị đoạn chi khi thuốc mê đã tan; tiếng bùng lên của súng bắn lửa; tiếng lép nhép của lưỡi lê đâm vào cổ. Âm nhạc châu Âu hoang dã đê mê, bị ngắt quãng bởi những khoảng lặng dài.

Tự hỏi anh tôi có thích cả nam lẫn nữ không, hay chỉ mình tôi có cái thói này. Không biết khi chết anh ấy có vẫn còn là trai tân hay không. Nghĩ đến những binh sĩ này, nằm với nhau, sợ sệt, sống động; lạnh lẽo, đã chết. Dọn dẹp bia mộ của B. W. Froames rồi đi ra cổng. Thế đấy, nhiệm vụ của tôi vốn đã lường trước là công cốc mà. Người thu tiền đang ngồi vờn ngón tay, chẳng nói gì. Morty Dhondt đến đón tôi đúng boong giờ và chúng tôi lại lăn bánh trở về với văn minh nhân loại, ha.

Băng qua một nơi gọi là Poelkappelle hay đại loại thế, xuôi một đại lộ giữa hai hàng cây du kéo dài bất tận. Dhondt chọn đường thẳng này để đẩy chiếc Bugatti đi nhanh hết tốc lực. Những cây du riêng lẻ nhòe nhoẹt hòa vào nhau thành một cây duy nhất lặp đi lặp lại đến vô tận, như con vụ. Đầu nhọn của con vụ đang quay ở tốc độ tối đa thì một hình thù trông như một mù diên chạy ra trước mặt chúng tôi – bà ta đập vào kính chắn gió rồi lăn lông lốc qua phía trên đầu chúng tôi. Tim đập như súng nổ, tôi thề! Dhondt phanh xe, con đường nghiêng bên này ngã bên kia, lớp xe gào thét và đốt cháy không khí bằng cao su nóng. Chúng tôi đã cạn hết vô tận rồi. Răng tôi cắn ngập lưỡi. Nếu phanh xong chiếc Bugatti không tiếp tục trôi dọc theo con đường, thì chúng tôi đã chấm dứt chuyến đi – nếu không muốn nói là mạng sống của mình – trong tư thế ôm cây du rồi. Chiếc xe

cày nát mặt đường trước khi dừng lại. Dhondt và tôi nhảy ra rồi chạy ngược lại – và thấy một con gà lôi khổng lồ, đang đập loạn xạ đôi cánh gãy. Dhondt buông một lời nguyên rủa phức tạp bằng tiếng Sanskrit hay gì đấy, rồi chốt bằng một tiếng *ha!* nhẹ nhõm vì đã không gây thiệt mạng cho người nào đó, nhưng tiếng *ha!* cũng thể hiện sự mất tinh thần vì đã giết một cái gì đó. Mất hết khả năng nói chuyện, tôi dùng khăn mùi soa thấm máu trên lưỡi. Đề nghị giúp con vật tội nghiệp chấm dứt khổ đau. Dhondt trả lời bằng một câu thành ngữ có vẻ cố ý làm cho ngu ngốc: “Với những món đã định sẽ lên mâm, nước xốt không phải là mối bận tâm.” Ông ta quay về cố gắng vờ về chiếc Bugatti sống lại. Không hiểu được ý nghĩa câu nói, nhưng vẫn tiến đến con gà lôi, khiến nó càng đập cánh tuyệt vọng hơn. Những chiếc lông ứ trước ngực nó đã thấm máu trộn lẫn với phân. Nó khóc, Sixsmith ạ, hết như một đứa bé hai ngày tuổi. Ước gì tôi có một khẩu súng. Bên vệ đường có một hòn đá to bằng nắm tay. Tôi nện nó xuống đầu con gà lôi. Không dễ chịu – không hề giống việc bắn một con chim, không giống chút nào.

Lau sạch máu, dùng lá cây chút chút hái từ vệ đường. Dhondt đã làm cho chiếc xe chạy lại, tôi nhảy lên và chúng tôi lái xe đến ngôi làng gần nhất. Một nơi, theo như tôi hiểu, không có tên, nhưng có một quán cà phê kiêm garage kiêm công ty mai táng thậm hại được chia sẻ bởi một nhóm người địa phương kiêm lời và bầy ruồi muỗi bay lượn trong không khí như những thiên sứ thần chết phê thuốc. Cú phanh mạnh đã làm lệch trục bánh xe trước chiếc Bugatti, vì thế M.D. nghỉ lại đây để sửa chữa. Chúng tôi ngồi ngoài trời ở rìa một “quảng trường”, trong thực tế là một cái ao đầy bùn sỏi với một bệ tượng mọc lên ngay giữa rốn, người được dựng tượng từ lâu đã bị đùn chảy để làm đạn. Vài đứa trẻ cáu bẳn đuổi bắt một con gà mái béo duy nhất ở vùng đồng quê này qua quảng trường – nó bay lên bệ tượng. Bọn trẻ bắt đầu ném đá vào con vật. Thắc mắc ai là chủ của con gà. Tôi hỏi ông chủ quầy bar trước đây ai đã đứng trên bệ tượng ấy. Ông ta không biết, ông ta ra đời ở miền nam. Ly của tôi rất bẩn, vì thế tôi bảo ông ta thay ly khác. Ông ta phật ý và thế là ít nói hẳn từ lúc đấy trở đi.

M.D. hỏi thăm tôi về chuyến đi viếng nghĩa trang Zonnebeke. Không trả lời hẳn hoi. Con gà lôi nham nhở máu me cứ hiện ra trước mắt tôi. Hỏi

M.D. đã trải qua chiến tranh ở đâu. “Ồ, cậu biết đấy, đi làm ăn mà.” Ở Bruges ư? tôi hỏi, ngạc nhiên, khó mà hình dung một thương gia kim cương người Bỉ lại có thể ăn nên làm ra dưới sự chiếm đóng của Hoàng đế Đức. “Chúa ơi, không phải,” M.D. đáp, “Johannesburg. Bà nhà và tôi rời khỏi đây trong thời gian đó.” Tôi khen cho tầm nhìn xa của ông ta. Ông ta giải thích, một cách khiêm tốn, “Các cuộc chiến tranh không bao giờ đột ngột nổ ra mà không có một cảnh báo nào. Chúng bắt đầu từ những đám cháy nhỏ ở đường chân trời. Chiến tranh đến gần. Một người thông thái nhìn thấy khói và chuẩn bị sơ tán khu mình ở, giống như Ayrts và Jocasta vậy. Cái tôi lo là cuộc chiến tiếp theo sẽ rất lớn, sẽ chẳng còn sót lại nơi nào có một nhà hàng tử tế nữa cả.”

Ông ta chắc chắn một cuộc chiến khác sẽ đến?

“*Luôn luôn* có một cuộc chiến khác sắp đến, Robert ạ. Chúng không bao giờ bị dập tắt hẳn. Cái gì làm chiến tranh bùng phát? Ý chí cầm quyền, cốt lõi của bản chất con người. Mối đe dọa bạo lực, nỗi lo sợ bạo lực, hay chính bạo lực, là công cụ của ý chí đáng sợ này. Cậu có thể thấy ý chí cầm quyền trong phòng ngủ, nhà bếp, xí nghiệp, liên đoàn và biên giới của các quốc gia. Hãy lắng nghe điều này và ghi nhớ. Nhà nước toàn quyền chỉ thuần túy là bản chất con người bị thổi phồng lên ở cấp độ khổng lồ. Do đó, nhà nước là những chủ thể mà luật pháp được viết ra bởi bạo lực. Nó đã là như thế, và sẽ mãi là như thế. Robert ạ, chiến tranh là một trong hai bạn đồng hành vĩnh cửu của nhân loại.”

Vậy người bạn còn lại là gì, tôi hỏi.

“Kim cương.” Một người hàng thịt khoác chiếc tạp dề dính máu chạy băng qua quảng trường, và bọn trẻ tản hết ra. Giờ đây ông ta phải dụ con gà xuống khỏi bệ tượng.

Còn Hội Quốc Liên? Tất nhiên ngoài chiến tranh các quốc gia đều biết đến luật pháp chứ? Còn ngoại giao thì sao?

“À, ngoại giao,” M.D. đáp, bằng khẩu khí quen thuộc, “nó lau dọn những đổ nát của chiến tranh, hợp thức hóa các kết quả; cho nước mạnh phương tiện để áp đặt ý chí lên nước yếu hơn, trong khi vẫn giữ lại những đội tàu và tiểu đoàn của mình để đối phó với các đối thủ nặng ký hơn. Chỉ những

nhà ngoại giao chuyên nghiệp, những kẻ ngu lâu khó chữa và đàn bà mới xem ngoại giao là sự thay thế dài hạn cho chiến tranh.”

Tôi tranh luận rằng theo quan điểm phản chứng của M.D. thì khoa học tạo ra các phương tiện chiến tranh ngày càng đẫm máu cho đến khi quyền lực hủy diệt lấn át quyền lực sáng tạo và nền văn minh của chúng ta tự đẩy nó đến diệt vong. M.D. tiếp nhận sự phản đối của tôi với một thái độ vui vẻ châm biếm. “Chính xác. Ý chí cầm quyền của chúng ta, khoa học của chúng ta, và chính những khả năng đã nâng chúng ta từ khỉ lên người hoang dã, lên người hiện đại, là những khả năng sẽ bóp chết người hiện đại trước khi thiên niên kỷ này kết thúc! Cậu có thể sẽ còn sống để chứng kiến nó xảy ra, con trai may mắn ạ. Đó sẽ là một đoạn dẫn đến cao trào đầy tính giao hưởng, phải không nào?”

Người hàng thịt đi đến hỏi mượn ông chủ quầy bar một cái thang. Phải dừng bút ở đây. Không mở mắt nổi nữa rồi.

Thân ái,  
R.F.

Sixsmith,

Ngày mai Ayrs có thể đứng dậy được sau hai tuần liền nằm một chỗ. Không muốn trù cho những kẻ thù lớn nhất của mình bị bệnh giang mai. Dù sao cũng chỉ có một, hai kẻ thù như thế. Bệnh giang mai ăn dần ăn mòn rất nhanh, như hoa quả thối rữa trong vườn cây trái. Bác sĩ Egret đến khám hai ngày một lần, nhưng chẳng còn gì nhiều để kê toa ngoài những liều morphine ngày càng lớn. V.A. căm ghét nó vì nó che mờ âm nhạc của lão.

J. hay mắc phải những cơn chán chường. Có đêm, bà ta bám riết lấy tôi như thể tôi là cái phao cứu sinh còn bà ấy thì đang chìm vậ. Cảm thấy tội nghiệp cho người đàn bà này, nhưng tôi chỉ quan tâm đến thân thể bà ta, chứ không phải những vấn đề của bà ta. Đã từng quan tâm. Dành ra hai tuần lễ trong phòng nhạc, chỉnh sửa lại những đoạn nhỏ trong năm nay của tôi thành một “bản lục tấu cho những nhạc công độc diễn chồng lẩn”: piano, clarinet, cello, sáo, kèn oboe và violin, mỗi nhạc cụ dùng một ngôn ngữ âm điệu, thang âm và màu sắc riêng. Trong phần thứ nhất, mỗi bản đơn tấu bị gián đoạn bởi bản tiếp theo: trong phần thứ hai, mỗi phần bị gián đoạn sẽ được tiếp tục, theo thứ tự. Lối ấy có tính cách mạng hay làm bộ màu mè? Sẽ không biết được cho đến khi nào nó hoàn tất, mà đến lúc đó thì đã quá muộn rồi, nhưng bản nhạc là điều đầu tiên tôi nghĩ đến khi tỉnh giấc, và là điều cuối cùng tôi nghĩ đến trước khi ngủ, ngay cả khi có J. cạnh bên. Chắc bà ta hiểu, nghệ sĩ sống trong hai thế giới mà.

*Ngày hôm sau.*

Tranh cãi kịch liệt với V.A. Lão xướng lên một khúc étude trong buổi soạn nhạc sáng nay, nghe nó quen thuộc quá đỗi, sau đó tôi nhận ra đoạn điệp khúc từ chính bản “Thiên thần xứ Mons” của mình! Nếu Ayrs hi vọng là tôi không nhận ra thì lão đã lầm to. Tôi nói thẳng với lão – đây là âm nhạc của tôi. Lão đổi giọng: “Ý cậu là sao, âm nhạc của cậu ư? Frobisher, khi

cậu trưởng thành, cậu sẽ nhận ra rằng tất cả những nhà soạn nhạc đều lấy cảm hứng từ môi trường quanh họ. Cậu là một trong rất nhiều yếu tố trong tác phẩm của tôi, có một mức lương tương xứng, tôi phải nói thêm, được dự những lớp sáng tác nhạc cao cấp mỗi ngày, và trò chuyện với những đầu óc âm nhạc vĩ đại nhất của thời đại.” Ái chà, một người rất khác so với người mà tôi đã đẩy xe đi xuống khu nhà khách vài tuần trước khi lão van nài tôi ở lại đến mùa xuân năm sau. Tôi hỏi lão có ai thay thế được tôi. Bà Willems? Thợ làm vườn? Eva? Nefertiti? “Ồ, tôi tin chắc Ngài Trevor Mackerras có thể ra tay giúp tìm một thằng bé thích hợp cho tôi. Phải, tôi sẽ đăng quảng cáo. Cậu không đặc biệt như cậu tưởng đâu. Bây giờ. Cậu có muốn công việc này hay không?”

Không tìm được cách nào để lấy lại thế trận đã mất nên tôi bỏ đi, than thở là bị đau ngón chân cái. V.A. bắn ra câu cảnh báo này bên hông tôi: “Nếu ngón chân cậu không khỏe hơn vào sáng mai thì đi mà chữa ở London và khỏi quay về đây nữa, Frobisher ạ.” Đôi khi tôi muốn nhóm một đồng lửa thật to rồi ném lão già khốn nạn ấy vào tâm lửa ngục ngục.

*Một tuần sau đó, hoặc gần như thế.*

Vẫn ở đây, J. đến phòng tôi sau đó, tỉ tê về thói tự cao tự đại của Ayrs, rằng lão trân trọng tác phẩm của tôi lắm, về tính nghệ sĩ nóng nảy, v.v., nhưng làm ơn hãy ở lại, nếu không phải vì lão thì cũng vì bà ta. Chấp nhận lá sung kiêu nhàn ô liu đại diện này, ái ân đêm hôm ấy của chúng tôi khá nồng nhiệt. Mùa đông sắp đến, tôi chẳng có hứng thú tham quan châu Âu với số tiền dành dụm khiêm tốn của mình. Sẽ cần gặp một cô nàng thừa kế ngu ngốc, giàu có chứ không phải một cô thông minh nếu tôi bỏ đi lúc này. Có nghĩ ra được ai không? Sẽ gửi một gói hàng khác cho Jansch, để tặng quỹ dự phòng của tôi. Nếu Ayrs không chịu chia phần cho những ý tưởng của tôi được đưa vào “Todtenvogel” – đang công diễn suất thứ hai mươi kể từ sau lễ hội Cracow – thì tôi sẽ phải tự bồi hoàn cho mình thôi. Quyết tâm sẽ phải thận trọng hơn rất nhiều trước khi cho V.A. xem những sáng tác của tôi lần nữa. Anh biết đấy, để một mái nhà che chắn trên đầu phụ thuộc vào sự giúp đỡ của ông chủ là một cách sống đáng ghét. Chỉ có Chúa mới biết giai cấp phục dịch chịu đựng điều đó thế nào. Người hầu kẻ hạ nhà Frobisher có phải suốt đời ngậm đắng nuốt cay như tôi không nhỉ?

Eva trở về sau kỳ nghỉ hè ở Thụy Sĩ. Ái chà, cô gái trẻ này *nói* mình là Eva, và sự giống nhau phải nói là thật kinh ngạc, nhưng con vịt con thò lò nước mũi từng rời khỏi Zedelghem ba tháng trước đã trở về hóa thành con thiên nga duyên dáng tuyệt trần. Nàng giúp đỡ mẹ, lau mi mắt cho bố bằng vải len bông ngâm nước lạnh và đọc truyện của Flaubert cho lão nghe nhiều giờ liền, nàng lịch thiệp với người hầu, thậm chí nàng còn hỏi thăm tôi về tiến triển của bản lục tấu. Đoan chắc đó là một chiến thuật mới để tống cổ tôi, nhưng sau bảy ngày, tôi bắt đầu nghi ngờ E. đáng ghét có lẽ đã chết và được đem chôn rồi.

V. Ồn, chuyện giữa tôi và E. không dừng lại ở đó, nhưng trước tiên phải đưa ra một số thông tin nền đã. Kể từ khi tôi đến Neerbeke, “chủ nhà” của Eva ở Bruges, phu nhân van de Velde, đã thường xuyên nhắc cả E. & J. cho tôi đến thăm nhà họ, để năm cô con gái của bà – bạn cùng trường với E. – có thể thực hành tiếng Anh với một quý ông người Anh chính hiệu. Bà van de Velde, chắc anh còn nhớ, được cho là chủ nhân của Minnewater Gardens nhưng hóa ra là chủ một cơ sở sản xuất đạn dược và người có vai vế trong xã hội v.v. Bà van de Velde là loại đàn bà dai như đĩa, tham vọng của bà ta không thể bị dập tắt bằng câu “Lúc này anh ấy r. bận.” Thật ra, tôi nghi ngờ J. dàn xếp *chuyện đã rồi* nọ vì ghen ăn tức ở – khi cô con gái hóa thành thiên nga, và người mẹ trở thành con quạ già khó tính.

Hôm nay là ngày được chỉ định để tôi ăn tối ở nhà van d. V. – năm đứa con gái cách đều nhau cộng thêm Mẹ và Bố. Cần một bộ dây mới cho đàn cello, và sẽ chẳng phương hại gì cho Ayrs để thấy lão vô dụng ra sao khi không có tôi, nên tôi đã làm vẻ mặt can đảm và hi vọng nhà v.d.V. tuyển một đầu bếp tương xứng với thu nhập của một chủ nhà máy. Thế là đúng mười một giờ, xe của van de Velde – một chiếc Mercedes-Benz màu bạc, cảm ơn rất nhiều – trờ đến Zedelghem và tài xế, một người tuyệt đổ mồ hôi như tắm, không có cổ và không nói tiếng Pháp, chở E. và tôi quay trở lại Bruges. Trước đây, chúng tôi sẽ ngồi xe im thin thít, nhưng lần này tôi nhận ra mình đang kể với E. đôi chút về những ngày ở Cambridge. E. cảnh báo tôi rằng tiểu thư lớn nhất nhà van de Velde, Marie-Louise, đã quyết tâm lấy một người Anh bằng mọi giá, vì thế tôi phải hết sức lưu ý bảo vệ sự trong trắng của mình.

Anh có thích lời dặn dò ấy không nào?

Ở ngôi nhà phố của van de Velde, các cô gái được sắp xếp đứng trên cầu thang để đón tôi theo thứ tự tuổi tăng dần – có phần mong chờ họ sẽ cất tiếng hát, và y như rằng, Sixsmith à, họ làm thế thật. “Greensleeves”, bằng tiếng Anh. Ngọt lừ như kẹo bạc hà vậy. Sau đó phu nhân v.d.V. véo má tôi như thể tôi là một đứa bỏ nhà đi nay trở về, rồi nói, vẻ nghiêm nghị, “Cậu khỏe *khôngggg?*” Được dẫn vào “phòng tiếp khách” – một cái nhà trẻ - và đặt ngồi xuống “ghế thăm vấn”, một hộp đồ chơi. Các cô con gái v.d.V., một con rắn với những cái đầu mang tên Marie-Louise, Stephanie, Zenobe, Alphonsine và tôi quên tên đứa cuối cùng rồi, có tuổi từ chín đến Marie-Louise, lớn hơn E. một tuổi. Tất cả các cô gái đều sở hữu một sự tự tin tuyệt đối khó lý giải. Một cái sofa r. dài thụng xuống dưới sức nặng của gia đình béo tốt này. Người phục vụ bê nước chanh vào khi phu nhân bắt đầu các câu hỏi. “Eva kể với chúng tôi rằng gia đình anh có giềng mối mật thiết với xứ Cambridge, phải không anh Frobisher?” Liếc về phía Eva; nàng làm ra vẻ rất chăm chú. Che giấu nụ cười rồi thú nhận rằng gia đình tôi có tên trong Sổ Điền Thổ còn ông bà là một giáo sĩ nhà thờ. Mọi nỗ lực chuyển chủ đề ra khỏi tình trạng tư cách của tôi đều bị chặn đứng, và sau mười lăm phút Marie-Louise mắt bọ đã cảm nhận được sự chấp thuận của mẹ và yên chí tôi sẽ là Hoàng tử trong mơ của cô ta. Cô ta hỏi: “Anh Frobisher, anh có quen Sherlock Holmes ở Phố Baker không?” Tôi thầm nghĩ, ô hay, ngày hôm đó cũng không hẳn là một sự thất bại nhỉ. Một cô gái có khiếu hài hước hẳn phải ẩn chứa một chút sâu sắc chứ. Nhưng Marie-Louise rất nghiêm túc! Một bình hoa di động.

Không, tôi đáp, tôi không quen biết ông Holmes với tư cách cá nhân nhưng người ta vẫn bắt gặp ông ta và David Copperfield chơi billiards ở câu lạc bộ của tôi vào thứ Tư hằng tuần.

Bữa trưa được dọn trên đồ sành Dresden tinh tế trong phòng ăn với một bản tranh chép *Bữa ăn cuối cùng* rất to treo trên nền giấy hoa dán tường. Thức ăn là một sự thất vọng. Cá hồi khô đét, rau hấp đến nhão nhoét, bánh gatô quá tầm thường; ngỡ như tôi đang quay về ăn tối ở London vậy. Bọn con gái cười khúc khích mỗi khi tôi nói sai tiếng Pháp – trong khi đó tiếng Anh của họ thì làm lòng bùng lỗ tai tôi. Phu nhân v.d.V., cũng đi nghỉ hè ở

Thụy Sĩ, chuyên thuyên kể chuyện Marie-Louise được nữ bá tước xứ Slack-Jawsky hoặc nữ công tước xứ Sumdumpstadt tán dương ở Berne là “Bông hoa của dãy Alps”. Thậm chí không nói nổi một câu tử tế “Comme c’est charmant!” (Thật là duyên dáng!”)

Ông v.d.V. trở về từ công sở. Hỏi cả trăm câu về môn cricket để mua vui cho những cô con gái với luật chơi kỳ lạ của người Anh “Ở trong thì bị loại ra” còn “Bên ngoài thì lại chạy vào”. Một lão mắc bệnh thích khoe chữ nặng, quá bận rộn chuẩn bị cho lần ngắt lời thô lỗ tiếp theo đến nỗi lão không bao giờ lắng nghe cho tử tế. Tự dành cho mình những lời khen không che đậy, bắt đầu bằng “Cứ gọi tôi là người cổ điển đi, nhưng...” hoặc “Một vài người cho tôi là kẻ hợm hĩnh nhưng...” Eva nhăn nhó nhìn tôi. Ánh mắt nàng nói, “Cứ nghĩ đến chuyện anh đã thật lòng nghĩ rằng lão gốc *này* là mối đe dọa cho thanh danh của tôi!”

Sau bữa trưa, mặt trời ló dạng và phu nhân v.d.V. tuyên bố chúng tôi sẽ cùng nhau đi dạo để đưa vị khách danh dự đi thăm thú Bruges. Cố nói tôi đã làm phiền đến sự hiếu khách của họ đủ rồi, nhưng không thoát dễ như vậy được. Đại Trưởng Tộc xin thứ lỗi – phải ký một đồng giấy tờ cao bằng núi Matterhorn. Cầu cho lão bị tuyết lở đè chết. Sau khi người hầu đã đội mũ, đeo găng tay cho các cô con gái, xe ngựa được gọi đến và tôi được đưa đi vòng quanh hết nhà thờ này đến nhà thờ khác. Như già Kilvert kính yêu đã nói, không gì mệt mỏi hơn bị người khác bảo phải ngưỡng mộ cái gì, và bị người khác dùng gậy chỉ trở nơi này nơi kia. Chả nhớ nổi tên của địa danh nào cả. Đến điểm cuối lịch trình, tháp đồng hồ lớn, hàm tôi đã quá đau vì bao nhiêu cái ngáp phải kiềm nén. Phu nhân van de Velde nheo mắt nhìn ngọn tháp rồi tuyên bố bà ta sẽ để cho bọn trẻ chúng tôi tự leo lên đấy, bà sẽ đợi ở hiệu bánh đối diện quảng trường. Marie-Louise, có trọng lượng vượt cả mẹ, nhận xét rằng phận nữ không nên để cho mẹ đợi một mình. Người Thông Minh không đi vì bị hen suyễn, và nếu Người Thông Minh không đi v.v. & v.v., cho đến cuối cùng chỉ còn lại Eva và tôi mua vé đi lên. Tôi trả tiền, để chứng tỏ tôi không trách nàng vì đã gây lãng phí khủng khiếp một ngày của tôi. Đi lên trước. Cầu thang hình xoắn ốc càng lên cao càng hẹp dần. Một sợi dây thừng luôn qua những vòng sắt gắn vào tường ở chiều cao tay vịn. Chân khó tìm được điểm tựa. Nguồn ánh

sáng duy nhất là lác đác vài khung cửa sổ hẹp. Tiếng động duy nhất là tiếng bước chân của chúng tôi và hơi thở nữ tính của E., khiến tôi nhớ đến những dạ khúc với mẹ nàng. Nhà van de Velde là năm khúc *allegretti* bằng đàn clavico lạc nhịp và tai tôi reo ca biết ơn vì được thoát khỏi bọn họ. Quên đếm số bậc thang, tôi nói thành lời suy nghĩ của mình. Giọng tôi nghe như bị nhốt trong một tủ đựng chần. Eva ban cho tôi một tiếng “*Oui...*” (*Vâng...*) lười nhác.

Bước lên một căn phòng thoáng đãng chứa những bánh răng to bằng xe thô của cỗ máy đồng hồ. Dây thừng và dây cáp biến mất trên trần nhà. Một người đang ngủ ngon lành trên chiếc ghế xếp. Gã có nhiệm vụ kiểm tra vé của chúng tôi - ở xứ Âu lục địa lúc nào người ta cũng phải xuất trình vé – nhưng chúng tôi đã lén băng qua lão để đi lên cầu thang gỗ cuối cùng đến vọng lâu.

Bruges tam sắc trải ra, xa tít phía dưới: màu cam mái ngói; màu xám tường đá; màu nâu kênh đào. Ngựa, xe, người đạp xe, một đoàn rồng rắn lễ sinh, những mái nhà như mũ phù thủy, quần áo treo trên dây dọc đường. Tìm Ostende, đã thấy nó. Dải Biển Bắc dưới ánh nắng biến thành màu xanh biếc Polynesian. Bọn mòng biển bay lượn trên sóng, tôi hoa hết cả mắt vì dõi theo chúng và nghĩ đến những con mòng biển của Ewing. Eva kêu lên rằng nàng đã nhìn thấy nhà van de Velde. Cho rằng đây là nhận xét của nàng về sự phì nhiêu của họ, nhưng nhìn theo tay nàng chỉ và quả thật, sáu quả bóng nhỏ màu phấn quanh một chiếc bàn cà phê. E. xếp vé thành máy bay giấy rồi ném qua lan can. Gió đưa nó bay lên cao cho đến khi mặt trời thiêu rụi. Nàng sẽ làm gì nếu gã soát vé tỉnh dậy và đòi xem vé? “Tôi sẽ khóc và nói tên người Anh đáng ghét đã ăn cắp vé của tôi.” Vì vậy tôi cũng xếp vé thành máy bay giấy, nói với E. rằng nàng không còn bằng chứng nữa rồi ném đi. Thay vì bay vút lên cao, máy bay của tôi rơi xuống mất hút trong tích tắc. Tính cách của E. tùy thuộc vào góc độ người nhìn, một màu trắng đục khó phân biệt. “Anh biết không, tôi chưa từng thấy bố mãi nguyện và yêu đời như lúc này,” nàng nói.

Gia đình v.d.V. đáng sợ đã tạo ra sự thân thiết này. Hỏi thẳng nàng chuyện gì đã xảy ra ở Thụy Sĩ. Có phải nàng đã yêu, đã làm việc trong một nhà tế bần, đã có một cuộc gặp gỡ bí ẩn trong một hang đá phủ tuyết?

Nàng bắt đầu nói gì đó vài lần. Cuối cùng, nàng nói (đỏ mặt!), “Tôi đã đem lòng nhớ nhung một người con trai mà tôi gặp hồi tháng Sáu.”

Anh ngạc nhiên chứ? Hãy tưởng tượng cảm giác *của tôi!* Song tôi vẫn là bậc chính nhân quân tử như anh đã biết. Thay vì tán tỉnh lại, tôi nói, “Thế ấn tượng đầu tiên của cô về người con trai này là gì? Không hoàn toàn tiêu cực chứ?”

“Tiêu cực một phần.” Tôi quan sát những giọt mồ hôi của nàng sau khi leo cầu thang, làn môi nàng và những sợi tóc mềm mại trên môi.

“Anh ấy là một người ngoại quốc cao ráo, bí ẩn, điển trai, biết chơi nhạc?”

Nàng khịt mũi. “Anh ấy... cao, đúng; bí ẩn, một chút; điển trai, không hẳn như anh ấy nghĩ, nhưng cứ cho là cũng dễ nhìn; âm nhạc, phi thường; một người ngoại quốc, chính hiệu luôn. Thật kinh ngạc khi anh biết quá nhiều về anh ấy! Anh cũng rình mò anh ấy khi anh ấy đi qua Công viên Minnewater à?” Tôi phải bật cười. Nàng cũng thế. “Robert, tôi cảm thấy...” Nàng liếc nhìn tôi e lệ. “Anh từng trải lắm. À mà, tôi có thể gọi anh là Robert không?”

Tôi nói đã đến lúc nàng gọi như thế.

“Lời lẽ của tôi không... hoàn toàn phù hợp. Anh có giận không?”

Không, tôi đáp, không. Ngạc nhiên, thích chí, nhưng giận, không hề.

“Tôi đã đối xử đây ác ý với anh. Nhưng hi vọng chúng ta có thể bắt đầu lại lần nữa.” Trả lời, tất nhiên, tôi cũng muốn như thế. “Từ khi còn bé,” E. nói, nhìn lảng đi, “tôi đã nghĩ ban công này là vọng lâu của riêng tôi, như trong truyện *Nghìn lẻ một đêm* ấy. Tôi thường lên đây vào giờ này, sau khi tan học. Tôi là hoàng hậu của Bruges, anh thấy đấy. Dân chúng ở đây là thần dân của tôi. Nhà van de Veldes là những chú hề của tôi. Tôi sẽ chém đầu họ.” Một sinh vật hấp dẫn, nàng thực sự là thế. Máu tôi nóng bừng và nổi lòng thôi thúc dành cho hoàng hậu xứ Bruges một nụ hôn dài.

Chẳng tiến xa hơn, một đám du khách Mỹ trời đánh tràn lên qua khung cửa hẹp. Thật ngốc làm sao, tôi giả vờ như mình không đi cùng Eva. Ngắm cảnh từ phía bên kia, cố gắng thu tóm những sợi rối bời của bản thân. Khi gã soát vé tuyên bố ban công sắp đóng cửa, Eva đã đi tự lúc nào. Thật đúng

là nàng. Một lần nữa lại quên đếm số bậc thang khi đi xuống.

Ở hiệu bánh, Eva đang giúp v.d.V. bé nhất chơi với một con mèo trong nôi. Phu nhân van de Velde dùng quyển thực đơn để quạt mát và ăn món *boule de l'Yser* với Marie-Louise trong khi hai mẹ con bình luận trang phục của khách bộ hành. Eva tránh nhìn vào mắt tôi. Lời nguyện đã bị phá vỡ. Marie-Louise tìm kiếm ánh mắt tôi, con bê tơ với đôi mắt đăm đăm đuổi. Tản bộ về nhà v.d.V., tạ Chúa trên trời, Hendrick đã đợi ở đó với chiếc Cowley. Eva chào tạm biệt tôi ở cửa – ngoái lại để nhìn nụ cười của nàng. Hạnh phúc! Buổi tối thật ấm áp. Suốt đường về Neerbeke, nhìn thấy khuôn mặt Eva, một hai sợi tóc trên mặt nàng, bị gió để quên ở đó. Đừng ghen nhé, Sixsmith. Anh biết cảm giác đó như thế nào mà.

J. đánh hơi được sự thân thiết giữa Eva và tôi và không hề thích điều này chút nào. Tối hôm qua, tôi đã tưởng tượng E. đang ở dưới mình chứ không phải mẹ nàng. Lên đỉnh chỉ vài nhịp sau đó, sớm hơn J. Phụ nữ có phát giác được sự phản bội tưởng tượng không? Tôi hỏi bởi vì, với trực giác kỳ lạ, bà dành cho tôi lời cảnh báo này. “Tôi muốn anh biết điều này, Robert ạ. Nếu anh mà động đến Eva, tôi sẽ phát hiện ra, và tôi sẽ hủy diệt anh.”

“Tôi không nên nghĩ đến chuyện đó,” tôi nói dối.

“Tôi thậm chí không nên tư tưởng đến nó, nếu tôi là anh,” bà ta cảnh báo.

Không thể cứ để như thế. “Thế quái nào mà bà nghĩ tôi bị thu hút trước cô con gái ngang ngạnh, khó ưa của bà chứ?” Bà ta cũng khịt mũi hệt như Eva lúc ở trên vọng lâu.

Thân ái,  
R.F.

Sixsmith,

Sao anh không trả lời thư? Nghe đây, tôi thực lòng biết ơn anh, nhưng nếu anh nghĩ tôi sẽ ngày ngóng đêm mong thư anh xuất hiện, thì e rằng anh đã lầm to rồi đấy. Làm vậy là vô cùng đáng ghét, đáng ghét như ông bố đạo đức giả của tôi vậy. Tôi có thể hủy hoại ông ta. Ông ta đã hủy hoại tôi. Trông chờ đến ngày tận thế là thú giải trí lâu đời nhất của nhân loại mà. Dhondt nói chí phải, tiên sư cha đôi mắt Bỉ của ông ta, tiên sư cha tất cả những đôi mắt Bỉ. Adrian sẽ vẫn còn sống nếu “nước Bỉ nhỏ bé can trường” chưa bao giờ tồn tại. Ai đó nên biến đất nước tí hon này thành một cái hồ khổng lồ rồi ném kẻ sáng lập ra nước Bỉ xuống đó, trói chân hắn vào tượng nữ thần Minerva. Nếu hắn nổi lên thì hắn có tội. Chọc que cời nóng xuyên cặp mắt trời đánh của bố tôi! Hãy kể tên một người. Làm đi, hãy kể cho tôi tên chỉ *một* người Bỉ nổi tiếng xem nào. Ông ta có nhiều tiền hơn cả Rothschild, nhưng ông ta có chịu nhả cho tôi một xu nào không? Đáng thương, thật là đáng thương. Thật Thiên Chúa Giáo làm sao khi từ tôi mà không cho tôi được lấy một đồng? Chết chìm là còn quá tốt với ông ta đấy. Dhondt nói đúng, tôi e là thế. Các cuộc chiến không bao giờ được chữa lành, chúng chỉ thuyên giảm trong vài năm mà thôi. Tận thế là điều mà chúng ta muốn, vì vậy tôi e rằng Tận thế chính là thứ chúng ta sẽ nhận được. Đấy. Biến nó thành âm nhạc đi. Trống lục lạc, chũm chọe và một triệu chiếc kèn trumpet, *nếu* anh đủ tử tế để làm. Trả lại cho lão già khốn nạn bằng chính âm nhạc của tôi.

Giết tôi đi.

Thân ái,  
R.F.

Sixsmith,

Eva. Vì tên nàng đồng nghĩa với cám dỗ: còn gì tiến gần đến gần cốt lõi của con người hơn? Vì tâm hồn nàng boi trong đôi mắt nàng. Vì tôi mơ thấy mình chui qua lớp màn nhung đến phòng nàng, mở cửa vào, ngân nga cho nàng một giai điệu rất – rất – *rất đôi* dịu êm, khiến nàng đứng bằng đôi chân trần trên chân tôi, áp tai vào tim tôi và chúng tôi nhảy điệu waltz như người rối dây. Sau đó chúng tôi hôn nhau, nàng nói, “Vous embrassez comme un poisson rouge!” và trong những tấm gương sáng ánh trăng, chúng tôi chìm đắm yêu đương với tuổi trẻ và nhan sắc của mình. Vì trong suốt đời tôi, những người phụ nữ tinh tế, ngốc nghếch đã tự cho họ cái quyền *hiểu* tôi, *chữa trị* cho tôi, nhưng Eva biết tôi là *vùng đất hoang*, và nàng khám phá tôi không vội vã, như anh đã từng. Vì nàng sẵn chắc như một người con trai. Vì nàng mang mùi hương hạnh nhân, mùi cỏ non. Vì nếu tôi mỉm cười trước tham vọng của nàng trở thành một nhà Ai Cập học, nàng sẽ kín đáo đá vào ống quyển tôi dưới bàn. Vì nàng khiến tôi nghĩ về một điều gì đó khác ngoài bản thân mình. Vì ngay cả lúc nghiêm nghị nàng vẫn tỏa sáng. Vì nàng thích những buổi chiếu phim du thám hơn Ngài Walter Scott, thích Billy Mayerl hơn Mozart và không phân biệt được cung Đô trưởng với Cảnh sát trưởng. Vì *tôi*, chỉ có *tôi*, mới nhìn nụ cười của nàng thoáng trước khi nó hiện ra trên khuôn mặt nàng. Vì Hoàng đế Robert không phải là người tốt – phần tốt nhất của hắn đã được trưng dụng cho âm nhạc chưa biểu diễn của hắn mất rồi – nhưng nàng vẫn ban cho tôi nụ cười hiếm hoi nhất của mình. Vì chúng tôi lắng nghe tiếng chim cú muỗi. Vì tiếng cười phun trào ra từ cái lỗ phun trên đầu nàng và bắn tung tóe khắp buổi sáng. Vì một người đàn ông như tôi chẳng biết làm gì với “nhan sắc” vật chất này, nhưng nàng vẫn ở đây, trong những ngăn cách âm của trái tim tôi.

Thân ái,  
R.F.



Sixsmith,

Ly dị. Mọi chuyện r. phức tạp nhưng Ayrs và tôi đã kết thúc chỉ trong một ngày. Mới sáng hôm qua chúng tôi còn làm việc cho phần hai bản nhạc thiên nga tham vọng của lão. Lão thông báo một cách tiếp cận mới cho tác phẩm của chúng tôi. “Frobisher, hôm nay tôi muốn cậu nghĩ ra vài chủ đề cho phần nhạc *Severo* của tôi. Một cái gì đó như là đêm trước chiến tranh, cung Mi thứ. Khi nào cậu có được thứ gì đó hợp nhãn rồi, tôi sẽ phát triển tiềm năng của nó lên. Hiểu chưa?”

Tôi đã hiểu. Nhưng không thích điều đó, không một chút nào. Công trình nghiên cứu khoa học thì có đồng tác giả, đúng, và một nhà soạn nhạc có thể hợp tác với một nhạc sĩ trình độ cao để khám phá những biên giới có thể thử nghiệm – như Elgar và W. H. Reed – nhưng một tác phẩm giao hưởng có đồng tác giả? Một ý tưởng r. đáng hoài nghi, tôi nói luôn với V.A. như thế chẳng ngại ngần. Lão tặc lưỡi. “Tôi có nói ‘đồng sáng tác’ đâu, chàng trai. Cậu thu thập những nguyên liệu thô, tôi tinh chế nó đến khi nào thấy phù hợp.” Điều này khó mà khiến tôi an tâm. Lão mắng mỏ: “Tất cả những vĩ nhân đều để người học việc làm thay. Nếu không thì làm sao một người như Bach có thể để ra hàng đồng bài mới mỗi tuần như thế?”

Lần cuối cùng tôi xem lịch thì chúng ta đang ở thế kỷ hai mươi đấy, tôi đáp trả. Khán giả trả tiền để nghe nhà soạn nhạc mà tên tuổi được ghi trên tờ giới thiệu chương trình. Họ không trả tiền cho Vyvyan Ayrs chỉ để được nghe Robert Frobisher. V.A. nổi đóa. “Họ sẽ không ‘tìm nghe’ cậu! Họ sẽ tìm nghe tôi! Cậu không lắng nghe, Frobisher ạ. Cậu làm những việc thô sơ, tôi phối nhạc, tôi sắp xếp, tôi đánh bóng.”

“Công việc thô sơ như ‘Thiên thần xứ Mons’ của tôi, bị cướp trắng trợn cho bản *Adagio* trong tượng đài vinh quang cuối cùng của Ayrs ư? Muốn mặc cái áo nào cho thói đạo nhạc cũng được, nó vẫn là đạo nhạc mà thôi.” “Đạo nhạc?” Ayrs thấp giọng nhưng các đốt ngón tay trên cây gậy của lão

đã trắng bệch. “Lúc trước – khi cậu còn biết ơn sự dạy dỗ của tôi – cậu đã gọi tôi là một trong những nhà soạn nhạc châu Âu đương thời vĩ đại nhất. Đồng nghĩa với toàn thế giới. Tại sao một nghệ sĩ như thế lại đi ‘đạo’ bất kỳ thứ gì từ một kẻ sao chép mà, để tôi nhắc cho cậu nhớ, còn chưa lấy được bằng cử nhân ở học kỳ cuối? Cậu chưa đủ ham muốn đâu, chàng trai ạ, đó là rắc rối của cậu. Cậu là Mendelssohn học đòi làm Mozart thôi.”

Tiền cược vọt lên như lạm phát ở Đức, nhưng tôi tuyệt đối không thể hạ mình trước sức ép: – tôi đào sâu. “Tôi sẽ cho ông biết vì sao ông cần ăn cắp nhạc! Vì ông đã vô sinh với âm nhạc rồi!” Những khoảnh khắc tuyệt nhất trong “Todtenvogel” là của tôi, tôi nói với lão. Tôi không đến Bỉ để làm chân sai vặt cho lão.

Con rồng già thở ra khói. Mười nhịp im lặng quãng 6/8. Lão dụi tắt điếu thuốc. “Thói hèn mạt của cậu không đáng phải được xử lý nghiêm túc. Kỳ thực nó đáng khiến cho cậu bị đui cổ, nhưng như thế là hành động nông nổi. Thay vì vậy, tôi muốn cậu suy nghĩ. Hãy nghĩ đến danh dự.” Ayrs trải từng từ ra. “Danh dự là tất cả. Danh dự của tôi, trừ thời trai trẻ bông bột khiến tôi mắc bệnh giang mai, thì còn lâu cậu mới đụng đến được. Còn danh dự của cậu, người bạn bị tước quyền thừa kế, bài bạc, phá sản của tôi, thì đã hết hạn rồi. Hãy rời khỏi Zedelghem bất cứ khi nào cậu muốn. Nhưng hãy nhớ. Ra đi mà không có sự chấp thuận của tôi thì toàn xã hội âm nhạc ở phía tây dãy Urals, phía đông Lisbon, phía bắc Naples và phía nam Helsinki sẽ biết một kẻ vô lại tên là Robert Frobisher ăn nằm với vợ của lão Vyvyan Ayrs mù, người vợ yêu dấu của lão, phải, Mevrouw Crommelynck bị bỏ bùa mê. Bà ta sẽ không phủ nhận chuyện đó. Hãy tưởng tượng xì căng đan này! Sau tất cả những gì Ayrs đã làm cho Frobisher,... ái chà, không ông chủ giàu có nào, không ông chủ *nghèo mạt rệp* nào, không nhà tổ chức lễ hội nào, không hội đồng quản trị nào, không phụ huynh của Lucy Cừ non Bé bỏng muốn học piano nào, còn muốn dính líu gì đến cậu nữa.”

Vậy là V.A. đã biết. Từ nhiều tuần nay, có thể là nhiều tháng rồi. Bị chặn hết đường. Làm trầm trọng thêm sự bất lực của mình khi gọi Ayrs bằng những cái tên r. thô tục. “Ôi, những lời nịnh hót!” lão mĩa mai. “Nửa đi, nhà soạn nhạc đại tài!” Ngăn mình không nện thi thể mang bệnh giang mai

cho chết sớm bằng cây kèn bassoon. Nhưng *không* ngăn mình rít lên rằng nếu Ayrs làm một ông chồng tốt bằng một nửa khi sấm vai kẻ bóc lột và ăn cắp ý tưởng người khác thì vợ lão có thể sẽ không than phiền nhiều đến thế. Nhắc đến mới nhớ, tôi nói thêm, chiến dịch bôi nhọ danh dự tôi sẽ có độ tin cậy bao nhiêu khi xã hội châu Âu biết được trong cuộc sống riêng tư, Jocasta Crommelynck là loại đàn bà như thế nào?

Chẳng may làm lão suy suyển. “Người ngốc lắm, Frobisher ạ. Vô số cuộc vụng trộm của Jocasta đều rất kín đáo, luôn luôn như thế. Bất kỳ tầng lớp trên nào trong xã hội cũng đầy rẫy những chuyện phi đạo đức, người nghĩ họ còn cách nào khác để giữ quyền lực của mình? Thanh danh là ông vua của thế giới *công cộng*, không phải *riêng tư*. Nó bị hạ bệ bởi những hành động *công khai*. Bị tước quyền thừa kế. Bỏ trốn khỏi những khách sạn nổi tiếng. Không trả được những khoản tiền thiếu của các chủ nợ thuộc tầng lớp quý tộc nhỏ tìm đến khi hết đường xoay xở. Jocasta đã được ta đồng ý khi bà ta quyến rũ người, đồ ba hoa hợm hĩnh. Ta lệnh cho người phải hoàn tất ‘Todtenvogel’. Người cứ tưởng mình đào hoa lắm, nhưng giữa Jocasta và ta có những tình cảm mà người *còn lâu* mới hình dung được. Bà ta sẽ bỏ người *ngay khi* người đe dọa chúng ta. Người sẽ thấy. Không, hãy đi đi và quay lại vào ngày mai khi đã làm xong bài tập. Chúng ta sẽ giả vờ như con làm mình làm mẩy của người chưa bao giờ xảy ra.”

Chỉ còn cách phục tùng. Cần phải suy nghĩ.

J. hẳn đã đóng một vai trò lớn trong việc điều tra lai lịch gần đây của tôi. Hendrick không biết tiếng Anh, còn V.A. thì không thể tự tìm kiếm thông tin được. Hẳn là bà ta thích những kẻ mờ ám – lý giải tại sao bà ta lấy Ayrs. E. đứng ở đâu trong toàn bộ chuyện này tôi không thể đoán được, vì hôm qua là thứ Tư nên nàng đi học ở Bruges rồi. Eva không thể biết về chuyện vụng trộm của tôi với mẹ nàng mà vẫn thể hiện những dấu hiệu tình cảm với tôi như vậy. Chắc không?

Buổi chiều dành thời gian đi băng qua những cánh đồng hoang vắng trong tâm trạng phần nộ cô đơn. Tránh một trận mưa đá bằng cách nấp ở vòm cổng của một nhà nguyện từng bị dội bom. Nghĩ về E., nghĩ về E., nghĩ về E. Chỉ có hai điều rõ ràng: - treo cổ trên cột cờ Zedelghem nghe có lý hơn là để cho lão chủ nhà sâu bọ của nó ăn cắp tài năng của tôi thêm một ngày

nữ; và không bao giờ được gặp lại E. là điều không thể tưởng tượng nổi. “Tất cả đều sẽ kết thúc trong nước mắt, Frobisher à!” Phải, có thể, những lần chạy trốn đều kết thúc trong nước mắt, nhưng tôi yêu nàng, tôi thực sự yêu nàng, như vậy đấy.

Trở về lâu đài trước khi trời tối, ăn món thịt nguội lạnh trong nhà bếp của bà Willem. Hay tin J. và sự mon trốn chết người của bà ta đang ở Brussels để lo chuyện kinh doanh địa ốc và sẽ không trở về đêm hôm đó. Hendrick nói với tôi rằng V.A. đã lui về phòng từ sớm với chiếc radio kèm lời dặn dò không được quấy rầy. Hoàn hảo. Ngâm mình trong bồn tắm thật lâu rồi viết những dòng gam trầm hòa quyện. Những cuộc khủng hoảng thường khiến tôi trốn chạy vào âm nhạc, nơi không thứ gì có thể làm hại tôi. Tôi cũng lui về phòng sớm, khóa cửa, rồi thu dọn vali.

Sáng nay tỉnh dậy lúc bốn giờ. Bên ngoài sương mù lạnh cóng. Muốn đến chào V.A. lần cuối. Chân chỉ đi tất, tôi nhẹ nhàng bước trên hành lang lạnh lẽo đến cửa phòng Ayr's. Run rẩy, mở nhẹ cửa, cố hết sức để không tạo ra tiếng động dù nhỏ nhất – Hendrick ngủ ở phòng cạnh bên. Đèn đã tắt, nhưng trong ánh sáng vàng cam của lò sưởi tôi thấy Ayr's, nằm duỗi thẳng như xác ướp trong Bảo tàng Anh. Căn phòng bốc mùi thuốc đắng. Rón rén đi đến tủ hồ sơ cạnh giường lão. Các ngăn kéo rất cứng, khi tôi giật mở ra, một lọ ether trên đầu tủ bị ngã – may mà chụp kịp. Khẩu súng Luger phôi trưng của V.A. nằm lù lù một đống trong lớp da dê, gói lại trong một chiếc áo lưới, cạnh một đĩa đạn. Chúng kêu lanh canh. Hộp sọ mỏng manh của Ayr's cách đây chỉ vài centimet, nhưng lão không thức dậy. Lão thờ khò khè như một chiếc đàn thùng cũ kỹ ọp ẹp. Cảm thấy thôi thúc phải ăn cắp một nắm đạn, nên tôi làm luôn.

Một mạch máu xanh đập trên trái khế của Ayr's, tôi cưỡng lại cơn thôi thúc mãnh liệt khó lý giải muốn rạch toạc nó ra bằng con dao nhíp của mình. Thật dại dột. Cảnh này không quen thuộc, xa lạ chưa từng trải thì đúng hơn. Giết người, một trải nghiệm đến với rất ít người sống ngoài thời chiến. Giết người có âm sắc gì? Đừng lo, tôi không phải đang viết lời thú tội giết người cho anh đâu. Viết tiếp bản lục tấu trong lúc trốn chui trốn nhủi thật quá rắc rối, mà chấm dứt sự nghiệp với hình ảnh nhảy loi choi khi mặc đồ lót dính đất thì không đáng mặt anh hào cho lắm. Tệ hơn nữa là,

giết bố của Eva một cách lạnh lùng có thể dập tắt những tình cảm nàng dành cho tôi. V.A. vẫn ngủ say như chết, chẳng hay biết gì về tất cả những chuyện này, thế là tôi nhét khẩu súng của lão vào túi. Tôi đã ăn cắp đạn rồi, vì thế lấy luôn khẩu Luger cũng là điều hợp lý. Khẩu súng nặng đến khó hiểu. Nó phát ra một nốt trầm trên đùi tôi: nó đã giết người, chắc chắn rồi; cậu bé Luger này đã bước ra giang hồ. Mà tại sao tôi lại lấy nó theo? Không thể nói cho anh biết. Nhưng thử đặt họng súng lên màng tai, anh sẽ nghe thấy cuộc sống theo một cách khác.

Chuyến dừng chân cuối cùng là căn phòng trống của Eva. Nằm lên giường nàng, vuốt ve quần áo nàng, anh biết khi chia tay tôi trở nên suốt mướt thế nào mà. Để lại lá thư ngắn nhất trong đời trên bàn trang điểm của nàng; “Hoàng hậu xứ Bruges. Vọng lâu của nàng, thời gian của nàng.” Trở về phòng. Chia tay triu mến chiếc giường có bốn cọc, kéo cánh cửa sổ trượt cứng đầu lên rồi thực hiện chuyến bỏ trốn của mình trên mái nhà băng giá. Gọi là chuyến bỏ trốn cũng gần chính xác – một mảnh ngói rơi xuống võ vụn trên lối đi trải sỏi bên dưới. Nằm im cảnh giác, chờ nghe tiếng hét và tiếng còi báo động cất lên, nhưng chẳng ai nghe thấy. Xuống đến mặt đất nhờ cây thủy tùng ngoạn ngoạn, rồi băng qua khu vườn được thảo băng giá, sao cho hàng cây cảnh ngăn giữa tôi và dãy phòng người hầu. Vòng qua phía trước nhà rồi đi xuống con đường Tu sĩ. Gió đông thổi thẳng từ thảo nguyên, rất biết ơn chiếc áo da cừu của Arys. Nghe những cây bạch dương bị đau khớp, những con cú muỗi trong cánh rừng hóa thạch, một con chó điên. Chân chạm lên lớp sỏi đá lạnh băng, mạch hai bên thái dương đập mạnh, có chút buồn thương nữa, cho bản thân, cho năm vừa qua. Đi qua khu nhà trọ cũ, lên đường trở về Bruges. Đã hi vọng có thể đi nhờ trên một chiếc xe tải chở sữa hoặc xe ngựa, nhưng chẳng có chiếc nào xung quanh. Những ngôi sao đang tắt dần trên nền trời trước buổi bình minh băng giá. Vài ngọn nến trong nhà gỗ leo lét, nhắc thấy một khuôn mặt giận dữ trong lò rèn, nhưng con đường tiến về phương bắc chỉ dành riêng cho một mình tôi.

Tôi đã nghĩ như thế, nhưng có tiếng một chiếc xe đang đuổi theo. Không định lẩn trốn, vì vậy tôi dừng lại để đối mặt với nó. Đèn pha chói mắt, chiếc xe chậm lại, động cơ dừng hẳn, và một giọng nói quen thuộc rít

lên với tôi: “Thế mới giờ này mà *cậu* lẳng lẳng đi đâu đấy?”

Phu nhân Dhondt, không phải ai khác, quần trong một chiếc áo choàng da hải cẩu đen. Có phải nhà Ayrns đã phái bà ta ra đây để bắt giữ tên nô lệ chạy trốn? Lúng túng, tôi nói dối như một thằng ngốc,

“À, có một vụ tai nạn!” Nguyễn rửa bản thân vì lời nói dối đường cùng này, vì rõ ràng tôi đang rất sung sức, một mình, đi bộ, tay xách vali và vai đeo túi. “Ôi vận mệnh!” phu nhân Dhondt đáp, với một sự thích thú nghĩa hiệp, điền vào chỗ trống cho tôi. “Bạn hay người nhà?”

Tôi nhìn thấy bè cứu sinh của mình. “Bạn.”

“Bruno đã cảnh báo ông Ayrns đừng mua xe Cowley chính vì lý do này đấy, *cậu* biết chứ! Không thể tin *cậu* được khi có chuyện khẩn. Jocasta ngốc nghếch, sao bà ta không gọi điện cho tôi nhỉ? Lên xe đi! Một con ngựa Ả Rập của tôi mới sinh hai con ngựa con tuyệt vời mới một giờ trước và cả ba đều đang khỏe vô cùng! Tôi đang trên đường về nhà nhưng phấn khích quá đến nỗi không thể chớp mắt, vì vậy tôi sẽ chở *cậu* đến Ostende nếu *cậu* lỡ chuyến ở Bruges. Tôi rất thích đường phố vào giờ này. Thế bạn *cậu* bị tai nạn gì? Cài dây an toàn vào đi, Robert. Đừng bao giờ lo sợ điều xấu nhất cho đến khi nào đã có đủ thông tin.”

Đến Bruges lúc trời vừa sáng nhờ công dụng của vài lời nói dối đơn giản. Chọn khách sạn sang trọng ở đối diện nhà thờ St Wenceslas vì bên ngoài trông nó giống như cái giá chặn sách và họ trồng cây linh sam mini trong những chậu hoa. Phòng tôi nhìn xuống một kênh đào yên tĩnh ở phía tây. Giờ tôi đã viết xong lá thư này, sẽ chớp mắt một chút để đợi đến giờ đi đến tháp chuông mà E. có thể ở đó. Nếu không, sẽ lượn lờ ở con hẻm gần trường học của nàng để lén dõi theo nàng. Nếu nàng không xuất hiện ở đó, có thể phải cần đến nhà van de Velde. Nếu danh dự của tôi đã bị hủy hoại, thì sẽ giả dạng thành thợ quét ống khói. Nếu tôi bị phát hiện, sẽ viết một lá thư dài. Nếu lá thư dài bị giữ lại, một lá thư khác sẽ đợi ở bàn trang điểm của nàng. Tôi là người rất kiên quyết.

Thân ái,

R.F.

Tái bút: Cảm ơn vì lá thư đầy lo lắng đề ngày 5 tháng 11, nhưng cần gì

phải cục tác âm ĩ như gà mẹ mất con thế? Vâng, *tất nhiên* là tôi ổn – ngoại trừ hậu quả của những chuyện rắc rối với V.A. như đã kể. Nói thật là tôi còn hơn cả ổn ấy chứ. Tâm trí tôi có thể làm bất kỳ công việc sáng tạo nào mà nó nhận thức được. Biên soạn tác phẩm xuất sắc nhất trong cuộc đời tôi, trong cuộc đời của tất cả mọi người. Có tiền trong ví và có nhiều hơn trong Ngân hàng Bỉ Độ Nhất. Nhắc mới nhớ. Nếu Otto Jansch không chịu cái giá ba mươi guinea cho hai quyển của Münthe thì bảo hẳn lột da mẹ mình rồi lăn bà ta qua muối đi. Để xem lão người Nga trên phố Greek sẽ nhả ra cái gì.

Tái tái bút: Một phát hiện may mắn cuối cùng. Khi còn ở Zedelghem, trong lúc thu dọn hành lý, kiểm tra xem có cái gì lăn xuống dưới giường không. Tìm thấy ½ quyển sách bị xé đôi kê dưới chân giường, do một người khách từng ở trước đây, để chiếc giường khỏi nghiêng. Tay cảnh sát Phổ, có thể, hoặc là Debussy, ai mà biết được? Chẳng nghĩ gì đến nó mãi cho đến một phút sau, khi đọc được tựa đề trên gáy sách. Rất vất vả, nhưng tôi đã nhấc được chiếc giường lên để lấy ra những trang đóng gáy. Chắc chắn rồi: - “Nhật ký Thái Bình Dương của Adam Ewing.” Từ trang bị ngắt quãng đến hết quyển 1. Anh có tin nổi không? Nhét ½ quyển sách vào vali. Sẽ đọc xong sớm thôi. Ewing vui vẻ sắp chết không bao giờ thấy những hình thù không thể mô tả chờ đợi ở góc rẽ của lịch sử.

Khách sạn Royal, Bruges.  
Gần ngày cuối cùng – xi – 1931.

Sixsmith,

Thức trắng nhiều đêm cho bản *Lục tấu Vân đồ* đến khi kiệt sức, về nghĩa đen, không còn cách nào khác để rời ra đi ngủ. Đầu tôi là một Ngọn nến La Mã của sáng tạo. Âm nhạc của cuộc đời, tất cả kéo đến cùng một lúc. Những biên giới giữa tiếng động và âm thanh đều là quy ước, bây giờ tôi mới nhận ra. Mọi biên giới đều là quy ước, kể cả biên giới quốc gia. Con người có thể vượt qua bất kỳ quy ước nào, nếu trước tiên ta có thể nhận thức mình làm điều đó. Ví dụ như hòn đảo này, nằm giữa âm sắc và giai điệu, không có trong bất kỳ quyển sách lý thuyết nào, nhưng nó ở đây! Nghe các nhạc cụ trong đầu, rõ hoàn hảo, bất cứ thứ gì tôi muốn. Khi tác phẩm hoàn thành, trong tôi sẽ chẳng còn gì nữa, tôi biết, nhưng đồng tiền tòng quân tôi nắm trong bàn tay ướt mồ hôi của mình chính là hòn đá phù thủy! Một người như Ayrs dành ra phần đời của lão cho những điều tẻ nhạt chán ngắt trong một đời người lê thê. Tôi thì không. Không nghe gì từ V.A. hay bà vợ ngoại tình, dai nhách, nhạt nhẽo của lão. Cho rằng họ nghĩ tôi đã bỏ về nhà ở nước Anh. Tối hôm qua nằm mơ thấy tôi ngã xuống từ khách sạn Imperial Western, bám chặt ống thoát nước. Nốt nhạc violin, lạc nhịp, khủng khiếp – đó là nốt cuối cùng trong bản lục tấu của tôi.

Tôi khá ổn. Ước gì tôi có thể cho anh thấy được sự tươi sáng này. Những nhà tiên tri trở nên mù lòa nếu họ nhìn thấy Jehovah. Không phải điếc, mà là mù, anh biết điểm máu chốt mà. Vẫn có thể nghe thấy ông ta. Tôi đọc thoải suốt ngày. Lúc đầu không nhận ra, tiếng người xoa dịu tôi quá đổi, nhưng đến lúc này thì phải nỗ lực hết sức mới dừng lại được, nên tôi cứ kệ nó tuôn ra không ngừng. Đi dạo những khi không sáng tác. Có thể viết một quyển sách Michelin hướng dẫn du lịch về Bruges được rồi, nếu tôi có đủ không gian, và thời gian. Đi qua khu nghèo hơn, chứ không chỉ những khu giàu. Sau một khung cửa sổ bản thủ, một người bà đang cắm hoa St Paulia trong một cái bát. Gõ lên khung cửa để hỏi bà có chịu yêu tôi không. Bà bậm môi, không nghĩ bà biết tiếng Pháp, nhưng tôi vẫn hỏi lại. Một người

có cái đầu tròn như đạn đại bác và hoàn toàn không có cảm xuất hiện ở cửa sổ, khắc ra những câu chữ rất khảm lên tôi và nhà tôi.

Eva. Ngày nào tôi cũng vừa leo lên tháp chuông vừa đọc một câu thần chú mỗi từ một nhịp, “Hôm – nay – hôm – nay – cho - nàng - ở - đây – hôm – nay.” Chưa đến, dù tôi đợi đến khi trời tối. Những ngày vàng, những ngày đồng, những ngày sắt, những ngày ướt, những ngày sương mù. Hoàng hôn kẹo gôm. Bóng đêm kéo đến, phủ tê buốt lên không khí. Eva được canh gác trong một phòng học dưới mặt đất, cần đầu bút chì, mơ đến lúc được ở cùng tôi, tôi biết mà, tôi, nhìn xuống từ giữa những tông đồ thay lá, mơ đến lúc được ở cùng nàng. Hai kẻ sinh thành khốn nạn của nàng hẳn đã tìm thấy lời nhắn để trên bàn trang điểm. Ước gì tôi hành động khôn ngoan hơn. Ước gì tôi bắn tên giả tạo đáng chết ấy khi có cơ hội. Arys sẽ không bao giờ tìm được người thay thế cho Frobisher –*Eternal Recurrence* sẽ chết cùng với lão. Những người nhà van de Velde đó hẳn đã giữ lại lá thư thứ hai tôi gửi cho Eva ở Bruges. Cố tìm cách lẻn vào trường nàng nhưng bị hai con lợn khó tính đuổi ra với còi và gậy. Theo E. về từ trường, nhưng bức màn ban ngày còn hé quá ngắn ngủi, lạnh và tăm tối khi nàng rời trường, co ro trong chiếc áo choàng nâu, vây xung quanh là người nhà v.d.V., những bà bảo mẫu và bạn học. Nhìn ra từ mũ và khăn choàng cổ, chờ đợi con tim nàng cảm nhận được sự hiện diện của tôi. Không vui chút nào.

Hôm nay tôi chạm nhẹ áo choàng của Eva khi đi lướt qua nàng trong mưa phùn, trong đám đông. E. không nhận ra tôi. Khi tôi ở gần nàng một âm chủ trỗi lên to dần, từ háng, dừng lại ở lồng ngực, lên phía sau hai mắt.

Sao lại hồi hộp thế này? Có lẽ là ngày mai, phải, ngày mai, chắc chắn rồi. Không có gì phải sợ cả. Nàng đã nói với tôi rằng nàng yêu tôi. Sắp rồi, sắp rồi.

Thân ái,

R.F.

Sixsmith,

Chảy nước mũi và ho nặng từ Chủ nhật. Hợp với những vết cắt và bầm dập. Hầu như không bước chân ra ngoài, cũng chẳng muốn làm vậy. Sương mù băng giá bò lên từ kênh đào, bóp nghẹt phổi và làm tê cứng mạch máu con người. Gửi cho tôi một bình cao su đựng nước nóng được không? Ở đây toàn là đồ bằng gốm.

Quản lý khách sạn ghé qua sáng nay. Một con chim cánh cụt đứng nghĩa, không hề có phần dưới. Hẳn đôi giày da tinh xảo phát ra tiếng cót két như thế khi ông ta đi, nhưng ở những nước thuộc Vùng Đất Thấp thì liệu có thứ thượng phẩm ấy không. Lý do thực sự của chuyến viếng thăm là để đảm bảo tôi đúng là một sinh viên kiến trúc giàu có, không phải một kẻ đá cá lặn dựa khả nghi có thể bỏ trốn khỏi thành phố mà chưa thanh toán tiền phòng cho ông ta. Dù gì cũng hứa sẽ xùy tiền ra ở bàn tiếp tân vào ngày mai, vì vậy một chuyến ra ngân hàng là không thể tránh khỏi. Điều này khiến ông ta vui lên trông thấy, và ông ta hi vọng việc học hành của tôi đang tiến triển tốt. Tuyệt vời, tôi trấn an ông ta. Tôi không nói mình là một nhà soạn nhạc vì tôi không thể nào đối mặt với màn tra khảo ngu xuẩn: “Anh viết thể loại nhạc gì?”; “Ồ, tôi có nghe đến anh chưa nhỉ?”; “Anh lấy ý tưởng từ đâu?”

Không có tâm trạng viết thư, sau tất cả mọi chuyện, không phải sau lần chạm trán gần đây với E. Người thấp đèn đang làm nhiệm vụ. Nếu tôi có thể quay ngược thời gian, Sixsmith ạ. Tôi sẽ làm thế.

*Ngày tiếp theo.*

Có tiến triển. Eva. A, tôi sẽ cười, nếu thân thể không quá đau. Không nhớ nổi lần trước viết đến đâu cho anh rồi. Thời gian là một trạng thái mập mờ như điệu *allegriissimo* kể từ Đêm Hiến linh của tôi. Tình hình là tôi đã bắt đầu nhận ra mình sẽ không thể nào tự gặp mặt E. Nàng không bao giờ xuất hiện ở tháp chuông lúc 4 giờ chiều. Thư từ của tôi đã bị cất giữ là lời

giải thích duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra. (Không biết V.A. có giữ lời mà đi đầu độc danh dự tôi ở Anh hay không; có lẽ anh đã nghe nói gì đó? Đừng quan tâm quá đáng, nhưng tôi cần được biết.) ½ hi vọng J. sẽ tìm ra tôi ở khách sạn này – trong lá thư thứ hai tôi có viết về nơi ở của mình. Có thể ngủ với cả bà ta nếu điều đó mở được một kênh đến Eva. Tự nhắc mình sẽ không phạm tội ác gì – va bene, tìm mà xem, không một tội ác nào chống lại Crommelynck-Ayrs – và có vẻ như J. một lần nữa đang mượn gậy của chồng để chỉ huy mọi chuyện. Có lẽ đã luôn luôn là như thế. Vì vậy tôi không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc đến nhà van de Velde.

Băng qua Công viên Minnewater thân thuộc trong cơn mưa tuyết lúc chạng vạng. Lạnh như dãy Urals. Khẩu Luger của Ayrs muốn đi cùng, vì vậy tôi đã gài nút người bạn thép vào chiếc túi sâu của áo da cừu. Những cô gái điểm mặt mũi bí xị hút thuốc trong đình mát vốn để diễn nhạc. Không thấy hứng thú một chút nào – chỉ là một chuyến mạo hiểm tuyết vọng ra ngoài trong tiết trời thế này. Sự bồi nhọ của Ayrs đã dập tắt hứng thú họ dành cho tôi, có lẽ là suốt đời. Bên ngoài nhà v.d.V. xe độc mã xếp hàng, bầy ngựa khụt khịt không khí lạnh, mã phu co ro trong áo choàng dài, hút thuốc, giậm chân để giữ ấm. Cửa sổ sáng ánh đèn màu kem, những cô gái mới lớn dập dìu lướt qua, champagne tuôn, đèn chùm lấp lánh. Một sự kiện xã hội lớn đang diễn ra. Hoàn hảo, tôi nghĩ. Ngụy trang, anh thấy đấy. Một đôi tình nhân hạnh phúc cẩn thận bước lên bậc thang, cửa mở ra – Vòng ới mở ra – một hiệu nháy gavotte thoát ra không khí đóng băng bên ngoài. Theo họ bước lên bậc tam cấp rắc muối, gõ nhẹ lên miếng nắm cửa bằng vàng, cố gắng giữ bình tĩnh.

Người gác cửa mặc áo đuôi tôm nhận ra tôi – một người quản gia bị bất ngờ không phải là tin tốt. “Je suis desole, Monsieur, mais votre nom ne figure pas sur la liste des invites.” (Tôi xin lỗi, thưa ông, nhưng tên ông không có trong danh sách khách mời). Ừng đã đặt vào trong nhà rồi. Danh sách khách mời, tôi cảnh báo ông ta, không áp dụng với bạn bè thân thiết của gia chủ. Người đàn ông nhoẻn một nụ cười xin lỗi – tôi đang đối đầu với một kẻ chuyên nghiệp. Ngay lúc đó một đàn vịt trời mặc áo choàng không tay lướt qua tôi và người quản gia để cho họ đi qua không dẫn đo. Đi được ½ đường vào hành lang sáng choang thì bàn tay đeo găng trắng túm

lấy vai tôi.

Chửi bới, phải thừa nhận, bằng thái độ mất mặt nhất – đó là thời khắc vực thẳm, tôi sẽ không phủ nhận điều này – và gào lên tên Eva, hết lần này đến lần khác, như một đứa trẻ quen nuông chiều đang làm mình làm mẩy, cho đến khi tiếng nhạc nín bặt, những người sừng sốt đứng đầy hành lang và cầu thang. Chỉ người thổi kèn trombon tiếp tục chơi. Nhạc công trombon là thế đấy. Một tổ ong kinh hoàng bằng tất cả những ngôn ngữ chính vỡ ra, ào ào bay đến. Qua tiếng huyền náo đáng sợ, Eva bước đến, trong bộ áo dạ hội màu xanh dương, một sợi chuỗi ngọc trai màu xanh ngọc. Nghĩ mình đã hét lên, “Tại sao em tránh mặt tôi?” hay câu gì tử tế tương tự.

E. không lướt qua không khí vào vòng tay tôi, tan chảy vào cái ôm của tôi, và mơn trớn tôi bằng những từ âu yếm. Động thái đầu tiên của nàng là Khinh bỉ: “Chuyện gì *xảy ra* với anh vậy, Frobisher?” Một tấm gương treo trong lối đi hành lang; nhìn vào đó để xem ý nàng là sao. Tôi đã bỏ bê bản thân, nhưng tôi vốn lười cạo râu khi soạn nhạc, anh biết đấy. Động thái thứ hai, Ngạc nhiên: “Phu nhân Dhondt nói anh đã về Anh rồi.” Mọi chuyện đi từ tôi tệ hơn sang tôi tệ nhất. Động thái thứ ba, Giận dữ: “Sao anh *dám* chường mặt đến đây, sau... mọi chuyện?” Bố mẹ nàng đã chẳng kể gì cho nàng ngoài những lời nói dối về tôi, tôi trấn an nàng như thế. Nếu không thì tại sao họ giữ lại những lá thư tôi gửi cho nàng? Nàng đã nhận được cả hai lá thư của tôi, nàng đáp, nhưng đã xé nát chúng “vì thương hại”. Lúc này bắt đầu run rẩy. Đòi được nói chuyện với nàng *hai mặt một lời*. Chúng ta có quá nhiều chuyện cần giải quyết. Một anh chàng điển trai khoác tay qua người nàng, hấn chặn tôi lại và nói với tôi một câu gì đó mang tính sở hữu bằng phương ngữ Flemish. Tôi bảo với hấn bằng tiếng Pháp rằng hấn đang ôm người con gái tôi yêu, nói thêm rằng Chiến tranh hấn đã phải dạy cho người Bỉ biết khi nào thì nên trốn đi trước thế lực mạnh hơn. Eva nắm cánh tay phải của hấn, lấy hai bàn tay ôm nắm đấm của hấn lại. Một cử chỉ thân mật, tôi nhận ra. Nghe được tên người yêu của nàng, do một người bạn thì thầm khuyên can hấn đừng bận tâm đến tôi: Grigoire. Bong bóng ghen tuông sâu trong ruột gan tôi giờ đây có một cái tên.

Tôi hỏi Eva con chó cưng đáng sợ của nàng là ai. “Hôn phu của tôi,”

nàng bình tĩnh đáp, “và anh ấy không phải người Bỉ, anh ấy là người Thụy Sĩ.”

*Cái gì của em? Bong bóng vỡ, mạch bị nhiễm độc.*

“Tôi đã kể với anh về anh ấy rồi, vào buổi chiều hôm ấy trên tháp chuông! Tại sao tôi quay về từ Thụy Sĩ, hạnh phúc hơn trước nhiều... tôi đã kể với anh, nhưng rồi anh lại gửi cho tôi những.. lá thư nhục mạ đó.” Nàng không lờ lời, ngòi bút của tôi cũng không. Hôn phu *Grigoire*. Tất cả những kẻ ăn thịt đó, ngẫu nhiên trên lòng tự trọng của tôi. Chúng tôi đấy. Tình yêu mãnh liệt của tôi? Không hề có thứ đó. Chưa từng có. Nhạc công Trombon không thấy mặt nạ giờ đây đang nhún nhảy với bài “Ode to Joy”. Gào lên bảo ông ta với thái độ bạo lực rõ rệt – rách cả cổ họng – hãy chơi nó theo âm điệu mà Beethoven đã viết, còn không thì im đi. Hỏi, “Người Thụy Sĩ? Vậy sao hấn cư xử đầy khiêu khích như thế?” Nhạc công trombon bắt đầu bản số 5 của Beethoven, cũng lạc tông. Giọng của E. chỉ nhỉnh hơn O độ một chút. “Tôi nghĩ anh ốm rồi, Robert ạ. Anh nên đi đi.” Grigoire gã hôn phu người Thụy Sĩ và tay quản gia mỗi người nắm một bên vai không kháng cự của tôi rồi đưa tôi quay trở ra cửa qua đám đông. Ở trên cao, tôi thoáng thấy hai bé gái v.d.V. mặc áo choàng ngủ hé nhìn xuống cầu thang qua lan can chiếu nghỉ như những miệng máng xối đầu người khoác áo choàng ngủ. Nháy mắt với chúng.

Ánh sáng chiến thắng trong đôi mắt có hàng mi dài đáng yêu của đối thủ tôi và câu “Đi về Anh đi!” lơ lơ kích động Frobisher Vô liêm sỉ trong tôi, rất tiếc phải nói điều này. Vừa bị ném ra khỏi khung cửa, tôi ôm chặt lấy Grigoire như vận động viên bóng bầu dục, quyết tâm cho con vệt máu đẫm dáng ấy một trận. Bầy thiên diều trong hành lang ré lên, đám khỉ đầu chó kêu ồm tỏi. Chúng tôi lăn xuống bậc thang, không, chúng tôi đâm đá, trượt ngã, văng tục, túm tóc, xé áo. Grigoire gào lên kêu cứu, sau đó gào lên đau đớn – loại thuốc mà Bác sĩ Báo thù đã kê đơn! Những bậc thang bằng đá và vỉa hè băng giá làm thân thể tôi bầm tím, hấn cũng thế, đập mạnh vào cùi chỏ và hông tôi, nhưng ít ra tôi không phải là kẻ duy nhất có buổi tối bị phá hỏng ở Bruges và tôi gào thét, mỗi cú đá vào xương sườn hấn kèm theo một từ, trước khi nửa chạy nửa lò cò trên mắt cá chân bị thương, “Tình yêu khiến ta đau đớn!”

Bây giờ tinh thần tôi khá hơn rồi. Chẳng còn nhớ nổi E. trông như thế nào nữa. Có lần, khuôn mặt nàng đã bốc cháy trong đôi mắt ngu ngốc của tôi, nhìn thấy nàng khắp nơi, trong mọi khuôn mặt người. Grigoire có ngón tay thanh tú, dài và mềm mại. Franz Schubert đã làm tổn thương bàn tay mình bằng cách buộc vật nặng vào đó. Ông ta nghĩ nó sẽ làm tăng độ rộng của tay trên bàn phím. Những bản tứ tấu đàn dây xuất sắc nhưng thật là một gã ngốc! Grigoire ngược lại sở hữu đôi tay hoàn hảo thiên phú, nhưng có lẽ không biết thế nào là tinh tế.

*Sáu hoặc bảy ngày sau.*

Quên mất lá thư dang dở này, thực ra thì, quên ½, nó bị chôn vùi dưới bản ký âm piano của tôi & quá bận rộn soạn nhạc nên không có thời gian tìm lại. Thời tiết băng giá. Một nửa số đồng hồ ở Bruges đã đóng băng. Vậy, bây giờ anh đã biết chuyện Eva rồi. Cuộc tình này đã làm tôi trống rỗng, nhưng cái gì dội lại trong sự trống rỗng? Âm nhạc, Sixsmith ạ, hãy nhường chỗ cho Âm nhạc và hãy chú ý. Suốt sáu giờ trong bồn tắm cạnh lò sưởi tối hôm qua tôi đã ký âm được 102 nhịp của một bản hành khúc tang lễ dựa trên “Ode to Joy” cho nhạc công clarinet của mình.

Một người khách khác sáng nay; chưa từng nổi tiếng thế này kể từ ngày lễ Derby tai tiếng đó. Bị đánh thức vào buổi trưa bởi một tiếng gõ cửa thân thiện nhưng chắc chắn. Hỏi vọng ra, “Ai đấy?”

“Verplancke.”

Không nhớ nổi là tên ai, nhưng khi tôi mở cửa, tay cảnh sát mê âm nhạc đang đứng ở đó, người đã cho tôi mượn chiếc xe đạp trong cuộc đời cũ của tôi. “Tôi vào được không? Je pensais vous rendre une visite de courtoisie. (Tôi nghĩ anh trông chờ một chuyến thăm hữu nghị.)”

“Tất nhiên,” tôi đáp, nói thêm đầy vẻ dí dỏm, “hữu nghị ở chỗ khách thăm là một viên cảnh sát.” Dọn chỗ ngồi trên chiếc ghế bành cho ông ta & mời ông ta gọi trà, nhưng vị khách của tôi từ chối. Không thể giấu vẻ ngạc nhiên của ông ta trước sự bày bừa trong phòng. Giải thích tôi đã cho tiền boa để những người hầu không đến làm phiền. Không chịu nổi nếu họ chạm vào các bản ký âm của tôi. Ông Verplancke gật đầu đồng cảm, rồi thắc mắc tại sao một quý ông lại đăng ký ở khách sạn bằng bí danh? Một

thói quen kỳ quặc di truyền từ bố, tôi đáp, một người có tiếng tăm trong xã hội, muốn giữ cho cuộc sống riêng tư của mình được riêng tư. Giữ kín nghề nghiệp của mình để khỏi bị ép chơi đàn piano trong những buổi tiệc. Từ chối thì gây méch lòng mà. V. có vẻ như hài lòng với lời giải thích của tôi. “Một ngôi nhà sang trọng nơi đất khách quê người, Le Royal.” Ông ta liếc nhìn quanh phòng khách. “Tôi không biết là thư ký được trả hậu hĩnh thế này.” Thừa nhận điều mà ông bạn khéo léo này chắc chắn đã biết: Ayrs và tôi đã đường ai nấy đi, nói thêm rằng tôi có thu nhập độc lập, mà điều này vẫn là sự thật mới 12 tháng trước. “A, một triệu phú đi xe đạp à?” Ông ta mỉm cười. Thật là kiên trì, phải không? Không hẳn là triệu phú đâu, tôi mỉm cười đáp lại, nhưng, may mắn thay, đủ điều kiện để ở Le Royal.

Cuối cùng ông ta cũng đi vào vấn đề. “Anh đã gây thù chuốc oán với một người có ảnh hưởng trong thời gian cư trú ngắn ngủi ở thành phố chúng tôi đây, anh Frobisher. Một nhà dinh doanh, tôi nghĩ hai chúng ta đều biết đó là ai, đã khiếu nại với cấp trên của tôi về vụ việc xảy ra cách đây vài đêm. Thư ký của ông ta – thực ra là một người chơi đàn clavico rất khá trong nhóm của chúng tôi, – đã nhận ra tên anh, và chuyển đơn khiếu nại đến bàn tôi. Vì vậy tôi đến đây.” Khổ sở trấn an ông ta rằng đó chỉ là một sự hiểu lầm phi lý về tình cảm của một cô gái trẻ. Ông bạn duyên dáng gật đầu. “Tôi biết, tôi biết. *Cherchez la femme* (Tìm kiếm phái đẹp). Khi còn trẻ, trái tim có lý lẽ mạnh hơn cái đầu. Cái khó của chúng tôi là, bố của chàng trai trẻ là chủ nợ của một số người lớn tuổi trong thành phố này, ông ta đang làm âm ỉ lên về chuyện kiện anh tội hành hung và tấn công.”

Cám ơn ông Verplancke vì lời cảnh báo và tài xử trí của ông ta, rồi hứa từ giờ trở đi sẽ hết sức giữ mình. Than ôi, không đơn giản thế. “Anh Frobisher, anh không nghĩ rằng thành phố của chúng tôi quá lạnh lẽo vào mùa đông à? Anh không nghĩ rằng xứ Địa Trung Hải có thể đem lại nguồn cảm hứng tốt hơn cho nàng thơ của anh sao?”

Hỏi con giận của ông chủ ngân hàng có thể ngoài ngoai không nếu tôi cam kết sẽ rời khỏi Bruges trong vòng bảy ngày tới, sau khi chỉnh sửa lần cuối bản lục tấu của mình. V. nghĩ phải, hiểu như vậy sẽ làm giảm nhiệt tình hình. Thế là tôi đưa ra lời hứa của một đáng quân tử sẽ thu xếp mọi chuyện cần thiết.

Giải quyết xong công việc, V. hỏi ông ta có thể xem trước bản lục tấu của tôi không. Cho ông ta xem đoạn độc tấu clarinet. Thoạt đầu ông ta mất bình tĩnh trước sự kỳ lạ về quãng và cấu trúc của nó, nhưng đã dành thêm một giờ sau đó để đặt nhiều câu hỏi mẫn cảm về bản ký âm mới được tạo ra một nửa của tôi và sự hòa âm của tác phẩm. Khi chúng tôi bắt tay, ông ta đưa cho tôi danh thiếp, hối thúc tôi gửi một bản nhạc sau khi xuất bản cho ban nhạc của ông ta, và lấy làm tiếc vì con người việc công ảnh hưởng đến con người riêng tư của ông. Rất tiếc khi nhìn thấy ông ta ra đi. Viết nhạc thật là một sự cô đơn bệnh hoạn khôn kiếp.

Vậy anh thấy đấy, tôi phải sống những ngày cuối cùng của mình cho thật đáng giá. Đừng lo cho tôi, Sixsmith, tôi khá ổn, và quá bận rộn để mà buồn rầu! Có một quán rượu dành cho thủy thủ ở cuối phố nơi tôi có thể tìm bạn giải sầu nếu muốn (lúc nào cũng thấy mấy cậu trai mùi muối vào ra tấp nập ở đấy) nhưng giờ đây chỉ có âm nhạc có ý nghĩa với tôi thôi. Âm nhạc huyền não, âm nhạc cương võ, âm nhạc trần trở.

Thân ái,  
R.F.

Khách sạn Memling, Bruges.  
Bốn giờ mười lăm phút sáng, 12 – xii – 1931.

Sixsmith,

Bắn vào vòm họng của mình lúc 5 giờ sáng nay bằng khẩu Luger của V.A. Nhưng tôi đã thấy anh, anh bạn thương mến của tôi! Thật cảm động khi thấy anh quan tâm đến nhưỡng này! Ở ban công tháp chuông, hôm qua, lúc hoàng hôn. May là anh không thấy tôi trước. Đã đi đến tầng thang cuối cùng, thì nhìn thấy dáng người tựa vào ban công, nhìn ra biển – nhận ra chiếc áo choàng Gaberdine duyên dáng của anh, chiếc mũ nỉ mềm độc nhất của anh. Bước lên một bước là anh sẽ thấy tôi đang nấp trong bóng tối. Anh đi về phía bắc – chỉ một cái xoay lưng về phía tôi sẽ khiến tôi sụp đổ. Dõi theo anh rất lâu – một phút? – trước khi quay lại và vội vàng đi xuống. Đừng giận nhé. Cám ơn anh *suốt đời* vì đã cố gắng tìm tôi. Có phải anh đến trên tàu *Kentish Queen* không?

Các câu hỏi lúc này là vô nghĩa rồi, phải không?

*Không phải* là may mắn khi tôi nhìn thấy anh trước, không hẳn thế. Cuộc đời là một sân khấu kịch bóng, một vở opera, và những chuyện như thế diễn ra trong lời nhạc kịch. Đừng giận vai diễn của tôi. Anh không thể hiểu đâu, dù tôi có giải thích thế nào. Anh là một nhà vật lý tài ba, ông thầy Rutherford của anh và mọi người đều đồng tình rằng anh có một tương lai xán lạn, chắc chắn là họ đúng. Nhưng ở một số lĩnh vực anh là một thằng ngốc. Người đủ đầy không thể hiểu kẻ túng quẫn cơ hàn. Anh sẽ cố gắng kể ra mọi lý do để sống, nhưng tôi đã bỏ lại chúng ở ga Victoria vào đầu mùa hè rồi. Lý do tôi mò xuống khỏi vọng lâu là vì tôi không thể để anh trách móc bản thân vì đã không thể thuyết phục tôi đổi ý. Có thể anh sẽ làm được, nhưng đừng, Sixsmith à, đừng làm tên khốn đó.

Tương tự như vậy, hi vọng anh không quá thất vọng khi thấy tôi đã bỏ đi khỏi Le Royal. Tay quản lý biết được chuyến thăm của ông Verplancke. Buộc lòng phải yêu cầu tôi ra đi, ông ta nói, vì khách đặt phòng quá nhiều. Nhảm nhí, nhưng tôi đã nhận cái lý do phủ ngoài vụng về đó. Frobisher

Nổi đóa muốn gây hấn, nhưng Frobisher Soạn giả muốn yên ổn và im lặng để hoàn tất bản lục tấu. Trả đủ tiền – vậy là hết những đồng cuối cùng của Jansch – rồi thu dọn hành lý. Lang thang qua những con hẻm ngoằn ngoèo và băng qua những kênh đào băng giá trước khi phát hiện ra nhà trọ lớn trông vắng vẻ này. Bàn tiếp tân chỉ là một góc hiếm khi có người trực ở dưới cầu thang. Vật trang trí duy nhất trong phòng là một bức tranh “Ky sĩ cười” quá xấu đến nỗi không thể ăn cắp đem đi bán. Từ ô cửa sổ bản thủ, có thể nhìn thấy cối xay gió già nua đổ nát mà tôi đã ngã lưng trên bậc tam cấp trong buổi sáng đầu tiên ở Bruges. Chính nó. Hãy tưởng tượng xem. Chúng ta đi một vòng về vạch xuất phát.

Biết tôi sẽ không bao giờ được đón sinh nhật thứ hai mươi lăm của mình. Đến sớm một lần duy nhất. Những kẻ thất tình, những kẻ cầu xin giúp đỡ, những kẻ bi lụy sụt sụt gieo tiếng xấu cho tự sát là những kẻ ngốc làm chuyện đó một cách hối hả, như những chỉ huy dàn nhạc nghiệp dư. Một vụ tự sát thật sự là một sự chắc chắn có kỷ luật, từng bước một. Người ta rao giảng, “Tự sát là ích kỷ”. Những người làm trong nhà thờ như ông bô còn trầm trọng hóa nó hơn, gọi đó là một sự tấn công hèn hạ vào sự sống. Những kẻ ngu ngốc nói ra câu này vì nhiều lý do: để tránh bị chỉ trích; để gây ấn tượng với người nghe rằng ta đây hiểu biết; để trút giận; hoặc chỉ đơn giản vì người đó chưa đủ đau khổ để biết cảm thông. Sự hèn nhất chẳng liên quan gì ở đây – tự sát đòi hỏi một lòng can đảm rất lớn. Người Nhật nói rất đúng, Không, ích kỷ là khi yêu cầu người khác phải chịu đựng sự tồn tại không thể chịu đựng nổi, chỉ để khỏi làm bận tâm người thân, bạn bè và kẻ thù. Sự ích kỷ duy nhất là làm hỏng một ngày của người không quen biết bằng cách ép họ chứng kiến một cảnh tượng khủng khiếp. Vì vậy tôi sẽ làm một chiếc khăn đóng dày bằng vài chiếc khăn tắm để bịt tiếng súng nổ và thấm máu, và làm chuyện này trong bồn tắm, để nó không làm bẩn tấm thảm nào. Tối hôm qua tôi đã đặt một lá thư dưới khe cửa phòng làm việc của người quản lý – ông ta sẽ tìm thấy nó lúc 8 giờ sáng mai – thông báo với ông ta về sự thay đổi tư cách tồn tại của tôi, nhờ đó một cô hầu phòng ngây thơ sẽ may mắn thoát được sự bất ngờ không thú vị này. Thấy chưa, tôi có nghĩ đến những người thấp cổ bé họng mà.

Đừng để họ nói tôi tự sát vì tình, Sixsmith ạ, điều đó thật lố bịch. Đã

đắm đuối Eva Crommelynck trong thoáng chốc, nhưng trong tim cả hai ta đều biết ai mới là tình yêu đích thực của tôi.

Cùng với lá thư này và phần còn lại của quyển sách Ewing, tôi đã sắp xếp một tập hồ sơ chứa bản thảo hoàn tất của tôi gửi cho anh ở Le Royal. Hãy dùng tiền của Jansch để thanh toán tiền xuất bản, gửi một bản đến tất cả những người trong danh sách đính kèm. Đừng để gia đình tôi có được bất kỳ bản gốc nào, cho dù anh phải làm sao. Ông bố sẽ thờ dài, “Không phải là *Eroica*, đúng không?” rồi nhét nó vào ngăn kéo; nhưng nó là một sáng tạo không gì sánh được. Những tiếng vọng từ *White Mass* của Scriabin, những dấu chân đã mất của Stravinsky, những màu sắc của một Debussy mờ nhạt hơn, nhưng sự thật là tôi không biết nó đến từ đâu nữa. Sẽ không bao giờ viết được một cái gì tốt bằng một phần trăm nó. Ước gì tôi đang khiêm tốn, nhưng không hề. Bản *Lục tấu Vân đồ* nắm giữ cuộc đời tôi, là cuộc đời tôi, giờ đây tôi là pháo hoa đã tàn; nhưng ít ra tôi từng là pháo hoa.

Con người là những kẻ thô lậu. Thà làm âm nhạc còn hơn làm một mớ ống dẫn xoắn những chất không lỏng không rắn xung quanh mình trong vài thập niên trước khi nhỏ giọt hết và không hoạt động được nữa.

Khẩu Luger đây rồi. Mười ba phút trước. Cảm thấy kinh động, bình thường thôi, nhưng tình yêu tôi dành cho đoạn cuối này ngày một mạnh hơn. Một cảm giác rợn rùng như điện giật, như Adrian, tôi *biết* mình sắp chết. Lòng kiêu hãnh, tôi sẽ vẫn giữ nó đến cùng. Những sự chắc chắn. Lột bỏ những niềm tin do cô giáo, trường học và nhà nước gán lên, anh sẽ thấy những sự thật không thể tẩy xóa trong cốt lõi mỗi con người. Thành Rome sẽ suy tàn và sụp đổ lần nữa, Cortazar sẽ ra khơi lần nữa và, sau đó, cả Ewing nữa, Adrian sẽ bị bắn tan nát lần nữa, anh và tôi sẽ ngủ dưới bầu trời sao Corsica lần nữa, tôi sẽ đến Bruges lần nữa, yêu rồi thất tình vì Eva lần nữa, anh sẽ đọc lá thư này lần nữa, mặt trời sẽ lạnh lần nữa. Đĩa máy hát của Nietzsche. Khi nó kết thúc, Người Xưa sẽ mở nó lần nữa, đến thiên thu bất tận.

Thời gian không thể thấm thấu vào chuyến đi nghỉ này. Chúng ta không ở lại cái chết quá lâu. Khi khẩu Luger đã để cho tôi ra đi, sự ra đời của tôi, lần tới, sẽ đến trong một nhịp tim. Mười ba năm sau chúng ta sẽ lại gặp

nhau ở Gresham, mười năm sau tôi sẽ lại quay về căn phòng này, cầm đúng khẩu súng này, viết đúng lá thư này, quyết tâm của tôi cũng hoàn hảo như bản lục tấu nhiều đầu của tôi vậy. Những sự chắc chắn tinh tế đó xoa dịu tôi.

*Sunt lacrimæ rerum.*<sup>[71]</sup>

R.F.

Nhật ký Thái Bình Dương của Adam  
Ewing

Trong lần bị say sóng cùng nhau trên Biển Tasman, tôi ngạc nhiên khi thấy chàng thanh niên nghịch ngợm, vui tươi hào hứng trước chuyến đi biển đầu tiên & tính tình thoải mái này lại trở thành người lúc nào cũng ủ ê chỉ sau sáu tuần. Vẻ đẹp rạng ngời đang rạn mẻ dần, để lộ hình ảnh một thủy thủ cơ bắp vạm vỡ mà cậu sắp trở thành. Chưa gì cậu đã có vẻ mê đắm rượu chè. Henry nói sự “lột xác khỏi lớp vỏ kén” này là không thể tránh khỏi, dù muốn hay không, & tôi cho rằng ông ta nói đúng. Những kiến thức & tri giác mà Rafael nhận được lồm bồm từ chủ của cậu, bà Fry ở Brisbane, chẳng giúp ích được gì cho cậu bé học việc trong thế giới đầy chạm bẫy của khoang thủy thủ. Ước gì *tôi* có thể giúp được cậu ấy! Nếu không nhờ có sự can thiệp của ông & bà Channing, thì số phận của tôi có thể cũng giống như của Raf rồi. Tôi hỏi Finbar ông ta có nghĩ cậu bé này “hòa hợp tốt” hay không. Câu trả lời khó hiểu của Finbar, “Hòa hợp *cái gì* tốt, hở ông Ewing?” khiến phòng ăn cười khoái trá nhưng tôi chẳng hiểu gì.

Thứ Bảy, ngày 7 tháng 12 -

Hải âu bay lượn trên cao, nhận biển đen như bồ hóng nổi dập dềnh trên mặt nước & chim báo bão đậu trên dây căng buồm. Những con cá trông giống boretto đuổi theo những con cá trông giống cá trích cơm. Trong lúc Henry & tôi ăn tối, một trận bão thiêu thân màu tía như tuôn ra từ khe hở của mặt trăng, bủa vây những chiếc đèn lồng, mặt người, thức ăn & tất cả mọi bề mặt bằng những mảng cánh giật giật. Để xác nhận điềm báo có đảo gần đó, người đo đạc hét lên độ sâu chỉ còn mười tám sải. Boerhaave ra lệnh thả neo để tàu không trôi đến một bãi đá ngầm trong đêm.

Tròng trắng trong mắt tôi có màu vàng chanh & viền mắt vừa đỏ vừa đau. Henry trấn an triệu chứng này là bình thường, nhưng vẫn chiều ý tôi tăng liều thuốc tẩy giun.

Chủ Nhật, ngày 8 tháng 12 -

Lễ mừng Chúa nhật không được cử hành trên tàu *Prophetess*, sáng nay Henry & tôi quyết định thực hiện một buổi đọc kinh nhỏ trong buồng của ông ta theo phong cách “nhà thờ nhỏ” của giáo đoàn ở Vịnh Đại Dương, “vắt” qua giờ gác tàu buổi sáng & trước buổi trưa để những người anh em gác ở mạn phải & mạn trái tàu có thể tham gia. Thật tiết khi viết ra điều này, chẳng có ai ở cả hai ca đủ can đảm làm phật ý thuyền phó bằng cách tham gia, nhưng chúng tôi sẽ kiên trì nỗ lực không nản chí. Rafael đứng ở cột tàu & cắt ngang lời cầu nguyện của chúng tôi với một tiếng hét run rẩy “Đất liền! Đến rồi i i!”

Chúng tôi kết thúc sớm buổi cầu nguyện & gồng mình trước tầng tầng lớp lớp bụi sóng để ngắm đất liền hiện ra từ đường chân trời nghiêng ngả. “Raiatea đấy,” Roderick bảo chúng tôi, “thuộc quần đảo Society.” (Một lần nữa tàu *Prophetess* lại cắt qua lộ trình của chiếc *Endeavour*. Thuyền trưởng Cook đã đích thân đặt tên cho quần đảo này.) Tôi hỏi liệu chúng tôi có được lên bờ không. Roderick khẳng định, “Thuyền trưởng muốn ghé thăm tòa công sứ.” Quần đảo Society hiện ra to dần & sau ba tuần chỉ có màu đại dương xám xịt & xanh chói chang, mắt chúng tôi hân hoan trước những hình thù núi non rêu phong, lấp lánh những thác nước, tô điểm với khu rừng nổi bật. *Prophetess* tiến qua mực nước mười lăm sải, nhưng nước ở đây trong đến nỗi có thể nhìn thấy những rặng san hô óng ánh ngũ sắc. Tôi đang tính toán với Henry cách nào để thuyết phục thuyền trưởng Molyneux cho chúng tôi lên bờ, thì ông ta xuất hiện từ phòng trên boong, bộ râu quai nón được tỉa tót cẩn thận & chùm tóc trên trán bôi dầu láng bóng. Không những không phớt lờ chúng tôi như thường lệ, ông ta còn tiến đến chỗ chúng tôi với một nụ cười thân thiện hết cỡ. “Ông Ewing, Bác sĩ Goose, hai ông có muốn thắp từng thuyền phó & tôi lên đảo sáng nay không? Có một khu định cư của những người theo hội Giám lý trên vịnh ở bờ biển phía bắc, họ đặt tên nó là ‘Nazareth’. Những quý ông có đầu óc tò mò có thể thấy nơi này thú vị đấy.” Henry nhiệt thành nhận lời, & tôi không thể giấu được sự hài lòng, dù tôi nghi ngờ động cơ của lão gấu già này. “Xong,” thuyền trưởng tuyên bố.

Một giờ sau, chiếc *Prophetess* cập bến Vịnh Bethlehem, một vịnh nhỏ cát đen ẩn mình trước gió mậu dịch nhờ đoạn uốn cong của Mũi Nazareth. Trên bờ là một dải những ngôi nhà lợp rơm thô sơ dựng trên những cây “cột” gấn mặt nước, là nơi ở của (tôi đã đoán đúng) những thổ dân đã được rửa tội. Phía trên những ngôi nhà này là độ chục ngôi nhà gỗ được xây dựng bằng những đôi tay văn minh & cao hơn nữa, dưới đỉnh đồi, là một nhà thờ kiêu hãnh được đánh dấu bằng một cây thập giá trắng. Những chiếc xuồng lớn được hạ thủy để chúng tôi sử dụng. Bốn người chèo là Guernsey, Bentnail & một đôi rắn sọc dài. Lão Boerhaave đội mũ & mặc chiếc áo chèn thích hợp với một cuộc họp mặt ở Manhattan hơn là một chuyến đi vượt sóng. Chúng tôi di chuyển trên biển không gặp sự cố nào ngoài việc bị ướt sũng, nhưng phái viên duy nhất từ những người khai hoang đón tiếp chúng tôi là một chú chó Polynesia thở hồng hộc dưới hoa nhài vàng & hoa loa kèn đỏ. Những túp lều nằm dọc bờ biển & “Phố Chính” quanh co dẫn lên nhà thờ, tất thảy tịnh không một bóng người. “Hai mươi người, hai mươi súng hỏa mai,” lão Boerhaave nói, “và nơi này sẽ thuộc về chúng ta trước giờ ăn tối. Đáng cân nhắc đấy, phải không sếp?” Thuyền trưởng Molyneux bảo thợ chèo chèo đò trong mát trong lúc chúng tôi “yết kiến Hoàng đế trong giang sơn của lão”. Sự nghi ngờ của tôi về thái độ lịch sự giả tạo mới của thuyền trưởng được xác nhận khi lão thấy một cửa hàng cửa đóng then cài bèn văng ra một câu thóa mạ. “Có khi nào,” lão người Hà Lan đoán, “bọn mọi đã bỏ đạo & biến các mục sư thành món pudding rồi không?”

Một tiếng chuông vang lên từ tháp chuông nhà thờ & thuyền trưởng vỗ lên trán. “Đ.m. mắt với chả mũi, ta nghĩ gì thế nhỉ? Hôm nay là Chúa nhật mà, tất nhiên lũ lợn này đang kêu eng éc trong cái nhà thờ ọp ẹp ấy rồi!” Chúng tôi chậm rãi đi lên ngọn đồi dốc ngoằn ngoèo, cả nhóm bị chậm lại vì bệnh gút của thuyền trưởng Molyneux. (Tôi cảm thấy mệt hụt hơi khi gắng sức. Nhớ lại sự sung mãn của mình trên đảo Chatham, tôi lo không biết sức khỏe mình đã bị con kí sinh trùng hủy hoại đến mức nào rồi.) Chúng tôi đến nhà nguyện của Nazareth đúng lúc giáo đoàn vừa bước ra.

Thuyền trưởng giở mũ ra, lớn tiếng, “Xin chào! Jonathon Molyneux, thuyền trưởng tàu *Prophetess*.” Ông ta vung mũ chỉ ra chiếc tàu đậu ngoài

vịnh. Các cư dân Nazarene chẳng mấy hào hứng, cánh đàn ông gật đầu với chúng tôi về cảnh giác, các bà vợ & con gái thì giấu mặt sau chiếc quạt. Tiếng gọi lớn “Tìm Linh mục Horrox!” vang vọng khắp hang hốc của nhà thờ khi những giáo dân bản xứ giơ tay đổ xô ra để nhìn những người khách mới đến. Tôi đếm có đến sáu mươi người đàn ông & đàn bà, trong đó một phần ba là người da trắng, diện đồ vía đi lễ (Phải đặt rồi chờ hai tuần mới có, từ cửa hàng quần áo gần nhất). Những người da đen nhìn chúng tôi với vẻ tò mò thuần túy. Phụ nữ bản xứ ăn mặc khá tử tế nhưng một số người bị bệnh bươu cổ. Các cậu bé bảo vệ cho những cô chủ da trắng khỏi ánh nắng thiêu đốt bằng loại ô làm từ lá cọ e thẹn mỉm cười. “Đội quân” hưởng đặc quyền của Polynesia mặc áo choàng vai màu nâu rất đằm dáng, trên có thêu một cây thập giá trắng, như một dạng đồng phục.

Lúc bấy giờ một người đàn ông ăn mặc đúng kiểu người của nhà thờ lao ra để đáp lại tiếng gọi. “Tôi,” vị giáo trưởng tuyên bố, “là Giles Horrox, linh mục của Vịnh Bethlehem & đại diện của Hiệp hội Truyền giáo London ở Raiatea. Mời các ngài trình bày công việc, xin hãy nói nhanh chóng vấn tắt cho.”

Thuyền trưởng Molyneux lúc này thêm vào lời giới thiệu ông Boerhaave “thuộc Hội Thánh Cải cách Hà Lan,” Bác sĩ Henry Goose, “Bác sĩ của giới quý tộc London & nguyên thuộc Hội truyền giáo Fiji,” & ông Adam Ewing, “Công chứng viên Thư từ & Luật pháp Hoa Kỳ”. (Lúc này tôi đã hiểu rõ trò chơi mờ ám này rồi!) “Tên của Linh mục Horrox & Vịnh Bethlehem được những tín đồ ở Nam Thái Bình Dương chúng tôi nhắc đến với lòng thành kính. Chúng tôi đã hi vọng được mừng lễ Chúa nhật trước bệ thờ của ông,” thuyền trưởng đưa ánh mắt buồn bã nhìn nhà thờ, “nhưng, than ôi, gió ngược chiều đã trì hoãn chuyến đi của chúng tôi. Ít nhất, tôi hi vọng chiếc đĩa quyền tiền của ông vẫn chưa đập?”

Linh mục Horrox dò xét thuyền trưởng của chúng tôi. “Ông chỉ huy một chiếc tàu ngoan đạo chứ, thưa ông?”

Thuyền trưởng Molyneux liếc mắt đi nơi khác, vờ ra vẻ khiêm tốn. “Không ngoan đạo hay vũng vàng bằng Nhà thờ của ông, nhưng đúng vậy, ông Boerhaave & tôi làm tất cả những gì có thể cho những linh hồn thuộc sự chăm sóc của chúng tôi. Đây là một cuộc chiến không ngừng nghỉ, tôi

rất tiếc phải nói. Hở ra một chút là cánh thủy thủ lại ngựa quen đường cũ.”

“Ôi, nhưng ông thuyền trưởng ơi,” một quý bà mặc áo cổ ren lên tiếng, “ở Nazareth chúng tôi cũng có người tái phạm đấy! Ông sẽ thông cảm cho sự thận trọng của nhà tôi. Kinh nghiệm dạy chúng tôi rằng hầu hết những chiếc tàu giương cái gọi là cờ Cơ đốc đều chẳng đem lại gì cho chúng tôi ngoài bệnh tật & những gã nghiện ngập. Chúng tôi cứ phải cho là có tội trước khi chúng mình được sự vô tội.”

Thuyền trưởng lại cúi đầu. “Thưa bà, tôi không thể thông cảm bởi đâu có sự xúc phạm nào trong những lời ấy.”

“Thành kiến của bà về ‘Những chiến binh thô lỗ của biển cả’ là dễ hiểu, thưa bà Horrox,” lão Boerhaave tham gia vào cuộc nói chuyện, “nhưng tôi sẽ không chấp nhận một giọt rượu nào trên tàu *Prophetess* của chúng tôi, bất chấp bọn họ có hò la phản đối! & ô, họ kêu gào đấy, nhưng tôi gào lại, ‘Loại rượu mạnh duy nhất các người cần là chính là Thánh Linh!’ & tôi cứ thế gào lên to hơn & dai hơn họ thôi!”

Trò chơi chữ đã phát huy tác dụng. Linh mục Horrox giới thiệu hai con gái & ba con trai, tất cả đều chào đời ở đây tại Nazareth. (Các bé gái có thể mới trở về từ trường nữ sinh, còn các bé trai thì có làn da rám nắng như thổ dân dưới lớp cổ áo hồ cứng.) Tuy rất kinh tởm khi bị cài bẫy vào trò lừa bịp của thuyền trưởng, nhưng tôi vẫn tò mò muốn biết thêm về chính trị thần quyền của hòn đảo này & cứ để cho tình thế đưa đi đâu thì đi. Không lâu sau đó phái đoàn chúng tôi tiến đến nhà linh mục Horrox, một dinh thự không hề thua kém bất kỳ lãnh sự nào ở miền nam bán cầu. Nó có một phòng tiếp khách rộng, có cửa sổ kính & nội thất bằng gỗ uất kim hương, một nhà vệ sinh, hai túp lều cho người hầu & một phòng ăn nơi lúc này chúng tôi đang được phục vụ rau tươi & thịt lợn mềm. Chiếc bàn có bốn chân, mỗi chân cắm vào một đĩa nước. Bà Horrox giải thích, “Để ngừa kiến, một mối tai ương của Bethlehem. Phải thường xuyên đổ những xác kiến chết chìm, nếu không chúng sẽ xây hẳn một con đường bằng chính chúng ấy.”

Tôi khen ngợi ngôi nhà. “Linh mục Horrox,” bà chủ nhà nói với vẻ tự hào, “từng học nghề mộc tại quận Gloucester. Phần lớn nhà cửa ở Nazareth

là do một tay ông ấy xây cả đấy. Đầu óc dân ngoại giáo dễ ấn tượng trước sự phô bày vật liệu mà, ông thấy đấy. Nó nghĩ: 'Những ngôi nhà Cơ đốc mới sạch sẽ làm sao! Túp lều của chúng ta thật bẩn thỉu quá! Ông thần da trắng thật tốt bụng biết bao! Thần thánh của chúng ta thật kém cỏi!' Bằng cách này, chúng ta lại có thêm một người cải đạo đến với Chúa."

"Giá mà tôi được sống lại cuộc đời mình lần nữa," lão Boerhaave nêu ý kiến, không một chút ngưng ngừng, "tôi sẽ chọn con đường vị tha nhân của hội truyền giáo. Thừa Linh mục, chúng tôi nhìn thấy ở đây một giáo phận được thiết lập quy củ có gốc rễ cắm sâu, nhưng làm thế nào ông bắt đầu công việc cải đạo trên một bãi biển u mê nơi không một tin đồ Cơ đốc nào từng đặt chân đến?"

Linh mục Horrox nhìn vượt lên khỏi người đặt câu hỏi đến một giảng đường của tương lai. "Sự bền bỉ, thừa ông, lòng thương & luật lệ. Mười lăm năm trước, sự đón tiếp dành cho chúng tôi trên vịnh này không thân thiện như các ông đã nhận được đâu, thừa ông. Ông có thấy hòn đảo hình cái đe ở phía tây đấy không? Người da đen gọi nó là Borabora, nhưng 'Sparta' mới là tên gọi phù hợp hơn, các chiến binh trên đó rất hiếu chiến! Trên bãi biển của Vịnh Bethlehem, chúng tôi đã chiến đấu & một vài người đã ngã xuống. Nếu súng của chúng tôi không thắng trong những trận diễn ra ở tuần đầu tiên thì, Hội truyền giáo Raiatea sẽ vẫn chỉ mãi là một giấc mơ mà thôi. Nhưng ý Chúa đã mong muốn chúng tôi soi sáng ngọn đèn của Người ở đây & giữ cho nó cháy mãi. Sau nửa năm chúng tôi đã có thể đưa vợ con từ Tahiti đến đây. Tôi lấy làm tiếc về những người bản xứ đã thiệt mạng, nhưng khi những thổ dân thấy Chúa bảo vệ cho bộ tộc của họ thì, ô hay, ngay cả những chiến binh Sparta cũng van nài chúng tôi gửi linh mục đến chỗ họ."

Bà Horrox tiếp lời. "Khi bệnh đậu mùa vung lưới hái tử thần, những cư dân Polynesia cần được giúp đỡ, cả tinh thần & vật chất. Lòng thương của chúng tôi lúc đó đã đem những kẻ ngoại đạo đến trước lọ nước thánh. Bây giờ đến lượt Thánh luật giữ cho bầy con chiên chúng tôi khỏi Cám dỗ & đám thủy thủ cướp bóc. Thợ săn cá voi đặc biệt căm ghét chúng tôi vì đã dạy dỗ đàn bà phụ nữ phải giữ đoan trang & tiết hạnh. Những người đàn ông của chúng tôi phải luôn chuẩn bị vũ khí sẵn sàng."

“Nhưng nếu tàu chìm,” thuyền trưởng của chúng tôi nhận xét, “tôi đảm bảo rằng chính những tay săn cá voi đó sẽ cầu xin Số mệnh đẩy chúng lên những bờ biển nơi các ‘hội truyền giáo bị nguyên rủa’ đã đem sách Phúc âm đến, có phải không?”

Mọi người thả đều tán thành với vẻ phần nộ.

Bà Horrox trả lời thắc mắc của tôi về việc thực thi tôn ti trật tự ở hội truyền giáo đơn độc này. “Hội đồng Nhà thờ – gồm chồng tôi & ba vị cao niên thông thái – thông qua những luật lệ mà chúng tôi cho là cần thiết với sự dẫn dắt từ Chúa. Các Cận vệ của Chúa, là một số người bản xứ chứng tỏ họ là những người phục vụ trung thành của Nhà thờ, thực thi các luật này để đổi lấy tín dụng ở cửa hàng của chồng tôi. Sự thận trọng là tối quan trọng, nếu không giờ này tuần sau...” Bà Horrox nhún vai như thể những bóng ma bội giáo nhảy điệu *hula* trên bia mộ bà.

Bữa ăn kết thúc, chúng tôi quây quần ở phòng khách, nơi một cậu bé bản xứ phục vụ món trà lạnh trong những chiếc cốc bằng quả bầu khô xinh xắn. Thuyền trưởng Molyneux hỏi, “Thưa linh mục, làm thế nào để đảm bảo ngân quỹ cho một Hội truyền giáo tích cực như của ông?”

Linh mục Horrox cảm nhận gió đổi chiều & chăm chú quan sát thuyền trưởng lần nữa. “Bột hoàng tinh & dầu dừa thanh toán cho mọi khoản chi, thuyền trưởng ạ. Người da đen làm việc tại đồn điền của chúng tôi để trang trải tiền trường lớp, học Kinh thánh & nhà thờ. Tuần sau, nếu thuận ý Chúa, chúng tôi sẽ có một vụ cùi dừa khô bội thu.”

Tôi hỏi các thổ dân có làm việc một cách tự nguyện hay không.

“Tất nhiên!” bà Horrox thốt lên. “Nếu họ lười biếng, họ biết các Cận vệ của Chúa sẽ trừng phạt họ.”

Tôi muốn hỏi về những hình thức xử phạt này, nhưng thuyền trưởng Molyneux chớp lấy cuộc nói chuyện. “Hiệp hội truyền giáo của ông gửi những món hàng dễ hỏng này lên tàu về London qua ngả Mũi Sừng à?”

“Ông đoán đúng rồi đấy, thuyền trưởng.”

“Thưa linh mục Horrox, ông có bao giờ suy nghĩ đến việc vị trí thế tục của hội truyền giáo này – & đồng thời vị trí *tâm linh* của nó – sẽ như thế nào, nếu ông có một thị trường đáng tin cậy nằm gần quần đảo Society

hơn?”

Linh mục bảo cậu bé người hầu rời khỏi phòng. “Tôi đã cân nhắc câu hỏi này từ lâu, nhưng ở đâu mới được? Các thị trường ở xứ Mỹ rất nhỏ & dễ gặp trộm cướp, Cape Town là một cuộc hôn nhân giữa sở thuế & người Nam Phi tham lam. Vùng biển phía nam Trung Hoa thì nhan nhản cướp biển tàn độc, vô nhân đạo. Người Hà Lan ở Batavia toàn dân hút máu người. Không hề có ý xúc phạm, thưa ông Boerhaave.”

Thuyền trưởng chỉ sang tôi. “Ông Ewing là cư dân của...” lão dừng lại để vén lên lời đề nghị của mình “... San Francisco, California. Ông sẽ biết đến sự tăng trưởng của nó từ một thị trấn bé nhỏ chỉ có bảy trăm người thành một đô thị với... một phần tư triệu người? Không thống kê dân số nào có thể đếm xuê! Thánh thần, người Chile, dân Mỹ, đám Âu châu, người ngoại quốc thuộc đủ màu da đang ồ ạt kéo đến. Một quả trứng, ông Ewing này, xin vui lòng cho chúng tôi biết người ta đang trả bao nhiêu tiền cho một quả trứng ở San Francisco?”

“Một đô la, theo thư bà nhà tôi viết.”

“Một Mỹ kim cho một quả trứng thông thường.” (Nụ cười của thuyền trưởng Molyneux giống như nụ cười của con cá sấu xác ướp mà tôi từng thấy treo trong một cửa hiệu đồ khô ở Louisiana.) “Chắc chắn, điều này khiến một người nhạy bén như ông phải dừng lại để suy nghĩ?”

Bà Horrox không hề ngốc nghếch. “Người ta sẽ sớm khai thác hết vàng ở đó thôi.”

“Vâng, thưa bà, nhưng thành phố khao khát ấy luôn ồn ào, giàu có – cách đây chỉ ba tuần đi bằng thuyền hai buồm như chiếc *Prophetess* của tôi – nó sẽ trường tồn & vận mệnh của nó đã rõ như pha lê. San Francisco sẽ trở thành London, thành Rotterdam, & thành New York của Thái Bình Dương.”

Chủ nhà của chúng tôi xia răng bằng một chiếc xương cá ngừ. “Thưa ông Ewing, ông có tin là hàng hóa trồng ở đồn điền của chúng tôi có thể bán được giá tốt ở thành phố của ông” (thật kỳ lạ khi nghe nhắc đến tên quê hương chúng ta như thế!) “cả vào thời điểm này & sau cơn sốt vàng không?”

Sự trung thực của tôi là lá bài mà thuyền trưởng Molyneux đã lật ra với thủ đoạn quỷ quyệt, nhưng tôi sẽ không nói dối để làm lão phật ý hay để tiếp tay cho lão. “Tôi tin.”

Giles Horrox tháo cổ áo nhà thờ ra. “Ông có muốn đi với tôi đến phòng làm việc không, Jonathon? Tôi khá tự hào về mái trần của căn phòng đấy. Chính tay tôi thiết kế nó để chống chọi lại những cơn bão đáng sợ.”

“VẬY Ự, GILES?” thuyền trưởng Molyneux đáp. “Hãy dẫn đường.”

Dù tên tuổi của bác sĩ Henry Goose chưa hề được biết đến ở Nazareth mãi cho đến sáng nay, song một khi các bà vợ của Bethlehem biết được một vị bác sĩ phẫu thuật người Anh nổi tiếng đang ở trên bờ, họ nhớ lại tất tần tật mọi bệnh tật & chen nhau tìm đến nhà linh mục. (Thật lạ lùng khi hiện diện xung quanh là phái đẹp sau quá nhiều ngày bị nhốt chung với đám đàn ông thô lỗ!) Sự hào hiệp khiến ông bạn tôi không thể từ chối bất kỳ một người khách nào, vì vậy phòng tiếp khách của bà Horrox đã được trưng dụng làm phòng khám bệnh & vây lại bằng màn che vải lanh kín đáo. Lão Boerhaave quay trở về tàu *Prophetess* để chỉ huy việc dọn chỗ chứa thêm hàng trong kho.

Tôi chào nhà Horrox để đi khám phá Vịnh Bethlehem, nhưng bãi biển nóng không chịu nổi & bây ruồi muỗi quá độc hại buộc tôi phải lần ngược dấu chân mình để trở lại “Phố Chính” về phía nhà thờ, nơi vừa phát ra tiếng thánh ca. Tôi định dự lễ chiều. Không một bóng người, không một con chó, thậm chí không một người bản xứ nào, phá vỡ sự tĩnh lặng của lễ Chúa nhật. Tôi đưa mắt nhìn vào nhà thờ tối lơ mờ, & khói bên trong quá dày khiến tôi nhầm tưởng tòa nhà đang bốc cháy! Tiếng hát đã tắt & thay thế bằng những tràng tiếng ho. Năm mươi tám lưng đen trùi trùi quay về phía tôi & tôi nhận ra không khí tràn ngập khói, không phải hỏa hoạn hay nhang mà là thuốc lá mới vắn! Vì tất cả những người bên trong đều đang hút ống tẩu.

Một người da trắng đang đứng trên bục giảng, oang oang thuyết giáo bằng giọng lơ lơ, “tiếng Anh giọng Thái Bình Dương”. Sự phô trương tín ngưỡng vô thể thống này không khiến tôi khó chịu cho đến khi nội dung bài “giáo huấn” trở nên rõ ràng. Tôi trích dẫn lại đây: “Và sau đó, là vậy,

Thánh Peter, phải rồi, người đó hay là ông Jesus được gọi là Thánh Tầu Peter Đáng Yêu, người đó đến từ Rome và dạy những người Do Thái mũm mĩm ở Palestine cái gì là cái gì với Già Thuốc Lá, và đó chính là thứ tôi đang dạy các bạn lúc này đây, thấy chưa.” Đến đây, hắn dừng lại để hướng dẫn cho một người. “Không phải, Bé Hắc Ấn à, ông làm trật lất rồi, nhìn này, ông nhồi thuốc lá vào phía *béo phình* ấy, đúng rồi, cái đấy đấy, thấy chưa, ôi, Ch- oi hắt xì! tôi đã bảo ông bao nhiêu lần rồi, đây là *gốc*, đây là cái *bát*! Làm giống như Cá Bùn ngồi cạnh ông đấy, không, để tôi chỉ cho ông!”

Một người da trắng tái nhợt đang gù lưng tựa vào một chiếc tủ (sau đó tôi mới biết trong đó chứa hàng trăm quyển Kinh thánh in ở Polynesia – tôi phải hỏi xin một quyển làm kỷ niệm trước khi lên đường) quan sát buổi lễ ngập khói. Tôi thì thầm giới thiệu mình với anh ta để không làm những kẻ hút thuốc bị mất tập trung khỏi bài thuyết giáo. Chàng thanh niên giới thiệu mình là Wagstaff & giải thích người đứng trên bục giảng là “Hiệu trưởng Trường Hút thuốc Nazareth”.

Tôi thú nhận, tôi không biết có trường như thế.

“Một ý tưởng của Cha Upward, ở Hội truyền giáo Tahiti. Ông phải hiểu, thưa ông, người Polynesia điển hình làm cho ngành công nghiệp này èo uột vì hắn chẳng có lý do gì để dùng tiền. Hắn sẽ nói, “Nếu tôi đói, tôi tự đi hái cái gì đó, hay bắt cái gì đó. Nếu tôi lạnh, tôi bảo đàn bà, ‘Đan dệt đi!’ Những kẻ rảnh rỗi ấy mà & hai ta đều biết Ác quỷ tìm được việc gì cho chúng, ông Ewing ạ. Nhưng bằng cách tạo ra ở những kẻ lười biếng một cơn thèm nhẹ với loại lá vô hại này, chúng ta cho hắn động cơ để kiếm tiền, để hắn có thể mua thuốc lá – không phải rượu nhé, chỉ thuốc lá thôi – từ điểm giao dịch của Hội truyền giáo. Thật là thiên tài, phải không?”

Làm sao tôi có thể không đồng ý?

Ánh sáng tắt dần. Tôi nghe tiếng trẻ con, tiếng chim lạ lưng trên cao, tiếng sóng vỗ vào vịnh biển. Henry đang lau bầu cài khay măng set. Bà Horrox, người dành cho Henry & tôi sự tiếp đãi nồng hậu tối nay, vừa phái người hầu đến báo tin bữa tối đã sẵn sàng.

Thứ Hai, ngày 9 tháng 12 -

Kể tiếp chuyện ngày hôm qua. Trường dạy hút thuốc đã tan (vài học sinh đang nghiêng ngả & nôn ọe, nhưng giáo viên của họ, một lái buôn thuốc lá lưu động, trấn an chúng tôi, “Họ sẽ mắc câu lúc nào không hay ấy chứ!”), cái nóng đã dịu, dù Mũi Nazareth vẫn hầm hập dưới ánh nắng chói chang. Wagstaff tản bộ với tôi dọc một dải đất rừng chạy về phía bắc từ Vịnh Bethlehem. Là con út của một cha phó ở Gravesend, người hướng dẫn của tôi đã bị lôi kéo vào nghề truyền giáo từ khi còn ẵm ngửa. Hiệp hội, theo thỏa thuận với linh mục Horrox, đã gửi anh ta đến đây để lấy một góa phụ xứ Nazareth, Eliza, nhũ danh là Mapple, & làm cha đứa con trai của cô ta, Daniel. Anh ta đến đây vào tháng năm Năm ngoái.

Thật may mắn khi được sinh sống ở một Vườn địa đàng như thế này, tôi nói, nhưng lời pha trò của tôi đã xát muối vào tinh thần chàng trai trẻ. “Tôi cũng đã tin như thế trong những ngày đầu, thưa ông, nhưng giờ thì tôi chẳng biết có đúng không nữa. Ý tôi là, Địa đàng là một nơi đẹp đẽ, nhưng mọi thứ có sự sống ở đây đều hoang dã, nó cắn & cào xé. Một kẻ tà giáo đến với Chúa là một linh hồn được cứu rồi, tôi biết điều đó, nhưng mặt trời không bao giờ ngưng thiêu đốt & sóng biển & đất đá lúc nào cũng chói lòa, mắt tôi đau buốt cho đến khi trời tắt nắng. Có những khi, tôi sẵn sàng đánh đổi mọi thứ cho sương mù Bắc Hải. Nơi này bóp nghẹt linh hồn *chúng ta*, thật lòng mà nói đấy ông Ewing. Bà nhà tôi đã ở đây từ khi còn bé, nhưng điều đó cũng chẳng giúp bà ấy dễ sống hơn. Ông sẽ nghĩ những người dã man này sẽ biết ơn, ông biết đấy, chúng ta mở trường học cho họ, chữa lành họ, đem lại công ăn việc làm & cuộc sống bất tử cho họ! Ô, họ nói, ‘Xin ông vui lòng,’ và ‘Xin cảm ơn ông’ khá đầy đủ, nhưng ông *chẳng* cảm thấy gì hết,” Wagstaff đập vào tim mình, “ở đây. Phải, nó có thể *trông giống* như Địa đàng, nhưng Raiatea là mọi nơi điêu tàn, giống như mọi nơi khác, đúng, không phải lũ rắn, mà là Ác quỷ đang hoành hành ở đây như ở bất kỳ nơi nào khác. Lũ kiến! Kiến ở khắp mọi nơi. Trong thức ăn, quần áo, kể cả trong mũi nữa. Chừng nào chúng ta chưa cải đạo được những con kiến đáng nguyên rủa này, thì những hòn đảo này sẽ mãi mãi không thực sự thuộc về chúng ta.”

Chúng tôi đến nơi ở giản dị của anh ta, do chồng quá cố của vợ anh ta dựng nên. Wagstaff không mời tôi vào, chỉ lấy nước uống cho chuyến đi của chúng tôi. Tôi quay lại và nhìn thấy một khu vườn khiêm tốn trước nhà, có một người làm vườn da đen đang cuốc đất. Tôi hỏi ông ta đang trồng gì.

“David bị câm,” một người phụ nữ nói với tôi từ cửa ra vào, chị ta khoác một chiếc tạp dề lỏng lẻo, bản thủ. Tôi e rằng chỉ có thể mô tả ngoại hình và thái độ của chị ta là nhếch nhác. “Ông là ông bác sĩ người Anh đang ở nhà Horrox.”

Tôi giải thích tôi là công chứng viên người Mỹ & hỏi có phải tôi đang được tiếp chuyện bà Wagstaff không.

“Hôn lễ nhà thờ và hôn thú của tôi nói vậy, phải.”

Tôi nói bác sĩ Goose đang thực hiện một ca phẫu thuật *phát sinh* tại nhà Horrox, nếu chị ta muốn đến khám bệnh. Tôi trấn an chị ta về sự mát tay của Henry.

“Có đủ mát tay để trừ tà cho tôi, lấy lại những năm tôi đã lãng phí ở đây, & đưa tôi về London với tiền trợ cấp ba trăm bảng một năm không?”

Yêu cầu như vậy nằm ngoài năng lực của bạn tôi, tôi thừa nhận.

“Vậy thì ông bác sĩ mát tay của ông chẳng làm được gì cho tôi rồi, thưa ông.”

Tôi nghe tiếng cười khúc khích trong bụi cây sau lưng, quay lại, & thấy một đám bé trai da đen (tôi tò mò khi thấy nhiều trẻ da sáng từ những hôn nhân khác chủng tộc.) Tôi phớt lờ bọn trẻ & quay lại thì thấy một cậu bé da trắng mười hai hoặc mười ba tuổi, cũng bản thủ giống mẹ nó, chạy vụt qua vợ Wagstaff, chị ta cũng chẳng buồn gọi nó lại. Cậu con trai nô đùa vui vẻ hệt như các bạn người bản xứ vậy! “Này, anh bạn trẻ,” tôi quở mắng, “cháu không sợ bị say nắng khi chạy nhảy lung tung như thế à?” Đôi mắt xanh của cậu bé ánh lên vẻ láu cá & cậu trả lời, mang nặng âm hưởng tiếng Polynesia, khiến tôi chẳng hiểu mô tê gì nhưng khiến những cậu bạn da đen bé xíu khoái chí, rồi tất cả ùa chạy đi như bầy sể lục.

Wagstaff bước ra sau cậu con trai, đầy giận dữ.

“Daniel! Quay lại đây! *Daniel!* Bố biết con nghe thấy! Bố sẽ cho con ăn đòn! Con có nghe không? Bố sẽ cho con ăn đòn!” Anh ta quay sang vợ. “Cô Wagstaff! Cô có *muốn* con trai mình lớn lên cũng thành người dã man không? Ít nhất cũng phải bắt thằng bé mặc quần áo chứ! Ông Ewing sẽ nghĩ gì đây?”

Sự coi thường mà cô vợ Wagstaff dành cho anh chồng trẻ, nếu đóng chai được, hẳn có thể sánh với thuốc diệt chuột. “Ông Ewing muốn nghĩ thế nào thì nghĩ. Rồi ngày mai, ông ta sẽ ra đi trên chiếc tàu đẹp đẽ ấy, đem theo những suy nghĩ của ông ta. Không như anh & tôi, ông Wagstaff à, chúng ta sẽ chết ở đây. Sớm thôi, tôi cầu Chúa như vậy đấy.” Chị ta quay sang tôi. “Chồng tôi học mãi không xong được, thưa ông, vì vậy tôi xin lỗi cứ phải giải thích những chuyện hiển nhiên, mười lần mỗi ngày.”

Không muốn chứng kiến sự bẽ mặt của Wagstaff trong tay vợ, tôi cúi đầu chào & bước ra khỏi hàng rào. Tôi nghe tiếng cầu nhàu của đàn ông bị giẫm đạp bởi sự khinh bỉ của đàn bà & tập trung sự chú ý vào một chú chim cạnh bên đang hát đoạn điệp khúc, mà theo tai tôi, nghe như thế này: – *Toby không nói ra, khôngggg... Toby không nói ra...*

Người dẫn đường của tôi đuổi kịp tôi, lộ rõ vẻ cau có. “Xin thứ lỗi, ông Ewing, tinh thần bà Wagstaff nhà tôi hôm nay nóng nảy đáng sợ. Cô ta chẳng ngủ được bao nhiêu do nóng và nhiều ruồi quá.” Tôi trấn an anh ta rằng “buổi chiều bất tận” của miền Nam Hải khiến ngay cả những người cường tráng nhất cũng đuối sức. Chúng tôi rảo bước dưới những cây lá lược lấm bùn, dọc mũi biển búp măng, đất đai ngập ngụa phì nhiêu, & những con sâu bướm lông lá, béo múp míp bằng ngón tay cái, rơi xuống từ cuống những cây chuối pháo đẹp lạ lùng.

Người thanh niên kể lại khi xưa hội truyền giáo đã trấn an gia đình Wagstaff về sự giáo dục hoàn hảo của người vợ sắp cưới. Linh mục Horrox làm lễ cưới cho họ một ngày sau khi anh đến Nazareth, khi cảm giác mơ màng về vùng Xích đạo vẫn còn khiến anh hoa mắt. (Tại sao Eliza Mapple đồng ý với một cuộc hôn nhân sắp đặt như thế vẫn là điều khó hiểu: Henry phỏng đoán vĩ độ & mảnh đất này “làm rối trí” giới tính yếu hơn & khiến họ trở nên dễ bảo hơn.) Tính “yếu đuối” của cô dâu nhà Wagstaff, độ tuổi thật

& tính khí bất trị của Daniel lộ rõ khi chữ ký của họ trên tờ hôn ước vừa mới ráo mực. Ông bố dượng đã cố gắng chống chọi với gánh nặng mới nhưng điều này dẫn đến “những lời tố cáo ác độc” từ cả người mẹ & đứa con ghẻ khiến anh không biết phải tìm đến đâu để cầu cứu. Không những không giúp đỡ Wagstaff, linh mục Horrox còn trách móc anh vì quá nhu nhược & sự thật là, mười ngày thì hết chín ngày anh khốn khổ như thánh Job<sup>[72]</sup>. (Cho dù nỗi khổ của Wagstaff là gì, có nỗi khổ nào sánh bằng một con giun ký sinh ăn dần mòn những đường ống trong não của người ta chứ?)

Suy nghĩ tìm cách làm cho người thanh niên ủ rũ quên đi nỗi buồn với những vấn đề logic hơn, tôi hỏi tại sao lại có nhiều sách Kinh thánh chẳng ai động đến (& thực sự chỉ những con mọt sách mới đọc) trong nhà thờ. “Đúng ra linh mục Horrox mới có quyền giải thích chuyện này, nhưng nói ngắn gọn là, Hội truyền giáo Vịnh Matavia lần đầu tiên dịch lời dạy của Chúa ra tiếng Polynesia & các hội truyền giáo bản xứ đã sử dụng những quyển Kinh thánh đó để cải đạo được rất nhiều người, đến nỗi Elder Whitlock – một trong những người sáng lập ra Nazareth nhưng nay đã khuất – đã thuyết phục hội truyền giáo áp dụng lại thử nghiệm đó ở đây. Ông ta từng học việc với một thợ khắc bản ở Highgate. Vì vậy cùng với súng & công cụ, những hội truyền giáo đầu tiên đã đem theo máy in, giấy báo, mực in, khay xếp chữ & những tập giấy. Trong vòng mười ngày sau khi thành lập Vịnh Bethlehem, ba nghìn quyển sách đã được in cho trường học của Hội truyền giáo, thậm chí trước cả khi họ đào vườn. Tiếp theo là sách phúc âm Nazareth & Kinh thánh lan truyền từ quần đảo Society đến đảo Cooks đến Tonga. Nhưng lúc này máy in đã gỉ sét, chúng tôi có hàng nghìn quyển Kinh thánh cầu khẩn người sở hữu & tại sao?”

Tôi không đoán được.

“Không đủ thổ dân. Tàu thuyền đem theo mầm mống bệnh tật đến đây, những người da đen hít phải & họ trương phình lên vì bệnh & ngã lăn quay như con vụn. Chúng tôi dạy những người sống sót về chế độ một vợ một chồng & hôn nhân, nhưng những sự kết hợp của họ không đem lại kết quả.” Tôi nhận ra mình đang thắc mắc đã bao nhiêu tháng qua Wagstaff chưa mỉm cười. “Triệt tiêu những gì ông từng trân trọng & chữa trị,” anh

nói, “đó dường như là giải pháp của mọi vấn đề.”

Con đường kết thúc ở đoạn dẫn xuống bãi biển tại một “thời” san hô đen vỡ nát, dài gần hai mươi mét & cao bằng hai người. “Cái này gọi là *marae*,” Wagstaff nói. “Tôi nghe nói ông sẽ nhìn thấy chúng trên khắp vùng Nam Hải.” Chúng tôi leo lên & tôi thấy *Prophetess*, cách đây chỉ một lần “quấy chân” đối với người khỏe mạnh biết bơi. (Finbar trút một thùng to qua lan can tàu & tôi thấy bóng đen của Autua trên nóc cột buồm phía lái, đang cuộn buồm trước lên.)

Tôi hỏi thăm về nguồn gốc & mục đích của *marae* & Wagstaff giải thích vắn tắt, “Chỉ cách đây một thế hệ, thổ dân vẫn còn gào thét & cắt máu & hiến tế cho những thần thánh giả tạo của họ ngay trên những tảng đá mà chúng ta đang đứng.” Suy nghĩ của tôi trôi về bãi biển Yến tiệc trên đảo Chatham. “Bây giờ bất kỳ người da đen nào đặt chân lên đây đều bị các Cận vệ của Chúa đánh đòn. Hoặc kẻ nào nhằm nhe định thế. Trẻ con bản xứ thậm chí còn không biết tên các thần thánh cũ nữa. Giờ đây tất cả chỉ còn là ổ chuột & rác rến thôi. Đó là điều mà một ngày nào đó mọi đức tin sẽ trở thành. Ổ chuột & rác rến.”

Những cánh hoa sứ và hương hoa bao trùm lấy tôi.

Người ngồi cạnh tôi tại bàn ăn tối là bà Derbyshire, một góa phụ đã bước sang thập niên thứ sáu của cuộc đời, cay đắng & cứng nhắc như một quả đậu xanh. “Tôi thừa nhận không thích người Mỹ,” bà ta bảo tôi. “Họ đã giết ông chú Samuel đáng kính của tôi, một đại tá trong Pháo binh Hoàng gia, trong trận chiến 1812.” Tôi ngỏ lời chia buồn (không mong muốn), nhưng nói thêm rằng cho dù người cha kính yêu của tôi đã bị người Anh giết chết trong cùng trận chiến đó, nhưng tôi vẫn có một số bạn thân là người Anh. Bác sĩ cười rất to & thốt lên, “Hoan hô, Ewing!”

Bà Horrox bẻ lái cuộc nói chuyện trước khi chúng tôi đâm phải đá ngầm. “Các ông chủ của ông đặt niềm tin to lớn vào tài năng của ông đấy, ông Ewing ạ, chẳng thế mà họ đã tin cậy giao cho ông công việc đòi hỏi một hành trình dài & vất vả như thế.” Tôi đáp rằng, phải, tôi là công chứng viên cao cấp đủ để tin cậy với nhiệm vụ hiện nay, nhưng cũng là một người quản lý văn khế thừa non trẻ để buộc phải nhận nhiệm vụ ấy. Những tiếng

cười cảm thông tưởng thưởng cho sự khiêm tốn của tôi.

Sau khi nói xong lời cầu nguyện trước những bát xúp rùa & cầu xin Hồng ân cho sự hợp tác kinh doanh mới với thuyền trưởng Molyneux, linh mục Horrox giảng đạo về một chủ đề rất được yêu thích trong lúc chúng tôi ăn. “Tôi đã luôn có niềm tin không suy suyển, rằng Đức Chúa, trong Thế giới Văn minh của chúng ta, không phải hiển lộ qua những Phép lạ của Thời đại Kinh thánh, mà trong Tiến trình. Chính Tiến trình là điều dẫn Nhân loại lên nấc thang cao hơn tiến về phía Chúa. Đây không phải là Chiếc thang Jacob, không hề, mà chính là

‘Chiếc thang Văn minh’. Cao hơn tất thảy mọi chủng tộc trên chiếc thang này là người Anglo-Saxon. Người Latin ở dưới một, hai bậc. Thấp hơn nữa là người Á châu – một chủng tộc chăm chỉ, không ai có thể phủ nhận, nhưng thiếu lòng quả cảm của chủng tộc Aryan. Các nhà Hán học khẳng định họ từng có tham vọng bá chủ, nhưng Shakespeare da vàng của các người ở đâu, hử, hay da Vinci mắt xích của các người đâu? Đây là chuyện hai năm rưỡi mươi nhé. Thấp hơn nữa, chúng ta có người da đen. Những kẻ tính khí đàng hoàng một chút thì có thể được dạy dỗ để lao động sinh lời, dù kẻ cứng đầu khác nào ác quỷ đầu thai! Người da đỏ cũng thế, có thể làm được những việc vặt có ích ở vùng lân cận California, không phải thế sao, ông Ewing?”

Tôi thừa nhận là đúng.

“Bây giờ, người Polynesia của chúng ta. Khách đến Tahiti, O-hawaii, hay Bethlehem chẳng hạn, sẽ kết luận rằng cư dân đảo Thái Bình Dương có thể, với sự hướng dẫn cẩn thận, học được “A–B–C”, chút số học & lòng mộ đạo, từ đó tiến hóa vượt qua người da đen để cạnh tranh với người Á châu về sự chăm chỉ.”

Henry cắt ngang để nhận xét rằng người Maori đã tiến đến “D–E–F” về buôn bán, ngoại giao & chủ nghĩa thực dân.

“Càng chứng minh quan điểm của tôi. Cuối cùng, thấp nhất & kém nhất chính là những ‘Chủng tộc không thể cải tạo’, Thổ dân Úc, người Patagonia, nhiều dân tộc Phi châu, & v.v., vươn lên từ loài khỉ & quá bướng bỉnh trước Tiến trình đến nỗi, như loài voi răng máu & ma mút, tôi e rằng

một cuộc ‘đánh bật khỏi nấc thang’ nhanh chóng – sau những anh em họ của họ - người Guanche, dân đảo Canary & Tasmania – là viễn cảnh tử tế nhất.”

“Ý ông là,” thuyền trưởng Molyneux ăn hết bát xúp của mình, “tuyệt chủng?”

“Đúng thế, thuyền trưởng ạ, đúng thế. Tiến trình & Luật tự nhiên chuyển động đồng thời mà. Thế kỷ này của chúng ta sẽ chứng kiến các bộ lạc của nhân loại hiện thực hóa những lời tiên tri viết sẵn trong đặc tính chủng tộc của họ. Tầng lớp ưu việt hơn sẽ giảm trừ những người dã man đông đúc xuống con số tự nhiên của họ. Có thể sẽ diễn ra những cảnh không mấy dễ chịu, nhưng người có lòng dũng cảm trí thức không được nao núng. Một trật tự vẻ vang sẽ tiếp nối, khi mọi chủng tộc sẽ biết & tự hào về vị trí của họ trên chiếc thang văn minh của Chúa trời. Vịnh Bethlehem đem đến viễn cảnh về một bình minh sắp đến.”

“Amen cho điều đó, thưa linh mục,” thuyền trưởng Molyneux đáp. Một anh Gosling nào đấy (hôn phu của con con gái đầu lòng của linh mục Horrox) siết chặt tay bày tỏ sự ngưỡng mộ. “Nếu con được phép bày tỏ, thưa cha, thì có cảm tưởng như... vâng, một sự *mất mát* khi định lý của cha không được xuất bản rộng rãi. ‘Chiếc thang Văn minh Horrix’ sẽ làm vẻ vang Hiệp hội Hoàng gia!”

Linh mục Horrox nói, “Không, anh Gosling ạ, công việc của tôi là ở đây. Thái Bình Dương phải tự tìm kiếm cho họ một Descartes khác, một Cuvier khác.”

“Rất sáng suốt đấy, thưa linh mục,” Henry đập một con côn trùng bay qua & xem xét cái xác của nó, “khi ông giữ lại những suy nghĩ đó cho riêng mình.”

Chủ nhà của chúng tôi không thể che giấu sự bức bối. “Tại sao?”

“Thì đấy, nhìn kỹ sẽ thấy rõ mà, một ‘định lý’ là dư thừa khi một quy luật đơn giản đã đủ.”

“Thế quy luật đó là gì?”

“Quy luật đầu tiên trong ‘Hai quy luật sống sót của Goose.’ Đó là, ‘Kẻ yếu làm môi cho kẻ mạnh ăn thịt.’”

“Nhưng “quy luật đơn giản” của ông chưa xét đến điều huyền bí cơ bản, “Tại sao các chủng tộc da trắng lại thống lĩnh thế giới?”

Henry bật cười & lắp đạn vào một khẩu súng hỏa mai tưởng tượng, ngắm xuống nòng súng, nheo mắt, rồi khiến cả bàn giật mình với một tiếng “Bang! Bang! Bang! Thấy chưa? Bắn trúng ông ta trước khi ông ta hút ống tẩu!”

Bà Derbyshire thốt lên một tiếng “Ồi!” sợ sệt.

Henry nhún vai. “Huyền bí cơ bản ở chỗ nào?”

Linh mục Horrox mất đi sự hài hước vốn có. “Ông ngụ ý rằng các chủng tộc da trắng thống trị địa cầu không phải nhờ ân điển thiêng liêng mà bằng súng hỏa mai ư? Nhưng một nhận định gán ghép như vậy chẳng qua cũng chỉ là điều huyền bí *tương tự* khoác trên nó một bộ quần áo vay mượn mà thôi! Làm thế nào súng hỏa mai đến tay người da trắng & không đến tay, chẳng hạn như, người Esquimeau hay người Pygmy, nếu không nhờ thánh ý của Đấng Toàn Năng?”

Henry nhã nhặn. “Vũ khí không tự nhiên được thả lên đời chúng ta vào một buổi sáng nào đó. Nó không phải là *mana* từ bầu trời Sinai. Từ thời Agincourt, người da trắng đã hoàn thiện & phát triển khoa học thuốc súng cho đến khi các quân đội hiện đại của chúng ta có thể làm ra hàng chục nghìn súng hỏa mai! ‘À ha!’ vâng, ông sẽ hỏi, ‘Nhưng tại sao lại là người Aryan chúng ta? Tại sao không phải là người Uniped xứ Ur hay người Mandrake ở Mauritius?’ Bởi vì, linh mục ạ, trong tất cả các chủng tộc trên thế giới, tình yêu của chúng ta – hay nói đúng hơn là *sự tham lam* của chúng ta – dành cho của cải, vàng, gia vị & quyền lực thống trị, ô, chủ yếu là quyền lực thống trị ngọt ngào - là mạnh mẽ nhất, khát khao nhất, vô lương tâm nhất! Sự tham lam này, vâng, quyền lực của Tiến trình; vì mục đích thấp hèn hay cao cả tôi không biết. Cũng như ông không biết. Cũng như tôi chẳng quá bận tâm. Tôi chỉ cảm thấy biết ơn vì Tạo hóa đã đặt tôi nằm ở bên thắng cuộc.”

Sự thẳng thắn của Henry bị hiểu lầm thành thái độ bất lịch sự & linh mục Horrox, vị Napoleon của Elba xích đạo của riêng mình, đã đỏ bừng bừng vì phẫn nộ. Tôi khen ngợi món xúp của gia chủ (dù kỳ thực còn thèm

thuốc xổ giun khiến tôi khó tiêu hóa bất kỳ món ăn nào dù là đơn giản nhất) & hải loại rùa này được bắt ở vùng biển gần đó hay được nhập khẩu từ xa.

Sau đó, nằm trên giường trong bóng tối nhập nhoạng, bị lũ thạch sùng nghe trộm, Henry thừa nhận cuộc phẫu thuật ngày hôm đó thực ra là “một cuộc diễu hành của những người đàn bà bị cháy nắng lên cơn kích động, những người không cần thuốc men chi cả, mà cần cửa hàng dệt kim, cửa hàng thời trang, cửa hàng mũ bê rê, hiệu nước hoa & những món trang sức linh tinh dành cho giới tính của họ”! Ông ta giải thích việc “bắt mạch” của mình chỉ có một phần là kê thuốc, chín phần là tán gẫu linh tinh. “Họ thề rằng các ông chồng đang ăn nằm với đàn bà bản địa & sống trong nỗi sợ hãi chết người rằng họ sẽ mắc ‘bệnh gì đó.’ Khăn mùi soa phất lên trong không khí cứ gọi là hết chiếc này đến chiếc khác.”

Sự thừa nhận của ông ta khiến tôi thấy không thoải mái & tôi đánh liều nói rằng Henry nên tập giữ mồm giữ miệng khi bất đồng ý kiến với chủ nhà. “Adam thân mến ơi, tôi đã kiểm chế rồi còn gì & nhiều hơn cần thiết ấy chứ! Tôi chỉ muốn hét lên câu này với lão già ngu ngốc đó: – Tại sao lại thích thú với sự thật hiển nhiên rằng chúng ta đẩy những chủng tộc da sậm hơn đến mồ chôn của họ nhằm chiếm đoạt đất đai & của cải của họ? Loài lang sói còn không ngồi trong hang, dựng nên những định luật tào lao về chủng tộc để biện minh cho việc ăn tươi nuốt sống một đàn cừu! ‘Lòng dũng cảm trí thức’ ư? ‘Lòng dũng cảm trí thức’ thực sự là cái cờ che đậy & thừa nhận rằng mọi dân tộc đều là thú săn mồi, nhưng những con thú săn mồi da trắng, với cặp bài trùng chết người mầm bệnh & vũ khí, là tiêu biểu cho đệ nhất săn mồi, & còn gì nữa?”

Tôi cảm thấy buồn khi một bác sĩ tận tụy & tín đồ Cơ đốc nhã nhặn như thế lại bị khuất phục trước lòng hoài nghi. Tôi hỏi Quy luật sống sót thứ hai của Goose là gì. Henry cười trong bóng tối & hắng giọng, “Quy luật sống sót thứ hai nói rằng *không* có quy luật thứ hai nào cả. Ăn hoặc bị ăn. Thế thôi.” Chẳng bao lâu sau ông ta đã ngáy đều, nhưng con Giun trong người khiến tôi thao thức cho đến khi những vì sao bắt đầu mờ nhạt. Thạch sùng kiếm ăn & bò nhẹ nhàng qua ga trải giường của tôi.

Bình minh ầm ương & đỏ rực như quả chanh dây. Đàn ông & đàn bà bản

địa lũy lượt kéo nhau đi lên “Phố Chính” đến các đồn điền của nhà thờ trên đỉnh đồi, nơi họ làm việc đến khi cái nóng buổi chiều trở nên quá sức chịu đựng. Trước khi xuống nhỏ đến để đưa Henry & tôi quay về *Prophetess*, tôi đi xem những người thợ xước xơ cùi dừa khô. Thật tình cờ anh Wagstaff là người giám sát họ sáng nay & có một bé trai bản xứ đem đến cho chúng tôi nước dừa. Tôi dẫn lòng không hỏi thăm về gia đình anh & anh cũng không nhắc đến họ. Anh cầm một cây roi, “nhưng tôi hiếm khi dùng đến nó, đó là việc của ông hoàng Cận vệ của Chúa. Tôi chỉ trông chừng những kẻ giám sát mà thôi.”

Ba trong số những con người danh giá này quan sát những người lao động, xướng những bài thánh ca (“bài hò thủy thủ trên cạn”) & quát nạt những kẻ chệnh mảng. Wagstaff ít hào hứng trò chuyện hơn hôm qua & để cho những lời pha trò của tôi rơi vào thinh lặng, sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi những tiếng động của núi rừng & người lao động. “Có phải ông đang nghĩ rằng chúng tôi biến những người tự do thành nô lệ không?”

Tôi né tránh câu hỏi này bằng cách nói ông Horrox đã giải thích những người lao động đang trả công cho những lợi ích Tiến trình do hội truyền giáo đem lại. Wagstaff không nghe tôi. “Có một bộ lạc kiến tên là kiến chiếm hữu. Chúng tấn công các đàn kiến thông thường, ăn cắp trứng về tổ của chúng, & sau khi trứng nở thì những nô lệ bị ăn cắp trở thành công nhân cho đế chế vĩ đại, & không bao giờ ngờ rằng chúng từng bị ăn cắp. Bây giờ nếu ông hỏi tôi, thì Thiên Chúa Jehovah đã tạo ra những con kiến này như một hình mẫu đấy, ông Ewing ạ.” Ánh mắt của Wagstaff ẩn chứa tương lai xưa cũ. “Cho những kẻ có mắt nhìn thấy.”

Những người có tính cách dễ thay đổi khiến tôi bất an & Wagstaff là một người như thế. Tôi cáo lỗi & tiến đến điểm tiếp theo, trường học. Ở đây, trẻ con Nazarene thuộc cả hai màu da học chữ, số học và A–B–C về cuộc sống. Bà Derbyshire dạy con trai & bà Horrox dạy con gái. Vào buổi chiều trẻ con da trắng học thêm ba giờ với giáo trình phù hợp với địa vị của chúng (dù Daniel Wagstaff tỏ ra miễn nhiệm trước những lời khuyên dỗ của các thầy cô giáo) trong khi những bạn da màu sậm hơn đến chỗ bố mẹ trên đồng trước giờ kinh chiều mỗi ngày.

Một vở kịch ngắn được diễn để chào đón tôi. Mười bé gái, năm da trắng,

năm da đen, diễn lại một đoạn trong Điều răn của Chúa. Sau đó tôi được nghe bài “Ô! Nhà là nơi ta được yêu thương nhất”, có sự tham gia của bà Horrox trên một chiếc đàn piano cánh mở từng có quá khứ vẻ vang hơn hiện tại. Các bé gái sau đó được mời đặt câu hỏi cho khách, nhưng chỉ những cô bé da trắng giơ tay lên. “Thưa ông, ông có quen George Washington không?” (Trời ơi, không.) “Có bao nhiêu con ngựa kéo cỗ xe của ông?” (Ông nhạc phụ của ta có xe tứ mã, nhưng ta thích cưỡi một con ngựa hơn.) Đứa bé nhất hỏi tôi, “Con kiến có bị đau đầu không?” (Nếu những tiếng cười khích khích của bạn học không khiến tác giả câu hỏi khóc òa lên, thì tôi có lẽ vẫn còn đứng đó suy ngẫm về câu hỏi này.) Tôi bảo các cháu học sinh sống theo lời dạy của Kinh thánh & vâng lời người lớn, rồi ra về. Bà Horrox cho tôi hay những vị khách trước đây từng được tặng một vòng hoa sứ, nhưng những người cao tuổi trong hội truyền giáo cho rằng vòng hoa là trái với thuần phong mỹ tục. “Nếu hôm nay chúng tôi cho phép vòng hoa, thì ngày mai sẽ đến lượt nhảy múa. Nếu ngày mai là nhảy múa...” Bà nhún vai.

Thật đáng tiếc.

Đến xế trưa, cánh đàn ông đã chất xong hàng hóa & *Prophetess* từ từ tiến ra khỏi vịnh ngược chiều gió. Henry & tôi đã trở về phòng ăn tập thể để tránh sóng biển lẫn tiếng văng tục. Bạn tôi đang sáng tác một đoạn thơ trong thiển sử thi kiểu Byron nhan đề “Lịch sử thật sự của Autua, người Moriori cuối cùng” & cắt ngang việc viết nhật ký của tôi để hỏi vẫn nào đi với nhau thì hợp: - “Máu dòng tuôn”?; “Ngập ngựa bùn”?; “Robin Hood”?

Tôi nhớ đến những tội ác mà Melville đã gây ra cho các hội truyền giáo Thái Bình Dương trong câu chuyện kể gần đây của ông ta về Typee. Giống như đầu bếp, bác sĩ, công chứng viên, giáo sĩ, thuyền trưởng & vua chúa, liệu những người truyền giáo cũng có người tốt, người xấu không? Có lẽ những thổ dân của quần đảo Society & Chatham sẽ hạnh phúc nhất khi “không bị phát hiện”, nhưng nói như thế thì chẳng khác nào muốn mặt trăng làm của riêng mình. Chúng ta nên hay không nên cổ vũ nỗ lực của ông Horrox & và thầy dòng trong việc giúp đỡ thổ dân leo lên “Chiếc thang Văn minh”? Chẳng lẽ tiến lên là sự cứu rỗi duy nhất của họ?

Tôi không biết câu trả lời, cũng như không biết tự khi nào sự chắc chắn

của tôi về những năm tháng trẻ trung hơn đã bay đi mất.

Trong đêm tôi ở lại nhà Horrox, một tên trộm đã đột nhập vào buồng tôi & khi kẻ vô lại này không thể tìm thấy chìa khóa chiếc hòm gỗ mít của tôi (tôi đeo nó trên cổ), hắn đã tìm cách phá ổ khóa. Nếu hắn thành công, thì các kế ước & tài liệu của ông Busby giờ đây đã thành cỏ khô cho cá ngựa rồi. Tôi ước gì thuyền trưởng của chúng tôi cũng được tạo thành từ chất liệu làm nên thuyền trưởng Beale đáng tin cậy! Tôi không dám gửi tư trang quý giá cho thuyền trưởng Molyneux & Henry đã cảnh báo tôi đừng “chọc tổ ong bầu” bằng cách kể lại vụ ăn trộm với lão Boerhaave, e rằng một cuộc điều tra sẽ kích thích mọi kẻ trộm cắp trên tàu thử vận may mỗi khi tôi lơ là. Tôi cho rằng ông ta nói đúng.

Thứ Hai, ngày 16 tháng 12 -

Hôm nay vào giữa trưa mặt trời mọc thẳng đứng & trò chơi tự chế hay được gọi là “Vượt lần ranh” được đưa ra, theo đó các “trình nữ” (những thủy thủ lần đầu tiên vượt qua xích đạo) chịu đựng nhiều trò bắt nạt & bị dìm nước, theo quy định của những thủy thủ tiến hành các nghi thức này. Thuyền trưởng Beale tế nhị đã không lãng phí thời gian cho trò này trong chuyến đi đến Úc của tôi, nhưng những thủy thủ trên *Prophetess* sẽ không bị khước từ trò vui này. (Tôi đã nghĩ tất cả những gì đề cập đến “vui” đều xúc phạm đến lão Boerhaave, cho đến khi tôi thấy những “trò tiêu khiển” này tàn nhẫn thế nào.) Finbar báo với chúng tôi hai “trình nữ” là Rafael & Bentnail. Bentnail đã đi biển được hai năm, nhưng chỉ đi tuyến Sydney – Cape Town.

Trong lúc canh gác, cánh thủy thủ chằng một tấm màn trên khoang trước & tụ tập quanh cái tời, nơi Hải Vương (là Pocock, mặc một chiếc váy choàng kỳ cục và đội chổi cao su làm tóc giả) đang nghị triều. Các chàng đồng trình bị trói vào tời neo như hai vị thánh Sebastian. “Thầy thuốc & Gà Chọi!” Pocock kêu lên khi thấy Henry & tôi. “Các người định đến cứu các nàng trình nữ khỏi móng vuốt rồng của ta à?” Pocock nháy múa với một cây dùi để tháo múi dây thừng, làm những cử chỉ khó xem & đám thủy thủ vỗ tay cười khoái trá. Henry phá ra cười, đáp trả rằng ông ta thích các trình nữ của mình không có râu hơn. Câu trả lời của Pocock về râu của gái đồng trình quá khiếm nhã không thể viết ra đây được.

Hoàng đế Hậu quay lại với các nạn nhân của mình. “Bentnail xứ Cape Town, Tầng lớp hạ lưu của Thị trấn lưu đày, người có sẵn sàng thực hiện mệnh lệnh của các Con trai Hải Vương chưa?” Rafael, tâm tính trẻ thơ được phục hồi một phần bởi những trò hề này, đáp một cách quả quyết, “Vâng, thưa Hoàng thượng!” Bentnail cúi kính gập đầu. Hải Vương gầm lên, “Khôngggg! Phải đợi đến khi chúng ta cạo hết mớ vảy trên người các người đã! Đem kem cạo đến đây cho ta!” Torgny nhanh chân đem đến một xô hắc ín rồi dùng cọ phết lên mặt hai gã tù nhân. Kế đến, Guernsey xuất hiện, ăn mặc như Hải Vương Hoàng Hậu, & cạo lớp hắc ín bằng dao cạo. Gã đến từ Cape Town to tiếng chửi bới, càng làm cho những kẻ xung quanh vui vẻ

thích thú & không ít lần dao cạo “trượt tay”. Rafael bình tĩnh hơn và chịu đựng nỗi khổ hạnh của mình trong im lặng. “Tốt hơn, tốt hơn rồi,” Hải Vương găm gù, trước khi quát lên, “Bịt mắt cả hai tên & đưa tên hạ lưu trẻ vào phòng xử án của ta!”

“Phòng xử án” này là một thùng nước biển, Rafael bị dốc ngược đầu nhúng xuống đó trong khi đám thủy thủ đếm đến hai mươi, sau đó Hải Vương ra lệnh cho các “cận thân”, “câu thân dân mới nhất của ta lên!” Mảnh khăn bịt mắt được tháo ra & cậu bé tựa vào thành tàu để lấy lại hơi.

Bentnail thực hiện mệnh lệnh miễn cưỡng hơn, hét lên, “Thả ta ra bọn chó đẻ!” Hải Vương trợn tròn mắt kinh ngạc. “Cái mồm hôi hám đó cần nhúng trong nước biển ít nhất đến *bốn mươi*, các chàng trai, nếu không ta sẽ không tha đâu!” Sau khi đếm đến bốn mươi, anh chàng người Nam Phi được kéo lên, kêu gào, “Tao sẽ giết hết đám chó đẻ bọn mày, tao thề tao sẽ...” Trước sự thích thú của mọi người, gã lại bị nhúng nước đến bốn mươi. Khi Hải Vương tuyên bố gã đã thi hành xong bản án của mình, Bentnail chỉ biết ho sặc sụa & nôn ọe. Lão Boerhaave lúc bấy giờ kết thúc trò chơi & những người con trai mới nhất của Hải Vương lau mặt bằng xơ gai & một bánh xà phòng.

Finbar vẫn còn cười khùng khục trong giờ ăn tối. Sự tàn nhẫn chưa bao giờ làm tôi cười nổi.

Thứ Tư, ngày 18 tháng 12 -

Biển lặng, tĩnh không gợn gió, nhiệt độ duy trì ở mức 32oC. Thủy thủ đoàn đã giặt võng & buộc lên cho khô. Những cơn đau đầu của tôi xuất hiện ngày một sớm & Henry một lần nữa lại tặng liều thuốc diệt giun cho tôi. Tôi thầm cầu nguyện thuốc của ông ta sẽ không hết trước khi chúng tôi hạ neo ở Hạ Uy Di bởi cơn đau không hề được cải thiện sẽ làm vỡ sọ tôi mất. Ngoài chuyện đó ra, bác sĩ của tôi rất bận rộn với bệnh nhiễm khuẩn ngoài da & tiêu chảy trên *Prophetess*.

Giấc ngủ trưa chập chờn chiều nay bị gián đoạn bởi tiếng la hét, vì vậy tôi đi lên boong & thấy một con cá mập còn non đang bị móc & kéo lên tàu. Nó vùng vẫy trong vũng máu đỏ tươi của mình một lúc lâu trước khi Guernsey tuyên bố nó đã thực sự chết tốt. Cái hàm & đôi mắt nó gợi nhớ đến mẹ của Tilda. Finbar xẻ thịt con cá trên boong & không thể nào xử lý hết lượng thịt ê hề của nó trong nhà bếp. Các thủy thủ mê tín hơn thì từ chối món chiêu đãi này, nói rằng ai cũng biết cá mập ăn thịt người, vì thế ăn thịt cá mập về nguyên tắc là ăn thịt người rồi. Ông Sykes dành ra một buổi chiều lột da con cá làm giấy nhám.

Thứ Sáu, ngày 20 tháng 12-

Liệu lũ gián có béo lên nhờ ăn thịt tôi trong lúc tôi ngủ hay không? Sáng nay một con đánh thức tôi dậy bằng cách bò qua mặt tôi & tìm cách kiếm chác trong lỗ mũi tôi. Thực sự, nó dài đến mười lăm centimet! Tôi cảm thấy cực kỳ thôi thúc muốn giết con bọ khổng lồ đó, nhưng trong căn buồng chật chội, tối tăm của tôi, nó có lợi thế. Tôi than phiền với Finbar, ông ta dụ tôi trả một đô la đổi lấy một con

“chuột săn gián” được huấn luyện đặc biệt. Sau đó, chắc chắn ông ta sẽ muốn bán cho tôi một con “mèo săn chuột” để tiêu diệt con chuột săn gián kia, rồi tôi sẽ cần một con chó săn mèo & ai mà biết chuyện này sẽ dừng lại ở đâu?

Chủ nhật, ngày 22 tháng 12 -

Nóng, quá nóng, tôi tan chảy & ngứa ngáy & phỏng rộp. Sáng nay tôi thức dậy bởi tiếng than thở của những thiên thần mắc đọa. Tôi nằm trong buồng lắng nghe, khi những khoảnh khắc kéo dài thành những phút, tự hỏi con giun của tôi đang muốn gây ra điều ác độc gì, cho đến khi tôi nhận ra một tiếng hét kinh hoàng từ phía trên: “Kìa nó phun kìa!” Tôi tháo lỗ thông gió ra nhưng trời tối quá không thấy rõ được, vì thế dù người rất yếu tôi vẫn cố lê bước lên cầu thang giữa. “Đó, thưa ông, ở đó!” Rafael giữ chặt eo tôi bằng một tay, còn tay kia thì chỉ. Tôi nắm chặt lan can tàu, vì lúc này chân không còn đứng vững nữa. Thằng bé vẫn chỉ. “Đấy! Thật là kỳ thú, phải không ông?” Dưới ánh hoàng hôn tôi thấy bọt sủi, cách mạn phải mũi thuyền chỉ chín mét. “Đàn sáu con!” Autua hét lên, từ trên cao. Tôi nghe tiếng thở của cá voi, rồi cảm thấy cơn mưa bọt nước trút xuống người chúng tôi! Tôi đồng ý với cậu ta, chúng thực sự tạo ra một cảnh tượng kỳ thú. Một con nhô lên, rồi hạ xuống dưới những con sóng. Những chiếc đuôi cá voi in bóng lên nền trời phía đông đỏ hồng. “Thật tiếc chúng ta không phải tàu đánh cá voi nhỉ,” Newfie bình luận. “Dễ cũng được cả trăm thùng dầu từ một con to đấy!” Pocock mắng, “Tiếc gì mà tiếc! Tao từng làm trên tàu đánh cá voi rồi, lão thuyền trưởng đúng là người xấu xa độc ác nhất mà tao từng thấy, ba năm trên đó làm cho *Prophetess* giống như một chuyến đi thuyền nhẹ nhàng chiều Chủ nhật vậy!”

Tôi quay về buồng nằm nghỉ. Chúng tôi đang đi ngang qua một đàn cá voi lưng gù rất lớn. Tiếng hét “Kìa nó phun kìa!” được nghe thấy quá thường xuyên đến nỗi giờ đây chẳng ai còn bận tâm đi xem nữa. Môi tôi khô như ngói & lột hết cả da. Sự đơn điệu có màu xanh dương.

## Đêm Giáng sinh -

Một cơn gió mạnh & biển động & tàu nghiêng ngả. Ngón tay tôi sưng vù, đến nỗi Henry phải cắt chiếc nhẫn cưới của tôi để nó không chặn đường máu lưu thông & gây bệnh phù nề. Mất đi biểu tượng hôn nhân này với Tilda khiến tinh thần tôi suy sụp khôn tả. Henry càu nhàu tôi vì cư xử như “con chim hải âu rứt cổ gốc nghéch” & quả quyết rằng nhà tôi sẽ đặt sức khỏe của tôi lên trên chuyện hai tuần lễ không đeo một chiếc vòng bằng kim loại. Chiếc nhẫn đang nằm trong tủ sắt của bác sĩ, vì ông ta biết một thợ làm vàng người Tây Ban Nha ở Honolulu có thể sửa nó với giá hữu nghị.

## Giáng sinh -

Sóng to gió lớn kéo dài do ảnh hưởng của cơn gió hôm qua. Lúc bình minh, sóng biển trông như những rặng núi có đỉnh bằng vàng khi ánh mặt trời quét ngang bên dưới những đám mây màu tím. Tôi dốc hết sức lực để đi đến phòng ăn tập thể, nơi ông Sykes & ông Green đã nhận lời mời của Henry & tôi đến bữa ăn Giáng sinh riêng. Finbar nấu bữa ăn tối ít độc hại hơn thường lệ, một món “hỗ lớn” (thịt bò muối, bắp cải, khoai & hành tây) vì thế tôi có thể nuốt gần hết, cho đến sau đó. Món bánh mận chẳng có miếng mận nào. Thuyền trưởng Molyneux gửi lời đến ông Green rằng khẩu phần rượu của cánh thủy thủ được tăng gấp đôi vì thế đến giờ gác buổi chiều các thủy thủ đã liêu xiêu hết cả. Một trận chè chén thả ga thường thấy. Một lượng bia nhẹ trút cho con khỉ cổ bạc bất hạnh, con vật kết thúc màn kịch câm bét nhè của nó bằng cách nhảy xuống biển. Tôi lùi về buồng của Henry & cùng nhau chúng tôi đọc chương hai sách Matthew. Bữa tối gây thiệt hại lớn đến hệ tiêu hóa của tôi & buộc tôi phải đi nhà vệ sinh liên tục.

Trong lần đi cuối, Rafael đang đợi ở ngoài. Tôi xin lỗi vì đã để cậu ấy đợi lâu, nhưng chàng trai nói, không, cậu ấy cố tình chờ được gặp tôi. Cậu thú nhận đang gặp rắc rối, & hỏi tôi câu này: “Chúa đón nhận ta, đúng không, nếu ta hối lỗi... dù cho ta đã làm gì, ngài sẽ không đẩy ta xuống... ông biết đấy...” đến đây chàng trai học việc lúng búng “... địa ngục?”

Tôi thừa nhận điều đó là đúng, đầu óc tôi bận tâm cho hệ tiêu hóa hơn là giáo điều & tôi thốt ra rằng Rafael khó có thể gây ra tội lỗi gì trong mấy năm cuộc đời của cậu. Chiếc đèn bão đung đưa & tôi thấy nỗi khổ đau làm méo mó khuôn mặt người thanh niên can đảm. Lấy làm tiếc vì sự vô ý của mình, tôi khẳng định rằng lòng nhân từ của Đấng Toàn Năng kỳ thực là vô hạn, rằng *niềm vui sẽ ở trên thiên đường cho kẻ có tội biết hối cải, hơn chín mươi & chín người không biết ăn năn.* Tôi hỏi Rafael muốn thú nhận với tôi như một người bạn, hay một người đồng cảnh ngộ mồ côi, hay một người lạ? Tôi nói với cậu rằng tôi đã nhận thấy gần đây cậu rất suy sụp & trách móc về việc cậu bé vui tươi từng bước lên tàu ở Sydney, hào hứng được nhìn thế giới rộng lớn nay đã thay đổi quá nhiều. Tuy nhiên, trước khi cậu nghĩ ra

câu trả lời, một cơn đau bụng tấn công khiến tôi phải quay về phòng vệ sinh. Khi tôi đi ra, Rafael đã không còn ở đó nữa. Tôi không mấy bận tâm. Cậu bé biết có thể tìm tôi ở đâu.

Sau đó -

Bảy tiếng chuông của ca gác sáng vừa điểm. Con giun khiến đầu tôi đau như búa bổ, giống như một quả lắc vừa đập mạnh vào sọ tôi vậy. (Loài kiến có bị đau đầu không? Tôi sẽ vui mừng biến thành con kiến để được giải phóng khỏi nỗi thống khổ này.) Làm thế nào Henry & những người khác ngủ được trong tiếng om sòm chửi bới & văng tục này tôi không biết, nhưng tôi cực kỳ ganh tị với họ.

Tôi nốc một ít thuốc diệt giun, nhưng nó không còn đem lại sự thoải mái nữa. Nó chỉ giúp tôi cảm thấy bình thường một nửa. Sau đó tôi đi một vòng quanh boong tàu, nhưng ngôi sao David đã bị mây dày che phủ. Vài kẻ tỉnh táo hét gào từ trên cột buồm (trong số đó có Autua) & ông Green ở bánh lái trấn an tôi rằng không phải tất cả thủy thủ đoàn đều “quắc cần câu”. Những chiếc chai rỗng lăn từ mạn này qua mạn kia của tàu theo nhịp lắc lư. Tôi giẫm phải Rafael đang nằm cuộn tròn bất động quanh cái tời, bàn tay cong quắp nắm chặt chiếc thùng thiếc trống rỗng. Bộ ngực trần trẻ trung dính chất bắn tung tóe. Việc cậu ta tìm an ủi trong rượu thay vì một đạo hữu khiến tôi cảm thấy nặng lòng.

“Suy nghĩ tội lỗi khiến ông ngủ không yên à, ông Ewing?” một giọng thô lỗ vang lên bên vai tôi & tôi nhìn xuống. Đó là Boerhaave. Tôi trấn an lão người Hà Lan rằng tuy lương tâm tôi vô cùng yên ổn, tôi ngờ rằng *lão ta* không thể khẳng định được điều tương tự. Boerhaave nhổ nước bọt xuống biển, mỉm cười. Nếu lão mọc ra sừng & răng nanh tôi cũng sẽ không ngạc nhiên. Lão vác Rafael lên vai, phát vào mông chàng trai học việc & khiêng gánh nặng ngủ li bì như chết này đến khoang phía sau, để giữ an toàn cho cậu bé, tôi tin như vậy.

## Ngày Lễ mở quà -

Nhật ký ngày hôm qua kết tội tôi vào một nhà tù ân hận suốt phần đời còn lại của mình. Những câu chữ mới sai lầm làm sao, tôi thật khiếm nhã làm sao! Ôi, tôi cảm thấy ghê tởm khi viết ra những dòng này. Rafael đã treo cổ tự vẫn. Treo cổ, bằng một dây thòng lọng vắt qua đầu trục căng buồm của cột buồm chính. Cậu đã tiến lên giá treo cổ vào khoảng giữa cuối ca trực của mình & tiếng chuông đầu tiên. Số phận an bài tôi phải là một trong những người phát hiện. Tôi đang tựa vào thành tàu, vì con giun khiến tôi buồn nôn từng cơn khi nó đang bị trục ra. Trong ánh sáng xanh lơ nhờ tôi nghe một tiếng thét & thấy ông Roderick nhìn lên trời. Sự rối trí làm méo mó khuôn mặt ông ta; sau đó là bàng hoàng; kết thúc là đau đớn. Mối ông ta hình thành một từ, nhưng không phát ra tiếng nào. Ông ta chỉ lên thứ mà ông ta không thể gọi tên.

Ở đó là thi thể đang đung đưa, một vệt xám vẽ trên nền vải. Tiếng ồn vỡ òa từ mọi phía, nhưng ai đang la hét gì với ai thì tôi không thể nhớ nổi. Rafael, treo cổ, thông yên như một thanh chì khi chiếc *Prophetess* chồm lên & nghiêng ngả. Cậu bé đáng yêu đó, bất động như một con cừu trên móc treo của ông hàng thịt! Autua đã leo lên trên, nhưng cậu ta chỉ còn có thể nhẹ nhàng hạ thẳng bé xuống. Tôi nghe Guernsey lẩm bẩm, “Không bao giờ được ra khơi ngày thứ Sáu, thứ Sáu là ngày Jonah.”

Đầu tôi cháy bỏng với câu hỏi, *Tại sao?* Không ai thảo luận về chuyện này, nhưng Henry, người cũng cảm thấy kinh hoàng như tôi, nói với tôi rằng, Bentnail đã bí mật kể cho ông nghe về những tội ác trái tự nhiên do Boerhaave & những “con rắn sọc dài” của lão gây ra với cậu bé. Không chỉ trong đêm Giáng sinh, mà là hằng đêm trong nhiều tuần rồi.

Nghĩa vụ của tôi là lần theo dòng sông tối tăm này đến nguồn của nó & thực thi công lý trên kẻ vô lại nhưng, Chúa ơi, tôi còn không thể ngồi nổi để tự ăn uống! Henry nói tôi không thể trừng phạt bản thân chỉ vì sự ngây thơ trở thành con mồi của cái ác, nhưng làm sao tôi có thể bỏ qua như thế? Rafael chỉ bằng tuổi Jackson. Tôi cảm thấy mình thật bất lực, tôi không thể chịu đựng nổi chuyện này.



Thứ Sáu, ngày 27 tháng 12 -

Trong lúc Henry được gọi đi để chữa một người bị thương, tôi lê bước đến buồng của thuyền trưởng Molyneux để bày tỏ quan điểm của mình. Lão ta không vui khi có người đến thăm, nhưng tôi sẽ không rời đi cho đến khi nào đã trình bày hết suy nghĩ, đó là, bầy đàn của Boerhaave đã hành hạ Rafael bằng trò cưỡng gian hàng đêm cho đến khi thẳng bé, cảm thấy không còn lối thoát nào khác, đã kết liễu mạng sống. Cuối cùng, thuyền trưởng hỏi, “Thế chắc là ông có bằng chứng cho tội ác này hử? Một lá thư tuyệt mệnh? Những lời tố cáo có chữ ký?” Mọi người trên tàu biết tôi nói sự thật! Thuyền trưởng không thể đứng dưng trước sự tàn ác của Boerhaave! Tôi yêu cầu điều tra về vai trò của thuyền phó trong vụ tự sát của Rafael.

“Còn muốn gì thì đòi nốt đi, Gà Chọi!” Thuyền trưởng Molyneux quát lên. “Tôi quyết định ai lái tàu *Prophetess*, ai duy trì trật tự, ai huấn luyện cho những đứa học việc, không phải một tay bồi bút chết giẫm, không phải những lời cảm ràm của y & thể có máu của Chúa, càng không phải bất kỳ ‘yêu cầu’ chó chết nào! Biến đi cho, đồ trời đánh thánh vật!”

Tôi đi & ngay lập tức chạm trán Boerhaave. Tôi hỏi lão có định nhốt tôi vào buồng của lão với bầy rắn sọc dài không, rồi sau đó hi vọng tôi sẽ treo cổ trước bình minh? Lão nhe nanh ra, và bằng một giọng chứa đầy nọc độc và thù hận, đưa ra lời cảnh báo: “Mùi thối rữa đang bốc ra từ ông đấy, Gà Chọi, không thẳng đệ tử nào của tôi muốn động vào ông vì sợ bị lây nhiễm thôi. Ông sẽ sớm lìa dương thế vì căn bệnh ‘sốt âm ỉ’ của mình.”

Tôi tỉnh táo cảnh báo lão, các công chứng viên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không biến mất dễ dàng như những cậu bé thuộc địa làm việc trên tàu đâu. Tôi tin lão rất thích ý nghĩ siết cổ tôi. Nhưng tôi ốm quá nặng đến nỗi không còn sợ hãi một kẻ gian dân người Hà Lan nữa.

Sau đó -

Lòng nghi ngờ chiếm hết lương tâm tôi & kết tội tôi là đồng phạm. Tôi có *cho phép* Rafael tìm đến cái chết hay không? Nếu tôi đoán được nỗi khổ của cậu khi cậu nói chuyện với tôi lần cuối, đoán được ý định của cậu & đáp, “Không, Rafael ạ, Đức Chúa không thể tha thứ cho một vụ tự sát được định trước, vì sự ăn năn không thể là thật nếu nó xảy ra *trước* tội lỗi,” thì chàng trai có lẽ vẫn còn thở. Henry quả quyết rằng tôi không thể nào biết được, nhưng lời nói của ông ta chẳng lọt vào lỗ tai trống rỗng của tôi. Ôi, có phải tôi đã đẩy chàng trai vô tội đó xuống địa ngục hay không?

Thứ Bảy, ngày 28 tháng 12 -

Một buổi diễn đèn chiếu trong đầu tôi, phát cảnh chàng trai nhận sợi dây thừng, leo lên cột buồm, buộc thòng lọng, siết quanh cổ, nói vài lời với người thân, lao vào khoảng không. Khi cậu lao qua màn đen, cậu đã cảm thấy bình yên hay sợ hãi? Tiếng gãy cổ.

Tôi không thể biết được! Tôi đã có thể giúp cậu ta trốn khỏi tàu, cãi lại ý trời như nhà Channing đã làm cho tôi, hoặc giúp cậu ta hiểu rằng không chế độ độc tài nào thống trị mãi mãi.

*Prophetess* đã kéo căng hết tất cả các cánh buồm & đang “lướt như một mụ phù thủy” (không hề vì lợi ích gì cho tôi cả, mà vì hàng hóa đang thối rữa rồi) & vượt qua 3 vĩ độ mỗi ngày. Tôi bây giờ ốm rất nặng & nằm một chỗ trong buồng. Tôi cho rằng Boerhaave tin là tôi đang lẩn trốn lão. Lão đã bị lừa, vì sự báo thù mà tôi muốn thực hiện với lão là một trong những ngọn lửa hiếm hoi chưa bị dập tắt bởi cơn bệnh mê man này. Henry bảo tôi hãy cứ viết nhật ký để làm đầu óc bận rộn, nhưng ngòi bút ngày càng khó cầm & nặng nề. Chúng tôi sẽ đến Honolulu trong ba ngày nữa. Ông bác sĩ trung thành của tôi hứa sẽ cùng tôi lên bờ, không ngại tốn kém để mua thuốc thật công phạt & ở bên cạnh giường tôi cho đến khi tôi hoàn toàn bình phục, ngay cả khi *Prophetess* phải lên đường đi California mà không có chúng tôi. Chúa phù hộ cho con người tốt bụng này. Hôm nay tôi không thể viết thêm nữa.

Chủ Nhật, ngày 29 tháng 12 -

Tôi ốm cả ngày.

Thứ Hai, ngày 30 tháng 12 -

Con giun lại hoành hành. Các túi độc tố của nó đã vỡ. Tôi đau đớn toàn thân & lở loét vì nằm một chỗ & khát cháy họng. Oahu vẫn còn nằm ở phía bắc, cách hai hoặc ba ngày nữa. Tử thần chỉ cách vài giờ nữa. Tôi không thể uống & không nhớ lại lần cuối mình ăn là khi nào. Tôi bắt Henry hứa sẽ gửi quyển nhật ký này đến Bedford ở Honolulu. Từ đó nó sẽ đến được gia đình đau khổ của tôi. Ông ta hứa giúp cho chính tôi đưa nó đến, nhưng hi vọng của tôi đã tan vỡ. Henry đã cố gắng hết sức nhưng con giun của tôi quá mạnh & tôi phải phó thác linh hồn tôi cho người tạo ra nó.

Jackson, khi con đã khôn lớn, đừng để công việc chia lìa con khỏi những người con yêu thương. Trong những tháng năm xa nhà, bố thường xuyên nghĩ đến con & mẹ con với lòng trù mến & nếu như chuyện này [...]\*

\* Đến đây chữ viết của bố tôi trở nên ngoằn ngoèo không thể đọc được. –  
J.E.

Chủ nhật, ngày 12 tháng 1 -

Lòng thôi thúc được bắt đầu ở cái kết bội phản thật mãnh liệt, nhưng người viết nhật ký này sẽ vẫn trung thành với những gì diễn ra. Vào ngày đầu năm, cơn đau đầu bộc phát dữ dội đến nỗi tôi phải uống thuốc của Goose hàng giờ. Tôi không thể đứng tựa vào trục tàu, vì vậy tôi nằm trên giường trong buồng mình, nôn vào một chiếc túi, dù ruột trống rỗng & run rẩy vì cơn sốt nóng lạnh. Bệnh tình của tôi không thể che giấu trước thủy thủ đoàn được nữa & buồng của tôi bị cách ly. Goose đã nói với thuyền trưởng Molyneux rằng ký sinh trùng trong người tôi có thể lây lan, vì vậy ông ta trở thành hình mẫu của lòng can đảm quên mình. (Tội đồng lõa của thuyền trưởng Molyneux & Boerhaave trong hành động bất lương theo sau đó không thể được chứng minh hay phản bác. Boerhaave quả có câu cho tôi gặp xui xẻo, nhưng tôi buộc phải thừa nhận rằng lão ít có khả năng tham gia vào tội ác mô tả dưới đây.)

Tôi nhớ mình tỉnh lại trong cơn sốt. Goose cách đó chỉ vài centimet. Giọng ông ta hạ thấp thành một lời thì thầm trù ẻo, “Ewing thân mến, cơn sâu của ông đang quần quạy giãy chết & thải ra những giọt độc tố cuối cùng! Ông phải uống thuốc xổ này để tống hết những chất vôi hóa của nó. Thuốc sẽ làm cho ông ngủ, nhưng khi ông tỉnh dậy, cơn sâu đã hành hạ ông sẽ bị tống ra ngoài! Đoạn kết nổi thống khổ của ông đang nằm trong tầm tay. Hãy mở miệng ra, lần cuối cùng, từ từ thôi, anh bạn yêu quý... đây, nó hơi đắng & mùi rất khó ngửi, là nhựa thơm đấy, nhưng hãy nuốt đi, vì Tilda & Jackson...”

Một cái ly chạm vào môi tôi & bàn tay Goose đung đưa đầu tôi. Tôi cố gắng cảm ơn ông ta. Liều thuốc giải có vị giống như nước đá tàu & hạnh nhân. Goose nâng đầu tôi lên, & vuốt trái khế của tôi cho đến khi tôi nuốt hết chất lỏng. Thời gian trôi qua, tôi không biết bao lâu. Tiếng răng rắc của xương tôi & gỗ tàu hòa thành một.

Có người gõ cửa. Ánh sáng làm dịu sự tối tăm trong buồng tôi & tôi nghe tiếng Goose từ hành lang. “Vâng, khỏe hơn rất, rất nhiều rồi, ông Green ạ! Đúng, điều tồi tệ nhất đã qua. Tôi đã rất lo, tôi phải thừa nhận như thế, nhưng da dẻ ông Ewing đã hồng hào trở lại & mạch đã mạnh hơn. Chỉ một

giờ ư? Tuyệt vời. Không, không, ông ta ngủ rồi. Hãy nói với thuyền trưởng chúng tôi sẽ lên bờ tối nay – nếu ông ấy có thể nhắn người lo liệu chỗ nghỉ, tôi biết ông nhạc phụ của ông Ewing sẽ ghi nhớ lòng tốt này.”

Khuôn mặt Goose hiện ra trở lại trong tầm nhìn của tôi. “Adam?”

Lại một tiếng gõ cửa nữa. Goose thốt ra một câu văng tục & bỏ đi. Tôi không còn cử động đầu được nữa, nhưng nghe tiếng Autua yêu cầu “Tôi gặp ông Ewing!” Goose đuổi hắn đi, nhưng gã thổ dân cứng đầu không chịu bị gạt đi dễ dàng thế. “Không! Ông Green nói ông ấy khỏe hơn! Ông Ewing cứu mạng tôi! Ông ấy là nghĩa vụ của tôi!” Sau đó Goose nói với Autua như sau: – rằng tôi nghĩ Autua là một kẻ mang dịch bệnh & âm mưu lợi dụng bệnh tình hiện tại của tôi để cướp từng chiếc cúc áo trên chiếc áo chên của tôi. Rằng tôi đã van nài Goose, ông ta nói như thế, “Đừng để thằng mọi ấy lại gần tôi!” nói thêm rằng tôi đã rất ân hận vì cứu mạng kẻ vô dụng như hắn. Nói xong, Goose đóng sầm cửa & khóa buồng tôi lại.

Tại sao Goose lại nói dối như thế? Tại sao y nhất quyết không để cho ai gặp tôi? Câu trả lời tháo chốt cánh cửa lừa dối & một sự thật kinh hoàng đã chân bước vào. Kỳ thực, tên bác sĩ này là kẻ đầu độc & tôi là con mồi của y. Kể từ khi bắt đầu quá trình “điều trị” cho tôi, tay bác sĩ đã giết tôi từ từ bằng “thuốc” của y.

Con giun trong người tôi? Một điều giả tưởng, do quyền lực phán bệnh của bác sĩ đưa ra! Goose, một bác sĩ? Không, một kẻ lừa đảo lang thang giết người!

Tôi gắng gượng ngồi dậy, nhưng chất lỏng quỷ quyệt mà kẻ thủ ác vừa cho tôi uống đã làm tê liệt tay chân tôi đến nỗi tôi không thể cử động được. Tôi cố gắng gào lên kêu cứu, nhưng phổi tôi không phồng lên được. Tôi nghe tiếng bước chân của Autua trở về hướng cầu thang giữa & cầu nguyện Chúa hãy dẫn đường cho cậu ta quay lại, nhưng ý chí của Người không như thế. Goose trèo lên giường tôi. Y nhìn vào mắt tôi. Nhìn thấy nỗi sợ của tôi, con ác quỷ tháo mặt nạ ra.

“Mày nói gì, hử Ewing? Làm sao tao hiểu được nếu mày nhều nhão & chảy nước miếng như thế?” Tôi trút ra một tiếng rên yếu ớt. “Để tao đoán xem mày định nói gì với tao nhé – “Ôi, Henry, chúng ta là bạn mà, Henry,

sao ông có thể làm điều này với tôi?” (Y nhái giọng khàn khàn hấp hối của tôi.) Tao nói có đúng không?” Goose cắt chiếc chìa khóa từ cổ tôi & vừa tìm cách mở tráp vừa nói. “Các bác sĩ phẫu thuật là một tổ chức anh em thống nhất, Adam ạ. Với bọn tao, con người không phải là những sinh linh thiêng liêng được tạo ra trong hình ảnh của Tạo hóa, không, con người là những miếng thịt nối lại với nhau; thịt có da, lại bệnh hoạn, phải, nhưng vẫn là thịt sẵn sàng cho xiên & que.” Y nhái giọng tôi, rất giống. ““Nhưng tại sao lại là tôi, Henry, chúng ta không phải bạn bè sao?” Ái chà, Adam à, bạn thì cũng làm bằng thịt mà thôi. Chuyện này cực kỳ đơn giản. Tao cần tiền & trong cái tráp của mày, tao nghe nói, là cả một gia sản, vì vậy tao đã giết mày để lấy nó. Bí mật nằm ở đâu? “Nhưng Henry, điều này thật độc ác!” Nhưng Adam à, thế giới này là độc ác mà. Người Maori săn người Moriori, người da trắng săn những anh em họ màu da sậm hơn, bọ chét săn trên chuột, mèo săn chuột, người Cơ đốc săn những kẻ không theo đạo, thuyền phó săn những thủy thủ trẻ, Tử thần săn Sự sống. ‘Kẻ yếu làm mồi cho kẻ mạnh ăn thịt’ mà.”

Goose kiểm tra cảm nhận của mắt tôi & hôn lên môi tôi. “Đến lượt mày bị ăn rồi, Adam yêu dấu à. Mày cũng không cả tin hơn bất kỳ khách hàng nào khác của tao đâu.” Nắp tráp mở ra. Goose đếm các quyển sách bỏ túi của tôi, cười khẩy, tìm thấy viên ngọc lục bảo từ von Weiss & xem xét nó bằng thị kính. Y không ấn tượng lắm. Kẻ thủ ác mở gói tài liệu liên quan đến gia sản Busby ra & xé mở các phong bì dán kín để tìm kiếm ngân phiếu. Tôi nghe y đếm số tiền ít ỏi của tôi. Y gõ lên cái tráp để tìm xem có ngăn bí mật không, nhưng chẳng tìm thấy gì, vì chẳng có gì. Cuối cùng, y cắt đứt cúc áo từ chiếc áo chèn của tôi.

Goose nói chuyện với tôi trong cơn mê sảng của tôi, như một người nói chuyện với một món đồ vật gây bất mãn. “Thật tình, tao thất vọng lắm. Tao từng biết những thợ lao động Ireland còn có nhiều tiền hơn thế này. Tài sản của mày còn không đủ trả tiền thạch tín & thuốc phiện của tao nữa. Nếu bà Horrox không quyên góp mấy sợi chuỗi ngọc trai đen cho mục đích cao cả của tao thì con ngỗng nghèo tội nghiệp của Goose sẽ bị làm thịt & vào nồi! Thôi, đến giờ chia tay rồi. Mày sẽ châu trời trong vòng một giờ nữa & với tao, sẽ là một con đường rộng mở.”

Điều tiếp theo tôi còn nhớ là bị chìm xuống nước biển chói lòa đến đau mắt. Có phải Boerhaave đã tìm thấy xác tôi & ném tôi xuống biển để giữ im lặng & tránh các thủ tục phiền hà với lãnh sự Hoa Kỳ không? Đầu óc tôi vẫn còn hoạt động & vẫn có thể lên tiếng cho số phận của mình. Thuận tình để cho chết đuối, hay nỗ lực bơi? Chết đuối là phương án ít rắc rối nhất, vì vậy tôi tìm đến ý nghĩ trước khi chết & dừng lại ở Tilda, vẫy chào chiếc tàu *Belle-Hoxie* từ bến tàu Silvaplanina nhiều tháng trước, bên cạnh là Jackson hét to, “Bố ơi! Nhớ đem về cho con một cái chân kangaroo nhé!”

Ý nghĩ về việc sẽ không bao giờ được gặp họ nữa thật đau đớn, tôi cố bơi & nhận ra mình không phải ở trên biển mà đang cuộn tròn trên khoang tàu, nôn thốc nôn tháo & run lập cập vì sốt, đau, chuột rút, châm chích. Autua đang giữ người tôi (cậu ta đã ép tôi uống hết một xô nước biển để “thải” chất độc ra). Tôi nôn & nôn không ngừng. Boerhaave đẩy đám đông những công nhân bốc dỡ & thủy thủ sang hai bên, cầu nhau, “Tao bảo với mày rồi mà, thằng mọi, ông người Mỹ này không phải là chuyện của mày! & nếu mệnh lệnh trực tiếp không làm mày khuất phục thì...” Dù ánh nắng khiến tôi hoa mắt, nhưng tôi vẫn thấy lão thuyền phó đá một cú thô bạo vào xương sườn Autua & giơ chân định bồi thêm cú nữa. Autua chụp lấy ống chân của lão Hà Lan cấu kính bằng bàn tay rắn chắc trong khi nhẹ nhàng đặt đầu tôi xuống sàn tàu rồi đứng thẳng dậy, vẫn nắm chân của kẻ vừa tấn công mình, quật ngã Boerhaave. Lão người Hà Lan đập đầu xuống sàn tàu, rống lên âm ỉ. Autua lúc này nắm luôn chân kia & ném lão thuyền phó qua thành tàu như một bao bắp cải.

Liệu các thủy thủ quá sợ sệt, sững sốt hay vui mừng đến nỗi không gây bất kỳ cản trở nào, tôi sẽ không bao giờ biết được, nhưng Autua đã vác tôi xuống ván cầu ở mạn cảng mà không hề hấn gì. Lý trí của tôi mách bảo rằng Boerhaave không thể ở trên Thiên đường hoặc Autua không thể ở Địa ngục, vì vậy chúng tôi hẳn phải đang ở Honolulu. Từ bến cảng chúng tôi đi vào một con phố lớn náo nhiệt với vô vàn ngôn ngữ, màu da, tín ngưỡng & mùi vị. Tôi bắt gặp một người Tàu ngồi nghỉ dưới một con rồng chạm trổ. Hai người đàn bà với những vệt thuốc vẽ & dáng dấp nói lên nguồn gốc tổ tiên lên nhìn tôi & làm dấu thánh giá. Tôi cố gắng nói với họ rằng mình chưa chết, nhưng họ đã đi rồi. Tôi cảm nhận nhịp tim Autua đập bên người

mình, khích lệ tim tôi đập theo. Ba lần cậu ta hỏi những người lạ, “Bác sĩ ở đâu, anh bạn?” Ba lần cậu ta bị phớt lờ (một người trả lời, “Không có thuốc cho bọn da đen hôi hám đâu!”) cho đến khi một lão ngư dân già làu bàu chỉ đường đến một nhà thương. Tôi bất tỉnh một lúc, trước khi nghe thấy từ “Bệnh xá”. Vừa bước vào bầu không khí hôi thối của nơi này, nồng nặc mùi phân & chất thải, đã khiến tôi nôn thốc tháo, cho dù dạ dày trống không như một chiếc găng tay bị vứt. Tiếng vo ve của những chiếc chai màu xanh lơ lửng & một người điên kêu gào về chuyện Jesus nổi trên Biển Sargasso. Autua lăm bằm gì đó với mình bằng thổ ngữ. “Kiên nhẫn thêm nhé ông Ewing – nơi này có mùi chết chóc – tôi đưa ông đến chỗ các ma sơ.”

Làm thế nào chị em của Autua lại đi lạc thật xa khỏi Chatham là một câu đố tôi không thể giải nổi, nhưng tôi tin cậy phó thác mình cho sự chăm sóc của cậu ta. Cậu rời khỏi cái nhà xác đó & chẳng lâu sau các quán rượu, nhà cửa và kho xưởng thừa thớt dần cho đến khi chỉ còn lại đồn điền mía. Tôi biết mình nên hỏi, hay cảnh báo Autua về Goose, nhưng lúc này tôi vẫn chưa thể điều khiển được khả năng nói của mình. Con buồn ngủ lác lư siết lấy tôi rồi nhả ra. Một ngọn đèn hiện ra & tên của nó khuấy lên lớp cặn trong trí nhớ: – Đầu Kim Cương. Con đường ở đây nhấp nhô đá, bụi bặm & nhiều ổ gà, hai bên là những vườn rau xơ xác. Bước chân của Autua chỉ bị ngắt quãng một lần duy nhất, để hứng nước suối mát lạnh bằng tay cho lên môi tôi, đến khi chúng tôi đến một hội truyền giáo Cơ đốc, nằm trên những cánh đồng cuối cùng. Một nữ tu sĩ định xùy chúng tôi đi bằng chổi, nhưng Autua yêu cầu bà ta, bằng tiếng Tây Ban Nha lồm bồm giống như tiếng Anh của cậu, cho người da trắng trên vai cậu một nơi trú ẩn. Cuối cùng, một ma sơ rõ ràng có biết Autua đi đến & thuyết phục những người khác rằng người dã man này đang có nghĩa cử nhân từ chứ không phải làm chuyện xấu xa.

Đến ngày thứ ba tôi đã có thể ngồi dậy, tự ăn, cảm ơn các thiên thần hộ mạng & Autua người Moriori tự do cuối cùng trên thế gian này, vì đã cứu mạng tôi. Autua một mực cho rằng nếu tôi không ngăn cản để cậu khỏi bị ném xuống biển vì đi tàu lậu thì cậu đã không thể cứu tôi & vì vậy, theo một nghĩa nào đó, không phải Autua đã cứu mạng tôi mà là chính tôi. Cho dù vậy, chưa có y tá nào chăm sóc tôi ân cần bằng Autua phong trần sương

gió cho những nhu cầu lật vạt của tôi trong mười ngày qua. Sơ Veronique (người cầm chổi) trêu rằng anh bạn tôi nên được tấn phong & chỉ định làm giám đốc bệnh viện.

Không hề nhắc đến Henry Goose (hay kẻ đầu độc tự nhận mang cái tên đó) hay trận tắm nước biển mà Autua dành cho Boerhaave, thuyền trưởng Molyneux gửi vật dụng của tôi đến thông qua đại lý Bedford, chắc chắn lão làm thế vì dè chừng nhạc phụ tôi có thể gây khó dễ cho tiền đồ của lão khi trở thành thương gia làm ăn ở San Francisco. Mặt khác Molyneux giờ đây đang cố phủi mọi dính dấp đến kẻ sát nhân nay đã nổi tiếng, được biết đến với biệt danh “Goose Thạch tín”. Kẻ ác độc chưa bị Cảnh sát Cảng bắt giữ hay, tôi ngờ rằng, ngày đó sẽ không bao giờ đến. Ở xứ sở hỗn loạn không có luật lệ như Honolulu, nơi những chiếc tàu cắm đủ loại cờ & quốc tịch đến & đi mỗi ngày, một người có thể thay tên đổi họ & lai lịch trong khoảng thời gian giữa món khai vị & tráng miệng.

Tôi mệt đến kiệt sức & phải nghỉ ngơi. Hôm nay là sinh nhật ba mươi bốn tuổi của tôi.

Tôi mãi mang ơn Chúa vì mọi ơn huệ của người.

Thứ Hai, ngày 13 tháng 1 -

Ngồi dưới cây thêu dầu trong vườn vào buổi chiều thật dễ chịu. Rèm vải ren, hoa đại & hoa dâm bụt màu đỏ cam xua tan ký ức về cái ác gần đây. Các sơ bận bịu làm việc của mình, sơ Martinique chăm sóc luống rau, lũ mèo diễn những vở bi hài kịch loài mèo. Tôi đã dần quen những giống chim bản xứ. Chim *palila* có đầu & đuôi màu vàng bóng, chim *akohekohe* thuộc giống chim hút mật có mào duyên dáng.

Bên kia tường là một nhà tế bần dành cho trẻ bị bỏ rơi, cũng được các sơ coi sóc. Tôi nghe tiếng bọn trẻ đọc bài trong lớp (hệt như tôi và các bạn học từng đọc trước khi lòng bác ái của ông & bà Channing mở ra nhiều triển vọng cho tôi hơn). Sau khi học xong, bọn trẻ nô đùa với nhau bằng đủ loại ngôn ngữ thật náo nhiệt. Đôi khi, vài đứa can đảm trong số đó cả gan chọc tức các ma sơ bằng cách trèo tường & dạo chơi trên khu vườn bằng cách bám vào những cành cây thêu dầu dễ bám. Nếu “trận địa vắng người”, những đứa tiên phong sẽ vẫy tay ra hiệu cho các bạn nhút nhát hơn đi lên chiếc tổ trên cao này & những khuôn mặt trắng, nâu, thổ dân kanaka, Trung Hoa, da trắng lai da đen hiện ra trong một thế giới trên cây. Vài đứa bằng tuổi Rafael & khi tôi nhớ đến cậu ta, một nỗi buồn trào dâng trong cuống họng, nhưng những đứa trẻ mồ côi nhìn xuống tôi, nhoẻn cười, làm trò khỉ, thè lưỡi, hoặc tìm cách thả hạt *kukui* vào miệng những người dưỡng bệnh đang ngáy & không để tôi buồn rầu quá lâu. Chúng xin tôi ít tiền lẻ. Tôi ném lên một xu để những ngón tay khéo léo bắt lấy, không chệch một ly, từ không trung.

Những chuyến mạo hiểm gần đây của tôi đã biến tôi thành một nhà triết học, đặc biệt là về đêm, khi tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng sỏi mài đá mòn thành sỏi qua suốt một khoảng thời gian vĩnh cửu tiêu dao. Suy nghĩ của tôi cũng tuôn chảy như thế. Các học giả nhận thức những chuyển động trong lịch sử & công thức hóa những chuyển động này thành các quy luật thống trị sự thịnh & suy của những nền văn minh. Tuy nhiên, niềm tin của tôi chảy theo hướng ngược lại. Biết rằng: lịch sử không thừa nhận một quy luật nào; chỉ có kết quả.

Cái gì tạo ra kết quả? Những hành động ác & những hành động thiện.

Cái gì tạo ra hành động? Niềm tin.

Niềm tin vừa là phần thưởng & chiến địa, bên trong tâm trí & trong tấm gương của tâm trí, thế giới. Nếu chúng ta *tin* nhân loại là chiếc thang của các bộ lạc, một đại hí trường những cuộc đối đầu, bóc lột & thú tính, một nhân loại như thế chắc chắn sẽ thành hiện thực, & những Horrox, Boerhaave & Goose của lịch sử sẽ thống trị. Bạn & tôi, những kẻ có tiền, có quyền, những kẻ may mắn, sẽ sống không đến nổi tệt trong thế giới này, nếu vận may của chúng ta vẫn còn. Nếu lương tâm cắn rứt thì sao? Tại sao lại đánh giá thấp sự thống trị của chủng tộc chúng ta, hòng súng chúng ta, di sản & tài sản của chúng ta? Tại sao lại chống lại trật tự “tự nhiên” (ôi, một từ khôn khéo!) của vạn vật?

Tại sao? Vì điều này: – đến một ngày đẹp trời, một thế giới sẵn môi thuận túy sẽ tự ăn thịt chính nó. Đúng, cái ác sẽ chiếm đến thứ cuối cùng cho đến khi thứ đầu tiên *chính là* thứ cuối cùng. Trong một cá nhân, sự ích kỷ làm tâm hồn xấu xa; đối với nhân loại, sự ích kỷ đồng nghĩa với tuyệt chủng.

Đây có phải là con nội chuyển đã định trong bản chất của chúng ta không?

Nếu chúng ta *tin* rằng nhân loại có thể vượt lên trên răng & móng vuốt, nếu chúng ta *tin* những chủng tộc & tín điều khác nhau có thể chia sẻ thế giới này một cách hòa bình như những trẻ mồ côi chia sẻ cây thầu dầu, nếu chúng ta *tin* các nhà lãnh đạo phải công bằng, không bạo lực, chịu trách nhiệm về quyền lực & sự giàu có của Trái đất & Đại dương được chia sẻ đồng đều, thì một thế giới như thế sẽ thành hiện thực. Tôi không ảo tưởng. Đó là thế giới khó biến thành hiện thực nhất. Những tiến bộ chật vật giành được sau nhiều thế hệ có thể mất đi chỉ với một nét bút của ngài tổng thống cận thị hay thanh kiếm của một tướng quân ngạo mạn.

Một cuộc đời dành ra để định hình một thế giới mà tôi *muốn* Jackson thừa hưởng, không phải một thế giới mà tôi *sợ* Jackson sẽ phải thừa hưởng, đây mới chính là cuộc đời đáng sống đối với tôi. Khi trở về San Francisco, tôi sẽ cam kết hết mình với sự nghiệp bãi nô, vì tôi nợ mạng sống của mình với một người nô lệ tự giải phóng & vì tôi phải bắt đầu từ một việc cụ thể

nào đó.

Tôi nghe câu trả lời của nhạc phụ. “Ô hô, được thôi, những cảm xúc rất chi là Whig<sup>[73]</sup>, Adam ạ. Nhưng đừng nói với *ta* về công lý! Hãy cười lừa đến Tennessee & thuyết phục những kẻ lỗ mãng rằng họ chỉ là bọn mọi được tẩy trắng & bọn mọi của họ là người da trắng bị tẩy đen xem! Hãy giọng thuyền đến Cựu Thế giới, nói với họ rằng những nô lệ hống hách của họ có quyền không thể chuyển nhượng như Hoàng hậu nước Bỉ mà xem! Ô, anh sẽ tha hồ mà khản cả giọng, nghèo mạt rệp & bạc đầu ở những cuộc họp kín! Anh sẽ bị nhổ vào mặt, bị bắn, bị hành hình, bị nhét huy chương vào mồm, bị hắt hủi như người rừng! Bị đóng đinh thập giá! Adam ngây thơ, mơ mộng. Kẻ nào muốn đấu lại với con rắn nhiều đầu của bản chất con người phải trả giá một trời thương đau & gia đình hẳn cũng phải trả giá cùng hẳn! & chỉ đến khi trút hơi thở cuối cùng anh mới hiểu ra, cuộc đời anh tóm lại cũng chẳng hơn một giọt nước trong đại dương bao la vô tận!”

Nhưng chẳng phải đại dương hình thành từ muôn vàn giọt nước đó sao?

## Lời tri ân

Manuel Berri, Jocasta Brownlee, Amber Burlinson, Angeles Marin Cabello, Henry Jeffreys, Late Junction, Rodney King, David Koerner, Sabine Lacaze, Jenny Mitchell, Jan Montefiore, Scott Moyers, David De Neef, Hazel Orme, John Pearce, Jonathan Pegg, Steve Powell, Elizabeth Poynter, Mike Shaw, Douglas Stewart, Marnix Verplancke, Carole Welch.

Những chương về Ewing và Zachry được nghiên cứu với sự hỗ trợ từ học bổng du lịch của Hiệp hội Tác giả. Công trình giá trị của Michael King về người Moriori, *A Land Apart*, cung cấp cứ liệu lịch sử về quần đảo Chatham. Một số cảnh trong thư của Robert Frobisher lấy cảm hứng từ *Delius: As I Knew Him* của Eric Fenby (Icon Books, 1966; nguyên G. Bell & Sons Ltd, 1936). Nhân vật Vyvyan Ayrs trích dẫn những câu nói của Nietzsche nhiều hơn ông ta thừa nhận, và bài thơ Hester Van Zandt đọc cho Margo Roker là *Brahma* của Emerson.

## Chú thích

- [1] Edward Gibbon (1737-1794): sử gia người Anh, Thomas Robert Malthus (1766-1834): học giả người Anh có ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh tế chính trị và nhân khẩu học, William Godwin (1756-1836): triết gia chính trị người Anh (Các chú thích trong sách của dịch giả)
- [2] Ngôn ngữ Maori, chỉ người phương Tây
- [3] Daniel Defoe (1660-1731): tác giả tiểu thuyết *Robinson Crusoe* . Herman Melville (1819-1891): tác giả tiểu thuyết *Moby-Dick*
- [4] Triết gia Thomas More, trong tác phẩm *Utopia* (Xã hội không tưởng), đã mô tả một xã hội mà ông tin là gần với lý tưởng, nơi phần lớn người dân được hưởng công bằng và hạnh phúc. Đặc điểm này giống với Cựu Rēkohu, nơi giữ lối sống nguyên thủy, hòa bình và một thể chế biệt lập.
- [5] Canaan: tên gọi trong Kinh thánh chỉ một khu vực ở Palestine cổ.
- [6] Cuộc Chiến Hỏa Mai (Musket Wars): Khoảng năm trăm trận đánh lớn nhỏ giữa các bộ lạc Maori với nhau ở New Zealand, diễn ra từ năm 1807 đến 1842, sau khi người Maori mua được súng hỏa mai.
- [7] Bố tôi không bao giờ kể với tôi về những hình khắc trên cây & tôi chỉ biết đến chúng như mô tả trong sách *Nhập môn*. Nay người Moriori trên đảo Chatham đang ở bên bờ vực tuyệt chủng, tôi sẽ giữ kín điều đó để không phản bội ông. – J.E.
- [8] Con sốt đào vàng ở California (1845-1855) đã thu hút hàng nghìn người đến thử vận may từ khắp nơi trên thế giới.
- [9] “Oh Shenandoah”, một bài dân ca Mỹ đầu thế kỷ 19, được cho là nói lên tình yêu của một thương gia dành cho con gái của một tù trưởng da đỏ.
- [10] *Laughing Cavalier*: tên một bức tranh chân dung của họa sĩ người Hà Lan Frans Hals, được mệnh danh là “một trong những tranh chân dung đặc sắc nhất theo phong cách Baroque”.
- [11] Albion: tên gọi cũ của Anh quốc

[12] Đầm Lầy (Fens, hoặc Fenland), là một vùng đầm lầy tự nhiên ở miền đông nước Anh. Đa số đầm lầy đã cạn cách đây nhiều thế kỷ, để lại một vùng đất nông nghiệp thấp, ẩm ướt và bằng phẳng.

[13] Sergei Prokofiev (1891-1953): nhà soạn nhạc, nghệ sĩ dương cầm và chỉ huy dàn nhạc người Nga

[14] Nhà soạn nhạc người Ý Giuseppe Domenico Scarlatti (1685-1757). Đây là một trong 555 bản sonata viết cho đàn clavico của ông.

[15] Nefertiti (1370 trước Công Nguyên – 1330 trước Công Nguyên) là vợ của Pharaoh Ai Cập Akhenaten. Họ đã cùng nhau làm thay đổi tục lệ tín ngưỡng của Ai Cập, từ thờ phụng nhiều thần sang một vị thần là thần Aten (đĩa mặt trời). Nefertiti được nhắc đến với nhiều danh xưng khác nhau như người sở hữu sự duyên dáng, đem lại hạnh phúc, Nữ hoàng ngọt ngào,...

[16] John Keats (1795-1821): nhà thơ lãng mạn nổi tiếng người Anh

[17] Trong thần loại La Mã, Janus là vị thần giữ cửa, vị thần của bắt đầu và kết thúc. Janus thường được khắc họa là hình người có hai đầu, nhìn về hai hướng đối diện nhau.

[18] Ngôi nhà trong truyện ngắn kinh dị “Sự sụp đổ của ngôi nhà dòng họ Usher” của nhà văn Mỹ Edgar Allan Poe.

[19] *Benito Cereno* là một tiểu thuyết ngắn của Herman Melville, trong đó nhân vật thuyền trưởng đối mặt với một cuộc nổi dậy của nô lệ trên một chuyến tàu buôn Tây Ban Nha. Melville là nhà văn người Mỹ, nổi tiếng với tiểu thuyết *Moby-Dick* (1851).

[20] Nhà soạn nhạc người Đức Richard Wagner (1813 - 1883)

[21] Igor Fyodorovich Stravinsky (1882 –1971) – nhà soạn nhạc sinh ra ở Nga.

[22] Jean Sibelius (1865-1957) – Nhà soạn nhạc người Phần Lan.

[23] Edvard Hagerup Grieg: nhà soạn nhạc và nhạc sĩ dương cầm, sinh trưởng ở Bergen, Na Uy. Ông được xem là một trong những nhà soạn nhạc hàng đầu của kỷ nguyên âm nhạc Lãng mạn.

[24] Motet là bản nhạc có nhiều phần lấy cảm hứng từ Kinh thánh.

[25] Athur Rimbaud là nhà thơ Pháp sinh năm 1854. Ông là tác giả bài thơ “Saison en Enfer” (Mùa địa ngục). Đến nay, bài thơ này vẫn được xem là điển hình tiên phong của lối sáng tác theo chủ nghĩa biểu tượng.

[26] Edward Elgar (1857 – 1934): nhà soạn nhạc người Anh.

[27] Edward Elgar quả thực đã giữ chức vụ nhạc trưởng tại “Nhà thương điên và Trại tế bần Worcester” ở Powick, một ngôi làng nằm giữa Malvern và Worcester. Các thành viên hội đồng quản trị ở bệnh viện này tin rằng âm nhạc có tác dụng trị liệu đối với người bệnh.

[28] Bates Motel (Khách sạn Bates): bối cảnh diễn ra phim Psycho do Alfred Hitchcock làm đạo diễn

[29] Đây là một ý trong tuyên bố nguyên tắc làm báo của Adolph S. Ochs năm 1896 khi ông mua lại tờ The New York Times: “... đưa tin khách quan, không hề sợ hãi hay vì ơn huệ nào, bất luận đảng, phái hay lợi ích nào.”

[30] Dự án Manhattan là mật hiệu của một nghiên cứu nhằm tìm cách sản xuất bom nguyên tử. Nghiên cứu này diễn ra ở một số địa điểm trên nước Mỹ, Anh và Canada, với sự tham gia của các nhà khoa học đến từ các quốc gia này.

[31] J. Edgar Hoover: Giám đốc đầu tiên của Cục điều tra Liên bang (FBI)

[32] Câu mở đầu bài hát *Space oddity*.

[33] Thời đại của những Antonine: thời đại của hai hoàng đế La Mã — Antoninus Pius và Marcus Aurelius — trị vì từ năm 138 đến 180 sau CN.

[34] East End của London là khu vực tập trung nhiều người nhập cư, được xem là một trong những khu nghèo ở nước Anh.

[35] Tiểu thuyết *Moby Dick* của Herman Melville kể câu chuyện của một thợ săn cá voi tên là Ishmael và hành trình tìm diệt một con cá voi được tin là đại diện cho mọi loài ác quỷ. Tác phẩm nhận được nhiều phản ứng khen chê khác nhau khi phát hành năm 1851. Chỉ sau khi ông qua đời, quyển tiểu thuyết mới được nhiều người công nhận là tác phẩm tiêu biểu cho văn học

Mỹ.

[36] Trò chơi này dành cho từ hai đến sáu người, trên một bàn cờ giống như bản đồ Trái đất, được chia thành 42 lãnh thổ nằm trên 6 châu lục. Người thắng là người chiếm được nhiều lãnh thổ trên bàn cờ nhất.

[37] Cavendish trở lại

[38] Dirty Harry: tên một bộ phim Mỹ sản xuất năm 1971 do tài tử Clint Eastwood thủ vai chính, Thanh tra Harry Callahan.

[39] Baggins: tên của gia đình người lùn trong tiểu thuyết *Chúa Nhẫn* của nhà văn J.R.R. Tolkien

[40] David Lloyd George (1863 – 1945): chính trị gia người Anh, giữ chức Thủ tướng Anh từ năm 1916 đến 1922.

[41] Nina Simone: nữ nghệ sĩ da đen nổi tiếng của Mỹ, một kiểu ví von hàm ý phân biệt người da màu của nhân vật Timothy.

[42] “Có chuyện gì?”

[43] Isambard Kingdom Brunel (1806-1859): kỹ sư ngành cầu đường, đóng tàu và đường sắt người Anh

[44] John Dee (1527-1608): nhà toán học, chiêm tinh học, thiên văn học, địa lý học và cố vấn cho nữ hoàng Elizabeth I.

[45] Hawley Harvey Crippen (1862-1910): bác sĩ người Mỹ bị xử tử bằng hình thức treo cổ ở London, vì tội mưu sát vợ.

[46] Nancy Reagan: phu nhân của cựu tổng thống Mỹ Ronald Reagan

[47] Rastafari là một phong trào diễn ra chính ở châu Phi, xuất phát từ Jamaica vào thập niên 1930, đôi khi được mô tả như một tôn giáo, nhưng nhiều thành viên thích gọi phong trào này là một “cách sống”. Họ tôn thờ Haile Selassie Đế nhất, nhà vua trị vì Ethiopia từ 1930 đến 1947. Thành viên phong trào này được gọi là người Rastas hoặc người Rastafari.

[48] Hans Holbein (1497 – 1543): danh họa người Đức, là một trong những

họa sĩ vẽ chân dung xuất sắc nhất của thế kỷ 16.

[49] Liên tưởng đến nhà thơ Philip Larkin (1922 – 1985), người đã quản lý thư viện của trường Đại học Hull trong ba mươi năm.

[50] Melting pot – nồi hòa tan: nghĩa đen là một chiếc nồi có nhiều nguyên liệu hòa tan với nhau khi nấu, nghĩa bóng là một đất nước nơi đang diễn ra sự hòa trộn về văn hóa, chủng tộc hoặc dân tộc.

[51] Gdansk: một thành phố ở Ba Lan.

[52] Amedeo Clemente Modigliani (1884 – 1920): họa sĩ và nhà điêu khắc người Ý có phần lớn thời gian làm việc ở Pháp. Ông nổi tiếng với những tác phẩm theo trường phái hiện đại, các nhân vật trong tranh thường có khuôn mặt như mặt nạ và người bị kéo dài.

[53] Grievous Bodily Harm (GBH): tội gây hại nghiêm trọng đến thân thể người khác, theo luật hình sự của Vương quốc Anh.

[54] Betws-y-coed: một ngôi làng nằm trong thung lũng Conwy ở xứ Wales.

[55] Á nhân, dịch từ nguyên văn “*untermensch*”, tiếng Đức, từ được Đức quốc xã dùng để chỉ những người bị cho là thấp kém như người Do Thái, Gypsy, Ba Lan, Nga...

[56] Ngụ ý Thomas Malthus, nhà nhân khẩu học, kinh tế học người Anh, đã đưa ra thuyết dân số cho rằng dân số tăng theo cấp số nhân, còn lương thực, thực phẩm và các phương tiện sinh hoạt chỉ tăng theo cấp số cộng. Sự gia tăng dân số diễn ra với nhịp điệu không đổi, còn sự gia tăng lương thực, thực phẩm là có giới hạn bởi những điều kiện về tài nguyên. Vì thế, Malthus cho rằng vấn đề dân số sẽ được giải quyết bằng thiên tai, dịch bệnh...

[57] Carl Sagan (1934 – 1996) là một du hành gia và nhà văn khoa học người Mỹ, trở nên nổi tiếng sau phim tài liệu *Cosmos: A Personal Voyage (Vũ trụ: Một hành trình cá nhân)*. Trong đoạn đầu phim, ông hái một bông hoa bồ công anh từ khe đá rồi thổi nó lên trời, mời người xem “khám phá vũ trụ trong một chiếc tàu tưởng tượng,... hoàn hảo tựa một bông tuyết, nguyên sơ tựa một hạt bồ công anh.”

[58] Tuyên phòng thủ Maginot lấy tên của bộ trưởng quốc phòng Pháp André

Maginot, là một công trình xây dựng quân sự dọc biên giới Pháp-Đức và Pháp-Ý với mục đích bảo vệ lãnh thổ Pháp sau kinh nghiệm của Thế chiến thứ nhất.

[59] Liên tưởng đến bộ phim “Sinh vật từ Phá Nước Đen”, một phim quái vật kinh dị của Mỹ sản xuất năm 1954

[60] Lịch Mùa vọng: một loại lịch đặc biệt được sử dụng để đếm hoặc kỷ niệm những ngày chờ đợi đến lễ Giáng sinh. Lịch thường mang hình thức của một thẻ hay tấm bảng hình chữ nhật lớn có các cửa sổ, mỗi cửa sổ cho một ngày của tháng 12 dẫn đến ngày Giáng sinh. Khi mở ra, trong mỗi cửa sổ có một hình ảnh, bài thơ, hoặc một món quà nhỏ.

[61] Nguyên văn: *The Drowned and the Saved*.

[62] Memento mori: thành ngữ tiếng Latin, “Hãy nhớ rằng người sẽ chết” Ernie và Veronica trao nhau ánh nhìn bằng ngôn ngữ kín đáo của họ.

[63] Thành ngữ tiếng Latin: “Trong rượu là sự thật”

[64] Tên một bộ phim truyền hình của Mỹ.

[65] Nebuchadnezzar I, vua của triều đại Babylon, sống từ khoảng năm 1125 đến 1103 trước Công Nguyên.

[66] Đừng bắn! Đừng bắn! Không muốn chết!

[67] Tao rất cưng con chó đó, thằng khốn nạn!

[68] Bỏ ông ta đi, cô gái à! Cô mà giao du với bọn rác rưởi thì... Chúa ơi, ông ta đáng tuổi cha chú cô đấy.

[69] Bài thơ *Brahma* của nhà thơ người Mỹ Ralph Waldo Emerson (1803–1882), bản dịch từ quyển “Phác thảo văn học Mỹ” của Trung tâm Hoa Kỳ xuất bản năm 1998.

[70] Món cơm trộn với cá, trứng, hành, bơ.

[71] “Mọi điều đều là nước mắt.” Trích *The Aeneid của Virgil*.

[72] Tác giả có lẽ mượn hình ảnh trong Kinh thánh, sách Job, câu 29:12 và 29:13 - Ấy vì tôi giải cứu kẻ khốn cùng kêu cầu, Và kẻ mồ côi không ai giúp đỡ. Kẻ gần chết chúc phước cho tôi, Và tôi làm cho lòng người góa bụa nở vui mừng.

[73] Whiggish: từ để chỉ những người Mỹ ủng hộ nền độc lập của Mỹ khỏi Anh trong cuộc Cách mạng Mỹ.